

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

STEPHEN KING

Đỗ Phong Thu Hà dịch

PET SEMATARY

NGHĨA ĐỊA THÚ CÙNG

1988
NOVEL



NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Hơi thở hỗn hển, bụng quặn thắt vì mùi hôi và vì cảm giác mềm oặt không xương mà thân người nát bấy đến tội nghiệp của con trai mang lại, Louis vật lộn bế xác con ra khỏi quan tài rồi ra khỏi huyết. Trầy trật mãi anh cũng ngồi lên được thành huyết với thân thể con mình trong lòng, hai chân vắt vẻo trong hố, khuôn mặt thâm tím đến khủng khiếp, mắt như hai lỗ đen trũng sâu, miệng nghếch xuống, run rẩy đầy kinh hoàng, tội nghiệp và buồn bã.

“Gage,” anh cất tiếng rồi bắt đầu dùng đưa con trong vòng tay. Tóc của Gage nằm lên cổ tay của Louis, vô hồn tựa những sợi dây. “Gage, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi, bố hứa với con, Gage, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi, điều này sẽ kết thúc, chỉ đêm nay thôi, Gage ạ, bố thương con, bố thương con rất nhiều.”

Louis cứ thế ru con...

Dưới đây là những người từng viết sách kể về những việc họ làm và lý do đưa đẩy họ:

John Dean. Henry Kissinger. Adolf Hitler. Caryl Chessman. Jeb Magruder. Napoleon. Talleyrand. Disraeli. Robert Zimmerman, tức Bob Dylan. Locke. Charlton Heston. Errol Flynn. Ayatollah Khomeini. Gandhi. Charles Olson. Charles Colson. Một Quý Ông Thời Victoria. Dr X.

Phần đông mọi người cũng tin rằng Chúa từng viết một cuốn sách, hoặc nhiều cuốn để kể về những điều Người đã làm và lý do tại sao – không ít thì nhiều – Người đã làm thế, và vì phần đông những người này cũng tin rằng con người được tạc thành dưới hình ảnh của Chúa, nên có thể xem Chúa là một con người... hay đúng hơn, là Con Người.

Sau đây là những người chưa từng viết sách kể về những việc mình từng làm... và từng thấy:

Người chôn cất Hitler. Người khám nghiệm tử thi John Wilkes Booth. Người ướp thi thể Elvis Presley. Người ướp thi hài của Giáo Hoàng John XXIII – dân trong ngành dịch vụ lễ tang chôn cất người này quá kém. Nhóm bốn mươi người dọn dẹp Jonestown^[1E], vác các túi đựng thi thể, vừa gom cốc giấy bằng que cời mà bảo vệ hay theo trong công viên thành phố, vừa phe phẩy đuổi ruồi. Người hỏa táng William Holden. Người bọc thi thể của Alexander Đại Đế bằng vàng để ngăn thối rữa. Người đã ướp xác các Pharaon.

Cái chết là bí ẩn, còn chôn cất là bí mật.

Dành tặng Kirby McCauley

Mục lục

Mục lục

Giới thiệu

Phần một NGHĨA ĐỊA THỨ CÙNG

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30
31
32
33
34
35

Phần hai KHU CHÔN CẤT CỦA NGƯỜI MICMAC

36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57

Phần ba PHÙ THỦY OZ DĨ ĐẠI VÀ GHIA GÓM

58
59
60
61
62

PHẦN KẾT

Giới thiệu

Khi được hỏi (thật ra tôi thường xuyên nhận được câu hỏi này) rằng tôi đánh giá cuốn nào là tác phẩm kinh dị nhất mà tôi từng chấp bút, tôi có thể đáp ngay lập tức, không chút chần chừ: *Nghĩa địa thú cưng*. Có thể đây không phải cuốn sách khiến độc giả sợ xanh mặt nhất – dựa trên những lá thư tôi nhận được, cuốn *The Shining* mới là ứng cử viên – nhưng giống như máu buồn, máu sợ của chúng ta mỗi người mỗi khác. Tôi chỉ biết *Nghĩa địa thú cưng* là tác phẩm tôi cất vào ngăn kéo, lòng thầm nhủ lần này mình đã quá trớn rồi. Thời gian lại nhả nhủ rằng tôi chưa đi quá xa đâu, chỉ ít nếu xét tới những gì công chúng sẵn sàng đón nhận, nhưng chắc chắn tôi đã đi quá xa xét về mặt cảm xúc của cá nhân tôi. Đơn giản mà nói, tôi thực sự khiếp sợ những lời văn tôi đã viết, và những kết luận tôi đã rút ra. Trước đây, tôi từng kể cuốn sách này ra đời như thế nào, nhưng tôi đoán tôi có thể kể thêm một lần: lần cuối cùng cũng là lần toàn vẹn nhất.

Cuối thập niên 1970, tôi được mời về ngôi trường ngày xưa mình theo học – Đại học Maine – với tư cách nhà văn để chia sẻ góc nhìn nghề nghiệp cũng như đứng một lớp Văn học viễn tưởng trong một năm (những bài giảng của tôi cho khóa này hình thành xương sống cho tác phẩm *Danse Macabre* được xuất bản sau đó một, hai năm). Vợ chồng tôi thuê nhà ở Orrington,

cách trường gần 20 ki-lô-mét. Căn nhà rất đồi xinh xắn tọa lạc trong thị trấn tuyệt vời còn nguyên vẹn nét ban sơ của Maine. Vấn đề duy nhất là con đường nhà tôi. Đường lúc nào cũng tấp nập xe cộ qua lại, trong đó có những chiếc xe bồn hạng nặng từ nhà máy hóa chất cách đó không xa.

Julio DeSanctis, chủ cửa hàng bên kia đường, dặn vợ chồng tôi nhớ canh chừng bọn trẻ nhà tôi và đám thú cưng của chúng. “Con đường ấy ngốn nhiều động vật lắm rồi,” Julio nói, và câu nói của ông xuất hiện trong câu chuyện này đây. Minh chứng cho lượng động vật bị con đường này ngốn nằm trong khu rừng đằng sau căn nhà chúng tôi thuê. Con đường băng qua một khoảng đất dẫn tới nghĩa địa dành cho thú cưng nho nhỏ trong rừng... chỉ có một tấm biển gắn trên cây nằm bên ngoài khu nghĩa trang tạm bợ con con đề PET SEMATARY – NGHĨA ĐỊA THÚ CƯNG. Cụm từ này không chỉ xuất hiện trong tác phẩm mà trở thành tựa đề của cuốn sách. Ở đó chôn cất chó, mèo, vài con chim, thậm chí cả một con dê.

Ngày ấy, cô con gái tám tuổi của tôi nuôi chú mèo mang tên Smucky, và chúng tôi chuyển vào căn nhà ở Orrington chưa được bao lâu thì tôi phát hiện Smucky chết trên bãi cỏ của căn nhà bên kia đường. Thế đấy, con vật mới nhất mà Tuyển số 5 ngốn ngấu là chú mèo mà con gái tôi hết mực thương yêu. Chúng tôi chôn Smucky trong khu nghĩa địa dành cho thú cưng Pet Sematary ấy. Con tôi còn làm bia mộ đề SMUCKY: BÉ MÈO RẤT NGOAN. (Smucky mà ngoan ngoãn thì chắc mặt trời mọc đằng Tây; tất nhiên rồi, nó là mèo mà.)

Mọi chuyện vẫn êm thấm cho đến một đêm nọ, bỗng dưng tôi nghe thấy tiếng nện thành thịch từ dưới nhà xe kèm theo tiếng khóc và tiếng nổ lóc bóc như pháo hoa nhỏ. Tôi ra ngoài kiểm tra thì phát hiện con gái tôi đang tức giận và mỹ lệ trong đau thương. Hóa ra con bé tìm được vài tấm màng xốp bong bóng mà người ta hay dùng để bọc vật phẩm dễ vỡ trong quá trình vận chuyển. Vừa hậm hực nhẩy thành thịch trên tấm màng khiến bong bóng lóc bóc nổ, con bé vừa hét âm lên: “Bé mèo *của con*! Chúa tể kiếm cho mình một con mèo đi! Smucky là mèo *của con* kia mà!” Tôi trộm nghĩ cơn phản nộ ấy là phản ứng đầu tiên, ôn hòa nhất mà một con người biết tư duy, có cảm xúc có thể có, và tôi luôn thương yêu con bé vì tiếng thét đầy ngang ngạnh ấy: *Chúa tể kiếm cho mình một con mèo đi!* Đúng lắm, tuyệt vời; đúng lắm.

Con trai út của tôi lúc ấy chưa tròn hai tuổi, mới chập chững biết đi nhưng chưa gì đã tìm cách chạy. Một ngày nọ, sau khi Smucky qua đời không lâu, gia đình tôi vui đùa thả diều trong khoảng sân gần đó thì bất thành linh, cậu út nhà tôi chạy về phía con đường. Tôi vội vàng chạy theo, và tôi dám chắc mình đã nghe thấy tiếng một chiếc xe bồn Cianbro trở tới (trong cuốn tiểu thuyết này là Orinco). Có thể tôi đã chớp được thằng bé và kéo nó lại hoặc nó tự vấp ngã; giờ tôi không dám chắc nữa rồi. Khi ta sợ đến cùng cực, ký ức của ta thường trở nên trắng xóa. Tôi chỉ biết một điều: con tôi vẫn bình an, không chút sút mẻ, nghịch ngợm đúng kiểu con trai. Nhưng một phần trong tôi không bao giờ thoát khỏi lời tự vấn đáng sợ *nếu như*: Nếu lúc đó

tôi không chop được con thì sao? Hoặc nếu con tôi ngã ngay giữa đường chứ không phải bên vệ đường thì sao?

Tôi nghĩ bạn có thể hiểu lý do tại sao tôi lại thấy cuốn sách này nặng nề đến vậy, bởi nó khởi sinh từ những tai nạn như thế. Tôi chỉ chọn lựa những yếu tố có sẵn và thêm thắt cái câu *nếu như* khủng khiếp kia vào mà thôi. Hay nói cách khác, bất giác tôi không chỉ nghĩ những điều không nên nghĩ mà còn viết chúng thành lời văn.

Ở căn nhà Orrington không có phòng viết nhưng cửa tiệm của Julio dư một phòng trống, đó là nơi tôi chấp bút *Nghĩa địa thú cưng*. Ngày qua ngày, tôi cặm cụi sáng tác, bản thân tôi biết mình đang viết một câu chuyện “hấp dẫn”, chiếm trọn sự chú ý của tôi và sẽ khiến độc giả như bị cuốn theo tình tiết, nhưng khi ta làm việc ngày qua ngày, ta không thấy cả cánh rừng mà chỉ đang đếm lẻ tẻ những ngọn cây. Lúc viết xong, tôi để yên cuốn sách trong sáu tuần, ấy là cách tôi làm việc, sau đó đọc lại từ đầu chí cuối. Tôi nhận ra tác phẩm đáng giật mình và ghê gớm đến độ tôi nhét nó vào ngăn kéo, thậm chí có khi nó sẽ chẳng bao giờ được xuất bản. Chỉ ít là trong lúc tôi còn sống.

Song dòng đời đưa đẩy khiến cuốn sách được phát hành. Số là tôi vừa chấm dứt làm việc với Doubleday, đơn vị xuất bản những tác phẩm đầu của tôi, nhưng tôi còn nợ họ một cuốn tiểu thuyết cuối để chốt sổ hoàn toàn. Tôi chỉ có sẵn một tác phẩm chưa đụng tới, và đó chính là *Nghĩa địa thú cưng*. Tôi bèn đem chuyện này trao đổi với vợ, bởi vợ tôi chính là quân sư tuyệt vời nhất những lúc tôi không biết nên hành động ra sao, cô ấy khuyên tôi nên mạnh dạn xuất bản cuốn sách. Vợ tôi

đánh giá cuốn sách rất hay. Khủng khiếp, nhưng không đọc thì rất phí.

Bill Thompson, biên tập viên trước đây phụ trách tôi ở Doubleday, lúc đó đã chuyển công tác (sang Everest House, sự thật là thế; Bill là người đã gợi ý cho tôi, sau đó biên tập và xuất bản tác phẩm *Danse Macabre*), nên tôi gửi cuốn sách đến Sam Vaughn, một trong những biên tập viên kỳ cựu ngày ấy. Sam là người đã đưa ra quyết định cuối cùng – ông muốn xuất bản cuốn sách. Ông đích thân biên tập, vô cùng chăm chút cho đoạn kết của cuốn sách, và nhờ tay ông nhào nặn, cuốn sách hay lại càng thú vị hơn bội phần. Tôi luôn vô cùng biết ơn những phần duyệt rất truyền cảm hứng của ông, và chưa lần nào tôi lẩn cấn vì mình đã thực hiện cuốn sách ấy, dù theo nhiều cách, tôi vẫn thấy nó nặng nề và rắc rối.

Tôi đặc biệt thấy rợn người với câu nói vang vọng khắp cuốn sách này của Jud, ông cụ hàng xóm của Louis Creed. Ông bảo “Louis à, thỉnh thoảng, chết có khi lại tốt hơn.” Tận đáy lòng, tôi hy vọng điều đó không đúng, vậy mà trong bối cảnh tựa cơn ác mộng của *Nghĩa địa thú cưng*, nó lại đúng đến tê tái. Và có thể như vậy cũng không sao. Có lẽ “thỉnh thoảng, chết có khi lại tốt hơn” là bài học cuối cùng mà đau thương dạy ta, bài học ta ngộ ra khi đã mệt nhoài sau một hồi nhảy đành đạch trên miếng xốp nhựa và gào khóc bảo Chúa hãy tự kiếm cho mình con mèo (hoặc con cái) và đừng động vào ta. Bài học ấy nhấn nhủ rằng cuối cùng, ta chỉ có thể tìm thấy bình yên trong kiếp người bằng cách chấp nhận ý chí của vũ trụ. Nghe có vẻ ủy mị, sáo rỗng, nhưng nếu nghĩ khác đi, ta sẽ phải đối mặt với bóng tối

quá đổi khôn cùng, mà những kẻ người trần mắt thịt như chúng ta không tài nào kham nổi.

Ngày 20 tháng 9 năm 2000

Stephen King

Phần một
NGHĨA ĐỊA THỨ CỨNG

Chúa Giê-su nói với họ, “Lazarus, bạn chúng ta đang ngủ nhưng ta sẽ đến để đánh thức anh ấy.”

Các môn đệ nhìn nhau, có người cười, vì họ không biết Chúa Giê-su đang ẩn dụ. Họ thưa, “Thưa Chúa, nếu anh ấy ngủ thì chắc sẽ lành bệnh.”

Và rồi Chúa Giê-su phải nói rõ ra, “Lazarus chết rồi, phải... nhưng bây giờ chúng ta hãy đến với anh ấy.”

- Phúc Âm John (diễn giải)

Louis Creed mất cha năm lên ba và chưa từng được gần gũi ông nội ông ngoại, anh không bao giờ nghĩ khi bước vào tuổi trung niên, anh sẽ tìm được một người cha, nhưng đó là điều đã xảy ra... dù anh gọi người này là bằng hữu, vì thường một người đàn ông trưởng thành sẽ làm thế khi tìm được bóng hình cha mình vào thời điểm tương đối trễ trong đời. Anh gặp người ấy vào một buổi tối nọ khi vợ chồng anh cùng hai con chuyển vào căn nhà gỗ màu trắng rộng thênh thang ở Ludlow. Winston Churchill đến ở cùng họ. Church là chú mèo của Ellie, con gái anh.

Ủy ban tuyển dụng ở trường đại học đã rề rà thì chớ, công cuộc tìm kiếm căn nhà cách trường đại học nơi anh làm việc không xa cũng chẳng suôn sẻ gì cho cam, và tới lúc cả gia đình đến gần địa điểm nơi anh đoán căn nhà tọa lạc (*các mố rách giới ở đây chuẩn quá... chẳng khác nào cung chiêm tinh vào cái đêm trước khi Caesar bị ám sát*, Louis u ám nghĩ), ai nấy đều mệt phờ, căng thẳng và cấm cẩu. Đang mọc răng nên Gage quấy khóc không ngừng. Thằng bé mãi không chịu ngủ, dù Rachel hát ru khản cả tiếng. Cô cho con bú dù không đúng lịch. Gage thừa biết giờ giấc mình được bú sữa – thậm chí còn rõ hơn mẹ là

đằng khác – và dùng những cái răng mới nhú cần mẹ. Vẫn bối rối trước việc phải chuyển đến Maine sống sau cả quãng đời gắn bó với Chicago, Rachel òa lên nức nở. Thấy mẹ khóc, Ellie bù lu bù loa theo, có lẽ phụ nữ luôn biết đồng cảm với nhau theo một lẽ lạ lùng nào đó. Đằng sau chiếc xe wagon, Church vẫn tiếp tục màn đi tới đi lui không mệt mỏi sau ba ngày, thời gian cả nhà lái xe từ Chicago đến đây. Tiếng kêu *ngao ngao* từ trong chuồng nghe sốt ruột không thể tả, nhưng việc nó đi lung tung sau khi họ chịu thua và phải thả nó ra xe thật không kém phần điên đầu.

Bản thân Louis cũng cảm thấy muốn khóc thét rồi đây. Một ý nghĩ điên dại nhưng khá hấp dẫn chợt nảy ra trong đầu anh: anh sẽ đề nghị cả gia đình lên lại Bangor để ăn gì đó trong lúc đợi xe chở đồ đến, và khi ba cái gông đeo cổ này vừa bước ra ngoài, anh sẽ đạp chân ga hết cỡ, nhanh chóng lái đi mà không ngoảnh đầu lại, chân tì lên sàn xe, bộ chế hòa khí bốn ống to tướng của chiếc xe ngón xăng không thương tiếc. Anh sẽ lái xuống phía Nam, chạy thẳng đến Orlando, Florida, kiếm một chân làm bác sĩ ở Disney World bằng một cái tên mới. Nhưng trước khi lên đường cao tốc – con đường số 95 thẳng thang chạy về phía Nam – anh sẽ dừng bên vệ đường và thả con mèo chết tiệt này ra ngoài.

Đoạn cả gia đình vòng theo khúc cua cuối cùng, và kìa, hiện ra trước mặt họ là căn nhà mà ngoài anh ra, chưa thành viên nào từng trông thấy. Khi vị trí ở trường đại học chính thức được giao cho anh, anh đã bay đến tận nơi, xem hết bảy lựa chọn mà phía trường lọc ra từ hình chụp, và đây là nơi anh đã chọn: một

căn nhà cổ xây theo kiến trúc thuộc địa New England rộng rãi (nhưng tường nhà đã được làm mới và phủ lớp cách nhiệt; chi phí sưởi tuy không rẻ nhưng cũng không quá lố xét về mức độ tiêu thụ), ba phòng dưới tầng trệt, bốn phòng ở tầng trên, một nhà kho dài mà mai này có thể trưng dụng để dựng thêm phòng, tất cả được bao quanh bởi bãi cỏ rậm rì, xanh mơn mớn bất chấp cái nóng gay gắt của tháng Tám.

Đằng sau căn nhà có bãi đất rộng cho trẻ con vui đùa, nằm bên kia bãi đất là khu rừng tưởng chừng trải dài vô tận. Nhân viên bất động sản giải thích khu nhà này tiếp giáp với đất nhà nước, và trong tương lai gần chưa có dự án xây dựng nào. Số là một bộ phận tộc người da đỏ Micmac tuyên bố chủ quyền khoảng 3.000 héc-ta đất ở Ludlow cũng như ở những thị trấn phía Đông Ludlow, và khéo có khi vụ kiện tụng phức tạp dính đến cả chính phủ Liên bang cũng như tiểu bang sẽ lê thê sang thế kỷ sau cũng nên.

Bỗng dưng Rachel ngừng khóc. Cô ngồi thẳng dậy. “Đó có phải...”

“Đúng rồi,” Louis đáp. Anh thấy lo ngại – không, anh thấy sợ. Hay nói chính xác, anh đang *phát hoảng* lên đây. Anh đã vay thế chấp mười hai năm cho căn nhà này; khoản nợ sẽ được hoàn trả đầy đủ vào năm Ellie mười bảy tuổi, một con số thật khó tin.

Anh nuốt nước bọt.

“Em thấy sao?”

“Em thấy nó *đẹp tuyệt vời*,” Rachel đáp, và ngực anh như trút được đá tảng – tâm trí anh cũng thế. Cô không nói dài bơi, anh

nhìn là biết; nó thể hiện ở cách cô ngấm nghĩa căn nhà khi họ chạy vào lối đi trải nhựa vòng qua nhà kho đằng sau, mắt cô lướt qua những cửa sổ trống trơn, trong đầu cô đã nhanh nhạy tính đến những chuyện như rèm cửa, vải dầu bọc chạn cùng tỉ mỉ thứ khác.

“Bố ời?” Ellie lên tiếng từ hàng ghế phía sau. Con bé đã ngưng khóc. Cả Gage cũng thôi quấy khóc. Louis tranh thủ tận hưởng yên tĩnh.

Gì thế con yêu?”

Đôi mắt nâu dưới những lọn tóc vàng sậm phản chiếu trong gương chiếu hậu ấy đang xem xét căn nhà: bãi cỏ, mái nhà lấp ló xa xa chếch về bên trái, khoảng đất rộng chạy dài vào khu rừng.

“Đây là nhà hử bố”

“Là nhà mình đấy, con ạ,” anh đáp.

“*Hu-raaaa!*” Con bé hét lên, thiếu điều khiến anh thủng màng nhĩ. Và tuy thỉnh thoảng vẫn điên tiết với Ellie, Louis thầm nhủ dù không bao giờ được nhìn thấy Disney World ở Orlando chẳng nữa, anh cũng chẳng buồn quan tâm.

Anh đạp chiếc xe wagon ngay trước nhà kho và tắt máy.

Động cơ tắt ngóm. Giữa không gian tĩnh lặng, khác một trời một vực với cuộc sống ở Chicago và sự xô bồ của đường State cùng khu Chicago Loop, một chú chim cất tiếng hót véo von dưới bóng chiều tà.

“Nhà,” Rachel nhẹ nhàng lên tiếng, mắt vẫn dán vào căn nhà.

“Nhà” Gage vô tư lự thốt lên trong lòng mẹ.

Louis và Rachel trợn mắt nhìn nhau. Trong gương chiếu hậu, đôi mắt của Ellie mở to.

“Em vừa...”

“Con nó vừa...”

“Có phải...”

Cả ba đồng thai hốt rồi phá lên cười nắc nẻ. Gage không để ý, mãi mê mút tay. Thằng bé đã bi bô gọi “Mẹ” gần một tháng nay, có đôi lần cố gắng ú ớ gọi “Bố” hoặc đó chỉ là tưởng tượng của Louis mà thôi.

Nhưng lời con anh vừa thốt lên, bất kể do tình cờ hay bất chước, là một từ thật sự. *Nhà*.

Louis nhấc Gage ra khỏi lòng vợ và ôm chầm lấy con trai.

Cả gia đình đã đến Ludlow như thế đấy.

Trong ký ức của Louis Creed, khoảnh khắc ấy luôn chứa đựng điều gì đó thật diệu kỳ – có lẽ một phần là vì nó *thật sự* diệu kỳ, nhưng phần lớn là vì đêm hôm đó rồi như mớ bong bong. Suốt ba tiếng sau, bình yên và kỳ diệu không một lần ló mặt.

Trước đó, Louis đã cất sẵn chìa khóa nhà (Louis Creed vốn là người rất gọn gàng và quy củ) trong một bì thư nhỏ mà anh ghi rõ ràng là *Nhà Ludlow – chìa khóa nhận ngày 29 tháng Sáu*. Anh để chìa khóa cho chuyến đi này trong ngăn đựng găng của chiếc Fairlane. Anh dám chắc chắn là thế. Vậy mà giờ lại chẳng thấy đâu.

Anh lục lọi, càng lúc càng bực mình (và có chút lo lắng), Rachel bế con vào lại trong lòng rồi đi theo Ellie đến chỗ cái cây trong khoảng đất. Anh lật dưới ghế kiểm tra đến lần thứ ba thì con gái anh hét lên thất thanh và khóc ré.

“Louis!” Rachel la lên. “Con bị rách gối rồi!”

Ellie đã ngã khỏi chiếc xích đu được làm bằng lớp xe và đập đầu gối xuống tảng đá. *Vết cắt khá nông, thế nhưng con gái anh lại thét lên như vừa bị cắt cụt chân*, Louis nghĩ (có phần cảm cẫu).

Anh liếc mắt về phía căn nhà bên kia đường, đèn phòng khách đang bật.

“Nào, Ellie,” anh nói. “Đủ rồi đấy. Coi chừng hàng xóm bên kia tưởng có án mạng bây giờ.”

“Nhưng con đau lắm!!!”

Louis vận hết sức bình sinh để không nổi cơn tam bành rồi im lặng quay lại xe. Chìa khóa đã không cánh mà bay nhưng bộ sơ cứu vẫn còn trong ngăn đựng găng. Anh lấy nó ra và đem đến chỗ con. Vừa nhìn thấy, Ellie lại càng hét lên inh tai nhức óc.

“Ừ chịu! Ừ chịu cái chất xót xót đó đâu! Xót lắm, bố ơi! Con không chịu...”

“Ellie, chỉ là thuốc sát trùng thôi mà, không xót gì đâu.”

“Đừng mè nheo nữa,” Rachel nói. “Đây chỉ là...”

“Ừ chịu, ừ chịu, ừ chịu, ừ chịu...”

“Con thôi ngay, không thì nát móng với bố,” Louis đe.

“Con nó mệt mà, Lou,” Rachel ôn tồn.

“Ừ, anh hiểu chứ. Em giữ chân con đi.”

Rachel đặt Gage xuống để giữ chân của Ellie, trong lúc đó, Louis bôi thuốc sát trùng, mặc kệ tiếng thét càng lúc càng rít ré của cô con gái.

“Căn nhà bên kia đường vừa có người bước ra ngoài hiên kia,” Rachel nói. Cô lại nhấc bé Gage lên vì cậu con trai chưa gì đã bò vào bãi cỏ.

“Tuyệt chưa,” Louis lầm bầm.

“Lou ơi, con bé...”

“Mệt mà, anh biết rồi.” Anh đẩy nắp chai thuốc sát trùng rồi mặt nặng mày nhẹ nhìn cô con gái. “Đấy. Có đau chút nào đâu. Con có công nhận thế không, Ellie?”

“Có đau! Đau muốn chết! Dauuu...”

Tay anh ngứa ngứa suýt thì tát con bé, may sao anh kịp bầu thật mạnh vào chân mình.

“Anh tìm thấy chìa khóa chưa?” Rachel hỏi.

“Chưa,” Louis đáp, đóng sập hộp sơ cứu rồi đứng dậy. “Anh sẽ..”

Bất thành linh, Gage hét toáng lên. Thằng bé không chỉ quấy phá hoặc khóc mà thực sự đang thét gào, quần quai trong vòng tay của Rachel.

“Con bị sao thế này?” Rachel hốt hoảng, luống cuống đẩy con cho Louis. Anh đoán có lẽ đây là một trong những lợi ích khi cưới chồng làm bác sĩ – khi nào con cái gặp chuyện thì chỉ cần quăng cho chồng là được. “Louis! Con...”

Đứa bé cuống cuống chộp lấy cổ và hét âm ỉ. Louis lật con trai lại và phát hiện một mảng da trắng ở cổ Gage đã sưng rộp. Ngoài ra còn có thứ gì đó vướng trên dây áo của thằng bé, thứ đó rậm lông, nhúc nhích khe khẽ.

Ellie im lặng chưa được đôi ba phút lại khởi sự gào thét: “*Ong Ong! OOONNNGG!*” Con bé nhảy ra sau, một lần nữa vấp phải tảng đá mấp mô mà ban nãy vừa cửa rách gối mình, bàn tọa đo đất rõ mạnh, tiếng khóc ré lại cất lên, hòa trộn giữa đau đớn, bất ngờ và sợ hãi.

Mình phát điên mất thôi, Louis choáng váng nghĩ. *Ồi chà chà!*

“Louis, anh làm gì đi! Sao anh không làm gì hết vậy?”

“Lấy vôi chích ra đi,” một giọng nói chậm rãi vang lên đằng sau họ. “Phương thức đơn giản nhất đấy. Gấp vôi chích ra đi, sau đó đắp chút baking soda lên là được. Vết sưng sẽ xẹp xuống.”

Nhưng giọng của người này đặc ngột chất duyên hải Đông New England, tới mức trong một khắc, tâm trí mịt mịt, bối rối của Louis ù ù cạc cạc không dịch nổi tiếng địa phương: *Lé vôi chích re đi, seo đó đắp chốc béc king xau đề lên là được. Vết sưng sẽ sẹp xuống.*

Quay lại, anh trông thấy một ông cụ có lẽ ở tuổi thất thập – trông ông hết sức rắn rỏi và khỏe khoắn so với độ tuổi của mình – đang đứng trên bãi cỏ. Ông mặc quần yếm lao động bên ngoài áo sơ mi vải trơn màu xanh để lộ cần cổ đầy nếp nhăn. Khuôn mặt ông rám nắng, môi phì phèo điếu thuốc lá không đầu lọc. Louis ngược lên, ông cụ kẹp điếu thuốc giữa ngón cái và ngón trỏ rồi cất gọn vào túi. Đoạn ông chìa tay ra, nở nụ cười lệch hẳn sang bên, nụ cười mà Louis có cảm tình ngay lập tức – anh vốn không phải tí dễ làm thân với người khác.

“Không có ý múa rìu qua mắt thợ đâu, cậu bác sĩ,” ông nói, và đó là đầu đuôi câu chuyện Louis gặp ông Judson Crandall, người đàn ông lý ra nên làm bố của anh.

Ông nhìn thấy họ đến căn nhà phía bên kia đường và băng qua để xem mình có thể giúp được gì hay không, bởi có vẻ gia đình đang “lờ đi qua tiếng lại đôi chút”, trích nguyên văn lời ông.

Trong lúc Louis bế đứa bé lên vai, Crandall bước lại gần, quan sát vết sưng trên cổ Gage, đoạn vươn bàn tay gỗ ghề, thô ráp ra. Rachel mở miệng toan phản đối – tay ông trông quá đỗi vụng về và to gần bằng đầu Gage – nhưng cô chưa kịp nói lời nào thì những ngón tay của ông cụ đã vụt qua trong một cử động dứt khoát, điệu nghệ và nhẹ nhàng tựa người chuyên thể bài qua các khớp ngón tay hoặc diễn viên xiếc thực hiện thủ thuật tuồn những đồng xu vào ly. Chưa gì vòi chích đã nằm gọn trong lòng bàn tay ông.

“To ra phết đấy,” ông nhận xét. “Ta thấy tuy không đạt kỷ lục nhưng dư sức dùng để ghim nơ.” Louis phá lên cười.

Ông Crandall nhìn anh với nụ cười chếch sang bên rồi nói, “Ài chà, thú dữ ra phết đấy nhỉ”

“Ông nói gì thế mẹ ơ?” Ellie tò mò hỏi, đoạn Rachel cũng cười nắc nẻ. Tất nhiên hành động ấy thật khiếm nhã, nhưng bằng cách nào đó, thế cũng không sao. Ông Crandall rút ra bao

thuốc lá Chesterfield King, nhét một điếu vào khóe miệng chỉ chít nếp nhăn, vui vẻ gật gù với họ trong lúc cả nhà đang cười ha hả – đến cả Gage cũng khanh khách cười dù vết ong chích vẫn còn sưng – đoạn quẹt một que diêm bằng móng tay ngón cái. *Người già có những bí quyết riêng*, Louis thầm nghĩ. *Bí quyết nhỏ thôi, nhưng một số rất hữu ích.*

Anh ngưng cười và chìa bàn tay rảnh không dùng để đỡ cái móng ướm sưng của Gage ra. “Rất vui được gặp ông, ông...”

“Jud Crandall,” ông nói rồi bắt tay anh. “Chắc cháu là cậu bác sĩ đấy nhỉ?”

“Vâng. Cháu là Louis Creed. Đây là Rachel, vợ cháu, con gái Ellie của cháu, còn cậu nhóc bị ong chích này là Gage.”

“Rất vui được gặp cả nhà.”

“Cháu không có ý cười... ý cháu là gia đình cháu không có ý cười đâu ạ... chỉ là chúng cháu... hơi mệt một chút.”

Sau khi thốt lên câu nói giảm nói tránh thái quá kia, anh lại khúc khích cười. Anh thấy mình chẳng còn chút sức lực nào nữa.

Ông Crandall gật đầu. “Không mệt mới lạ,” ông nói, nghe như: *Không mệt mới lạ*. Ông quay sang Rachel. “Hay cháu đưa hai đứa trẻ qua nhà ta một lát, cháu Creed? Chúng ta có thể tẩm baking soda vào khăn rồi làm dịu vết sưng phần nào. Bà nhà ta cũng muốn chào hỏi gia đình cháu đấy. Bà ấy ít khi đi ra ngoài lắm. Hai, ba năm đổ lại đây, chứng viêm khớp của bà ấy trở nặng quá.”

Rachel liếc nhìn Louis thì nhận được cái gật đầu của chồng.

“Nếu được vậy thì tốt quá, thưa ông Crandall.”

“Ôi, đừng khách sáo, cứ gọi ta là Jud,” ông nói.

Bỗng tiếng còi vang lên inh ỏi, động cơ từ từ trờ đến, đoạn chiếc xe tải màu xanh rất to chở đồ đang chậm rãi rẽ vào con đường dẫn đến nhà họ.

“Ôi Chúa ơi, cháu còn chưa tìm ra chùm chìa khóa mới chết chứ, Louis thốt lên.

“Không sao đâu,” ông Crandall ổn tồn. “Ta còn một bộ đây. Vợ chồng ông bà Cleveland sống ở căn nhà này trước các cháu có đưa cho ta một bộ sơ cua chừng mười bốn, mười lăm năm về trước. Họ ở đây suốt một thời gian dài. Bà Joan Cleveland là bạn tri kỷ của bà nhà ta đấy. Bà ấy qua đời hai năm trước. Còn ông Bill chuyển đến khu nhà dưỡng lão ở Orrington. Để ta đi lấy chùm chìa khóa cho. Đằng nào thì giờ chúng cũng thuộc về các cháu mà.”

“Ông tốt quá, ông Crandall ạ,” Rachel trân trọng nói.

“Có gì đâu,” ông đáp. “Ta cũng mong có trẻ con sống quanh đây cho rộn ràng.” Có điều dưới đôi tai dân Trung Tây Hoa Kỳ như bọn họ, lời ông nói vang lên kỳ khôi chẳng khác nào tiếng nước ngoài, “trẻ con” nghe thành *trẻ quen*. “Nhưng cháu nhớ canh chừng không cho mấy đứa nhỏ ra đường nhé, cháu Creed. Đường này nhiều xe tải lớn lắm.”

Tiếng sập cửa vang lên khi những nhân viên chuyển nhà nhảy ra khỏi xe và tiến lại chỗ họ.

Sau một hồi đi loanh quanh, Ellie cất tiếng hỏi: “Bố ơi, kia là gì ạ?”

Sau khi chào hỏi đội ngũ vận chuyển, Louis liếc ra sau. Ở rìa khoảng đất, chỗ bãi cỏ tiếp giáp với phần cỏ dại mọc um tùm,

có một con đường đất rộng chừng một mét hai bằng phẳng và gọn ghẽ. Nó quanh co chạy lên đồi, ngoằn ngoèo theo những khóm cây thấp và bụi cây giáng lò rồi khuất khỏi tầm mắt.

“Trông như một con đường ấy nhỉ,” Louis nhận xét.

“Ồ, chà,” ông Crandall nói và mỉm cười. “Để khi nào ta kể cháu nghe về nó nhé, cháu gái. Giờ cháu có muốn qua nhà ta để ta chữa đau cho em trai cháu không nào?”

“Dạ có ạ,” Ellie đáp, đoạn hỏi thêm với vẻ đầy kỳ vọng: “Baking soda có xót không ạ?”

Ông Crandall quay lại với chùm chìa khóa, nhưng lúc ấy, Louis đã xoay sở tìm được chìa của mình. Có một khoảng trống trên nóc hộp đựng găng và chiếc phong bì con con đã rơi xuống đồng dây nhợ đằng sau. Anh lôi chìa khoá ra mở cửa và để đội chuyển nhà bước vào. Ông Crandall đưa luôn cho anh chùm chìa sơ cua. Chùm chìa được cột vào sợi móc đã cũ và mờ xỉn. Louis cảm ơn ông rồi lơ đãng thả chúng vào túi, trong lúc quan sát các nhân viên khiêng thùng giấy, tủ chạn, tủ ngăn kéo và tất tần tật những món đồ họ đã thu thập trong hơn mười năm đầu gối tay ấp. Nhìn đồ đạc tản mác, không nằm ở vị trí quen thuộc thế này khiến giá trị của chúng phần nào phai đi. *Chỉ là một đồng đồ nhét trong thùng thôi mà*, anh thầm nghĩ, chợt lòng chùng xuống, héo hon – anh đoán mình đang nếm trải cảm giác mà người ta hay gọi là nỗi nhớ nhà.

“Nhổ khỏi rễ, bứng khỏi đất” bất chợt giọng của ông Crandall vang lên bên cạnh khiến Louis khẽ nháy dưng.

“Có vẻ ông hiểu cảm giác ấy ạ,” anh nói.

“Thật ra thì không.” Crandall đốt điếu thuốc. Phụt! Que diêm phùng lên, lóe sáng trong bóng chiều đang hồi nhập nhoạng. “Cụ thân sinh của ta dựng căn nhà bên kia đường. Cụ

thành gia lập thất, rồi sinh ra một mụn con ở đó, đứa trẻ ấy chính là ta, sinh ra vào đúng năm 1900.”

“Tức ông đã...”

“Tám mươi ba,” Crandall đáp, và Louis thầm thở phào khi anh không bắt kính *hạ tuổi* của ông, một cụm từ mà anh không ưa cho lắm.

“Trông ông còn sung sức so với tuổi của mình lắm ạ.”

Ông Crandall nhún vai. “Nói chung ta đã sống ở đây cả đời. Ta đi lính lúc nước ta tham gia Thế chiến thứ nhất, nhưng chưa đến được châu Âu thì dừng ở Bayonne, New Jersey rồi thôi. Một nơi khủng khiếp. Ngay cả vào năm 1917, nó vẫn quá sức khủng khiếp. Được trở về đây, ta mừng còn hơn trúng số. Ta kết hôn với bà Norma, cả đời làm trong ngành đường sắt và đến giờ vẫn thế. Nhưng ta đã chứng kiến nhiều mảnh đời ở Ludlow lắm rồi. Thật sự là thế.”

Đội vận chuyển dừng trước cửa nhà kho, tay khiêng khung nệm bên dưới chiếc giường đôi cỡ lớn của hai vợ chồng anh. “Anh muốn chúng tôi để cái này ở đâu, anh Creed?”

“Để trên lầu nhé. Đợi chút, tôi chỉ chỗ cho mọi người.” Dậm bước đến chỗ họ, anh khựng lại một chút và liếc ra sau nhìn ông Crandall.

“Cháu đi đi,” Crandall nói với nụ cười trên môi. “Ta về xem vợ con cháu thế nào rồi. Ta sẽ đưa họ trở lại và để cháu tranh thủ lo công việc. Nhưng chuyển nhà xem thế mà bã người đấy. Ta hay ngồi trước hiên nhà tám chín giờ tối làm hộp bia. Thời tiết ẩm áp thì ta cũng hay ngắm trời chuyển chạng vạng. Thỉnh

thoảng bà Norma nhà ta cũng ra ngồi cùng. Nếu thích, cháu cứ qua cho vui.”

“Dạ, có thể cháu sẽ qua,” ngoài miệng nói một đằng nhưng trong bụng anh nghĩ một nẻo. Sang chơi nhà, màn tiếp theo sẽ là tiền thể (và miễn phí) chẩn đoán bệnh viêm khớp cho bà Norma trên hiên. Anh thích ông Crandall, thích cả nụ cười xéch, cách nói chuyện thủng thẳng, chất giọng Yankee của ông, không hề gay gắt mà dịu dàng đến mức ngân nga. Louis thầm nhủ ông cụ quả là người tốt, nhưng chẳng chóng thì chày, bác sĩ sẽ dè chừng với người khác. Nghe không hay song sự thật là thế. Sớm muộn, ngay cả những người bạn chí cốt nhất cũng muốn nhờ tư vấn y khoa. Và với người già, quá trình ấy sẽ liên tu bất tận. “Nhưng ông đừng chờ hay thức đợi cháu ạ – hôm nay cả nhà cháu vật vã quá.”

“Chỉ cần cháu biết lời mời này không có gì ràng buộc là được,” ông Crandall nói, và trong nụ cười xéch của ông có gì đó khiến Louis cảm thấy ông đi guốc trong bụng mình.

Anh nhìn theo ông cụ một thoáng trước khi bước đến toán nhân viên chuyển nhà. Ông Crandall bước đi thẳng lưng, thoăn thoắt, như ở tuổi lục tuần chứ không phải một cụ ông đã ngoài tám mươi tuổi. Lòng Louis khởi lên cảm giác thương yêu đầu tiên.

Đến chín giờ, đội ngũ chuyển nhà ra về. Ellie và Gage mệt nhoài nên li bì ngủ trong phòng riêng, Gage nằm trong nôi, còn Ellie nằm trên tấm nệm trải thẳng lên sàn, xung quanh là thùng giấy chất như núi: ti tỉ cây sáp màu Crayola, cái còn nguyên vẹn, cái đã gãy và cùn lứt, những tấm áp phích Phố Vùng, sách tranh, quần áo cùng vô vàn những thứ có trời mới biết. Và tất nhiên, Church ở cùng cô bé, vừa ngủ vừa rên gừ gừ trong họng. Đó là tiếng kêu giống mèo nhất mà ông tiểu hổ này có thể đạt đến.

Ban này, Rachel đã bế Gage đi loanh quanh nhà, căn nhắc những chỗ Louis hướng dẫn nhóm nhân viên bốc xếp để đồ, đề nghị họ đổi chỗ thứ này, dịch thứ kia, xếp lại thứ nọ. Louis chưa đánh mất tờ séc thanh toán cho họ; nó nằm trong túi áo ngực của anh, cùng năm tờ mười đô-la mà anh cất sẵn làm tiền típ. Khi chiếc xe tải đã hoàn toàn trống không, anh đưa cho nhóm thợ tờ séc cùng tiền mặt, gạt đầu khi họ cảm ơn, ký vào biên lai rồi đứng trên hiên nhà, nhìn họ quay trở lại chiếc xe tải khổng lồ. Anh đoán họ sẽ nghỉ ở Bangor rồi bù khú với dăm ba chai bia. Uống bia bây giờ thì chẳng khác nào thiên đường. Điều đó làm anh nhớ tới ông Jud Crandall.

Cùng Rachel ngồi ở bàn bếp, anh nhác thấy bóng mắt thâm quầng dưới mắt cô. “Em này,” anh lên tiếng, “em đi ngủ đi.”

“Yêu cầu của bác sĩ à?” Cô hỏi, khẽ mỉm cười.

“Ừ.”

“Vâng,” cô nói rồi đứng dậy. “Em mệt bã rồi. Và đến đêm thế nào Gage cũng thức giấc cho mà xem. Anh có lên nghỉ không?”

Anh ngần nhừ. “Chắc là chưa. Ông cụ phía đối diện...”

“Bên kia đường lộ chứ. Ở vùng quê, mình gọi là đường lộ anh ạ. Hoặc nếu là ông Judson Crandall, em đoán anh phải nói là *đèng lộ*.”

“Ờ rồi, *đèng lộ*. Cụ mời anh qua uống lon bia. Có lẽ anh sẽ qua cho phải phép. Anh cũng mệt nhưng hơi căng thẳng nên chưa ngủ được ngay.”

Rachel mỉm cười. “Coi chừng anh sẽ phải nghe cụ bà Norma Crandall kể bà đau ở đâu, bà nằm ngủ trên loại đệm thế nào đấy.”

Louis phá lên cười, thậm nhủ thật buồn cười – vừa buồn cười vừa đáng sợ – khi các bà vợ lại có thể nắm tâm trí của chồng mình trong lòng bàn tay như vậy.

“Lúc mình cần, cụ đã qua giúp mà,” anh nói. “Anh nghĩ hòn bắc đưa qua, hòn chì ném lại thôi.”

“Hệ thống trao đổi hàng hóa à?”

Anh nhún vai, lừng khờ không biết làm thế nào để nói với cô rằng dù mới gặp một lần nhưng anh rất có cảm tình với ông Crandall. “Cụ bà là người thế nào?”

“Cụ bà hiền từ lắm,” Rachel đáp. “Gage còn ngồi vào lòng bà nữa kìa. Em rất ngạc nhiên, vì cả ngày nay thằng bé trải qua khá

nhiều thứ, và anh biết rồi đấy, ngay cả trong những trường hợp lý tưởng nhất, con nó còn chẳng dạn người lúc mới quen. Chưa hết, bà còn cho Ellie mượn búp bê để chơi nữa.”

“Em thấy chứng viêm khớp của bà có nặng lắm không?”

“Khá tệ.”

“Bà ngồi xe lăn à?”

“Không... nhưng bà đi rất chậm, còn ngón tay bà...” Rachel giơ những ngón tay mảnh mai của cô lên và khoằm lại để diễn tả. Louis gật đầu. “Thôi, anh đi rồi về sớm nhé, Lou. Ở chỗ lạ em hay bị rợn lắm.”

“Chẳng mấy mà hết lạ ngay thôi em,” Louis nói rồi hôn vợ.

Louis trở về nhà và thấy mình nhỏ bé hẳn. Chẳng ai nhờ vả anh chẩn bệnh cho bà Norma Crandall; khi anh băng qua con đường (*đèng lộ*, anh thầm nhủ và mỉm cười), bà cụ đã đi nằm. Bóng ông Jud mờ mờ ảo ảo đằng sau bức ngăn của hiên nhà rào kín. Có tiếng ghế đu đưa kèn kẹt đầy dễ chịu trên vải dầu cũ. Louis gõ cửa ngoài hiên, khiến cửa cánh cạch trên khung. Điều thuốc lá của ông Crandall lập lòe như chú đom đóm an yên giữa đêm hè. Tiếng phát thanh trầm trầm văng ra từ radio tường thuật một trận đấu của đội Red Sox, và tất cả gọi lên trong Louis Creed cảm giác được trở về nhà vô cùng kỳ khôi.

“Bác sĩ đấy à,” ông Crandall lên tiếng. “Ta cũng đoán là cháu.”

“Mong rằng ông nghiêm túc về châu bia,” Louis nói rồi bước vào.

“Ồ. gì chứ bia thì ta chẳng bao giờ nói hai lời,” Crandall thủng thỉnh. “Người dối trá về bia chỉ tổ tạo ra kẻ thù. Cháu ngồi xuống đi, bác sĩ. Ta đã ướp sẵn vài lon phòng hờ rồi.”

Hiên nhà dài và hẹp, trang bị bộ ghế mây và sô-pha. Louis ngồi xuống ghế và ngạc nhiên khi cảm thấy thoải mái vô cùng

tận. Bên tay trái của anh là một xô thiếc đựng đá và vài lon bia Black Label. Anh lấy một lon.

“Cảm ơn ông” anh nói rồi khui bia. Hai ngụm đầu tiên tưới lên họng anh tựa thiên đường.

“Rất hân hạnh,” ông Crandall đáp. “Ta hy vọng cháu sẽ có khoảng thời gian vui vẻ ở đây, bác sĩ ạ.”

“Amen,” Louis nói.

“Mà này! Cháu muốn ăn bánh quy hay đồ nhắm, để ta đi lấy. Ta có miếng chuột vừa tới đây.”

“Miếng gì kia ạ?”

“Phô mai chuột^[2E].” Ông Crandall có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Cảm ơn ông, nhưng cháu uống bia là được rồi ạ.”

“Thế à, vậy thôi.” Ông Crandall ợ đầy khoan khoái.

“Bà đi nghỉ rồi ạ?” Louis hỏi, tự hỏi tại sao ông lại để cửa ngõ như thế.

“À. Thỉnh thoảng bà ấy thức. Thỉnh thoảng lại không.”

“Chứng viêm khớp của bà chắc đau lắm phải không ạ?”

“Cháu thấy trường hợp nào không đau chưa?” Ông Crandall hỏi.

Louis lắc đầu.

“Ta đoán bà ấy vẫn chịu đựng được,” ông cụ kể. “Bà ấy ít khi than vãn lắm. Bà Norma nhà ta ấy mà, trông vậy mà không vừa đâu.” Giọng ông tràn ngập tình yêu thương, lớn lao và dung dị. Ngoài Tuyến đường số 15, một chiếc xe bồn chạy ngang, chiếc xe to tướng và dài đến độ trong một thoáng Louis còn chẳng thể trông thấy căn nhà của mình phía bên kia đường. Chữ viết

trên thành xe, loáng thoáng trong bóng tối nhập nhoạng là ORINCO.

“Xe gì mà lớn quá,” Louis nhận xét.

“Orinco gần Orrington,” Crandall nói. “Nhà máy phân bón hóa học. Họ đi đi về về suốt. Chưa kể nào xe bồn chở xăng, xe chở rác, cùng công nhân viên lên Bangor hoặc Brewer làm việc rồi trở về nhà vào buổi tối.” Ông lắc đầu. “Đó là điều mà ta không ưng ở Ludlow. Con đường chết toi này đây. Không khi nào được bình yên. Xe cộ chạy rầm rầm cả ngày lẫn đêm. Thỉnh thoảng chúng làm bà Norma nhà ta thức giấc. Khốn thật, lắm lúc đến cả ta cũng mất giấc, dù mỗi lần ngủ là ta ngủ say như chết.”

Dù bản thân cảm thấy khung cảnh kỳ lạ này của Maine tĩnh lặng đến rợn người so với nhịp sống xô bồ ở Chicago, Louis cũng chỉ lắc đầu.

“Rồi có ngày mấy người Ả Rập sẽ đặt dấu chấm hết cho nó, và người dân sẽ trông được cả tử linh lan ở dải phân cách màu vàng ấy,” ông Crandall trầm ngâm.

“Có khi ông nói đúng,” Louis nghiêng lon bìa ra sau và ngạc nhiên khi thấy bìa đã cạn.

Ông Crandall cười khà khà. “Cháu làm thêm lon nữa cho vui, bác sĩ ạ.”

Louis lưỡng lự rồi thuận theo, “Dạ vâng, nhưng chỉ một lon nữa thôi. Cháu phải về nhà nữa.”

“Tất nhiên rồi. Chuyển nhà nhọc xác nhỉ?”

“Dạ phải,” Louis đồng tình, và rồi cả hai im lặng trong một lúc lâu. Bầu không khí im lặng đầy dễ chịu, tựa hồ họ đã biết

nhau từ lâu. Đây là cảm giác mà Louis từng đọc được trong sách, nhưng phải đến lúc này, anh mới được trải nghiệm lần đầu tiên. Anh tự thấy xấu hổ vì ban nãy đã có những suy nghĩ không phải về việc chẩn đoán bệnh miễn phí.

Một chiếc xe đầu kéo chạy ngang, ánh đèn lấp lánh như sao trời.

“Con đường ấy quả là khủng khiếp,” ông Crandall lại trầm tư, mơ màng, đoạn quay sang Louis. Có một nụ cười kỳ dị khẽ nhếch trên khóe miệng chỉ chút nếp nhăn của ông. Ông hút một điếu Chesterfield vào khóe miệng rồi dùng móng tay của ngón cái đánh diêm. “Cháu có nhớ con đường đất mà con gái cháu thắc mắc không?”

Trong một thoáng, Louis không tài nào nhớ ra; Ellie đã tíu tít về đủ thứ trên trời dưới biển trước khi chìm vào giấc ngủ. Đoạn anh sực nhớ. Con đường mòn được cắt tĩa gọn gàng, ngoằn ngoèo chạy qua khóm cây băng qua đồi.

“Dạ có. Ông đã hứa khi nào có dịp sẽ kể cho con bé nghe.”

“Đúng vậy, khi nào ta sẽ kể,” ông Crandall nói. “Con đường đất chạy vào rừng chừng hai ki-lô-mét rưỡi. Những đứa trẻ sống quanh Tuyến đường số 15 và Đường Giữa giữ lối đi thông thoáng vì chúng sử dụng nơi đó suốt. Trẻ con đến rồi đi... thời nay người ta chuyển nhà nhiều hơn lúc ta còn bé; ngày xưa, chúng ta chọn một mảnh đất cắm dùi rồi an cư nơi đó luôn. Nhưng có vẻ đám trẻ con truyền tai nhau, và cứ đến mùa xuân, một nhóm lại rủ nhau nhổ cỏ mọc ở lối đi ấy. Chúng giữ con đường sạch sẽ suốt cả mùa hè. Chúng biết nó ở đó. Không phải người lớn nào trong thị trấn cũng biết – tất nhiên số người biết

cũng nhiều nhưng vẫn có một bộ phận ngoại lệ – song đứa trẻ nào cũng biết. Ta dám cá là thế.”

“Biết cái gì ở đó kia ạ?”

“Nghĩa địa thú cưng,” ông Crandall đáp.

“Nghĩa địa thú cưng,” Louis ngạc nhiên lặp lại.

“Nghe vậy chứ không có gì kỳ cục đâu,” ông cụ nói, phì phèo điếu thuốc và lắc lư trên ghế. “Cơ sự là do con đường này. Nó ngắn quá nhiều thú cưng. Đa số là chó mèo, nhưng không chỉ có thế. Một chiếc xe bồn Orinco từng cán qua con gấu mèo mà mấy đứa trẻ nhà Ryder nuôi. Chuyện xảy ra lâu lắm rồi, Chúa ơi, chắc từ năm ’73 ấy chứ, có khi còn trước đó. Tóm lại là trước khi tiểu bang ra quyết định nuôi gấu mèo hay chồn hôi đã thuần hóa là bất hợp pháp.”

“Tại sao họ lại ra quyết định như vậy ạ?”

“Bệnh dại,” ông Crandall trả lời. “Ở Maine nhiều ca dại lắm. Vài năm trước, một con chó già giống St Bernard to tướng bị dại dưới mạn phía Nam và làm chết bốn người. Vụ việc ấy rung động cả vùng. Con chó chưa được chích ngừa. Nếu mấy kẻ ấu trĩ kia đem nó đi chích thì đã chẳng xảy ra cơ sự. Tuy nhiên, gấu mèo hoặc chồn hôi lại khó ở chỗ dù ta có đem chúng đi chích ngừa hai lần một năm đi chăng nữa, thì nhiều khi vẫn không hiệu quả. Song con gấu mèo mà mấy cậu bé nhà Ryder nuôi đáng yêu lắm, thế hệ trước hay bảo gấu mèo lành tính. Nó cứ lằm chằm đi đến chỗ ta – ôi trời, nó ú na ú nân! – rồi liếm láp mặt ta như chó con vậy. Bố bọn trẻ còn thuê bác sĩ thú y thiên và cắt móng cho nó nữa mà. Việc đấy chắc ngắn gọn hơn tiên!

Ông Ryder làm việc cho IBM ở Bangor. Gia đình họ chuyển đến Colorado năm năm trước... hoặc sáu năm thì phải. Nghĩ cũng lạ, giờ hai cậu con trai nhà ấy đã gần đủ tuổi lái xe rồi đấy. Chúng có tan nát cõi lòng khi chú gấu mèo chết không à? Ta đoán là có. Matty Ryder khóc suốt thời gian dài, đến độ bà mẹ phát hoảng, muốn đưa con đi khám bác sĩ kia mà. Có lẽ giờ cậu bé nguôi ngoai rồi, nhưng chúng mãi không quên. Khi một con thú ngoan bị cán trên đường, trẻ con chẳng bao giờ quên cả.”

Tâm trí Louis băng quơ nhớ đến cảnh Ellie đang say ngủ ban tối, con bé vừa đặt lưng đã ngủ khì với Church ư ử nằm cuối nệm.

“Con gái cháu có nuôi mèo,” anh kể. “Tên là Winston Churchill. Chúng cháu gọi tắt là Church.”

“Hai hòn có ngưng nguẩy theo bước chân nó không?”

“Ông nói gì kia ạ?” Louis không hiểu ý ông cụ.

“Nó còn sinh sản được hay đã triệt sản rồi?”

“Chưa ạ,” Louis đáp. “Chưa, con mèo chưa triệt sản.”

Thật ra có chút rắc rối liên quan đến vấn đề này lúc họ còn ở Chicago. Rachel muốn đưa Church đi triệt sản; thậm chí cô đã đặt lịch hẹn với bác sĩ thú y. Tuy nhiên, Louis lại hủy hẹn. Đến giờ, ngay bản thân anh cũng chưa thật sự hiểu tại sao. Lý do không đơn giản hay ngớ ngẩn rằng anh đánh đồng bản tính đàn ông của mình với chú mèo mà cô con gái của anh nuôi, thậm chí cũng chẳng phải vì anh căm tức việc đem Church đi thiến chỉ để đảm bảo bà nội trợ mập phệ nhà bên không phải nhọc công vặn chặt nắp thùng rác nhựa nhà mụ ta sao cho Church không hất tung nắp lên rồi lục lọi bên trong – cả hai

điều trên chỉ là một phần, còn phần lớn là do anh cảm thấy mơ hồ nhưng mãnh liệt rằng triết sản chú mèo sẽ phá hủy thứ gì đó trong Church mà bản thân anh cũng trân trọng – rằng nó sẽ đập tắt ánh nhìn ngạo nghễ trong đôi mắt xanh lục của chú mèo ấy. Rốt cuộc, anh viện cớ với Rachel rằng chẳng nào họ cũng sắp chuyển đến vùng quê, vì thế điều đó sẽ chẳng thành vấn đề. Nhưng giờ đây, ông Judson Crandall lại cảnh báo một phần cuộc sống ở vùng quê này bao hàm cả việc xoay xở với Tuyến số 15, con đường lúc nào cũng nườm nượp xe to, thậm chí ông còn hỏi mèo nhà anh đã thiến hay chưa. Thử chút mĩa mai đi, bác sĩ Creed — tốt cho máu lắm.

“Ta khuyên cháu nên thiến nó,” ông Crandall nói, đập điều thuốc giữa ngón cái và ngón trỏ. “Mèo sau khi thiến ít đi hoang. Chứ nếu nó cứ đi qua đi lại, rồi có ngày vận may cũng hết, và nó sẽ cùng chung số phận với con gấu mèo mà mấy đứa trẻ nhà Ryder nuôi, chú chó giống Cocker Spaniel của cậu bé Timmy Dessler hay con vẹt của bà Bradleigh. Mà con vẹt không bị cán bẹp trên đường đâu, cháu hiểu chứ. Một ngày nọ, nó cứ thế lăn đùng ra chết.”

“Cháu sẽ cân nhắc kỹ lời khuyên của ông,” Louis nói.

“Vậy thì tốt,” ông Crandall nói rồi đứng dậy. “Bia uống được chứ Suy đi tính lại, thôi để ta vào trong lấy một lát ông Ti.”

“Cháu uống hết bia rồi,” Louis nói và đứng dậy. “Cháu cũng phải về đây ạ. Ngày mai là ngày quan trọng.”

“Bắt đầu làm việc ở trường đại học à?”

Louis gật đầu. “Phải hai tuần nữa sinh viên mới quay lại trường, nhưng cháu nghĩ mình nên đến trước, để nắm rõ công

việc của mình, ông có nghĩ vậy không?”

“Phải, chứ nếu cháu không biết thuốc thang để đâu thì rách việc đấy.” Ông Crandall chìa tay ra, Louis bắt tay ông, lại ý thức chuyện xương cốt người già dễ đau nhức. “Tối nào qua được thì cứ qua chơi nhé,” ông đề nghị. “Ta cũng muốn cho cháu gặp bà Norma nhà ta. Chắc bà sẽ quý cháu lắm.”

“Có gì cháu qua,” Louis đáp. “Rất vui được gặp ông, ông Jud.”

“Ta cũng thế. Rồi cháu sẽ quen dần. Có khi còn ở đây một thời gian lâu đấy.”

“Cháu mong vậy ạ.”

Louis bước xuống lối đi lát đá lổm chổm đến rìa đường và phải dừng lại để chiếc xe tải cùng một chuỗi năm chiếc ô tô rỗng rần nối đuôi nhau hướng về phía Bucksport chạy ngang qua. Đoạn anh khẽ giơ tay chào rồi băng qua con đường (*đường lộ*, anh lại nhắc nhở bản thân) và bước vào căn nhà mới.

Bốn bề tĩnh lặng với những tiếng ngáy khò khò. Ellie có vẻ không cục cựa chút nào, Gage vẫn nằm trong cũi, ngủ cái tướng đặc trưng của cậu bé, thẳng cẳng dang rộng hai tay hai chân, bình sữa ở sát bên. Louis dừng chân nhìn ngắm con, bỗng cõi lòng tràn ngập thương yêu, mãnh liệt đến mức gần như nguy hiểm. Anh nghĩ đơn giản là vì anh đang cảm thấy chênh vênh khi tất cả những nơi chốn Chicago, những gương mặt Chicago quen thuộc giờ đã biến mất, xóa nhòa bởi khoảng cách muôn trùng, tưởng chừng chưa bao giờ tồn tại. *Thời nay người ta chuyển nhà nhiều hơn; ngày xưa, những người như ta chọn một mảnh đất cắm dùi rồi an cư nơi đó.* Lời ông cụ nói thật chỉ lý.

Anh bước đến chỗ con trai, và vì không có ai ở đó để tận mục sở thị, thậm chí cả Rachel, anh hôn lên ngón tay mình rồi nhẹ nhàng áp tay lên má Gage qua những thanh chắn của chiếc cũi.

Gage nấc lên rồi xoay người sang bên.

“Ngủ ngon nhé, con yêu,” Louis nói.

Anh thay đồ hết sức nhẹ nhàng rồi bước vào chỗ mình nằm trên chiếc giường đôi mà hiện tại mới chỉ là một tấm nệm đặt trên sàn. Anh cảm thấy bao mệt mỏi của ngày hôm nay đã bắt đầu trôi đi. Rachel không cựa người. Đống thùng chưa mở lù lù chiếm chỗ trong phòng đầy ma mị.

Ngay trước lúc ngủ, Louis nhòm người lên khuỷu tay rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Căn phòng của hai vợ chồng nằm ở mặt trước căn nhà, thành thử anh có thể nhìn sang nhà ông bà Crandall phía bên kia đường lộ. Quá tối nên không nhìn rõ hình dáng – nếu hôm nay có trăng thì may ra – nhưng anh vẫn thấy đốm lửa đỏ lập lòe từ điều thuốc. *Ông cụ vẫn thức, anh thầm nghĩ. Có lẽ ông còn thức thêm một lúc lâu. Người già vốn khó ngủ. Có lẽ họ thức canh.*

Canh gì kia chứ?

Nghĩ đến đây, Louis dần chìm vào giấc ngủ. Anh mơ thấy anh ở Disney World, lái xe van trắng lóa với chữ thập đỏ bên hông. Gage ngồi cạnh anh, và trong mơ, Gage mười tuổi là ít. Church nằm trên bảng điều khiển của chiếc xe, gương đôi mắt xanh rực rỡ nhìn Louis, và trên Đường Chính cạnh ga tàu thập niên 1890, Chuột Mickey đang bắt tay với những đứa trẻ tíu tít xung quanh, găng tay trắng to gộ theo kiểu hoạt hình của chú ta nuốt lấy những bàn tay nhỏ bé, đầy tin tưởng của đám trẻ.

Ở gia đình bận tối mắt tối mũi trong suốt hai tuần sau đó. Dần dà, công việc mới của Louis cũng vào guồng (nhưng khi mười nghìn sinh viên trở lại, trong số đó có nhiều cô cậu lạm dụng rượu bia, một số chạt vật với bệnh lây qua đường tình dục, một số lo lắng vì điểm số và xuống tinh thần khi lần đầu tiên xa nhà, chục người – hầu hết là các sinh viên nữ – mắc chứng biếng ăn... khi tất cả các sinh viên cùng lúc tụ hội về trường, tình hình ra sao lại là một chuyện khác). Và trong lúc Louis dần quen với vị trí trưởng khoa Dịch vụ Y tế Đại học, Rachel cũng quen với việc quán xuyến nhà cửa hơn. Càng qua thời gian, cô lại càng yêu quý căn nhà ấy – một điều mà Louis chỉ dám nằm mơ.

Gage cũng nhiều lần tông chỗ nọ, vấp chỗ kia, việc này không mấy lạ lẫm trong quá trình cậu bé làm quen với môi trường mới, suốt một thời gian, giờ giấc buổi tối của cậu bé trái khoáy khủng khiếp, nhưng đến giữa tuần thứ hai ở Ludlow, cậu bắt đầu ngủ yên vào buổi tối. Riêng Ellie lúc nào cũng có vẻ phấn khích và tâm trạng căng như dây đàn khi sắp tới, cô bé sẽ bước vào trường mẫu giáo ở một nơi hoàn toàn mới. Có lúc cô bé cứ thế cười khúc khích mãi không thôi, có lúc tâm trạng cô

bé xuống dốc thất thường, giận cá chém thớt chỉ vì dăm ba lời nói. Rachel bảo rồi con gái sẽ vượt qua khi trông thấy trường mầm non không phải ác quỷ đỏ rực khổng lồ như cô bé tưởng tượng ra trong đầu, và Louis nghĩ vợ mình nói đúng. Phần lớn thời gian, Ellie thể hiện đúng bản chất của mình – một cô bé ngoan ngoãn.

Làm một, hai lon bia buổi tối với ông Jub Crandall đã trở thành thói quen của anh. Khoảng thời gian Gage ngủ liền giấc trở lại, cứ hai, ba đêm, Louis lại mang lốc sáu lon bia qua nhà ông cụ. Anh đã gặp bà Norma Crandall, cụ bà hiền từ và nhẹ nhàng mắc chứng viêm khớp dạng thấp – căn bệnh quen thuộc, đáng ghét xóa sổ gần hết vui thú của tuổi già mà những cụ ông cụ bà có thể tận hưởng nếu khỏe mạnh – nhưng bà rất kiên cường. Bà nhất quyết không đầu hàng đau đớn; đừng hòng bà giương cờ trắng bỏ cuộc. Có giỏi thì thử đánh gục bà mà xem. Louis nghĩ bà còn có thể có thêm năm hoặc bảy năm hăng say với cuộc đời, thậm chí vô cùng thoải mái.

Đi ngược hoàn toàn cung cách duy trì từ xưa đến nay, anh chủ động đề nghị kiểm tra cho bà, liệt kê từng món trong đơn thuốc mà bác sĩ riêng của bà kê và nhận ra tất cả đều phù hợp. Anh cảm thấy có chút thất vọng khi mình chẳng còn làm được gì hay kê đơn gì cho bà cụ, nhưng vị bác sĩ riêng Weybridge đã duy trì cho mọi thứ trong tầm kiểm soát ở mức tối đa cho bà Norma Crandall – biết đâu sẽ có tiến triển bất ngờ, nhưng không thể đặt quá nhiều kỳ vọng. Ta học cách chấp nhận hoặc ta sẽ chết dí trong một căn phòng nhỏ dùng bút sáp Crayola viết thư về nhà.

Rachel rất cảm mến bà cụ, hai người bọn họ đã ghi dấu tình bạn ấy bằng cách trao đổi công thức nấu ăn như những cậu bé trao đổi thẻ bóng chày: công thức món bánh táo để dày của bà Norma Crandall đổi lấy món thịt bò sốt kem chua của Rachel. Bà Norma cũng quý cả hai đứa trẻ nhà Creed — đặc biệt là Ellie, bà nhận xét mai này cô bé sẽ có “vẻ đài các thời xưa”. Tối đấy, lúc nằm trên giường, Louis nói đùa với Rachel rằng chỉ ít bà cụ không nhận xét mai này lớn lên, Ellie sẽ trở thành chú gấu mèo đáng yêu hết sức. Rachel phá lên cười nắc nẻ đến độ “thả một quả bom” rõ to, thế là cả hai vợ chồng cười ha hả một lúc lâu, đánh thức cả Gage lúc này đang nằm ngủ ở phòng bên.

Ngày đầu tiên đi học ở trường mầm non đã đến. Lúc này, Louis khá tự tin mình đã quản lý được khu bệnh xá và cơ sở hỗ trợ y tế (với lại bệnh xá hiện tại trống không; bệnh nhân cuối cùng, một cô sinh viên bị gãy chân ở cầu thang Hội sinh viên, đã xuất viện tuần trước) nên anh xin nghỉ một ngày. Bé Gage trong tay, anh đứng trên bãi cỏ cạnh Rachel khi chiếc xe buýt to lớn màu vàng rẽ từ Đường Giữa từ từ đỗ xích trước nhà. Cửa trước của xe kéo mở; tiếng trẻ em í ới, râm ran nô đùa vang lên trong khí trời tháng Chín mát mẻ.

Ellie liếc nhìn ra sau vai với ánh mắt lạ lẫm, mỏng manh, như thể muốn hỏi bố mẹ rằng chẳng phải đã đến lúc dẹp bỏ quá trình này rồi sao, và có lẽ vẻ mặt mà cô bé trông thấy cho hay thời điểm ấy đã qua, những gì sẽ xảy ra vào ngày hôm ấy là chuyện không thể nào tránh – giống như tiến triển của căn bệnh viêm khớp mà bà Norma Crandall phải chịu. Cô bé quay đi

rồi bước lên xe buýt. Cửa đóng sập lại tựa con rồng vừa thở hắt ra. Chiếc xe lăn bánh. Rachel nghẹn ngào òa khóc.

“Đừng mà em, vì Chúa,” Louis nói. Anh không khóc nhưng mắt cũng rưng rưng. “Có nửa ngày thôi.”

“Nửa ngày là đủ tội tệ rồi,” Rachel đáp đầy quở trách rồi khóc to hơn. Louis ôm cô vào lòng, Gage vòng tay ôm lấy cổ bố mẹ. Thường thì Rachel mà khóc, thế nào Gage cũng khóc theo. Nhưng lần này thì không. *Thằng bé không phải san sẻ bố mẹ cho ai, Louis thậm nghĩ, và nó biết rõ điều đó.*

Hai vợ chồng đợi Ellie đi học về mà như ngồi trên đồng lửa, uống quá nhiều cà phê, đoán già đoán non tình hình cô con gái. Louis ra căn phòng phía sau mà mai này sẽ được trưng dụng thành phòng làm việc và dọn dẹp lung tung, băng quơ mang giấy tờ từ chỗ này sang chỗ khác. Rachel chuẩn bị bữa trưa sớm một cách lạ lùng.

Mười giờ mười lăm phút, điện thoại đổ chuông, Rachel vội vàng chạy lại bắt máy, đáp không ra hơi “A lô?” trước khi hồi chuông thứ hai kịp vang lên. Louis đứng ở cửa nối giữa phòng làm việc và nhà bếp, trong đầu chắc chắn giáo viên của Ellie gọi về cho hay cô giáo nhận thấy Ellie không đủ sức đi học, còn trường công không tài nào chấp nhận nổi cô bé nên phải từ chối. Nhưng hóa ra người ở đầu dây bên kia là bà Norma Crandall, bà gọi để báo ông Jud vừa hái lượt bắp cuối cùng và nếu họ ăn thì bà gửi cho chục bắp. Louis xách túi mua hàng đi qua nhà bà, trách cứ ông Jud vì không để anh phụ thu hoạch.

“Toàn vẹo vọ vợ vắn,” ông Jud nói.

“Có tôi ở đây, ông đừng nói kiểu đấy,” bà Norma nói. Bà bước ra hiên với khay Coca Cola cổ đựng trà đá.

“Xin lỗi, tình yêu của tôi.”

“Ông ấy nói miệng thế thôi chứ chẳng thấy có lỗi gì đâu,” bà Norma nói với Louis rồi nhúu mày ngồi xuống.

“Ta thấy Ellie lên xe buýt,” ông Jud nói và châm một điếu Chesterfield.

“Con bé sẽ ổn thôi,” bà Norma trấn an. “Đa phần đứa trẻ nào cũng ổn.” *Đa phần*, Louis âu sầu nghĩ.

Thế mà Ellie ổn thật. Trưa hôm ấy, cô bé về nhà với nụ cười rang rỡ, tươi roi rói, chiếc váy xanh mặc ngày đầu tiên đi học ôm nhẹ nhàng quanh cẳng chân đóng vảy (trên đầu gối có một vết xước mới khiến bố mẹ cô trợn mắt nhìn), một tay cầm bức tranh vẽ hai đứa trẻ hoặc có thể là hai cái cần câu biết đi, một bên giày bị tuột dây, một chiếc nơ đã không cánh mà bay khỏi mái tóc, miệng hét vang: “Bọn con hát bài *Ông MacDonald*! Mẹ ơi! Bố ơi! Bọn con hát bài *Ông MacDonald* đấy! Y như ở trường mầm non Đường Carstairs!”

Rachel liếc nhìn về phía Louis lúc này đang ngồi cạnh cửa sổ với Gage trong lòng. Cậu bé đang thiu thiu ngủ. Có gì đó thật u hoài trong ánh mắt Rachel, và dù cô nhanh chóng quay đi, trong phút chốc, Louis cảm thấy hoảng loạn khủng khiếp. *Vợ chồng mình đang già đi, anh thầm nghĩ. Thật sự là thế. Chẳng ai có thể tạo ngoại lệ cho chúng mình. Con bé ngày một cứng cáp... còn vợ chồng mình sẽ phải lùi về sau.*

Ellie chạy tới chỗ anh, tíu tít khoe bức tranh mình vẽ, vết xước mới trên chân, vừa kể chuyện bài hát *Ông MacDonald* vừa

liền thoảng về cô Berryman. Church vòng tới vòng lui quanh chân cô bé, rên ư ử thật to, và bằng một cách kỳ diệu nào đấy, Ellie không đạp trúng chú mèo cưng.

“Suyt” Louis lên tiếng và hôn cô con gái. Gage đã chìm vào giấc ngủ, không hề hay biết bao chộn rộn xung quanh. “Để bố đưa em vào giường rồi bố sẽ nghe con kể tất tần tật nhé.”

Anh đưa Gage lên lầu, bước qua ánh mặt trời nóng nực tháng Chín len lỏi vào nhà, và khi bước lên hết cầu thang, bỗng đứng dự cảm đầy kinh hoàng và đen tối ập đến, tới mức anh đứng khựng lại, sững sờ nhìn quanh, tự hỏi thứ gì vừa lấn át mình. Anh ôm con chặt hơn, gần như bầu lấy thằng bé, khiến Gage cựa quậy vì khó chịu. Tay và lưng anh nổi đầy da gà.

Có chuyện gì vậy nhỉ? Anh tự hỏi, bối rối và hoảng sợ. Trống ngực anh dồn dập; da đầu anh lạnh ngắt và chột quá bé, không tài nào bao phủ hộp sọ; anh có thể cảm nhận adrenalin dâng lên sau mắt. Anh biết mắt người lồi ra khi nỗi sợ hãi chạm ngưỡng cùng cực; đôi mắt không chỉ trợn lên mà thực sự phình ra do huyết áp leo thang, áp suất thủy tĩnh của dịch não tủy tăng lên. Cái quái gì thế này? Là ma sao? Chúa ơi, có cảm giác như một thứ gì đó vừa lướt qua người mình trên hành lang, một thứ mà mình gần như trông thấy.

Ở tầng dưới, cánh cửa ngoài hiên lạch cạch đập vào khung.

Louis Creed nhảy dựng, suýt chút nữa hét toáng rồi phá lên cười. Chỉ đơn giản là một điểm lạnh mà thỉnh thoảng người ta đi ngang qua – không hơn, không kém. Hồn bay phách lạc. Vậy thôi. Scrooge đã nói gì với hồn ma của Jacob Marley nhỉ? *Biết đâu anh chỉ là mẫu khoai tây nấu chưa kỹ. Có khi là do bụng tôi*

không hợp món nước xốt thịt chứ anh chẳng phải hồn ma bóng quế gì. [3E] Và đúng là thế – cả về mặt sinh lý cũng như mặt tâm lý – hơn cả những gì Charles Dicken biết. Trên đời này làm gì có ma, chỉ ít theo hiểu biết của anh là vậy. Trong quá trình hành nghề, anh đã tuyên bố hơn hai chục bệnh nhân qua đời mà chưa lần nào trông thấy âm hồn siêu thoát.

Anh bế Gage lên phòng rồi đặt con vào cũi. Khi đắp chăn cho con, bỗng dưng cơn rùng mình lại chạy dọc sống lưng, và bất chợt, anh nhớ đến phòng trưng bày của cậu Frank. Ở đó chẳng có xe ô tô mới, chẳng có ti vi với những tính năng mới, cũng chẳng có máy rửa chén mặt kính để ta có thể nhìn xà phòng ùng ục nổi lên. Chỉ có những cái hộp mở nắp, một ngọn đèn được giấu cẩn thận bên trên. Cậu Frank, em trai mẹ anh, vốn làm dịch vụ tang lễ.

Lạy Chúa lòng lành, mày kinh sợ cái gì thế? Đẹp nó đi! Gạt phăng nó đi!

Anh hôn con trai rồi đi xuống lầu nghe Ellie lú lo về ngày đầu tiên ở ngôi trường cho trẻ lớn.

Thứ Bảy tuần đó, sau khi Ellie đi học được một tuần, ngay trước khi sinh viên trở lại trường đại học, ông Jud Crandall băng qua đường và đi thẳng đến bãi cỏ, chỗ cả gia đình Creed đang ngồi. Ellie vừa ngưng đạp xe và đang uống trà đá. Gage bò loanh quanh trên cỏ, sẫm soi những con bọ, thậm chí còn bỏ vào mồm vài con; cậu bé không quá câu nệ mình lấy protein từ đâu.

“Ông Jud,” Louis lên tiếng rồi đứng dậy. “Để cháu lấy ghế cho ông.”

“Không cần đâu.” Ông cụp mặc quần jean, áo lao động hở cổ và mang đôi ủng màu xanh. Ông nhìn Ellie. “Cháu vẫn muốn biết con đường mòn kia dẫn đến đâu chứ, Ellie?”

“Dạ có!” Ellie hào hứng đứng bật dậy ngay lập tức. Mắt cô bé sáng rỡ, “Bạn George Buck ở trường bảo cháu đó là nghĩa địa cho thú cưng, cháu kể với mẹ thì mẹ bảo phải đợi ông vì ông biết vị trí của nó.”

“Ừ ta biết” ông Jud ôn tồn. “Nếu bố mẹ cháu đồng ý thì ta sẽ dẫn cháu lên đó. Nhưng cháu mang ủng đi. Đất trên đó nhiều chỗ sinh lây lăm.”

Ellie chạy vào nhà.

Ông Jud nhìn theo cô bé với ánh mắt đầy thương yêu. “Cháu có muốn đi cùng không, Louis?”

“Cháu sẽ đi,” Louis đáp. Anh quay sang nhìn Rachel. “Em có muốn đi không, em yêu?”

“Gage thì sao? Em nghĩ phải đi một ki-lô-mét rưỡi ấy chứ.”

“Anh sẽ cho con ngồi vào cái địu Gerrypack.”

Rachel phá lên cười. “Được... nhưng địu trên lưng anh đấy, phu quân của em.”

Chỉ mười phút sau, họ lên đường, tất cả đều mang ủng, ngoại trừ Gage. Gage ngồi trong địu Gerrypack và giương mắt quan sát mọi thứ qua vai của Louis. Ellie chạy vụt lên trước hết lần này đến lần khác, lúc thì bắt bướm, lúc thì hái hoa.

Cỏ ở bãi đất sau nhà cao ngang hông, có cả cúc hoàng anh, tựa lời thì thầm cuối hạ báo hiệu với nhân gian mùa thu sắp đến. Nhưng bầu không khí hôm nay chưa thấy hương thu; mặt trời vẫn như trong tháng Tám, dù lịch tháng Tám đã qua từ hai tuần trước. Đến lúc cả nhà lên tới đỉnh ngọn đồi đầu tiên, rong rải đi dọc theo con đường đã phạt cỏ, nách áo Louis dẫm màu vì mồ hôi,

Ông Jud dừng chân. Ban đầu Louis cứ tưởng ông cụ đuổi súc – nhưng rồi anh trông thấy cảnh tượng trải rộng sau lưng.

“Trên này đẹp đấy chứ,” ông Jud lên tiếng và ngậm một cọng cỏ đuôi mèo giữa răng. Louis thầm nghĩ anh vừa nghe thấy một lời phớt tỉnh điển hình của dân New England.

“Quá sức *tráng lệ* là đằng khác ạ,” Rachel há hốc, đoạn quay sang Louis với vẻ gần như trách móc. “Cảnh đẹp thế mà anh không kể với em là sao?”

“Vì anh không biết có cảnh như vậy đấy chứ,” Louis đáp và có chút ngượng ngùng. Họ vẫn đang ở trên đất nhà mình; chỉ đơn giản là đến hôm nay, anh mới có thời gian trèo lên ngọn đồi đằng sau nhà.

Ellie đi trước họ từ ban nãy. Cô bé quay trở lại, đôi mắt lấp lánh đầy trầm trồ. Church quần quanh chân cô bé.

Ngọn đồi không cao, mà thật ra cũng chẳng cần cao làm gì. Phía Đông, khu rừng um tùm che khuất tầm mắt, nhưng phóng ánh nhìn về phía Tây, ta sẽ thấy đất thoải dần, trải dài trong giấc mơ hè vàng óng. Vạn vật hết sức tĩnh lặng, ánh lên trong nắng, tĩnh không tiếng động. Thậm chí chẳng có lấy tiếng xe bồn Orinco chạy trên đường cao tốc phá vỡ bầu không khí yên ắng này.

Tất nhiên quang cảnh họ đang chiêm ngưỡng là thung lũng của con sông Penobscot nơi thợ đốn gỗ từng thả cho gỗ trôi về hướng Đông Bắc, xuôi xuống Bangor và Derry. Vị trí này nằm ở phía Nam Bangor và thiên về Bắc Derry. Con sông rộng thênh thang, yên bình róc rách như thể đang chìm sâu trong chiêm bao. Xa xa, Louis loáng thoáng trông thấy Hampden và Winterport, cách đó một đoạn, anh mừng tượng mình có thể lần theo Tuyến số 15 song song với dòng sông, ngoằn ngoèo như con rắn đen đúa ngược lên Bucksport. Họ phóng tầm mắt nhìn con sông với hai bờ rậm rạp cây cối, những con đường cùng đồng ruộng trùng trùng. Ngọn tháp hình chóp của Nhà thờ Baptist Bắc Ludlow lấp ló đằng sau những tán du cổ thụ, phía bên phải, anh có thể trông thấy ngôi trường bằng gạch mà Ellie theo học đang nằm sừng sững.

Trên đầu, mây trắng lững lờ giữa trời, là đà bay về phía đường chân trời đang chuyển dần sắc lam. Bốn bề là những cánh đồng cuối hạ, tro troi gốc rễ cuối vụ, âm ỉ nhưng vẫn còn nhựa sống, rực rỡ trong sắc vàng cam chói chang.

“*Tráng lệ* là từ chính xác,” Louis bản thân thốt lên.

“Ngày xưa người ta gọi nơi này là Đồi Vọng Cảnh,” ông Jud kể. Ông đưa điếu thuốc lên khước miệng nhưng không châm lửa. “Giờ chỉ còn ít người sử dụng cái tên ấy, chưa kể người trẻ chuyển vào sống trong thị trấn, thành ra nơi này dần rơi vào quên lãng. Ta nghĩ chẳng còn bao nhiêu người từng lên tận đây đâu. Ngọn đồi không cao nên ta dễ có cảm tưởng mình không thể chiêm ngưỡng gì nhiều. Nhưng cháu thấy đấy...” Ông khoát một tay rồi bỏ lửng câu nói.

“Ta có thể bao quát toàn cảnh,” Rachel thăm thì đầy xúc động. Cô quay sang Louis. “Anh yêu, mình *sở hữu* cả nơi này sao?”

Và trước khi Louis kịp trả lời, ông Jud đã lên tiếng: “Nó là một phần đất, nên đúng là vậy đấy.”

Louis lại trầm nghĩ, hai điều này thật ra không giống nhau.

Trong rừng, khí trời mát mẻ hẳn, nhiệt độ thấp hơn chừng bốn, năm độ C. Con đường mòn vẫn rộng rãi, thỉnh thoảng lại điểm xuyết bằng những khóm hoa trong chậu hoặc trong lon cà phê (đa phần đã héo), mặt đường phủ đầy lá thông khô. Đi chừng bốn trăm mét xuống ngọn đồi thì ông Jud gọi Ellie lại.

“Nơi này mà đi dạo thì rất tuyệt, cháu ạ,” ông hiền từ nói. “Nhưng ta muốn cháu hứa với bố mẹ rằng nếu đi lên đây, cháu không được đi chệch khỏi con đường mòn này.”

“Cháu hứa,” Ellie nhanh nhẩu. “Nhưng tại sao ạ?”

Ông liếc nhìn Louis lúc này đang đứng lại nghỉ chân. Dù đi dưới những tán thông cổ thụ và tán vân sam, điệu Gage không phải việc nhàn nhã gì. “Cháu có biết mình đang ở đâu không?” Ông hỏi Louis.

Louis ngẫm nghĩ rồi gạt đi những câu trả lời khả dĩ: Ludlow, Bắc Ludlow, đằng sau nhà, giữa Tuyến số 15 và Đường Giữa. Anh lắc đầu.

Ông Jud bèn chĩa ngón tay cái qua vai. “Đằng kia thì đây nhà cửa, ông nói. “Đó là thị trấn. Còn đằng này thì chẳng có gì ngoài bạt ngàn rừng, kéo dài hơn tám mươi ki-lô-mét là ít. Người ta gọi đây là Rừng Bắc Ludlow, nhưng nó chạy đến tận địa phận Orrington rồi sang cả Rockford. Rừng này trải dài đến khu đất của bang mà ta từng nhắc đến, những khu đất mà thổ dân da đỏ muốn đòi lại. Ta biết nếu nói căn nhà xinh xắn, ấm cúng, nằm ngay đường lớn, có điện thoại, có đèn đóm, truyền hình cáp của gia đình cháu nằm ở ngay rìa của hoang dã thì hẳn sẽ rất buồn cười, nhưng sự thực là thế đấy.” Ông quay lại nhìn Ellie. “Điều ta muốn căn dặn là cháu không được lang thang vào trong rừng, Ellie ạ. Cháu có thể bị lạc đường và có Chúa mới biết cháu sẽ lưu lạc ở đâu”

“Cháu sẽ không đi lung tung ạ, thưa ông Crandall,” Ellie ngoan ngoãn đáp, thậm chí có vẻ choáng ngợp, nhưng theo Louis thấy, cô bé không sợ hãi. Tuy nhiên, Rachel lại nhìn ông Jud với vẻ mặt e dè, và bản thân anh cũng thấy có chút ngại ngần như thế. Anh đoán có lẽ đây là nỗi sợ rừng thiêng nước độc gần như xuất phát từ bản năng của dân thành phố. Kể từ

thời là HướnĐ Đạo Sinh, tức hai mươi năm trước, Louis chưa cầm la bàn lần nào, và ký ức về cách xác định phương hướng bằng sao Bắc Cực hoặc rêu mọc phía nào của thân cây cũng mờ mịt chẳng thua kém gì ký ức về thắt nút chân chó hoặc nút một vòng một khóa.

Ông Jud nhìn cả gia đình rồi khẽ mỉm cười. “Nói vậy chứ từ năm 1934 chưa có ai đi lạc trong khu rừng này,” ông ôn tồn. “Chỉ ít là dân địa phương không đi lạc. Người cuối cùng là Will Jeppson. Không mất mát gì nhiều; chỉ có Stanny Bouchard là thiệt. Ta nghĩ cả Bucksport này, chẳng ai bì được với Will khoản nốc rượu như hũ chìm.”

“Ông bảo dân địa phương không đi lạc,” Rachel nhắc lại với giọng nói không bình thản cho lắm, và Louis có thể đi guốc trong bụng cô: *Bọn cháu* không phải dân địa phương. Chỉ ít là chưa.

Ông Jud dừng lại rồi gật đầu. “Đúng là cứ hai, ba năm thì lại có một khách du lịch bị lạc, vì họ nghĩ ngay đường chính thế này thì khó lòng mà lạc đường được. Nhưng rồi chúng ta đều tìm thấy họ cả. Cháu đừng lo.”

“Ở đây có nai sừng tấm không ạ?” Thấy Rachel e ngại hỏi, Louis mỉm cười. Nếu Rachel muốn lo, cô ấy sẽ lo tới nơi tới chốn.

“Chà, có thể bắt gặp nai sừng tấm đấy,” ông Jud nói. “Nhưng chúng không gây phiền hà gì cho mình đâu, Rachel ạ. Trong mùa động dục, chúng có thể hơi khó chịu, còn đâu chúng chỉ đứng nhìn mình thôi. Ngoài mùa động dục, chúng chỉ rượt đuổi người vùng Massachusetts. Ta chẳng biết lý do tại sao

nhưng đúng là thế đấy.” Louis nghĩ ông cụ đang đùa song không chắc; nhìn ông Jud vô cùng nghiêm túc. “Ta trông thấy mấy lần rồi. Một anh chàng từ Saugus hoặc Milton, hay Weston mắc kẹt trên cây, hét âm ỉ vì đàn nai sừng tấm con nào con nấy to như nhà xe di động. Xem ra nai sừng tấm có thể *đánh hơi* thấy mùi Massachusetts trên người đàn ông, đàn bà thì phải. Hoặc có thể nguyên nhân là do quần áo mới của hãng L. L. Bean họ mặc có mùi, ta cũng không rõ. Phải chỉ có cô cậu sinh viên ngành chăn nuôi nào làm luận văn về chủ đề này thì hay, nhưng chắc còn khuya.”

“Mùa động dục là gì ạ?” Ellie hỏi.

“Không có gì đâu con,” Rachel nói. “Mẹ không muốn con lên đây trừ khi có người lớn đi cùng, Ellie ạ.” Rachel tiến một bước lại gần Louis.

Ông Jud trông có vẻ buồn rầu. “Ta không có ý làm cháu sợ, Rachel ạ. Cả cháu lẫn con gái cháu. Không cần phải sợ hãi khi vào khu rừng này đâu. Con đường mòn này rất ổn; vào mùa xuân thì hơi ruồi muỗi, quanh năm có chút sinh lầy – trừ năm ’55, đó là mùa hè khô nhất trong ký ức của ta – nhưng lạy hồn, nơi này không có thường xuân độc hay sồi độc, trong khi đằng sau sân trường thì có, và cháu nhớ tránh xa khỏi chúng nhé, Ellie, nếu cháu không muốn bỏ ra ba tuần trong đời tắm trong tinh bột^[4E].”

Ellie che miệng cười khúc khích.

“Con đường này *an toàn* lắm,” ông Jud chân thành trấn an Rachel dù trông cô vẫn bản tín bán nghi. “Ta dám cá đến Gage

còn lần theo đường mòn này mà đi được kìa, đám trẻ thị trấn đến đây suốt ấy mà, ban này ta đã kể rồi đấy. Chúng giữ nơi này sạch đẹp. Không ai bảo chúng cả; bọn trẻ cứ tự làm thế thôi. Ta không muốn phá hỏng chuyện này với Ellie.” Đoạn ông cúi xuống và nháy mắt với cô bé. “Cũng tương tự như những việc khác trong đời, Ellie ạ. Cháu cứ men theo đường mà đi, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Còn nếu đi chệch khỏi đường, đen đủi thì cháu sẽ lạc lúc nào không hay. Và rồi người lớn sẽ phải cử một đội đi tìm cháu.

Họ tiếp tục bước đi. Lưng của Louis bắt đầu nhói đau vì điệu cậu con trai. Thỉnh thoảng Gage lại chộp lấy một nắm tóc của bố và hào hứng giật hoặc vui vẻ thúc vào thận của Louis. Muỗi đêm bu quanh mặt và cổ anh, vo ve đến chảy cả nước mắt.

Con đường quanh co chạy xuống, ngoằn ngoèo vòng qua những cây linh sam cổ thụ, đám bụi tua tua gai. Mặt đường khu vực này cực kỳ lầy lội, đôi ủng của Louis lép nhép trong bùn và nước đọng. Có đoạn, họ phải đạp lên những bụi cỏ to tướng để băng qua sinh lầy. Đó là phần kinh khủng nhất. Rồi mọi người bắt đầu leo lên dốc, dần dà cây cối lấy lại vị thế. Lạ chưa, Gage như vừa nặng thêm năm ki-lô-gam, và lạ lùng chẳng kém khi ngày hôm ấy bỗng dưng nóng thêm năm độ. Mồ hôi mẹ mồ hôi con thi nhau túa ra trên mặt Louis.

“Anh có mệt không, anh yêu?” Rachel hỏi. “Hay để em bế con cho anh một lát nhé?”

“Không cần đâu, anh ổn mà,” anh nói, thật là thế, dù trống ngực anh đang đập điên cuồng. Anh quen với việc khuyên bệnh nhân tập thể dục hơn là đích thân động tay động chân.

Ông Jud dắt Ellie đi bên cạnh, chiếc quần màu vàng chanh và áo màu đỏ chói chang trong sắc u ám xanh nâu.

“Lou này, ông cụ có thực sự rành đường không? Anh nghĩ sao?” Rachel hạ giọng thì thầm với chút âu lo.

“Hẳn rồi,” Louis đáp.

Ông Jud vui vẻ ngoái ra sau vai: “Gần đến rồi đây... Cháu còn gắng được không, Louis?”

Chúa ơi, Louis thầm cảm thán, ông cụ đã qua tám mươi mà không chảy dù chỉ một giọt mồ hôi.

“Cháu ổn ạ,” anh đáp lại với chút gay gắt. Tự tôn của đảng nam nhi cũng sẽ bảo anh nói câu tương tự ngay cả khi anh sắp nhồi máu cơ tim đến nơi. Anh nhe răng cười, xốc dây buộc đi lên rồi bước tiếp.

Họ lên đến đỉnh ngọn đồi thứ hai, rồi con đường thoai thoải đi xuống qua bụi cây um tùm cao ngang đầu. Con đường hẹp dần, và rồi đằng trước, Louis trông thấy Ellie cùng ông Jud bước qua cổng vòm làm bằng những tấm ván đã dãi nắng dầm mưa. Dòng chữ NGHĨA ĐỊA THỨ CÙNG được viết bằng sơn đen đã bạc màu, phải căng mắt ra mới đọc được. Anh và Rachel ngạc nhiên đưa mắt nhìn nhau rồi bước qua cổng vòm, theo bản năng, vừa bước, tay họ vừa vươn ra nắm lấy nhau, như thể hai vợ chồng đến đây để kết hôn.

Lần thứ hai trong sáng hôm nay, Louis bất ngờ đến độ không khỏi trầm trồ.

Ở đây chẳng có lá thông trải thành thảm mà chỉ là một khoảng đất hết sức tròn trịa, cỏ được cắt tỉa gọn gàng, đường kính rộng khoảng mười hai mét. Ba mặt được bao bọc bởi

những bụi cây um tùm, mặt còn lại là đồng cây đổ, chồng chất lên nhau trông vừa ma mị vừa nguy hiểm. *Người nào cố gắng băng qua hoặc trèo qua chúng tốt nhất nên mang giáp sắt bảo vệ của quý trước khi đánh liều*, Louis thầm nghĩ trong bụng. Khoảng đất cắm đầy cọc đánh dấu, rõ ràng những đứa trẻ đã tận dụng bất cứ vật liệu gì có thể xin xỏ hoặc mượn – những thanh gỗ mỏng, gỗ phế liệu, mảnh thiếc đã cũ nát. Nhưng khi đặt chúng trong khung cảnh những bụi rậm lô nhô cùng cây cối không hàng lối đang giành giật không gian sống và ánh sáng mặt trời, cái thô mộc, vụng dại ấy lại càng nhấn mạnh quang cảnh này cân đối ra sao, và rằng bàn tay con người đã tạo ra nơi này như thế nào. Cảnh rừng núi khiến nơi đây mang một vẻ trầm mặc đầy diên rồ, một nét duyên dáng không mang dấu ấn của Thiên Chúa giáo mà đầy tính ngoại giáo.

“Đẹp quá,” Rachel nhận xét, giọng chẳng có chút gì cảm động.

“Wow!” Ellie ré lên.

Louis thả Gage xuống vai và kéo cậu con trai ra khỏi địu để cậu bé được bò xung quanh. Lưng anh thở hắt ra đầy nhẹ nhõm.

Ellie chạy từ tấm bia này sang tấm bia khác, lần nào cũng trầm trồ không thôi. Louis đi theo cô bé trong lúc Rachel canh chừng cậu con trai. Ông Jud ngồi bắt chéo chân, lưng tựa vào tảng đá nhô lên, miệng phì phèo hút thuốc.

Louis để ý dường như nơi này có một trật tự, kiểu mẫu nào đó; các tấm bia được sắp xếp gần như thành hình tròn đồng tâm.

MÈO SMUCKY, một cây cọc làm bằng ván ghi. Chữ viết tay của trẻ con nhưng rất nắn nót. BÉ MÈO RẤT NGOAN. Bên dưới đề: 1971 – 1974. Đi quanh vòng tròn bên ngoài, anh trông thấy một thanh gỗ tự nhiên đề tên viết bằng sơn đỏ, nay đã bạc màu nhưng vẫn còn đọc được: BIFFER. Bên dưới là đoạn thơ khiến Louis nhoẻn miệng cười: *Biffer, Biffer, gửi đến một phời Cả đời mình, em khiến mọi người cười phớ lớ.*

“Biffer là chú chó giống Cocker Spaniel của nhà Dessler,” ông Jud giải thích. Ông đã dùng gót giày đào hố nhỏ trên mặt đất và cẩn trọng gạt tàn thuốc vào bên trong. “Năm ngoái, nó bị xe rác cán qua. Nghe cứ như thơ ấy nhỉ?”

“Dạ phải,” Louis đồng tình.

Vài bia mộ có bày cả hoa, một số còn tươi, đa số đã cũ, vài bông héo quắt. Louis cố căng mắt đọc những câu chữ sơn hay viết trên bia, nhưng quá nửa đã phai màu phần nào hoặc không còn đọc nổi. Có những tấm bia chẳng đề gì, và Louis đoán có thể bọn trẻ đã dùng phấn hoặc sáp màu để viết lên.

“Mẹ ơi!” Ellie hét lên. “Ở đây có cá vàng này! Mẹ đến mà xem!”

“Mẹ kiểu nhé,” lời đáp của Rachel khiến Louis liếc nhìn. Cô đứng một mình ở vòng tròn ngoài cùng, trông bút rút hơn bao giờ hết. Louis nhủ thầm: *Đến cả ở đây mà vợ mình vẫn chạnh lòng.* Nguyên nhân tâm trạng cô lúc nào cũng u hoài khi phải chứng kiến cái chết (anh nghĩ bình thường chắc chẳng ai vui vẻ cho nổi) hẳn là từ sau khi chị gái cô qua đời. Chị gái của Rachel mất từ khi còn bé, và việc này để lại vết thương lòng nơi cô, một vết thương mà ngay từ khi mới dựng xây tổ ấm, Louis biết tốt

nhất mình không nên đụng vào. Người chị quá cố ấy mang tên Zelda, ra đi vì căn bệnh viêm màng não tủy. Có lẽ trước khi mất, Zelda đã phải vật vã suốt một thời gian dài, đau đớn và khủng khiếp, mà khi đó, Rachel còn ở cái tuổi dễ bị ảnh hưởng tinh thần. Cô ấy không muốn nhớ lại cũng phải thôi.

Louis nháy mắt với vợ, và Rachel mỉm cười cảm kích.

Louis ngược mắt nhìn. Họ đang ở trong một khoảng đất trống tự nhiên. Anh đoán đó là lý do cỏ mọc um tùm như thế; ánh mặt trời vẫn chiếu rọi xuống đây. Tuy nhiên, để cây cối tươi tốt, cần phải tưới nước và chăm sóc cẩn thận. Điều đó có nghĩa các cô cậu bé đã kéo xô nước lên đây, khéo có khi những đôi vai gầy ấy đeo thùng chứa nước nặng hơn cả Gage mà anh địu trên lưng. Một lần nữa, anh không khỏi trầm trồ khi trẻ con có thể duy trì nơi này lâu đến vậy. Trong ký ức anh, được củng cố nhờ những lần lên bờ xuống ruộng với Ellie – trẻ con cả thềm chóng chán, niềm vui thích cháy tựa giấy báo, phùng lên rất nhanh... nóng rẫy... rồi chẳng mấy chốc thì tàn.

Thế mà đám trẻ đã gìn giữ nơi này suốt khoảng thời gian dài; ông Jud nói đúng. Bước qua vòng tròn để tiến về phía vị trí trung tâm, anh càng cảm nhận rõ điều đó. Càng đi sâu vào trong, mộ của thú cưng càng xưa cũ; chữ ghi trên bia mộ càng lúc càng mờ tịt, nhưng những tấm biển còn đọc được cho ta thấy mốc thời gian lùi xa trong quá khứ. Anh thấy một cây cọc để TRIXIE, BỊ CÁNH (CÁN) TRÊN CAO TỐC 15 THÁNG CHÍN, 1968.^[5E] Trong cùng vòng tròn ấy có một tấm bảng rộng, phẳng phiu cắm sâu vào đất. Bao lần tuyết hết phủ lại tan đi

khiến tấm bảng méo mó, xiêu vẹo sang một bên, nhưng Louis vẫn có thể đọc được dòng chữ TÚNG NHỚ MARTA THỎ CUNG CHẾC 1 THÁNG BA 1965. Đi sâu thêm một hàng là GEN. PATTON (CHÓ! CUNG! NHÀ! MÌNH!, dòng chữ nhấn mạnh) mất vào năm 1958; và Polynesia (hẳn là một chú vẹt, nếu Louis nhớ đúng chi tiết trong Bác sĩ Dolittle), cất lên tiếng kêu “Polly muốn ăn bánh” lần cuối vào mùa hè năm 1953. Hai hàng tiếp theo không đọc được chữ, và vẫn cách tâm vòng tròn khoảng xa, chạm khắc thô sơ trên một tảng sa thạch là HANNAH CHÚ CHÓ TUYỆT NHẤT TRẦN ĐỜI 1929 – 1939. Mặc dù sa thạch tương đối mềm – và kết cục là dòng chữ bên trên hiện giờ vô cùng mờ mịt – Louis vẫn không tài nào tưởng nổi số giờ đứa trẻ này đã dùng để khắc chín chữ kia lên đá. Anh thật sự choáng váng trước sự kiên trì khởi phát từ tình yêu thương cũng như nỗi mất mát ấy; đây là điều mà bố mẹ còn chẳng làm cho ông bà, hoặc cho con cái mình nếu chẳng may chúng yếu mệnh.

“Ôi, khu này lâu đời thật,” anh nói với ông Jud lúc này đã tiến lại chỗ anh.

Ông cụ gật đầu. “Lại đây, Louis. Ta muốn cho cháu xem thứ này.”

Họ bước đến dãy bia chỉ cách tâm vòng tròn ba dãy. Nếu ở lớp ngoài, vòng tròn chừng như chỉ là sự ngẫu nhiên gần như bừa phứa, thì ở đây, hình dáng hiện ra rất rõ ràng. Ông Jud dừng chân trước một phiến đá nhỏ đã đổ rạp. Ông cẩn thận khuyeu gối và dựng nó lên.

“Trước từng có chữ,” ông kể. “Ta tự tay khắc đấy, nhưng nó đã mòn hết rồi. Ta đã chôn chú chó đầu tiên ta nuôi tại đây.

Spot. Nó già nên qua đời vào năm 1914, năm Thế chiến Thứ nhất nổ ra.”

Sửng sốt trước việc nghĩa địa này còn lâu đời hơn nhiều nghĩa địa chôn cất người đã khuất, Louis bước đến tâm vòng tròn và quan sát thêm vài tấm bia. Chẳng còn tấm bia nào rõ chữ, và đa số đã khỏa lấp phần nào dưới tầng đất rừng. Thậm chí một tấm bia đã bị cỏ phủ xanh, khi anh dựng nó lên lại, có âm thanh đứt lứt phụt, tựa hồ mặt đất đang lên tiếng phản đối. Bọ lạo xạo chạy trên mặt đá anh vừa nhắc. Khẽ rung mình, anh thầm nghĩ: *Bãi tha ma cho động vật à? Mình không chắc mình thích chôn này.*

“Khu nghĩa địa này có từ khi nào vậy ạ?”

“Chúa ơi, ta chịu đấy,” ông Jud đáp, hai tay thọc sâu vào túi. “Lúc chú chó Spot nhà ta mất, nơi này đã tồn tại rồi. Ngày ấy ta có nhiều bạn bè. Chúng bạn giúp ta đào hố chôn Spot. Đào đất ở đây vất lắm chứ chẳng dễ – đất cứng khủng khiếp, khó mà lật lên được. Thỉnh thoảng, ta lại giúp bạn của ta.” Ông đây đó bằng ngón tay xương xẩu. “Đằng kia là chó của Pete LaVassuer, nếu ta nhớ không lầm, còn dây đó chôn cất ba chú mèo của Albion Groatley.

“Con mèo già Fritchie cứ hay đuổi bắt bồ câu. Ta, Al Groatley và Carl Hannah đã chôn một con chết do bị chó cắn. Nó nằm ngay kia.” Ông trầm ngâm. “Cả đám đều xuống tuổi vàng cả rồi, chỉ còn mình ta. Bạn ta mất hết rồi.”

Louis chẳng nói gì, chỉ im lặng nhìn mộ của đám thú cưng, tay thọc vào túi.

“Đất cứng như đá,” ông Jud lặp lại. “Chẳng trông được gì ngoài xác chết, ta đoán vậy.”

Cách đó một quãng, Gage bắt đầu rầm rứt khóc, Rachel xốc cậu bé lên, bế ngang hông. “Con nó đói rồi,” cô lên tiếng. “Mình nên quay về thôi, Lou ạ.” *Em xin anh đấy*, ánh mắt cô van nài.

“Hẳn rồi,” anh nói, đáp lại ánh nhìn của cô. Anh đeo Gerrypack lên lưng và xoay người lại để Rachel đặt Gage vào địu. “Ellie! Ellie ơi, con đâu rồi?”

“Con nó kia kìa,” Rachel chỉ tay về phía đồng cây đổ. Ellie đang mãi mê leo trèo như thể những thân cây ấy là họ hàng hư đốn của khung leo trèo trên trường.

“Ôi, cháu ơi, trèo xuống đây đi!” Ông Jud hét hoảng gọi cô bé. “Rủi cháu đặt chân sai chỗ, thân cây xê dịch là cháu gãy mất cá như chơi.”

Ellie nhảy xuống. “Ui da!” Cô bé ré lên và chạy lại phía họ, tay xoa xoa hông. Da cô bé chưa bị rách, nhưng một cành cây khô cứng đã làm rách quần.

“Cháu hiểu ý ta chưa,” ông Jud xoa đầu cô bé. “Ngay cả người hiểu về rừng cũng không dám trèo qua những thân cây bị đổ rạp như này thế này, thà họ đi đường vòng còn hơn. Cây ngã thành đồng thể thường có ác ý. Nếu có thể, chúng còn cắn cháu nữa kìa.”

“Thật ạ?” Ellie hỏi.

“Thật đấy,” Louis đáp trước khi ông Jud kịp lên tiếng.

Ông cụ nhấn mạnh. “Cháu thấy đấy, chúng chồng chất như rơm. Chẳng may cháu đạp đúng vị trí, chúng sẽ đổ xuống như tuyết lở.”

Ellie ngược nhìn Louis. “Có đúng thế không bố?”

“Bố nghĩ vậy, con yêu.”

“Eo ôi!” Cô bé quay về phía đồng cây đổ và la oai oái: “Chúng bay làm rách quần tao rồi, mấy cái cây đáng ghét!”

Cả ba người lớn phì cười. Đồng cây đổ thì không. Nó chỉ im lìm, trắng hếu dưới ánh mặt trời như bao thập kỷ qua. Dưới mắt Louis, nó trông giống những đoạn xương còn sót lại của con quái vật đã chết từ lâu, có lẽ chết dưới lưỡi kiếm của chàng hiệp sĩ trượng nghĩa hào hoa. Hài cốt của con rồng, chất đồng, nằm lại nơi đây.

Chợt lúc đó, anh cảm thấy có gì đó thật hoàn hảo về đồng cây đổ ấy và cách nó chắn giữa nghĩa địa thú cưng và rừng thiêng nước độc đằng sau, những khoảng rừng bạt ngàn mà ông Jud Crandall về sau thỉnh thoảng lại gọi là “rừng dân da đỏ”. Sự tình cờ ấy sao thật khéo léo, sao thật hoàn mỹ, tạo tác của thiên nhiên có thể đến mức ấy sao? Nó...

Thế rồi Gage tóm lấy tai anh vặn vẹo, bi bô vui vẻ, và Louis quên bẵng về đồng cây đổ trong khu rừng đằng sau nghĩa địa thú cưng. Đến lúc về nhà rồi.

Ngày hôm sau, Ellie đến chỗ anh với vẻ mặt rối bời. Lúc ấy, Louis đang hí hoáy lắp mô hình trong phòng làm việc nhỏ. Đây là mẫu Rolls-Royce Silver Ghost 1917; 680 miếng ghép, hơn 50 bộ phận chuyển động. Chiếc xe đã gần hoàn thiện, và anh gần như có thể tưởng tượng người tài xế mặc chế phục, vốn là con cháu đời sau của những người lái xe ngựa Anh quốc thế kỷ 18, 19, oai phong ngồi sau tay lái.

Anh đam mê mô hình từ thuở lên mười. Anh bước chân vào con đường này với mô hình máy bay chiến đấu Spad Thế chiến Thứ nhất mà chú Carl mua tặng, từng tỉ mỉ lắp hầu hết các máy bay Revell, dần chuyển sang những mẫu to hơn, kỳ công hơn ở tuổi hai mươi. Có một giai đoạn anh say mê lắp thuyền trong chai, lại có thời kỳ anh chú ý đầu lắp vũ khí chiến tranh, thậm chí có khoảng thời gian anh lắp những khẩu súng trông thật đến độ khó mà tin được chúng sẽ không nhả đạn nếu ta kéo cò – các khẩu súng Colt, Winchester, Luger, cả loại Buntline Special. Năm năm đổ lại đây, niềm đam mê của anh là những con tàu du lịch cỡ lớn. Trên kệ văn phòng làm việc tại trường đại học của anh trưng mô hình tàu *Lusitania* và tàu *Titanic*, còn chiếc tàu *Andrea Doria*, hoàn thành ngay trước khi họ rời

Chicago, hiện đang rẽ sóng du ngoạn trên bệ lò sưởi phòng khách nhà anh. Giờ anh đã chuyển sang xe cổ, và giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời, anh đoán chắc tầm bốn, năm năm nữa, trong anh sẽ có thôi thúc thử sức với lĩnh vực mới. Rachel nhìn điều này – cái thú tiêu khiển duy nhất của đấng phu quân của cô – với ánh mắt đầy độ lượng của người vợ hiền cùng chút ngán ngẫm; dù đã kết hôn mười năm, hình như cô vẫn tưởng rồi một ngày nào đó, anh sẽ chán cái thú vui này thì phải. Có lẽ một phần thái độ ấy di truyền từ bố cô, bởi từ ngày Louis và Rachel nên vợ nên chồng đến tận giờ, ông cụ vẫn luôn cho rằng anh con rể của mình là thể loại bất tài vô dụng.

Có khi Rachel đứng. Biết đâu buổi sáng nọ, tỉnh dậy ở cái tuổi ba mươi bảy, mình sẽ tống tất tần tật đóng mô hình lên tầng áp mái và chuyển sang lượn dù ấy chứ, anh thầm nghĩ.

Trở lại thực tại, khuôn mặt Ellie trông khá nghiêm trọng.

Xa xa, vắng lại trong không gian tươi mát, anh có thể nghe thấy tiếng chuông nhà thờ vào Chủ nhật gióng lên thật hoàn mỹ gọi giáo dân đi lễ.

“Con chào bố,” cô bé lên tiếng.

“Chào bí đỏ. Sao thế con?”

“Dạ không có gì,” ngoài miệng nói thế nhưng khuôn mặt của cô bé lại thể hiện điều ngược lại; vẻ mặt như muốn nói nhiều chuyện lắm ạ, và chẳng có chuyện gì hay ho cả, cảm ơn bố. Tóc cô bé mới gội, buông thõng xuống bờ vai. Dưới ánh đèn, tóc cô bé vẫn mang sắc vàng nhiều hơn sắc nâu dù mai sau hẳn chúng sẽ chuyển màu. Cô bé mặc váy, và Louis chợt nhận ra cô

con gái của anh lúc nào cũng mặc váy vào ngày Chủ nhật, dù gia đình anh không đi lễ nhà thờ. “Bố đang lắp gì thế?”

Cẩn thận bôi keo lên thanh chắn bunn, anh giải thích cho cô con gái. “Con xem này” anh nói, nhẹ nhàng đưa cho cô bé nắp đậy trục bánh xe. “Con có thấy những chữ R được nổi lại không? Công phu từng chi tiết nhỉ? Nếu gia đình mình bay về Shytown vào dịp lễ Tạ ơn trên chiếc máy bay L-1011, khi nhìn ra ngoài động cơ máy bay, con sẽ thấy những chữ R giống y thế này.”

“Nắp bánh xe thôi mà, có gì ghê gớm đâu ạ,” cô bé đáp.

“Bây nào,” anh nói. “Nếu con sở hữu chiếc Rolls-Royce, con gọi đây là chụp bánh xe. Nếu con giàu đến mức sở hữu một chiếc RollsRoyce, con có thể ngông nghênh một chút. Khi bố kiếm được hai triệu đô, bố sẽ mua một chiếc cho mà xem. Rolls-Royce Corniche. Để khi nào Gage bị say xe, em trai con có thể nôn mửa lên ghế bọc da thật.” *Và nhân tiện, Ellie, con đang bận tâm gì thế?* Nhưng nước cờ ấy không ăn thua với Ellie. Với cô bé, ta không thể vô vập xỏ toẹt ra như thế. Cô bé rất cẩn thận, hiếm khi giải bày ngay. Louis rất ngưỡng mộ điểm này ở cô con gái của mình.

“Nhà mình có giàu không hở bố?”

“Không” anh đáp, “nhưng không đến nỗi nghèo rớt mồng tơi con ạ.”

“Bạn Michael Burns ở trường bảo bác sĩ nào cũng giàu.”

“Chà, con bảo với bạn Michael Burns ở trường rằng đúng là có rất nhiều bác sĩ giàu, nhưng họ mất hai chục năm... và quản lý bệnh xá trường đại học thì khó mà giàu lắm. Muốn giàu, con phải làm bác sĩ chuyên khoa kìa. Ví dụ như bác sĩ phụ khoa, bác

sĩ nhi hoặc bác sĩ thần kinh chẳng hạn. Họ mới chóng giàu. Còn anh thầy lang đụng đầu chữa đó như bố thì lâu hơn.”

“Thế sao bố không làm bác sĩ chuyên khoa ạ?”

Louis lại nghĩ về các mô hình của mình, về cách ngày nọ đột nhiên anh chẳng muốn lắp thêm máy bay chiến đấu nào, về cách anh chán xe tăng Tiger và ụ súng, về cách anh nhận ra (sau mỗi một đêm) rằng lắp ráp tàu trong chai quả là thứ ngớ ngẩn; và rồi anh nghĩ về viễn cảnh dành cả đời kiểm tra xem bệnh nhi có bị ngón chân quặp không, hoặc mang găng tay y tế mỏng để thuần thực lần mò dọc theo khoang âm đạo của một phụ nữ nào đó bằng một ngón tay xem có u và/hoặc thương tổn nào không.

“Đơn giản là bố không thích,” anh đáp.

Church bước vào phòng, khựng lại rồi suy xét tình hình bằng đôi mắt xanh biêng biếc của nó. Chú ta nháy phốc lên bậu cửa sổ rồi nằm ườn ra ngủ.

Ellie liếc nhìn chú mèo và chau mày, hành động mà Louis thấy cực kỳ lạ. Thường thì Ellie sẽ nhìn Church với nét mặt tràn ngập yêu thương, ủy mị đến độ gần như đau lòng. Cô bé bắt đầu đi loanh quanh văn phòng, ngắm nghía các mô hình, đoạn cố gồng ra vẻ bình thường, lên tiếng: “Chắc, ở Nghĩa địa thú cưng có nhiều mộ quá bố nhỉ?”

A, vấn đề là đây, Louis thầm nghĩ, nhưng anh không nhìn quanh; sau khi đọc hướng dẫn, anh bắt đầu lắp đèn lên chiếc xe.

“Đúng thật,” anh nói. “Bố áng chừng phải hơn một trăm mộ.”

“Bố ơi, sao thú cưng không sống lâu như con người ạ?”

“Chà, một số động vật sống lâu như con người,” anh ôn tồn, “có loài còn sống lâu hơn chúng ta nữa kìa. Voi sống rất lâu, và có những loài rùa biển già đến mức người ta chẳng biết chúng bao nhiêu tuổi... hoặc họ biết mà họ tài nào tin.”

Ellie bèn gạt những điều này đi một cách dễ dàng. “Voi và rùa biển không phải *thú cưng*. *Thú cưng* sống chẳng lâu chút nào. Bạn Michael Burns bảo chó sống một năm bằng người sống chín năm ạ.”

“Bẫy thôi,” Louis buột miệng sửa. “Bố hiểu điều con muốn nói, và có phần đúng. Chó sống đến mười hai tuổi là già lắm rồi. Con biết không, có một thứ gọi là *trao đổi chất*; và quá trình trao đổi chất này cho ta biết thời gian. À, nó cũng có những chức năng khác – ví dụ như một số người ăn nhiều nhưng vẫn mảnh dẻ nhờ quá trình trao đổi chất của họ, như mẹ con chẳng hạn. Những người khác – ví dụ như bố – không thể ăn nhiều như vậy mà không phì ra. Trao đổi chất của mỗi người mỗi khác, thế thôi. Nhưng trên tất cả, trao đổi chất là một dạng đồng hồ trong cơ thể của sinh vật sống. Chó có quá trình trao đổi chất tương đối nhanh. Quá trình trao đổi chất của con người thì chậm hơn nhiều. Đa số chúng ta sống đến khoảng năm bảy mươi hai tuổi. Và bố nói thật, bảy mươi hai năm là khoảng thời gian rất dài.”

Trông Ellie vô cùng lo lắng nên anh hy vọng lời mình nói nghe có vẻ chân thành hơn cảm giác thật sự trong lòng. Hiện tại anh đang ba mươi lăm, và anh cảm thấy những năm tháng ấy lướt qua vùn vụt và phù du tựa gió lùa dưới cửa. “Còn rùa biển thì có quá trình trao đổi chất thậm chí còn chậm...”

“Còn mèo thì sao ạ?” Ellie hỏi, hướng mắt nhìn về phía Church.

“Chà, mèo sống lâu như chó,” anh nói, “đa phần là vậy.” Đây là một lời nói dối, anh biết điều đó. Mèo sống rất dữ dội và thường đón nhận những cái chết máu me, thường khuất mắt trông coi của con người chúng ta. Chú mèo Church đang nằm đầy lim dim trong ánh nắng (hoặc bề ngoài là thế), Church ngoan ngoãn nằm ngủ trên giường của con gái anh, mỗi ngày nào còn bé xiu, đáng yêu vô cùng, rồi nhui trong cuộn len. Thế mà Louis từng chứng kiến chú ta hành hạ con chim gãy một bên cánh, đôi mắt xanh lóe lên đầy tò mò và vui thích máu lạnh – phải, Louis thế là thế; Church thỉnh thoảng lại nổi hứng khoe cho Rachel những phi vụ giết chóc để cô trầm trồ: nào chuột, nào bọ, có lần là con chuột cống rõ to chắc là bắt được trong con ngõ giữa căn nhà chung cư họ ở và nhà bên cạnh. Con chuột máu me bê bết, nhầy nhựa từ đầu đến chân, tới mức Rachel, lúc ấy đang mang bầu Gage sáu tháng, phải chạy vào nhà tắm nôn thốc nôn tháo. Sống đời bạo liệt, kết cục cũng bạo liệt không kém. Có thể một con chó thộp cổ mèo và cắn nát chúng ra, thay vì lòng vòng đuổi tới đuổi lui như những con chó vụng về, đầu óc bã đậu trong phim hoạt hình chiếu trên tivi, hoặc một con mèo khác đánh nhau với chúng, hoặc chúng ăn phải bả, hoặc bị xe cán qua. Loài mèo chẳng khác nào những tay đầu gấu trong giới động vật, sống ngoài vòng pháp luật và thường bỏ mạng ngoài đây. Rất nhiều chú mèo chẳng được an hưởng tuổi già bên ngọn lửa tí tách.

Nhưng có lẽ không nên kể những điều này với cô con gái năm tuổi đang tìm hiểu về cái chết lần đầu tiên trong đời.

“Ý bố là,” anh nói tiếp, “Church mới ba tuổi thôi, còn con mới lên năm. Có thể nó sẽ còn sống cho đến khi con mười lăm tuổi, đang học lớp mười đấy. Mà như thế là cả quãng thời gian dài.”

“Con chẳng thấy dài,” Ellie phản bác, giọng run run. “Không dài chút nào cả.”

Louis thôi không ra vẽ hi hoáy lắp ráp mô hình nữa mà ngoắc tay gọi cô con gái của anh lại. Cô bé ngồi vào lòng anh, và anh có phần thảng thốt trước vẻ xinh xắn của cô bé, lúc này càng được tôn lên bởi nét u uất trong lòng. Da cô bé ngăm ngăm, gần như nước da của người dân miền Đông Địa Trung Hải. Tony Benton, một trong những bác sĩ anh làm cùng ở Chicago, từng gọi con gái anh là công chúa Ấn Độ.

“Con yêu,” anh dịu dàng, “nếu bố được quyền quyết định, bố sẽ để Church sống đến một trăm tuổi. Nhưng bố lại không phải là người định ra luật lệ trên đời.”

“Chứ ai quyết ạ?” Cô bé hỏi rồi thốt lên đầy khinh ghét: “Chắc là Chúa rồi.”

Louis cố nhịn cười. Tình hình đang rất chi là tình hình.

“Chúa hoặc ai đó,” anh nói. “Thời gian cứ thế cạn dần, bố chỉ biết có thế. Không có gì đảm bảo cả, con yêu.”

“Con không muốn Church phải chịu chung số phận với những con thú cưng bị chết kia!” Cô bé bù lu bù loa, nước mắt trào ra phẫn nộ. “Con không muốn Church có ngày sẽ chết! Nó là mèo của con mà! Chứ có phải mèo của Chúa đâu! Chúa cứ việc

có một con mèo riêng! Chúa cứ việc chiếm đoạt tất cả những con mèo già mà Chúa muốn rồi kết liễu chúng! Church là mèo của con!”

Có tiếng chân băng qua phòng bếp, Rachel ló đầu vào và được phen hết hồn. Ellie đang dụi đầu vào ngực Louis nức nở. Nỗi kinh hoàng đã hóa thành lời mà không bị dồn nén trong lòng nữa; bộ mặt của nó đã được họa ra để quan sát. Tuy chẳng thể thay đổi, chí ít cũng có thể gọi đi bằng nước mắt.

“Ellie,” anh nói, vỗ về cô con gái. “Ellie, Ellie, Church chưa chết mà, nó đang ngủ ngay kia kìa.”

“Nhưng nó có thể chết,” cô bé nức nở. “Có thể chết bất cứ lúc nào.”

Anh ôm cô bé vào lòng, vỗ về, thầm nhủ bất kể đúng hay sai, Ellie đang rơi lệ vì cái chết vốn là thứ chẳng thể kiểm soát, chẳng may mắn động lòng trước lý lẽ của ta hay những giọt nước mắt của một bé gái; cô bé rơi lệ vì cái chết ác nghiệt trờ tới không hề báo trước; rơi lệ vì con người có khả năng vừa tuyệt vời vừa khủng khiếp để rút tỉa từ những biểu tượng thành kết luận tươi đẹp, cao quý hoặc kinh khủng tăm tối. Nếu tất cả những con thú ấy đã chết và nằm trong lòng đất thì Church cũng có thể chết

bất cứ lúc nào!

rồi được chôn cất; và nếu điều đó có thể xảy ra với Church thì nó có thể xảy ra với bố, mẹ và cậu em trai của cô. Xảy ra với chính bản thân cô nữa. Chết chóc là một điều mơ hồ; còn Nghĩa địa Thú cưng là thật. Trên bề mặt của những bia mộ thô mộc ấy

là những sự thật mà ngay cả bàn tay một đứa trẻ cũng có thể cảm nhận.

Lúc này mà nói dối thì quá dễ, giống như anh vừa nói dối về tuổi thọ của mèo. Nhưng lời nói dối sẽ nằm mãi trong đầu con trẻ, và cuối cùng, có khi nó sẽ tích lũy dần trong sổ ghi chép về các bậc phụ huynh mà trẻ lưu lại cho bản thân. Mẹ anh từng nói với anh một lời nói dối vô hại về việc phụ nữ sẽ tìm thấy trẻ sơ sinh trong bãi cỏ đẫm sương khi họ thiết tha muốn có con, và dù đó chỉ là lời nói dối vô thưởng vô phạt, Louis chưa giờ tha thứ ân mình vì đã tin – hoặc tha thứ cho mẹ vì nói dối.

“Con yêu,” anh nói, “nhưng chuyện đó vẫn phải xảy ra. Vì nó là một phần của cuộc sống.”

“Phần đó quá tệ hại!” Cô bé hét lên. “Quá sức tệ hại!”

Anh lặng thinh không đáp lại. Cô bé cứ thế nức nở. Anh thầm nghĩ rồi nước mắt của cô con gái sẽ ngừng rơi. Đây là bước cần thiết đầu tiên trên hành trình chông gai để chấp nhận sự thật luôn hiện diện ở đó.

Anh ôm chặt cô con gái, lắng tai nghe tiếng chuông nhà thờ sáng Chủ nhật văng vẳng qua những cánh đồng tháng Chín; lúc sau khi cô bé đã ngừng khóc, anh nhận ra con mình đã ngủ thiếp đi như Church tự lúc nào.

* * *

Anh bế con vào giường rồi bước xuống cầu thang dẫn vào bếp, nơi Rachel đang hùng hục khuấy bột làm bánh. Anh kể

mình rất ngạc nhiên khi thấy Ellie ngủ say như thế ngay giữa buổi sáng; chẳng giống cô bé chút nào.

“Không giống,” Rachel nói rồi đặt tô bột bánh xuống quầy bếp đánh thịch đầy dút khoát. “Đúng là không giống, nhưng em nghĩ đêm qua, con bé trần trọc cả buổi tối. Em nghe thấy tiếng nó lục đục và tiếng Church eo éo đòi ra ngoài lúc tầm ba giờ. Nó chỉ làm thế khi con bé trần trọc mà thôi.”

“Tại sao con bé lại...”

“Ôi, anh biết lý do mà!” Rachel bực tức. “Cái nghĩa địa thú cưng chết toi ấy là nguyên nhân chứ gì nữa! Nó khiến con gái mình rất buồn, Lou ạ. Nó là khu nghĩa địa đầu tiên mà con mình từng đến, và nó... nó khiến con bé buồn lòng. Em không nghĩ em sẽ viết thư cảm ơn ông bạn Jud Crandall của anh vì cuộc tản bộ ấy đâu.”

Giờ thì ông cụ là bạn anh kia đấy, Louis nghĩ, vừa thích thú vừa nhói lòng.

“Rachel...”

“Và em không muốn con mình lên đó thêm lần nào nữa.”

“Rachel, những gì ông Jud nói về con đường đó là đúng mà.”

“Vấn đề không nằm ở con đường, anh thừa hiểu còn gì,” Rachel nói. Cô nhắc tô bột lên và đánh bột với tốc độ nhanh hơn. “Là cái *nơi* chết tiệt kia. Nó bệnh quá. Con nít con nôi mò đấy, nhặt lá, giữ cho con đường nguyên vẹn... thật quá sức lệch lạc. Bất kể con nít ở thị trấn này mắc chứng gì thì em cũng không muốn Ellie bị lây đâu.”

Louis ngẩn ra nhìn cô. Đâu đó trong anh ngờ rằng một trong những điều giữ cho hôn nhân của họ nguyên vẹn khi năm nào

cũng có tin hai, ba người bạn ra tòa ly dị, là hai vợ chồng anh tôn trọng bí ẩn; quan điểm họ lơ mờ nắm bắt nhưng chẳng bao giờ nói ra, rằng xét về tận cùng bản chất, hôn nhân hay duyên vợ chồng là thứ chẳng hề tồn tại – mỗi tâm hồn lại là một cá thể riêng rẽ, bất chấp lý trí. Đó chính là điều bí ẩn. Và bất kể ta tưởng ta thấu hiểu bạn đời đến mức độ nào, thỉnh thoảng ta sẽ đâm sâu vào những bức tường trống trơn hoặc hụt chân xuống hố. Và thỉnh thoảng (may mà chỉ năm thì mười họa, tạ ơn Chúa) ta đối mặt với một khía cạnh hết sức xa lạ, tương tự như hiện tượng nhiễu động trời trong khiến máy bay chao đảo dù chẳng có lý do gì. Đó có thể là một thái độ hoặc niềm tin mà ta không bao giờ ngờ đến, kỳ dị (chỉ ít theo quan điểm của ta) đến mức điên khùng. Rồi ta đi nhẹ nói khẽ, nếu ta trân trọng cuộc hôn nhân này và bình yên trong lòng; ta cố dằn bản thân nổi giận lúc này là địa hạt của những kẻ ấu trĩ tưởng rằng mình có thể hiểu từng đường tơ kẽ tóc trong tâm trí người kia.

“Em yêu, đây chỉ là nghĩa địa thú cưng thôi mà,” anh nói.

“Anh thấy con bé khóc thế nào trong kia chưa,” Rachel nói, vung tay về phía cửa phòng làm việc của anh với cái muỗng dính đầy bột nhào. “Anh nghĩ con bé xem đây chỉ là nghĩa địa thú cưng à? Nó sẽ để lại vết thương trong lòng con bé, Lou ạ. Không. Em không đồng ý để nó lên đó thêm lần nào nữa. Vấn đề không phải con đường mà là *địa điểm* đó. Chưa gì nó đã nghĩ Church rồi đây sẽ chết.”

Trong một khắc, Louis có cảm tưởng điên khùng rằng anh vẫn đang nói chuyện với Ellie; cô con gái của anh chỉ đang đứng trên cà kheo, khoác bộ váy của mẹ và mang mặt nạ Rachel

giống y như người thật. Ngay cả nét biểu cảm cũng tương tự; đăm đăm, hơi sưng sứa, nhưng bên dưới đầy tổn thương.

Anh dò từng bước, vì bỗng dưng vấn đề trở nên quá lớn với anh, nó không còn là điều có thể gạt đi vì kiêng nể điều bí ẩn kia... hoặc tính cá thể kia. Anh dò dẫm vì anh chợt cảm thấy cô đang hiểu sai một thứ rõ ràng rành ra đấy, thiếu điều phủ kín cảnh vật, và rằng chỉ có thể cố tình bưng mắt thì mới không nhìn ra.

“Rachel,” anh từ tốn. “Rồi có ngày Church sẽ chết.”

Cô trừng trừng nhìn anh. “Điều đó chẳng thuyết phục chút nào,” cô nói, thốt lên từng tiếng rành mạch như cách người ta nói chuyện với một đứa trẻ chậm trí. “Church sẽ không chết hôm nay, hay ngày mai...”

“Anh cố bảo với con là...”

“Hoặc ngày kia, hoặc mấy năm tới...”

“Em à, chúng ta không thể chắc...”

“Có thể chứ sao không!” Cô hét lên. “Chúng ta chăm sóc nó cẩn thận thì nó sẽ không chết, không ai chết ở đây cả, vậy nên tại sao anh lại khiến con bé buồn rầu vì một điều nó không thể hiểu được khi nó còn quá bé như vậy?”

“Rachel, nghe anh đã.”

Nhưng Rachel không có ý định lắng nghe anh. Cô nổi cơn tam bành. “Khi thú cưng, bạn bè hay người thân của chúng ta qua đời, vật lộn với sự ra đi của họ đã đủ khó khăn rồi, việc gì phải biến nó thành... thành địa điểm du lịch chết toi như thế... B-B-Bãi Rừng cho đ-động vật...” Nước mắt giàn giụa chảy xuống má cô.

“Rachel,” anh nói, cố đặt tay lên vai cô nhưng bị cô gạt phăng bằng một cử chỉ thô bạo.

“Thôi kệ đi,” cô nói. “Nói với anh chẳng được tích sự gì. Anh còn chẳng hiểu em nói gì.”

Anh thở dài. “Anh cảm thấy như thể anh vừa hụt chân xuống cửa sập bí mật và rơi vào máy xay Mixmaster khổng lồ,” anh nói, hy vọng sẽ thu được một nụ cười. Nào ngờ chẳng có nụ cười nào, chỉ có đôi mắt cô xoáy vào anh, đen láy và phùng phùng lửa giận. Anh nhận ra cô đang nổi cơn thịnh nộ; không chỉ tức giận mà là đầy nộ khí. “Rachel,” anh đột ngột lên tiếng, không chắc mình sẽ nói gì cho đến khi lời nói tự thốt ra của miệng, “hôm qua em ngủ được không?”

“Ôi trời,” cô nói đầy khinh bỉ, đoạn quay đi, nhưng anh vẫn kịp thấy ánh mắt cô lóe lên tổn thương. “Thông minh quá cơ. Thông minh thực sự. Anh đúng là chỉ diễn đi diễn lại một bài thôi, Louis ạ. Khi có vấn đề, cứ nhè đầu Rachel mà đổ tội phải không? Đến hẹn lại lên, Rachel nổi khùng nổi điên.”

“Em nói vậy thật không công bằng.”

“Không à?” Cô đem tô bột bánh đến quây bếp cạnh lò nướng rồi đặt xuống đánh thạch. Cô bắt đầu bôi dầu lên khuôn thiếc, môi mím chặt.

Anh kiên nhẫn. “Không có gì là sai khi để một đứa trẻ nhận thức về cái chết, Rachel ạ. Thật ra anh thấy điều đó còn cần thiết nữa kìa. Phản ứng của Ellie, việc con khóc, hoàn toàn tự nhiên với anh. Nó...”

“Ô thế đấy, tự nhiên cơ đấy,” Rachel nói, quay ngoắt sang anh. “Nghe con bé khóc nức nở vì chú mèo của mình là điều vô

cùng bình thường kia đấy, chẳng thành vấn đề kia...”

“Em thôi đi,” anh nói. “Em nói chẳng ăn nhập gì cả.”

“Em không muốn bàn chuyện này nữa.”

“Ừ, nhưng chúng ta phải bàn,” anh đáp, đến anh cũng bực bội. “Em đánh bóng xong rồi, giờ đến lượt anh chưa?”

“Con bé sẽ không đặt chân lên đó nữa. Em thấy chủ đề này nên dừng lại rồi.”

“Năm ngoái, Ellie đã biết trẻ em sinh ra từ đâu,” Louis cố tình. “Chúng ta đưa cho con bé cuốn sách của Myers và giảng giải cho con hiểu, em còn nhớ không? Vợ chồng mình đều đồng tình con trẻ nên biết chúng sinh ra từ đâu.”

“Điều đó chẳng liên quan gì đến...”

“Có đấy!” Anh gọn lỏn. “Khi anh trao đổi với con trong phòng làm việc về Church, anh đã nhớ về mẹ anh, việc mẹ lấp liếm việc đó bằng câu chuyện trẻ con được bọc trong lá cải khi anh hỏi mẹ phụ nữ kiếm những đứa trẻ từ đâu. Anh chưa bao giờ quên lời nói dối ấy. Anh không nghĩ con cái sẽ quên những lời nói dối phát ra từ miệng bố mẹ chúng đâu.”

“Trẻ con sinh ra từ đâu chẳng liên quan gì đến cái nghĩa địa thú cưng chết toi ấy!” Rachel gào lên, và ánh mắt cô như muốn nói *Anh cứ việc so sánh những điểm tương đồng của chúng suốt ngày suốt đêm nếu muốn, Louis; anh cứ nói đến khi tím tái mặt mày nhưng đừng bồng em chấp nhận.*

Song anh vẫn thử.

“Nghĩa địa thú cưng khiến con bé buồn rầu vì nó cụ thể hóa hình tượng cái chết. Con bé biết về khởi nguồn của trẻ sơ sinh, còn địa điểm trong khu rừng ấy thúc đẩy nó tìm hiểu về kết

thức. Điều đó hoàn toàn tự nhiên. Thật ra, anh nghĩ ấy là điều tự nhiên nhất trần...”

“*Anh thôi ngay cách nói ấy đi!*” Bất thành lời, cô thét lên – thét lên thất thanh, tới mức Louis rụt lại, giật mình. Khuỷu tay của anh đập vào túi bột để ngỏ trên quầy bếp làm nó đổ nhào, rơi xuống sàn nhà và bụi ra tung tóe. Bột phụt lên thành đám mây khô màu trắng.

“Ôi, chết tiệt,” anh chán nản.

Từ căn phòng trên lầu vang lên tiếng khóc của Gage.

“Tuyệt chưa,” cô vừa nói vừa rầm rứt khóc. “Anh đánh thức cả con mình rồi kìa. Cảm ơn anh vì một buổi sáng Chủ nhật yên bình, tĩnh lặng và không điên đầu.”

Lúc vợ đi ngang qua anh, Louis nắm lấy cánh tay cô, không ngăn nổi cơn giận phùng lên trong mình. Suy cho cùng, cô mới là người đánh thức Gage kia mà. Hét ầm ĩ như thế, thằng bé không dậy mới lạ. “Thế anh hỏi em điều này,” anh nói, “vì anh biết mọi thứ – nghiêm túc là *mọi thứ* – có thể xảy ra với sinh vật sống. Là bác sĩ nên anh hiểu điều đó. Em có muốn là người giải thích với con chuyện gì xảy ra nếu chú mèo nó nuôi bị viêm ruột truyền nhiễm hoặc mắc bệnh bạch cầu – em có biết mèo rất dễ bị bệnh bạch cầu không – hoặc nếu nó bị xe cán trên đường không? Em có muốn là người đứng ra nói không, Rachel?”

“Buông em ra,” cô gần như rít lên. Tuy nhiên, cơn giận trong giọng nói của cô chẳng là gì so với sự khiếp sợ đầy tổn thương và bối rối trong mắt cô: *Em không muốn bàn về chủ đề này, Louis,*

anh không thể ép em, cái nhìn ấy như muốn nói. “Buông em ra, em muốn lên xem Gage trước khi thằng bé ngã khỏi c...”

“Vì có khi em nên là người giải thích với con đây,” anh bảo. “Em có thể bảo với con chúng ta không bàn về chủ đề này, người tốt không nhắc tới chuyện đó, họ chỉ chôn vùi nó xuống thôi – ối chà! Nhưng đừng dùng từ chôn vùi kéo lại khiến con nó sợ em ạ.”

“Em ghét anh!” Rachel nức nở rồi giật khỏi tay anh.

Và tất nhiên là anh cảm thấy tội lỗi nhưng sự đã rồi.

“Rachel...”

Cô thô bạo đẩy anh ra, bù lu bù loa. “Để em yên. Anh quá lắm rồi.” Dừng chân ở cửa bếp, cô quay về phía anh, nước mắt lăn chã rơi xuống hai gò má. “Em không muốn lôi chuyện này ra bàn trước mặt Ellie thêm lần nào nữa, Lou. Em nói thật đấy. Chẳng có gì là tự nhiên về cái chết cả. *Không có gì.* Là bác sĩ, anh nên hiểu điều đó.”

Cô quay lưng bỏ đi, để mặc Louis trong căn bếp trống vắng còn rung động vì trận cãi vã của hai vợ chồng. Cuối cùng, anh đi đến tủ lấy chổi. Vừa quét, anh vừa ngẫm về lời cuối cùng cô nói, về việc quan điểm của họ bất đồng như mặt trăng mặt trời, điều mà bấy lâu nay anh không hề hay biết. Vì trên cương vị là một bác sĩ, anh biết ngoài sinh con đẻ cái, cái chết là điều tự nhiên nhất trên thế giới này. Thuế máy mâu thuẫn giữa con người với nhau; mâu thuẫn trong xã hội; sự bùng nổ và thoái trào chẳng phải những thứ tự nhiên. Sau cùng chỉ còn lại đồng hồ chạy không ngừng cùng những tấm bia xói mòn, vô danh

trong chuỗi thời gian thấm thoát thoi đưa. Đến cả rùa biển và cây củ tùng khổng lồ rồi cũng có ngày tận số.

“Zelda,” anh nói to. “Lạy Chúa, hẳn chuyện đó khủng khiếp với cô ấy lắm.”

Câu hỏi đặt ra là anh cứ để nó hiện diện hay thử làm gì để giải quyết?

Anh nghiêng cái hốt rác vào thùng, bột nhẹ nhàng trượt xuống, phủ một lớp màu trắng lên hộp giấy và chiếc lon rỗng.



“Ta mong Ellie không chịu cú sốc tinh thần lớn,” đêm đó, ông Jud Crandall nói, và không phải lần đầu tiên, Louis trộm nghĩ ông cụ quả là có tài năng kỳ khôi – và khiến anh hơi khó chịu – chạm ngón tay đúng vào vết đau nhức của người khác.

Lúc đó, anh, ông Jud và bà Norma Crandall đang ngồi trên hiên nhà ông bà dưới tiết trời đêm mát mẻ, nhâm nhi trà đá chứ không uống bia. Trên Tuyến số 15, mật độ xe cộ đông đúc hẳn, họ về nhà vào dịp cuối tuần, Louis đoán người ta nhận ra rồi đây, khi hè đã gần qua, chẳng mấy khi có dịp thông thả như thế này nữa. Ngày mai, anh bắt đầu đảm nhiệm công việc ở bệnh xá trường Đại học Maine. Từ hôm qua và hôm nay, sinh viên đã bắt đầu trở lại trường, lấp đầy dần các phòng trọ ở Orono cũng như ký túc xá trong trường đại học, sắp xếp giường chiếu, tay bắt mặt mừng với bạn bè, chắc chắn là ca thán về một năm đằng đẵng những tiết học lúc tám giờ sáng và thức ăn tập thể. Rachel tiếp tục lạnh nhạt với anh – không, lạnh như băng mới phải — và tối nay, khi anh băng qua đường về nhà, thể nào cô cũng đi ngủ trước, khả năng cao là Gage nằm trong lòng mẹ, hai mẹ con nằm dịch sát về phía mép giường bên kia đến độ khéo có khi con trai anh sẽ rơi xuống đất mất. Nửa bên giường của

anh phình lên ba phần tư diện tích, chẳng khác nào sa mạc rộng lớn, khô cằn.

“Ta bảo ta hy vọng.”

“Xin lỗi ông” Louis nói. “Cháu hơi phân tâm. Vâng, con bé có hơi buồn. Sao ông đoán ra được vậy?”

“Như ta nói đây, chúng ta gặp nhiều trẻ con rồi, chúng cứ đến rồi đi.” Jud nhẹ nhàng nắm lấy tay vợ và nở nụ cười với bà. “Bà nhỉ?”

“Nhiều không đếm xuể,” bà Norma Crandall nói. “Vợ chồng ta vốn thích con nít.”

“Đôi khi nghĩa địa thú cưng là cơ hội đầu tiên để chúng nhìn trực diện cái chết,” ông Jud trầm ngâm. “Trẻ con thấy người ta mất mạng trên ti vi, nhưng chúng nghĩ đấy chỉ là giả vờ, như những bộ phim châu Âu ngày xưa hay chiếu ở rạp vào chiều thứ Bảy. Trên ti vi hoặc trong phim, người ta chỉ ôm bụng hoặc nín ngực rồi ngã đánh rầm. Đối với các cháu nhỏ, cái nơi trên ngọn đồi ấy thật hơn rất nhiều so với tất cả những gì chúng xem trên màn ảnh, cháu biết không?”

Louis gật đầu, thầm nhủ: *Giá mà ông nói lý được với vợ cháu như thế.*

“Nhiều đứa trẻ không bị ảnh hưởng, chỉ ít là với những gì ta có thể trông thấy, nhưng ta đoán đa phần trẻ con đều... đều ghi nhớ trong đầu để sau này nghiền ngẫm, giống như việc chúng hay góp nhặt các thứ và đem về vậy. Hầu hết đều không hề hấn gì. Nhưng một vài đứa... bà còn nhớ cậu bé con nhà Symonds không, Norma?”

Bà cụ gật đầu. Đá lạnh canh trong ly bà cầm trên tay. Kính lão của bà buông trên ngực, và đèn pha của một chiếc xe chạy ngang qua khiến sợi dây đeo kính ánh lên trong thoáng chốc. “Cậu bé gặp ác mộng kinh hoàng,” bà kể. “Nó mơ thấy xác chết chui lên từ dưới đất và rất nhiều thứ khủng khiếp khác. Rồi sau đó, chú chó cậu bé nuôi qua đời – người dân trong thị trấn chỉ biết nó ăn trứng bả, đúng không ông Jud?”

“Ăn trứng bả,” ông Jud gật đầu. “Đa phần mọi người nghĩ như vậy. Chuyện xảy ra vào năm 1925. Billy Symonds lúc ấy lên mười thì phải. Lớn lên, cậu này trở thành Thượng nghị sĩ Bang. Về sau còn tranh cử vào Hạ viện Hoa Kỳ, nhưng thất bại. Chuyện xảy ra trước chiến tranh Triều Tiên.”

“Cậu bé cùng vài người bạn tổ chức tang lễ cho chú chó,” bà Norma nhớ lại. “Chú chó là giống lai thôi, nhưng cậu bé thương nó lắm. Ta nhớ bố mẹ cậu không ủng hộ lắm chuyện chôn cất vì cậu nằm mơ thấy ác mộng, song sau đó, mọi chuyện cũng đâu vào đấy. Hai cậu bé lớn làm quan tài thì phải, ông Jud nhỉ?”

Ông Jud gật đầu và uống cạn ly trà đá. “Dean và Dana Hall,” ông đáp. “Hai cậu này cùng một cậu bé mà Billy đánh bạn – ta quên mất tên rồi nhưng ta dám chắc đó là con nhà Bowie. Bà còn nhớ gia đình Bowie ngày xưa sống trên Đường Chính ở căn nhà Brochette cũ không, bà Norma?”

“Có chứ!” Bà Norma nói, hào hứng như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua, và có lẽ trong tâm trí bà thì mọi chuyện là như vậy thật. “Là con nhà Bowie! Alan hay Burt gì đấy...”

“Hoặc có khi là Kendall,” ông Jud đồng tình. “Tóm lại, ta nhớ cả đám chí chóe về việc ai sẽ là người khiêng quan tài. Chú chó

không to lắm nên chỉ cần hai người khiêng hòm là đủ. Hai cậu bé nhà Hall đòi khiêng vì hai cậu chính là người làm quan tài, ngoài ra còn vì hai cậu là anh em sinh đôi —như thế nhìn đồng bộ hơn. Billy cãi hai cậu không thân thiết với Bowser — tên chú chó – đủ để khiêng quan tài. Cậu bé lý luận ‘Bố tớ bảo chỉ có bạn thân mới được khiêng hòm, chứ không phải *thợ mộc*.’” Ông Jud và bà Norma phá lên cười, Louis cũng nhoẻn cười theo. Anh vô thức ước giá mà Rachel có mặt ở đây.

“Cả bọn suýt lao vào đánh nhau sút đầu mẻ trán thì Mandy, chị gái của Billy, lấy ra cuốn *Bách khoa toàn thư Anh Quốc* tập bốn,” ông Jud kể. “Ngày đấy, ông bố Stephen của cô bé là bác sĩ duy nhất ở mạn này của Bangor và mạn kia của Bucksport, Louis ạ, và họ là gia đình duy nhất ở Ludlow có đủ tiền cho bộ bách khoa toàn thư.”

“Họ cũng là hộ đầu tiên dùng điện,” bà Norma cắt ngang.

“Nói chung,” ông Jud kể tiếp, “Mandy chạy vào, hí hửng như bắt được vàng, cụ thân sinh ta hay bảo thế, lúc ấy cô bé mới tám tuổi, váy bông bênh, cuốn sách to dùng trong tay. Billy và cậu nhóc nhà Bowie — ta nghĩ hẳn đó là Kendall, cái cậu gặp tai nạn và chết cháy ở Pensacola trong giai đoạn huấn luyện phi công chiến đấu vào đầu năm 1942 – hai đứa nó sắp bay vào sống mái một phen với anh em sinh đôi nhà Hall để đòi đặc quyền được khiêng hòm chú chó lai chết vì trúng bả ấy lên bãi tha ma.”

Louis khúc khích cười. Chẳng mấy chốc sau, anh phá lên cười nắc nẻ. Anh có thể cảm nhận được dư vị căng thẳng sau trận cãi nẩy lửa với Rachel dần tan biến.

“Thế là cô bé lên tiếng, ‘Khoan! Khoan! Nhìn đây này! Cả đám bèn khựng lại, châu đầu nhìn. Và tiên sư nó chứ, cô bé...”

“Ông Jud,” bà Norma lên tiếng cảnh cáo.

“Xin lỗi bà; tôi cao hứng quá, bà biết đấy.”

“Tôi cũng đoán thế,” bà đáp.

“Và chao ôi là khôn, cô bé lật cuốn sách đến từ ĐÁM TANG, ở đó có bức hình Nữ hoàng Victoria được tiễn lên đường lần cuối, mỗi bên quan tài có khoảng bốn mươi bảy người, một số người mồ hôi mồ kê, hì hụi nâng quan tài, một số người lô nhô đứng quanh trong bộ áo đưa tang, cổ xếp nếp, như thể họ đang chờ người ta ra hiệu cuộc đua ngựa bắt đầu. Rồi Mandy liền thoảng, ‘Khi có nghi thức tổ chức quốc tang, bao nhiêu người tham gia cũng được! Cuốn sách ghi như vậy này!’”

“Vậy thôi ạ?” Louis hỏi.

“Vậy là đầu vào đấy. Rốt cuộc có khoảng hai mươi đứa trẻ, và thiên địa ơi, cả đoàn người rong rảnh chẳng khác nào bức hình Mandy tìm ra, chỉ khác ở điểm xếp xếp và mũ chóp cao mà thôi. Mandy dẫn đầu. Cô bé xếp cả bọn thành hàng ngay ngắn, đưa cho mỗi đứa một bông hoa dại – nào bồ công anh, nào hoa lan hài, rồi hoa cúc – rồi tất cả lên đường. Ôi chà chà, ta luôn nghĩ đất nước này đã thua độ khi Mandy Symonds không được bầu vào Liên Hợp Quốc.” Ông cười, lắc đầu. “Kể từ đó, những cơn ác mộng của Billy Symonds về nghĩa địa thú cưng kết thúc. Cậu bé khóc thương chú chó, và khi vết thương liền lại, cậu tiếp tục tiến lên. Ta đoán con người ai cũng thế.”

Ồ vậy sao? Louis lại nghĩ về trạng thái gần như phát cuồng của Rachel.

“Ellie nhà cháu rồi cũng sẽ vượt qua thôi,” bà Norma nói và tựa người. “Chắc cháu đang nghĩ ở đây chúng ta chẳng có gì để bàn ngoài cái chết nhỉ, Louis. Ông Jud và ta cũng gần trời cuối đất rồi, nhưng ta mong chúng ta chưa đến giai đoạn về châu tiên tổ ngay...”

“Không ạ, tất nhiên là không, bà đừng nói thế,” Louis phản búa.

“.... tuy vậy, dần dà quen mặt tử thần cũng không phải điều xấu. Thời nay... ta chẳng biết nữa... có vẻ người ta không muốn bàn luận hay nghĩ về vấn đề này. Họ không đưa lên truyền hình vì sợ ảnh hưởng đến con trẻ — ảnh hưởng đến tâm trí của chúng – chưa hết, người ta còn muốn quan tài đóng kín bùng để không phải nhìn vào hài cốt hoặc nói lời tạm biệt... chừng như người ta chỉ muốn quên nó đi.”

“Vậy mà giờ họ sẵn sàng chiếu trên truyền hình các bộ phim có cảnh người ta...”, ông Jud liếc nhìn bà Norma rồi dang hắng, “... cảnh người ta làm cái chuyện đóng cửa, kéo rèm,” ông nói nốt. “Đúng là thời thế thay đổi, kỳ lạ thật nhỉ?”

“Vâng” Louis đáp. “Có lẽ là vậy ạ.”

“Chà, vợ chồng ta sinh ra trong một thời đại rất khác,” ông Jud trầm ngâm, giọng hàm nuối tiếc. “Chúng ta chẳng lạ gì cái chết. Chúng ta chứng kiến đại dịch cúm sau Thế chiến thứ nhất, nhìn những người mẹ chết bên con cái, nhìn những đứa trẻ chết vì nhiễm trùng, vì sốt, tới độ bọn ta có cảm tưởng ngày nay, bác sĩ như vậy đưa thân. Thời ta và bà Norma còn trẻ, nếu mắc ung thư thì xem như bị tuyên án tử, thế đấy. Thập niên 1920 làm gì có xạ trị! Hai cuộc chiến, giết chóc, tự sát...”

Ông thoáng im lặng.

“Trong mắt chúng ta, cái chết vừa là bạn vừa là thù,” đoạn ông lên tiếng. “Pete, em trai ta chết vì vỡ ruột thừa năm 1912, cái thời Taft còn là tổng thống. Lúc ấy thằng bé mới có mười bốn tuổi và nó đánh bóng chày xa hơn hẳn những đứa trẻ khác trong thị trấn. Ngày xưa, chẳng cần lên đại học mới được nghiên cứu về cái chết, tàn đời hay bất cứ cái tên nào mà người ta thường gọi. Ngày ấy, nó bước vào nhà, tay bắt mặt mừng, lắm lúc còn ngồi dùng bữa với ta, và nhiều khi, ta cảm thấy nó cản phập vào mộng mình.”

Lần này bà Norma không nhắc nhở ông; bà chỉ im lặng gật đầu.

Louis đứng vậy vươn vai. “Cháu phải về thôi,” anh nói. “Ngày mai rất quan trọng ạ.”

“Vòng quay ngựa gỗ với cháu sẽ bắt đầu vào ngày mai phải không?” Ông Jud hỏi rồi cũng đứng lên. Trông thấy bà Norma toan rướn dậy, ông chìa tay ra đỡ. Bà nhăn mặt gươnging đứng lên.

“Tối nay nó chuyển nặng ạ?” Louis hỏi.

“Không nặng lắm đâu,” bà đáp.

“Lúc đi ngủ, bà đốt lửa sưởi cho ấm nhé.”

“Ta sẽ làm thế,” bà Norma nói. “Lúc nào ta cũng làm vậy. Và Louis này... đừng quá lo về Ellie. Mùa thu này, cô bé sẽ bận rộn làm quen với bạn mới, chẳng còn thời gian nghĩ về địa điểm xưa cũ ấy đâu. Có thể rồi một ngày, đám trẻ sẽ đến đó, sơn lại một số tấm biển, nhổ cỏ, trồng hoa. Thỉnh thoảng chúng làm vậy khi chúng muốn. Rồi cô bé sẽ thấy khá hơn. Dần dà, cô bé sẽ không còn lạ gì cái chết nữa.”

Vợ cháu mà can thiệp thì còn khuya mới được vậy.

“Nếu cháu có thời gian thì tối mai sang đây, kể ta nghe tình hình nhé,” ông Jud mời. “Ta sẽ cho cháu thua bài cribbage liếng xiếng.

“Chà, vậy cháu sẽ chuốc cho ông say trước,” Louis nói. “Rồi cháu cho ông thua trắng cho mà xem.”

“Bác sĩ,” ông Jud chân thành tâm sự, “ngày mà ta thua trắng khi chơi bài dưới tay cháu sẽ là ngày ta để gã lang băm như cháu chữa cho ta.”

Anh rời đi trong tiếng cười giòn tan, băng qua đường về phía nhà mình trong màn đêm cuối hạ.

Rachel đang ôm con trai ngủ, cuộn tròn bên kia giường trong tư thế bào thai đầy che chở. Anh nghĩ rồi cô sẽ nguôi ngoai. Từ ngày kết hôn, cũng có những lúc hai vợ chồng lời qua tiếng lại hoặc chiến tranh lạnh, nhưng không nghi ngờ gì nữa, lần này là tệ hại nhất. Cùng lúc, anh vừa buồn, vừa giận, vừa khó chịu, anh muốn làm hòa với cô nhưng chẳng biết nên hành động thế nào, thậm chí còn không rõ liệu mình có nên chủ động hay không. Thật vô nghĩa; cơn gió hiu hiu bỗng dưng hóa thành bão táp cuồng nộ chỉ do tâm trí trêu ngươi. Tất nhiên, những trận cãi vã và bất đồng khác cũng là chuyện bé xé ra to, nhưng chỉ có ít lần gay gắt như lần cãi cọ về việc Ellie khóc và hỏi đủ điều như thế. Anh đoán nếu có thêm vài cú chí tử như vậy nữa, cuộc hôn nhân này sẽ chịu tổn thất tận trong cấu trúc... và rồi ngày nọ, thay vì đọc thư bạn bè gửi cho (“Chà, tớ nghĩ tớ nên báo với cậu trước khi cậu nghe từ người khác, Lou

a; Maggie và tớ sắp sửa đường ai nấy đi...) hoặc xem trên báo chí, ta rơi tõm vào cái hố ấy.

Anh im lặng cởi đồ, chỉ mặc độc quần đùi và đặt đồng hồ sáu giờ sáng. Đoạn anh đi tắm, gội đầu, cạo râu, nhai một viên Rolaid trước khi đánh răng – trà đá của bà Norma khiến anh bị trào ngược dạ dày. Hoặc có lẽ nguyên nhân là do anh về nhà và thấy Rachel nằm sát mép giường bên kia. Lãnh thổ là thứ khẳng định tất cả, hình như anh từng đọc câu này hồi học Lịch sử ở trường đại học thì phải?

Vệ sinh cá nhân xong, đêm cũng đã khuya, anh bước vào giường nhưng không tài nào ngủ nổi. Có điều gì đó cứ lẩn cấn trong tâm trí anh. Hai ngày qua trở đi trở lại trong đầu lúc anh nghe Rachel và Gage thở đều, gần như hòa nhịp. GEN. PATTON. HANNAH CHÚ CHÓ TUYỆT NHẤT TRẦN ĐỜI. MARTA THỎ CỪNG. Ellie nổi cơn thịnh nộ. *Con không muốn Church có ngày sẽ chết!... Nó có phải mèo của Chúa đâu! Chúa cứ việc có một con mèo riêng!* Rachel tức giận không kém. *Là bác sĩ, anh nên hiểu điều đó...* Bà Norma Crandall nói *Chừng như người ta chỉ muốn quên nó đi...* Còn ông Jud đã cất giọng đầy chắc chắn, chắc chắn đến rợn người, giọng nói của một người từ thời trước: *Lắm lúc nó còn ngồi dùng bữa với ta, và nhiều khi, ta cảm thấy nó cắn phập vào móng mình.*

Giọng nói ấy nhập nhằng vào giọng nói của mẹ anh, người mẹ đã nói dối Louis Creed về tình dục năm anh lên bốn nhưng nói thật với anh về cái chết năm anh mười hai tuổi, khi em họ Ruthie của anh thiệt mạng trong một tai nạn xe hơi ngớ ngẩn. Cô bé bị nghiền nát trong xe ô tô của bố do một thiếu niên vô

tình thấy chìa khóa cắm trong chiếc xe ủi của Cục Công trình Công cộng, bèn quyết định đánh xe đi một vòng nhưng rồi hốt hoảng nhận ra mình không biết cách làm cho xe dừng lại. Thiếu niên này chỉ bị xây xát nhẹ và bầm dập vài chỗ; còn chiếc Fairlane của cậu Carl thì nát như tương. *Em ấy không thể chết được*, cậu bé là anh năm xưa đã đáp lại khi nghe mẹ thông báo. Cậu nghe thấy lời bà nói nhưng không tài nào lý giải. *Mẹ bảo em ấy chết là thế nào? Mẹ đang nói gì vậy?* Rồi sau đó, cậu ngẫm nghĩ: *Ai sẽ chôn em ấy nhỉ?* Vì dù bố của Ruthie, tức cậu của Louis, là người làm dịch vụ tang lễ, cậu cũng không tài nào tưởng tượng nổi cậu Carl sẽ làm chuyện này. Bối rối, sợ hãi, cậu bầu víu vào đây, xem nó như câu hỏi quan trọng nhất. Nó là câu đánh đố, giống như câu ai cắt tóc cho thợ cắt tóc của thị trấn.

Mẹ đoán Donny Donahue sẽ đảm nhận, mẹ cậu đáp. Đôi mắt của mẹ đỏ lừ; trông bà sức cùng lực kiệt. Bà thiếu điều muốn đổ bệnh trước sự mệt mỏi ấy. *Chú ấy là đồng nghiệp thân thiết của cậu con. Ôi, nhưng Louis ơi... Ruthie bé nhỏ như thế... mẹ không tài nào tưởng nổi con bé đã phải trải qua điều gì... cầu nguyện với mẹ, Louis nhé? Cầu nguyện cho Ruthie. Mẹ cần con giúp mẹ.*

Đoạn hai mẹ con quỳ xuống trong nhà bếp cùng cầu nguyện, và đến lúc ấy, Louis chợt vỡ lẽ; nếu mẹ cậu đang cầu nguyện cho *linh hồn* của Ruthie Hodge, thì điều đó có nghĩa *thân xác* em ấy đã mất rồi. Trong đáy đôi mắt đang nhắm nghiền của cậu chợt hiện lên hình ảnh khủng khiếp Ruthie đến dự sinh nhật lần thứ mười ba của cậu với hai nhãn cầu thối rửa lòng thòng xuống má, mồm xanh mọp trên mái tóc đỏ, và hình

ảnh ấy gợi trong cậu nỗi kinh hoàng ghê gớm cùng xót xa đến nghẹn ngào.

Cậu hét lên, đau đớn tận tâm can, “ *Em ấy không thể chết được! MẸ ƠI EM KHÔNG THỂ CHẾT ĐƯỢC CON THƯƠNG EM ẤY LẮM!*”

Và rồi lời đáp của mẹ tựa cánh cửa hầm mộ kèn kẹt đóng sập lại trên bản lề gỉ sét, cọt kẹt đều đều nhưng đầy hình tượng: những cánh đồng chết trong gió tháng Mười một, những cánh hoa hồng rải rác, thẫm nâu, quăn góc, những hồ bơi đóng tảo, rác rến, mục rữa, đất cát:

Em ấy chết rồi, con yêu của mẹ. Mẹ rất tiếc, nhưng em ấy không còn trên cõi đời này nữa. Ruthie mất rồi.

Louis rùng mình nghĩ: Chết là chết, chứ còn cần gì nữa?

Chợt Louis nhận ra mình quên mất phải làm gì, tại sao đêm nay anh vẫn thao thức về mất mát thuở xưa, trong khi mai là ngày đầu tiên nhận việc.

Anh ngồi dậy, đi ra cầu thang rồi bồng vòng xuống hành lang về phía phòng của Ellie. Con gái anh đang say giấc nồng, miệng hé mở, trên người mặc bộ đồ ngủ màu xanh chưa gì đã chật. *Chúa ơi, Ellie, anh thảm nhủ, con lớn nhanh như thổi.* Church nằm giữa hai chân dang choãi ra của cô bé, ngủ say như chết. *Bỏ qua cho câu đùa của bố nhé.*

Dưới tầng trệt có một tấm bảng thông báo trên tường, bên cạnh điện thoại, nơi cả gia đình gắn các lời nhắn, ghi nhớ và hóa đơn. Dòng chữ nắn nót viết trên cùng của Rachel là NHỮNG ĐIỀU TRÌ HOÃN HẾT MỨC CÓ THỂ. Louis tìm số điện thoại trong danh bạ rồi viết lên một mảnh giấy ghi nhớ còn

trống. Dưới dây số, anh ghi thêm: *Quentin L. Jolander, bác sĩ thú y – gọi đặt hẹn cho Church – nếu bác sĩ Jolander không thiếu động vật, ông ấy sẽ giới thiệu chỗ khác.*

Anh nhìn mảnh giấy, tự hỏi thời điểm này đã phù hợp hay chưa thì trong lòng có câu trả lời: Đến lúc rồi. Phải có một điều vững chắc sinh ra từ những rối ren cảm xúc này, và thời điểm nào đó giữa sáng và tối ngày hôm nay, trong vô thức, anh đã quyết định nếu có thể, anh muốn hạn chế khả năng Church băng qua đường.

Những cảm xúc trước đây khi nhắc tới chủ đề này lại dâng lên trong anh, rằng nó khiến chú mèo chịu thiệt thòi, biến nó thành một con mèo ú na ú nân, già nua trước tuổi, chỉ hài lòng với việc nằm ườn ra ngủ trên lò sưởi cho đến khi có người lấy đồ ăn ra mời. Anh không muốn Church như vậy. Anh thích Church như hiện tại, thoăn thoắt và tinh ranh.

Ngoài kia, trong bóng tối, một chiếc xe đầu kéo lớn lừ đừ chạy ngang Tuyến số 15, ấy chính là giọt nước làm tràn ly. Anh gắn mảnh giấy lên rồi đi ngủ.

Hôm sau, lúc ăn sáng, Ellie trông thấy mảnh giấy nhỏ mới trên bảng thông báo và hỏi bố ý nghĩa của lời nhắn.

“Nó có nghĩa là Church sẽ có cuộc tiểu phẫu nho nhỏ,” Louis nói. “Có thể sau đó nó sẽ phải ở lại chỗ bác sĩ thú y một đêm. Và khi về nhà, Church sẽ chỉ ở trong sân chứ không chạy nhảy bên ngoài nữa.”

“Hoặc ít băng qua đường hơn ạ?” Ellie hỏi.

Mới có năm tuổi mà đầu óc con bé nhanh nhạy quá, Louis thầm nghĩ. “Ít băng qua đường hơn,” anh gật gù.

“Yay!” Ellie nói và chủ đề dừng lại tại đó.

Trước đó, Louis đã chuẩn bị tinh thần đón nhận trận cãi vã kịch liệt và ít nhiều kích động về việc Church không ở nhà một đêm, nên anh tương đối ngạc nhiên khi con gái dễ dàng chấp nhận mà chẳng cần vặn nhiều. Anh nhận ra cô bé lo lắng nhường nào. Suy cho cùng, có lẽ Rachel không hoàn toàn sai về ảnh hưởng mà nghĩa địa thú cưng để lại trong lòng con.

Đang bón trứng cho Gage, Rachel trao cho anh ánh mắt đầy ủng hộ và biết ơn, Louis cảm nhận được lồng ngực mình nhẹ bớt. Ánh nhìn cho anh biết kỷ băng hà đã kết thúc; vấn đề đã được gác lại. Anh hy vọng là mãi mãi.

Sau khi chiếc xe buýt to lớn màu vàng nuốt chửng Ellie nguyên buổi sáng, Rachel bước đến chỗ chồng, vòng hai tay quanh cổ anh và nhẹ nhàng trao cho anh một nụ hôn. “Quyết định của anh thật quá sức ngọt ngào,” cô mở lời, “em xin lỗi vì đã cư xử khốn nạn như thế.”

Louis đáp lại nụ hôn của cô nhưng vẫn có chút lăn tăn trong lòng. Anh nhận ra câu *Em xin lỗi vì đã cư xử khốn nạn* tuy chẳng phải câu cô hay nói, nhưng đây cũng không phải lần đầu tiên anh nghe thấy. Nó thường cất lên sau khi Rachel được như ý mình muốn.

Trong lúc đó, Gage chập chững bước đến cửa chính và nhìn con đường vắng qua khung kính dưới cùng. “Buýt,” cậu nói, ngúc ngoắc móng trong cái bím đang sệ xuống. “Mẹ, buýt.”

“Thằng bé lớn nhanh quá,” Louis nói.

Rachel gật đầu. “Nhanh tới mức em chưa thích nghi nổi đây.”

“Đợi đến lúc thằng bé hết dùng tã đi,” Louis nói. “Sau đó nó chững lại cũng được.”

Cô phá lên cười, và mọi chuyện đâu lại vào đấy; vợ chồng họ lại đầm ấm như xưa. Cô lùi lại, hơi chỉnh cà vạt của anh, nhìn một lượt từ trên xuống dưới.

“Tôi có đạt quy cách không, thưa trung sĩ?” Anh hỏi.

“Nhìn anh tuyệt lắm.”

“Ừ, anh biết. Nhưng trông anh có giống bác sĩ tim mạch kiếm hai trăm nghìn đô-la một năm không?”

“Không, trông anh giống Lou Creed già đời,” cô nói và khúc khích cười. “Sinh vật chơi rock and roll”^[6E]

Louis liếc nhìn đồng hồ. “Sinh vật chơi rock and roll phải mang đôi giày nhảy vào để lên đường đây,” anh nói.

“Anh có hồi hộp không?”

“Có một chút.”

“Đừng hồi hộp,” cô trấn an. “Sáu mươi bảy nghìn đô la một năm để quán băng Ace, kê thuốc cho các trận cảm cúm hay một mẻ sau khi nốc túy lúy, thuốc cho các nữ sinh viên...”

“Đừng quên kem trị chấy rận nữa,” Louis nói rồi mỉm cười. Một trong những điều làm anh ngạc nhiên nhất vào hôm đi tham quan bệnh xá là nguồn thuốc Quell khổng lồ nơi đây – nó giống bệnh xá của một căn cứ quân đội hơn là trường đại học cỡ trung.

Charlton, y tá trưởng, cười đầy giễu cợt. “Các khu nhà trọ nằm ngoài trường tồi tàn lắm. Rồi anh sẽ thấy.”

Anh đoán rồi mình sẽ thấy thật.

“Chúc anh một ngày tốt lành,” cô trao cho chồng thêm một nụ hôn có phần lưu luyến. Đoạn cô ra vẻ nghiêm mặt. “Và vì Chúa, anh hãy nhớ mình là quản lý, chứ không phải thực tập sinh hay học nội trú năm hai đâu nhé!”

“Vâng, thưa bác sĩ,” Louis khúm núm đáp rồi hai vợ chồng phá lên cười. Trong một thoáng, anh thầm nghĩ đến chuyện hỏi: *Là chuyện của Zelda phải không? Đó là nguyên nhân khiến em như ngồi trên đống lửa? Đó là vùng áp suất thấp phải không? Chuyện về Zelda và lý do chị gái em qua đời?* Nhưng anh sẽ không

căn vặn cô chuyện đó, chí ít là chưa phải bây giờ. Là bác sĩ, anh biết nhiều thứ, anh thấm thía cái chết là điều hết sức tự nhiên, không thua kém gì sinh con đẻ cái, ngoài ra, anh hiểu không nên vọc vào vết thương mãi mới lên da non.

Vì thế, anh không hỏi gì mà chỉ hôn cô rồi rời nhà.

Khởi đầu ngày hôm ấy rất tốt đẹp, tinh khôi. Maine khoác trên mình tấm áo cuối hạ, bầu trời xanh vãn vất không một gợn mây, thời tiết giữ ở con số hoàn hảo 22 độ C. Đánh xe ra cuối lối đi, kiểm tra xe cộ, Louis bản thân thầm nhủ anh vẫn chưa thấy cảnh thu dệt lá vàng mà hẳn sẽ làm lòng người nao nao. Nhưng không sao, anh thông thả đợi.

Anh hướng chiếc Honda Civic, chiếc xe thứ hai mà vợ chồng anh lựa chọn, về phía trường đại học rồi cho xe lăn bánh. Sáng hôm nay, Rachel sẽ gọi bác sĩ thú y, họ sẽ triệt sản cho Church, và điều đó sẽ đặt dấu chấm hết cho bao ì xèo quanh nghĩa địa thú cưng (thật kỳ lạ khi phiên bản sai chính tả lại ăn sâu bén rễ vào đầu anh và trở nên đúng đắn đến thế) cùng nỗi sợ cái chết. Chẳng việc gì phải trầm mặc nghĩ về chết chóc vào buổi sáng tháng Chín đẹp như thế này.

Louis bật radio lên dò cho đến khi bắt được Huey Lewis & the News hào sảng ca vang “Làm việc vì người sống”. Anh bật to âm lượng và ông ổng hát theo — không hay lắm nhưng đầy hứng khởi.

Khi rẽ vào khuôn viên trường đại học, điều đầu tiên anh để ý là bỗng đứng người và xe nườm nượp qua lại như mắc cửi. Nào xe ô tô, xe đạp, nào người chạy bộ vận đồ thể thao. Anh đã phải phanh kít để tránh hai sinh viên đi từ Sảnh Dunn về phía sân tập nằm bên kia nhà thể chất. Louis phanh mạnh đến độ khóa cả đai an toàn trên vai, bấm còi inh ỏi. Anh luôn thấy bức mình trước cách những người chạy bộ (dân đạp xe cũng có cái thói quen đáng ghét này) cho rằng trách nhiệm của họ hoàn toàn tiêu biến khi bắt đầu chạy. Suy cho cùng, họ đang *tập thể dục* kia mà. Một trong hai người này còn chĩa ngón tay thối về phía Louis mà thậm chí không buồn quay lại nhìn. Anh ngao ngán thở dài rồi lái xe đi.

Điều thứ hai anh để ý là xe cứu thương đã rời khỏi vị trí trong khu đậu xe bé nhỏ của bệnh xá, điều này khiến khởi đầu của anh chưa gì đã có điềm chẳng lành. Bệnh xá được trang bị để chữa hầu hết các bệnh hay tai nạn ngắn ngày; có ba phòng khám và điều trị đầy đủ máy móc nằm cạnh sảnh lớn, đằng sau có hai gian, mỗi gian có mười lăm giường bệnh. Nhưng ở đây không có phòng phẫu thuật hay căn phòng nào trông hao hao như thế. Trong trường hợp xảy ra tai nạn nghiêm trọng, xe cứu

thương sẽ đưa nạn nhân hoặc bệnh nhân trong tình trạng nguy kịch đến Trung tâm Y tế Đông Maine. Steve Masterton, vị trợ lý bác sĩ đưa Louis đi tham quan cơ sở lần đầu tiên, đã cho anh xem sổ ghi chép từ hai năm học trước với vẻ tự hào đầy chính đáng; suốt quãng thời gian này chỉ có ba mươi tám lần xe cứu thương hoạt động, không hề tệ khi xét tới số sinh viên ở đây là hơn mười nghìn em, còn tổng số sinh viên của các trường là gần mười bảy nghìn.

Và trong ngày đầu tiên nhận việc, anh lại chứng kiến chiếc xe cứu thương được điều động.

Sau khi đậu vào vị trí cấm tắc biển mới sơn đề **VỊ TRÍ ĐẬU XE CỦA BÁC SĨ CREED**, anh vội vàng bước vào.

Anh thấy Charlton, một phụ nữ tuổi ngũ tuần nhỏ con với mái tóc muối tiêu trong phòng khám thứ nhất, đang đo nhiệt độ cho nữ sinh viên mang quần jean và áo yếm. Theo Louis quan sát, da cô gái gần đây mới bị cháy nắng nặng; lớp da bong tróc khá nhiều.

“Chào chị, Joan,” anh lên tiếng. “Xe cứu thương đâu rồi?”

“À, chúng ta rơi vào thảm cảnh rồi,” Charlton nói, rút nhiệt kế ra khỏi miệng nữ sinh rồi đọc số. “Lúc bảy giờ sáng nay, Steve Masterton đến làm việc thì phát hiện một vũng nước khổng lồ bên dưới động cơ và bánh trước. Bộ tản nhiệt rò rỉ. Xe bị đưa đi.”

“Tuyệt thật,” Louis nói, nhưng thấy nhẹ nhõm phần nào. Chỉ ít nó không được điều đi chở bệnh nhân, vốn là lo sợ lúc đầu của anh. “Khi nào chúng ta lấy lại xe?”

Joan Charlton bật cười. “Tôi còn lạ gì Hệ thống Xe Công tác chung của trường đại học,” bà nói. “May ra đến ngày 15 tháng

Mười hai này nó mới trở lại, thất nơ Giáng sinh hẳn hoi ấy chứ.” Bà liếc nhìn cô sinh viên.

“Em bị sốt nhẹ,” bà nói. “Uống hai viên aspirin, đừng vào quán bar hay xớ rớ vào hẻm tối.”

Nữ sinh bước xuống. Cô liếc nhìn Louis với ánh mắt dò xét rồi ra ngoài.

“Khách hàng đầu tiên của chúng ta trong học kỳ mới,” Charlton chưa chát nói, tay vẩy nhiệt kế thật nhanh và dứt khoát.

“Chị có vẻ không hài lòng cho lắm nhỉ?”

“Tôi quá quen với kiểu này rồi,” bà đáp. “À, chúng ta còn một kiểu khác nữa – các cậu vận động viên dù bị mẻ xương, viêm gân và ti tỉ tình trạng khác nhưng bất chấp chơi tiếp vì không muốn ngồi ghế dự bị, vì phải ra dáng nam tử hán đầu đội trời chân đạp đất, không để cả đội thất vọng ngay cả khi họ đang biến cơ hội lên chuyên nghiệp sau này tan thành mây khói. Còn dạng vừa rồi là Tiểu thư giẫm phải gai mừng tơ...” Bà héch đầu về phía cửa sổ, bên ngoài, Louis có thể thấy cô nữ sinh với làn da cháy nắng bong tróc đang đi về phía tổ hợp ký túc xá Gannett-Cumberland-Androscoggin. Ban nãy, trong phòng khám, cô này ra vẻ không khỏe chút nào nhưng không quá lố. Giờ thì cô rảo bước thật nhanh, hông lắc đầy điệu nghệ, đong đưa và thu hút ánh nhìn.

“Kiểu sinh viên hở ra là giả ốm.” Charlton thả nhiệt kế vào máy khử trùng. “Năm nay chúng ta sẽ còn gặp cô này trên dưới hai chục lần nữa. Càng gần các kỳ kiểm tra, cô này sẽ càng siêng viếng thăm phòng y tế. Một tuần trước kỳ thi cuối kỳ, cô này sẽ

khăng khăng rằng mình bị bệnh bạch cầu đơn nhân nhiễm trùng hoặc viêm phổi. Hoặc viêm phế quản cũng là một lựa chọn. Cô này sẽ né được bốn hoặc năm bài kiểm tra – những môn mà giảng viên nhát cáy, theo như cách dùng từ của sinh viên – và được kiểm tra bù dễ hơn. Sinh viên thể nào cũng bệnh nặng nếu biết kiểm tra trong kỳ hoặc cuối kỳ là trắc nghiệm khách quan chứ không phải tự luận.”

“Ôi trời, mới sáng ra mà chúng ta đã đa nghi rồi,” Louis nói. Quả thật anh có hơi bối rối.

Bà bèn nháy mắt với anh, khiến anh nhoẻn miệng cười. “Tôi không để bụng đâu, bác sĩ. Anh cũng nên vậy.”

“Stephen đâu rồi nhỉ”

“Trong phòng làm việc của anh, trả lời thư từ và cố bóc tách cả tấn cập nhật của Hiệp hội Chữ thập xanh và Khiên xanh,” bà đáp.

Louis bước vào. Dù Charlton có phần đa đoan, anh vẫn cảm thấy thoải mái khi làm việc tại đây.

Sau này, khi đủ sức ngẫm lại mọi thứ, Louis nghĩ ác mộng thật sự bắt đầu khi họ mang cậu sinh viên hấp hối tên Victor Pascow vào bệnh xá vào khoảng mười giờ sáng.

Cho tới lúc ấy, mọi thứ rất bình lặng. Chín giờ, nửa tiếng sau khi anh đến chỗ làm, hai tình nguyện viên bệnh viện làm ca chín giờ đến ba giờ bước vào. Louis đưa cho mỗi người một chiếc bánh vòng cùng một tách cà phê rồi trò chuyện chừng mười lăm phút, nói sơ nhiệm vụ của họ và có lẽ điều này quan trọng hơn, những gì nằm ngoài nhiệm vụ của họ. Đoạn Charlton đảm nhiệm. Khi bà dẫn họ ra khỏi phòng làm việc của

Louis, anh nghe thấy bà hỏi: “Có ai trong hai người dị ứng với phân hay nôn mửa không? Vì ở đây sẽ thấy rất nhiều đấy nhé.”

“Ôi lạy Chúa,” Louis lẩm bẩm, đưa tay che mắt. Nhưng nụ cười hé trên môi anh. Một phụ nữ cứng rắn như Charlton nhiều khi lại đáng quý.

Louis đang điền vào đơn Hiệp hội Chữ thập xanh và Khiên xanh dài lê thê, chẳng khác nào một bản kê khai đầy đủ tồn kho thuốc và thiết bị y tế (“Năm nào cũng như năm nào,” Steve Masterton ảo não nói. “Năm nào cũng bốn cũ soạn lại. Sao anh không viết CƠ SỞ CẤY GHÉP TIM HOÀN CHỈNH, GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH 8 TRIỆU ĐÔ-LA, Louis? Cho họ ngã ngựa chơi!), tập trung hết sức, loáng thoáng nghĩ tới việc ước gì có tách cà phê để uống cho tỉnh người, thì Masterton hét lên từ phía phòng chờ ngoài sảnh lớn: “*Louis! Louis, ra đây mau! Có biến rồi!*”

Giọng nói bên bờ hoảng loạn của Masterton khiến Louis vội vàng lao ra. Anh bật dậy khỏi ghế như thể đầu đó trong tiềm thức, anh mơ hồ biết điều này sẽ xảy ra. Tiếng thét cao chót vót và sắc như mảnh thủy tinh bể vang lên từ phía Masterton. Theo sau là tiếng bạt tay chát chúa và tiếng Charlton gằn giọng, “Thôi ngay hoặc biến ra khỏi đây! Tôi bảo thôi ngay!”

Louis xông vào phòng chờ, đầu tiên, thứ duy nhất anh nhận thức được là máu – máu lênh láng. Một trong hai tình nguyện viên khóc nức nở. Người còn lại mặt xanh như tàu lá, nắm chặt tay đưa lên mặt, kéo miệng banh ra đầy sợ hãi. Masterton quỳ dưới đất, cố đỡ phần đầu của cậu thanh niên nằm trên sàn.

Steve ngược nhìn Louis, mắt tròn tròn, u ám và sợ hãi. Anh cố nói gì đó nhưng chẳng thốt ra được lời nào.

Đám đông bắt đầu tụ tập bên ngoài những khung cửa kính khổng lồ của Trung tâm Y tế Sinh viên, ngó vào trong, tay bưng mặt để không phải chứng kiến cảnh tượng ấy. Tâm trí của Louis dựng lên một hình ảnh phù hợp đến điên rồ: Anh là cậu bé chưa tới sáu tuổi ngồi trong phòng khách xem ti vi với mẹ vào buổi sáng trước khi bà đi làm. Xem chương trình *Today* với Dave Garroway là người dẫn. Người ta đứng ngoài, nhìn Dave, Frank Blair cùng chủ khỉ J. Fred Muggs. Anh nhìn quanh và thấy người ta túm tụm ngoài cửa sổ. Anh không thể xử lý những cánh cửa, nhưng...

“Kéo rèm lại,” anh quát lên với tình nguyện viên ban này vừa la hét.

Thấy cô này cứ dờ người ra, Charlton phát vào mông cô. “Mau đi!”

Cô tình nguyện viên hốt hải chạy. Giây sau, rèm xanh đã che khuất cửa sổ. Theo bản năng, Charlton và Steve Masterton di chuyển chắn giữa cậu thanh niên đang nằm trên sàn với cửa sổ, cốt để che được càng nhiều càng tốt.

“Cáng cứu thương cứng không, bác sĩ?” Charlton hỏi.

“Nếu cần thì lấy,” Louis nói, ngồi xuống cạnh Masterton. “Tôi thậm chí còn chưa xem được tình trạng của nạn nhân.”

“Đi nào,” Charlton nói với cô tình nguyện viên vừa đóng rèm. Cô lại dùng tay kéo khóe miệng thành nụ cười tựa tiếng thét không chút hài hước. Cô nhìn Charlton rồi rên rỉ, “Ồ, Ặc.”

“Ờ, ồ Ặc là chuẩn rồi đấy. Đi nào.” Bà kéo thật mạnh tay cô gái để cô di chuyển, chiếc váy sọc mảnh đỏ trắng loạt soạt cọ vào chân.

Louis cúi xuống bệnh nhân đầu tiên của anh ở trường Đại học Maine tại Orono.

Cậu thanh niên này còn trẻ, có lẽ chỉ mới đôi mươi, và Louis cần chưa tới ba giây để đưa ra chẩn đoán quan trọng nhất: Cậu sắp mất mạng. Một nửa đầu của cậu ta nát bầy, cổ thì bị gãy, xương quai xanh đâm thẳng ra từ vai phải sưng vù và vẹo vọ. Từ đầu của cậu, máu và một thứ dịch nhầy màu vàng ri rỉ chảy xuống thảm. Louis có thể trông thấy não của cậu thanh niên xấu số, xám trắng và giật giật qua phần hộp sọ bị bể nát. Tựa hồ anh đang nhìn qua ô cửa sổ bị bể. Vết thương rộng chừng năm xen-ti-mét; giả như có một đứa trẻ trong hộp sọ, thiếu điều cậu có thể để ra nó như thần Zeus sinh con gái từ trán. Nội việc cậu ấy còn sống đã là điều không tài nào tin nổi. Trong tâm trí anh chợt văng vẳng câu nói của ông Jud Crandall, *Nhiều khi, ta có thể cảm thấy nó cắn phập vào mông mình*. Ngoài ra còn có giọng của mẹ anh: *Chết là chết*. Thật điên rồ, anh chợt muốn phá lên cười. Chết là chết, chứ còn gì nữa. Rõ như ban ngày, bạn hiền ạ.

“Gọi xe cứu thương đi,” anh ra lệnh cho Masterton. “Chúng ta.”

“Louis, xe cứu thương...”

“Ôi *lạy Chúa*,” Louis nói, tay đập bốp lên trán. Anh nhìn sang Charlton. “Chị Joan, trong trường hợp này thì chị làm gì? Gọi Đội an ninh Đại học hay Trung tâm Y tế Đông Maine?”

Trông Joan có vẻ bối rối và bất lực, Louis đoán ấy là chuyện ngàn năm có một với bà. Nhưng giọng bà vẫn đủ vững vàng khi trả lời. “Bác sĩ, tôi không biết. Chúng tôi chưa từng gặp tình

huống nào như vậy trong suốt thời gian tôi làm ở Trung tâm Y tế.”

Louis suy nghĩ nhanh hết mức có thể. “Gọi cảnh sát khu đại học. Ta không thể đợi Trung tâm Y tế Đông Maine gửi xe cứu thương của họ. Nếu cần thiết, họ có thể dùng xe cứu hỏa đưa cậu này lên Bangor. Chí ít thì nó có còi hú và đèn nháy. Làm ngay đi, Joan.”

Bà bước đi, nhưng anh vẫn kịp nhắc thấy ánh nhìn thương cảm đến xé lòng của bà và tự hiểu. Chàng trai ở độ tuổi đương xuân, da rám nắng, cơ bắp rắn rỏi – có lẽ cậu đã quần quật làm đường suốt kỳ nghỉ hè, hoặc sơn nhà, hoặc dạy đánh tennis – mặc đồ thể dục đồ sọc trắng, vẫn sẽ ra đi bất kể họ có làm gì. Cậu chẳng giữ được mạng ngay cả khi chiếc xe cấp cứu đậu ngoài kia, tắt máy tạm thời khi nạn nhân được đưa vào đây.

Thật không thể tin nổi, cậu thanh niên kia cử động. Mắt cậu chớp chớp rồi mở ra. Đôi mắt màu xanh, mống mắt hoen máu. Con người chĩa vào vô định, chẳng trông thấy gì. Cậu cố cựa đầu, và Louis dồn sức để ngăn cậu làm thế, bởi anh biết rõ cổ của nạn nhân đã gãy. Chưa chắc vết thương trí mạng ở hộp sọ ngăn nổi cơn đau.

Cái lỗ trên đầu cậu ta, ôi Chúa ơi, cái lỗ ngay trên đầu cậu ta.

“Nạn nhân gặp chuyện gì vậy?” Anh hỏi Steve, ý thức được trong rất nhiều trường hợp, đây là câu hỏi ấu trĩ và vô nghĩa. Câu hỏi của kẻ đứng ngoài. Nhưng cái lỗ trên đầu cậu thanh niên đã xác nhận thân phận của anh; anh chẳng là gì ngoài kẻ ngoài cuộc. “Cảnh sát mang cậu ấy vào sao?”

“Một vài sinh viên khiêng cậu ta vào bằng một tấm chăn. Tôi không rõ đã xảy ra chuyện gì.”

Phải tính đến điều tiếp theo. Đó cũng là trách nhiệm của anh. “Anh ra ngoài tìm các em ấy giúp tôi,” Louis nói. “Đưa họ ra cửa sau. Tôi muốn chúng ở ngay đây nhưng không muốn chúng phải chứng kiến nhiều hơn những gì đã trông thấy.”

Với vẻ mặt nhẹ nhõm khi được lánh khỏi biến cố, Masterton đi ra mở cửa, để lọt vào trong những tiếng í ới đầy hứng thú, tò mò và bối rối. Louis cũng nghe thấy tiếng còi xe cảnh sát vọng lại. Vậy là Đội an ninh Khu đại học đã đến. Louis cảm thấy như trút được tảng đá khổng lồ.

Cậu thanh niên hấp hối phát ra những tiếng òng ọc trong họng. Cậu cố nói gì đó. Louis nghe thấy âm tiết – chí ít cũng là phát âm – nhưng từ ngữ đứt mạch và không rõ.

Louis cúi xuống rồi lên tiếng, “Cậu sẽ ổn thôi, chàng trai.” Khi nói những lời ấy, anh nghĩ về Rachel cùng Ellie, và bụng anh quặn thắt dữ dội. Anh đặt tay lên miệng, cố nén tiếng ợ.

“Caaa,” cậu thanh niên lên tiếng. “Gaaaaaaa...”

Nhìn quanh, Louis nhận ra hiện giờ chỉ có mình anh bên nạn nhân. Văng vẳng từ đằng xa, anh có thể nghe thấy tiếng Joan Charlton hét lên bảo với cô tình nguyện viên rằng cáng cứu thương nằm ở trong gian vật dụng Phòng Hai. Louis thầm nghĩ có khi họ còn chẳng biết Phòng Hai ở xó xỉnh nào; suy cho cùng, đây là ngày đầu tiên họ đến đây làm việc. Hẳn là họ đã nhận được màn giới thiệu hoành tráng về ngành y. Tấm thảm trải sàn màu xanh giờ ướm sũng thứ hỗn hợp màu tím đục theo

vòng tròn càng lúc càng lan rộng quanh phần đầu nát bầy của chàng trai bất hạnh; may thay, dịch não tủy đã ngừng chảy.

“Trong Nghĩa địa Thú cưng” cậu thanh niên khàn khàn... đoạn nhếch miệng cười. Nụ cười giống như nụ cười hoảng loạn, không chút vui thú của cô tình nguyện viên ban nãy kéo rèm.

Louis nhìn cậu chăm chăm, ban đầu anh không tài nào tin nổi những gì vừa lọt vào tai mình. Đoạn anh nghĩ hẳn anh vừa gặp ảo tưởng thính giác. *Cậu ta phát ra những âm thanh rời rạc nên tiềm thức của mình mới biến chúng thành lời nói có ý nghĩa: chấp vá âm thanh thành trải nghiệm của riêng mình*, anh tự nhủ. Song chuyện xảy ra không phải như thế, giây sau, anh buộc phải chấp nhận điều đó. Nỗi kinh hoàng điên rồ, chấn động quét qua, cả người anh sồn hết gai ốc, tưởng chừng cảm giác râm ran đang thực sự di chuyển lên xuống tay và dọc theo bụng thành từng đợt... dần thế, anh vẫn không muốn tin. Phải, âm tiết đã phát ra trên đôi môi bê bết máu của người thanh niên nằm trên sàn, vang lên trong tai Louis, nhưng điều đó chỉ có nghĩa ảo ảnh này vừa là thị giác vừa là thính giác.

“Cậu nói gì kia?” Anh thì thầm.

Và lần này, rành mạch như một con vệt hoặc con quạ đã lọt lưới eo éo cất tiếng, những lời cậu ta nói không nhằm đi đâu được: “Nó không phải Nghĩa địa thật sự...” Mắt cậu đờ đẫn, chẳng thu được hình ảnh gì, hần máu; miệng nở nụ cười thật to tựa con cá chết.

Kinh hãi ồ ạt dâng lên trong Louis, bóp chặt lấy trái tim ấm nóng của anh bằng bàn tay lạnh ngắt. Nó khiến anh tiêu biến, càng lúc càng nhỏ nhoi, cho đến khi anh chỉ muốn đứng dậy, co

giò chạy khỏi cái đầu bê bết máu me, méo mó đang cất tiếng nói trên sàn nhà phòng chờ bệnh xá. Anh là người không có niềm tin tôn giáo nào sâu sắc, chẳng mê tín dị đoan hay tâm linh thần bí. Anh không đủ tinh thần để tiếp nhận điều này... bất kể nó là gì.

Cố gồng mình để không bỏ cửa chạy lấy người, anh ép bản thân cúi xuống sát. “Cậu nói gì kia?” Anh hỏi thêm lần nữa.

Nụ cười ấy. Kinh khủng quá.

“Đất trong tim người cứng hơn đá, Louis,” cậu thanh niên hấp hối thều thào. “Người ta trông thứ gì có thể... rồi chăm bón nó.”

Louis, anh thầm nghĩ, trí óc chẳng nghe lọt lời nào phát ra sau tên mình. *Ôi Chúa ơi, cậu ta gọi mình bằng tên riêng.*

“Cậu là ai?” Louis hỏi, giọng run rẩy, mông tang như giấy. “Cậu là ai?”

“Injun đem cá cho ta.”

“Sao cậu lại biết tên...”

“Giữ sạch, bọn ta. Biết...”

“Cậu..”

“*Caa*,” cậu thanh niên rên lên, giờ thì Louis tưởng chừng mình có thể ngửi thấy cái chết từ hơi thở, những vết thương bên trong, nhịp điệu bị mất, thất bại, hủy hoại.

“Gì kia?” Một thôi thúc cuồng loạn xuất hiện khiến anh choáng váng.

“*Gaaaaaaaaa...*”

Người cậu thanh niên mặc đồ thể thao màu đỏ bắt đầu co giật. Bất thành linh, cậu ta như đông cứng, mọi cơ bắp đều khóa

chặt. Trong thoáng chốc, mắt cậu ta không còn vẻ vô định nữa mà nhìn thẳng vào mắt Louis. Rồi mọi thứ đồng loạt biến mất. Louis cứ tưởng cậu ta sẽ nói, buộc phải nói lần nữa. Nhưng rồi mắt cậu thanh niên lại vô định... và bắt đầu mờ dần. Cậu ta qua đời.

Louis thù người, lơ mờ nhận ra quần áo mình mặc đang bết vào người; toàn thân anh ướt sũng mồ hôi. Bỗng dưng bóng đêm tràn tới, nhẹ nhàng vung cánh che lấp đôi mắt, thế gian bắt đầu chao đảo làm anh muốn bệnh. Nhận thức chuyện đang xảy ra, anh khẽ quay đi khỏi nạn nhân, gục đầu xuống giữa hai đầu gối, ép móng tay ngón cái và ngón trỏ bên trái vào nướu răng mạnh đến độ bật máu.

Sau thoáng chốc, thế gian hiện rõ trở lại.

Và rồi căn phòng đông nghịt người, như thể tất cả bọn họ là diễn viên đang chờ tới lượt diễn. Điều ngày càng khiến Louis cảm thấy vô thực và mất phương hướng – anh từng học trong các lớp tâm lý học về sức nặng của những cảm xúc này nhưng chưa bao giờ được trải nghiệm thực tế, để rồi giờ đây, chúng làm anh hoảng sợ cùng cực. Anh thậm nhủ nó giống với cảm giác một người vừa bị chuốc ly nước trộn liều LSD^[7E] nặng.

Cứ như vở kịch được dàn dựng riêng cho mình vậy, anh nghĩ. Ban đầu, căn phòng không có một ai để thầy bói người Sybil đang hấp hối có thể nói vài lời tiên tri khó hiểu cho mình nghe, và khi người này vừa chết, mọi người quay trở lại.

Hai tình nguyện viên luống cuống bước vào, mỗi người khiêng một đầu cáng cứu thương, loại mà họ sử dụng cho nạn nhân bị thương cột sống hoặc bị thương ở cổ. Joan Charlton theo sau, báo cảnh sát khu đại học đang trên đường đến. Cậu thanh niên này bị xe tông phải trong lúc chạy bộ. Louis nghĩ về những người chạy trước xe ô tô của anh ban sáng, lòng quặn lại.

Đằng sau Charlton là Steve Masterton cùng hai cảnh sát Đội an ninh Đại học. “Louis, những người mang Pascow vào là...”

Anh buông lửng câu nói rồi sắc bén hỏi, “Louis, anh ổn chứ?”

“Tôi ổn,” anh nói và đứng dậy. Cơn choáng váng lại quét qua anh rồi rút xuống. Anh mò mẫm tìm chỗ tựa. “Pascow là tên cậu ấy à?”

Một trong hai cảnh sát khu đại học lên tiếng, “Victor Pascow, theo như cô gái chạy bộ cùng nạn nhân.”

Louis liếc nhìn đồng hồ rồi trừ đi hai phút. Từ căn phòng nơi Masterton đã tập hợp được những người khiêng Pascow vào, anh có thể nghe thấy tiếng một cô gái khóc om sòm. *Chào mừng trở lại trường, cô gái, anh thầm nghĩ. Chúc cô học kỳ tốt lành.* “Cậu Pascow qua đời lúc 10 giờ 9 phút sáng,” anh nói.

Một viên cảnh sát đưa mu bàn tay lên quệt miệng.

Masterton lại hỏi, “Louis, anh có ổn thật không? Nhìn anh *kinh quá.*”

Louos mở miệng toan trả lời thì một tình nguyện viên bất ngờ thả đầu cẳng cứu thương mà mình đang khiêng rồi chạy ra ngoài, nôn đầy xuống áo khoác. Điện thoại bắt đầu reo. Cô gái khóc lóc từ nãy đến giờ gào thét tên của người đã khuất: “Vic! Vic! Vic!” Hồn loạn. Bối rối. Một cảnh sát hỏi xin Charlton tạm chặn để phủ thi thể lại, song Charlton đáp bà không biết liệu bà có quyền hạn trưng dụng nó hay không, Louis bất giác nghĩ đến một câu của Maurice Sendak: “Om sòm hết cỡ luôn đi nào!”

Tiếng cười khúc khích rửa nát ấy lại dâng lên trong họng nhưng anh chật vật ngăn được chúng. Có thật cậu Pascow này đã nói từ Nghĩa địa thú cưng không? Cậu Pascow này có gọi tên anh không? Đó chính là những điều đánh bật anh khỏi sự cân bằng, là những điều khiến anh rung lắc khỏi quỹ đạo. Nhưng

chừng như tâm trí anh đã bọc những giây phút ấy bằng tấm màng bảo vệ – chạm khắc, thay đổi, tháo gỡ liên quan. Chắc hẳn cậu ta đã nói điều gì khác (ấy là nếu cậu ta có lên tiếng), song Louis nghe nhầm do chịu cú đả kích quá lớn cùng nỗi kinh hoàng tột cùng. Hoặc khả năng cao hơn là Pascow chỉ mấp máy môi như ban đầu anh đã nghĩ.

Louis chặt vật giữ vững bản thân, giữ vững cái phần đã khiến ban quản lý trao cho anh công việc này trong hơn 53 ứng viên. Hiện tại, chẳng ai đứng mũi chịu sào, chẳng có tiến triển gì; cả gian phòng rặt những con người rối trí.

“Steve, lấy thuốc an thần cho cô gái đi,” anh nói, và nội việc cất tiếng đã khiến anh thấy tốt hơn. Tựa hồ anh đang ngồi trong một tàu con thoi không đủ năng lượng đang cố thoát khỏi mặt trăng nhỏ. Tất nhiên mặt trăng anh đang nhắc tới chính là phút giây phi lý khi Pascow cất lời. Người ta thuê anh để đảm đương nhiệm vụ, vậy nên anh sẽ làm tròn nó.

“Joan. Đưa chăn cho cảnh sát đi.”

“Bác sĩ, chúng ta không trữ sẵn...”

“Cứ đưa chăn cho cảnh sát đi. Sau đó đi kiểm tra cô tình nguyện viên kia giùm tôi.” Anh nhìn tình nguyện viên còn lại, lúc ấy vẫn giữ chặt đầu cánh cứu thương. Cô chăm chăm nhìn vào thi thể của Pascow với vẻ kinh ngạc như bị thôi miên. “Cô tình nguyện viên!” Louis gằn giọng, đôi mắt của cô giật bắn khỏi cái xác.

“C-C-Có...”

“Tên cô còn lại là gì?”

“A-Ai kia ạ?”

“Cô vừa nôn mửa ấy,” anh cố tình gắt.

“Juh-Juh-Judy. Judy DeLessio ạ.”

“Còn cô?”

“Carla ạ.” Cô gái giờ có vẻ vững vàng hơn một chút.

“Carla, cô đi kiểm tra xem Judy ra sao rồi lấy chặn cho tôi. Cô sẽ thấy đồng chặn trong tủ trang bị nhỏ cạnh Phòng Khám Một. Tất cả đi đi. Hành động chuyên nghiệp lên.”

Họ lục tục di chuyển. Chốc sau, tiếng hét trong phòng bên im hẳn. Ban nãy điện thoại đã ngừng reo thì giờ lại reo lần nữa. Louis đẩy nút CHỜ mà không nhắc ống nghe.

Vị cảnh sát đại học già trông có vẻ bình tĩnh hơn, vì thế Louis quay sang nói với ông: “Chúng tôi phải báo với ai? Ông có thể cho tôi danh sách không?”

Ông ta gật đầu rồi nói, “Chúng tôi chưa gặp trường hợp nào như thế này trong sáu năm đổ lại đây. Bắt đầu học kỳ mà thế này thì quả là tệ hại.”

Louis bấm một nút không sáng đèn trên điện thoại và bắt đầu gọi mà không buồn kiểm tra xem ban nãy mình đã để ai chờ máy.

Gần bốn giờ chiều thì mọi chuyện mới thu xếp được phần nào, sau khi Louis và Richard Irving, trưởng ban An ninh Trường đại học thông báo với cánh truyền thông. Cậu thanh niên Victor Pascow đang chạy bộ với hai người bạn, một người trong số đó là hôn thê của cậu. Xe hơi do Tremont Withers, 23 tuổi, người Haven, Maine, điều khiển đã chạy quá tốc độ vào đường từ Phòng Gym Phụ nữ Lengyll đến trung tâm khu đại học. Xe của Withers tông vào Pascow, đẩy cậu đập người vào một cái cây. Pascow được bạn và hai người qua đường bọc trong chăn đưa vào bệnh xá. Vài phút sau, cậu trút hơi thở cuối cùng. Withers bị tạm giữ do tội lái xe bất cẩn, lái xe dưới ảnh hưởng của chất kích thích và gây tai nạn giao thông chết người.

Biên tập tờ báo trường hỏi có thể nói Pascow mất vì chấn thương sọ não không. Nhớ lại hình ảnh phần hộp sọ vỡ toác để lộ phần não bên trong, Louis đáp anh xin để nhân viên điều tra Quận Penobscot tuyên bố nguyên nhân cái chết. Biên tập viên bèn hỏi liệu có khả năng khi bọc Pascow trong chăn đưa vào bệnh xá, bốn thanh niên đã vô tình gây ra cái chết của nạn nhân hay không.

“Không,” Louis đáp, mừng vì có cơ hội minh oan cho bốn người bạn họ khỏi búa rìu dư luận, bởi họ đã hành động rất nhanh nhẹn và đầy lòng trắc ẩn. “Không hề. Theo tôi đánh giá, đáng tiếc cậu Pascow đã bị thương chí mạng ngay thời điểm tông xe.

Có thêm vài câu hỏi – không nhiều – nhưng câu trả lời kia đã khép lại cuộc họp báo. Hiện tại, Louis ngồi trong phòng làm việc (Steve Masterton đã về nhà một tiếng trước, ngay sau cuộc họp báo, Louis nghĩ là để kịp nhìn mình xuất hiện trên bản tin tối), cố lượm lặt những mảnh vỡ của ngày hôm ấy – hoặc có lẽ anh chỉ đang cố hình dung lại những chuyện vừa xảy ra, phết lên sự kiện ấy một lớp sơn phủ của thường nhật. Anh và Charlton đang kiểm tra thông tin thẻ trong “hồ sơ tuyển đầu” – những sinh viên cố gắng đi qua những năm đại học dù bị khuyết tật. Trong bộ hồ sơ có 23 sinh viên bị tiểu đường, 15 sinh viên bị động kinh, 14 em liệt hai chân và còn rất nhiều chứng bệnh khác: có sinh viên bị ung thư máu, bại não và loạn dưỡng cơ, có sinh viên khiếm thị, hai sinh viên câm và một trường hợp thiếu máu hồng cầu lưỡi liềm mà cả đời Louis chưa tận mắt thấy bao giờ.

Có lẽ khoảnh khắc chạm đáy của buổi chiều hôm ấy xảy ra sau khi Steve vừa ra về. Charlton bước vào và để một mảnh giấy nhớ màu hồng trên bàn Louis. *Thảm Bangor sẽ được gửi đến vào 9 giờ sáng mai*, mảnh giấy ghi.

“Thảm ư?” Anh hỏi.

“Bắt buộc phải thay thảm thôi,” bà nói với vẻ ngần ngại. “Không thể để chuyện này lan rộng được, bác sĩ ạ.”

Tất nhiên rồi. Trước đó, Louis đã vào phòng thuốc và lấy một viên Tuinal – cậu bạn đầu tiên ở chung phòng với anh thời học y gọi nó là Tooners. “Nhảy lên tàu đi Toonerville nào, Louis,” cậu bạn ấy hay bảo, “rồi tôi bật nhạc Creedence lên nghe cho phê.” Thường thì Louis từ chối chuyển tàu đến ngôi làng Toonerville hư cấu, và có lẽ may mà anh làm thế; bởi cậu bạn ấy bị đuổi học vào học kỳ thứ ba, sau đó lên chuyển tàu Toonerville đến thẳng Việt Nam làm y tá quân y. Thỉnh thoảng, Louis lại hình dung cảnh cậu bạn mình ở đất nước ấy, phê thuốc đến chẳng biết trời trăng gì và nghe bài “Chạy qua rừng thẳm” của Creedence.

Nhưng anh cần gì đó. Nếu lần nào ngược nhìn lên từ hồ sơ tuyến đầu đang để trước mặt, anh cũng phải trông thấy mảnh giấy màu hồng thông báo về tấm thảm trên bảng ghi nhớ, thì anh cần uống một viên.

Anh đang làm khá trôi chảy thì bà Baillings, y tá trực đêm, ló đầu vào và nói, “Bác sĩ Creed, vợ anh gọi. Đường dây một.”

Louis liếc nhìn đồng hồ và nhận ra đã gần năm giờ ba mươi; đáng lý ra anh đã rời chỗ làm cách đây một tiếng rưỡi.

“Vâng, chị Nancy. Cảm ơn chị.”

Anh nhắc điện thoại lên rồi ấn phím một. “Chào em. Anh đang chuẩn...”

“Louis, anh ổn chứ?”

“Ừ, anh ổn.”

“Em nghe tin trên thời sự, Lou ạ, em rất tiếc.” Đoạn cô im lặng. “Họ phát tin tức trên đài. Có anh trả lời vài câu hỏi. Em nghe giọng anh vẫn bình tĩnh.”

“Thế à? Vậy thì tốt.”

“Anh có chắc là anh vẫn ổn không?”

“Có, Rachel. Anh ổn mà.”

“Về nhà đi anh,” cô nói.

“Ừ,” anh đáp. Từ “nhà” khiến lòng anh dịu lại.

Cô đón anh ở cửa, và anh chỉ biết há hốc mồm. Cô mặc áo ngực ren anh thích, quần lót nửa xuyên thấu, ngoài ra không còn mảnh vải nào che thân.

“Trông em ngon lành quá,” anh nói. “Hai con đâu rồi?”

“Missy Dandridge trông cho mình rồi. Hai chúng ta có khoảng trời riêng đến tám giờ ba mươi...tức là hai tiếng rưỡi. Mình đừng lãng phí nó nhé.”

Cô áp người vào anh. Anh có thể ngửi thấy một làn hương dịu nhẹ, nồng nàn – là mùi tinh dầu hoa hồng chẳng? Hai tay anh vòng ôm lấy cô; đầu tiên là quanh eo, và rồi tay anh lần xuống vòng ba của cô khi lưỡi cô khẽ mơn man trên môi anh, rồi vào trong miệng anh, nhẹ nhàng, mãnh liệt.

Khi nụ hôn thật dài ấy kết thúc, anh hỏi cô, giọng khàn khàn: “Em là bữa tối đấy à?”

“Tráng miệng,” cô nói rồi lả lướt, dề mề cọ phần thân dưới vào phần bụng và hạ bộ của anh. “Nhưng em hứa là anh sẽ không phải ăn bất cứ thứ gì anh không thích.”

Anh vươn tới thì cô vụt khỏi vòng tay anh rồi nắm lấy tay anh. “Mình lên tầng đã,” cô nói.

Cô kéo anh vào bồn tắm cực kỳ ấm áp, đoạn chậm rãi cởi quần áo cho anh và đưa anh vào làn nước. Sau khi mang chiếc gang tay bọt biển hơi thô ráp treo trên vòi hoa sen, cô nhẹ nhàng xát xà phòng lên người anh rồi xả lại với nước. Anh có thể cảm nhận ngày hôm nay – ngày đi làm đầu tiên đầy khủng khiếp – dần gột rửa khỏi người. Cô cũng đã dính nước, quần lót dính vào người như lớp da thứ hai.

Louis dợm đứng dậy khỏi bồn tắm thì cô khẽ đẩy anh ngồi lại.

“Gì...”

Và giờ thì gang tay bọt biển đang mơn trớn lấy anh – dịu dàng nhưng độ cọ sát gần như vượt ngưỡng chịu đựng, chậm rãi chuyển động lên xuống.

“Rachel...” Mồ hôi thi nhau túa ra trên người anh, nhưng không chỉ vì nước trong bồn quá nóng.

“Suýt.”

Cảm giác ấy tưởng chừng kéo dài thiên thu – anh gần chạm tới đỉnh, bàn tay trong lớp gang chậm lại, gần như ngừng hẳn. Nhưng nó không ngừng và bóp chặt lấy anh, rồi lại thả lỏng, lại bóp chặt cho đến khi anh ra mạnh đến độ lưng bùng lỗ tai.

“Chúa ơi,” anh run rẩy nói khi có thể bật thành tiếng. “Em học điều đó ở đâu thế”

“Hướng đạo sinh nữ,” cô nghiêm nghị nói.

Cô hầm liu riu món bò Stroganoff trên bếp lúc hai người ở trong bồn tắm, và dù lúc bốn giờ, Louis thì chắc phải đến Halloween anh mới có lòng dạ để ăn, nhưng rốt cuộc, anh ngấu nghiến đến hai phần.

Sau đó, cô dẫn anh lên tầng trên.

“Giờ thì để xem anh làm được gì cho em nào,” cô nói.

Xét từ đầu chí cuối, Louis đánh giá anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Khi mọi chuyện xong xuôi, Rachel mặc lại bộ đồ ở nhà màu xanh quen thuộc. Louis mặc áo ca rô và quần nhung tằm lòng thùng – mà Rachel hay gọi là ấu trùng của anh – rồi đi đón con.

Missy Dandridge muốn biết về tai nạn nên Louis kể sơ cho cô nghe, nhưng có lẽ những gì anh nói còn ít hơn thông tin cô có thể đọc được trên tờ *Nhật báo Bangor* ngày mai. Anh không thích làm vậy — nó khiến anh cảm thấy mình chẳng khác nào một kẻ ngồi lê đôi mách – nhưng Missy không chịu nhận tiền trông con giùm hai vợ chồng, mà anh thì thấy rất biết ơn khi cô cho anh và Rachel một buổi tối nồng ấm.

Gage ngủ khi Louis đi chưa được một cây số rưỡi từ nhà Missy về nhà, còn Ellie thì ngáp ngắn ngáp dài, mắt nhòe nước. Anh thay tã mới cho Gage, mặc đồ ngủ cho cậu bé rồi thả con trai vào cũi. Đoạn anh đọc truyện cho Ellie. Như thường lệ, cô bé mè nheo đòi đọc cuốn *Nơi những điều hoang dại*, bởi bản thân cô bé vốn cũng hoang dại vô cùng. Louis thuyết phục con gái nghe câu chuyện *Con mèo trong chiếc nón*. Anh bế con gái lên tầng được năm phút thì cô bé chìm vào giấc ngủ, Rachel ghéม chân cho con.

Khi anh xuống tầng dưới, Rachel đang ngồi trong phòng khách với ly sữa. Cuốn tiểu thuyết kỳ bí của Dorothy Sayers đang để mở trên đôi chân dài miên man của cô.

“Louis, anh có thật sự thấy ổn không?”

“Em yêu, anh ổn mà,” anh đáp. “Cảm ơn em. Vì tất cả.”

“Em hân hạnh được phục vụ anh chu đáo,” cô nói, khẽ mỉm cười. “Anh có qua nhà ông Jud uống bia không?”

Anh lắc đầu. “Đêm nay thì không. Anh mệt rã rời rồi.”

“Hy vọng một phần là do em.”

“Anh nghĩ là có đấy.”

“Thế anh uống sữa đi, bác sĩ, rồi mình đi ngủ.”

Anh cứ tưởng mình sẽ nằm thao thức giống thời anh còn đi thực tập và những ngày nhiều biến cố sẽ trở đi trở lại trong đầu anh. Thế mà anh nhẹ nhàng chìm vào giấc ngủ, như thể trượt xuống tấm ván nghiêng không chút ma sát. Anh từng đọc được ở đâu đó rằng một người bình thường chỉ mất bảy phút để ngắt mọi công tắc và tháo bỏ gánh nặng của ngày dài. Bảy phút để tâm thức và tiềm thức xoay vần, như bức tường lửa gạt trong khu nhà ma của công viên giải trí. Nó có gì đó thật ma mị.

Anh gần như phiêu du vào giấc ngủ khi nghe thấy giọng Rachel tựa ngân lên từ đằng xa: “... ngày mốt.”

“Hửmmmmm?”

“Jolander. Bác sĩ thú y. Anh ấy sẽ đến mang Church đi vào ngày mốt.”

“Ô.” Church. *Tranh thủ trôn trọng hai hòn của mình khi còn đi nhé, Church cưng*, anh nghĩ rồi trôi tuột khỏi tất cả, thẳng xuống hố, ngủ thật sâu, không chút mộng mị.

Một lúc lâu sau, anh bị đánh thức, tiếng động to đến mức anh ngồi bật dậy trên giường, tự hỏi liệu có phải Ellie ngã xuống sàn hay cũi của Gage bị sập hay không. Rồi mặt trăng ló rạng từ đằng sau đám mây, rót vào phòng ánh bạc lạnh lẽo, và anh trông thấy Victor Pascow đứng ngay trong hành lang. Tiếng động ban nãy là do cậu ta mở toang cánh cửa.

Cậu ta đứng đó, với cái đầu móp hẵn đằng sau thái dương bên trái. Máu khô trên mặt thành những sọc màu nâu đỏ như dân da đỏ sơn lên khi ra trận. Xương quai xanh chọc thẳng ra ngoài trắng hếu. Cậu ta nhe miệng cười.

“Đi nào, bác sĩ,” Pascow nói. “Chúng ta có chốn phải đi.”

Louis nhìn quanh. Vợ anh chỉ là một khối mờ nhạt dưới lớp chăn màu vàng, say sưa ngủ. Anh lại quay ra nhìn Pascow, cậu thanh niên đã từ giã cõi đời nhưng vì lý do gì đó vẫn chưa chết. Song Louis không cảm thấy sợ. Anh nhận ra nguyên nhân gần như ngay lập tức.

Đây chỉ là mơ, anh nghĩ, nhưng khi thở phào nhẹ nhõm, anh nhận ra mình đã thất kinh. Người chết không trở lại; về sinh lý, đó là chuyện bất khả thi. Cậu thanh niên này đang nằm trong ngăn đựng xác ở Bangor với hình xăm mà nhân viên khám nghiệm tử thi

tạo ra – một vết cắt chữ Y đã được khâu lại. Có khi nhân viên đã bỏ não cậu ta vào khoảng trống trên ngực sau khi lấy mẫu mô và nhét giấy nâu vào lỗ hổng trong não để ngăn dịch rỉ ra ngoài – thế đơn giản hơn việc hì hụi đưa não vào lại hộp sọ như gắn miếng ghép vào bộ xếp hình. Cậu Carl, bố của Ruthie xấu số, kể với anh rằng nhân viên khám nghiệm tử thi hay làm thế, ông còn kể đủ thứ trên trời dưới biển khác mà anh đoán người sợ chết như Rachel nghe thấy thế nào cũng hét lên vì sợ hãi. Nhưng Pascow không có mặt ở đây; không thế nào, bạn hiền ơi. Pascow đang nằm trong ngăn đông với mảnh giấy đề thông tin quanh ngón chân. Và cậu ta chắc chắn không còn mang quần chạy bộ màu đỏ.

Nhưng anh không tài nào cưỡng lại mong muốn ngồi dậy. Mắt của Pascow gán chặt vào anh.

Anh lật chăn, vung chân xuống sàn. Tám thăm xù xì – món quà mừng đám cưới mà bà ngoại của Rachel tặng vợ chồng họ ngày xưa – áp bề mặt lợn cợn lạnh ngắt lên lòng bàn chân của anh. Giấc mơ thật đến từng chi tiết. Nó thật đến độ anh không đi theo Pascow cho đến khi cậu ta quay người và bước xuống cầu thang. Trong anh trào dâng thôi thúc đi theo, nhưng anh không muốn bị một xác chết sống dậy chạm vào, ngay cả trong mơ.

Nhưng anh vẫn đi. Quần thể thao của Pascow ánh lên.

Họ bước qua phòng khách, phòng ăn, nhà bếp. Louis cứ nghĩ Pascow sẽ xoay ổ khóa rồi nâng chốt của cánh cửa từ nhà bếp thông ra nhà kho mà anh để chiếc xe wagon và chiếc Civic, nhưng Pascow chẳng làm vậy. Thay vì mở cửa, cậu ta đi xuyên

qua nó. Trông thấy cảnh tượng này, Louis kinh ngạc thầm nhủ: *Té ra là làm vậy à? Ấn tượng quá! Ai chẳng làm được.*

Anh cũng bắt chước – và lấy làm kỳ khôi khi đập thẳng vào mặt gỗ cứng như đá. Rõ ràng anh là một người vô cùng thực tế, ngay cả trong mơ. Louis vặn tay nắm ổ khóa Yale, nâng chốt cửa rồi bước vào nhà kho kiêm ga ra. Pascow không còn ở đó. Louis tự hỏi hay Pascow đã biến mất rồi. Bóng hình trong mơ hay vậy mà. Cả nơi chốn cũng vậy – phút trước, ta đang trần truồng đứng cạnh hồ bơi, chào cờ cứng ngắc, bàn luận về trò tráo đổi vợ với Roger và Missy Dandridge chẳng hạn, thì phút sau, ta đang trèo lên núi lửa ở Hawaii. Có thể anh mất dấu Pascow vì giấc mơ của anh bắt đầu Màn II rồi.

Nhưng khi Louis bước ra khỏi ga ra, anh lại trông thấy cậu ta đứng dưới ánh trăng bàng bạc đằng sau bãi cỏ — đầu lồi đi.

Giờ thì nỗi sợ trở tới, khẽ khọt xuyên vào, lướt qua những lỗ hổng trong cơ thể anh, sặc sụa làn khói bản thủ. Không muốn đi đến đó, anh dừng chân.

Pascow liếc ra sau lưng, hai con mắt tươi đẫm ánh trăng màu bạc. Louis bất lực cảm thấy bụng anh quặn lên kinh hãi. Khúc xương thò ra, vết máu khô khốc. Nhưng anh không tài nào cưỡng nổi đôi mắt ấy. Đây rõ ràng là giấc mơ về bị thôi miên, bị chi phối... lực bất tòng tâm, có lẽ là vậy, như việc anh không thể thay đổi cái chết của Pascow. Ta có thể mãi dừng quần ở trường hai mươi năm nhưng ta vẫn chẳng làm được gì khi người ta khiêng vào một người bị húc thẳng vào thân cây mạnh đến độ hộp sọ toác hoác một lỗ to tướng. Gọi anh cũng

không được tích sự gì, giống như gọi thợ sửa ống nước, thầy gọi mưa hay Ông nhà Glad^[8E].

Và dù những suy nghĩ ấy lướt qua đầu, vẫn có một lực kéo anh đến con đường. Anh bần thần đi theo chiếc quần thể thao chạy bộ, ánh lên sắc đỏ nâu khi nhuộm trắng, giống màu máu đã khô trên mặt Pascow.

Anh không thích giấc mơ này. Ôi Chúa ơi, anh không thích chút nào. Nó thật quá. Bề mặt sần sùi lạnh ngắt của thảm, việc anh không thể đi xuyên qua cánh cửa nhà kho dù trong những giấc mơ đúng nghĩa, một người có thể (hoặc nên có thể) đi xuyên qua cửa, qua tường... và giờ thì sương tối quét qua bàn chân trần của anh, cơ thể anh có thể cảm nhận gió đêm mơn man trên làn da chỉ độc quần Jockey. Dưới những tán cây, lá linh sam dính vào gót chân... lại thêm một chi tiết thực hơn hẳn cần thiết.

Thôi kệ đi. Thôi kệ đi. Mình đang ở nhà, nằm trên giường. Đây chỉ là mơ, bất kể nó sống động ra sao, và giống những giấc mơ khác, sáng hôm sau, mình sẽ thấy nó thật lố bịch. Khi thức giấc, tâm trí mình sẽ thấy nó rất những điều vô lý.

Một nhánh cây khô đâm vào bắp tay khiến anh nhăn mặt. Ở trước mặt, Pascow tựa cái bóng chuyển động, giờ thì nỗi sợ bên trong Louis như kết tinh thành một bức tượng chói lòa trong tâm trí: *Mình đang đi theo người chết vào rừng, mình đang đi theo người chết vào Nghĩa địa Thú cưng, và đây không phải là mơ. Lạy Chúa giúp con, đây không phải mơ. Nó đang thực sự xảy ra.*

Họ đi xuống ngọn đồi, băng qua hết khu rừng. Con đường ngoằn ngoèo tạo thành hình chữ S uốn lượn qua cây cối rồi vào bụi rậm. Anh không mang ủng. Đất nhão ra như thạch lạnh lẽo dưới chân, chộp lấy, giữ chặt rồi lưỡng lự buông ra. Những tiếng ì oạp gớm ghiếc vang lên. Anh có thể cảm nhận bùn ứa lên giữa những ngón chân, cố tách rời chúng ra.

Anh tuyệt vọng bám víu vào việc đây chỉ là mơ.

Nhưng nó không với đi.

Khi họ lên đến khoảng đất, mặt trăng một lần nữa ló rạng khỏi những đám mây, tưới ánh bạc rực rỡ rợn người xuống nghĩa trang. Những bia mộ xiêu vẹo – vốn là những mảnh ván, lon thiếc được cắt bằng kéo cắt sắt của bố rồi đóng thành hình vuông thô kệch, những mảnh đá phiến bị đập bể – rõ từng đường nét, đổ bóng đen tuyền, sắc sảo.

Pascow dừng chân gần bia mộ SMUCKY BÉ MÈO RẤT NGOAN rồi quay về phía Louis. Nỗi Kinh hoàng, sợ hãi, anh cảm nhận chúng lớn dần trong anh cho đến khi người anh bực ra do áp lực nhẹ nhàng nhưng khôn xiết. Pascow nhe nhớn cười. Đôi môi bê bối máu kéo ngược để lộ hàm răng, làn da rám nắng khỏe khoắn dưới ánh trăng trắng hếu như xương trùng lấp với màu bột bột của tử thi sắp được bọc vào vải liệm.

Cậu ta giơ tay chỉ về một phía. Louis nhìn theo, bất giác rên lên. Mắt anh trợn trừng, nắm tay phải chặn vào miệng. Má lạnh ngắt, trong nỗi kinh sợ khôn cùng, anh nhận ra nước mắt anh đã trào ra tự lúc nào.

Đống cây đổ mà ông Jud Crandall cảnh báo Ellie biến thành đống xương. Đống xương ấy đang chuyển động. Chúng rít ré,

lanh canh va vào nhau, nào xương hàm dưới, xương đùi, răng hàm, răng cửa; anh trông thấy hộp sọ người và động vật toe toét cười. Xương ngón tay càn cạch. Còn kia là xương chân sút vẹo đang gập tới gập lui những phần khớp xanh xao.

Chà, nó cử động kìa; nó đang *trườn đi* kìa...

Pascow tiến về phía anh, khuôn mặt máu me u ám dưới ánh trắng, chút lý trí còn sót lại trong Louis bắt đầu tan biến vào một suy nghĩ réo gọi, quay cuồng: *Mày phải hét lên cho bản thân tỉnh dậy đi, có khiến Rachel Ellie Gage sợ hãi, đánh thức cả nhà cả khu vực cũng mặc, hét lên cho bản thân tỉnh dậy đi hét lên hét lên hét lên cho bản thân tỉnh dậy tỉnh dậy tỉnh dậy...*

Nhưng chỉ có tiếng thều thào mỏng tang như hơi thở phát ra, giống như tiếng đứa trẻ khom người tập huýt sáo.

Pascow tiến gần hơn rồi nói.

“Không được phép mở cửa,” cậu lên tiếng. Cậu ta cúi đầu nhìn Louis vì lúc này anh đã khụy gối xuống. Nụ cười không còn trên mặt cậu ta nữa. Ban đầu, Louis cứ tưởng biểu cảm trên khuôn mặt cậu là lòng trắc ẩn. Nhưng hóa ra chẳng phải trắc ẩn gì cả; chỉ có sự kiên nhẫn đến đáng sợ. Cậu ta vẫn chỉ về đồng xương đang cục cựa. “Đừng vượt qua đây, bất kể anh cảm thấy cần thiết đến mức độ nào, bác sĩ ạ. Ranh giới ấy không được phép phá vỡ. Hãy nhớ rằng nơi này sở hữu nhiều sức mạnh hơn anh biết. Nó rất cổ xưa và luôn âm ỉ biến hóa. Hãy khắc cốt ghi tâm điều đó.”

Louis lại cố hét lên nhưng bất thành.

“Tôi đến với tư cách một người bạn,” Pascow nói, nhưng *bạn* có chính xác là từ mà cậu ta đã dùng không nhỉ? Louis nghĩ là

không. Tựa hồ Pascow nói thứ tiếng nước ngoài mà Louis hiểu nhờ ma thuật trong giấc mơ... và *bạn* là từ gần nghĩa nhất với từ mà cậu ta dùng, do tâm trí Louis chật vật dịch ra. “Cáo chung của anh và cáo chung của tất cả những gì anh yêu thương đã tới rất gần rồi, bác sĩ.” Cậu ta đứng gần Louis đến độ anh có thể ngửi thấy mùi chết chóc trên người đối phương.

Pascow vươn tay đến.

Tiếng lanh canh điên người của những khúc xương.

Louis loạng choạng cố hết sức để trốn chạy khỏi bàn tay ấy. Tay anh đập vào một bia mộ khiến nó ngã xuống đất. Pascow cúi xuống, khuôn mặt choán hết bầu trời.

“Bác sĩ – hãy khắc ghi điều đó.”

Louis cố hét lên và thế gian quay cuồng biến mất – nhưng anh vẫn có thể nghe thấy tiếng xương càn cạch trong vòm trời đêm loáng trăng.

Một người bình thường mất bảy phút để chìm vào giấc ngủ, nhưng theo *Hand's Human Physiology* (tạm dịch: Sinh lý học người của Hand), một người bình thường mất mười lăm đến hai mươi phút để tỉnh dậy, tựa hồ giấc ngủ là hồ nước mà trôi lên khó hơn bước vào. Khi tỉnh dậy từ giấc ngủ, người ta đi theo từng cấp độ, từ ngủ sâu đến ngủ nông rồi đến một tình trạng mang tên “ngủ trong khi thức”, họ vẫn có thể nghe thấy tiếng động, thậm chí còn có thể trả lời câu hỏi dù sau đó, chẳng hay biết gì... ngoại trừ họ tưởng đó là những chi tiết trong mơ.

Louis nghe thấy tiếng lanh canh, lạch cạch của xương, nhưng dần dà, âm thanh ấy đánh hơn, sắc bén hơn như kim loại. Rồi một tiếng rầm. Tiếng hét. Lại có thêm những tiếng kim loại va vào nhau... có gì lẩn thì phải? *Đúng rồi*, tâm trí trôi dạt của anh hòa theo. *Xương lăn lông lốc.*

Anh nghe thấy con gái mình hét lên: “Chộp đi, Gage! Chộp mau!”

Sau đó là tiếng Gage bi ba bi bô đầy vui thú, âm thanh ấy vang lên cũng là lúc Louis mở mắt và trông thấy trần phòng ngủ của mình.

Anh nằm bất động, chờ đợi hiện thực, hiện thực tươi đẹp, hiện thực *đầy phúc lành*, trở nên rõ rệt.

Tất cả chỉ là mơ. Bất kể nó khiếp đảm, thật từng chi tiết ra sao, nó cũng chỉ là mơ. Chỉ là hóa thạch trong tâm trí anh mà thôi.

Âm thanh kim loại lại vang lên. Hóa ra là xe đồ chơi của Gage lăn bánh dọc hành lang tầng trên.

“Chộp di, Gage!”

“*Chộp đi!*” Gage hét âm ỉ. “*Chộp-đi-chộp-đi-chộp-đi!*”

Thịch thịch thịch. Đôi chân trần bé nhỏ của Gage lạch bạch chạy trên hành lang. Cậu bé và Ellie khúc khích cười.

Louis nhìn sang phải. Phía giường bên Rachel trống không, chăn xô lệch. Mặt trời đã lên cao. Anh liếc nhìn đồng hồ và nhận ra đã gần tám giờ. Rachel để anh ngủ thêm một chút, có lẽ là cố tình.

Thường thì điều đó sẽ khiến anh bực mình, nhưng sáng nay thì không. Anh hít một hơi thật sâu rồi thở ra, sung sướng trong phút giây được nằm đây, với ánh sáng mặt trời xuyên qua cửa sổ, cảm nhận đường nét chân thật vô cùng của thế giới. Bụi li ti nhảy múa trong ánh mặt trời.

Rachel gọi với lên lầu: “Xuống chuẩn bị đồ ăn rồi ra đợi xe buýt, El ơi!”

“Vâng ạ!” Tiếng chân cô bé bịch bịch vang lên. “Xe của em này, Gage. Chị phải đến trường đây.”

Gage bắt đầu hét lên phần nộ. Dù chỉ nghe tiếng được tiếng mất – những từ mạch lạc duy nhất là *Gage*, *xe*, *chộp đi*, và *buýt*

Ellie — ý của cậu bé vẫn hết sức rõ ràng: Cậu đòi chị gái mình ở lại. Giáo dục công cuốn xéo đi chỗ khác đi.

Giọng Rachel lại vang lên: “Trước khi xuống, con gọi bố dậy nhé.”

Ellie bước vào, tóc cột đuôi ngựa và mặc váy đỏ.

“Bố dậy rồi, con yêu,” anh nói. “Con cứ đi học đi.”

“Dạ.” Cô con gái tiến lại, hôn lên má hơi lún phún râu của anh rồi chạy bổ ra cầu thang.

Giấc mơ bắt đầu phai, mất đi mạch lạc. Anh chẳng mong cầu gì hơn.

“Gage!” Anh hét lên. “Đến thơm bố một cái nào!”

Gage lờ tịt. Cậu bé lẫm chẫm vận hết tốc lực đi theo Ellie xuống cầu thang, vừa đi vừa hét đến điếc lỗ tai, “*Chộp đi! Chộp đi-chộp đi-CHỘP-ĐI!*” Louis nhác thấy thân hình cứng cáp của cậu con trai, chỉ mặc độc tã và quần chun.

Rachel gọi với lên: “Louis, anh ơi? Anh dậy rồi à?”

“Anh dậy rồi,” anh đáp rồi ngồi dậy.

“Con bảo rồi mà!” Ellie í ới. “Con đi đây. Chào bố mẹ ạ!” Cửa chính đóng sập lại, đan xen với tiếng hét đầy tức tối của Gage.

“Anh ăn một hay hai trứng?” Rachel hỏi lớn.

Louis vung chăn, đặt chân xuống mặt thảm xù xì thô ráp, toan nói với vợ mình sẽ không ăn trứng mà chỉ ăn một tô ngũ cốc rồi đi cho kịp... nhưng ngôn từ tắc tị trong cổ họng.

Chân anh bấn thủ, dính đầy đất cát và lá linh sam.

Tim anh thiếu điều bật lên khỏi họng như món đồ chơi bung lên khi mở hộp. Lẩy bẩy, mắt trợn trừng, răng va lập cập

lên lưới, anh đá tung mặt chắn lên. Chân giường đầy lá linh sam. Tấm trải giường nhoe nhoét bùn đất.

“Louis?”

Trông thấy vài lá linh sam trên đầu gối, anh quay ngoắt nhìn cánh tay phải. Có một vết xước trên bắp tay anh, một vết xước còn rất mới, ngay vị trí cành cây khô đâm vào anh.. trong giấc mơ.

Mình sắp sửa hét lên rồi. Mình cảm thấy được điều đó.

Và anh có thể làm vậy thật; một viên đạn lạnh lẽo, khổng lồ mang tên sợ hãi đang dâng trào trong anh. Thực tại chao nghiêng. Thực tại – *thực tại thực sự*, anh thầm nghĩ – là những lá linh sam này đây; là đất cát dính trên tấm trải giường; là vết xước trên cánh tay trần của anh.

Mình sắp sửa hét lên, rồi mình sẽ phát điên, chẳng cần phải lo về chuyện này nữa...

“Louis?” Rachel bước lên cầu thang. “Louis, anh ngủ lại rồi à?”

Anh chật vật níu giữ bản thân trong hai hay ba giây đó; anh chơi vơi không vụn vỡ như lúc bối rối cuộn trào trong anh sau khi Pascow được người ta khiêng vào Trung tâm Y tế, nguy kịch, được bọc bằng tấm chắn. Anh đã thắng. Cán cân nhích sang bên là nhờ suy nghĩ vụt lên, rằng anh không được phép để cô thấy mình trong tình trạng này, chân dính bùn đất, đầy lá linh sam, chắn vút xuống sàn để lộ tấm trải giường nhoe nhoét bùn dơ.

“Anh dậy rồi đây,” anh vui vẻ đáp lại. Lưới tủa máu do anh vô tình cắn phải. Đầu óc anh quay cuồng, và đầu đó sâu trong

lòng, tách biệt khỏi hành động ấy, anh tự hỏi có phải xưa giờ, anh đã luôn mấp mé bờ vực phát điên như vậy, và liệu có phải phàm là người, ai cũng thế hay không.

“Anh ăn một hay hai trứng?” Cô dừng chân trên bậc cầu thang số hai hay ba gì đấy. Tạ ơn Chúa.

“Hai nhé,” anh đáp, chỉ mơ hồ ý thức mình nói gì. “Trứng bác hộ anh.”

“Để em làm,” cô nói rồi xuống cầu thang.

Anh nhẹ nhõm nhắm mắt, nhưng trong bóng tối, anh trông thấy đôi mắt bạc của Pascow. Hai mắt mở bừng. Louis vội vã di chuyển, không để bất cứ suy nghĩ nào kịp xâm chiếm. Anh giật tấm trải giường ra. Chăn vẫn ổn. Anh tách riêng hai tấm bọc, cuộn tròn lại, mang ra hành lang, tống vào máy giặt.

Anh vội vàng chạy vào nhà tắm, gạt vòi sen, vô thức bước vào làn nước nóng rẩy suýt bỏng da. Anh gột rửa đất cát khỏi hai chân mình.

Dần dà, anh thấy khởi sắc hơn, kiểm soát hơn một chút. Khi lau khô người, anh ngộ ra hẳn đây là cảm xúc của những kẻ sát nhân khi chúng dám chắc mình đã phi tang mọi chứng cứ. Anh bắt đầu cười khùng khục. Vừa lau người, anh vừa cười. Tràng cười ha hả mãi chẳng dứt.

“Chồng ơi, chồng!” Rachel gọi to. “Có chuyện gì mà vui thế anh?”

“Chuyện cười bí mật,” Louis đáp lại, vẫn cười không ngớt. Anh hoảng sợ, nhưng nỗi sợ không cản được cơn cười. Tràng cười dâng lên từ trong bụng cứng như vừa trát vào tường. Anh nhận ra việc nhét tấm trải giường vào máy giặt là hành động

chí lý nhất mà anh có thể làm. Missy Dandridge đến nhà vợ chồng anh năm ngày một tuần để hút bụi, lau dọn và giặt đồ. Rachel sẽ không bao giờ trông thấy những tấm trải giường ấy cho đến lần trải tiếp theo trong tình trạng sạch sẽ. Anh đoán có khả năng Missy sẽ kể với Rachel nhưng không sao. Có thể cô ấy sẽ xì xào kể với chồng mình rằng vợ chồng nhà Creed bày trò mây mưa gì kỳ cục, thay vì vẽ vời lên cơ thể, họ lại chọn bùn đất và lá linh sam.

Nghĩ tới đây, Louis càng cười như điên dại.

Cơn cười khúc khích, nắc nẻ với dần khi anh thay đồ, đến lúc đó, anh thấy mình đã khỏe khoắn hơn. Anh chẳng biết bằng cách nào, nhưng thôi được đến đâu hay đến đấy. Căn phòng trông bình thường, ngoại trừ chiếc giường đã bị lột tấm trải giường. Anh đã loại bỏ độc tố. Có thể từ mà anh đang tìm kiếm là *bằng chứng* mới đúng, nhưng trong tâm trí anh, nó chẳng khác nào thuốc độc.

Anh thậm nhủ có lẽ đây chính là điều người ta xử trí với những thứ không thể lý giải. Đây là điều người ta làm khi đối mặt với điều phi lý, nhất quyết không theo nhân quả thông thường của văn hóa phương Tây. Có thể đây là cách tâm trí xoay xở với đĩa bay bắt gặp sau sân nhà một buổi sáng nọ, mưa ếch trút xuống, bàn tay thò lên từ gầm giường vuốt ve chân mình lúc nửa đêm: ta cười ha hả hoặc khóc tu tu... và vì bản thân sự kiện ấy bất khả xâm phạm, không chịu tan biến, ta lạnh lẽo vượt qua sợ hãi như vượt qua sỏi thận.

Gage ngồi trên ghế riêng, vừa ăn vừa trang trí bàn bằng ngũ cốc Special K. Cậu bé dùng chúng trang trí tấm chiếu nhựa dưới

ghế và xem chừng cũng gọi đầu bằng loại ngũ cốc này luôn.

Rachel bước ra từ bếp, trên tay cầm đĩa trứng cho anh cùng tách cà phê. “Chuyện gì mà anh cười dữ thế, Lou? Anh cười như lên đồng vậy. Làm em sợ đấy.”

Louis mở miệng nhưng không biết mình sẽ nói gì, và lời anh thốt ra là câu chuyện cười mà anh nghe được từ tuần trước ở khu chợ nép bên góc đường, đại loại là về thủy thủ người Do Thái mua con vẹt chỉ biết nói câu “Ariel Sharon xúc lọ.”[9E]

Đến lúc anh kể xong, Rachel cũng phá lên cười ha hả – Gage cũng vậy.

Tốt rồi. Người anh hùng của chúng ta đã tiêu hủy hết mọi chứng cứ: tấm trải giường đầy bùn đất và tràng cười điên dại trong nhà tắm. Giờ người anh hùng của chúng ta sẽ đọc bảo buổi sáng – hoặc chí ít là lướt sơ – chính thức cập nhật bình thường cho buổi sáng hôm nay.

Nghĩ vậy, Louis liền lật trang báo.

Làm thế là hợp lý rồi, anh nghĩ mà nhẹ nhõm vô bờ bến. Ta bước qua nó như tảng đá, và thế là xong... trừ khi vào một đêm nào đó tổ chức lửa trại cùng bạn bè, khi gió ào ào thổi và mọi người chuyển sang kể về những sự kiện không tài nào giải thích. Vì vào những đêm lửa trại, khi gió nổi, người ta sẽ cao hứng tán dóc.

Anh ăn trứng. Anh hôn Rachel và Gage. Anh liếc về khoang giặt hình vuông sơn trắng dưới chân máng thả quần áo hẳn lúc rời khỏi nhà. Mọi thứ vẫn ổn. Buổi sáng lại tương cho anh một cú hạ đo ván nữa ấy mà. Mùa hạ đang tàn nhưng tưởng chừng sẽ kéo dài mãi mãi, và mọi thứ vẫn ổn. Anh liếc nhìn lối đi khi

lùi xe ra khỏi ga ra, nó cũng ổn. Anh chẳng may may giật mình. Như bước qua tảng đá.

Mọi thứ vẫn ổn cho đến khi anh chạy được chừng mười sáu ki-lô-mét, và những cơn run rẩy vô vập ập đến, mạnh tới mức anh phải rời khỏi Tuyến số 2 và chạy vào khu đậu xe vắng vẻ trong buổi sớm mai của Sing's, nhà hàng Trung Hoa cách Trung tâm Y tế Đông Maine không xa – nơi thi thể của Pascow được đưa đến. Ý anh là đến Trung tâm Y tế Đông Maine chứ không phải đến nhà hàng nhé. Vic Pascow chẳng thể nào chén thêm một suất thịt gà xào dầu hào đâu.

Cơn run rẩy hoành hành, khiến cả người anh rúm ró, rung động. Louis thấy bất lực và kinh hãi – không phải sợ hãi vì hiện tượng siêu nhiên, giữa ban ngày ban mặt thì sợ gì kia chứ, chỉ đơn giản là anh sợ biết đâu mình đang phát điên. Có cảm giác một sợi dây dài vô hình cuộn qua người anh.

“Đừng thêm nữa,” anh lầm bầm. “Xin đừng thêm nữa.”

Anh lóng ngóng tìm radio và dò trúng kênh Joan Baez cất bài ca về kim cương và gỉ sét. Giọng hát ngọt ngào, tươi mát của cô vỗ về anh, đến cuối bài, Louis cảm thấy mình có đủ sức để lái tiếp.

Khi lái xe đến Trung tâm Y tế, anh chào Charlton rồi rúc vào nhà tắm, bởi anh cứ tưởng nhìn mình trông kinh lắm. Song không đến nỗi nào. Dưới hai mắt hơi có quầng thâm, nhưng đến cả Rachel cũng chẳng để ý. Anh vỗ nước lạnh lên mặt, lau khô, chải tóc rồi bước vào phòng làm việc.

Steve Masterton và bác sĩ người Ấn Độ, Surrendra Hardu, đang uống cà phê bên trong và xem hồ sơ tuyến đầu.

“Chào anh, Lou,” Steve lên tiếng.

“Chào anh.”

“Mong rằng hôm nay không như sáng hôm qua,” Hardu nói.

“Đúng vậy, anh bỏ lỡ hết những màn hay rồi.”

“Đêm qua Surrendra có nhiều màn hay ho lắm,” Masterton nói và nhe răng cười. “Anh kể cho anh ấy nghe đi, Surrendra.”

Hardu vừa lau kính vừa mỉm cười. “Tầm một giờ sáng, có hai thanh niên đưa một cô bạn đến,” anh kể. “Cô này say túy lúy; ăn mừng quay lại trường đại học đấy mà, anh hiểu chứ. Đùi cô ta bị một vết cắt rất sâu, tôi nói chí ít phải khâu bốn mũi, không để lại sẹo. Cứ khâu thoải mái, cô ta bảo, thế là tôi làm theo, cứ khom người thế này này...”

Hardu diễn tả hành động bằng cách quỳ trước cái đùi vô hình. Louis nhoẻn cười, đoán được điều gì xảy ra tiếp theo.

“Và tôi đang khâu vết cắt thì cô ta mửa lên đầu tôi.”

Masterton phá lên cười như được mùa. Louis cũng vậy. Hardu mỉm cười bình thản, như thể anh đã gặp chuyện này cả nghìn lần trong muôn kiếp nhân sinh của mình.

“Surrendra, anh trực từ lúc nào thế?” Louis hỏi khi những tiếng cười đã tắt.

“Từ nửa đêm,” Hardu đáp. “Tôi sắp sửa ra về. Nhưng tôi muốn ở lại để chào anh một câu ấy mà.”

“Chà, xin chào,” Louis nói, nắm bàn tay nhỏ màu nâu của đối phương, “giờ thì anh về nhà ngủ đi.”

“Chúng ta làm gần xong hồ sơ tuyển đầu rồi đây,” Masterton kể. “Nói Hallelujah đi, Surrendra.”

“Tôi từ chối,” Hardu nói với nụ cười trên môi. “Tôi không phải người Kitô giáo.”

“Thế hát đoạn điệp khúc của bài ‘Nghịch đến trong chớp mắt’ hay gì đó đi.”

“Mong cả hai anh luôn tỏa sáng,”^[10E] Hardu đáp, vẫn nụ cười ấy, đoạn gạt mở cánh cửa.

Louis và Steve Masterton nhìn theo một lúc, lặng thinh, rồi quay sang nhìn nhau. Đoạn cả hai phá lên cười. Với Louis, chưa có nụ cười nào thỏa lòng đến vậy... bình thường đến vậy.

“Cũng vừa đẹp là chúng ta hoàn thành hồ sơ rồi,” Steve nói. “Hôm nay là ngày chào đón mấy tay buôn thuốc nữa.”

Louis gật đầu. Những trình dược viên đầu tiên sẽ đến vào lúc mười giờ. Như Steve hay đùa, thứ Tư có thể là ngày Prince Spaghetti^[11E], nhưng ở Đại học Maine tại Orono, ngày thứ Ba hằng tuần là Ngày D. D ở đây tức là Darvon^[12E], loại thuốc được ưa thích mọi thời đại.

“Tôi xin mạo muội có đôi lời, thưa sếp kính yêu,” Steve nói. “Tôi không biết ở Chicago thì thế nào, nhưng ở đây, họ không từ thủ đoạn nào, từ hội hè săn bắn bao tiêu mọi chi phí đến Allagash vào tháng Mười một đến chơi bowling miễn phí ở Làn Bowling Gia đình Vui nhộn tại Bangor. Tôi còn gặp một tay tặng tôi búp bê tình dục Judy bằng phao nữa kìa! Tặng tôi đấy nhé! Trong khi tôi chỉ là trợ lý bác sĩ thôi! Nếu họ không bán được thuốc cho anh, họ sẽ tìm cách đưa anh vào tròng.

“Sao không nhận cho đỡ phi?”

“Thôi, tóc con búp bê màu đỏ. Không phải gu tôi.”

“Chà, tôi đồng ý với Surrendra,” Louis đáp. “Chỉ cần không như sáng hôm qua là được.”

Đến mười giờ, đại diện của công ty dược Upjohn không xuất hiện, Louis bỏ cuộc và gọi điện cho Văn phòng Đào tạo. Sau khi anh trao đổi với Stapleton, cô bảo sẽ gửi bản sao hồ sơ của Victor Pascow qua ngay lập tức. Lúc anh gác máy, trình dược viên của Upjohn đã đến nơi. Anh ta chẳng đòi tặng Louis gì, chỉ hỏi liệu anh có hứng thú muốn mua vé giảm giá cho các trận của New England Patriots thi đấu mùa giải này hay không.

“Không,” Louis đáp.

“Tôi cũng không nghĩ anh quan tâm,” anh chàng Upjohn thất vọng ra mặt rồi ra về.

Đến trưa, anh đi bộ tới Hang Gấu mua sandwich cá ngừ cùng một lon Coca Cola. Anh đem chúng về văn phòng, ăn trưa trong lúc xem hồ sơ của Pascow. Anh đang tìm xem có tiếp điểm gì với anh, hay với Bắc Ludlow, nơi tọa lạc Nghĩa địa Thú cưng hay không... anh mơ hồ tin rằng phải có cách giải thích hợp lý cho sự kiện kỳ quặc như thế. Biết đâu cậu ta lớn lên ở Ludlow – từng chôn chó hay mèo ở đó cũng nên.

Song anh không tìm ra tiếp điểm nào. Pascow là người vùng Bergenfield, New Jersey, đến Đại học Maine tại Orono để học kỹ sư điện. Trong vài trang đánh máy ngắn ngủi, Louis không thấy

mối liên kết nào giữa anh và chàng thanh niên đã thiệt mạng ở sảnh tiếp khách – tất nhiên chỉ trừ việc họ đều là người trần mắt thịt.

Anh hút nốt ngụm nước ngọt cuối cùng, lắng nghe tiếng ống hút ròn rột ở dưới đáy, đoạn dọn dẹp rác rến. Bữa trưa nhẹ nhàng nhưng anh ăn thấy rất ngon miệng. Không có gì khúc mắc ở đó... cảm xúc cũng đã bớt rối bời, thật sự là thế. Hiện chưa có gì. Những cơn run không tái diễn, và giờ thì nỗi kinh hoàng ban sáng giống như một bất ngờ kinh khủng, vô nghĩa, tựa chiêm bao, vô giá trị.

Anh gõ ngón tay lên sổ, nhún vai rồi lại nhắc điện thoại lên. Anh gọi Trung tâm Y tế Đông Maine và yêu cầu nối máy cho nhà xác.

Sau khi kết nối với Nhân viên Khám nghiệm tử thi, anh giới thiệu bản thân rồi nói, “Chỗ các anh giữ xác của một trong số các sinh viên chúng tôi, Victor Pascow...”

“Cái xác đó không còn ở đây đâu,” đầu dây bên kia nói. “Cậu ta đi rồi.”

Họng của Louis thắt lại. Mãi lúc sau, anh mới lúng búng lên tiếng. “Sao kia?”

“Thi thể của cậu ta được đưa bằng máy bay về cho bố mẹ vào khuya đêm qua. Nhân viên Nhà xác Brookings-Smith đến tiếp nhận rồi. Họ vận chuyển trên chuyến Delta, ờ...” Giấy lật loạt soạt. “Delta Số hiệu 109. Chứ anh tưởng cậu ta đi đâu? Đi nhảy đầm ngoài Show Ring chắc?”

“Không” Louis đáp. “Làm gì có. Chỉ là...” Chỉ là cái gì? Mà anh đang làm cái quái gì đây, không dừng tìm tòi bóc tách?

Chẳng có cách nào bình thường để ứng phó với việc này cả. Đành phải để nó qua đi, đánh dấu, lãng quên. Bất cứ hành động khác cũng chỉ chuốc họa vào thân mà chẳng đi đến đâu. “Các anh giải quyết nhanh quá,” anh nói đại.

“Chà, cậu ấy được giải phẫu chiều qua...” Lại tiếng lật giấy loạt soạt ấy – “khoảng tầm ba giờ hai mươi, bác sĩ Rynzwyck. Khi đó, bố nạn nhân đã thực hiện mọi thủ tục. Tôi đoán thi thể về đến Newark lúc hai giờ sáng.”

“Ồ. Chà, nếu vậy...”

“Trừ khi một trong những người vận chuyển mắt nhắm mắt mở gửi nhầm chỗ khác,” nhân viên khám nghiệm tử thi đùa vui. “Anh biết sao không, chúng tôi từng gặp trường hợp ấy rồi, nhưng chưa lần nào với Delta. Delta làm kỹ lắm. Chúng tôi từng có một gã chết khi đi câu cá tít ở quận Aroostook, tại một cái làng bé tí chỉ có dăm ba tọa độ trên bản đồ. Tên này mắc nghẹn khoen lon bia lúc đang nốc tì tì. Hội bạn mất đến hai ngày mới mang được gã trở về từ rừng thiêng nước độc, và anh biết rồi đấy, đến lúc này thì hên xui Forever Goop mới nhận. Nhưng họ vẫn nhét cái xác vào và cầu mong điều tốt đẹp nhất. Họ gửi gã này về nhà ở Grand Falls, Minnesota trong khoang hàng hóa của một hãng máy bay nào đó. Rồi mọi sự bung bét từ đây. Họ gửi thi thể đến Miami, rồi đến Des Moines, Fargo, sau đó là Bắc Dakota. Mãi mới có người nhận ra, nhưng đến lúc ấy, đã thêm ba ngày trôi qua. Vẫn chưa ai nhận. Có khi họ tiêm vào cái xác Kool-Aid chứ chẳng phải Jaundaflo. Gã này đen thui thui lùì và hôi như thịt heo ôi. À, đấy là tôi nghe người ta kể lại như thế. Sáu người vận chuyển hàng hóa đổ bệnh kia mà.”

Đầu dây bên kia cười ha hả.

Louis nhắm mắt và nói, “Chà, cảm ơn anh...”

“Tôi có thể cho anh số điện thoại nhà của bác sĩ Rynzwyck nếu anh muốn, bác sĩ ạ, nhưng buổi sáng ông ấy hay đi Orono chơi gôn lắm.” Lại tiếng cười sảng khoái ấy.

“Thôi,” Louis đáp. “Thôi, thế này là được rồi.”

Anh gác máy. *Hãy để điều này đặt dấu chấm hết cho nó, anh nghĩ. Khi mà mơ giấc mơ điên rồ ấy, hoặc bất kể nó là gì, thì thể của Pascow gần như chắc chắn đang nằm trong nhà tang lễ Bergenfield. Đóng lại nó ở đây thôi; hãy để nó khép lại.*

Chiều hôm ấy, trong lúc lái xe trở về nhà, một cách giải thích đơn giản về bùn đất ở cuối giường cuối cùng cũng đã hiện lên trong đầu, khiến sự nhẹ nhõm trào dâng trong anh.

Anh đã bị mộng du, do tai nạn bất ngờ và cực kỳ khủng khiếp vào ngày đầu tiên làm việc mà ra. Anh đã phải chứng kiến sinh viên bị thương nguy kịch và mất mạng trong bệnh xá của mình.

Nó giải thích tất cả. Giấc mơ thật đến vô cùng vì phần lớn đều là thực – cảm giác tấm thảm cọ vào, sương lạnh ngắt và tất nhiên là cả cành cây khô quệt rách tay anh. Nó giải thích lý do Pascow có thể đi xuyên qua cửa, còn anh thì không.

Một hình ảnh hiện lên trong tâm trí anh, hình ảnh Rachel bước xuống cầu thang đêm qua và nhìn thấy cảnh anh tông vào cửa sau, bởi trong mơ anh đang cố đi xuyên qua. Nghĩ đến đó, anh cười toe. Cô mà nhìn thấy thể nào cũng được dịp hoảng hồn.

Sau khi dựng giả thuyết mộng du trong đầu, anh đã có thể phân tích nguyên nhân của giấc mơ – và anh bóc tách khá hăng hái. Anh đã đi bộ đến Nghĩa địa Thúi cứng vì nó gắn liền với khoảnh khắc áp lực mới xảy ra gần đây. Nói đúng hơn, nó là nguyên nhân khiến vợ chồng anh cãi nhau to... và ngoài ra, anh hăm hở nghĩ, tâm tưởng anh gắn kết nó với lần đầu tiên con gái anh trực tiếp chạm trán với cái chết – hằn tiếm thức của anh đã vật lộn với điều này vào đêm qua, khi anh đi ngủ.

May mà mình về nhà bình yên vô sự – mình thậm chí còn không nhớ đoạn đó. Chắc mình đi về trong vô thức.

Cũng mừng là anh đã về. Anh thật không tưởng nổi sự tình sẽ ra sao nếu sáng hôm nay, anh tỉnh dậy bên mộ chú mèo Smucky trong trạng thái mất phương hướng, người ướt đầm sương đêm, sợ đến hồn xiêu phách lạc – và không nghi ngờ gì nữa, Rachel cũng thế cho xem.

Nhưng chuyện qua rồi.

Đặt dấu chấm hết cho nó, Louis nghĩ mà như trút được tảng đá khổng lồ. *Phải, nhưng còn những điều cậu ta thêu thào lúc sắp chết thì sao?* Tâm trí anh cố vặn vẹo, nhưng Louis đập nó đi ngay lập tức.

Tối hôm đó, trong lúc Rachel ủi quần áo, Ellie và Gage ngồi chung ghế, say sưa xem *Chương trình Rối*, Louis nói với vợ rằng anh tản bộ một lúc để hít khí trời.

“Anh có về nhà kịp để giúp em cho Gage ngủ không?” Cô hỏi mà không ngẩng đầu lên từ bàn ủi. “Anh biết con dễ ngủ hơn khi có anh bên cạnh mà.”

“Được thôi,” anh đáp.

“Bố đi đâu vậy ạ?” Ellie hỏi, mắt vẫn dán vào ti vi. Kermite sắp sửa bị Cô Heo đâm thẳng vào mắt.

“Bố ra ngoài một chút, con yêu.”

“Vậy ạ?”

Thế rồi Louis rời nhà.

Mười lăm phút sau, anh đã đến Nghĩa địa Thú cưng, tò mò nhìn quanh và cố không choáng ngợp trước cảm giác *déjà vu*. Không nghi ngờ gì nữa, anh đã từng đến đây: bia mộ nhỏ nhỏ để tưởng niệm chú mèo Smucky đã bị gạt đổ. Anh làm gạt đề lên nó khi bóng hình Pascow tới gần, một trong những chi tiết gần cuối anh còn nhớ về giấc mơ. Louis lơ đãng dừng nó ngay lại và bước đến đóng cây đổ.

Anh không thích nó. Ký ức về những cành cây và cây khô trắng hếu do dải dầu sương gió biến thành đồng xương vẫn đủ sức khiến anh lạnh gáy. Anh bắt mình vươn tay ra, chạm lấy một cành. Chênh vênh trên đồng cây lổn ngổn, nó lăn lông lốc và rơi xuống, nảy xuống dưới. Louis nhẩy ra sau một bước.

Anh bước dọc theo đồng cây đổ, hết trái rồi lại phải. Hai bên, cây bụi mọc um tùm, ken dày đến độ không thể đi qua. Đây cũng chẳng phải loại bụi rậm mà ta cố tình đâm vào được – Louis đoán người nào có đầu óc sẽ chẳng dại gì làm thế. Có những bụi thường xuân độc tươi tốt mọc sát đất (cả đời mình, Louis đã nghe không biết bao nhiêu người khoác loác miễn nhiễm với loại cây này, nhưng anh biết gần như chẳng có ai được vậy) và sâu bên trong tua tủa những cái gai gớm ghiếc, to chưa từng thấy.

Louis quay lại giữa đồng cây đổ. Anh nhìn nó, hai tay đút túi quần sau.

Đừng bảo anh định trèo lên đấy nhé?

Dại gì mà làm vậy, đại ca. Ai đời làm trò ngu độn như thế?

Tốt lắm. Anh vừa bù tôi phát sốt đây này, Lou. Leo trèo cho cố đi, lại vào bệnh xá của mình do gãy mắt cá bây giờ.

Chứ còn gì nữa! Với cả trời tối rồi.

Hoàn toàn bình tĩnh, hoàn toàn kiểm soát bản thân, Louis bắt đầu leo lên đồng cây đổ.

Leo được nửa đường, anh cảm nhận nó cục cựa dưới chân, phát ra tiếng lạch cạch kỳ lạ.

Xương lăn lông lốc, bác sĩ ạ.

Khi đồng cây rung chuyển thêm lần nữa, Louis leo xuống. Vạt áo của anh đã tuột khỏi cạp quần.

Chạm nền đất cứng mà không gặp trục trặc gì, anh phủi vó cây vụn nát khỏi tay. Anh trở lại con đường mòn dẫn về tổ ấm – về với hai bảo bối thích nghe kể chuyện trước khi ngủ, về với Church, chú mèo đang tận hưởng ngày cuối cùng điện nước đầy đủ, sát thủ tình trường, trở về với tách trà trong nhà bếp cùng vợ sau khi con cái đã yên giấc.

Anh nhìn bao quát khoảng đất một lần nữa trước khi rời đi, ấn tượng trước cái im lìm xanh xao của nó. Sương mù từ đâu kéo tới bay là là dưới mặt đất, len lỏi quần quanh các bia mộ. Những vòng tròn đồng tâm ấy... như thể bao thế hệ trẻ em Bắc Ludlow này đã tự dựng nên một mô hình Stonehenge thu nhỏ.

Nhưng Louis, liệu chỉ có vậy thôi sao?

Ban này dù chỉ kịp liếc nhìn bên kia đồng cây đổ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, trước khi chúng rung lắc khiến anh lo ngại trèo xuống, anh dám thể có một con đường phía sau dẫn sâu vào khu rừng

Chẳng liên quan gì đến anh, Louis ạ. Bỏ qua chuyện này đi.

Được rồi đại ca.

Tối đó, sau khi Rachel đi ngủ, anh thức thêm một tiếng đồng hồ đọc chồng báo y khoa mà anh từng đọc một lần, không chịu chấp nhận chỉ cần nghĩ đến việc vào giường – đi ngủ – là anh đã đủ căng thẳng. Trước đây, anh chưa lần nào gặp tình trạng mộng du, và không có cách nào để khẳng định lần vừa rồi là duy nhất... cho đến khi nó tái diễn, hoặc không tái diễn.

Anh nghe thấy Rachel ra khỏi giường, đoạn cô khẽ khàng gọi vọng xuống, “Lou ơi? Anh ơi? Anh có lên ngủ không?”

“Anh lên đây,” anh nói, tắt đèn bàn làm việc rồi lên phòng.

Hôm đó, anh tốn kha khá thời gian chứ không chỉ bảy phút để sập nguồn. Lặng tai nghe tiếng thở an bình, đều đều của Rachel đang say giấc bên cạnh, bóng ma Victor Pascow càng lúc càng thực hơn. Cứ mỗi lần nhắm mắt, anh lại trông thấy cửa bật mở, để rồi Ngôi sao Khách mời Đặc biệt Của Chúng ta, Victor Pascow, lại xuất hiện trong chiếc quần chạy bộ, nhợt nhạt dưới sắc râm nắng mùa hè, xương quai xanh chọc thẳng ra ngoài.

Dần dần trôi dạt vào giấc ngủ, anh tưởng tượng cảm giác tỉnh giấc lạnh run trong Nghĩa địa Thú cưng, trông thấy những vòng tròn đồng tâm tắm trong ánh trắng, cảm giác phải đi bộ

về nhà dọc theo đường mòn băng qua rừng cây. Nghĩ đến đây, anh lại giật mình tỉnh giấc.

Quá nửa đêm, giấc ngủ cuối cùng cũng lần mò đến từ một góc khuất rồi chiếm giữ lấy anh. Anh ngủ không chút chiêm bao. Anh tỉnh dậy đúng bảy giờ ba mươi phút nhờ tiếng mưa thu lạnh lẽo rào rào đập vào cửa sổ. Anh lật chăn lên với chút lo âu. Tấm khăn trải giường sạch đẹp như lau như li. Người theo chủ nghĩa hoàn hảo còn khuya mới mô tả đôi chân ngón khoằm cùng gót chân thô sần của anh như thế, nhưng chỉ ít chúng sạch sẽ.

Louis bắt giấc huyết sáo véo von trong nhà tắm.

Missy Dandridge trông Gage trong lúc Rachel đưa Winston Churchill đến phòng khám thú y. Đêm hôm đó, Ellie thức qua mười một giờ, cầu nài cô bé không thể ngủ mà không có Church, hết lần này đến lần khác xin thêm nước uống. Cuối cùng, Louis từ chối không cho cô con gái thêm ly nước nào nữa với lý do cô bé sẽ tè dầm ra giường. Như chạm trúng ổ kiến lửa, cô bé òa lên bù lu bù loa đến độ Rachel và Louis chỉ biết ngẩn ra nhìn nhau, lông mày nhướn lên.

“Con bé lo cho Church ấy mà,” Rachel nói. “Cứ để con bé đổi mặt, Lou a.”

“Con bé không thể làm mình làm mẩy ở mức độ này lâu đâu,” Louis nói. “Anh hy vọng vậy.”

Anh đã đúng. Những tràng rít rẻ khóc lóc đầy cảm xúc của Ellie dần chuyển thành nấc cục, sụt sịt và rên rỉ. Sau đó yên tĩnh hẳn. Louis lên kiểm tra thì thấy con gái nằm ngủ trên sàn, hai tay ôm chặt cái nệm cho mèo mà Church chẳng thèm hạ cố nằm vào.

Anh gỡ nệm ra khỏi vòng tay cô bé, bế con vào giường, nhẹ nhàng vuốt những lọn tóc bết vào trán do mồ hôi rồi hôn con. Chợt nảy ra ý tưởng, anh bèn vào căn phòng nhỏ mà Rachel

dùng để làm việc, viết những dòng chữ thật to lên mảnh giấy – NGÀY MAI EM VỀ, YÊU CHỊ, CHURCH – rồi gắn vào chiếc nệm trên giường của chú mèo. Đoạn anh vào phòng ngủ của mình tìm Rachel thì thấy vợ anh đang ở đó. Hai vợ chồng làm tình rồi chìm vào giấc ngủ trong vòng tay của nhau.

Church trở về nhà vào thứ Sáu tuần đầu tiên Louis làm việc; Ellie cưng nựng chú mèo hết mực, lấy một phần tiền tiêu vặt mua cho chú ta hộp bánh làm quà thưởng và một lần suýt chút nữa đánh Gage vì lân la tìm cách sờ vào chú mèo. Điều này khiến Gage khóc âm ỉ hơn hẳn những lần bị bố mẹ rèn vào khuôn phép. Bị Ellie mắng chẳng khác nào bị Chúa trời khiển trách.

Nhìn Church mà lòng anh quặn lại. Anh biết thật nực cười, song điều đó không thay đổi cảm xúc trong anh. Cái vẻ hăm hờ ngày xưa của chú mèo Winnie Church đã mất tăm mất tích. Chú ta không còn oai phong lẫm liệt bước đi nữa; giờ chú đi chậm rãi, từ tốn, cái tướng đi của kẻ vừa ốm dậy. Chú ta để Ellie đút đồ ăn cho. Chú cũng chẳng ham ra ngoài nữa, thậm chí không buồn bước xuống ga ra. Chú mèo đã thay đổi rồi. Có lẽ suy cho cùng, thay đổi này là điều tốt.

Rachel và Ellie đều không để ý những điều đó.

Tiết trời thu hanh khô, ấm áp đến rồi đi. Sắc đồng thau ghé thăm cây cối, bùng lên ít lâu rồi phai mờ. Sau cơn mưa lạnh lẽo, ào ào gió thốc giữa tháng Mười, lá bắt đầu lìa cành. Cũng từ dạo đó, hôm nào về nhà, Ellie đều mang theo rất nhiều món đồ trang trí Halloween mà cô bé làm ở trường và hào hứng kể cho Gage nghe chuyện Kỳ sĩ Không đầu. Gage vui vẻ bi ba bi bô cả buổi tối về một nhân vật mang tên Não Ngựa ngựa. Rachel chạm phải dây cười, cứ khúc khích mãi không thôi. Chớm thu ấy là khoảng thời gian đẹp tươi với họ.

Công việc của Louis ở trường đại học cũng vào guồng, tuy cực nhưng dễ chịu. Anh gặp gỡ bệnh nhân, dự các buổi họp Hội đồng các trường đại học, đến hẹn lại lên, anh biên thư cho tờ báo sinh viên, quảng cáo cho sinh viên về việc bệnh xá luôn bảo mật thông tin khi chữa trị bệnh lây truyền qua đường tình dục, kêu gọi các em chích mũi bổ sung ngừa cúm, bởi có khả năng virus cúm A sẽ lây lan mạnh vào mùa đông này. Anh tham gia hội đồng. Anh chủ trì hội đồng. Tuần thứ hai của tháng Mười, anh đến dự hội thảo ở New England về Góc nhìn Lâu dài trong Y học dành cho Cao đẳng và Đại học, trong đó anh trình bày bài luận về hậu quả pháp lý khi chữa trị cho sinh viên. Victor

Pascow được nhắc đến trong bài dưới cái tên “Henry Montez”. Bài luận được mọi người đón nhận. Anh bắt đầu lên ngân sách cho bệnh xá vào năm học tới.

Buổi tối của anh cũng đi theo thói quen: chơi với con sau khi ăn tối, một hoặc hai lon bia với ông Jud Crandall. Thỉnh thoảng Rachel đi cùng anh nếu Missy có thể trông trẻ cho họ chừng một tiếng đồng hồ, đôi lúc bà Norma cũng góp mặt, nhưng phần lớn thời gian chỉ có hai người đàn ông với nhau. Louis cảm thấy ở bên ông cụ thoải mái như khi mang dép lão cũ, ông có thể thao thao kể về lịch sử Ludlow chừng ba trăm năm đổ lại, đến mức gần như chính ông đã sống qua bao biến cố. Ông nói nhưng không bao giờ lan man. Ông không bao giờ khiến Louis thấy chán, dù anh đã nhìn thấy Rachel đưa tay che miệng ngáp hơn một lần.

Hầu hết các buổi, anh sẽ băng qua đường để về nhà trước mười giờ, có thể anh và Rachel sẽ làm tình. Từ năm đầu tiên kết hôn, chuyện chăn gối của hai vợ chồng chưa bao giờ thường xuyên như thế, nồng thắm hoặc thỏa mãn như thế. Rachel nói cô tin lý do là vì mạch nước ngầm ở đây; Louis thì cho rằng không khí của Maine mới là chất xúc tác.

Cái chết khủng khiếp của Victor Pascow vào ngày đầu tiên của học kỳ thu bắt đầu nhạt phai trong ký ức của sinh viên cũng như ký ức của Louis; song hằn gia quyến của Pascow vẫn đau đứt ruột gan. Louis từng nói chuyện với bố của Pascow trên điện thoại, ông không cầm được nước mắt, may mà anh không phải thấy mặt ông; người bố chỉ muốn chắc chắn Louis đã làm hết sức có thể, vậy nên Louis khẳng định với ông rằng những ai

liên quan đều đã thực hiện hết khả năng của mình. Anh không kể với ông sự bối rối, vết ố lan ra trên thảm, và việc con trai ông đã chết gần như ngay lúc được đưa vào, dù đó là những điều Louis nghĩ mình sẽ chẳng tài nào quên được. Song với những người mà Pascow chỉ là một con số thương vong, hình bóng cậu đã nhòa đi.

Louis vẫn nhớ giấc mơ và sự kiện mộng du đi kèm, nhưng hiện giờ, tựa hồ chuyện này xảy ra với ai khác, hoặc chiếu trên chương trình truyền hình anh từng xem. Lần duy nhất anh đi mát-xa tắm quất ở Chicago sáu năm về trước cũng thế; chúng nhỏ nhặt như nhau, những chuyến đi có một âm vang sai lệch, như âm thanh được tạo ra trong buồng vang.

Anh không nghĩ gì về những điều cậu thanh niên Pascow nói hoặc không nói.

Đêm Halloween, trời sương giá đậm. Louis và Ellie bắt đầu màn cho kẹo hay bị ghẹo ở nhà ông bà Crandall. Ellie cười nắc nẻ, giả vờ cười chối quanh bếp của bà Norma, chẳng trách bà cụ khen “Cô bé đáng yêu nhất tôi từng gặp... ông Jud nhỉ?”

Ông Jud gật gù đồng ý và châm thuốc. “Gage đâu rồi, Louis? Ta cứ tưởng cháu cũng diện cho cậu bé chứ.”

Thật ra vợ chồng anh đã dự tính sẽ đưa Gage đi chơi lòng vòng – đặc biệt là Rachel, cô rất mong dịp này vì cô và Missy Dandridge đã cùng nhau chế ra bộ đồ con bọ bằng cách bẻ móc quần áo rồi bọc giấy nhún làm râu – nhưng Gage lại bị viêm phế quản, và sau khi nghe nhịp thở có phần khò khè của cậu bé cũng như tham khảo nhiệt kế ngoài cửa sổ, hiển thị chỉ 4 độ C

lúc sáu giờ, Louis đành gạt kế hoạch đi. Rachel thất vọng nhưng cũng thuận theo.

Ellie hứa sẽ cho Gage một phần kẹo, nhưng trông cảnh cô bé tỏ vẻ buồn bã đầy giả trân, Louis tự hỏi phải chăng một phần, cô con gái của mình mừng thầm Gage không đi theo, nghĩa là sẽ không kéo cô bé đi rề rà hơn... hoặc chiếm hết lời khen của mọi người.

“Tội Gage quá,” cô bé lên tiếng với giọng nói chỉ dành để thương cảm cho người bệnh thập tử nhất sinh. Chẳng biết mình sắp sửa bỏ lỡ điều gì, Gage ngồi trên sofa xem *Zoom* với Church thiu thiu bên cạnh.

“Phù thủy Ellie,” Gage gọn lỏn mà chẳng tỏ vẻ hào hứng lắm rồi tiếp tục xem ti vi.

“Tội Gage quá,” Ellie lại nói, trút thêm tiếng thở dài. Liên tưởng đến nước mắt cá sấu, Louis cười toe. Ellie nắm tay kéo anh đi. “Đi thôi bố ời. Đi thôi — đi thôi – đi thôi.”

“Gage bị viêm phế quản một chút ạ,” anh kể với ông Jud.

“Chà, quả là đáng tiếc,” bà Norma nói, “nhưng điều đó có nghĩa là năm sau sẽ có nhiều kẹo bánh hơn cho cậu bé. Ellie, cháu giờ túi ra nào... Ồi chà!”

Bà lấy một quả táo, một thanh Snickers con con từ tô kẹo bánh để trên bàn nhưng cả hai đều rơi tuột khỏi tay bà. Louis có hơi kinh ngạc khi thấy tay bà khoằm lại như móng vuốt. Anh cúi xuống nhặt quả táo khi nó lăn trên sàn. Ông Jud nhặt thanh Snickers thả vào túi cho Ellie.

“Ôi, để ta đi lấy cho cháu quả táo mới, cháu yêu,” bà nói. “Quả này sẽ bị dập mất.”

“Dạ không sao,” Louis cẩn, toan thả quả táo vào túi của Ellie nhưng cô bé đã lùi lại, giữ rịt miệng túi đầy dè chừng.

“Con không thích táo đập đầu,” cô bé nói rồi nhìn anh như thể bố mình bị hâm. “Cứ lồm đồm nâu...*thấy gớm!*”

“Ellie, con học đâu cái thói láo lếu thế hả?”

“Đừng mắng cô bé vì đã nói thật, Louis ạ,” bà Norma ôn tồn. “Chỉ có trẻ con mới nói toàn bộ sự thật. Đó là lý do chúng là trẻ con đấy. Những đốm nâu trên quả táo gớm thật mà.”

“Cháu cảm ơn bà Crandall ạ,” Ellie nói rồi ném cho bố ánh mắt như thể oan ức lắm.

“Không có gì, cháu yêu,” bà hiền từ.

Ông Jud tiễn cả hai bố con ra ngoài hiên. Hai cậu ma nhí tiến vào lối đi, và Ellie nhận ra cả hai là bạn cùng trường của mình. Cô bé dẫn bạn vào bếp, trong một lúc, chỉ có ông Jud và Louis ngoài hiên.

“Chúng viêm khớp của bà trở nặng rồi,” Louis nói.

Ông Jud gạt đầu, đập điều thuốc vào gạt tàn. “Phải. Cứ mùa thu và mùa đông là bệnh tình lại nặng thêm, nhưng chưa bao giờ bà ấy bị nặng như hiện tại.”

“Bác sĩ của bà nói sao ạ?”

“Không nói gì. Ông ấy chẳng nói gì cả, vì bà Norma không quay lại khám nữa.”

“Gì kia? Tại sao vậy ạ?”

Ông Jud nhìn Louis, và dưới ánh đèn pha của chiếc xe đang đợi những hồn ma nhí quay lại, trông ông bất lực đến xót xa. “Ta định dịp nào tốt hơn sẽ nhờ cháu, Louis ạ, nhưng ta đoán

bạn bè mà nhờ vả nhau thì chẳng có lúc nào là tốt. Cháu có thể khám cho bà ấy không?”

Từ nhà bếp, Louis có thể nghe thấy tiếng hai hồn ma hù dọa, tiếng Ellie cười hăng hắc như phù thủy – cô bé đã tập cả tuần. Tất cả nghe thật vui tươi và đậm chất Halloween.

“Bà Norma còn bị gì nữa ạ?” Anh hỏi. “Bà sợ điều gì vậy, ông Jud?”

“Gần đây bà ấy bị đau ngực,” ông Jud trầm trầm. “Bà ấy không chịu đi khám ở bác sĩ Weybridge nữa. Ta hơi lo.”

“Bà Norma có lo lắng không ạ?”

Ông Jud lưỡng lự rồi đáp, “Ta nghĩ bà ấy sợ. Ta nghĩ đó là lý do bà ấy không muốn đi gặp bác sĩ. Mới tuần trước, một trong những người bạn từ thời xa xưa của bà ấy, Betty Coslaw, đã qua đời ở Trung tâm Y tế Đông Maine. Bị ung thư. Bà cụ và bà Norma cũng có tuổi rồi. Bảo sao bà ấy không sợ.”

“Cháu rất vui khi được khám cho bà,” Louis đáp. “Không sao đâu ạ.”

“Cảm ơn cháu, Louis,” ông Jud nói đầy biết ơn. “Nếu một đêm nào đó, hai chúng ta hợp lực lại, bắt bà ấy khám, ta nghĩ”

Ông Jud bỏ lửng câu nói rồi nghiêng đầu đầy thắc mắc. Đôi mắt của ông vô tình bắt gặp mắt Louis.

Sau này, Louis không thể nhớ chính xác lúc đó, cảm giác của anh ra sao hoặc chính xác thì làm thế nào để một cảm xúc biến hóa sang một cảm xúc khác. Cố gắng phân tích điều đó chỉ khiến anh choáng váng. Tất cả những gì anh còn nhớ là sự tò mò đã chóng vánh chuyển thành dự cảm không lành rằng có vấn đề rất nghiêm trọng vừa xảy ra. Họ đưa mắt nhìn nhau, cả

hai không mấy may nghĩ gì. Giây sau, anh mới tìm được hướng để hành động.

“Hù, hù,” hai cậu ma nhí Halloween trong nhà bếp hát vang. “Hù, hù.” Chợt tiếng hù hù ấy biến mất, chuyển sang tiếng ré thất thanh, vô cùng sợ hãi: “Ôô Ô Ôiiii...”

Và rồi một trong hai cậu ma nhí hét âm lên.

“Bố ơi!” Giọng Ellie thẳng thốt, căng thẳng đầy báo động. “Bố ơi! Bà Crandall bị ngã!”

“Ôi, lạy Chúa tôi,” ông Jud gần như rên rỉ.

Ellie chạy ra hiên nhà, chiếc váy đen phát phơ. Một tay cô bé cầm chặt cây chổi. Khuôn mặt màu xanh nghệt ra vì hoảng hốt, trông chẳng khác nào tay nát rượu ở giai đoạn cuối ngộ độc cồn. Hai hồn ma nhí theo sau, vừa đi vừa khóc.

Ông Jud lao qua cửa, nhanh nhẹn đến mức đáng kinh ngạc so với một cụ ông đã ngoài tám mươi. Không, đây không chỉ là nhanh nhẹn mà gần như uyển chuyển. Ông gọi tên vợ mình.

Louis cúi xuống và đặt hai tay lên vai Ellie. “Con ở lại đây, ngay trên hiên cho bố, Ellie nhé. Con hiểu không?”

“Bố ơi, con sợ,” cô bé thì thầm.

Hai cậu ma nhí nháo nhào vụt qua hai bố con và chạy xuống lối đi, túi kẹo loạt soạt, hét âm ỉ gọi mẹ.

Louis chạy về phía sảnh trước vào trong nhà bếp, để mặc Ellie lúc này đang gọi anh trở lại.

Bà Norma nằm trên vải dầu mấp mô cạnh bàn, xung quanh vương vãi táo và những thanh Snickers nhỏ. Có thể thấy lúc ngã xuống, bà đã quơ phải tô đựng bánh kẹo, khiến nó lật úp. Nó chổng chơ gần đó như chiếc đĩa bay Pyrex nhỏ. Lúi húi xoa

cổ tay cho bà, ông Jud ngược nhìn Louis với khuôn mặt căng như dây đàn.

“Giúp ta với, Louis,” ông nói. “Giúp bà Norma với. Ta nghĩ bà ấy không qua khỏi mất.”

“Ông dịch sang bên đi,” Louis nhanh nhẹn. Anh quỳ xuống, đầu gối đè phải chai nước ép Spy làm nó bị bể. Anh cảm thấy nước ép chảy qua lớp vải đã sờn, thứ mùi ngai ngái của nước táo lên men tỏa khắp phòng.

Lại nữa, lại là Pascow, Louis nghĩ rồi gạt suy nghĩ khỏi đầu trong chớp mắt.

Anh bắt mạch cho bà nhưng mạch rất yếu, mong manh và nhanh – thậm chí còn chẳng phải nhịp tim mà chỉ là co thắt. Rối loạn nhịp tim cực độ, có khả năng chuyển biến thành ngừng tim hoàn toàn. *Đừng như Elvis Presley, bà Norma ơi*, anh thầm nghĩ.

Anh cởi váy của bà, để lộ lớp váy lót lụa màu vàng kem. Bước vào nhịp điệu riêng, anh quay đầu bà sang bên rồi bắt đầu tiến hành hồi sức tim phổi.

“Ông Jud, nghe cháu này,” anh lên tiếng. Gót bàn tay bên trái của anh đặt ở vị trí cách xương ức một phần ba khoảng cách – trên mũi ức bốn xen-ti-mét. Tay phải giữ chặt lấy cổ tay trái, đan vào để tạo áp lực. Ấn chặt, nhưng nhẹ nhàng với lồng ngực người già; chưa cần phải hoảng loạn. Và vì Chúa, đừng làm tràn khí màng phổi.

“Ta nghe,” ông Jud nói.

“Ông đưa Ellie,” anh hướng dẫn. “Dắt con bé qua đường. Thật cẩn thận – hai ông cháu đừng để bị xe tông. Báo với Rachel

chuyện vừa xảy ra. Nói với cô ấy cháu cần túi đồ nghề. Không phải túi trong phòng làm việc mà là cái túi cất trên kệ cao ở phòng tắm tầng trên. Cô ấy sẽ biết. Nói vợ cháu gọi cho khoa cấp cứu Bangor yêu cầu xe cứu thương đến đây.”

“Bệnh viện Bucksport gần hơn,” ông Jud nói.

“Bangor nhanh hơn. Ông đi đi. Ông đừng gọi; để Rachel làm việc đó. Cháu cần cái túi.” *Và khi cô ấy biết tình hình ở đây, có khi cô ấy không mang qua đâu,* Louis thầm nghĩ.

Ông Jud liền hành động. Louis nghe thấy cửa ngoài hiện đóng sập. Chỉ còn lại anh với bà Norma cùng mùi tảo. Từ phòng khách vẳng lại tiếng tích tắc đều đều của đồng hồ hiển thị bảy ngày trong tuần.

Bà Norma chợt phát ra tiếng thở khò khè dài. Mí mắt bà rung rung. Và bỗng nhiên, Louis lạnh người, kinh hoàng chắc như định đóng cột.

Bà ấy sắp sửa mở mắt... ôi Chúa ơi, bà cụ sắp sửa mở mắt và nói về Nghĩa địa Thú cưng.

Nhưng bà chỉ nhìn Louis với ánh mắt có phần mù mẫn rồi nhắm lại. Louis tự cảm thấy xấu hổ về bản thân cùng nỗi sợ ấu trĩ chẳng giống anh chút nào này. Cùng lúc, anh cảm thấy hy vọng và nhẹ nhõm. Trong mắt bà có đau đớn nhưng không phải đau đến cùng cực. Anh đoán đây không phải tai biến nặng.

Giờ thì Louis thở hồng hộc, chảy mồ hôi. Ngoại trừ nhân viên y tế trên truyền hình, chẳng ai có thể khiến hồi sức tim phổi trông dễ dàng đến thế. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực liên tục tiêu tốn cả đồng năng lượng, thể nào ngày mai, cơ nối tay và vai của anh cũng đau nhức cho mà xem.

“Tôi có thể giúp gì không?”

Anh nhìn quanh. Một phụ nữ mặc quần suông và áo len nâu ngần ngừ đứng ở lối ra vào, tay nắm chặt thành nắm đấm để giữa ngực. Louis nghĩ đây là mẹ của hai cậu ma nhí. Nhìn qua, anh đánh giá ngay lập tức cô này sợ hãi nhưng không tê liệt do hoảng loạn.

“Không” anh đáp rồi sửa lại: “À có. Làm ướt khăn giùm tôi. Vắt khô. Đặt lên trán bà cụ.”

Cô làm theo lời anh. Louis nhìn xuống. Mắt bà Norma đã mở ra.

“Louis, ta bị ngã,” bà thều thào. “Hình như ta có ngất.”

“Bà bị một dạng biến cố động mạch vành,” Louis trả lời. “Có vẻ không quá nghiêm trọng. Bà cứ thả lỏng, đừng nói gì, bà Norma ạ.”

Anh nghĩ một chút rồi lại bắt mạch. Mạch còn quá nhanh. Bà đang gặp tình trạng mà bác sĩ Tucker ở Đại học Y Chicago từng gọi là soạn mã Morse: tim đập bình thường, sau đó đập thành những nhịp rung trong khoảng thời gian ngắn, sau đó lại đập bình thường trở lại. Thịch-thịch-thịch, THÌNH/THÌNH/THÌNH/THÌNH, Thịch-thịch-thịch-thịch-thịch. Không tốt nhưng chí ít vẫn tốt hơn rối loạn nhịp tim.

Người phụ nữ mang khăn đến đặt lên trán bà Norma. Cô lùi lại lưỡng lự. Ông Jud trở lại với túi của Louis.

“Louis?”

“Bà cụ sẽ ổn thôi,” Louis nói, nhìn ông Jud nhưng thật ra đang nói với bà Norma. “Cấp cứu sắp tới chưa ạ?”

“Vợ cháu đang gọi cho họ,” ông Jud đáp. “Ta vội quay lại đây ngay.”

“Không... bệnh viện,” bà Norma thì thầm.

“Vâng, bệnh viện,” Louis nói. “Năm ngày theo dõi, uống thuốc sau đó về nhà nghỉ ngơi, bà Norma ạ. Nếu bà nói điều gì khác, cháu sẽ bắt bà ăn hết đồng táo này. Ăn cả lõi.”

Bà mỉm cười mệt mỏi rồi lại nhắm mắt.

Louis mở túi lục lọi tìm lọ thuốc Isordil rồi lấy ra viên thuốc bé tí, chưa bằng phần lưỡi liềm trên móng tay ra lòng bàn tay. Anh đóng nắp hộp rồi giữ viên thuốc bằng hai ngón.

“Bà Norma, bà nghe thấy cháu không?”

“Có.”

“Cháu muốn bà mở miệng ra. Bà đã ghẹo nên giờ bà được kẹo. Cháu sẽ đặt viên thuốc này dưới lưỡi bà. Nhỏ xíu thôi. Cháu muốn bà ngậm cho đến khi thuốc tan. Sẽ hơi đắng một chút nhưng không sao đâu. Có được không ạ?”

Bà mở miệng. Mùi hôi của răng giả bay ra, và trong một khắc, Louis cảm thấy xót xa cho bà khi nằm trên sàn nhà bếp, giữa đồng táo và kẹo Halloween. Anh chợt nghĩ bà từng là thiếu nữ mười bảy tuổi, với khuôn ngực được những thanh niên trong vùng nhìn đầy hứng thú, với hàm răng của riêng mình, với quả tim dưới làn áo vẫn là động cơ trợ động dẻo dai.

Bà đặt lưỡi lên trên viên thuốc và khẽ nhắm mắt. Đúng là viên thuốc có vị nhâm nhảm đắng. Khi nào cũng vậy. Nhưng bà không phải Victor Pascow, nguy kịch, vô phương cứu chữa. Anh nghĩ bà Norma vẫn sẽ kiên cường chiến đấu. Tay bà quơ quàng trong không trung, ông Jud nhẹ nhàng nắm lấy.

Đoạn Louis đứng dậy, lấy cái tô bị lật úp rồi nhặt nhanh quả bánh. Người phụ nữ tự giới thiệu mình là Storey sống dưới cuối đường, giúp anh một tay và bảo cô phải quay lại xe. Hai cậu con trai của cô rất sợ hãi.

“Cảm ơn chị đã giúp đỡ, chị Storey,” Louis nói.

“Tôi có làm được gì đâu,” cô đáp. “Nhưng tối nay tôi sẽ quỳ gối và tạ ơn Chúa vì anh đã có mặt ở đây, bác sĩ Creed ạ.”

Louis phẩy tay ngượng ngùng.

“Ta cũng thế,” ông Jud nói. Mắt ông nhìn thẳng vào mắt anh rồi cứ thế không rời. Đôi mắt cương nghị. Ông đã cầm cương trở lại. Phút giây bối rối và sợ hãi chóng vánh ban nãy qua đi. “Ta nợ cháu lần này, Louis.”

“Ông đừng nói thế,” Louis đáp rồi giơ tay chào Storey khi cô ra về. Cô mỉm cười vẫy tay chào lại. Louis lấy một quả táo và bắt đầu gặm. Nước ép Spy ngọt quá mức khiến miệng anh phát lợ.. nhưng cảm giác ấy không quá khó chịu. *Thắng một bàn tối nay rồi, Louis*, anh nghĩ và vui vẻ thưởng thức quả táo. Anh đói đến cồn cào.

“Nhưng ta vẫn mang ơn,” ông Jud cương quyết. “Khi cháu cần giúp đỡ, Louis, hãy đến gặp ta đầu tiên nhé.”

“Vâng,” Louis đáp. “Cháu sẽ làm thế.”

* * *

Hai mươi phút sau, xe cấp cứu của Bangor MedCu đến nơi. Đứng bên ngoài nhìn hộ lý đưa bà Norma vào xe, Louis trông

thấy Rachel nhìn ra ngoài từ cửa sổ phòng khách. Anh vẫy tay với vợ và cô giơ tay đáp lại.

Anh và ông Jud đứng cạnh nhau, nhìn theo bóng xe cấp cứu chạy xa dần, đèn loang loáng, còi hú không bật.

“Chắc ta lên bệnh viện luôn,” ông Jud nói.

“Tối nay họ sẽ không cho ông vào gặp bà đâu, ông Jud ạ. Họ sẽ đo điện tâm đồ cho bà rồi đưa bà vào phòng chăm sóc đặc biệt. Không cho phép thăm bệnh trong mười hai tiếng đầu tiên.”

“Liệu bà ấy có ổn không, Louis? Có ổn thật không?”

Louis nhún vai. “Không ai có thể đảm bảo điều đó. Bà bị nhồi máu cơ tim. Dù vậy, bản thân cháu cho rằng bà sẽ ổn. Có khi còn khỏe hơn trước nếu bà dùng một số loại thuốc.

“Ái chà,” ông Jud nói rồi châm một điếu Chesterfield.

Louis mỉm cười, mắt liếc nhìn đồng hồ. Anh ngạc nhiên khi thấy giờ mới tám giờ kém mười. Thế mà anh cứ tưởng thời gian đã trôi qua rất lâu rồi.

“Ông Jud, cháu phải đi đón Ellie để con bé chơi cho xong trò cho kẹo hay bị ghẹo của mình.”

“Ừ, cháu đi đi.” Lời ông nói nghe như Ché đi đi. “Cứ bảo cô bé muốn lấy bao nhiêu quà bánh nếu muốn, Louis ạ. Ta đoán cô bé đã có màn ghẹo hoành tráng cho đêm nay rồi.”

“Cháu cũng nghĩ thế,” Louis nói.

Khi Louis về đến nhà, Ellie vẫn mặc bộ đồ phù thủy. Rachel cố thuyết phục cô con gái thay đồ ngủ nhưng Ellie nhất quyết không chịu, còn nước còn tát, cô bé hy vọng cuộc chơi bị hoãn

lại vì cơn đau tim có thể sẽ tái khởi động. Nghe Louis bảo khoác áo vào, Ellie nhảy căng lên vỗ tay.

“Như thế thì con bé sẽ thức khuya lắm, Louis.”

“Bố con anh sẽ đi ô tô,” anh nói. “Thôi nào, Rachel. Con bé mong chờ dịp này cả tháng nay.”

“Chà...” Cô mỉm cười. Ellie trông thấy nụ cười ấy nên lại hét ầm lên. Cô bé chạy đến túm áo khoác. “Bà Norma có ổn không anh?”

“Anh nghĩ là có.” Anh thấy vui trong lòng. Một nhưng vui. “Bà bị nhẹ thôi. Bà sẽ phải cẩn thận, nhưng ở tuổi bảy mươi lăm, ta phải biết thời mình còn có thể nhảy sào đã là dĩ vãng.”

“May mà anh có mặt ở đó. Đúng là Chúa trời có mắt.”

“Anh nghĩ cũng nhờ may mắn.” Anh nở nụ cười khi Ellie quay lại. “Sẵn sàng chưa, Phù thủy Hazel?”

“Sẵn sàng rồi ạ,” cô bé réo rất. “Đi thôi — đi thôi — đi thôi!”

Một tiếng sau, trên đường về với túi quà bánh đã đầy một nửa (Ellie phản đối cho có lệ khi Louis quyết định kết thúc chuyến đi vì cô bé cũng đã mệt), cô con gái khiến anh giật mình khi hỏi: “Có phải con đã khiến bà Crandall bị đau tim không bố? Khi con không chịu lấy quả táo bị dập?”

Louis nhìn con, kinh ngạc, tự hỏi con nít lấy đâu ra những ý tưởng ngộ nghĩnh, nửa mê tín dị đoan như thế. Giống như trò bước lên những rãnh nứt trên đường sẽ khiến mẹ gãy lưng. Hoặc màn bói cánh hoa yêu hay không yêu. Bụng của bố, đầu của bố, cười nửa đêm, bố mất mạng. Nó khiến anh nghĩ về Nghĩa địa Thú cưng và những vòng tròn thô mộc ấy. Anh muốn cười khẩy chính mình nhưng chẳng cười nổi.

“Không, con yêu à, anh nói. “Lúc con đang ở với hai hồn ma nhí...”

“Không phải ma đâu ạ, hai anh em sinh đôi nhà Buddinger thôi.”

“Chà, lúc con ở với hai bạn ấy, ông Crandall kể với bố rằng bà Norma gần đây hay lên cơn đau ngực. Thật ra, có thể con là người đã cứu mạng bà, hoặc chí ít là giúp bà không rơi vào tình trạng nặng hơn.

Và giờ đến lượt Ellie tròn mắt.

Louis gật đầu. “Bà cần bác sĩ, con yêu ạ. Bố là bác sĩ. Nhưng bố chỉ có mặt tại đó vì con chơi trò cho kẹo hay bị ghẹo thôi.”

Ellie ngẫm nghĩ rất lung rồi gật gù. “Nhưng bà có thể sẽ không qua khỏi,” cô bé thẳng thừng. “Người nào bị đau tim dễ chết lắm. Dù còn sống đi nữa, sớm muộn gì họ cũng sẽ bị đau tim thêm lần nữa, rồi lần nữa, cho đến khi... bùm!”

“Bố có thể hỏi con học ở đâu những kiến thức khôn ngoan như vậy không?”

Ellie chỉ nhún vai — cái nhún vai đậm chất Louis khiến anh có phần thích thú.

Cô bé đồng ý để anh xách túi quà bánh – dấu hiệu gần như tối thượng của sự tin tưởng – và Louis ngẫm về thái độ của cô con gái. Nghĩ đến việc Church qua đời mà cô bé thiếu điều lên cơn hoảng loạn. Vậy mà khi nghĩ về việc bà cụ Norma Crandall qua đời... cũng cô bé Ellie ấy lại bình tĩnh, xem đó là điều không thể tránh khỏi, là sự đời. Con gái anh bảo gì nhỉ? Đau tim thêm lần nữa, rồi lần nữa, cho đến khi... bùm!

Nhà bếp vắng tanh, nhưng Louis có thể nghe thấy tiếng Rachel đi lại trên lầu. Anh đặt túi quà của Ellie lên quầy bếp rồi ôn tồn, “Không phải khi nào cũng vậy, Ellie ạ. Cơn đau tim của bà Norma rất nhỏ, và bố đã kịp thời tiến hành điều trị ngay lập tức. Bố nghĩ trái tim của bà không bị ảnh hưởng chút nào ấy chứ. Bà...”

“Dạ, con biết,” Ellie đồng tình, gần như hào hứng. “Nhưng bà già rồi, sớm muộn gì bà cũng mất thôi. Cả ông Crandall cũng vậy. Mà con có thể ăn một quả táo trước khi đi ngủ không bố?”

“Không” anh nhìn con trầm tư. “Lên lầu đánh răng đi con.”

Có ai thực sự cho rằng họ hiểu trẻ con không? Anh tự hỏi.

Khi căn nhà chìm vào yên lặng và hai vợ chồng lên giường ngủ, Rachel khẽ hỏi: “Ellie có hoảng lắm không, Lou? Con bé có buồn không anh?”

Không, anh nghĩ. Con bé biết người già không sớm thì muộn rồi cùn về châu tiên tổ, giống như nó biết phải thả châu chấu đi khi châu chấu phun nước bọt... như nó biết nếu nhảy dây mà mắc phải dây ở lượt thứ mười ba, bạn thân nhất sẽ chết... như con bé biết ta sẽ sắp mộ thành hình vòng tròn nhỏ dần trong Nghĩa địa Thú cưng...

“Không” anh đáp. “Con bé giữ bình tĩnh rất tốt. Đi ngủ thôi, Rachel, được chứ?”

Đêm đó, khi hai vợ chồng yên giấc trong nhà của họ, còn ông Jud thao thức năm canh, có một trận sương giá đậm. Sáng sớm, trời nổi gió, giật phăng những chiếc lá nâu nhạt nhòa còn sót lại lìa cành.

Tiếng gió khiến Louis tỉnh giấc, anh dựng người dậy trên khuỷu tay, còn ngái ngủ và bối rối. Có tiếng bước chân trên cầu thang... chậm rãi, lê lét. Pascow đã trở lại. *Bây giờ ư, anh nghĩ, hai tháng trôi qua rồi.* Khi cửa mở ra, phải chăng anh sẽ trông thấy thấy người thối rửa kinh khiếp, chiếc quần chạy bộ mốc meo, thịt rơi rớt thành những lỗ to, não nhoe nhoét. Chỉ có đôi mắt là còn sinh khí... sáng quắc và còn sinh khí. Lần này, có lẽ Pascow sẽ không nói nữa; dây thanh đới quá rữa nên chẳng tạo thành âm thanh. Nhưng đôi mắt... đôi mắt ấy sẽ yêu cầu anh đi.

“Không” anh thở, rồi tiếng bước chân tắt dần.

Anh đứng dậy, đi đến kéo cửa mở, môi bạnh thành cái nhăn mặt đầy sợ hãi và quyết tâm, da gà nổi khắp người. Pascow sẽ đứng đó, hai tay giơ lên, trông chẳng khác nào nhạc trưởng đã chết từ lâu chỉ huy dàn nhạc chơi phần đầu tiên của bản *Walpurgisnacht* rền vang hào hùng.

Làm gì có chuyện đó, ông Jud sẽ nói thế cho mà xem. Đầu cầu thang trống không. tĩnh lặng. Chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng gió. Louis quay lại giường ngủ.

Ngày hôm sau, Louis gọi cho phòng chăm sóc đặc biệt ở Trung tâm Y tế Đông Maine. Tình trạng của bà Norma vẫn được xếp vào danh sách nguy hiểm; đó là thủ tục hoạt động tiêu chuẩn trong 24 giờ đầu tiên sau khi bệnh nhân lên cơn đau tim. Tuy nhiên, Louis nhận được đánh giá có phần tích cực hơn từ Weybridge, vị bác sĩ khám cho bà. “Tôi thậm chí còn chẳng xem đây là cơn nhồi máu cơ tim nhỏ nữa kìa,” ông nhận xét. “Không một vết tổn thương. Bà cụ giữ được mạng phần lớn là nhờ anh đấy, bác sĩ Creed.”

Cuối tuần đó, Louis chợt nảy ra ý tưởng mua hoa đến bệnh viện thăm bà cụ, thế rồi anh phát hiện bà Norma đã được chuyển đến phòng bệnh riêng dưới lầu – tín hiệu vô cùng tích cực. Ông Jud đang ở cạnh bà.

Thấy bó hoa, bà Norma reo lên vui mừng và bấm nút mượn y tá lọ hoa. Đoạn bà hướng dẫn ông Jud cho đến khi hoa được cắm vào nước, sắp xếp theo mong muốn của bà rồi bày trên chiếc tủ được kê ở trong góc.

“Phu nhân khỏe như vạm rồi còn gì,” ông Jud khô khan nói sau khi chỉnh sửa bó hoa đến lần thứ ba.

“Ông lại trêu tôi, ông Judson,” bà Norma nói.

Ông Jud bèn hài hước giơ tay chào. “Không dám, thưa phu nhân.

Và rồi bà Norma quay sang Louis. “Ta muốn cảm ơn cháu vì những gì cháu đã làm,” bà ngại ngần nói, chân phương vô cùng, vì vậy lại xúc động gấp đôi. “Ông Jud bảo nhờ cháu mà ta mới giữ được mạng”

Louis ngượng ngùng đáp: “Ông Jud nói quá rồi ạ.”

“Quá cái gì mà quá, không hề,” ông Jud phản đối. Ông nheo mắt nhìn Louis, hấp háy nụ cười. “Mẹ cháu không dặn là không được bỏ qua lời cảm ơn nào sao, Louis?”

Mẹ anh chưa bao giờ dạy bảo anh điều nào như vậy, chỉ ít theo những gì còn lưu giữ trong ký ức của anh thì thế, nhưng anh nhớ mang máng có lần bà từng bảo giả vờ khiêm tốn bằng một nửa tội kiêu ngạo.

“Bà Norma,” anh lên tiếng, “cháu rất vui vì đã làm hết khả năng”

“Cháu quả là người tốt,” bà Norma đáp. “Cháu hãy đưa ông nhà ta ra ngoài để ông ấy mời cháu một ly bia nhé. Ta lại thấy buồn ngủ rồi, mà bóng gió mãi nhưng ông ấy chẳng chịu cáo về.”

Ông Jud nhanh nhẩu đứng dậy. “Tiên sư! Ta đồng ý nhé, Louis. Nhanh lên, kéo bà ấy đổi ý bây giờ.”

Một tuần trước lễ Tạ ơn, những bông tuyết đầu tiên rơi xuống. Ngày 20 tháng Mười một, tuyết rơi dày đến mười phân, nhưng ngày trước kỳ nghỉ lễ lại trong xanh và lạnh lẽo. Louis đưa cả gia đình đến Sân bay Quốc tế Bangor và tiễn ba mẹ con lên chuyến bay về Chicago để đoàn tụ với nhà ngoại.

“Thế này chẳng hay chút nào,” đây có lẽ là lần thứ hai mươi Rachel cảm thán kể từ lúc hai vợ chồng nghiêm túc thảo luận về chủ đề trên vào một tháng trước. “Em không thích nghĩ đến cảnh anh lủi thủi đi ra đi vào căn nhà một mình vào Lễ Tạ ơn. Đáng ra đây là dịp lễ để cả nhà quây quần bên nhau mà, Louis.”

Louis chuyển Gage từ tay này sang tay kia, lần đầu tiên khoác chiếc áo to sụ, cậu bé trông thật bự con và ngây thơ. Louis đang đứng ở cửa sổ lớn, ngắm nhìn trực thăng Không quân cất cánh.

“Anh không ngồi vừa nốc bia vừa khóc lóc đâu,” Louis trấn an vợ. “Ông Jud và bà Norma mời anh qua ăn gà tây cùng đủ cao lương mỹ vị mà. Chắc, anh mới là người cảm thấy tội lỗi đây này. Xưa giờ anh cũng chẳng thích tụ họp đông người để mừng lễ mà. Anh mà ngồi uống bia trong lúc xem bóng bầu dục vào lúc ba giờ chiều là thế nào đến bảy giờ, anh cũng ngủ khò, và ngày hôm sau, anh sẽ cảm thấy như thể dàn cổ vũ Dallas Cowgirls nhẩy nhót và hét hoan hô trong đầu cho mà xem. Anh không thích để mặc em đi với hai con chút nào.”

“Em ổn mà,” cô nói. “Bay khoang hạng nhất, em thấy mình chẳng khác nào công chúa. Và Gage sẽ ngủ trên chuyến bay từ Logan đến O’Hare.”

“Em mong vậy phải không?” Anh đùa và cả hai cùng phá lên cười.

Chuyến bay được thông báo trên loa, Ellie vội vàng chạy lại. “Chuyến của mình kìa mẹ ơi. Đi thôi – đi thôi — đi thôi. Kẻo họ bỏ lại mình bây giờ.”

“Không đâu con,” Rachel đáp. Cô cầm ba thẻ lên máy bay màu hồng trên tay. Cô mặc áo khoác lông, tuy chỉ là lông giả nhưng có màu nâu rất sang... *Chắc là làm giả lông chuột xạ hương*, Louis thầm nghĩ. Bất kể chiếc áo giả theo kiểu gì chẳng nữa, nó khiến cô trông lộng lẫy vô cùng.

Có lẽ phần nào cảm xúc của anh đã hiện lên trong mắt, bởi có bất ngờ trao cho anh một cái ôm, ép Gage vào giữa hai người. Gage tỏ vẻ bất ngờ nhưng không khó chịu.

“Louis Creed, em yêu anh,” cô thủ thỉ.

“Mẹ ơi,” Ellie nói, chẳng thém giấu vẻ sốt ruột. “Đi thôi – đi thôi — đi...”

“Ờ rồi,” cô nói. “Anh ở nhà giữ gìn sức khỏe nhé, Louis.”

“Anh bảo,” anh nở nụ cười. “Anh sẽ cẩn thận. Với cả cho anh gửi lời chào bố mẹ nhé, Rachel.”

“À, anh được lắm,” cô nói và nhăn mũi với anh. Dễ gì mà lừa phỉnh Rachel kia chứ; cô thừa biết lý do tại sao Louis kiểu không tham gia chuyến đi này. “Vui quá nhỉ?”

Anh nhìn ba mẹ con bước lên máy bay, vắng bóng khỏi tầm mắt anh suốt tuần tới. Chưa gì anh đã cảm thấy nao nao trong lòng và nhớ ba người họ da diết. Anh đi đến ô cửa sổ ban nãy Ellie vừa đứng, tay thọc vào túi áo khoác, nhìn nhân viên xếp hành lý lên khoang.

Sự thật rất đơn giản. Ngay từ đầu, ông bà Irwin Goldman vùng Lake Forest đã có ác cảm với anh. Xuất thân của anh không được môn đăng hộ đối với cô, nhưng đó chỉ là khởi đầu. Tệ hơn nữa, anh lại kỳ vọng cô con gái của họ – tiểu thư cành vàng lá ngọc được chăm bẵm từ trong trứng suốt mười tám

năm đầu đời và được dạy dỗ ở những ngôi trường hạng nhất – làm hậu phương vững chắc trong lúc anh đi học y, nơi anh suýt chút nữa bị đuổi học.

Bản thân Louis chấp nhận tất cả những điều trên, và thực tế là vậy. Nhưng rồi có một sự kiện xảy ra, Rachel không hề biết và sẽ không bao giờ biết... ít nhất là không được nghe trực tiếp từ anh. Số là ông Irwin Goldman đề nghị trả toàn bộ học phí trong quá trình học y của Louis. Cái giá của “học bổng” này (theo lời ông Goldman) là Louis hủy bỏ hôn ước với Rachel ngay lập tức.

Khi ấy, Louis Creed không ở thời điểm thích hợp nhất trong đời để phản ứng với hành động sỉ nhục ấy, nhưng những đề nghị lỗ lã kiểu này (hoặc thẳng thắn mà nói là mua chuộc) có bao giờ được nói ra đúng lúc kia chứ – nếu nhận lời đề nghị này ở tuổi 85 thì may ra. Hôm đó, anh mệt bã người. Anh ngồi trong giảng đường 18 tiếng một tuần, mày mò nghiên cứu sách vở thêm 20 tiếng, thêm 15 tiếng phục vụ bàn trong chuỗi nhà hàng pizza để dày đặc sản Chicago cách khách sạn Whitehall một dãy nhà. Anh còn căng thẳng nữa chứ. Thái độ vui vẻ lạ thường của ông Goldman tối hôm ấy khác một trời một vực so với cách xử sự lạnh như băng trước đó của ông, và Louis nghĩ khi ông Goldman mời anh vào phòng làm việc hút xì gà, ông đã đưa mắt nhìn sang bà vợ. Về sau — rất lâu sau này, khi thời gian cho ta thêm góc nhìn – Louis thậm chí hẳn dám ngửa cũng cảm thấy bồn chồn như vậy khi ngửi thấy khói từ đám cháy thảo nguyên. Anh chuẩn bị tinh thần để nghe ông Goldman tiết lộ ông biết chuyện Louis đã ăn cơm trước kẻng với con gái ông.

Nhưng không, ông Goldman lại đề nghị một điều không tưởng – thậm chí còn lòi cả sổ séc từ túi áo vest chuyên dùng cho việc hút thuốc như nhân vật coi trời bằng vung trong hài kịch của Noël Coward rồi phe phẩy trước mặt Louis – đến lúc này, Louis nổi đóa. Anh kết tội ông Goldman lúc nào cũng giữ khư khư cô con gái của mình như vật phẩm trưng bày trong viện bảo tàng, chỉ biết nghĩ đến mình mà không nghĩ cho người khác, là kẻ khốn nạn ác nghiệt, chỉ biết đề đầu cuối cổ kẻ khác. Rất lâu sau đó, anh mới thừa nhận với bản thân rằng trút cơn giận ấy cũng giúp anh phần nào hả hê.

Mặc dù những lời nhận xét nho nhỏ của anh về tính cách Irwin Goldman đều chí lý, chúng không cứu vớt được mối quan hệ rạn nứt giữa hai bên. Chẳng còn nét nào giống hài kịch của Noël Coward nữa; cho đến cuối cuộc nói chuyện, nếu có hài hước thì chắc đó là kiểu châm biếm cay độc. Ông Goldman đuổi cổ anh, và nói nếu còn nhìn thấy Louis lén phéng ngoài cửa nhà ông nữa thì ông sẽ bắn cho bể sọ. Louis bèn bắt lại ông Goldman cứ việc cầm cuốn sổ séc mà nhét thẳng vào mông. Ông Goldman nhiec móc ông gặp khối kẻ ăn hại còn được việc hơn Louis Creed. Louis cũng chẳng vừa, anh nói ông nhét luôn cả thẻ tín dụng BankAmericard và thẻ vàng American Express ngay bên cạnh sổ séc cho đủ bộ.

Trên đây không có điều nào là nước cờ sáng suốt để lấy lòng bố mẹ vợ tương lai.

Cuối cùng, Rachel sắp xếp cho hai bên gặp nhau (sau khi mỗi người có dịp ăn năn hối lỗi về những điều mình đã phát ngôn, mặc dù họ vẫn không thay đổi suy nghĩ về người kia). Không có

hành động lỗ lã, hẳn nhiên không có màn diễn tuồng tệ hại Từ-hôm-nay-tao-không-có-đứa-con-gái-như-mày. Có lẽ ông Goldman thà cắn răng chấp thuận cho cô con gái rượu kết hôn với Thủy quái Đầm lầy đen còn hơn là từ mặt cô. Dầu vậy, khuôn mặt trên cổ chiếc áo đuôi tôm mà ông Irwin Goldman diện vào ngày Louis kết hôn với Rachel trông một chín một mười với mấy khuôn mặt thỉnh thoảng được chạm khắc trên quan tài người Ai Cập. Quà cưới cho đôi vợ chồng là bộ chén đĩa cho sáu người hăng Spode cùng lò vi sóng. Không có quà hiện kim. Phần lớn khoảng thời gian Louis liêu mạng theo học trường y, Rachel làm nhân viên trong cửa hàng quần áo phụ nữ. Từ ngày đó đến nay, Rachel chỉ biết mối quan hệ giữa chồng và bố mẹ mình có phần “căng thẳng”... đặc biệt là Louis và bố cô như nước với lửa.

Thật ra Louis có thể đi cùng gia đình, dù theo lịch của trường đại học, anh sẽ phải bay về sớm ba ngày so với Rachel và hai con. Như vậy cũng chỉ là chuyện vặt. Tuy nhiên, bốn ngày bên tổ tướng Im-Ho-Tep cùng phu nhân Nhân Sư Sphinx chẳng khác nào đày đoạ xuống địa ngục.

Hai đứa trẻ đã khiến bố mẹ vợ anh bớt hà khắc hơn xưa, bởi con nít có sức mạnh này. Louis thậm nhủ có lẽ anh đủ sức hàn gắn mối quan hệ đơn giản bằng cách giả vờ anh đã quên cái đêm định mệnh trong phòng làm việc của ông Goldman. Thậm chí ông ta có biết anh vờ vạy cũng chẳng thành vấn đề. Nhưng sự thật là (chỉ ít anh cũng có gan để thẳng thắn với bản thân mình về việc đó) anh không muốn nối lại mối quan hệ cho lắm. Mười năm là quãng thời gian dài, nhưng chưa đủ để xóa nhòa vị

đăng ngắt trong miệng anh khi ông ta mở một bên áo vest ngó ngẩn lồi ra cuốn sổ séc trong thư phòng với hai ly rượu bày trên bàn. Phải, anh cảm thấy nhẹ nhõm khi ông không phát hiện chuyện anh và Rachel đã quấn quít bên nhau nhiều đêm – năm đêm cả thảy – trên chiếc giường lún chật ních trong phòng trọ của anh, nhưng sự ghê tởm đầy bất ngờ ấy có dư vị chẳng dễ chịu gì cho cam, và dù thời gian trôi qua, nó vẫn chưa nguôi ngoai.

Anh có thể đi, nhưng anh thà gửi cho bố vợ hai đứa cháu ngoại, cô con gái và lời nhắn còn hơn.

Chiếc máy bay Delta 727 dịch khởi thang lên rồi di chuyển... anh trông thấy Ellie ở cửa sổ đằng trước, vẫy tay loạn xạ. Louis vẫy tay đáp lại, mỉm cười rồi trông thấy ai đó – Ellie hoặc Rachel – bế Gage lên cửa sổ. Louis vẫy tay, Gage cũng vẫy lại – có lẽ cậu bé trông thấy anh, hoặc có lẽ chỉ bắt chước Ellie mà thôi.

“Đưa gia đình tôi thương lộ bình an đấy,” anh lẩm bẩm, đoạn kéo áo khoác rồi bước ra bãi đậu xe. Gió gào rít phần phật, suýt thổi bay mũ anh đang đội, thành thử anh phải dùng tay giữ rịt lấy. Lục túi tìm chìa khóa để mở cửa xe phía bên ghế lái, anh quay người khi chiếc máy bay cất cánh đằng sau nhà ga, mũi máy bay chĩa thẳng lên bầu trời trong xanh như ngọc, động cơ ầm ầm rền vang.

Cô đơn se sắt – đến độ sống mũi cay cay – Louis vẫy tay lần nữa.

Tâm trạng anh vẫn phủ bóng âu sầu vào tối hôm ấy, lúc băng qua Tuyến số 15 về nhà sau khi làm vài lon bia với ông Jud và bà Norma – bà cụ uống một ly rượu vang, bà được bác sĩ

Weybridge cho phép, thậm chí khuyến khích làm vậy. Tối đó, cả ba người nhâm nhi với nhau trong nhà bếp do tình hình thời tiết.

Trước đó, ông Jud đã chất củi vào bếp lò Marek nhỏ, họ quây quần với bia lạnh, lửa ấm, ông Jud kể về chuyện xưa, khi những người da đỏ Micmac ngăn chặn quân đội Anh đổ bộ vào Machias hai trăm năm trước. Ông kể vào thời gian đó, những người Micmac rất đáng sợ, và còn để thêm ông đoán một số luật sư đất đai của tiểu bang và liên bang đến giờ vẫn khiếp họ một phép.

Đáng lý đêm ấy rất vui, nhưng Louis biết căn nhà vắng tanh vắng ngắt đang chờ anh. Lúc băng qua bãi cỏ, cảm thấy băng giá lạo xạo dưới gót giày, anh nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo lên trong nhà. Anh vội vàng chạy vào cửa trước rồi phi như bay qua phòng khách (hất đổ kệ để tạp chí), ào qua bếp đến điện thoại, đôi giày dính băng tuyết trượt trên mặt vải sơn lót sàn. Anh chớp lấy điện thoại.

“A lô?”

“Louis?” Là giọng Rachel, hơi xa cách nhưng hoàn toàn khỏe khoắn. “Mẹ con em đến nơi bình an rồi. Không có vấn đề gì.”

“Tuyệt lắm!” Anh đáp rồi ngồi xuống trò chuyện với cô, lòng thầm nghĩ: *Ước gì có mẹ con em ở đây.*

Bữa tiệc Lễ Tạ ơn mà ông Jud và bà Norma tổ chức hết sức tuyệt vời. Dùng bữa xong, Louis về nhà, căng da bụng, chùng da mắt. Anh lên lầu vào phòng ngủ, tận hưởng bầu không khí yên tĩnh một chút, cởi giày và nằm xuống giường. Lúc đó chưa tới ba giờ, không gian bên ngoài tắm trong ánh mặt trời hanh hao sắc đông.

Mình sẽ chớp mắt một lát, anh nghĩ rồi chìm vào giấc ngủ.

Chuông điện thoại trong phòng ngủ đánh thức anh dậy. Anh mò lấy ống nghe, cố xua đi cơn ngái ngủ, mắt phương hướng khi nhận ra trời gần như tối hẳn. Anh có thể nghe thấy tiếng gió rít quanh góc nhà và tiếng thì thầm lách tách của lò sưởi.

“A lô,” anh lên tiếng. Hẳn đầu dây bên kia là Rachel gọi từ Chicago để chúc anh Lễ Tạ ơn vui vẻ. Cô sẽ chuyển máy cho Ellie để con gái nói chuyện với anh, sau đó Gage sẽ giành máy và bi ba bi bô, làm thế nào mà anh lại ngủ hết buổi chiều trong khi anh định xem trận bóng bầu dục kia chứ...

Nhưng người gọi không phải Rachel mà là ông Jud.

“Louis? Ta e cháu gặp chút rắc rối.”

Anh vội bật dậy khỏi giường, gạt khỏi đầu cơn buồn ngủ.
“Ông Jud ạ? Rắc rối gì kia?”

“Chà, có xác một con mèo trên bãi cỏ nhà ta,” ông Jud nói.
“Ta nghĩ đó có thể là mèo của con gái cháu.”

“Mèo Church sao?” Louis hỏi. Bụng anh bỗng chùng xuống.
“Ông có chắc không, ông Jud?”

“Không, ta không dám chắc một trăm phần trăm,” ông đáp,
“nhưng trông giống lắm.”

“Ôi. Ôi khốn thật. Cháu qua ngay.”

“Được, Louis.”

Cúp máy xong, anh thần người ngồi đó một lúc. Đoạn anh vào nhà vệ sinh, sau đó mang giày rồi xuống lầu.

Chà, chắc gì đó là Church. Ông Jud cũng bảo ông không chắc một trăm phần trăm kia mà. Chúa ơi, con mèo thậm chí còn chẳng buồn leo lên lầu trừ khi có người bế nó lên... nó băng qua đường làm gì kia chứ.

Nhưng trong lòng, anh cảm thấy chắc chắn con mèo bị chết là Church... và nếu tối nay, Rachel gọi điện thoại, mà chắc chắn vợ anh sẽ làm thế, anh biết nói ra sao với Ellie đây?

Thật điên rồ, anh nghe văng vẳng trong tai những lời chính anh đã nói với Rachel: *Anh biết mọi thứ – nghiêm túc là mọi thứ — có thể xảy ra với sinh vật sống. Là bác sĩ nên anh hiểu điều đó... Em có muốn là người giải thích với con chuyện gì đã xảy ra nếu chú mèo nó nuôi bị xe cán trên đường không?* Nhưng thành thật mà nói, đời nào anh lại nghĩ Church sẽ gặp chuyện đâu kia chứ.

Anh nhớ một trong những người cùng chơi bài poker với anh, Wickes Sullivan, từng hỏi làm thế nào anh có thể nổi hứng

với vợ mình mà không nổi hứng khi hằng ngày đều nhìn thấy phụ nữ khỏa thân. Louis bèn giải thích với anh này rằng sự thật chẳng như những gì người ta tưởng tượng – một nữ bệnh nhân bước vào để xét nghiệm phết tế bào cổ tử cung hay hỏi cách tự khám ngực không đột ngột trút bỏ xiêm y rồi làm dáng như thần Vệ nữ đứng trên vỏ sò. Bác sĩ trông thấy khuôn ngực, âm hộ, đùi. Còn lại được che bằng khăn, có y tá đứng trực, cốt yếu là để bảo vệ danh tiếng của bác sĩ. Nhưng Wicky không tin. Vòng một là vòng một, của mình là của mình, Wicky quan niệm như thế. Một là anh có thể nổi hứng mọi lúc, hai anh chẳng bao giờ ham muốn. Louis chỉ biết đáp lại rằng ngực vợ mình là thứ khác biệt.

Giống như mỗi người, gia đình là điều rất khác biệt, anh thầm nhủ trong đầu. Church không thể nào mất mạng vì chú mèo ấy nằm trong vòng tròn ma thuật mang tên gia đình. Điều anh không thể khiến Wicky hiểu là bác sĩ cũng vui vẻ và mù quáng phân loại mọi thứ trong đời như người bình thường. Ngực chẳng là ngực trừ khi đó là ngực vợ mình. Trong phòng khám, ngực của một phụ nữ khác không phải là ngực mà chỉ là một ca bệnh. Ta có thể đứng trước cử tọa trong hội thảo khoa, trình bày số liệu trẻ em mắc ung thư máu cho đến khi chán chê mê mải, nhưng ta sẽ không tin nếu chính con mình phải chịu căn bệnh ghê tởm ấy. Con tôi ư? Chú mèo của con tôi ư? Bác sĩ, anh đùa tôi đấy à? *Từ từ, bình tĩnh nào. Từng bước một.*

Nhưng chẳng dễ dàng gì khi anh nhớ Ellie đã hoảng loạn ra sao lúc nghĩ đến chuyện rồi một ngày, Church sẽ chết.

Con mèo ngu ngốc khốn khiếp, việc gì nhà mình phải nuôi mèo kia chứ.

Nhưng nó có đi loanh quanh để tìm bạn tình nữa đâu. Đáng lý ra điều đó phải giúp nó giữ được mạng.

“Church?” Anh gọi, nhưng chỉ có tiếng lò sưởi lách tách đốt tiền. Trường kỷ trong phòng khách vốn là nơi Church suốt ngày nằm ườn giờ trống không. Chú mèo cũng không nằm trên lò sưởi. Louis gõ lạnh canh đĩa đựng thức ăn của nó, một điều chắc chắn sẽ khiến Church chạy tới nếu nó nghe thấy, nhưng lần này chẳng thấy bóng dáng con mèo nào chạy lại... và anh e rằng mai này cũng thế.

Anh lưỡng lự mặc áo, đội mũ rồi bước đến cửa. Đoạn anh vòng lại. Thuận theo những gì linh tính mách bảo, anh mở tủ bếp dưới bồn rửa chén rồi ngồi xổm xuống. Có hai loại túi nhựa bên trong – loại túi nhỏ màu trắng cho thùng rác trong nhà và túi lớn màu xanh chuyên đựng rác. Louis lấy túi cỡ to. Từ ngày bị thiếu, Church mập lên rất nhiều.

Anh nhét túi nhựa vào túi áo khoác, khó chịu khi ngón tay chạm phải chiếc túi trơn lạnh. Đoạn anh bước ra cửa rồi băng qua đường sang nhà ông Jud.

Lúc đó khoảng năm giờ ba mươi phút. Bóng chiều nhập nhoạng. Khung cảnh khoác lên mình vẻ chết chóc thật lạ lẫm. Chút ánh tà dương vương vấn tựa sợi chỉ mảnh màu cam vắt ngang chân trời bên kia sông. Gió thốc thẳng xuống Tuyến số 15, khiến má Louis tê rần và thổi bay hơi thở trắng xóa của anh. Cảm giác đơn côi cứa vào lòng làm anh run rẩy. Nó bạo liệt quá, thuyết phục quá. Chẳng có cách nào cụ thể hóa nó bằng ẩn dụ.

Cảm giác ấy vô diện. Đơn giản là anh cảm thấy nó, dù không tài nào bắt được hình tướng.

Anh trông thấy ông Jud bên kia đường, mặc áo khoác len thô xỏ khuy to sụ màu xanh, mặt khuất trong chiếc mũ vành lông thú. Đứng trên bãi cỏ đóng băng, trông ông tựa bức tượng, tựa một thứ vô hồn trong không gian chạng vạng, im lìm tiếng chim hót này.

Louis toan bước qua đường, và lúc ấy, ông Jud động dậy — ông vẫy tay gọi anh. Ông hét gì đó mà anh không thể nghe rõ do tiếng gió gào thét dữ dội. Anh lùi lại, bất chợt nhận ra tiếng gió đã sâu và bén hơn. Giây sau, tiếng còi hơi inh ỏi hụ lên, một chiếc xe tải Orinco rầm rập chạy qua, gần đến độ áo quần anh lật phật. Suýt chút nữa thì anh đã bước thẳng ra trước chiếc xe ấy.

Lần này, anh cẩn trọng nhìn ngó trước sau rồi mới băng qua. Chỉ có ánh đèn hậu của chiếc xe bốn ban này dần tan biến vào ngày tàn.

“Ta cứ tưởng chiếc Orinco ấy sẽ tông phải cháu,” ông Jud nói. “Đi đứng cẩn thận chứ, Louis.” Dù gần đến vậy, Louis cũng không thể trông thấy khuôn mặt của ông Jud, cảm giác khó chịu cứ bám riết lấy anh, rằng đây có thể là bất cứ ai... bất cứ người nào.

“Bà Norma đâu ạ?” Anh hỏi, vẫn chưa nhìn xuống đồng lông bụi nhùi nằm dưới chân ông Jud.

“Bà ấy đi dự buổi Lễ Tạ ơn ở nhà thờ rồi,” ông đáp. “Ta đoán bà ấy sẽ ở lại dùng bữa luôn, nhưng ta nghĩ chắc bà ấy chẳng bỏ bụng gì đâu.” Trời lại nổi gió, hất chiếc mũ ra sau trong chốc lát,

Louis trông thấy đó quả là ông Jud – nhưng còn có thể là ai kia chứ? “Các bà ấy kiếm có để tùm năm tùm ba với nhau ấy mà,” ông Jud nói. “Trưa họ đã tổ chức một bữa linh đình rồi nên chắc họ chỉ ăn thêm dăm ba chiếc sandwich thôi. Tầm tám giờ bà ấy mới về.”

Louis quỳ xuống nhìn con mèo. *Xin đừng để nó là Church,* anh tha thiết cầu nguyện trong đầu khi dùng bao tay khề lật nó lại. *Xin hãy để nó là mèo người khác, xin hãy để ông Jud nhầm lẫn.*

Nhưng tất nhiên, đó là Church. Chú mèo không bị cán bẹp hay dị dạng, như thể bị chiếc xe bồn hoặc xe đầu kéo chạy trên đường Tuyến số 15 tông phải (*chiếc xe Orinco ấy chạy lung tung ngoài đường làm gì vào ngày Lễ Tạ ơn vậy? Anh băng quơ nghĩ*). Mắt Church he hé, mờ như hai hòn bi màu xanh. Máu chảy ra từ khóe miệng đang mở. Không quá nhiều máu nhưng đủ để nhuộm màu vạt lông trắng trên ngực nó.

“Mèo nhà cháu phải không, Louis?”

“Vâng,” anh đáp rồi thở dài.

Lần đầu tiên, anh nhận ra mình thương Church – có lẽ tình thương ấy không mãnh liệt như Ellie, nhưng theo cách riêng của anh. Vài tuần sau khi bị thiến, Church đổi tính hẳn, mập ra, đi đứng chậm chạp, chỉ loanh quanh luẩn quẩn bên giường của Ellie, trường kỷ và đĩa đựng thức ăn, chẳng bước ra khỏi nhà. Nhưng giờ đây, khi chú mèo đã lìa đời, Louis lại trông thấy bóng hình Church ngày xưa. Cái miệng nhỏ xíu đầy máu, tua tủa răng sắc như dao, đông cứng trong tư thế nhe ra. Đôi mắt trông thật phần nộ. Như thể sau quãng đời ngắn ngủi, ngu xuẩn, bình

lặng của một con mèo bị thiến, Church đã tìm lại được bản chất thật sự của mình trong cái chết.

“Phải, là Church,” anh nói. “Cháu mà biết phải báo tin này với Ellie ra sao, chắc cháu đâm đầu xuống đất mất.”

Chợt anh nảy ra ý tưởng. Anh sẽ chôn Church ở Nghĩa địa Thú cưng mà không cắm bia mộ hay làm mấy trò ngớ ngẩn tương tự. Tối nay, anh sẽ không nói gì với Ellie về Church qua điện thoại; rồi ngày mai, anh giả vờ nhắc dạo này bỗng dưng anh chẳng thấy Church đâu; hôm sau nữa, anh sẽ bảo có lẽ Church đã đi mất. Thỉnh thoảng, mèo làm thế mà. Ellie sẽ buồn, chắc chắn rồi, nhưng không có bất cứ cáo chung nào... không có điệp khúc liên tu bất tận khi Rachel rầu rĩ không chịu đối mặt với cái chết... mà chỉ phai nhạt dần..

Đồ hèn, một phần tâm trí anh lên tiếng.

Phải... không có gì phải bàn cãi. Nhưng ai muốn đưa mình vào thế khó kia chứ?

“Cô bé thương chú mèo lắm phải không?” Ông Jud hỏi.

“Vâng,” Louis bần thần. Anh nhẹ nhàng xoay đầu Church. Người chú mèo đã bắt đầu cứng lại, nhưng đầu lại quay dễ hơn bình thường. Cổ nó bị gãy rồi. Phải. Với chi tiết này, anh nghĩ mình có thể tái hiện chuyện đã xảy ra. Church đang băng qua đường – vì lý do gì thì chỉ có Chúa mới biết – thì xe ô tô hoặc xe tải tông trúng làm nó gãy cổ và bị hất văng vào bãi cỏ nhà ông Jud Crandall. Hoặc có thể cổ chú mèo bị gãy khi nó đập người xuống nền đất đóng băng. Điều đó chẳng quan trọng. Dù kịch bản nào chẳng nữa, kết cục vẫn không thay đổi. Church đã mất mạng.

Anh ngược nhìn ông Jud, toan nói với ông kết luận anh vừa rút ra, nhưng ông cụ đang đưa mắt nhìn về ánh tà dương màu cam héo úa nơi chân trời. Mũ ngả ra sau, khuôn mặt ông trông thật trầm tư, nghiêm nghị... thậm chí có phần khắc nghiệt.

Louis lôi túi nhựa màu xanh rồi giở nó ra, giữ thật chặt để gió không cuốn đi mất. Chừng như âm thanh loạt soạt của chiếc túi đưa ông Jud trở về với thực tại.

“Ừ, ta đoán hẳn cô bé thương nó lắm,” ông Jud ôn tồn. Cách ông dùng thì hiện tại có gì đó thật lạ kỳ... không gian lúc này, với tà dương dần tàn, với cái rét căm và gió phàn phật khiến anh cảm thấy thật lạ kỳ và ma mị.

Heathcliff đang đứng trên đồng hoang đây, Louis thầm nghĩ, mặt nhăn lại vì lạnh. Chuẩn bị bỏ chú mèo gia đình anh ta nuôi vào túi rác. Ối chà.

Anh nắm lấy đuôi của Church, căng miệng túi rác rồi nhấc xác con mèo lên. Anh không tài nào giấu được nét mặt ghê tởm và đau lòng khi nghe cơ thể của chú mèo phát ra tiếng *roạt roạt* lúc anh kéo nó khỏi mặt băng mà nó bị đông cứng. Chú mèo nặng không tưởng, tựa hồ cái chết đã thẩm thấu vào nó như quả tạ thực sự. *Chúa ơi, nó nặng chẳng thua gì xô cát.*

Ông Jud giữ đầu kia của chiếc túi để Louis thả Church vào trong, anh mừng vì mình không còn phải cảm nhận sức nặng kỳ lạ, khó chịu ấy.

“Giờ cháu định làm gì với nó?” Ông Jud hỏi. Khuôn mặt ông trông như tạc vào trong chiếc mũ. Nhưng đôi mắt đau đáu nhìn thẳng vào Louis.

“Chắc cháu để tạm cái xác trong ga ra,” Louis nói. “Sáng mai cháu đem chôn.”

“Ở Nghĩa địa Thú cưng à?”

Louis nhún vai. “Cháu định vậy.”

“Cháu có báo với Ellie không?”

“Cháu... cháu phải suy nghĩ thêm về việc đó.”

Ông Jud lặng thinh hồi lâu, đoạn ông lên tiếng như rút ra được quyết định. “Đợi ở đây một, hai phút nhé, Louis.”

Ông quay đi, không hề nghĩ Louis sẽ chẳng muốn đứng đợi dù chỉ một phút trong cái rét cắt da cắt thịt tối nay. Từng bước ông đi đều chắc chắn, uyển chuyển, một điều xưa nay hiếm ở độ tuổi của ông. Mà đằng nào Louis cũng chẳng biết nói gì. Anh cảm thấy anh chẳng còn là anh nữa. Anh cứ ngẩn ra nhìn ông bỏ đi, tương đối bằng lòng khi đứng đây.

Anh ngửa mặt thẳng vào cơn gió sau khi cửa đóng cạch lại, túi rác đựng xác Church cứ thế loạt soạt giữa hai chân.

Bằng lòng.

Phải, anh bằng lòng. Lần đầu tiên kể từ khi họ chuyển đến Maine, anh mới cảm thấy anh đang đứng đúng nơi dành cho anh, rằng anh đang ở nhà. Một mình đứng ở đây, trong không gian tranh tối tranh sáng ma mị, đứng ngay rìa mùa đông, anh thấy không vui nhưng vẫn phấn khích lạ lùng và cảm thấy đủ đầy – đủ đầy theo cách anh chưa bao giờ cảm nhận được hoặc không nhớ từ hồi còn bé, đã có bao giờ mình có cảm giác này hay chưa.

Sắp sửa có chuyện xảy ra rồi, Bubba. Tôi đoán đó là một chuyện rất kỳ quặc.

Ngửa đầu ra sau, anh nhìn những vì tinh tú của mùa đông lạnh lẽo trên bầu trời tối dần.

Anh chẳng rõ mình đã đứng như thế bao lâu, dù chắc hẳn không lâu lắm nếu xét theo phút. Đoạn một ánh đèn lập lòe trên hiên nhà ông Jud, lại gần cửa chắn ở hiên rồi di chuyển xuống bậc tam cấp. Ông Jud đang cầm trên tay cây đèn pin cỡ lớn. Tay kia, ông cầm một thứ mà ban đầu Louis cứ tưởng là chữ X khổng lồ... nhưng hóa ra là cuốc chim và xẻng.

Ông đưa xẻng cho Louis, anh bèn nhận lấy bằng tay còn lại.

“Ông Jud, ông định làm gì thế? Đêm hôm khuya khoắt, sao mình chôn nó được?”

“Được chứ. Và chúng ta sẽ làm vậy.” Khuôn mặt của ông Jud khuất sau ánh đèn pin sáng lóa.

“Ông Jud, trời tối rồi, trễ nữa. Lại còn lạnh...”

“Đi nào,” ông Jud giục. “Làm cho xong.

Louis lắc đầu, toan can ngăn nhưng mấp máy mãi mới được – những lý lẽ, những giải thích. Chúng thật vô nghĩa trước tiếng gió rít ù ù, trước hằng hà sa số tinh tú lấp ló giữa trời đêm.

“Ta có thể đợi đến sáng mai khi thấy đường...”

“Cô bé có thương chú mèo không?”

“Có, nhưng....”

Giọng ông Jud nhẹ nhàng và đầy lý tính: “Thế cháu có thương con bé không?”

“Tất nhiên là thương, con bé là con cháu...”

“Vậy thì đi thôi.”

Louis đành cất bước.

Buổi tối hôm ấy, trên suốt đoạn đường đi đến Nghĩa địa Thú cưng, có lẽ chừng hai hay ba lần gì đó Louis cố bắt chuyện với ông Jud, song ông không trả lời. Anh bèn thôi. Cảm giác bằng lòng ấy quả là kỳ cục trong trường hợp này nhưng lại là sự thật không thể chối cãi, cứ bám riết lấy anh. Tưởng chừng nó đến từ mọi nơi. Cả việc cơ tay anh đau rần vì một tay cầm xác Church, tay kia cầm xẻng cũng là một phần cảm giác ấy. Gió lạnh căm, cửa vào những mảng da không có gì che chắn, cũng là một phần; gió không ngừng lùa qua những cành cây. Khi họ đến rừng, xung quanh không có tuyết. Ánh đèn pin nhấp nhô của ông Jud là một phần, tỏa sáng như ngọn đuốc ban sơ càng lúc càng dần sâu vào rừng. Anh cảm thấy có một bí mật đang hiện diện, áp đảo, không thể phủ nhận, như có sức hút. Một bí mật đen tối.

Bóng cây thưa dần, để lộ một khoảng không gian. Tuyết ánh lên nhạt nhòa.

“Nghỉ ở đây đi,” ông Jud nói, và Louis đặt túi xuống. Anh quệt tay lau mồ hôi trên trán. *Nghỉ ở đây?* Nhưng họ đến nơi rồi mà. Anh có thể trông thấy bia mộ hiện ra dưới ánh đèn pin chiếu tới chiếu lui vô định của ông Jud khi ông cụp ngời lên lớp tuyết mỏng và vùi mặt vào hai cánh tay.

“Ông Jud? Ông ổn chứ?”

“Ta ổn. Ta cần lấy lại sức chút thôi.”

Louis ngồi xuống bên cạnh rồi hít thở thật sâu năm, sáu lần.

“Ông biết không,” anh lên tiếng, “có lẽ cả sáu năm nay, cháu mới cảm thấy khoan khoái thế này. Cháu biết lời cháu nói thật

điên rồ, khi cháu phải chôn chú mèo mà con gái cháu nuôi, nhưng sự thật là thế, ông Jud ạ. Cháu cảm thấy thoải mái lắm.”

Ông Jud cũng hít thở sâu một, hai lần. “Ừ, ta hiểu,” ông nói. “Thỉnh thoảng lại thế. Ta chẳng thể lựa thời điểm để cảm thấy khoan khoái, ngược lại cũng vậy. Và một phần nguyên nhân là ở nơi chốn nữa, nhưng tốt nhất cháu đừng tin tưởng nó. Heroin giúp con nghiện cảm thấy khoan khoái khi tiêm chúng vào tay, nhưng nó chỉ đầu độc chứ chẳng lợi lộc gì. Đầu độc cả cơ thể, đầu độc cả tâm trí. Nơi này có thể như vậy đấy, Louis ạ, và cháu không được phép quên điều đó. Ta cầu với Chúa điều ta đang làm là đúng. Ta nghĩ vậy, nhưng ta không chắc. Thỉnh thoảng, đầu óc ta lại mù mẫm. Ta nghĩ chắc ta sắp đến tuổi lú lẫn rồi.”

“Cháu không hiểu ông đang nói gì.”

“Nơi này có sức mạnh, Louis ạ. Ở đây thì không nhiều, nhưng. nơi chúng ta sắp đến thì có.”

“Ông Jud...”

“Đi thôi,” ông Jud nói rồi đứng dậy. Ánh đèn pin chiếu đến đồng cây đổ. Ông Jud bước đến đó. Bất chợt, Louis nhớ lại lần anh mộng du. Pascow đã nói gì trong giấc mơ đi kèm ấy nhỉ?

Đừng vượt qua đây, bất kể anh cảm thấy cần thiết đến mức độ nào, bác sĩ ạ. Ranh giới ấy không được phép phá vỡ.

Nhưng đêm nay, chừng như giấc mơ ấy, lời cảnh báo hoặc bất kể nó là gì xa xôi như thế đã xảy ra cách đây nhiều năm chứ chẳng phải vài tháng. Louis cảm thấy khoan khoái, bừng sức sống, sẵn sàng đối mặt với mọi điều, lâng lâng hứng khởi. Anh chợt cảm thấy lúc này thật giống một giấc mơ.

Đoạn ông Jud quay về phía anh, chiếc mũ như bao quanh một khoảng trống, và trong thoáng chốc, Louis tưởng chừng Pascow đang đứng trước mặt anh, ánh đèn chiếu ngược lên hộp sọ nhe nhorn cười, lẩm bẩm, bọc bằng lông thú, làm nỗi sợ trào dâng trong anh như làn nước lạnh ngắt.

“Ông Jud,” anh lên tiếng, “chúng ta không thể trèo qua đó được. Chẳng may ta gãy chân rồi lúc muốn tìm đường quay lại, ta lạnh cóng đến chết mất.”

“Cứ đi theo ta,” ông Jud nói. “Đi theo ta và đừng nhìn xuống. Đừng chân chừ và đừng nhìn xuống. Ta biết đường đi, nhưng phải hành động nhanh và dứt khoát.”

Louis bắt đầu thâm nhủ có lẽ đây chỉ là mơ, đơn giản là anh ngủ giấc chiều chưa dậy mà thôi. *Nếu mình đang thức, anh nghĩ, còn lâu mình mới mò đến đồng cây đổ, giống như mình sẽ không đời nào xin quốc cần câu rồi đi nhẩy dù. Nhưng mình sẽ làm. Mình thực sự nghĩ mình sẽ làm thế. Vì vậy... hẳn là mình đang nằm mơ. Đúng không?*

Ông Jud đi chéch sang trái, rời khỏi khoảng giữa đồng cây đổ. Ánh đèn pin chiếu sáng choang trên đồng

(xương)

cây đổ và những khúc gỗ cũ lổn nhổn. Vòng tròn ánh sáng chiếu từ đèn pin nhỏ dần và sáng hơn khi họ lại gần. Không buồn dừng lại dù chỉ một chút, cũng chẳng liếc quanh để chắc chắn mình đang đi đúng hướng, ông Jud bước lên. Ông không bò toài, cũng không khom người trèo như người ta trèo lên ngọn đồi mấp mô hoặc dốc cát. Ông cứ thế đi lên như thể đang leo bậc thang. Một người leo thang không thềm nhìn xuống vì

anh ta biết rõ từng bậc thang ở đâu. Ông Jud bước như nắm trong lòng bàn tay bước tiếp theo sẽ ở vị trí nào.

Louis bắt chước ông.

Anh không nhìn xuống, cũng chẳng lựa tìm chỗ đặt chân. Anh chắc chắn đến lạ kỳ rằng đồng cây đổ này không thể hại anh trừ khi anh cho phép. Tất nhiên, suy nghĩ này rõ là xem trời bằng vung; như thái độ tự cao tự đại ấu trĩ của kẻ cho rằng dù có xin quốc cần câu, chỉ cần đeo mặt dây chuyền Thánh Christopher thì lái xe vẫn an toàn.

Thế mà nó hiệu quả.

Không có cành cây cũ nào bị gãy dưới sức nặng của anh, cũng chẳng có cú hụt chân xuống hố đầy những miếng gỗ nhọn hoắt, trắng hếu do chịu nắng mưa, mảnh nào mảnh nấy sắc lẹm, chỉ chờ chực để cứa, để đâm, để xỏ. Giày anh mang (giày lười Hush Puppy; không khuyến khích dùng khi leo trèo lên những đồng cây đổ) không hề bị trượt trên rêu khô lâu đời mọc um tùm trên rất nhiều cây đổ. Anh không nghiêng tới trước cũng chẳng ngã về sau. Gió cứ thế gào rú qua những hàng linh sam xung quanh.

Trong thoáng chốc, anh thấy ông Jud đứng ngay trên đỉnh đồng cây đổ, đoạn ông bắt đầu đi xuống, bấp chân khuất khỏi tầm mắt, rồi tới đùi, hông và eo. Ánh sáng cứ thế nhảy nhót trên những cành cây tua tủa phía bên kia của... của ranh giới. Phải, nó là thế thì cứ gọi là thế, việc gì lại giả vờ không phải? Đó chính là ranh giới.

Louis bước lên đỉnh và chững lại, chân phải anh đạp lên một cây cổ thụ bị đổ nghiêng góc ba mươi lăm độ, chân trái đạp lên

thứ gì đó đàn hồi hơn – đồng linh sam cũ chồng lên nhau thì phải? Anh không nhìn xuống mà chỉ chuyển túi rác nặng trĩu đựng xác mèo Church từ tay phải sang tay trái, đổi chỗ cho cái xẻng nhẹ hơn. Anh ngược mặt thẳng vào hướng gió, cảm nhận nó phàn phật thổi qua, tưởng chừng liên tu bất tận, khiến tóc tai anh dựng ngược. Lạnh quá, sạch quá... *bất biến quá*.

Nhẹ nhàng di chuyển, gần như thông dong, anh bước xuống. Một cành cây to cỡ cổ tay gãy đánh rắc dưới chân, nhưng anh chẳng buồn quan tâm – và bàn chân anh đặt xuống được đỡ bằng cành cây lớn hơn chừng mười phân bên dưới. Thậm chí Louis còn không lảo đảo. Anh thầm nghĩ có lẽ giờ anh đã hiểu cách chỉ huy đại đội hành quân dọc theo chiến hào giữa làn lửa đạn xối xả, vừa đi vừa thì thầm bài ca quân hành “Tipperary”. Thật điên rồ, nhưng cái điên rồ ấy khiến anh phấn khởi khủng khiếp.

Anh đi xuống, nhìn thẳng vào vòng tròn sáng trưng của đèn pin. Ông Jud đứng đó đợi anh. Đoạn khi anh đến cuối dốc, cơn phấn khởi lóe lên trong anh như dầu đổ vào than hồng.

“Đến nơi rồi!” Anh hét lên. Anh đặt xẻng xuống rồi vỗ vai ông Jud. Anh nhớ lại cảm giác hồi còn bé anh từng nhận lời thách đố bước qua cầu đường sắt; anh nhớ mình từng trèo lên tít ngọn cây táo đứng đưa trong gió như đầu cột buồm. Đã hơn hai mươi năm nay, anh không cảm thấy trẻ trung và tràn trề nhựa sống tự trong tâm khảm thế này, “Ông Jud, ta đến nơi rồi!”

“Chứ cháu tưởng ta không đến được à?” Ông Jud hỏi.

Louis mở miệng toan nói gì đó – *Cháu tưởng ta không đến được Cháu thấy chúng ta đúng là phúc khi không mất mạng!* – nhưng rồi anh im bật. Anh không thắc mắc chút nào, kể từ lúc ông Jud tiến lại đóng cây đổ. Và anh không hề nghĩ đến chuyện phải leo lên quay về.

“Dạ không” anh đáp.

“Đi thôi. Vẫn còn một đoạn nữa. Chắc gần năm ki-lô-mét.”

Họ bước tiếp. Hóa ra vẫn còn đường. Có chỗ đường rất rộng, dù ánh đèn pin di chuyển chỉ chiếu được chút ít; chủ yếu là cảm giác không gian thoáng hơn, cây cối dạt sang hai bên. Một, hai lần gì đó, Louis ngẩng đầu nhìn sao trời lấp lánh giữa tán cây đen đúa. Lúc nọ, có một thứ vụt qua con đường trước mặt, ánh đèn pin chiếu vào đôi mắt xanh – nhưng chỉ trong thoáng chốc rồi mất hẳn.

Con đường cũng có lúc hẹp dần, đến độ bụi cây cào những ngón tay cứng quèo vào vai áo khoác của Louis. Anh đổi tay xách túi và xềnh thường xuyên hơn, cơn đau vai không ngừng nhức nhối. Anh như đắm chìm trong nhịp bước, gần như bị thôi miên. Phải, ở đây có sức mạnh, anh cảm nhận được điều đó. Anh nhớ lại hồi còn là cậu học sinh cuối cấp, anh đã cùng cô bạn gái của mình và vài cặp khác mò đến một nơi đồng không mông quạnh rồi âu yếm nhau ở cuối con đường đất gần trạm xăng. Lúc sau, cô bạn gái của Louis đòi về nhà hoặc chí ít là chuyển sang địa điểm khác vì cô bị nhức răng (nói đúng hơn là những cái răng bị trám, tức gần hết hàm). Louis cũng mừng vì có thể rời khỏi chỗ đó. Không khí xung quanh trạm xăng khiến anh cảm thấy căng thẳng và tỉnh táo. Hiện tại, cảm giác cũng

giống vậy, song mạnh hơn. Mạnh hơn nhưng không hề khó chịu chút nào. Nó...

Ông Jud dừng dưới chân con dốc dài, Louis chạy lại chỗ ông.

Ông quay sang anh. “Chúng ta gần đến đích rồi,” ông trầm tĩnh nói. “Chỗ tiếp theo cũng tương tự đồng cây đổ – ta phải bước thật đều và thông dong. Cứ đi theo ta và đừng nhìn xuống dưới. Cháu cảm nhận được chúng ta đang đi xuống dốc chứ?”

“Vâng”

“Đây là rìa địa phận người Micmac đặt tên là Đầm Tiểu Thần. Những người buôn lông thú đi qua gọi nơi này là Đầm Lầy Tử Thi, và hầu hết ai từng đi đến đây mà thoát ra được không bao giờ xó rớ trở lại.”

“Có cát lún ạ?”

“Ồ, cát lún đầy ra đấy! Các dòng chảy cứ ùng ục qua những lớp chất cát thạch anh còn sót lại từ sông băng. Chúng ta gọi đó là cát silica nhưng có lẽ có cái tên phù hợp hơn.”

Ông Jud nhìn anh, và trong phút chốc, Louis nghĩ anh nhắc thấy ánh nhìn sáng quắc và không hài lòng trong mắt ông cụ. Ánh mắt mạnh mẽ, rắn rết, tựa hồ không khí quanh trạm xăng vào đêm anh còn là học sinh. Louis cảm thấy nó vô cùng khó chịu.

Đoạn ông Jud dịch chuyển đèn pin và ánh nhìn ấy biến mất.

“Có rất nhiều thứ kỳ cục dưới này, Louis ạ. Không khí nặng nề hơn... mang nhiều điện tích hơn... hoặc gì đó.”

Louis giật mình.

“Sao thế?”

“Dạ không,” Louis nói.

“Có khi ta sẽ trông thấy lửa Thánh Elmo, dân thủy thủ hay gọi đấy là lửa ma trời. Nó có hình dáng quái gở lắm, nhưng chẳng là gì đâu. Nếu nhìn thấy hình thù gì và bị làm phiền, cháu cứ quay sang hướng khác. Có thể còn nghe cả những âm thanh như tiếng nói, nhưng chỉ là tiếng của những kẻ du thủ du thực dưới mạn Nam phía Prospect. Âm thanh vang đến đây. Ngộ nhỉ?”

“Du thủ du thực?” Louis ngờ vực. “Thời điểm này trong năm sao?”

“Ồ, ừ,” ông Jud đáp nhưng giọng của ông bình thản và không tiết lộ cảm xúc gì. Louis chột cùn cào mong muốn có thể nhìn thấy khuôn mặt ông cụ. Cái nhìn ấy...

“Ông Jud, chúng ta đang đi đâu vậy? Rốt cuộc chúng ta làm gì ở chốn xa xôi này?”

“Ta sẽ nói cho cháu biết khi chúng ta đến nơi,” ông Jud quay đi. “Cẩn thận mấy bụi cỏ đấy.”

Họ bắt đầu đi tiếp, bước từ gò này sang gò khác. Louis không cần lần mò để đặt chân xuống mà chân anh như tự động di chuyển, anh chẳng phải cất công. Anh chỉ trượt chân đúng một lần, giày trái đâm thủng lớp băng mỏng, nhúng vào làn nước đọng lạnh lẽo, hơi nhót ở phía dưới. Anh rút chân lên thật nhanh rồi bước tiếp, đi theo ánh đèn pin nhảy múa của ông Jud. Ánh đèn ấy là đà bay qua rừng, khơi gợi trong anh ký ức về những câu chuyện hải tặc anh thích mê thuở nhỏ. Những kẻ xấu xa đi chôn những đồng tiền vàng vào những đêm không trăng... và tất nhiên một trong số họ sẽ bị đẩy ngã vào hố chôn, ngay trên rương báu, xơi kẹo đồng ngay tim, vì đám hải tặc tin

rằng – hoặc chí ít đó là điều mà tác giả của những câu chuyện khủng khiếp ấy tuyên bố – rằng hồn ma đồng đội của bọn chúng sẽ ở đó canh giữ kho báu.

Có điều thứ chúng ta đi chôn không phải kho báu mà chỉ là chú mèo bị thiếu mà con gái mình nuôi.

Anh cố nén cơn cười khùng khục chực trào.

Anh không nghe thấy “âm thanh như tiếng nói” nào, cũng không thấy ngọn lửa Thánh Elmo, nhưng sau khi bước qua năm, sáu bụi cây, anh nhìn xuống thì thấy bàn chân, bắp chân, đầu gối và đùi dưới biến mất trong làn sương bao phủ mặt đất, vừa mịn màng, vừa trắng toát lại vừa mờ đục. Tựa hồ bước qua đồng tuyết nhẹ nhất thế giới.

Bầu không khí như phản phát ánh sáng và ấm áp hơn, anh dám thề như thế. Anh có thể trông thấy ông Jud ở phía trước, di chuyển đều đều, cái đầu cùn của cuốc chim quặp qua vai. Cây cuốc lại càng củng cố ảo ảnh về một người đàn ông dự tính chôn kho báu.

Cảm giác hứng khởi điên rồ ấy cứ âm ỉ, bỗng dưng anh tự hỏi nhớ đâu Rachel đang gọi về nhà thì sao, nếu chuông điện thoại cứ reo vang, phát ra những âm thanh buồn tẻ, khô khốc trong nhà thì sao. Nếu...

Suýt chút nữa anh tông vào lưng ông Jud. Ông cụ dừng ngay giữa đường. Đầu ông nghiêng sang bên. Miệng ông mím lại, căng thẳng.

“Ông Jud? Sao...”

“Suýt!”

Louis im bật, lo lắng nhìn quanh. Ở đây, màn sương trên đất đã mỏng đi, nhưng anh vẫn không nhìn thấy được đôi giày dưới chân mình. Đoạn anh nghe thấy tiếng bụi cây loạt soạt, cành cây răng rắc. Có thứ đang bước ra – và thứ này rất lớn.

Anh mở miệng toan hỏi ông Jud liệu đó có phải nai sừng tấm hay không (thật ra *gấu* mới là suy nghĩ lướt qua đầu anh) nhưng rồi anh ngậm miệng. Ông Jud đã bảo *Âm thanh vang đến đây*.

Anh bất giác bắt chước ông Jud nghiêng đầu sang bên rồi lắng tai nghe. Tiếng động ban đầu tưởng xa nhưng hóa ra lại rất gần; nó lùi xa rồi tiến về phía họ đầy đáng ngại. Louis cảm thấy mồ hôi túa ra trên trán, chảy xuống hai gò má nứt nẻ. Anh chuyển túi rác đựng xác Church từ tay này sang tay kia. Lòng bàn tay anh vuốt mồ hôi, bịch rác màu xanh giờ thật nhớt nhúa, chỉ chực trượt khỏi nắm tay. Càng lúc, thứ ngoài kia càng gần, tưởng chừng Louis sẽ trông thấy nó hiện hình bất cứ lúc nào, đứng trên hai chân, và thậm chí có lẽ sẽ chắn hết trời sao bằng thân hình đồ sộ, khổng lồ đến khó tin.

Gấu không còn là thứ anh nghĩ đến trong đầu.

Giờ anh chẳng biết anh đang nghĩ gì nữa.

Đoạn nó lại lùi xa rồi biến mất.

Louis mở miệng, câu hỏi *Ban này là gì ạ?* trên đầu lưỡi. Đoạn tiếng cười chói tai, man dại vang lên từ màn đêm, lúc găm gừ lúc rít rẻ thành những chu kỳ điên loạn, đinh tai nhức óc, rợn người. Louis cảm thấy mọi khớp trên người đông cứng, chẳng hiểu sao người anh nặng như đá, đến độ nếu anh quay lưng chạy, cơ thể sẽ lún xuống mất dạng dưới lớp đất lầy lội.

Tiếng cười lại vang lên, vỡ tan thành những tiếng khanh khách khô khốc, tựa hồ đồng đá bỏ vụn dọc đường đứt gãy; nó biến thành tiếng thét, rồi lại giảm tông xuống tiếng cười khùng khục vang từ trong bụng, chuyển sang tiếng rên rỉ trước khi tắt hẳn.

Đâu đó có tiếng nước tong tong, trên đầu họ là tiếng gió thốc đều đều bi ai, giống như một dòng sông lững lờ trôi giữa trời. Còn Đêm Tiểu Thần rất yên tĩnh.

Cả người Louis bỗng run lên bần bật. Anh bắt đầu nổi da gà – đặc biệt là ở phần bụng dưới. Phải, *nổi da gà* là từ chính xác; da anh chùng như đang chuyển động trên cơ thể. Miệng khô khốc. Tưởng chừng chẳng còn chút nước bọt nào bên trong. Thế mà cảm giác phấn khởi ấy vẫn còn đó, cơn điên cuồng không thể nào rũ bỏ.

“Cái quái gì vậy ạ?” Anh khàn khàn thì thầm với ông Jud.

Ông Jud quay sang nhìn anh, trong ánh đèn mờ mịt, Louis thấy ông cụ phải già đến 120 tuổi. Trong mắt ông không còn dấu tích của thứ ánh sáng kỳ lạ nháy nhót kia nữa. Khuôn mặt ông rệu rã, sợ hãi tột cùng. Nhưng khi lên tiếng, giọng ông vẫn rất vững vàng. “Một gã du thủ du thực thôi,” ông nói. “Đi nào. Gần đến rồi.”

Họ lại đi tiếp. Các bụi cây thành khoảng đất cứng trở lại. Suốt một khoảng thời gian, Louis cảm thấy không gian thoáng hẳn, dù ánh sáng mờ mờ bao bọc bốn bề đã phai dần, giờ thì anh chỉ trông thấy lưng của ông Jud ở phía trước cách anh gần một mét. Lớp cỏ cũn cợn cứng lại do sương giá dưới chân. Chúng vỡ rào rào như thủy tinh theo từng bước chân của họ.

Rồi họ lại bước vào rừng cây. Anh có thể ngửi thấy mùi cây linh sam dễ chịu và cảm nhận lá linh sam châm chích. Thỉnh thoảng nhành cây lại quệt qua người.

Louis hoàn toàn mất cảm giác về thời gian và phương hướng, nhưng họ đi bộ thêm một quãng không xa thì ông Jud dừng chân quay sang anh.

“Có bậc thang,” ông nói. “Cắt vào đá. Bốn mươi hai hay bốn mươi tư bậc gì đấy, ta không nhớ rõ. Cứ đi theo ta. Lên đến đỉnh là tới nơi.”

Ông bắt đầu leo và Louis một lần nữa bước theo.

Bậc đá rộng rãi nhưng cảm giác mặt đất rơi lại phía sau khiến anh không yên trong dạ. Thỉnh thoảng, giày của anh nghiêng phải sỏi hoặc mảnh đá dăm.

... Mười hai... mười ba... mười bốn...

Gió càng lúc càng rát buốt, lạnh căm, chẳng mấy chốc mặt anh tê đi. *Chúng ta đang đứng cao hơn cả hàng cây sao?* Anh tự hỏi. Ngược nhìn, anh trông thấy hăng hà sa số tinh tú, những chấm sáng lạnh lẽo trong màn đêm bí bùng. Chưa bao giờ trong đời, những vì sao lại khiến anh cảm thấy mình nhỏ nhoi, bé bỏng và vô nghĩa đến vậy. Anh tự hỏi câu hỏi xưa cũ – *liệu ngoài kia có tồn tại trí thông minh nào hay không?* – và thay vì choáng ngợp trước sự kỳ vĩ, suy nghĩ ấy đem đến cảm giác lạnh lẽo, tựa như anh vừa hỏi cảm giác ăn một đồng bọ lúc nhúc sẽ ra sao.

... Hai mươi sáu... hai mươi bảy... hai mươi tám...

Mà ai đã đục đẽo những bậc thang này nhỉ? Người da đỏ. Người Micmac? Những người da đỏ ấy có thủ theo dụng cụ không? Mình

phải hỏi ông Jud mới được. “Người da đỏ thủ theo dụng cụ” làm anh nghĩ tới “động vật phủ lớp lông dày,” anh liên tưởng đến thú đã tiến lại gần họ trong rừng. Hụt chân, anh cào bàn tay mang găng của mình dọc theo tường đá phía bên tay trái để giữ thăng bằng. Bức tường lạnh ngắt, lởm chởm, sứt mẻ và chằng chịt vết. *Như da khô sắp mục,* anh nghĩ.

“Cháu ổn chứ, Louis?” Ông Jud thì thầm.

“Cháu ổn,” anh nói, dù hụt hơi và cơ bắp nhói đau vì sức nặng của Church trong túi.

... Bốn mươi hai... bốn mươi ba... bốn mươi bốn...

“Bốn mươi lăm,” ông Jud nói. “Hóa ra là ta nhầm. Chắc phải mười hai năm ta không lên đây rồi. Ta cứ nghĩ ta chẳng còn lý do gì phải đến nơi này lần nữa. Đây... cháu lên đi.”

Ông nắm lấy cánh tay Louis rồi đỡ anh lên bậc thang cuối.

“Tới nơi rồi,” ông Jud ôn tồn.

Louis nhìn quanh. Giờ thì anh có thể thấy khá rõ; ánh sao tuy mờ ảo nhưng vừa đủ. Họ đang đứng trên một bề mặt lởm chởm đất đá nhô thẳng lên từ mặt đất như cái lưỡi đen thui. Nhìn theo hướng ngược lại, anh trông thấy ngọn cây linh sam mà họ đã băng qua để đến bậc đá. Rõ ràng, họ đã trèo lên đỉnh quả núi kỳ cục bằng phẳng, dạng địa hình dị thường hay xuất hiện ở Arizona hoặc New Mexico. Phần đỉnh bằng trên ngọn núi, hoặc đồi, xói mòn nặng, hoặc bất kể thứ là gì này phủ đầy cỏ, không có lấy một cái cây nên mặt trời đã làm tan chảy lớp tuyết nơi đây. Quay lại chỗ ông Jud, Louis trông thấy cỏ khô rạp xuống trước cơn gió ù ù thổi, khuôn mặt tê tái, anh thấy hóa ra đây là đồi chứ không phải địa hình núi đỉnh bằng đơn lẻ. Trước

mặt bọn họ, đất nhô lên lần nữa, dẫn vào rừng. Nhưng phần đỉnh này phẳng một cách rõ ràng, rất lạ thường khi xét tới việc New England chủ yếu là đồi thấp và thoải...

Người da đỏ thủ theo dụng cụ, tâm trí anh chợt vang lên.

“Đi thôi,” ông Jud gọi và dẫn anh đi chừng 23 mét vào rừng cây. Gió thổi rất mạnh nhưng không gian thoáng đãng. Louis loáng thoáng trông thấy đường nét rất nhiều thứ dưới cái tối tăm của tán cây – đây là những cây linh sam lâu năm nhất và cao lớn nhất anh từng thấy. Vừa cao, vừa đơn độc, nơi này gợi trong anh cảm giác trống rỗng – nhưng là sự trống rỗng đầy rộn ràng.

Hóa ra những đường nét tối tăm này là những ụ đá.

“Người Micmac đã san phẳng đỉnh đồi nơi đây,” ông Jud nói. “Không ai biết họ làm cách nào, cũng như chẳng ai biết người Maya xây kim tự tháp ra sao. Bản thân người Micmac bây giờ cũng đã quên, tương tự như người Maya.”

“Tại sao? Tại sao họ làm vậy ạ?”

“Đây là nơi họ chôn cất,” ông Jud nói. “Ta mang cháu đến đây để cháu chôn mèo của Ellie. Người Micmac không phân biệt đối xử đâu. Họ chôn thú cưng ngay cạnh chủ.”

Điều này khiến Louis liên tưởng đến người Ai Cập, những người rất không lạ gì chuyện này: họ giết thú hoàng gia nuôi, để linh hồn những con thú có thể hầu cận linh hồn chủ nhân ở thế giới bên kia. Anh nhớ mình từng đọc về việc họ đã giết hơn 10.000 thú cưng và gia súc khi ái nữ của pharaoh qua đời – trong đó có 600 con heo và 2000 con công. Đàn heo được ướp

ting dầu hoa hồng, hương nước hoa ưa thích của ái nữ này trước khi bị cắt cổ.

Họ xây dựng cả kim tự tháp. Chẳng ai biết chắc kim tự tháp của người Maya có mục đích gì – nhiều người bảo chúng dùng để định hướng và đo thời gian giống Stonehenge – nhưng chúng ta thừa biết từ xưa đến nay, kim tự tháp Ai Cập từng là tượng đài vĩ đại của cái chết, là những khu nghĩa địa nhất thế giới. Ramses II yên nghỉ tại đây. Ông Rất Ngoan, Louis nghĩ rồi không nhin nổi mà cười nắc nẻ.

Ông Jud nhìn anh với vẻ mặt chẳng hề bất ngờ.

“Đi chôn con mèo nhà cháu đi,” ông nói. “Ta sẽ làm điều thuốc. Ta cũng muốn giúp, nhưng việc này cháu phải tự làm. Của ai người nấy chôn. Ở đây vốn thế.”

“Ông Jud, tất cả những điều này có nghĩa là gì? Sao ông lại đưa cháu đến đây?”

“Vì cháu đã cứu mạng bà Norma,” ông Jud nói, và dù ông cụ nói đầy chân thành – Louis cũng tin ông hết lòng với mình – chẳng hiểu sao anh chợt bị lấn át bởi cảm giác choáng ngợp rằng ông đang nói dối... hoặc ông bị lừa gạt và chuyển sự lừa dối ấy sang Louis. Anh nhớ nhìn anh đã trông thấy, hay tưởng anh đã trông thấy, trong mắt ông Jud.

Nhưng tí tấp trên đây, những điều ấy chẳng còn quan trọng. Tâm trí anh thả hồn vào ngọn gió và và thổi xung quanh thành dòng sông chảy mãi, khiến tóc anh bay khỏi lông mày và tại.

Ông Jud ngồi tựa lưng vào thân cây, tay khum lại quẹt diêm và châm một điếu Chesterfield.

“Cháu có muốn nghỉ một chút rồi mới bắt đầu không?”

“Thôi, cháu ổn,” Louis đáp. Anh có thể thắc mắc thêm với ông, nhưng anh chẳng buồn làm thế. Anh cảm giác điều anh làm vừa sai nhưng lại vừa đúng và anh quyết định bằng lòng với điều đó... chỉ ít là lúc này. Chỉ có một điều anh cần biết. “Cháu có đào huyệt cho chú mèo được không đây? Đất có vẻ nông?” Louis hếch cằm về phía tảng đá nhô lên khỏi mặt đất ở rìa bậc đá.

Ông Jud chậm rãi gật đầu. “Ái chà,” ông nói. “Đúng là đất có hơi nông. Nhưng đất đủ sâu để cỏ mọc thì thường đủ sâu để chôn cất thi thể, Louis ạ. Và người ta đã chôn cất ở chốn này bao đời nay rồi. Song ta nói trước là làm cũng vất đấy.”

Thật vậy. Đất cứng như đá; chỉ lát sau, anh nhận ra anh cần dùng cuốc chim mới đào được huyệt vừa với Church. Thế là anh luân phiên dùng cả hai, đầu tiên anh lấy cuốc chim để làm tơi lớp đất đá cứng, sau đó dùng xẻng để đào phần đất này ra. Tay anh bắt đầu đau. Người nóng dần, anh cảm nhận được khát khao mãnh liệt, nung nấu rằng mình phải làm thật tốt. Anh bắt đầu ngân nga trong miệng, một hành động thỉnh thoảng anh lại làm khi khâu vết thương. Đôi lúc cuốc chim đập phải phiến đá cứng đến độ tóe lửa, cơn rung truyền đến cán gỗ khiến hai tay anh run lên bần bật. Anh cảm thấy lòng bàn tay mình phồng rộp nhưng chẳng thêm quan tâm, mặc dù tâm lý chung của các bác sĩ là rất cẩn trọng với đôi tay của mình. Trên cao, bốn bề xung quanh, gió cứ thế ca vang, ngân nga giai điệu ba nốt.

Điểm xuyết cho âm thanh này là tiếng đá lộp cộp thả xuống. Anh nhìn qua vai thì trông thấy ông Jud đang khom người nhấc những tảng đá lớn mà anh đã đào rồi xếp chúng thành đống.

“Để đắp thành ụ đá,” ông nói khi thấy Louis nhìn mình.

“À vâng” Louis nói rồi tiếp tục công việc.

Anh đào huyệt rộng sáu mươi phân và dài chín mươi phân – *mỗi một con mèo mà đào mộ hoành tráng thế này đấy*, anh thả nhủ trong đầu – và đến khi nó sâu gần tám mươi phân, lần nào cuốc chim đập xuống cũng tóe lửa, anh ném cả cuốc cả xẻng sang một bên rồi hỏi ông Jud như thế này đã được chưa.

Ông Jud đứng dậy nhìn qua. “Ta thấy được rồi đấy,” ông nhận xét. “Với cả quan trọng là cháu nghĩ gì.”

“Giờ ông có thể nói cháu nghe ý nghĩa của hành động này được chưa?”

Ông Jud khẽ mỉm cười. “Người Micmac tin rằng ngọn đồi này có ma thuật,” ông nói. “Họ tin rằng cả cánh rừng, bắt đầu từ vùng đầm lầy phía Bắc và phía Đông ẩn chứa ma thuật. Họ xây dựng nơi này, chôn cất thi thể, giữa nơi hoang vu thăm thẳm. Những bộ tộc khác không bén mảng đến đây, người Penobscot bảo khu rừng đầy u linh. Về sau, những người bẫy thú lấy lông cũng rĩ tai nhau như thế. Ta đoán nhiều người trong số họ đã nhìn thấy ma trời trong Đầm Tiểu Thần và tưởng mình đã gặp ma.”

Nhìn ông Jud mỉm cười, Louis nghĩ trong đầu mình, *Đây không phải là điều ông nghĩ*.

“Thời gian trôi qua, đến cả người Micmac cũng chẳng đặt chân tới đây nữa. Một người trong bộ lạc kể rằng anh ta trông

thấy quái vật ăn thịt người Wendigo ở đây và rằng đất đã mất chất. Họ tổ chức bữa yên tiệc linh đình, nhảy nhót say sưa... thời tóc còn xanh, ta nghe kể như vậy đấy, Louis ạ, nhưng người kể ta nghe là ông Stanny B. nát rượu – ấy là biệt danh chúng ta gọi Stanley Bouchard — và ông này có tật hề không biết thì sẽ thêm mắm dặm muối.”

Louis chỉ biết Wendigo là ác quỷ phương Bắc nên anh hỏi: “Ông có nghĩ đất đã biến chất không ạ?”

Ông Jud mỉm cười, hoặc chỉ ít đôi môi ông xéch lên. “Ta nghĩ đây là nơi nguy hiểm” ông khẽ nói. “Nhưng với chó mèo hay chuột lang nuôi làm thú cưng thì không. Cháu chôn chủ mèo đi, Louis.”

Louis hạ túi rác xuống hố rồi chậm rãi xúc đất lấp. Anh thấy lạnh và mệt lử. Tiếng đất đập lên túi nhựa khiến lòng anh nặng nề, và dù không hối tiếc vì đã lên tận đây, cảm giác hứng khởi kia dần phai, anh thầm ước chuyến đi này chóng đến hồi kết thúc. Trở về nhà sẽ là quãng đường dài đây.

Tiếng đất loạt soạt một hồi rồi nghệt lại và tắt hẳn – giờ chỉ còn tiếng trầm trầm khi đất ngày một bồi đắp. Anh dùng lưỡi xẻng hất phần đất cuối cùng vào huyết (*Chẳng bao giờ là đủ*, anh thầm nhủ, nhớ lại người cậu làm dịch vụ lễ tang từng bảo với anh cả nghìn năm trước, rằng chẳng bao giờ có thể lấp đầy huyết) rồi quay sang ông Jud.

“Ụ đá nữa,” ông Jud ngắn gọn.

“Ông Jud này, cháu mệt rồi và...”

“Là mèo của Ellie đấy,” ông Jud nói, nhỏ nhẹ nhưng không khoan nhượng. “Con bé cũng sẽ muốn cháu làm đến nơi đến

chốn.”

Louis thở dài. “Có lẽ vậy ạ,” anh đáp.

Anh tốn thêm mười phút để xếp ụ đá mà ông Jud đưa từng hòn một cho. Sau khi hoàn thành, trên mộ Church đã có ụ đá nhỏ hình chóp, đúng là tuy mệt nhưng Louis cũng cảm thấy đôi chút hài lòng. Trông nó phù hợp khi cao chót vót cùng những thứ xung quanh trong ánh sao. Anh đoán có lẽ Ellie sẽ chẳng bao giờ thấy cảnh tượng này – nghĩ tới việc đưa con qua khu đầm lầy với cát lún đã đủ khiến Rachel bạc tóc – nhưng sau khi chiêm ngưỡng, anh cảm nhận nó rất tuyệt vời.

“Đa phần các ụ đá đều bị đổ,” anh nói với ông Jud, vừa đứng dậy vừa phủi bụi trên đầu gối. Giờ thì anh đã thấy rõ hơn, và ở vài chỗ, anh có thể nhìn ra những đồng đá lổn nhổn. Nhưng ông Jud đảm bảo anh dựng ụ đá bằng chính những hòn đá lấy từ cái huyệt mà anh tự tay đào.

“Ái chà,” ông Jud bảo. “Ta nói rồi: nơi này cổ xưa mà.”

“Chúng ta xong chưa ạ?”

“Ái chà.” Ông vỗ vai Louis. “Cháu làm tốt lắm, Louis ạ. Ta biết cháu làm được mà. Mình về thôi.”

“Ông Jud..” Anh toan nói, nhưng ông Jud chỉ nhặt cuốc chim lên rồi bước thẳng xuống bậc thang. Louis cầm xẻng, phải sải chân chạy mới đuổi kịp rồi điều chỉnh nhịp thở để đi bộ. Có một lần, anh quay đầu nhìn lại, nhưng ụ đá đánh dấu ngôi mộ của mèo Winston Churchill con gái anh nuôi đã nhạt nhòa vào bóng tối, chẳng nhìn ra.

Chúng ta lại tua ngược bộ phim, một lúc lâu sau đó, Louis mệt mỏi nghĩ khi họ bước ra khỏi khu rừng và đi vào khoảng đất

nhìn xuống căn nhà của anh. Anh không biết bao lâu đã trôi qua; ban chiều, khi nằm xuống chợp mắt, anh cởi đồng hồ nên giờ hẳn nó vẫn đang chằm chệ trên bệ cửa sổ cạnh giường. Anh chỉ biết người mệt lử, hết năng lượng và kiệt sức. Bao lâu nay, chưa khi nào anh đuổi thể này. Lần cuối cùng anh ra bã như vậy là ngày hè mười sáu hay mười bảy năm trước, khi anh còn là cậu học sinh trung học tham gia đội dọn dẹp rác.

Họ đi ngược trở lại con đường ban nãy, nhưng anh chỉ nhớ chút ít về cuộc đi này. Anh hụt chân khi bước qua đồng cây đổ, anh nhớ là thể: chơi với về phía trước và chột nghĩ về *Peter Pan* – *ôi Chúa ơi, mình đánh mất những suy nghĩ vui tươi rồi, giờ thì mình phải đi xuống* – đúng lúc ấy, ông Jud vươn tay ra, rắn chắc và chai sần, chốc sau, họ nặng nhọc bước qua nơi Smucky, Trixie, Marta Thỏ Cưng đến con đường mòn anh từng đi cùng ông Jud và cả gia đình.

Dù đầu óc mệt mỏi, anh mơ hồ nghĩ ngợi về giấc mơ Victor Pascow, lần anh mộng du, nhưng anh không tìm được bất cứ mối liên kết nào giữa lần anh đi bộ đêm đó và đêm nay. Anh cũng nhận ra chuyến phiêu lưu vừa rồi rất nguy hiểm – không phải nguy hiểm theo kiểu cường điệu như trong tiểu thuyết của Wilkie Collins mà là nguy hiểm thực sự. Anh đã làm hai tay mình phồng rộp trong trạng thái gần như mộng du, nhưng đó chưa là gì. Ban nãy khi leo lên đồng cây đổ, anh đã có thể mất mạng nếu bất cẩn. Cả anh và ông Jud. Không thể xem hành động ấy là tỉnh táo được. Sức cùng lực kiệt, anh quy chụp nguyên nhân là vì anh bối rối và đau buồn trước cái chết của chú mèo mà cả gia đình vô cùng yêu thương.

Đi mãi, đi mãi, cuối cùng họ cũng về tới nhà.

Họ bước đến căn nhà cùng nhau, chẳng ai nói gì rồi dừng ngay lối chạy xe vào nhà Louis. Gió không ngừng thét gào, rên rỉ. Louis lặng thinh đưa cho ông Jud cây cuốc chim.

“Ta phải về đây,” ông Jud lên tiếng. “Louella Bisson hoặc Ruthie Perks sẽ đưa bà Norma về nhà và thể nào bà ấy cũng thắc mắc khi không thấy ta cho mà xem.”

“Ông có biết mấy giờ rồi không ạ?” Louis hỏi. Anh ngạc nhiên khi bà Norma chưa về nhà; cơ bắp rã rời làm anh cứ đinh ninh hẳn đã là nửa đêm.

“Ô, có chứ,” ông Jud nói. “Ta mang theo đồng hồ suốt, khi nào không mặc đồ mới bỏ ra thôi.”

Ông lấy đồng hồ từ túi quần ra rồi gạt nắp lên.

“Tám giờ ba mươi rồi,” ông nói rồi đóng nắp.

“Tám giờ ba mươi sao?” Louis ngẩn ngơ hỏi lại. “Mới sớm vậy thôi ạ?”

“Chứ cháu tưởng mấy giờ rồi?” Ông Jud hỏi.

“Cháu nghĩ trễ hơn, Louis nói.

“Mai gặp nhé, Louis,” ông cụ nói rồi dợm bước bỏ đi.

“Ông Jud?”

Ông quay lại nhìn Louis với chút thắc mắc.

“Ông Jud, chúng ta vừa làm gì tối nay vậy?”

“Sao, chúng ta chôn chú mèo của con gái cháu.”

“Chỉ có vậy thôi sao?”

“Chỉ vậy thôi,” ông Jud nói. “Cháu là người tốt, Louis ạ, có điều cháu thắc mắc quá nhiều. Thỉnh thoảng con người phải làm những thứ xem là đúng đắn. Ý ta là đúng đắn theo con tim

mình. Và nếu họ làm thế mà lại thấy không đúng, thấy bần khổ và cảm giác không yên, nhưng không phải trong dạ mà là trong đầu, họ nghĩ mình đã làm sai. Cháu hiểu ý ta không?”

“Vâng,” Louis đáp, thầm nghĩ có khi ông Jud đọc được tâm trí anh khi hai người bọn họ đi xuống đồi, băng qua khu đất và tiến về phía ánh đèn tỏa ra từ trong nhà.

“Điều họ không nghĩ đến là có lẽ họ nên đặt câu hỏi về những cảm giác nghi ngờ kia trước khi nghi ngờ con tim mình,” ông Jud ôn tồn, nhìn anh thật lung. “Cháu nghĩ sao, Louis?”

“Cháu nghĩ” anh từ tốn lựa chọn từ ngữ, “chắc là ông nói đúng”

“Và những điều trong tim một người thì có nói ra cũng chẳng được tích sự gì, có phải không?”

“Chà...”

“Không” ông Jud tự chốt hạ như thể Louis cũng đồng tình với ông. “Chẳng được tích sự gì.” Và giọng nói điềm tĩnh của ông quyết đoán và dứt khoát vô cùng, đến độ Louis rùng mình. Đoạn ông nói tiếp: “Ấy là những điều bí mật. Người ta hay bảo phụ nữ giỏi giữ bí mật, mà ta đoán có lẽ họ cũng giữ mồm giữ miệng đấy, nhưng phụ nữ nào sỏi sự đời đều sẽ nói với cháu rằng cô ta chưa bao giờ thật sự nhìn thấu được trái tim của đàn ông. Đất trong tim đàn ông cứng như sỏi đá, Louis ạ – như đất ở khu chôn cất của người Micmac xưa. Sát tầng đá gốc. Người ta trồng thứ gì có thể... rồi chôn nó.”

“Ông Jud...”

“Đừng thắc mắc, Louis ạ. Điều gì đã làm thì hãy chấp nhận và cứ thuận theo trái tim mình thôi.”

“Nhưng...”

“Đừng nhưng nhị gì cả. Điều gì đã làm thì hãy chấp nhận, Louis, và cứ thuận theo trái tim mình thôi. Lần này chúng ta đã làm điều đúng đắn... chí ít là vậy, ta cầu với Chúa hành động của ta là đúng. Nếu là dịp khác, biết đâu nó lại sai – sai đến không thể cứu chữa.”

“Ông có thể trả lời một câu thôi được không?”

“Chà, vậy để xem câu hỏi là gì rồi ta tính.”

“Làm thế nào ông biết đến nơi đó?” Câu hỏi này chợt hiện lên trong đầu Louis trên đường về cùng với nghi ngờ rằng bản thân ông Jud cũng có dây mơ rễ má với người Micmac – dù trông bề ngoài thì không như vậy; nhìn ông hẳn ai cũng nghĩ tổ tiên ông là dân da trắng từ gốc đến ngọn.

“Sao cháu hỏi thế, ta biết từ Stanny B.,” ông đáp đầy ngạc nhiên.

“Ông ấy kể với ông sao?”

“Không,” ông Jud nói. “Đó không phải nơi cháu có thể tùy tiện rêu rao với người khác. Ta chôn chú chó Spot của ta ở đó năm ta lên mười. Spot đuổi theo con thỏ và đập phải dây kềm gai gổ sét. Vết thương nhiễm trùng nên nó mất mạng”

Anh thấy có gì đó lẩn khuất, không khớp với câu chuyện mà ông cụ từng kể anh nghe, nhưng anh chẳng còn sức để phân tích xem vướng mắc ở chỗ nào. Ông Jud không nói thêm gì nữa mà chỉ nhìn anh với đôi mắt khó dò của người lão niên.

“Chúc ông ngủ ngon, ông Jud,” Louis nói.

“Chúc cháu ngủ ngon.”

Ông cụ bước qua đường, với cuốc chim và xẻng cầm trên tay.

“Cảm ơn ông!” Louis bắt giác hô vang.

Bỗng đứng trong nhà, chuông điện thoại reo lên.

Louis vội chạy thật nhanh, nhả mặt vì cơn đau nhói lên ở đùi trên và phần lưng dưới, nhưng đến lúc anh vào trong căn bếp ấm áp, điện thoại cũng đã reo sáu, bảy hồi chuông. Chuông ngừng reo đúng lúc anh đặt tay lên. Anh vẫn nhấc điện thoại và nói a lô, nhưng đầu dây bên kia chỉ phát ra tiếng tút.

Là Rachel, anh thăm nghĩ, mình phải gọi lại mới được.

Nhưng bỗng đứng anh thấy nhọc quá, nào là phải bấm số, rồi phải giả lả nói chuyện với mẹ cô – hoặc tệ hơn, với ông bố vẫy cuốn séc trước mặt anh – rồi mới được chuyển máy cho Rachel... và sau đó là Ellie. Chắc hẳn giờ này Ellie vẫn còn thức; Chicago sớm hơn một tiếng đồng hồ. Thế nào Ellie cũng hỏi anh tình hình Church ra sao.

Tuyệt lắm, nó vẫn khỏe con ạ. Nó bị chiếc xe tải Orion tông vào. Chẳng hiểu sao bố cứ định ninh thủ phạm là xe tải Orinco. Chứ nếu là thứ khác thì lại thiếu vắng mạch kịch tính, con hiểu ý bố không. Con không hiểu à? Thôi bỏ qua đi. Xe tải khiến nó về châu trời nhưng trong cái rủi có cái may, nó không xây xước gì rõ ràng. Ông Jud và bố đã chôn cất nó trong bãi đất của người Micmac ngày xưa – nôm na là khu phụ của Nghĩa địa Thú cưng, con hiểu ý bố không. Bố đi một cuộc hoành tráng. Để khi nào có dịp, bố sẽ dắt con lên đó rồi mình đặt hoa lên bia mộ của Church mà bố nhằm, ụ đá của nó. Nói đúng hơn là sau khi cát lún đông cứng lại và khi gấu đã ngủ đông.

Anh buông điện thoại, bước đến bồn rửa rồi xả nước nóng. Anh cởi áo ra giặt tay. Đang đông, thế mà mồ hôi mẹ mồ hôi con

túa ra trên người anh, mùi cơ thể nồng nặc chẳng khác gì mùi heo.

Trong tủ lạnh còn một phần tảng thịt xay. Louis cắt nó thành miếng, xếp lên lát bánh mì Roman Meal, thêm hai vòng hành tây Bermuda dày cui. Tư lự một lúc, anh xịt lấy xịt để tương cà rồi đắp thêm một lát bánh lên trên cùng. Nếu Rachel và Ellie mà có mặt ở đây, thế nào hai mẹ con cũng sẽ nhăn mũi y hệt nhau, ra chiều kinh khủng lắm – *Eo ôi, kinh quá.*

Chà, hai mẹ con không có dịp làm vậy rồi, Louis nghĩ với cảm giác hết sức hài lòng rồi nhồm nhoàm nhai bánh. Ngon tuyệt cú mèo. *Khổng Tử nói kẻ nào hôi như heo ăn như sói,* anh thầm nhủ rồi mỉm cười. Anh nuốt vội phần bánh với vài ngụm sữa tu ừng ực thẳng từ hộp giấy – thêm một thói quen luôn nhận được cái nhăn mặt từ Rachel — rồi đi lên tầng trên, cởi đồ và nằm vật ra giường mà chẳng buồn đánh răng. Cơ đau nhức đã phai thành một nhịp điệu trầm thấp có thể xem là dễ chịu.

Đồng hồ vẫn yên vị ở nơi anh đặt nó xuống ban chiều. Liếc xem giờ, anh nhận ra mới chín giờ kém mười. Thật không thể tin nổi. Chưa gì anh đã cảm thấy mọi thứ chẳng khác nào giấc mơ – anh lại mộng du lần nữa.

Louis tắt đèn, quay người sang bên rồi chìm vào giấc ngủ.

Tầm ba giờ sáng hôm sau, anh tỉnh giấc rồi đi vào nhà vệ sinh. Anh đang đứng tiểu, mắt chớp ngái ngủ dưới ánh đèn huỳnh quang trắng thì bỗng dưng, tình tiết vô lý chợt xuất hiện trong đầu, mắt anh trợn trừng – như thể hai mảnh ghép của một thứ tưởng chừng khít vào nhau hoàn hảo thì lại va chạm mạnh rồi bật ngược.

Tối qua, ông Jud kể với anh rằng chú chó nhà ông chết khi ông lên mười – nó chết vì nhiễm trùng do bị dây kềm gai gỉ sét làm rách thịt. Nhưng vào cái hôm cuối hè khi cả nhà anh cùng ông đi đến Nghĩa địa thú cưng, ông cụ đã nói chú chó nhà ông già quá nên qua đời và được chôn cất tại đây – thậm chí ông còn chỉ cho anh bia mộ của nó, dù tháng năm đã làm phai mờ chữ ghi bên trên.

Louis xả nước, tắt đèn rồi quay lại giường. Vẫn còn điều gì đó không đúng – ngẫm một chút thì anh nhận ra. Ông Jud sinh ra vào đầu thế kỷ hai mươi, vào hôm họ đến Nghĩa địa Thú cưng, ông kể với Louis chú chó của ông mất vào năm đầu Thế chiến thứ nhất. Nếu ý của ông là năm cuộc chiến nổ ra ở châu Âu, thì lúc đó, ông Jud mười bốn tuổi. Còn nếu ý ông là năm Mỹ tham chiến, thì lúc đó, ông mười bảy tuổi.

Nhưng đêm nay, ông Jud lại bảo Spot qua đời khi ông mới mười tuổi.

Chà, ông cụ già rồi, mà người già lẫn lộn ký ức là chuyện thường tình, anh cố thuyết phục bản thân. Chính ông cụ cũng bảo chưa gì đã thấy mình càng lúc càng hay quên – như nghĩ mãi mà chẳng nhớ ra những cái tên hay địa chỉ ngày xưa mình nhớ như in, thỉnh thoảng thức dậy vào buổi sáng mà chẳng nhớ đêm qua mình lên kế hoạch làm gì. Ở tuổi này ông còn minh mẫn chán... có lẽ trong trường hợp của ông Jud, bảo ông bị lẫn thì hơi quá; nói chính xác hơn thì ông chỉ hay quên thôi. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi một cụ già quên mất thời điểm chú chó qua đời những bảy chục năm về trước. Hoặc lý do tại sao nó chết. Quên nó đi, Louis.

Nhưng anh trần trọc mãi chẳng ngủ được; anh cứ thao thức hồi lâu, căn nhà trống trải và tiếng gió rít ngoài hiên cứ thể xoáy vào tâm trí.

Rồi tự lúc nào, anh chìm vào giấc ngủ mà chẳng hay biết mình đã bước qua ranh giới mộng và thực; hẳn là thế, bởi khi trôi đi, hình như anh nghe thấy tiếng bước chân chậm rãi lên cầu thang, và anh đã nghĩ, *Để tôi yên đi, Pascow, để tôi yên, chuyện đã rồi, thứ gì chết cũng đã chết* – đoạn tiếng bước chân phai dần.

Mặc dù vẫn còn vô vàn điều không thể nào lý giải xảy ra khi bóng đêm bao trùm năm ấy, hồn ma của Victor Pascow không lần nào xuất hiện quấy quả Louis nữa, bất kể lúc anh thức hay chiêm bao.

Chín giờ sáng hôm sau, anh tỉnh giấc. Ánh ban mai ủa vào phòng ngủ qua khung cửa sổ hướng Đông. Điện thoại đang đổ chuông. Louis với tay giật lấy ống nghe. “A lô?”

“Anh à!” Rachel reo lên. “Em đánh thức anh phải không? Em hy vọng vậy.”

“Em đánh thức anh đấy, đồ quỷ sứ,” anh nói và mỉm cười.

“Ồi trời, ăn nói thế với vợ thế kia đấy, đồ gấu già hư đốn,” cô đáp. “Hôm qua em gọi cho anh mà không được. Anh qua nhà ông Jud à?”

Anh lưỡng lự trong vồn vện một khắc vi tế.

“Ừ,” anh nói. “Anh làm vài lon với ông. Bà Norma đi dự tiệc Lễ Tạ ơn. Anh cũng tính gọi cho em, nhưng... em biết đấy.”

“Ừ,” cô nói. “Em biết mà.”

Hai vợ chồng nói chuyện một lúc. Rachel cập nhật tình hình gia đình cô, dù thật lòng anh nghe tai này lại lọt tai kia, nhưng anh cũng có chút mở cờ trong bụng khi nghe cô bảo vùng hói trên đầu bố cô đang lan rộng với tốc độ nhanh hơn.

“Anh muốn nói chuyện với Gage không?” Rachel hỏi.

Louis nở nụ cười. “Ừ, có chứ,” anh đáp. “Nhưng đừng để thằng bé gác máy như hôm nọ nhé.”

Đầu dây bên kia sột soạt một hồi. Anh loáng thoáng nghe thấy Rachel i ới gọi cậu bé đến nói chuyện với anh.

Lúc sau, giọng của Gage vang lên, “Con chào bố.”

“Bố chào con,” Louis vui vẻ nói. “Con sao rồi? Có vui không nào? Con có kéo đồ giá để tẩu thuốc của ông ngoại lần nữa không đấy? Bố mong là có. Khéo cũng đến lúc con phá tanh bành bộ sưu tập tem của ông rồi đấy.”

Gage lại tíu tít thêm khoảng ba mươi giây, thỉnh thoảng chen giữa những ú ớ ậm ừ là từ mà cậu bé gom góp thành vốn từ vựng của mình – *Mẹ, Ellie, Ông ngoại, Bà ngoại, ô tô* (cậu bé phát âm từ này đúng kiểu dân New England là *ô tôôôôôôô*, Louis thích thú nhận xét), *chật*, và *cút*.

Sau một hồi chật vật, Rachel cũng giành được điện thoại từ tay con trong tiếng khóc thét phần nộ của Gage và sự thở phào nhẹ nhõm của Louis – anh thương con và nhớ thằng bé da diết, nhưng nói chuyện với một đứa bé chưa tròn hai tuổi cũng hao hao chơi bài với kẻ điên; các lá bài bay tứ phương tám hướng và thỉnh thoảng ta còn hụt điểm.

“Tình hình ở nhà thế nào rồi anh?” Rachel hỏi.

“Ổn em ạ,” Louis đáp, lần này không chút lưỡng lự – nhưng anh ý thức mình đã bước qua lằn ranh kể từ lúc Rachel hỏi đêm qua anh có sang nhà ông Jud không và anh đáp có. Bỗng dưng, lời ông Jud Crandall văng vẳng trong đầu anh: *Đất trong tim đàn ông cứng như sỏi đá, Louis ạ. Người ta trông thứ gì có thể... rồi chăm bón nó.* “Chà... có hơi chán một chút nếu em muốn anh nói thật. Anh nhớ em.”

“Ý anh là anh có thể xả hơi không bị phá đám nhưng lại không vui à?”

“Ô, anh thích không gian yên tĩnh,” anh thú nhận, “hẳn rồi. Nhưng qua hai mươi bốn tiếng là anh đã thấy bứt rứt rồi.”

“Con nói chuyện với bố được không ạ?” Giọng của Ellie vang lên.

“Louis ơi? Ellie này.”

“Ừ, em đưa máy cho con đi.”

Anh nói chuyện với Ellie gần năm phút. Cô bé tí lia về con búp bê mà bà ngoại tặng, về lần cô và ông ngoại đi đến bãi nuôi gia súc (“Trời ơi, hôi điếc cả mũi bố ạ,” Ellie kêu ca, còn Louis thâm nhủ trong đầu: *Ông ngoại con cũng chẳng thơm tho như hoa hồng đâu, con yêu*), về việc cô bé phụ làm bánh mì, về việc Gage chạy bay chạy biến khỏi Rachel khi mẹ thay bím cho. Gage chạy xuống hành lang và ị một bãi ngay lối vào phòng làm việc của ông ngoại (*ối chà, Gage của bố!* Louis nghĩ với nụ cười toe hiện lên trên mặt).

Anh cứ tưởng mình có thể qua ải – chí ít là sáng nay – và lúc anh toan nói Ellie đưa máy cho mẹ để anh chào tạm biệt cô thì Ellie hỏi, “Church sao rồi bố? Nó có nhớ con không ạ?”

Nụ cười chợt tắt trên môi Louis, nhưng anh trả lời đầy tự nhiên, tông giọng bình thản đến hoàn hảo: “Bố thấy nó vẫn khỏe như vâm. Đêm qua, bố cho nó ăn món bò hầm còn dư rồi thả cho nó chạy chơi. Sáng nay bố chưa thấy bóng dáng nó, nhưng bố mới dậy tức thì ấy mà.

Ôi trời ơi, mà mà giết người chắc chẳng gớm tay với thái độ lạnh như tiền này. Bác sĩ Creed, lần cuối cùng anh gặp nạn nhân là

khi nào? Anh ta đến dùng bữa. Cụ thể là anh ta ăn một đĩa bò hầm. Kể từ đó thì tôi không gặp anh ta nữa.

“Dạ, bố thơm nó một cái giùm con.”

“Khiếp, con tự đi mà thơm nó,” Louis nói, Ellie khúc khích cười.

“Bố muốn nói chuyện với mẹ lại không ạ?”

“Có chứ. Con đưa máy cho mẹ đi.”

Thế là xong. Anh trò chuyện với Rachel thêm vài phút; không ai dả động gì đến chú mèo Church. Hai vợ chồng nói lời yêu thương rồi Louis cúp máy.

“Thế đấy,” anh cất tiếng trong căn phòng trống trải ngập nắng, và có lẽ điều kinh khủng nhất về chuyện này là anh chẳng thấy lẩn cấn, cũng chẳng thấy tội lỗi chút nào.

Tầm chín giờ rưỡi, Steve Masterton gọi điện rủ Louis lên trường đại học chơi bóng racquet – anh ta mừng rơn nói sân tập đang trống và họ có thể chơi cả ngày nếu muốn.

Louis có thể hiểu sự vui sướng của cậu đồng nghiệp – khi trường đại học hoạt động, danh sách chờ để sử dụng sân tập lắm lúc dài những hai ngày – nhưng anh vẫn từ chối Steve với lý do phải làm nốt bài báo viết dở cho tờ *Tạp chí Y dược Đại học*.

“Anh chắc chứ?” Steve hỏi lại. “Làm không chơi đánh rơi tuổi trẻ đấy.”

“Lần sau đi,” Louis nói. “Có khi tôi sẽ tham gia.”

Steve đồng ý rồi gác máy. Lần này, Louis chỉ nói dối một nửa; thực sự anh tính viết nốt bài báo với nội dung về chữa trị các bệnh truyền nhiễm như thủy đậu và bệnh tăng bạch cầu đơn nhân nhiễm trùng trong môi trường bệnh xá, nhưng lý do chính anh từ chối lời rủ rê của Steve là vì cả người anh đau nhức ê ẩm. Anh phát hiện ra điều này khi vừa nói chuyện điện thoại xong với Rachel rồi vào nhà vệ sinh để đánh răng. Cơ lưng của anh răng rắc và rên rỉ, hai vai thì sưng do xé rách con mèo trong cái túi rác chết tiệt, cơ đùi sau chẳng khác nào dây đàn ghi ta bị chỉnh ba quãng tám vượt cao độ bình thường. *Chúa ơi,*

anh thâm nghĩ, *thế mà trước giờ mình cứ tưởng cơ thể mình rắn chắc lắm*. Giờ trông anh sẽ buồn cười lắm, rể và chẳng mà chơi bóng với Steve, hẳn khác gì ông già viêm khớp.

Nhắc đến người già, đêm qua, anh không cuốc bộ vào rừng một mình mà đi với một cụ ông đã chạm ngưỡng 85. Anh tự hỏi không biết ông Jud có đau nhức mình mẩy như anh sáng nay không.

Anh ngồi viết bài báo chừng một tiếng rưỡi nhưng chỉ giậm chân tại chỗ. Không gian trống trải và yên tĩnh khiến anh cứ nôn nao chẳng yên, rớt cuộc, anh cất cuốn tập và bản sao bài báo anh đặt từ Johns Hopkins lên kệ ngay trên máy đánh chữ, mang áo khoác rồi băng qua đường.

Ông Jud và bà Norma không có nhà, nhưng có một phong thư nhét ở cửa ngoài hiện đề tên anh bên trên. Anh lấy nó xuống rồi dùng ngón cái gạt mở bì thư.

Louis,

Ta cùng bà nhà ta đến Bucksport mua sắm và đi xem tủ gỗ ở cửa tiệm Emporium Galorium mà hình như bà Norma đã nhằm nhe cả trăm năm nay. Có thể chúng ta sẽ tạt vào dùng bữa trưa ở McLeod's rồi chiều muộn mới quay về nhà. Nếu cháu muốn thì tối nay qua nhà ta uống một, hai lon bia nhé.

Gia đình cháu là gia đình cháu, ta không có ý ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng, nhưng nếu Ellie là con gái ta, ta sẽ không hấp tấp mà kể cho con bé nghe rằng chú mèo mà nó nuôi đã mất mạng trên đường cao tốc – sao không để cô bé tận hưởng kỳ nghỉ kia chứ Nhân tiện, Louis này, ta cũng sẽ giữ mồm giữ miệng chuyện chúng ta làm tối qua, chí ít là không hé răng ở Bắc Ludlou. Có những người biết

về khu chôn cất cổ xưa ấy của người Micmac, và có những người trong thị trấn đã từng chôn thú cưng của họ ở đó... cháu có thể xem đó là một phần của “Nghĩa địa Thú cưng”. Cháu có tin không, có cả một con bò từng được chôn đấy! Ông Zack McGovern già, ngày xưa sống trên đường Stackpole đã chôn con bò thượng hạng Hannatty ở khu đất chôn cất của người Micmac vào năm 1967 hay 1968. Ha ha! Ông ấy kể với ta rằng ông ấy cùng hai người bạn nữa đã khiêng con bò lên tận đó, ta cười thiếu điều thoát vị đĩa đệm! Nhưng dân ở đây không thích bàn về chủ đề này, và họ cũng không thích những ai họ xem là người ngoài” biết về nơi đó, không phải vì những điều mê tín dị đoan này đã tồn tại hơn ba trăm năm (dù thật là thế), mà là vì họ vẫn tin vào những điều mê tín ấy, và họ nghĩ nếu “người ngoài” biết họ tin thì sẽ cười vào mặt họ. Cháu có hiểu điều ta nói không? Ta e là không, nhưng nhìn chung, chuyện là thế. Vậy nên hãy giúp ta một việc là không hé răng về chủ đề này, được chứ.

Chúng ta sẽ bàn kỹ hơn về chuyện này, có thể là tối nay, và lúc đó, cháu sẽ hiểu hơn, nhưng tạm thời, ta muốn nói với cháu rằng hành động của cháu rất đáng tự hào. Ngay từ đầu, ta đã biết cháu đủ sức.

Jud

Tái bút: Bà Norma không biết nội dung lá thư này – ta kể cho bà ấy nội dung khác – và nếu cháu không màng thì ta sẽ giữ mọi chuyện như thế. Trong năm mươi tám năm kết hôn, ta đã nói dối bà Norma nhiều hơn một lần, và ta đoán hẳn đa phần đàn ông không ít lần nói dối vợ, nhưng cháu biết đấy, đa phần bọn họ có thể đứng trước Chúa xưng tội mà chẳng bối rối củi đầu trước Người.

Thôi, tối nay, cháu hãy ghé qua, mình làm vài lon.

J.

Louis đứng trên bậc tam cấp dẫn lên hiên nhà ông Jud và bà Norma – phần hiên hiện giờ trống trơn, bộ bàn ghế bằng mây đầy thoải mái đã cất để chờ xuân sang – cau mày trước lá thư. Không kể với Ellie về chú mèo đã bị chết – ừ thì anh chưa kể. Nhưng ở đó còn chôn những con thú cưng khác là sao? Những điều mê tín dị đoan tồn tại hơn ba trăm năm là thế nào?

... và lúc đó, cháu sẽ hiểu hơn.

Anh khẽ đưa ngón tay lên chạm vào dòng chữ này, và lần đầu tiên, anh cho phép tâm trí mình lần ngược trở lại những điều họ làm đêm hôm trước. Chuyện xảy ra cứ mờ mờ ảo ảo trong ký ức anh, tan chảy như kẹo bông gòn, tựa hồ giấc mơ hoặc tựa hồ hành động khi lâng lâng phê thuốc. Anh nhớ mình đã trèo lên đồng cây đổ, nhớ ánh sáng ở đầm lầy có gì đó thật kỳ khôi, sáng rõ – chưa kể nhiệt độ nơi đó còn ấm hơn năm đến mười độ – song tất cả chẳng khác nào cuộc nói chuyện với bác sĩ gây mê ngay trước khi người này khiến tâm trí ta lịm đi như ngọn đèn tắt phụt.

và ta đoán hẳn đa phần đàn ông không ít lần nói dối vợ...

Vợ và cả con nữa, Louis thầm nhủ – nhưng thật kỳ quái khi chừng như ông Jud biết những gì đã xảy ra sáng nay, cả trên điện thoại lẫn trong đầu anh.

Chậm rãi, anh gấp lá thư viết trên một tờ giấy kẻ dòng thẳng thơm như tập giấy nhớ Ngựa Xanh dành cho nam sinh, đoạn nhét nó vào phong bì. Anh nhét nó vào túi rồi băng qua đường về nhà.

Chừng một giờ chiều hôm ấy, Church trở về như con mèo trong bài đồng dao. Lúc đó, Louis đang ở trong ga ra, sáu tuần nay, hễ rảnh ra là anh lại bắt tay vào làm bộ kệ khá hoành tráng; anh muốn cất toàn bộ những vật dụng nguy hiểm trong ga ra như lọ đựng dung dịch rửa kính chắn gió, chất chống đông và các dụng cụ sắc nhọn lên kệ sao cho chúng nằm ngoài tầm với của Gage. Anh đang đóng đinh thì Church bước vào, cái đuôi dựng đứng. Louis không đánh rơi búa, cũng chẳng phang trúng ngón tay – trái tim anh giật đánh thịch trong lồng ngực nhưng không lỗi nhịp; bụng anh nóng ran trong chốc lát rồi nguội lại ngay, tựa hồ dây tóc bóng đèn sáng quá mức trong thoáng chốc rồi tắt ngóm. Về sau, anh tự nhủ với bản thân chừng như anh đã dành cả buổi sáng thứ Sáu sau ngày Lễ Tạ ơn đầy nắng ấy đợi Church trở về; chừng như sâu thẳm, căn cơ trong tâm trí, anh hiểu ý nghĩa của chuyến đi đến khu chôn cất của người Micmac mà họ thực hiện đêm đó.

Anh cẩn thận đặt búa xuống, nhổ mấy cây đinh ngậm trên môi vào lòng bàn tay rồi vút chúng vào túi tạp dề lao động. Anh bước đến chỗ Church rồi bế nó lên.

Sức nặng của sinh vật sống, anh nghĩ một cách hào hứng méo mó. Nó nặng đúng bằng trước lúc bị xe tông. Đây là khối lượng của sinh vật sống. Trong túi, nó nặng hơn nhiều. Lúc chết, nó nặng hơn nhiều.

Lần này, trái tim anh giật mạnh hơn — thiếu điều nhào ra khỏi lồng ngực – và trong thoáng chốc, ga ra như nhòa đi trước mắt.

Church cụp tai ra sau và cho phép anh bế nó. Louis đưa nó ra chỗ có ánh nắng mặt trời rồi ngồi xuống bậc tam cấp. Chú mèo đòi được thả xuống nhưng Louis vuốt ve và đặt nó trong lòng. Trái tim anh đã đập bình thường trở lại.

Anh nhẹ nhàng mò tay vào khoảng lông rậm rì trên cổ Church, nhớ lại cảnh đầu nó ngoẹo hẳn sang bên như không xương do gãy cổ đêm hôm trước. Giờ thì anh chỉ sờ thấy cơ và gân dẻo dai. Anh bế chú mèo lên cao và nhìn thật kỹ mũi của nó. Thứ anh trông thấy khiến anh vội vàng thả con mèo xuống bãi cỏ và đưa một tay lên che mặt, hai mắt nhắm nghiền. Cả thế gian như mờ đi, chao đảo, chòng chành đến chóng mặt – anh nhớ mình hay bị thế này sau khi bù khú thâu đêm suốt sáng, ngay trước lúc chuẩn bị nôn thốc nôn tháo.

Trên mõm của Church bê bết máu khô, dính trên những cọng lông dài là hai mảnh nhựa xanh bé xíu. Đó là mảnh túi rác Hefty.

Chúng ta sẽ bàn kỹ hơn về chuyện này, và lúc đó, cháu sẽ hiểu hơn...

Ôi Chúa ơi, không muốn nhưng chưa gì anh đã hiểu bao nhiêu là điều rồi.

Nếu có cơ hội chắc mình tìm đường vào nhà thương điên gần nhất quá, Louis thầm nghĩ.

Anh để Church bước vào nhà, lấy chiếc đĩa xanh, mở hộp Thức ăn cho mèo cá ngừ và gan. Khi anh múc thức ăn màu xám nâu ra khỏi hộp, Church rên gừ gừ rồi cứ thế cọ người vào mắt chân của Louis. Cảm nhận thân thể con mèo khiến Louis nổi da gà, anh phải cắn răng thật chặt để không đá bay nó đi chỗ khác. Chẳng hiểu sao phần lông rậm rì của nó lại trơn đến thế, dày đến thế – nói tóm lại là đáng tởm đến thế. Louis chợt nhận ra anh không muốn chạm vào Church thêm lần nào nữa.

Khi anh cúi xuống đặt đĩa thức ăn lên sàn, Church bước ngang qua anh đến chỗ cái đĩa, và Louis dám thề anh ngửi thấy mùi đất ngai ngái – như thể nó đã ám mùi vào lông con mèo.

Anh lùi lại quan sát con mèo ăn. Anh có thể nghe thấy tiếng nó chóp chép – ngày trước Church có nhai chóp chép như vậy không nhỉ? Có lẽ có, chỉ là Louis không để ý mà thôi. Nhưng bất kể thế nào, âm thanh ấy thật gớm ghiếc. Tởm quá, Ellie sẽ nói như vậy cho mà xem.

Đột nhiên Louis quay người bước lên tầng. Vài bước đầu, anh chỉ đi từ từ, nhưng lên hết cầu thang, anh thiếu điều co giò chạy. Anh cởi đồ, vứt toàn bộ quần áo vào khay giặt dù sáng hôm đó, anh mới thay đồ một lượt từ trong ra ngoài. Anh xả nước nóng vào bồn, vặn nhiệt độ cao nhất có thể rồi nhảy vào ngâm mình.

Hơi nước bốc lên xung quanh, và anh có thể cảm thấy nước nóng tác động vào các cơ, khiến chúng giãn ra. Bồn nước nóng

cũng giúp đầu anh bớt căng như dây đàn. Đến lúc nước bắt đầu nguội, anh thấy chóng mặt và tương đối bình tâm.

Con mèo quay về rồi, cứ như con mèo trong bài đồng dao, ờ, nhưng vậy thì sao, có gì ghê gớm.

Hóa ra tất cả chỉ là nhầm lẫn. Chẳng phải đêm qua, anh đã nhủ thầm trong bụng Church trông nguyên vẹn đến đáng kinh ngạc và chẳng xây xát gì dù bị xe tải đâm đó sao?

Cứ nhớ lại mấy con chuột chũi, chó mèo mà thấy nằm thõng công trên đường cao tốc mà xem, anh nghĩ, cơ thể chúng nát bấy, ruột gan phèo phổi nhẩy nhoét ra ngoài còn gì. Chao ôi rục rở, như London Wanuright hát trong bài về con chồn hôi bị cán trên đường.

[13E]

Giờ thì hai năm rõ mười rồi. Church bị xe đâm bất tỉnh. Con mèo anh xách lên khu chôn cất cổ của người Micmac mà ông Jud dẫn đi bị ngất chứ chưa chết. Chẳng phải người ta bảo mèo có chín mạng đó sao? Tạ ơn Chúa, anh chưa hé răng với Ellie! Con bé không cần phải biết Church đã thập tử nhất sinh như thế nào.

Vết máu trên mồm và khoang ngực của nó... cái cổ bị vẹo...

Nhưng anh là bác sĩ cho người chứ có phải bác sĩ thú y đâu. Anh chẩn đoán sai, vậy thôi. Tình hình lúc đó cũng không thuận lợi để kiểm tra kỹ, anh ngồi chồm hổm trên bãi cỏ nhà ông Jud trong nhiệt độ âm sáu độ C, trời thì tranh tối tranh sáng. Chưa kể anh còn mang gang tay. Có lẽ là...

Một cái bóng dị dạng to kênh xuất hiện trên bức tường lát gạch của nhà vệ sinh, tựa hồ đầu con rồng nhỏ hay con rắn gớm

ghiếc; đoạn thứ gì đó khẽ chạm vào vai trần của anh rồi trượt xuống. Louis giật nảy mình đẩy kích động, nước văng tung tóe khỏi bồn và làm ướt tấm thảm kê. Vừa rúm người vừa quay đầu lại, anh nhìn chăm chăm vào đôi mắt vàng xanh dùng dục của chú mèo mà con gái anh nuôi đang ngồi trên bệ xí.

Church cứ chằm chằm lắc lư từ trước ra sau như say rượu. Louis nhìn mà khiếp đảm, tiếng hét ghìm trong miệng nhờ hai hàm răng cắn chặt. Church chưa bao giờ như thế này – nó chưa bao giờ lắc lư như con rắn tìm cách thôi miên con mồi như vậy – bất kể là trước hay sau khi bị thiến. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh thoáng băn khoăn suy nghĩ rằng đây là một con mèo khác, bề ngoài trông giống mèo của Ellie mà thôi, tình cờ lang thang vào ga ra trong lúc anh đang lắp kệ, còn Church thật vẫn nằm yên trong lòng đất, dưới ụ đá, trên ngọn đồi sâu trong rừng. Nhưng bộ lông của nó giống y... cả cái tai rách... và bên chân trông như bị gặm kia. Lúc cả gia đình ở căn nhà nhỏ ngoại ô, Ellie đã đóng sập cửa sau vào cái chân này, khi đó, Church còn bé xíu.

Phải, đây là Church.

“Đi ra khỏi đây,” Louis khàn khàn thều thào với nó.

Church chằm chằm nhìn anh thêm một khắc – Chúa ơi, mắt nó khác quá, chẳng rõ là gì nhưng khác quá – rồi nhảy khỏi bệ xí. Nó đáp xuống đất trong bộ dạng không hề duyên dáng như mèo thường thể hiện. Nó loạng choạng, hai chân sau đập vào bồn rồi đi ra ngoài.

Đừng gọi nó là chú mèo nữa, Louis nghĩ. Là “nó” thôi. Đừng quên nó đã bị thiến rồi.

Anh ra khỏi bồn tắm rồi vội vàng, bối rối lau người. Anh cạo râu và mặc đồ gần xong thì bỗng dưng chuông điện thoại inh ỏi vang lên trong căn nhà trống trải. Nghe thấy tiếng chuông reo, đầu óc Louis quay cuồng, mắt trợn tròn, hai tay giơ lên. Anh từ từ buông tay xuống. Tim đập thình thịch. Cơ bắp ngập trong adrenalin.

Người gọi đến là Steve Masterton, rủ rê anh đi đánh bóng racquet lần nữa, và Louis đồng ý gặp anh ta ở Phòng Gym Tưởng niệm sau một tiếng đồng hồ. Anh không dư dả thời gian cho lắm, chưa kể, anh chẳng có lòng dạ nào để chơi bóng, nhưng anh phải ra khỏi nhà. Anh muốn tránh xa con mèo, thú sinh vật kỳ dị đáng lý ra không nên có mặt ở đây.

Vội vội vàng vàng, anh đóng thùng áo sơ mi, nhét quần đùi, áo thun và khăn vào túi rồi bước xuống cầu thang.

Church đang nằm trên bậc thang thứ tư từ dưới đếm lên. Louis vấp phải con mèo, suýt nữa ngã nhào đầu. May sao anh chộp được tay vịn và không đập mặt xuống sàn.

Anh đứng dưới chân cầu thang, thở hổn hển, trống ngực đồ đôn, adrenalin dâng lên đầy khó chịu khắp cơ thể.

Church đứng dậy, đuổi người... và dường như nó nhe nhớn cười với anh.

Louis rời nhà. Đáng lý anh phải tống cổ nó ra ngoài, anh biết vậy nhưng không làm thế. Phút giây ấy, anh không nghĩ mình đủ can đảm chạm vào nó.

Ông Jud châm thuốc bằng que diêm nhà bếp, dập lửa rồi ném nó vào chiếc gạt tàn thiếc dưới đáy sơn hình quảng cáo rượu Jim Beam đã phai màu gần hết.

“Stanley Bouchard là người đã nói với ta về khu chôn cất cổ của người Micmac,” ông lặp lại câu nói với Louis.

Họ đang ở trong bếp. Cả hai chẳng buồn động vào hai cốc bia trên bàn bếp phủ vải dầu ca rô. Đằng sau, thùng dầu hỏa gắn vào tường ùng ục kêu lên ba lần rồi lặng yên. Buổi chiều, Louis dùng bữa qua loa với Steve: bánh mì dài kẹp thịt trong tiệm Hang Gấu vắng tanh vắng ngắt. Từ dạo trước, anh đã phát hiện nếu gọi món mì kẹp, kẹp dài hoặc thịt dài ở Maine, người ta chẳng hiểu anh lắm nhằm điều gì. Nhưng chỉ cần hỏi bánh dài hoặc bánh mì Wop là nhân viên hiểu ngay. Sau khi nạp thức ăn vào người, Louis cảm thấy rõ ràng hơn về việc Church sống dậy, nhìn nhận mọi chuyện một cách lý trí hơn, nhưng anh vẫn căng thẳng khi phải trở về căn nhà tối thui, trống trải nơi con mèo có thể chui rúc ở bất kỳ chỗ nào – thật là thế.

Bà Norma ngồi với hai người bọn họ một lúc, vừa xem ti vi vừa thêu bức tranh tả cảnh mặt trời khuất dần sau hội quán nhỏ của hạt. Thập giá trên xà gỗ đỉnh mái nhát nhòa đổ bóng

dưới ánh tà dương. Bà kể bà thuê nó để bán ở hội chợ nhà thờ tuần trước Giáng sinh. Sự kiện ấy lúc nào cũng hoành tráng. Ngón tay bà cứ thế thoăn thoắt đưa mũi kim qua tấm vải, kéo qua vòng sắt. Tối nay, chứng viêm khớp của bà gần như mất dạng. Louis đoán nguyên nhân có thể là thời tiết, tuy lạnh nhưng rất khô. Bà đã bình phục rất tốt sau cơn đau tim, và đêm hôm ấy, tầm mười tuần trước khi cơn đau tim thứ hai khiến bà trút hơi thở cuối cùng, anh có cảm tưởng trông bà bớt hốc hác, thậm chí còn trẻ ra. Vào đêm đó, chừng như anh nhìn thấy hình bóng thiếu nữ ngày xưa nơi bà.

Lúc mười giờ kém mười lăm, bà chúc họ ngủ ngon, và rồi chỉ còn anh ngồi lại với ông Jud chẳng nói chẳng rằng, lặng thinh đưa mắt nhìn theo khói thuốc lá bay lên không trung, như đứa trẻ nhìn cột đèn ba sọc ở tiệm cắt tóc cứ xoay, xoay mãi.

“Stanny B.,” Louis nhẹ nhàng nhắc.

Ông Jud nháy mắt như thể vừa trở về thực tại. “Ồ, ái chà,” ông nói. “Người dân ở Ludlow – ta đoán cả vùng Bucksport, Prospect và Orrington nữa – đều gọi ông ấy là Stanny B.. Năm chú chó Spot nhà ta qua đời – ý ta là năm 1910, lần đầu tiên nó chết – Stanny đã ở bên kia cái dốc cuộc đời và đầu óc nửa khùng nửa dại. Ở vùng này vẫn còn nhiều người biết về khu đất chôn cất của người Micmac, nhưng người kể cho ta nghe là Stanny B., ông ta được bố mình kể lại, và vốn dĩ bố ông ta lại nghe chuyện từ ông cụ thân sinh. Cả nhà ấy vốn là những người Canada gốc.”

Ông Jud phá lên cười rồi hớp ngụm bia.

“Ta vẫn có thể tưởng tượng lại giọng ông ấy bập bõm thú tiếng Anh bồi. Ông ấy thấy ta ngồi đằng sau chuồng nuôi ngựa

ngày xưa tọa lạc trên Tuyến số 15 – trước đây con đường này chỉ là đường Bangor-Bucksport thôi – ngay chỗ nhà máy Orinco bây giờ. Lúc đó, Spot chưa chết nhưng cũng ngắc ngoải rồi, bố ta sai ta đi kiểm tra tình hình thức ăn cho gia cầm do nhà ông Yorky bán. Gia đình ta làm gì cần thức ăn cho gia cầm, giống như mấy con bò thì chẳng cần bằng đen, và ta biết lý do bố ta bảo ta đến đó.”

“Ông cụ quyết định cho chú chó ra đi sao?”

“Ông cụ biết ta thương Spot đến mức nào nên mới bảo ta đi nơi khác trong lúc ông ra tay. Ta hỏi mua thức ăn cho gia cầm, trong lúc ông Yorky lấy hàng, ta ra đằng sau ngồi lên tảng đá mài cũ ở đó và khóc như đứt ruột đứt gan.”

Ông Jud chậm rãi lắc đầu, nụ cười vương trên môi.

“Và rồi ông Stanny B. bước đến,” ông kể. “Một nửa số người trong thị trấn nghĩ ông ấy nhu nhược, nửa còn lại nghĩ ông ấy tầm ngấm tầm ngấm mà dám chết voi. Ông nội ông ta là một người chuyên đánh bắt thú và mua bán lông thú đầu thế kỷ 19. Ta nghe kể ông của ông Stanny từng lặn lội từ Maritimes xuống Bangor và Derry, nhiều khi đi tít xuống tận Skowhegan để mua da chưa thuộc nữa kia. Ông ấy đánh chiếc xe ngựa to chất đầy những dải da sống như xe của những tay lang băm rong ruổi quảng cáo thuốc trị bách bệnh thời xưa. Ông ấy để thánh giá đầy trên xe, phần vì ông là Ki tô hữu mộ đạo có cái tật hay rao giảng về lễ Phục sinh khi ngà ngà say – đây là những điều Stanny kể với ta, ông ấy khoái kể về người ông của mình lắm – nhưng đồng thời, ông cũng dán đầy biểu tượng ngoại giáo của dân da đỏ trên xe, vì ông ấy cho rằng mọi người dân da đỏ,

không cần biết thuộc bộ tộc nào, đều thuộc về một đại tộc: chi tộc Israel thất lạc được nhắc đến trong Kinh Thánh. Ông bảo ông cụ tin rằng tất cả người da đỏ đều đáng bị đày xuống địa ngục, nhưng ma thuật của họ hiệu nghiệm vì bằng một cách kỳ khôi, khốn nạn nào đấy, họ đều là Ki tô hữu.

“Ông nội của ông Stanny mua da thú từ người Micmac và giữ mối thương thảo rất tốt với họ suốt một thời gian dài sau khi những tay bẫy thú và buôn lông thú khác rửa tay gác kiếm hoặc tìm đường đi miền Tây, bởi ông ra giá đàng hoàng và vì, như Stanny kể, ông ấy thuộc nằm lòng Kinh Thánh, người Micmac thì thích nghe ông đọc kinh như những vị linh mục truyền giáo đọc cho họ nghe ngày xưa.”

Ông lặng im. Louis chờ đợi.

“Người Micmac kể với ông của Stanny B. về khu đất chôn cất họ không dùng nữa vì con quái vật Wendigo đã hủy hoại thổ nhưỡng đất, về Đầm Lầy Tiểu Thần, những bậc đá và toàn bộ phần còn lại. Thời đó, thần thoại về quái vật Wendigo là điều mà người da đỏ nào sống ở miền Bắc cũng biết. Đó là câu chuyện họ truyền tai nhau, ta nghĩ giống như chúng ta kể những câu chuyện Ki-tô giáo vậy. Bà Norma mà nghe được thể nào cũng bảo ta là kẻ báng bổ, nhưng đó là sự thật, Louis ạ. Thỉnh thoảng, nếu mùa đông kéo dài và khắc nghiệt, lương thực thiếu thốn, những người da đỏ ở mạn Bắc chỉ còn nước chết đói hoặc... hoặc túng quá làm liều thôi.”

“Ăn thịt đồng loại ư?” Louis hỏi.

Ông Jud nhún vai. “Có thể. Có thể họ chọn người già nua, ốm yếu, thế là họ cầm cự được bằng món hẩm suốt một thời gian.

Rồi họ bịa câu chuyện rằng con quái vật Wendigo đã mò vào ngôi làng hoặc khu lều trong lúc họ say ngủ rồi chạm vào người họ. Người ta cho rằng Wendigo chạm vào ai thì kẻ đó sẽ muốn ăn thịt đồng loại.”

Louis gật đầu. “Giải quyết điều cấm kỵ bằng cách biện hộ ma quỷ sai khiến.”

“Phải. Ta đoán vậy. Ta nghĩ người Micmac sinh sống ở khu vực này có lúc đã phải làm như thế, nên họ chôn cất hài cốt của những người họ đã ăn thịt – có thể một, hai người, hoặc có thể là mười, mười hai người – ở khu đất ấy.”

“Và rồi họ chốt hạ rằng khu đất đã biến chất,” Louis lầm bầm.

“Nói tóm lại là, Stanny B. bước ra sau chuồng nuôi để lấy bình rượu,” ông Jud kể tiếp, “lúc đó chưa gì ông ta đã ngà ngà say rồi. Nghe đâu ông nội ông ta để lại gia sản trị giá cả nửa triệu đô la khi qua đời – hoặc chí ít người ta đồn đại như thế – còn Stanny B. chỉ là gã bới đồng nát khu này. Ông ta hỏi ta gặp chuyện gì vậy, thế là ta kể hết. Thấy ta khóc như mưa, ông ta bảo có cách để gỡ gạc, nhưng ta phải can đảm và chắc chắn ta muốn gỡ gạc lại chuyện này.

Ta bảo ta sẵn sàng bất chấp tất cả để Spot khỏe lại, và ta hỏi có phải ông ấy quen bác sĩ thú y nào có thể chữa cho nó hay không. “Ta chẳng biết tay thú y nào cả, Stanny đáp, song ta biết cách để chữa cho chú chó nhà cháu. Cháu về nhà bảo cụ khốt bỏ con chó vào túi thóc nhưng cấm không được chôn! Cháu hãy mang nó đến Nghĩa địa Thú cưng rồi để nó dưới bóng râm gần

đồng cây đổ khổng lồ kia. Sau đó cứ về nhà báo mọi chuyện đã xong xuôi.

Ta hỏi làm thế thì được gì, Stanny bèn dặn ta tối đó hãy thức đợi ông ấy ném hòn đá vào cửa sổ của ta thì ra ngoài. ‘Lúc đó sẽ là nửa đêm đấy nhé nhóc, nên nếu cháu quên mất Stanny B. này mà ngủ say thì Stanny B. ta cũng sẽ quên cháu, và khi đó xem như vĩnh biệt con chó, tiễn thẳng nó xuống địa ngục!’

Ông Jud nhìn Louis rồi chậm thêm điều thuốc.

“Mọi chuyện diễn ra đúng như những gì Stanny dựng lên. Khi ta về, bố ta bảo ông đã bắn vào đầu Spot để nó không phải đau đớn nữa. Ta còn chưa kịp mở miệng nói gì về Nghĩa địa Thú cưng thì bố ta bảo có lẽ Spot sẽ muốn ta chôn cất nó ở đó, ta đồng ý. Thế là ta lên đường đến nghĩa địa, tay xách theo xác chú chó trong túi thóc. Bố hỏi ta cần phụ một tay không nhưng ta từ chối, vì ta nhớ lời Stanny B. dặn dò.

Đêm đó, ta nằm thao thức, thời gian tưởng chừng vô tận. Cháu biết trẻ con cảm nhận thời gian ra sao rồi đấy. Ta cứ tưởng mình đã thức đến gần sáng, thế mà đồng hồ chỉ đánh lên báo mười giờ hoặc mười một giờ. Có vài lần ta suýt nữa ngủ gật, nhưng lần nào ta cũng giật nảy mình tỉnh dậy. Gần như có người lắc ta và đánh thức *Dậy đi Jud! Dậy đi!* Tựa hồ có thứ muốn đảm bảo ta vẫn tỉnh táo.”

Louis nhướn mày khi nghe ông nói vậy, ông Jud chỉ nhún vai ý bảo bản thân ông cũng biết điều đó thật điên rồ.

“Khi đồng hồ trong hành lang tầng dưới báo mười hai giờ, ta ngồi bật dậy, vận sẵn quần áo, ngồi ngay ngắn trên giường trong ánh trăng rót bạc qua cửa sổ. Ta đợi mãi, đồng hồ thì đã

giống mười hai giờ rưỡi, rồi một giờ sáng, thế mà chẳng thấy Stanny B. đâu. Lão Pháp ngu xuẩn ấy đã quên bằng mình rồi, ta thầm nhủ, ta đang tính thay quần áo thì có hai hòn sỏi đập vào cửa sổ, mạnh đến mức suýt bể kính. Một hòn sỏi làm nứt kính, nhưng đến tận sáng hôm sau ta mới phát hiện, còn mẹ ta phải qua mùa đông năm sau mới thấy, khi đó, bà đình ninh là do sương giá. Đúng là may cho ta.

Ta vội vàng chạy đến cửa sổ rồi đẩy nó lên. Cửa nghiêng ken két và cọt kẹt vào khung, khi ta là con nít và muốn ra ngoài vào lúc nửa đêm là y như rằng cửa lại kêu như bỏ rống...”

Louis phá lên cười dù khi còn là một cậu bé mười tuổi, anh không có lần nào muốn ra khỏi nhà vào đêm hôm khuya khoắt. Nhưng nếu anh muốn ra ngoài, anh dám chắc cửa sổ sẽ kêu ken két muốn điếc lỗ tai, trong khi ban ngày nó đóng mở êm ru.

Ta lo bố mẹ ta tưởng trộm vào nhà, nhưng khi trống ngực bắt đổ dồn, ta có thể nghe thấy bố ta kéo ghế trong phòng ngủ dưới tầng một. Nhìn ra ngoài, ta thấy Stanny B. đứng trong lối đi ở nhà ta, ngược lên và lắc lư như thể gió lớn đang quật tới tấp vào người, dù trời lạnh chẳng chút gió máy. Ta nghĩ nếu không say quắc cần câu đến độ thao láo như cú mèo bị tiêu chảy và bất chấp mọi sự trên đời như thế, có lẽ ông ấy sẽ chẳng đến. Và ông ấy rống lên với ta — ta đoán ông ấy cứ tưởng mình đang thì thầm, ‘Có xuống không nhóc, hay đợi ta lên rước xuống?’

‘Suýt, ta nói, thon thót sợ bố ta thức giấc đập cho ta lên bờ xuống ruộng. ‘Cháu bảo gì cơ?’ Stanny nói, lần này còn to hơn lần trước. Nếu bố mẹ ta mà ngủ phía căn nhà quay ra đường, Louis, tức là chỗ ta đang đứng đây, thì chắc ta đã tiêu đời rồi.

Nhưng hai cụ lại dùng buồng ngủ mà hiện tại bà Norma và ta đang dùng, tức là quay ra sông.”

“Cháu cá chắc ông phi hết tốc lực xuống cầu thang phải không ạ?” Louis nói. “Ông còn lon bia nào không, ông Jud?” Anh đã uống quá giới hạn của mình hai lon, nhưng đêm nay là ngoại lệ. Đêm nay, đó gần như là điều bắt buộc.

“Ta còn, ta biết chỗ cất,” ông Jud nói rồi châm điếu thuốc mới. Ông đợi đến khi Louis ạn vị trên ghế trở lại. “Không, ta không dám dùng cầu thang. Cầu thang đi ngang qua phòng ngủ của bố mẹ ta. Ta trèo hàng rào thường xuyên xuống, tay thoăn thoắt nhanh hết mức có thể. Nói thật với cháu, ta sợ lắm, nhưng ta nghĩ ta sợ bố ta phát hiện hơn là sợ đi lên Nghĩa địa Thú cưng cùng Stanny B..”

Ông dập điếu thuốc.

“Hai chúng ta đi lên đó, Stanny B. không chỉ ngã một lần mà dúm dúm năm, sáu lần. Có lần suýt nữa một cành cây cắm thẳng qua họng ông ấy. Nhưng ông ta vẫn xách theo cuốc chim và xẻng. Khi chúng ta đến Nghĩa địa Thú cưng, ta cứ tưởng ông ấy sẽ quăng cho ta cái cuốc chim và xẻng rồi lăn đùng ra khò khò trong lúc ta đào hố.

“Nhưng không, ông ấy như tỉnh rượu ra tí chút. Ông ấy nói với ta nơi cả hai sắp đi, băng qua đồng cây đổ và sâu vào trong rừng, ở đó có một khu chôn cất khác. Ta hết nhìn Stanny lúc ấy đang chân nam đá chân xiêu rồi lại nhìn đồng cây đổ, đoạn nói, “Làm thế nào mà trèo được, ông Stanny B., mình gãy cổ cho xem.

Ông ấy đáp, ‘Còn lâu ta mới gãy cổ, và cháu cũng vậy. Ta đi được, còn cháu xách con chó theo. Ông ấy nói đúng. Ông ấy lướt qua đồng cây đỗ ấy đứng đỉnh như lựu, thậm chí còn chẳng cần nhìn xuống dưới, còn ta xách Spot đi hết quãng đường, dù ta nhớ chú chó phải nặng đến mười sáu cân, trong khi đó ta lúc đó chỉ bốn mươi cân. Nhưng ta cũng muốn bảo với cháu, Louis ạ, hôm sau ta ê ẩm và đau nhức hết cả người. Còn cháu thì sao? Hôm nay cháu thấy thế nào?’

Louis chẳng trả lời mà chỉ gật đầu. Bia đang ngấm và anh thấy mừng vì điều đó.

“Chúng ta cứ đi,” ông Jud kể tiếp. “Ta có cảm giác như thể chúng ta sẽ đi mãi mãi. Ngày xưa khu rừng ma mị hơn nhiều. Chẳng biết giống chim gì cứ réo rắt trên cành cây. Động vật loạt soạt di chuyển xung quanh. Ta cứ thế kéo Spot. Sau hồi lâu, một suy nghĩ mạnh nha trong đầu ta rằng ông Stanny B. đã biến mất, còn kẻ mà ta đang đi theo là người da đỏ, và chẳng mấy chốc nữa, hẳn ta quay phắt lại, nhe nhớn cười, đôi mắt đen thăm thẳm, mặt bôi thứ sơn hội hám làm từ mỡ gấu, trên tay cầm cây rìu làm từ phiến đá nhọn hoắt và cán gỗ tần bì cột bằng da sống, hẳn sẽ chop lấy gáy của ta rồi phạt hết tóc — phạt luôn đỉnh hộp sọ của ta. Stanny không lão đảo hay loạn choạng ngã nữa, ông bước thoăn thoắt và thông dong, ngẩng cao đầu, điều đó lại càng khiến ý tưởng ấy bén rễ trong ta. Nhưng khi chúng ta đi đến rìa Đầm Tiểu Thần, ông quay lại nói chuyện với ta, và ta thấy đó vẫn là Stanny, thật vậy, lý do ông ấy không lão đảo hay ngã dúm dụi là vì ông ấy đang sợ. Ông ấy sợ đến tỉnh cả rượu.

“Ông ấy kể với ta những gì ta nói với cháu đêm qua, về những kẻ du thủ du thực, về ngọn lửa Thánh Elmo, bảo ta đừng chú ý đến những gì ta thấy hay nghe. Hơn hết, ông ấy dặn ta đừng đáp lại nếu có tiếng nói cất lên với mình. Rồi hai chúng ta bắt đầu băng qua đầm lầy. Đúng là ta đã thấy vài thứ. Ta sẽ không nói với cháu thứ đó là gì, ta chỉ muốn cho cháu biết từ lúc ta lên mười, ta đã lên đây chừng năm lần và chưa trông thấy nó thêm lần nào nữa. Sau này cũng vậy, Louis ạ, vì chuyến đi lên khu chôn cất người Micmac đêm qua sẽ là chuyến đi cuối cùng của ta.”

Mình không ngồi đực mặt ra đây và tin những điều này đấy chứ? Louis tự nhủ như đang trò chuyện với chính bản thân mình – ba lon bia khiến ngôn từ trôi chảy hơn, chỉ ít là những gì văng vẳng trong đầu anh. Mình không ngồi đây và tin câu chuyện về mấy ông người Pháp và khu chôn cất của người da đỏ, về con quái vật Wendigo cùng những con thú từ cõi chết sống dậy đấy chứ. Vì Chúa, con mèo bất tỉnh, thế thôi, xe từng khiến nó hôn mê, chủ chẳng có gì to tát. Ông cụ này lần thần nên nói quàng nói riêng.

Có điều lời ông nói chẳng phải quàng xiêng, Louis biết rõ điều đó, ba lon bia không thể nào khắc phục cái “biết” ấy, ba mươi ba lon cũng vậy thôi.

Church đã chết, đó là một điều; giờ nó đã sống lại, đó là điều khác; và có một thứ gì đó khác từ trong cội rễ, sai từ trong căn cơ ở con mèo ấy, đó là điều thứ ba. Có chuyện đã xảy ra. Ông Jud nghĩ mình mang ơn nên mới trả cho anh... nhưng thứ thuốc ở khu đất chôn cất của người Micmac xem chừng không phải thuốc tốt cho lắm, và thứ hiện ẩn chứa trong ánh mắt ông Jud

nói cho anh rằng ông cụ biết điều đó. Louis nghĩ về thứ anh đã thấy – hoặc tưởng rằng mình thấy – trong mắt ông Jud đêm hôm trước. Cái vẻ vui tươi, rộn ràng ấy. Anh nhớ mình đã nghĩ ông Jud không tự đưa ra quyết định dẫn Louis và xác con mèo của Ellic lên hành trình đêm ấy mà còn thế lực khác.

Nhưng nếu không phải ông cụ thì là ai? Tâm trí anh hỏi. Và vì chẳng có câu trả lời, Louis gặt phăng câu hỏi khiến anh chọn rộn ầy đi.

“Ta tiến hành chôn Spot rồi dựng ụ đá,” ông Jud nói tiếp, giọng bình thản, “đến lúc ta làm xong, Stanny B. đã say sưa ngủ. Ta phải lắc lầy lắc để ông ta tỉnh dậy đi tiếp, thế mà lúc hai chúng ta bước xuống bốn mươi bốn bậc thang.”

“Bốn mươi lăm,” Louis lầm bầm.

Ông Jud gặt đầu. “Phải, ta nhầm mất nhỉ? Bốn mươi lăm bậc. Lúc hai chúng ta bước xuống bốn mươi lăm bậc thang, ông ấy bước đi vững vàng như thể đã tỉnh rượu. Chúng ta lội qua đầm lầy, khu rừng, trèo qua đồng cây đổ, rồi cuối cùng, chúng ta băng qua đường về đến nhà ta. Ta cứ tưởng đã mười tiếng trôi qua, thế mà trời vẫn còn tối đen như mực.

“Giờ thế nào ạ?” Ta hỏi Stanny B. ‘Giờ thì cháu đợi xem có chuyện gì xảy ra,’ Stanny đáp rồi bỏ đi, chân nam đá chân chiêu. Ta nghĩ đêm đó, ông ấy ngủ đằng sau chuồng nuôi, và đời lắm chữ ngờ, chú chó Spot nhà ta sống lâu hơn Stanny B. hai năm. Gan ông ta xuống cấp, hủy hoại cơ thể, rớt cuộc vào ngày mùng 4 tháng 7 năm 1912, hai đứa nhóc phát hiện xác ông ta đằng sau chuồng nuôi, khi đó thi thể đã cứng đờ như gỗ.

Còn ta, đêm đó, ta trèo rào thường xuân, chui vào giường và chìm vào giấc ngủ ngay khi đầu vừa chạm gối.

Sáng hôm sau, mãi gần đến chín giờ sáng ta mới tỉnh giấc, lúc đó mẹ gọi ta dậy. Bố ta làm việc ngoài đường ray nên đã ra khỏi nhà từ sáu giờ.” Ông Jud khựng lại trầm ngâm. “Mẹ ta không gọi ta dậy, Louis ạ. Nói đúng hơn là bà ấy gào thét âm ỉ.”

Ông Jud đi đến tủ lạnh, lấy một chai Miller, dùng tay cầm ngăn kéo dưới hộp đựng bánh mì và máy nướng bánh để khui. Dưới ánh đèn, mặt ông vàng vọt như thứ màu của nicotine. Ông uống ừng ực nửa lon, ợ một tiếng như súng máy rồi liếc về phía hành lang, căn phòng nơi bà Norma đang ngủ. Đoạn ông quay sang nhìn Louis.

“Thật sự với ta, nói về chuyện này rất khó,” ông bộc bạch. “Suốt bao năm qua, nó trở đi trở lại trong tâm trí, song ta chẳng kể với bất cứ ai. Những người khác cũng biết chuyện xảy ra, nhưng tuyệt nhiên không dả động gì. Giống như người ta ngại nhắc về chuyện giường chiếu, ta nghĩ vậy. Giờ ta kể với cháu, Louis ạ, vì cháu đã có một con thú cưng khác. Không hẳn là nguy hiểm, nhưng... khác biệt. Cháu có thấy điều đó không?”

Louis nghĩ lại cảnh tượng Church vụng về nhả xuống bệ xí, hai chân sau đập vào bồn tắm; anh nghĩ đến đôi mắt mờ đục nhìn chăm chăm trì độn nhưng không hẳn ngu ngốc.

Rốt cuộc anh cũng gật đầu.

“Khi ta xuống tầng dưới, mẹ ta co rúm vào góc giữa thùng đựng đá và quầy bếp. Có một đồng trống bùng nhùng trên sàn – bà đang treo dở tấm rèm. Đứng ngay ngoài cửa bếp là Spot, chú chó của ta. Người ngợm nó toàn đất cát, bùn đất dính đầy trên

chân. Mảng lông bụng dơ dáy bắn thủ, vón cục và rối bù. Nó cứ đứng yên ở đó – chẳng sửa hay ăng ăng gì – chỉ đứng đó, nhưng rõ ràng là nó đã dón mẹ ta vào một góc, dù nó vô tình hay cố ý. Mẹ ta hoảng lắm, Louis ạ. Ta không biết cháu có thân với hai cụ thân sinh không, nhưng ta thì biết rõ một điều: ta hết mực thương yêu bố mẹ ta. Vậy nên khi ta nhận ra mình đã làm một việc khiến mẹ kinh hãi, niềm vui dâng lên lúc ta trông thấy Spot đứng đó chợt bốc hơi. Thậm chí ta còn chẳng thấy bất ngờ khi chú chó ở đó.”

“Cháu hiểu cảm giác ấy” Louis nói. “Sáng nay, khi trông thấy Church, cháu... chừng như đó là một điều...” Anh thoáng lúng túng. *Hết sức tự nhiên?* Đó là những từ hiện lên trong tâm trí anh, nhưng những từ này không chính xác. “... Là một điều phải xảy ra.”

“Đúng,” ông Jud đáp. Ông lại châm thêm một điếu thuốc lá. Tay ông khẽ run. “Mẹ trông thấy ta tông ngồng trong chiếc quần đùi, bèn hét lên với ta, ‘Cho chó của con ăn đi Jud, nó đói rồi kìa, đưa nó ra khỏi đây kẻo nó phá rèm bây giờ!’

“Thế là ta bèn lấy chút đồ ăn thừa rồi gọi nó lại, nhưng ban đầu nó không tới, chừng như ban đầu nó không biết tên mình là gì, và suýt chút nữa ta đã nghĩ, ‘Chà, đây chẳng phải Spot, chỉ là một con chó đi lạc *trông giống* Spot mà thôi...””

“Đúng lắm!” Louis đột ngột thốt lên, đến độ anh tự giật mình.

Ông Jud gật đầu. “Nhưng lần thứ hai, thứ ba ta gọi thì nó bước đến. Nó đi giật cục về phía ta, và lúc ta dẫn nó ra hiên, nó tông đánh rầm vào một bên cửa suýt ngã lăn quay. Được cái nó

cũng ăn; ăn lấy ăn để là đằng khác. Khi ấy, ta đã vượt qua nỗi sợ hãi đầu tiên và lơ mờ nắm được chuyện xảy ra. Quỳ gối, ta ôm chầm lấy nó, gặp lại Spot ta vui quá. Chỉ có đúng một giây ta thấy sợ khi ôm nó, và ta nghĩ nó đã gầm gừ thì phải, nhưng có lẽ đây chỉ là tưởng tượng mà thôi. Chỉ đúng một giây. Rồi nó liếm mặt ta, và...”

Ông Jud rùng mình uống nốt phần bia còn lại.

“Louis, lưỡi nó lạnh ngắt. Cảm giác khi Spot liếm chẳng khác nào lấy xác con cá chép chà lên mặt.”

Hai người bọn họ im lặng hồi lâu, đoạn Louis lên tiếng, “Ông kể tiếp đi.”

“Đợi đến lúc nó ăn xong, ta lôi chậu tắm mà gia đình ta dùng cho nó từ dưới hiên sau nhà rồi tắm tấp cho Spot sạch sẽ. Spot chúa ghét tắm rửa, thường thì cả bố và ta phải cùng làm mới được, lần nào tắm xong cho nó, hai bố con đều phải cởi áo, quần thì ướt sũng, bố ta chửi ầm lên trong khi Spot nhìn có vẻ xấu hổ, đúng kiểu của mấy chú chó. Vừa tắm xong, thể nào nó cũng lăn lộn trong đất cát rồi chạy vào dây phơi đồ của mẹ ta rồi lắc nguây nguẩy, khiến đất cát dính đầy lên những tấm trải giường mẹ treo, và y như rằng mẹ ta sẽ hét ầm lên với hai bố con, rằng bà sẽ tống nó cho người khác trước khi bà già hơn.

Nhưng hôm ấy, Spot chỉ ngồi yên trong chậu để ta tắm cho nó. Nó chẳng cục cựa gì. Ta không thích thế chút nào. Như thế... như thể đang rửa cục thịt vậy. Sau khi tắm xong, ta lấy khăn tắm cũ lau khô cho nó. Ta có thể thấy những chỗ dây kẽm gai móc vào thịt nó – những vị trí đó bị tróc hết lông, thịt lún

vào. Giống như vết thương cũ đã lành chừng năm năm hoặc hơn, không biết cháu đã từng nhìn thấy chưa.

Louis gật đầu. Trong quá trình làm việc, thỉnh thoảng anh cũng thấy những vết thương như thế. Dù thời gian trôi qua, vết thương cũng không đầy lại, nó gợi cho anh nhớ đến những ngôi mộ và cái thời anh phụ việc tổ chức tang lễ, rằng chẳng bao giờ đủ đất để lấp đầy nó.

“Rồi ta thấy đầu của nó. Có một lỗ trũng, nhưng lông đã mọc lại thành hình tròn màu trắng con con. Nó nằm gần tai.”

“Đó là chỗ bố ông đã bắn nó,” Louis nói.

Ông Jud gật đầu và nói, “Phải.”

“Bắn vào đầu một người hay một con vật không phải cách chắc chắn kết liễu được mạng sống đâu, ông Jud ạ. Vì không biết viên đạn có thể bắn vào bề mặt hộp sọ rồi vòng qua sọ theo hình bán nguyệt, sượt ra phía bên kia mà không xuyên qua não, nhiều người đã tự sát không thành và phải sống kiếp thực vật, cấp thức ăn thông qua ống hoặc bị đạn bắn mà vẫn phăm phăm đi lại, chẳng sút mẻ gì. Bản thân cháu đã từng gặp một trường hợp tự bắn vào đầu ngay trên tai phải, thiệt mạng vì viên đạn vòng qua đầu rồi phả nát tĩnh mạch cảnh ở phía bên kia đầu... ngay cổ. Đường đi của viên đạn trông chẳng khác nào bản đồ đường của hạt.”

Ông Jud mỉm cười gật đầu. “Ta nhớ cũng có lần ta đọc được trường hợp tương tự trong một tờ báo của bà Norma mang tên *Star* hay *Enquirer* thì phải. Nhưng nếu bố ta bảo Spot đã chết thì nó chắc chắn đã toi đời, Louis ạ.”

“Dạ vâng,” Louis đáp.

“Chú mèo của con gái cháu có chết không?”

“Cháu nghĩ nó đã chết rồi,” Louis nói.

“Cháu phải khá hơn thế chứ. Cháu là bác sĩ mà.”

“Nghe ông nói chẳng khác nào bảo ‘Cháu phải khá hơn thế chứ, Louis, cháu là thánh thần mà. Cháu không phải thánh thần gì. Lúc đó trời tối thui...”

“Phải, trời tối thui, và đầu nó xoay trên cổ như thể chứa đầy vòng bi, khi cháu nhắc con mèo lên, người nó dính vào băng tuyết, Louis ạ – tiếng động phát ra y như gỡ băng keo khỏi lá thư. Sinh vật sống không như vậy. Chỉ khi nào chết, ta mới không khiến lớp băng dưới chỗ ta nằm tan chảy.”

Đồng hồ điểm mười giờ ba mươi trong một căn phòng khác.

“Bố của ông nói gì khi về nhà và thấy chú chó?” Louis tò mò.

“Lúc đó ta đang ở ngoài lối xe chạy bắn bi trên nền đất, sốt ruột đợi bố ta về. Cảm giác trong lòng ta lúc ấy giống y những lần ta phạm lỗi sai và biết sắp sửa bị ăn đòn. Tám tám giờ, bố ta bước qua trụ cổng, trên người mặc bộ đồ lao động liền thân và đội mũ sọc... cháu đã từng trông thấy bộ đồ như thế chưa?”

Louis gật đầu, đưa mu bàn tay lên che cái ngáp.

“Chà, khuya rồi,” ông Jud nói. “Để ta kể cho xong”

“Cũng chưa khuya lắm đâu,” Louis nói. “Cháu uống hơi nhiều bia so với tuổi lượng thôi. Ông cứ kể đi, ông Jud. Cứ từ từ ạ. Cháu muốn nghe mà.”

“Bố ta có cái cà mềng cũ đựng bữa tối,” ông Jud kể, “lúc bước qua cổng, ông giữ tay cầm, vung vẩy cà mềng, miệng huýt sáo khe khẽ. Trời nhập nhoạng tối nhưng bố vẫn trông thấy ta, ông

bèn lên tiếng, ‘Chào con, Judkins!’ như mọi ngày và ông hỏi, ‘Mẹ con...

Ông chưa kịp thốt ra hết câu thì Spot bước ra từ màn đêm, không chạy huỳnh huých như ngày trước, sẵn sàng nhảy bổ lên người bố ta vì mừng rỡ khi được gặp chủ, mà chỉ đi từ từ, vẩy đuôi, bố ta đánh rơi cà mềng và lùi lại. Ta không biết ông có định quay đầu bỏ chạy hay không, nhưng lưng của ông đập vào bờ rào bằng cọc, thế rồi ông cứ đứng đó nhìn con chó. Và khi Spot nhảy lên, bố ta chộp lấy chân của nó, như thể ta nắm tay quý cô khi chuẩn bị khiêu vũ cùng nhau. Ông nhìn con chó suốt một lúc lâu rồi quay sang nhìn ta, đoạn ông bảo, ‘Cho nó đi tắm đi, Jud. Nó hôi mùi đất chỗ con chôn xác. Dứt lời, ông đi thẳng vào nhà.’

“Vậy ông làm gì?” Louis hỏi.

“Ta tắm cho nó lần nữa. Nó ngoan ngoãn ngồi trong chậu. Và khi ta vào nhà, mẹ ta đã vào giường dù vẫn chưa đến chín giờ. Bố ta ôn tồn, ‘Chúng ta phải nói chuyện, Judkins.’ Vậy là ta ngồi đối diện bố, lần đầu tiên trong đời, ông trao đổi với ta như một người đàn ông, khi trong nhà thoang thoảng mùi hương của cây kim ngân từ bên kia đường, chỗ nhà cháu hiện tại và mùi hoa hồng đại ngoài vườn nhà ta. Ông Jud Crandall thở dài. “Trước đó ta luôn tưởng được bố nói chuyện như một người đàn ông là điều rất tuyệt vời, song ta đã nhầm. Không hề tuyệt chút nào. Tất cả những điều ta kể đêm nay, Louis ạ – nó tương tự như khi ta nhìn vào chiếc gương được đặt sát tấm gương khác, và cháu có thể trông thấy hình ảnh của cháu phản chiếu xuống hành lang đầy gương. Ta tự hỏi câu chuyện này đã được

truyền qua bao đời rồi nhỉ? Một câu chuyện bình mới rượu cũ, chỉ có những cái tên là khác? Giống như tình dục, người ta biết nhưng chẳng ai nhắc?”

“Bố của ông biết mọi chuyện rồi ư?”

“Phải. ‘Ai đưa con lên đó, Jud?’ Bố hỏi nên ta kể lại. Ông chỉ gật gù như thể lường được trước tất cả. Ta đoán có lẽ là thể thật, dù về sau ta phát hiện vào thời điểm đó, có khoảng sáu hoặc tám người ở Ludlow có thể đưa ta đến khu đất ấy. Nhưng ta nghĩ bố ta biết chỉ kẻ loạn óc như Stanny B. mới đem chuyện đó kể với ta.”

“Ông có hỏi tại sao bố ông không đưa ông đến đó không, ông Jud?”

“Có,” ông Jud đáp. “Trong cuộc nói chuyện dài ấy, ta có hỏi. Bố ta bảo nơi đó hết sức tệ hại, và thường thì nó chẳng giúp ích được gì cho những khổ chủ vừa mất đi thú cưng hoặc cho chính những con vật ấy. Ông ấy hỏi liệu ta có thích Spot như bây giờ không, và cháu biết không, Louis, ta chật vật mãi chẳng trả lời được câu hỏi ấy... và quan trọng là ta phải nói rõ với cháu cảm nhận của ta về điều này, bởi không sớm thì muộn, rồi cháu sẽ hỏi tại sao ta dẫn cháu lên đó, mang theo xác chú mèo của con gái cháu nếu đó là điều không nên làm, đúng không?”

Louis gật đầu. Ellie sẽ nghĩ gì về Church khi con bé trở về? Điều đó cứ day dứt trong đầu anh suốt buổi chiều hôm ấy, khi anh và Steve Masterton chơi bóng racquet.

“Có lẽ ta làm vậy vì trẻ con cần biết đôi khi cái chết lại tốt hơn, ông Jud khó nhọc nói. “Đó là điều mà cô bé Ellie nhà cháu chưa hiểu, và ta có cảm giác con bé chưa hiểu vì vợ cháu chưa

hiếu. Giờ thì cháu cứ thẳng thắn, nếu ta sai thì cứ nói, chúng ta sẽ dừng chủ đề này lại!”

Louis toan mở miệng rồi lại thôi.

Ông Jud nói tiếp, hết sức từ tốn, như thể ông đang nhả nha đi qua từng từ một, giống như họ đã di chuyển từ gò đất này sang gò đất khác trong Đầm Tiểu Thần đêm qua.

“Bao năm qua, ta đã nhiều lần chứng kiến việc này xảy ra,” ông ôn tồn. “Hình như ta kể cho cháu nghe Lester Morgan chôn con bò thượng hạng ở đó rồi đúng không. Một con bò giống Black Angus mang tên Hanratty. Cái tên cho bò rõ ngớ ngẩn nhỉ? Nó chết vì bị viêm loét gì đó trong người và Lester đã kéo nó lên tận đó bằng xe kéo. Ta không rõ ông ta làm thế bằng cách nào – hay trèo qua được đồng cây đổ ra sao, nhưng người ta hay nói có chí thì nên đấy thôi. Ít nhất là đúng ở khu chôn cất ấy.

Chà, Hanratty đã sống dậy, nhưng hai tuần sau, Lester bắn chết nó. Con bò ấy như thành tinh. Nhưng nó là con vật duy nhất ta nghe nói gặp tình trạng này. Đa phần chúng chỉ... hơi ngu si... hơi chậm chạp... hơi...”

“Hơi thuộc về cõi âm?”

“Phải,” ông Jud nói. “Hơi cõi âm. Hơi kỳ lạ. Như thể chúng đã ở... đâu đó... rồi quay lại... nhưng không hoàn toàn. Con gái cháu sẽ không biết chuyện đó, Louis ạ. Nó không tin con mèo bị xe tông chết rồi sống dậy. Vì vậy có thể nói ta không thể dạy đứa trẻ bài học trừ khi đứa trẻ biết có thứ phải học. Trừ khi...”

“Trừ khi đôi lúc ta có thể,” Louis nói, tự nhủ với bản thân nhiều hơn là đáp lại ông Jud.

“Phải,” ông Jud đồng ý. “Thỉnh thoảng ta có thể. Con bé sẽ phát hiện có sự sai lệch và rằng ngày xưa, Church tuyệt hơn bây giờ. Có thể rồi cô bé sẽ ngộ ra được đôi phần về bản chất của cái chết, là nơi đau đớn dừng lại và kỷ niệm đẹp bắt đầu. Không phải cáo chung của sự sống mà là cáo chung của đớn đau. Cháu không giải thích cho bé những điều đó được; bản thân nó sẽ tự ngộ ra.

Và nếu giống ta, cô bé sẽ tiếp tục yêu thương thú cưng của mình. Nó sẽ không trở nên hung dữ hay cắn phá gì cả. Cô bé sẽ tiếp tục yêu thương nó... nhưng rồi cô bé sẽ rút ra kết luận cho bản thân... và cô bé sẽ thở phào nhẹ nhõm khi cuối cùng, nó cũng thực sự chết.”

“Đó là lý do ông đưa cháu lên đó,” Louis nói. Anh cảm thấy tốt hơn rồi. Anh đã có lời giải thích. Nó có hơi lan man, dựa vào lý lẽ của các đầu mút thần kinh hơn là lý lẽ của lý trí, nhưng dưới tình hình này, anh nhận ra anh có thể chấp nhận nó. Và điều đó nghĩa là anh có thể quên nét biểu cảm anh tưởng mình đã thoáng trông thấy trên mặt ông Jud tối qua – niềm vui sượng đen tối ấy. “Dạ rồi, vậy..

Bất thành linh, gần như khiến anh phát hoảng, ông Jud đưa hai tay lên bưng mặt. Trong một khắc, Louis còn tưởng ông bắt ngờ lên cơn đau, nên anh dợm đứng dậy lo lắng, nhưng rồi thấy ngực ông phập phồng mãnh liệt, anh nhận ra ông cụ đang chặt vật kìm nước mắt.

“Đó là lý do nhưng cũng chẳng phải,” ông nói bằng giọng ghen ngào, đè nén. “Ta làm vậy với lý do giống như Stanny B., và lý do giống như Lester Morgan. Lester đưa Linda Lavesque

lên đó sau khi con chó của bà ấy bị xe cán trên đường. Ông ấy vẫn đưa bà ấy lên đó dù chính tay ông đã phải giải phóng con bò chết toi của mình khỏi chuỗi khổ sở vì nó cứ rượt đuổi con nít trên cánh đồng như lên cơn điên. Thế mà ông ấy vẫn làm, thế mà ông ấy vẫn làm đấy, Louis ạ,” ông Jud gần như rên rỉ, “và ta biết giải thích thế nào về điều khốn nạn ấy?”

“Ông Jud, ông đang nói gì vậy?” Louis thẳng thốt.

“Lý do Lester và Stanny hành động như vậy cũng giống với lý do ta hành động. Chúng ta làm điều đó vì nó chi phối chúng ta. Chúng ta làm vậy vì nơi chôn cất ấy là một nơi bí mật, ta muốn san sẻ bí mật, chỉ cần tìm được một lý do có vẻ đủ tốt, thế là...” ông Jud buông tay khỏi mặt rồi nhìn thẳng vào Louis với đôi mắt trải bao thăng trầm, phờ phạc đến không tưởng. “Thế là ta cứ vậy mà làm thôi. Ta bịa ra lý do... tưởng chừng lý do ấy là tốt... nhưng đa phần ta làm vậy vì ta muốn. Hoặc vì ta phải làm thế. Bố ta không đưa ta lên đó vì ông đã từng nghe về nó nhưng chưa bao giờ đích thân đến đấy. Còn Stanny B. thì đã đến đó rồi... nên mới dẫn ta đi... và bảy mươi năm trôi qua... bất chợt mọi thứ đổ dồn...”

Ông Jud lắc đầu, húng hắng ho khan vào lòng bàn tay.

“Cháu nghe này,” ông nói. “Cháu nghe này, Louis. Con bò của Lester là con vật duy nhất ta biết đã phát cuồng. Hình như con chó nhỏ của bà Lavesque cũng cắn ông giao thư một lần, và ta cũng có nghe thêm vài chuyện... những con vật ấy hư hơn... nhưng Spot lúc nào cũng ngoan. Nó lúc nào cũng có mùi đất dù tắm rửa bao lần, nó lúc nào cũng có mùi đất nhưng nó ngoan lắm. Về sau đó, mẹ ta chẳng lần nào chạm vào nó nữa, nhưng

nó vẫn là một con chó ngoan. Tuy nhiên, Louis, nếu đêm này cháu định mang con mèo ra ngoài và giết chết nó, ta cũng sẽ chẳng nói gì.

Nơi đó... bất thành linh nó chi phối ta... và ta sẽ tự huyền hoặc bằng lý do thơm tho nhất trần đời... nhưng cũng có thể là ta sai, Louis ạ. Tất cả những điều ta muốn nói chỉ có vậy. Lester cũng có thể đã sai. Stanny B. cũng có thể đã sai. Khốn thật, bản thân ta cũng chẳng phải Chúa. Nhưng đưa kẻ đã chết sống dậy... điều đó cũng gần sát với việc giả vờ làm Chúa rồi đấy chứ?”

Louis hấp háy miệng rồi đóng lại. Bởi điều anh toan thốt lên sao thật sai trái, sai trái và độc ác: *Ông Jud, cháu không trải qua từng đó chuyện để rồi lại phải xuống tay giết con mèo chết toi ấy.*

Ông Jud uống cạn bia rồi cẩn trọng đặt chúng bên cạnh những lon bia rỗng. “Ta nghĩ hết rồi đấy,” ông nói. “Ta nói xong rồi.”

“Cháu có thể hỏi ông thêm một câu không?” Louis hỏi.

“Chắc là có,” ông đáp.

Louis bèn cất tiếng: “Đã có ai chôn con người ở đó chưa ạ?”

Tay ông Jud co giật mạnh, hất đổ hai chai bia khỏi bàn, một trong số đó vỡ tan.

“Lạy Chúa trên ngai Ngài,” ông thẳng thốt nói với Louis. “*Không!* Ai lại làm trò đó kia chứ? Thậm chí đó cũng chẳng phải chuyện nên nói ra miệng nữa kìa, Louis!”

“Cháu tò mò ấy mà,” Louis ngọt ngào phân bua.

“Có những thứ tò mò chỉ tổ rước họa vào thân,” ông Jud Crandall nói, và trong mắt Louis Creed, lần đầu tiên anh thấy

ông trông thật già và hom hem; đứng gần cái mồ ông mới dào tức thì.

Và sau đó, khi đã về nhà, anh chợt nhận ra thêm một điều về vẻ mặt của ông Jud lúc đó.

Trông ông như thể đang nói dối.

Louis không hề hay biết mình đã ngà ngà say cho đến khi anh bước vào trong ga ra nhà mình.

Bên ngoài chỉ có ánh sao và vầng trăng lạnh lẽo. Ánh sáng không đủ mạnh để bóng đổ nhưng căng mắt ra thì vẫn thấy mờ mờ. Nhưng khi bước vào ga ra, anh như kẻ mù. Có công tắc đèn ở đâu đó, song anh mà nhớ vị trí của nó thì anh xin đâm đầu xuống đất. Anh lần mò từ từ, loạt soạt khua chân, đầu óc quay cuồng, chuẩn bị tinh thần nút đầu gối, hoặc vấp phải món đồ chơi nào đó, được dịp hết hồn vì nó bể hoặc rơi lên người anh. Chiếc xe đạp Schwinn nho nhỏ của Ellie với hai bánh phụ màu đỏ. Hoặc xe tập bò Crawly-Gator của Gage.

Con mèo đâu rồi? Anh có để nó trong nhà không nhỉ?

Chẳng biết thế nào, anh lại đi chệch hướng và đâm sầm vào tường. Một mảnh gỗ cắm thẳng vào lòng bàn tay khiến anh ré lên “Khốn kiếp!” trong bóng tối, và sau khi thốt ra, anh nhận thấy tiếng nói của mình mang âm hưởng sợ hãi hơn là tức giận. Cả ga ra như vừa lén lút đảo một trăm tám mươi độ. Giờ thì không chỉ công tắc điện mà anh chẳng xác định nổi vị trí của bất cứ thứ gì nữa, kể cả cánh cửa dẫn vào nhà bếp.

Anh bắt đầu bước tiếp, di chuyển thật chậm, lòng bàn tay nhói đau. *Bị mù là thế này đây*, anh thầm nghĩ, và nó gợi cho anh nhớ lại buổi biểu diễn của Stevie Wonder mà anh và Rachel cùng đi – khi nào ấy nhỉ? Sáu năm trước? Đúng rồi, nghe khó tin nhưng thời gian trôi vèo vèo. Lúc đó, vợ anh đang mang bầu Ellie. Hai nhân viên đã đưa Wonder đến chiếc đàn, dẫn ông bước qua đồng dây cáp bò lổn nhổn trên sân khấu để ông không vấp. Và sau đó, khi ông đứng dậy để nhảy với một cô ca sĩ hát bè, cô này cẩn thận dìu ông đến một khoảng trống trên sàn. Louis nhớ lúc đó mình đã trầm trồ rằng ông nhảy đẹp quá. Ông nhảy rất hay, nhưng ông cần một bàn tay dẫn ông đến nơi ông có thể tự do nhún nhảy.

Phải chi giờ có một bàn tay dẫn mình đến cửa nhà bếp nhỉ? Anh nghĩ... rồi chợt rùng mình.

Giả như có bàn tay không dưng thò ra từ màn đêm rồi kéo anh đi, chắc anh sẽ hét thất thanh mất – hét như chưa bao giờ được hét là đẳng khác.

Anh đứng yên, trống ngực đập dồn. *Thôi nào*, anh trấn an bản thân. *Thôi trò thần hồn nát thần tính đi, nào nào...*

Con mèo khốn kiếp kia đâu nhỉ?

Và rồi anh tông phải thứ gì đó, hóa ra là cản sau chiếc Civic, cơn đau chạy dọc người anh từ ống quyển bị trầy làm anh ứa lệ. Anh chộp lấy chân xoa lấy xoa để, đứng một chân như con diệc, nhưng chỉ ít giờ thì anh biết anh đang ở đâu, vị trí những thứ trong ga ra tượng hình trở lại trong đầu anh, ngoài ra, mắt anh dần điều tiết với bóng tối, sắc tố tía nhạy cảm với ánh sáng yếu

đã xuất chiêu. Giờ thì anh nhớ anh để con mèo trong nhà, vì anh không muốn chạm vào nó, nhặt nó tổng ra ngoài, với lại...

Đúng lúc ấy, thân thể nóng bừng đầy lông của Church vờn vào mắt cá chân của anh như xoáy nước nóng tầm thấp cùng cái đuôi kinh khủng cuộn quanh bắp chân anh như con rắn siết mồi, để rồi Louis hét toáng lên; anh mở miệng hết cỡ và thét thật to.

“Bố ơi!” Ellie ôm tôi.

Cô bé chạy từ máy bay về phía anh, lao qua các hành khách đang xuống máy bay như tiền vệ chính đang bảo vệ bóng bầu dục. Đa phần các vị khách đều đứng sang một bên, miệng nhoẻn cười. Louis thấy hơi ngượng trước thái độ của cô bé, nhưng anh cũng cảm nhận được nụ cười ngớ ngẩn rộng đến mang tai đang hiện lên trên khuôn mặt của mình.

Rachel bế Gage trên tay, và cậu bé trông thấy Louis khi Ellie hét toáng. “Bố!” Cậu bé sung sướng la lên rồi ngo ngoáy trong tay Rachel. Cô mỉm cười (*có phần mệt mỏi*, Louis nghĩ) rồi thả thẳng bé xuống đất. Cậu bé lồm chồm chạy theo Ellie, đôi chân cứng cáp lạch bạch vội vã. “Bố! Bố!”

Louis kịp để ý Gage đang mặc bộ quần yếm mà anh chưa thấy lần nào — xem ra đây là món quà của ông ngoại. Và rồi Ellie tông rầm vào anh, vít lên người anh như trèo cây.

“Con chào bố!” Cô bé la to rồi vui sướng vung tay đập vào má anh mạnh đến độ tai anh lùng bùng suốt mười lăm phút sau đó.

“Chào con yêu,” anh nói rồi cúi xuống đỡ Gage. Anh bế con lên và ôm cả hai đứa. “Thấy các con bố vui quá.”

Rachel đi đến chỗ anh, một bên vai quảng túi du lịch và túi xách, vai còn lại quảng túi đựng tã của Cage (dòng chữ CON SẼ LỚN NHANH NHƯ THỔI được in trên rìa, lời nhắn nhủ có lẽ để làm vui lòng các ông bố bà mẹ hơn là đứa trẻ mang tã). Nhìn có trông như nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp sau chuyển tác nghiệp dài và tối tăm mặt mũi.

Louis khom người giữa hai con rồi trao cho có nụ hôn lên môi. “Chào vợ.”

“Chào bác sĩ,” cô nói và mỉm cười.

“Trông em tã tươi thế.”

“Em tã tươi thật mà. Ba mẹ con đến Boston bình an vô sự. Đổi máy bay cũng không có vấn đề. Cát cánh cũng không sao. Nhưng khi máy bay vừa bay trên thành phố, Gage nhìn xuống và reo ‘Đẹp, đẹp, rồi mở van xả nước.’”

Louis rên rỉ. “Ôi Chúa ơi.”

“Em phải thay tã cho con trong nhà vệ sinh,” cô kể. “Em nghĩ chắc con không bị virus hay gì đâu. Thằng bé chỉ bị say máy bay thôi.”

“Thôi, mình về nào,” Louis nói. “Anh làm sẵn thịt hầm cay trên lò rồi.”

“*Hầm cay! Hầm cay!*” Ellie ré vào tai Louis, vừa sung sướng vừa hứng khởi.

“*Hầm cay! Hầm cay!*” Gage gào vào tai bên kia, chỉ ít nó cũng cần bằng tình trạng lòng bùng.

“Đi nào,” Louis giục. “Mình đi lấy va li rồi rời khỏi đây thôi.”

“Bố ơi, Church sao rồi?” Ellic hỏi khi anh để con xuống. Louis cũng lưỡng lự trước con gái sẽ hỏi câu đó, nhưng anh không

ngờ khuôn mặt Ellie lại sa sầm, cả đôi mắt xanh đen cũng ánh lên lo lắng. Louis cau mày rồi liếc nhìn qua Rachel.

“Cuối tuần, con bé tỉnh giấc và thét ầm ỹ,” Rachel khẽ nói. “Nó gặp ác mộng anh ạ.”

“Con mơ thấy Church bị xe cán,” Ellie kể.

“Em đoán nguyên nhân là do con ăn quá nhiều sandwich gà tây sau một hôm tiệc tùng,” Rachel giải thích. “Con bé còn bị cả tiêu chảy nữa. Anh nói cho con yên tâm đi, Louis, và mình ra khỏi sân bay thôi. Tuần qua, em nhìn đủ số sân bay cho ít nhất năm năm rồi.”

“Sao thế, Church vẫn khỏe, con yêu, Louis nói chậm rãi.

Phải, nó khỏe mà. Nó nằm trong nhà cả ngày và giương đôi mắt đục ngầu kỳ dị nhìn quanh – như thể nó trông thấy thứ gì đó đã tước gần hết trí khôn mà một con mèo sở hữu. Nó khỏe như vâm. Tối đến bố dùng cây chổi hất nó ra vì bố không thích chạm vào nó. Bố cứ thế lấy chổi quét nó, thế là nó đi ra. Hôm nọ, bố vừa mở cửa, Ellie ạ, thì thấy nó ngậm con chuột — hoặc phần xác còn lại của con chuột. Nó bôi ruột gan ra làm bữa sáng. Và nhân tiện nhắc tới bữa sáng, hôm đó bố chẳng nuốt nổi. Còn lại thì...

“Nó vẫn khỏe.”

“Ồ,” Ellie nói, hai hàng lông mày giãn ra. “Ồ, tốt quá. Lúc nằm mơ, con cứ đinh ninh là Church đã chết.”

“Thế à?” Louis hỏi và mỉm cười. “Giấc mơ quả là thứ kỳ khôi nhỉ?”

“*Dắc mơ!*” Gage hét ầm lên – cậu bé đã đến giai đoạn bắt chước như vẹt mà Louis vẫn nhớ từ thời Ellie. “*Dắc mơ mơ mơ!*” Cậu giật tóc Louis mạnh đến độ anh chảy cả nước mắt.

“Đi nào cả nhà,” Louis nói, rồi cả gia đình bước đến khu vực để hành lý.

Họ đi đến chỗ xe ô tô trong bãi đậu xe thì Gage bắt đầu bi bô “Đẹp, đẹp,” bằng giọng nấc cục nghe rất kỳ cục. Lần này, cậu bé bĩnh đầy lên người Louis, trong khi anh đang diện quần dẹt kim đôi mới tinh nhân dịp đoàn tụ ở sân bay. Rõ ràng Gage tưởng *đẹp* là mật mã mang nghĩa *Giờ con phải ói, xin lỗi, né ra giùm con*.

Hóa ra cậu bé bị nhiễm virus thật.

Cả gia đình chạy từ sân bay Bangor được khoảng hai mươi bảy ki-lô-mét về nhà ở Ludlow thì Gage bắt đầu có dấu hiệu phát sốt và rơi vào tình trạng li bì, khó chịu. Louis lùi xe vào gara, và từ khốe mắt, anh trông thấy Church lượn lơ dọc bờ tường, đuôi vểnh lên, đôi mắt kỳ dị dán vào xe. Nó mất dạng vào ánh chiều tà dần tắt, và giây sau, Louis thấy thêm xác một con chuột phơi ruột bên cạnh ngăn kệ xếp bốn lớp xe mùa hè – trong lúc Rachel và hai con vắng nhà, anh đã tranh thủ thay lớp mùa đông. Nội tạng của con chuột ánh lên hồng tươi trong không gian mờ tối của gara. Cái đầu đã không cánh mà bay.

Louis vội ra khỏi xe và cố tình tông vào đồng lớp xếp chồng lên nhau như những thẻ bài màu đen. Hai lớp trên cùng đổ ập xuống, che xác con chuột. “Ồi chà,” anh thốt lên.

“Bố hậu đậu quá,” Ellie trêu anh.

“Đúng thật,” Louis cuống cuống đáp đầy vui tươi. Anh cảm thấy anh cũng muốn nói *Đẹp, đẹp* và nôn thốc nôn tháo mọi thứ ra ngoài. “Bố hậu đậu thật.” Trước khi từ cũi chết trở về, anh nhớ Church chưa từng giết con chuột nào; thỉnh thoảng nó đồn

chuột vào góc vờn tới vờn lui với hồi kết hẳn sẽ đầy tanh bành, nhưng anh hoặc Ellie hoặc Rachel luôn can thiệp trước khi mọi chuyện đi quá giới hạn. Anh biết sau khi bị thiến, nếu được cho ăn đầy đủ, mèo sẽ chẳng buồn động tay động chân mà chỉ ném cho con chuột cái nhìn hứng thú.

“Anh định đứng đó mơ mộng hay giúp em với cậu nhóc này đây?” Rachel hỏi. “Hạ phàm từ Hành tinh Mongo đi, bác sĩ Creed. Người Trái đất cần bác sĩ.” Giọng cô có vẻ mệt mỏi và gai góc.

“Xin lỗi em yêu,” Louis nói. Anh vòng qua để bế Gage, người cậu bé nóng rẫy như than trên lò.

Thế là buổi tối hôm ấy, chỉ có ba người bọn họ thưởng thức món Thịt Hầm Cay Phương Nam trứ danh của Louis; Gage nằm trên ghế sofa phòng khách; sốt bùng bùng và xụi lơ, vừa tu bình canh gà để nguội vừa xem phim hoạt hình trên ti vi.

Sau bữa tối, Ellie ra cửa ga ra gọi Church. Lãnh nhiệm vụ rửa chén trong lúc Rachel xếp đồ từ va li, Louis hy vọng con mèo không xuất hiện nhưng nó vẫn đến – nó bước đi với dáng điệu lão đảo chậm chạp, và nó xuất hiện gần như ngay lập tức, tựa hồ nó – tựa hồ *thứ đó* – đã rình mò bên ngoài từ nãy đến giờ. *Rình mò*. Từ này ngay lập tức hiện lên trong đầu anh.

“Church!” Ellie ré lên. “Chào Church!” Cô bé nhấc con mèo lên và ôm vào lòng. Louis theo dõi từ khóe mắt; hai tay đang mò mẫm đáy bồn rửa xem còn món đồ nào sót lại hay không bỗng cứng đờ. Anh trông thấy khuôn mặt mừng rỡ của Ellie dần chuyển sang bối rối. Con mèo nằm im trong vòng tay cô bé, tai cụp ra mắt dán vào đối phương.

Sau hồi lâu – Louis cảm nhận nó lâu kinh khủng – cô bé đặt Church xuống. Con mèo bước vào phòng ăn mà chẳng buồn quay đầu nhìn lại. *Thứ hành hình đám chuột*, Louis vẫn vợ nghĩ. *Chúa ơi, đêm đó, mình đã làm gì vậy?*

Anh cố công nhớ lại những ký ức xa xôi, mờ mịt và cách trở, giống như cái chết khủng khiếp của Victor Pascow trên sàn phòng tiếp tân của bệnh xá. Anh có thể hồi tưởng lại gió nổi từng đợt trên bầu trời cũng như tuyết trắng ánh lên lấp lánh đằng sau khu đất dẫn vào rừng. Nhưng chỉ có vậy mà thôi.

“Bố ơi?” Ellie khẽ hỏi, giọng trầm trầm.

“Sao thế Ellie?”

“Church có mùi lạ lắm.”

“VẬY À?” Louis hỏi lại, cẩn trọng giữ giọng mình bình thản.

“Dạ!” Ellie reo lên bối rối. “Dạ, mùi lạ lắm! Trước giờ nó chưa bao giờ có mùi như vậy! Nó có mùi như... nó có mùi như *ị đùn* ấy!”

“Chà, chắc nó lẫn lộn đâu đó cũng nên, con yêu,” Louis đáp. “Hôi thì hôi nhưng sẽ bay mùi ấy mà.”

“Con mong là vậy,” Ellie bắt chước giọng bà già hài hước. Cô bé bỏ đi.

Tìm thấy cái nĩa cuối cùng, Louis rửa rồi giặt nút. Anh đứng ở bồn, đưa mắt nhìn ra màn đêm trong khi nước rửa chén đầy bọt chảy xuống ống kêu ùng ục.

Khi tiếng thoát nước dừng lại, anh có thể nghe thấy tiếng gió ào ào ngoài kia, hun hút, hoang dại, thốc từ phương Bắc, gọi mời mùa đông, để rồi anh nhận ra anh sợ, sợ một cách chân phương, ngu xuẩn, như một người cảm thấy sợ khi bỗng dưng

mây ở đâu ủa đến chắn hết vầng dương, và đâu đó, âm thanh tích tắc vang lên mà ta chẳng biết là gì.

“Ba mươi chín độ C?” Rachel hỏi. “Chúa ơi, Lou! Anh chắc chứ?”

“Thằng bé bị nhiễm virus,” Louis đáp. Anh cố không để giọng nói gần như trách cứ của Rachel nghiêng vào tai. Cô đang mệt. Ngày hôm nay quả là một ngày dài với cô, cô bay cả nửa đất nước cùng hai đứa con, đã mười một giờ đêm mà ngày còn chưa kết thúc. Ellie đang ngủ say trong phòng. Gage nằm trên giường của hai vợ chồng trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê. Louis cho con trai uống Liquiprin vào một tiếng trước. “Đến sáng là aspirin sẽ giúp con hạ sốt, em ạ.”

“Anh không định cho con uống thêm ampicillin hay gì sao?”

Louis kiên nhẫn giải thích, “Nếu con mình bị cúm hay viêm họng do liên cầu khuẩn, anh sẽ cho con dùng. Nhưng thằng bé không bị loại này mà là nhiễm virus, thuốc không có tác dụng gì với virus đâu. Nó chỉ khiến thằng bé đi cầu và lại càng mất nước thôi.”

“Anh có chắc đó là virus không?”

“Chắc, nếu em muốn hỏi thêm bác sĩ khác thì cứ việc,” Louis bật lại.

“Việc gì anh phải hét lên với em như thế!” Rachel gào lên.

“Anh có hét đâu!” Louis lớn tiếng đáp.

“Anh có,” Rachel bắt đầu, “anh đã h-h-hét...” Miệng cô run rẩy, cô phải đưa tay lên mặt. Trông thấy bóng mắt nâu xám sâu hoắm dưới mắt vợ, Louis chợt cảm thấy xấu hổ khủng khiếp.

“Anh xin lỗi,” anh nói rồi ngồi xuống cạnh cô. “Chúa ơi, anh không biết anh giờ chứng gì nữa. Anh thành thật xin lỗi, Rachel ạ.”

“Không phàn nàn, không giải thích,” cô nói và mỉm cười mệt mỏi. “Có lần anh bảo em thế còn gì? Chuyển đi cực quá. Và em sợ anh sẽ nổi trận lôi đình khi nhìn vào ngăn kéo quần áo của Gage. Em nghĩ có lẽ em nên thú thật với anh lúc này, trong lúc anh đang mềm lòng với em.”

“Nổi trận lôi đình gì kia?”

Cô cười yếu ớt. “Bố mẹ em mua cho thằng bé mười bộ đồ mới. Hôm nay, con mặc một trong số chúng đấy.”

“Anh cũng để ý con mặc đồ mới,” anh gọn lỏn.

“Em biết anh để ý mà,” cô đáp và cau mày làm mặt xấu khiến anh phì cười, dù anh chẳng có tâm trạng cười chút nào. “Và sáu chiếc váy mới cho Ellie.”

“Sáu cái váy!” Anh nói, chặt vật mãi mới không gào lên. Bỗng dưng anh thấy phần nộ – phần nộ đến điên người và tổn thương không tài nào lý giải. “Rachel, tại sao? Sao em lại để ông ấy làm thế. Mình không cần... mình có thể mua...”

Anh bỏ lửng. Cơn giận khiến anh không nói nổi thành lời, trong một khắc, anh trông thấy hình ảnh bản thân xách xác con mèo của Ellie đi qua khu rừng, chuyển túi nhựa từ tay này sang tay kia... trong lúc đó, lão già chết dịch Irwin Goldman của Lake Forest lại khôn lỏi mua chuộc con gái anh bằng cách xuất chiêu cuốn sổ séc đăng cấp thế giới cùng cây bút máy nổi tiếng thế gian.

Suýt chút nữa, anh cảm thấy mình đã chực thét lên: *Ông ta mua cho con bé sáu cái váy, còn tôi đã đưa con mèo chết toi của nó từ cũi chết trở về đây, thế ai thương nó hơn?*

Anh gằn những lời ấy xuống. Không đời nào anh có thể thốt ra. Không bao giờ.

Cô khẽ chạm vào cổ anh. “Louis,” cô ôn tồn. “Là cả hai cụ cùng mua. Em xin anh, hãy thử nhìn một lần. Xin anh đấy. Hai ông bà thương cháu, mà chẳng mấy khi được gặp. Bố mẹ em đang già đi. Louis, anh sẽ khó lòng nhận ra bố em. Em nói thật đấy.”

“Không nhận ra mới lạ,” Louis lầm bầm.

“Em xin anh. Anh hãy thử nhìn một lần. Hãy thử mở lòng. Như thế chẳng khiến anh mất mát tổn thương gì.”

Anh đau đáu nhìn cô. “Có đấy,” đoạn anh lên tiếng. “Đáng lý không có, nhưng lại có đấy.”

Cô mở miệng toan trả lời, nhưng đúng lúc đó, Ellie ré lên từ phòng riêng: “*Bố ơi! Mẹ ơi! Có ai không!*”

Rachel đứng dậy nhưng Louis kéo cô ngồi lại. “Em ở lại với Gage đi. Anh qua xem.” Anh nghĩ anh biết vấn đề là gì. Nhưng anh đã để con mèo ở ngoài rồi mà, mẹ kiếp; sau khi Ellie vào giường, anh nhìn thấy nó ở trong bếp ngủi ngủi đĩa thức ăn của nó nên đã tống cổ con mèo ra ngoài. Anh không muốn nó ngủ với cô bé. Từ nay về sau khi không. Những lo nghĩ về bệnh tật đan xen với ký ức về nhà tang lễ của cậu Carl hiện lên trong đầu khi anh nghĩ đến chuyện Church ngủ trên giường Ellie.

Con bé sẽ phát hiện có điều gì đó không ổn và Church đã xuống cấp so với ngày xưa.

Rõ ràng anh đã tổng khú con mèo ra ngoài, thế mà khi anh bước vào, Ellie ngồi trên giường, lơ mơ ngái ngủ, còn Church thì nằm ườn trên khăn trải giường, trông chẳng khác nào con dơi. Mặt nó theo lảo, mơ màng ngu ngơ dưới ánh đèn hắt từ hành lang.

“Bố ơi, bố đem nó ra ngoài đi,” Ellie gần như rên rỉ. “Nó hơi không chịu được.”

“Suyt, Ellie, đi ngủ đi,” Louis nói, tự thấy bất ngờ với giọng nói của chính mình. Nó gợi cho anh nhớ đến buổi sáng sau lần anh mộng du, sau khi Pascow qua đời. Tối bệnh xá, anh vội vã vào nhà vệ sinh để xem bộ dạng mình trong gương, bởi anh dám chắc trông anh tàn tạ lắm. Thế mà trông anh ổn ra phết. Đủ khiến anh tự hỏi bao nhiêu người ngoài kia đang đi đi lại lại với những bí mật khủng khiếp dồn nén bên trong.

Mà đây còn chẳng phải bí mật, mẹ kiếp! Chỉ là một con mèo thôi!

Nhưng Ellie nói đúng. Nó hơi đến điếc cả mũi.

Anh đưa con mèo ra khỏi phòng cô bé và bế nó xuống tầng dưới, cố thở bằng đường miệng. Có những thứ mùi hơi hám hơn; nói thẳng ra thì mùi phân xú ối hơn nhiều. Một tháng trước, họ hút bể phốt, và ông Jud đã phải thốt lên lúc ông đi qua để xem Cha con nhà Puffer bơm bể phốt, “Chẳng phải nước hoa Chanel Số Năm, Louis nhỉ?” Mùi vết thương bị hoại tử – ông bác sĩ Bracermunn ở trường y hay gọi nó là “thịt nóng” – cũng tệ hơn. Ngay cả mùi từ bộ lọc khí thải của chiếc Civic khi nó nằm phủ bụi trong ga ra một thời gian dài cũng hơi hơn.

Nhưng thứ mùi này thuộc dạng hôi khủng khiếp chứ chẳng vừa, Mà con mèo vào bằng cách nào kia chứ? Trước đó, anh đã để nó ở ngoài, anh dùng cây chổi hất nó ra trong lúc ba thành viên trong gia đình nhà anh ở tầng trên. Đây là lần đầu tiên anh thực sự ôm con mèo kể từ ngày nó sống dậy, tức gần một tuần trước. Nó nóng rẫy trong tay anh, như một thứ bệnh tật âm ỉ, và Louis tự hỏi: *Mày tìm được lỗ nào để chui rúc vậy, đồ quỷ sứ.*

Anh chợt nghĩ về giấc mơ đêm đó – Pascow đi xuyên qua cánh cửa giữa nhà bếp và ga ra.

Có thể chẳng có lỗ nào. Có thể nó đi xuyên qua cửa như u linh.

“Bó tay,” anh thì thầm lớn tiếng, và giọng anh hơi khàn.

Louis cứ tưởng con mèo sẽ ngo nguậy trong tay rồi cào cào anh. Thế mà Church chỉ như tượng, tỏa ra thứ nhiệt ngu độn và mùi hôi dơ dáy, nhìn chăm chăm vào mặt Louis như thể đọc được suy nghĩ đằng sau đôi mắt anh.

Anh mở cửa, thả con mèo vào ga ra hơi mạnh tay. “Đi đi,” anh nói. “Giết thêm con chuột hay gì đi.”

Church đáp xuống lão đảo, hai chân sau co lại rồi sụp xuống. Chừng như nó bắn cho Louis một ánh nhìn đầy căm ghét gớm guốc xanh lè. Đoạn nó loạng choạng bước đi khuất dạng.

Chúa ơi, ông Jud, anh nghĩ, nhưng ước gì ông đã không nói ra.

Anh bước đến bồn rửa chén chà thật mạnh cánh tay như thể rửa tay trước khi phẫu thuật. *Chúng ta làm điều đó vì nó chi phối chúng ta... Ta bịa ra lý do... tưởng chừng lý do ấy là tốt... nhưng đa phần ta làm vậy vì ta đã từng đến đó, nó là nơi của ta, còn ta thuộc về nó... và ta sẽ tự huyễn hoặc bằng lý do thơm tho nhất trần đời...*

Không, anh không thể đổ lỗi cho ông Jud. Anh đã chọn lựa đi theo ông, nên anh không thể đổ lỗi.

Anh tắt nước, lau khô hai tay. Bỗng dưng khăn lau khựng lại, còn anh nhìn thẳng về phía trước, ra ngoài không gian tối tăm bên ngoài khung cửa sổ phía trên bồn rửa chén.

Vậy có nghĩa nơi đó giờ cũng là chỗ của mình sao? Nó cũng thuộc về mình rồi ư?

Không. Nếu mình không muốn thì không có chuyện đó.

Anh vắt khăn lên giá rồi lên tầng trên.

Rachel đang nằm trên giường, chần kéo lên tận cằm, Gage nằm gọn bên cạnh. Cô nhìn Louis vẻ ngại ngùng. “Anh có phiền không? Chỉ đêm nay thôi? Để con nằm cạnh em thấy an tâm hơn. Thằng bé nóng quá.”

“Không,” Louis nói. “Có phiền gì đâu. Để anh lôi thêm giường gấp tầng dưới ra ngủ.”

“Anh thật sự không phiền chứ?”

“Không mà. Không hại gì cho Gage, chưa kể em an tâm hơn.” Anh ngưng lại rồi mỉm cười. “Có điều em sẽ bị lây virus của con đấy. Đảm bảo là thế. Nhưng anh nghĩ điều đó cũng chẳng thay đổi quyết định của em nhỉ?”

Cổ mỉm cười lắc đầu. “Ellie gọi vì chuyện gì thế?”

“Church ấy mà. Con bé nhờ anh đem Church ra chỗ khác.”

“*Ellie* mà muốn đưa Church ra chỗ khác sao? Mặt trời mọc đằng tây à”

“Phải,” Louis gật gù rồi nói thêm: “Con bé bảo nó hôi quá, mà anh cũng thấy nó có mùi thật. Chắc nó lăn lộn trong đồng phân vi sinh nhà ai đó.”

“Tệ quá nhỉ,” Rachel nói rồi lăn sang phía giường của mình. “Em thấy Ellie nhớ Church nhiều như con bé nhớ anh vậy.”

“Vậy à,” Louis đáp. Anh cúi người khẽ trao cho cô nụ hôn. “Ngủ thôi, Rachel.”

“Em yêu anh, Lou. Được về nhà vui quá. Em xin lỗi đã để anh ngủ ngoài ghế bành. Tối mai mình bày trò gì với nhau nhé? Mây mưa chẳng hạn?”

“Đồng ý,” nói rồi tắt đèn.

Xuống dưới lầu, anh chồng nệm thành đống, lôi giường gấp ra rồi cố gắng chuẩn bị tinh thần cho một đêm chịu thanh trụ bên dưới lớp đệm mỏng đâm vào thắt lưng. Chí ít thì giường cũng được phủ khăn; anh sẽ không phải dọn từ đầu. Louis lấy hai tấm chăn từ kệ trên cùng trong tủ ngoài hành lang đằng trước rồi trải lên giường. Anh cởi đồ rồi chột khựng lại.

Mày nghĩ nó lại vào nhà à? Hay lắm. Đi một vòng quanh nhà mà xem. Như mày đã bảo với Rachel đấy, có mất mát gì đâu. Thậm chí còn tốt nữa kìa. Và kiểm tra để chắc chắn cửa đóng then cài đầy đủ cũng chẳng khiến mày dính virus được.

Anh đi vòng quanh toàn bộ khu vực tầng dưới, kiểm tra khóa cửa và cửa sổ. Ngay lần đầu tiên mà đã ổn thỏa, chẳng thấy bóng dáng của Church đâu.

“Đấy,” anh nói. “Để xem tới nay mày vào như thế nào, con mèo ngu ngốc.” Dứt lời, anh thầm ước trong đầu rằng Church sẽ cóng đến đông cả hai hòn ngoài kia. Có điều tất nhiên Church chẳng còn hòn nào.

Anh tắt đèn, chui vào giường. Gần như ngay lập tức, thanh trụ bắt đầu ép vào lưng, Louis thậm chí nhủ khéo có khi anh chỉ

ngủ được một chút rồi thao láo nửa buổi cho mà xem. Anh chìm vào giấc ngủ trong tư thế nghiêng người đầy khó chịu trên giường gấp, nhưng khi tỉnh dậy, anh đang...

...trong khu đất chôn cất cách Nghĩa địa Thú cưng một đoạn. Lần này, anh đi một mình. Lần này, anh đã giết Church rồi chẳng biết vì lý do gì, anh lại quyết định cho nó trở về từ cõi chết lần nữa. Chúa biết nguyên nhân: còn Louis thì không. Nhưng lần này, anh chôn Church sâu hơn, và Church không tự đào để thoát ra được. Louis có thể nghe thấy tiếng con mèo kêu gào đâu đó dưới lòng đất, nghe như tiếng trẻ con khóc. Âm thanh vang lên qua những lỗ rỗng trên mặt đất, qua phần thịt cứng như đá; âm thanh và thứ mùi hôi hám, ngai ngái đến phát bệnh của thối rữa và hỏng nát. Chỉ hít vào đã đủ khiến ngực anh nặng nề, tựa như có hòn đá tảng đè bên trên.

Tiếng khóc... tiếng khóc...

... tiếng khóc vẫn tiếp tục... ..

...và hòn đá tảng vẫn đè lên ngực anh.

"Louis!" Là tiếng của Rachel, giọng cô có vẻ rất lo lắng.
"Louis, anh lên đây được không?"

Giọng cô không chỉ lo lắng mà còn đượm sợ hãi, tiếng khóc có vẻ nghèn nghẹt, bất lực. Là tiếng của Gage.

Anh mở bừng mắt thì thứ hiện ra là cặp người vàng xanh của Church. Chúng chỉ cách anh chưa tới chục phân. Con mèo đang nằm trên ngực anh, cuộn tròn như câu chuyện ma quái dân gian về việc con mèo đánh cắp hơi thở của trẻ con. Thứ mùi hôi hám tỏa ra từ nó thành những đợt sóng chậm rãi, độc hại. Nó rên lên rừ rừ.

Louis bắt giắc thốt lên đầy kinh tởm và bất ngờ. Anh vung tay về phía trước gạt con mèo đi theo bản năng. Church bị hất khỏi giường, đập hông xuống sàn rồi loạn choạng nghiêng ngả bỏ đi.

Chúa ơi! Chúa ơi! Nó nằm trên người mình! Ôi Chúa ơi, nó nằm ngay trên người mình!

Cảm giác ghê tởm của anh không thua gì ngủ dậy mà thấy nhện trong miệng. Trong một khắc, anh còn tưởng mình sắp mửa đến nơi.

“Louis!”

Anh gạt chần ra rồi lảo đảo bước đến cầu thang. Ánh đèn mờ mờ hắt ra từ phòng ngủ của hai vợ chồng. Rachel đang đứng ngay đầu cầu thang trong bộ váy ngủ.

“Louis, thằng bé lại ới rồi... còn bị sặc bãi nôn nữa... Em sợ quá.”

“Anh đây,” anh nói rồi bước đến chỗ vợ, trong đầu quay cuồng: *Nó vào được trong nhà. Không biết bằng cách nào mà nó lại vào được. Có thể là từ tầng hầm. Chắc có cửa sổ bị bể dưới hầm. Đúng vậy, hẳn là do cửa sổ dưới đó bể rồi đây. Ngày mai, lúc về nhà, mình phải kiểm tra mới được. Không, lo liệu trước khi đi làm luôn. Mình sẽ...*

Gage ngưng khóc nhưng lại bắt đầu phát ra những âm thanh ngạt thở, hồng hộc rợn người.

“Louis!” Rachel hét lên.

Louis học tốc chạy lên. Gage đang nằm nghiêng, dịch nôn rỉ rỉ chảy từ miệng xuống khăn tắm cũ Rachel trải bên cạnh. Đúng

là cậu bé bị nôn nhưng nôn chưa hết. Đa phần dịch nôn vẫn còn bên trong, và mặt Gage tím tái do bắt đầu bị ngạt.

Louis xốc con lên, lơ mờ ý thức nách cậu bé nóng rẫy như than dưới làn vải của bộ đồ liền thân, đoạn đặt con lên vai như động tác vỗ để làm trẻ con hết trớ. Đoạn Louis giật ngửa người ra sau, kéo theo Gage chuyển động. Cổ Gage giật tới. Cậu bé phát ra tiếng ho rõ to, không giống ợ hơi cho lắm, đoạn một bãi nôn khá đặc phọt ra từ miệng, bắn lên cửa và ngăn tủ. Gage bắt đầu khóc trở lại, tiếng khóc âm ỉ, đều đặn chẳng khác nào tiếng nhạc trong tai Louis. Bởi để khóc được như vậy, cậu bé phải có nguồn cung oxy không giới hạn.

Rachel bủn rủn chân tay, ngồi thụp xuống giường, hai tay ôm đầu. Người run lên bần bật.

“Thằng bé suýt nữa thì chết phải không, Louis? Thằng bé suýt nữa thì ng-ng-ng... ôi Chúa ơi...”

Louis bế con trong vòng tay và đi lại quanh phòng. Tiếng khóc của Gage đã giảm thành tiếng thút thít; chưa gì cậu bé đã dần chìm vào giấc ngủ.

“Tỷ lệ năm mươi trên một là thằng bé có thể tự ói ra Rachel ạ. Anh chỉ phụ con một tay thôi.”

“Nhưng thằng bé đã suýt soát,” cô nói. Cô ngược nhìn anh trân trân, đôi mắt với giác mạc rìa trắng đầy choáng váng và nghi ngờ. “Louis, suýt chút nữa thôi.”

Chợt anh nhớ lại cái lần cô xa xả hét vào mặt anh trong căn bếp đầy nắng: *Nó sẽ không CHẾT, không ai CHẾT ở đây cả...*

“Em yêu,” Louis ôn tồn, “chúng ta ai cũng suýt soát bờ vực. Lúc nào cũng thế.”

Nguyên nhân gây ra lần nôn sặc vừa rồi của cậu bé khả năng cao là do sữa. Vợ anh kể Gage thức giấc tầm nửa đêm, chùng một tiếng sau khi Louis đi ngủ, ôm tởi “khóc đòi ăn,” nên Rachel cho con bình bú. Cô lơ mơ ngủ quên trong lúc cậu bé vẫn đang bú. Chùng một tiếng sau, lời nguyên bị ghen bắt đầu phát tác.

“Không cho uống sữa nữa nhé,” Louis nói, Rachel đồng tình với vẻ ngại ngẩn. Không cho uống thêm sữa nữa.

Khoảng hai giờ mười lăm phút sáng, Louis xuống lầu và săn tìm con mèo chừng mười lăm phút. Trong lúc tìm kiếm, anh phát hiện cánh cửa nối giữa nhà bếp và tầng hầm mở hé, đúng như anh nghi ngờ. Anh nhớ ngày xưa mẹ từng kể chuyện con mèo học cách dùng chân gạt chốt cửa cũ, giống như chốt cửa tầng hầm nhà anh. Bà mô tả con mèo chỉ cần trèo lên thành cửa, dùng chân đập vào chốt cửa cho tới khi cửa mở ra. *Trò này hay đấy*, Louis nghĩ, nhưng đừng hòng anh để cho Church thực hiện nhiều lần. Được cái trên cửa tầng hầm còn có ổ khóa. Phát hiện Church mơ màng nằm trên bếp lò, anh thẳng tay ném nó ra ngoài cửa chính. Trên đường đến giường xếp, anh đóng cửa tầng hầm.

Lần này anh khóa chốt.

Sáng ra, thân nhiệt của Gage gần như đã bình thường trở lại. Hai bên má cậu bé nứt nẻ nhưng đôi mắt sáng rõ và tâm trạng như chín tầng mây. Trong vòng một tuần, những lời bí bô bập bõm vô nghĩa của cậu bé đã biến thành chuỗi câu từ hân hoan; cậu bắt chước gần như mọi thứ cả nhà nói. Và từ mà Ellie muốn em trai mình nói là *cút*.

“Nói cút, Gage,” Ellie láo nháo bên tô yến mạch.

“Cút – Gage,” Gage vui vẻ đáp lại cạnh tô ngũ cốc của mình. Louis chỉ cho phép con mình ăn ngũ cốc với điều kiện Gage dùng ít đường. Và như thường lệ, cậu bé ăn thì ít, bôi trét thì nhiều.

Ellie cười khúc khích.

“Nói rắm đi, Gage,” cô bé khơi gợi.

“Rắm đi, Gage,” Gage nói, toét miệng cười với yến mạch nhoe nhoét trên mặt. “Rắm và cút.”

Ellie và Louis phá lên cười ha hả. Không cười mới là nhiệm vụ bất khả thi.

Rachel thì không vui thú cho lắm. “Mới sáng ngày ra đã nói năng bậy bạ rồi,” cô nói rồi đưa cho Louis món trứng.

“Rầm và cút và cút và rầm,” Gage hò reo, Ellie phải giơ tay lên để che đi tiếng cười nắc nẻ. Môi của Rachel cũng khẽ cong lên, và Louis thậm chí nghĩ trông cô một trăm phần trăm khỏe khoắn hơn dù hôm qua không được nghỉ ngơi trọn vẹn. Anh đoán phần lớn là vì cô thấy nhẹ nhõm. Tình trạng của Gage đã ổn hơn, còn cô thì đang ở nhà.

“Đừng nói vậy, Gage,” Rachel bảo con.

“Đẹp,” Gage thay đổi không khí bằng từ mới, đoạn nôn thốc nên tháo ngũ cốc mình vừa ăn vào tô.

“Eo ôi, gớm quá!” Ellie la làng rồi bỏ chạy khỏi bàn.

Đến đây thì Louis cười ha hả. Anh không nhịn nổi nữa. Anh cười chảy cả nước mắt, rồi chảy nước mắt cho đến khi cười trở lại. Rachel và Gage ngẩn ra nhìn anh như thể anh đã phát điên.

Không, Louis có thể nói với hai mẹ con. Anh đã phát điên, nhưng anh nghĩ anh sắp ổn trở lại rồi. Anh thật sự nghĩ thế.

Anh không biết mọi thứ đã qua kết thúc chưa, nhưng anh có cảm giác nó đã kết thúc; có lẽ thế là đủ rồi.

Và thật là vậy, nó tạm kết thúc một thời gian.

Gage bị sốt virus trong một tuần rồi khỏi. Một tuần sau, cậu bé bị viêm phế quản. Ellie cũng dính bệnh, sau đó là Rachel; khoảng thời gian trước Giáng sinh, cả ba mẹ con khò khè như những chú chó săn già khụ và hom hem. May mà Louis không bị lây, xem ra Rachel ghen tị với chồng ra mặt.

Tuần cuối học kỳ ở trường đại học là một tuần đầu tắt mặt tối với Louis, Steve, Surrendra và Charlton. Dịch cúm không hoành hành – chí ít là chưa – nhưng có rất nhiều ca viêm phế quản, một số ca mắc bệnh bạch cầu đơn nhân nhiễm trùng và viêm phổi nhẹ. Hai ngày trước kì nghỉ Giáng sinh, sáu cậu sinh viên điệu bộ ăn chơi trác táng xỉn quắc cần câu rên la được bạn bè lo lắng đưa vào bệnh xá. Ban đầu, tình hình rối ren gợi nhớ lại vụ việc Pascow trước đây. Hóa ra đầu đuôi sự việc là sáu tên trời đánh thánh vật này chen chúc trên một máng trượt tuyết chiều dài trung bình (kể thứ sáu ngồi lên vai người ngồi cuối, theo như những thông tin Louis có thể chấp nối lại) rồi hô hào phi máng trượt xuống ngọn đồi phía trên Nhà Máy Hơi Nước. Vui quá mạng. Chỉ có điều, sau khi tăng tốc, chiếc máng bắt đầu chạy chệch hướng rồi tông đánh rầm vào khẩu súng thần công thời Nội Chiến. Tỷ gãy hai cánh tay, một cổ tay, bảy xương

sườn, một ca chấn thương sọ não nhẹ cùng vô số vết bầm tím. Riêng cậu thanh niên ngồi lên vai số là người cuối cùng thoát nạn mà không sút mẻ gì. Khi máng trượt tuyết va chạm vào khẩu súng, cậu thanh niên may mắn này bay vèo qua súng rồi cắm đầu vào ụ tuyết. Dọn dẹp bãi chiến trường la liệt không vui chút nào, và Louis đã sạc cả đám một trận nên thân trong lúc vừa khâu vết thương, vừa băng bó, vừa sẫm soi nhìn vào đồng tử mắt, nhưng lúc sau, khi kể với Rachel, anh cười lăn cười bò đến độ chảy cả nước mắt. Rachel nhìn anh với ánh mắt nghi ngại, chẳng hiểu có gì vui đến thế, mà Louis cũng không thể nói với cô: sự kiện ấy quả là một tai nạn ngu xuẩn, có người đã bị thương, nhưng họ đều toàn mạng trở về. Chết chửa trong tiếng cười là sự nhẹ nhõm, và còn có cả chiến thắng – hôm nay thắng được một trận, Louis nghĩ.

Các ca viêm phế quản trong gia đình anh bắt đầu bình phục vào khoảng thời gian trường Ellie cho học sinh nghỉ lễ vào ngày 16 tháng Mười hai, và cả bốn thành viên quyết định ăn mừng một Giáng sinh đầm ấm, quây quần bên nhau theo kiểu truyền thống. Mới ngày nào, vào tháng Tám, khi họ đánh xe vào lối đi, căn nhà ở Bắc Ludlow này còn xa lạ đến thế (xa lạ và có phần thù địch, Ellie bị ngã rách đầu gối còn Gage bị ong chích gần như cùng lúc), nhưng giờ thì căn nhà lại thân thương vô cùng.

Đêm Giáng sinh, sau khi đám trẻ đã chìm vào giấc ngủ, Louis và Rachel lén lút trèo từ tầng áp mái xuống tầng dưới như trộm, tay ôm đầy những hộp quà rực rỡ sắc màu – một hộp xe đua Matchbox cho Gage, bởi gần đây cậu bé tìm được niềm vui với xe đồ chơi, một cặp búp bê Barbie và Kent cho Ellie, một

Turn 'n Go, một xe ba bánh cỡ lớn, quần áo cho búp bê, bếp lò đồ chơi có cả ngọn đèn bên cùng nhiều món khác.

Hai vợ chồng ngồi cạnh nhau trong ánh đèn từ cây thông, loạt soạt bày biện các món đồ, Rachel trong bộ đồ mặc ở nhà bằng lụa, còn Louis khoác áo choàng mặc trong nhà. Đây là buổi tối dễ chịu nhất anh từng cảm nhận. Trong lò sưởi bùng lửa, và thỉnh thoảng, một trong hai người sẽ đứng dậy, ném một mẩu cây cáng lò vào.

Lúc nọ, Winston Churchill cọ vào người Louis, anh bèn đẩy con mèo ra với cảm giác chán ghét vô thức trào lên – cái mùi thật kinh khủng. Lát sau, anh trông thấy Church mon men ngồi xuống cạnh chân Rachel, cô cũng đẩy nó ra và cúi kính nói “Đi ra chỗ khác!”. Louis thấy vợ mình chà xát lòng bàn tay lên lần lụa trên đùi, cách ta hay làm khi cảm thấy chạm phải thứ gì đó gớm ghiếc và dơ dáy. Anh đoán khéo có khi Rachel còn chẳng hề hay biết mình vừa làm vậy.

Church bèn bước đến sàn gạch lò sưởi rồi đổ rạp người xuống trước ngọn lửa đầy khiếm nhã. Mà có lẽ giờ con mèo chẳng còn nét duyên dáng như xưa nữa rồi; nó đã đánh mất tất cả vào cái đêm Louis không cho phép bản thân ngấm lại. Nhưng đó chưa phải là tất cả, nó còn đánh mất một thứ khác. Louis lơ mơ ý thức được nhưng phải mất cả tháng trời anh mới định được chính xác. Con mèo không bao giờ rên nữa, dù trước đây nó sở hữu bộ máy âm lượng chẳng ai bằng, đặc biệt là khi ngủ. Có những đêm anh phải tỉnh dậy đi đóng cửa phòng Ellie mới ngủ nổi.

Vậy mà hiện tại, con mèo ngủ li bì. Ngủ như chết.

Không, anh tự nhắc nhở bản thân, có một ngoại lệ. Cái đêm anh tỉnh giấc trên giường xếp và bắt gặp Church nằm cuộn tròn trên ngực anh như tấm chăn hơi ấm... đêm đó, Church đã rên hừ hừ. Hoặc chí ít là nó đã tạo ra tiếng động.

Nhưng như những gì ông Jud Crandall biết – hoặc đoán – không phải chỉ có chuyện xui rủi xảy ra. Louis phát hiện có một ô cửa sổ bị bể dưới tầng hầm đằng sau lò sưởi, và khi thợ kính đến sửa, cả nhà anh đã tiết kiệm được cả đồng tiền từ dầu đốt bị phí phạm. Nhờ con mèo mà anh mới chú ý đến ô cửa kính bị vỡ, nếu không có khi vài tuần, thậm chí hàng tháng trời, anh cũng chẳng hề hay biết, anh đoán mình nợ Church một lời cảm ơn đầy chữ.

Ellie không còn thích cho Church ngủ chung với mình nữa, sự thật là thế, nhưng thỉnh thoảng, lúc xem ti vi, cô bé vẫn để con mèo nhảy vào lòng mình và đánh một giấc (nhưng đồng thời, anh thầm nghĩ trong lúc lục lọi túi các bộ phận bằng nhựa để xếp chiếc BatCycle của Ellie, chỉ sau vài phút, cô bé sẽ đẩy nó xuống rồi xua đi, “Ra chỗ khác đi Church, mày hơi quá!”); cô bé vẫn ân cần cho nó ăn đầy đủ, đến cả Gage thỉnh thoảng cũng hay giật đuôi Church... Louis dám chắc cậu bé thương nên mới giật chứ không có ác ý gì; cậu bé như chú tiểu đang giật sợi dây lông lá rung chuông. Những lúc đó, Church lại uể oải bò xuống dưới một trong những máy sưởi để Gage không với tới.

Nếu là chó, có lẽ cả nhà đã để ý thấy nhiều điểm khác biệt hơn, Louis thầm nghĩ, còn mèo là loài động vật quá độc lập. Độc lập và kỳ lạ. Thậm chí dị thường. Anh chẳng hề bất ngờ khi thấy các vị hoàng hậu và pharaoh Ai Cập cổ đại lại muốn ướp xác mèo

mình nuôi rồi nhét vào ngôi mộ hình tam giác để chúng dẫn dắt linh hồn họ sang thế giới bên kia. Tóm lại, mèo vốn là loài dị biệt.

“Chỉ huy xoay xở với chiếc xe Bat-Cycle thế nào rồi?”

Anh giờ cho cô xem thành phẩm. “Ta-da!”

Rachel chỉ vào túi, bên trong vẫn còn ba hay bốn bộ phận bằng nhựa nữa. “Còn những miếng kia thì sao anh?”

“Đồ thay thế ấy mà,” Louis đáp, mỉm cười dè dặt.

“Mong rằng đó chỉ là đồ thay thế. Lỡ con làm gãy cổ xe mảnh mai kia ấy chứ.”

“Đó là chuyện sau này,” Louis làm ra vẻ hiểm ác. “Khi con bé lên mười hai và tinh tướng trên chiếc ván trượt mới toanh.”

Cô càu nhàu. “Anh đó nhé, làm bác sĩ mà không có tâm!”

Louis đứng dậy, đặt tay ra phần xương cụt sau lưng rồi vặn vẹo xoay người. Xương sống của anh kêu răng rắc. “Tất cả đồ chơi rồi đây.”

“Và đều lắp ráp xong cả rồi. Anh nhớ năm ngoái không?” Cô khúc khích, Louis cũng cười theo. Năm ngoái, tưởng chừng mọi món quà họ mua đều phải trải qua công đoạn lắp ráp, thành ra hai vợ chồng đã phải thức đến gần bốn giờ sáng ngày Giáng sinh để làm, đến lúc làm xong, cả hai đều cáu bẳn và bực bội. Thế mà đến tầm chiều Giáng sinh, Ellie lại quyết định đóng hộp giấy vui hơn đồ chơi.

“Gớm quá!” Louis nói, bắt chước Ellie.

“Chà, mình vào giường thôi nào,” Rachel úp mồm, “và em sẽ tặng quà sớm cho anh.”

“Thưa nàng” Louis nói, vươn người đứng thẳng, “theo luật nó thuộc về ta.”

“Anh đừng nằm mơ,” cô nói rồi bụm miệng cười. Phút giây ấy, trông cô giống Ellie kinh khủng... giống cả Gage nữa.

“Đợi anh một phút,” anh nói. “Anh có một việc phải làm.”

Anh vội vàng bước ra tủ sảnh trước và mang bột vào. Đoạn anh gỡ màn chống nóng trước ngọn lửa đang dần tắt.

“Louis, anh làm...”

“Tù tù rồi thấy.”

Phía bên trái lò sưởi, ngọn lửa đã tắt hẳn, chỉ còn lớp tro xám dày cui. Louis giậm bột vào tro, để lại một vết thật sâu. Đoạn anh nện bột xuống những viên gạch bên ngoài, dùng nó như con dấu bằng cao su khổng lồ.

“Đấy,” anh nói sau khi cất chiếc bột vào tủ. “Em thấy ổn không?”

Số là trong hai tuần cuối ở trường mầm non, Ellie nghe các bạn lo lắng đồn âm lên rằng thật ra ông già Noel chỉ là bố mẹ của mình mà thôi. Ý tưởng này lại càng được củng cố sau khi Ellie liếc thấy một ông già Noel hơi mình hạc xương mai ở quầy kem Deering trong Trung tâm thương mại Bangor chừng vài ngày trước. Ông già Noel này đang ngồi trên ghế đẩu ở quầy, bộ râu kéo hẳn sang một bên để tiện gặm bánh burger phô mai. Điều này khiến Ellie sốt ruột ra mặt (hình như nguyên nhân là do chiếc bánh burger phô mai nhiều hơn là bộ râu già), dù Rachel đã trấn an con gái rằng những ông già Noel ở trung tâm thương mại và của đội Cứu Thế Quân chỉ là “người phụ giúp” do ông già Noel thực sự cử đi, bởi ông bận rộn kiểm tra kho quà

tặng của mình và đọc những lá thư mà các em nhỏ gửi sát nút lên phương Bắc, làm gì có thời gian lượn quanh thế giới để quảng bá thương hiệu kia chứ.

Louis cẩn thận đặt màn chống nóng trở lại. Giờ thì đã có hai vết giày boot rất rõ trong lò sưởi, một vết trong đồng tro, vết còn lại trên phần gạch bên ngoài. Cả hai đều chĩa về phía cây thông Noel, như thể ông già Noel đã đáp đất bằng một chân rồi ngay lập tức bước ra ngoài để đặt những món quà trao cho nhà Creed. Ảo ảnh quá sức hoàn hảo, trừ khi ta để ý cả hai vết chân đều là chân trái... nhưng Louis nghĩ Ellie chẳng có tài phân tích đến thế.

“Louis Creed, em yêu anh,” Rachel thủ thỉ rồi hôn anh.

“Em chọn đăng phu quân chuẩn lắm, em yêu,” Louis nói, nở nụ cười dịu hiền. “Ở bên anh và anh sẽ biến em thành ngôi sao.”

“Chắc chắn là anh làm được.”

Họ tiến về phía cầu thang. Anh chỉ về phía bàn chơi bài mà Ellie dựng ngay trước ti vi. Bên trên vẫn còn mấy chiếc bánh quy yến mạch và hai bánh Ring-Ding. Ngoài ra còn một lon bia Micheloe. Bên trên dán mẫu giấy để TẶNG ÔNG GIÀ NO EN bằng những con chữ thật to, mảnh như que củi của Ellie. “Em muốn ăn bánh quy hay Ring-Ding”

“Ring-Ding,” cô đáp rồi ăn nửa cái. Louis khui lon bia rồi uống một nửa.

“Uống bia trẻ thế này thế nào anh cũng bị khó tiêu,” anh nói.

“Chết thật,” cô hài hước nói. “Đi nào, bác sĩ.”

Vừa đặt lon bia xuống, bất thành linh, Louis mò tay vào túi áo như thể anh đã quên bằng mất điều gì đó – dù anh vẫn ý thức

được cái gói nhỏ nặng nặng cả buổi tối.

“Đây,” anh dịu dàng. “Tặng em. Em mở ra xem đi. Qua nửa đêm rồi mà. Giáng sinh vui vẻ nhé, vợ yêu.”

Cô xoay chiếc hộp bé xíu bọc trong giấy bạc, thắt chiếc nơ sa tanh thật to màu xanh. “Louis, gì thế anh?”

Anh nhún vai. “Xà phòng. Mẫu dầu gội. Anh quên mất rồi.”

Đứng giữa cầu thang, cô mở hộp, để rồi hiện ra trước mắt là chiếc hộp Tiffany khiến cô bất giác ré lên. Cô lôi lớp bông ra rồi cứ thế ngẩn ngơ, miệng khẽ há hốc.

“Em thấy sao?” Anh lo lắng hỏi. Chưa bao giờ mua cho cô món đồ trang sức nào nên anh có phần căng thẳng. “Em thích chứ?”

Cô lấy món quà ra, đặt sợi dây chuyền vàng tinh xảo lên những ngón tay khum khum rồi giơ viên ngọc bích lên ngọn đèn hành lang. Nó chậm rãi đung đưa, tỏa ra những tia sáng xanh tươi mát.

“Ôi Louis, nó đẹp đến ngỡ ngàng...” Trông thấy mắt cô hoen lệ, anh vừa xúc động vừa lo.

“Vợ yêu, đừng như thế,” anh nói. “Em đeo vào đi.”

“Louis, chúng mình lấy đâu ra tiền... anh lấy đâu ra mà mua...”

“Suyt,” anh nói. “Anh lập quỹ đen từ Giáng sinh năm ngoái đến giờ đây... với lại nhìn vậy chứ nó không đắt như em nghĩ đâu.”

“Bao nhiêu vậy anh?”

“Anh không tiết lộ với em, Rachel,” anh nghiêm trang nói. “Một đội quân người Tàu tra tấn cũng đừng hòng cạy miệng

anh ra. Nói vậy chứ hai nghìn đô-la.”

“*Hai nghìn đô...!*” Bất thành linh, cô lao vào ôm anh thật chặt đến độ suýt chút nữa anh ngã xuống cầu thang. “Louis, anh điên rồi!”

“Em đeo vào đi,” anh nhắc.

Cô làm theo. Anh giúp cô cài dây chuyền, đoạn cô quay lại âu yếm nhìn anh. “Em muốn lên lầu ngắm nó anh ạ,” cô hồ hởi. “Em muốn đứng trước gương làm dáng quá.”

“Làm dáng thoải mái,” anh nói. “Anh sẽ bỏ con mèo ra ngoài rồi tắt đèn.”

“Khi mình làm tình,” cô thủ thỉ và nhìn thẳng vào mắt anh, “em muốn trút bỏ tất cả quần áo, trừ thứ này.”

“Thế em làm dáng nhanh lên nhé,” Louis nói và cô cười khi.

Anh bế Church và đặt nó lên cánh tay – gần đây anh chẳng buồn dùng chổi nữa. Anh đoán mình đã quen với con mèo trở lại. Vừa bước ra cửa chính, anh vừa tắt đèn đuốc. Anh mở cánh cửa nối giữa nhà bếp và ga ra thì làn gió lạnh toát vô vập xoáy quanh mắt cá chân anh.

“Giáng sinh vui vẻ nhé Ch...”

Câu nói bị bỏ lửng. Nằm trên tấm chùi chân là xác con quạ to tướng. Đầu nó bị găm nham nhỡ. Một cánh bị xé toạc và vương phía sau cơ thể cứ như mảnh giấy đốt thành than. Church liền uốn éo thoát khỏi tay Louis và hít lấy hít để cái xác đã đông cứng. Louis quan sát thấy đầu con mèo phóng tới trước, hai tai chĩa ra sau, rồi trước khi anh kịp quay đầu, Church đã cắn lìa một bên mắt đục ngầu như sữa của con quạ.

Church lại ra tay rồi, Louis nghĩ mà thoáng buồn nôn, đoạn quay đầu đi – nhưng dù chẳng muốn, anh cũng đã kịp trông thấy hốc mắt máu me, sâu hoắm trước đó từng có một con người. Đừng vì nó mà xáo động, đừng như thế, mình đã từng trông thấy những cảnh tồi tệ hơn rồi, ở phải, ví dụ như Pascow chẳng hạn, lần của Pascow còn khủng khiếp hơn, hơn nhiều là đằng khác...

Nhưng dạn lòng cũng vô dụng. Bụng anh chộn rộn. Cảm giác hưng phấn ầm áp khi chuẩn bị mây mưa cũng xui xuống. *Chúa ơi, con chim ấy to gần bằng con mèo. Chắc con mèo bắt được khi nó bất cẩn. Vô cùng bất cẩn.*

Phải dọn bãi chiến trường này mới được. Trên đời chẳng ai ham món quà kiểu này vào sáng ngày Giáng sinh. Và đây là trách nhiệm của anh, chẳng phải sao? Còn ai trồng khoai đất này nữa. Là của riêng anh mà thôi. Trong tiềm thức, anh đã nhận ra điều đó từ buổi tối hôm gia đình anh trở về, khi anh cố tình hất đổ lớp xe trên cái xác nhoe nhoét của con chuột mà Church giết chết tươi.

Đất trong tim người cứng hơn đá, Louis ạ.

Suy nghĩ ấy quá đỗi rõ ràng, tưởng chừng có cả hình tướng, văng vẳng trong tai đến độ Louis khẽ giật nảy, như thể ông Jud xuất hiện ngay sau vai và oang oang nói với anh.

Người ta trông thứ gì có thể... rồi chăm bón nó.

Church vẫn hau háu chúm xuống xác con chim. Giờ thì nó cắn nốt cánh bên kia. Tiếng roẹt roẹt đầy ám muội vang lên khi Church không ngừng giật tới giật lui. Còn khuya nó mới cất

cánh khỏi mặt đất, Orville ạ. Đúng rồi, Wilbur^[14E], con chim tiên sư ấy chết thẳng cẳng rồi đây, thôi thì cho con mèo làm thịt nó luôn, thôi thì...

Bất thành hình, Louis đá Church, dồn hết sức bình sinh mà đá. Phần thân sau của con mèo bay lên rồi đáp xuống sông soài. Nó bỏ đi, ném cho anh ánh mắt gớm guốc xanh lè. “Giỏi thì thịt tao xem,” Louis bắt chước mèo gầm gừ với nó.

“Louis?” Giọng của Rachel vẳng xuống từ phòng ngủ của hai vợ chồng. “Anh lên ngủ chưa?”

“Anh lên ngay đây,” anh đáp lại. *Anh phải dọn bãi chiến trường này đã, được chứ Rachel? Vì anh là kẻ bày ra nó.* Anh mò mẫm bật công tắc đèn ga ra. Hồi hả quay vào tủ chạn bên dưới bồn rửa chén trong bếp, anh lấy một chiếc túi rác Hefty màu xanh... sự tương đồng với buổi tối hôm ấy in hằn trong tâm trí. Anh mang túi rác quay lại ga ra rồi lấy xẻng treo trên đỉnh ở tường. Hốt con quạ, anh thả nó vào túi. Đoạn anh dọn dẹp cái cánh gãy rồi cho vào túi. Cột chặt miệng túi xong, anh thả nó vào thùng rác cách chiếc Civic một đoạn xa. Đến lúc anh xử lý xong đầu vào đấy, mắt cá chân của anh đã tê rần.

Church đứng nép vào cửa ga ra. Louis đem xẻng ra dọa con mèo, khiến nó ba chân bốn cẳng chạy biến như xoáy nước.

Trên tầng, Rachel nằm trên giường, không một mảnh vải che thân, ngoại trừ sợi dây chuyền ngọc bích... như cô đã hứa. Cô mơ màng hỏi anh. “Chỉ huy làm gì mà lâu thế.”

“Đèn dưới bồn rửa chén bị cháy,” Louis bịa. “Nên anh thay bóng mới.”

“Lại đây nào,” cô nói rồi dịu dàng kéo anh lại nhưng không phải níu lấy tay. “Ông già Noel biết khi nào em ngủ,” cô khẽ hát; một nụ cười mỉm chỉ nhếch trên khóe môi. “Ông còn biết khi nào em thức dậy... Ồi chà, Louis yêu quý, cái gì đây?”

“Anh đoán có thứ vừa thức dậy,” Louis nói rồi cởi áo choàng. “Có lẽ mình phải cho nó ngủ lại trước khi ông già Noel tới, em nghĩ sao?”

Cô dựng khuỷu tay để rướn người lên; anh cảm nhận hơi thở của cô ấm nóng và ngọt ngào.

“Ông biết liệu em có vâng lời hay chưa... nên hãy nhớ ngoan ngoãn... vâng lời nhé... thể anh có phải bé ngoan không, Louis?”

“Chắc có đấy,” anh đáp, giọng run run.

“Để xem anh có ngon lành như vẻ ngoài của anh không nhé,” cô ngân nga. “Mmmmm...”

Xem chừng câu trả lời là có.

Màn mây mưa rất tuyệt vời, nhưng chẳng hiểu sao sau đó, Louis không nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ như những lần chần gối đầy lửa tình trước đây – an yên không muộn phiền với vợ anh, với cuộc sống của anh. Anh nằm thao thức trong bóng tối của buổi sáng Giáng sinh, lắng nghe hơi thở chậm và sâu của Rachel, ngẫm về xác con chim trên bậu cửa. Món quà Giáng sinh mà Church dành cho anh.

Đừng hòng gạt ta ra khỏi đầu, bác sĩ Creed ạ. Ta đã sống, rồi ta chết, và giờ ta từ cửa tử trở về. Ta đã làm một vòng, nên ta ở đây để bảo với người rằng bước sang bên kia, ta chẳng gù gù kêu như mèo nữa, mà ta ham thích đi săn. Ta ở đây để bảo với người con người

trồng thứ gì có thể rồi chăm bón nó. Đừng quên điều đó, bác sĩ Creed. Ta là một phần sinh ra từ con tim của người, trong lòng người có vợ cùng hai đứa con... và có cả ta nữa. Hãy khắc cốt ghi tâm bí mật ấy và chăm bón thật tốt khu vườn của mình.

Sau hồi trần trọc, Louis thiếp đi.

Ở thế, mùa đông trôi qua. Niềm tin vào ông già Noel của Ellie được khôi phục — chỉ ít là tạm thời — nhờ vết chân trên lò sưởi. Gage mở quà một cách hồ hởi, thỉnh thoảng dừng lại để gặm giấy gói quà trông có vẻ ngon lành. Và năm nay, đến giữa buổi chiều, cả hai đứa trẻ đều đi đến kết luận rằng hộp quà hay ho hơn món đồ chơi ở bên trong.

Ông bà Crandall qua nhà anh vào tối giao thừa để nhấm nháp món cocktail trứng sữa của Rachel, trong vô thức, Louis âm thầm kiểm tra cho bà Norma. Bề ngoài của bà xanh xao, gầy như trong suốt giống anh từng trông thấy. Nếu còn sống, bà của anh sẽ bảo bà Norma sắp “gần đất xa trời” và cách dùng từ này cũng không quá tệ. Cùng lúc, đôi tay vốn sưng vù và vẹo vọ do chứng viêm khớp của bà nổi đầy đồi mồi. Tóc bà trông mỏng hơn. Hai ông bà trở về nhà mình lúc khoảng mười giờ, còn gia đình nhà Creed đón năm mới trước màn hình ti vi. Đó là lần cuối cùng bà Norma ghé qua nhà họ.

Kỳ nghỉ trên trường đại học của Louis trôi qua lãng đãng và rào rào ướt mưa. Xét về chi phí sưởi ấm, anh biết ơn việc nhiệt độ giữ ở mức cao suốt thời gian dài giúp làm tan băng, nhưng nói gì thì nói, thời tiết kiểu này vẫn khiến tinh thần ủ ê và chán

nắn. Anh loay hoay sửa sang nhà cửa, đóng kệ sách và tủ chạn cho vợ. Đến lúc trường đi học trở lại ngày ngày 23 tháng Một, Louis như mở cờ trong bụng khi được quay lại làm việc.

Cuối cùng, dịch cúm cũng tràn đến – đợt bùng phát tương đối nghiêm trọng ở trường đại học sau khi học kỳ xuân bắt đầu chưa được một tuần, khiến anh ba đầu sáu tay cũng không xuể – anh phải làm việc mười tiếng, thỉnh thoảng là mười hai tiếng một ngày, rồi về nhà trong tình trạng rã rời... nhưng không hẳn khó chịu vì điều đó.

Giai đoạn nhiệt độ cao hơn bình thường chấm dứt vào ngày 29 tháng Một đầy hoành tráng. Trận bão tuyết ập đến, theo sau là tuần lạnh cóng với nhiệt độ âm. Louis đang kiểm tra cánh tay gãy còn đang trong quá trình bình phục của cậu sinh viên đang bầu víu vào hy vọng mong manh – và theo Louis, khó như lên trời – rằng cậu ta sẽ có thể chơi bóng chày trở lại vào mùa xuân, thì một tình nguyện viên ló đầu vào báo vợ anh gọi điện thoại đến.

Louis bước vào văn phòng để nhận cuộc gọi. Rachel khóc như mưa, khiến anh tá hỏa. *Ellie*, anh thầm nghĩ. *Con bé ngã khỏi xe trượt tuyết và gãy tay ư? Hay chấn thương sọ não? Anh lo lắng nhớ lại những cậu sinh viên chơi ngông và máng trượt tuyết.*

“Con nhà mình không gặp chuyện gì chứ?” Anh hỏi. “Rachel?”

“Không, không” cô đáp, càng khóc tợn. “Không phải con nhà mình. Mà là bà Norma, Lou ơi. Bà Norma Crandall. Bà mới mất sáng nay. Tám tám giờ, ngay sau khi ăn sáng, ông Jud báo như

vậy. Ông qua nhà mình xem anh có nhà không, em nói với ông là anh vừa đi làm cách đây nửa tiếng đồng hồ. Ông... ôi anh ơi, trông ông bối rối và bàng hoàng quá... trông ông già sạm cả đi... cảm ơn Chúa, Ellie đi học rồi, còn Gage thì quá nhỏ nên chưa hiểu chuyện...”

Lông mày Louis chau lại, và dù tin vừa rồi quá sức khủng khiếp, tâm trí anh cố gắng vươn đến Rachel, tìm kiếm, nắm bắt lấy cô. Bởi nó lại xuất hiện nơi đây. Đó là thứ ta chẳng thể nào cụ thể hóa, vì không phải chỉ cần thay đổi quan điểm là mọi chuyện xong xuôi. Cái chết là một bí mật, một nỗi kinh hoàng, phải tránh để con trẻ biết đến nó, là điều quan trọng nhất, giống như những quý bà quý ông thời Victoria tin rằng phải tránh để trẻ con biết đến sự thật xấu xí, kinh khủng về các mối quan hệ tình dục.

“Chúa ơi,” anh thốt lên. “Do bệnh tim à?”

“Em không biết,” cô ghen ngào. Cô ngưng khóc, nhưng giọng khản đặc. “Anh về nhà được không, Louis? Anh là bạn của ông cụ, nên em nghĩ ông cụ cần anh.”

Anh là bạn của ông cụ.

Ừ đúng rồi, Louis nghĩ mà thoáng ngạc nhiên. Chưa bao giờ mình nghĩ mình sẽ có một người bằng hữu tám mươi tuổi, nhưng có lẽ đời lắm cái khó ngờ. Và rồi anh tự nhủ hai người bọn họ quả thực là bạn bè, nhất là sau khi cân nhắc những gì họ cùng nhau giấu kín. Nghĩ đến đây, anh đoán ông Jud đã biết họ là bạn bè trước Louis rất lâu. Ông Jud kề vai sát cánh bên anh vào ngày hôm ấy, và bất kể xảy ra chuyện gì, nào chuột, nào chim, Louis cảm thấy có lẽ quyết định của ông Jud là sáng suốt... hoặc nếu

không sáng suốt thì chí ít nó cũng đượm lòng trắc ẩn. Hiện giờ, anh sẵn sàng làm mọi điều trong khả năng vì ông Jud, và nếu điều đó có nghĩa là anh sẽ đứng ra phụ giúp tang lễ cho vợ của ông cụ thì anh cũng chẳng ngại ngần.

“Anh về ngay,” anh nói rồi dập máy.

Bà đi không phải là do đau tim mà là do tắc mạch máu não bất ngờ và có lẽ là không đau đớn. Chiều hôm đó, khi Louis gọi điện cho Steve Masterton để báo tình hình, Steve trấn an bảo cứ để anh ấy lo công việc trên trường.

“Thỉnh thoảng Chúa trời trêu ngươi chúng ta,” Steve nói, “và thỉnh thoảng Người chĩa thẳng mặt bảo ta về châu trời.”

Rachel không muốn dấn động đến việc này, cũng không cho phép Louis bàn với cô.

Ellie không quá đau buồn mà thay vào đó, cô bé bị sốc và cảm thấy hứng thú – Louis thấy đó là phản ứng một đứa bé năm tuổi khỏe mạnh, bình thường. Cô bé muốn biết bà Crandall qua đời mở mắt hay nhắm mắt. Louis nói anh không rõ.

Không có gì lạ khi ông Jud chịu dấn kích lớn, bởi suy cho cùng, bà là người bạn đời đầu gối tay ấp với ông suốt gần sáu mươi năm trời. Louis thấy ông cụ — và vào ngày hôm ấy, trông ông hao mòn đúng nghĩa một cụ già 84 tuổi – cô độc ngồi ở bàn bếp, hút một điếu Chesterfield, uống một chai bia, đôi mắt hồ hững nhìn vào phòng khách.

Khi Louis bước vào, ông ngược lên và nói, “Chà, bà ấy đi rồi, Louis ạ.” Lời ông thốt lên mạch lạc, trần trụi đến độ Louis cảm

thấy thật ra thông tin ấy chưa ngắt toàn bộ mạch – tâm trí ông thấm thía độ sát thương của thông tin ấy. Đoạn miệng ông Jud mấp máy, đưa một tay lên che mắt. Louis bước đến chỗ ông cụ, vòng tay quanh người ông, để rồi ông ngả vào anh, nước mắt tuôn rơi. Đấy, nó đã ngắt hết các mạch rồi. Ông Jud hiểu rất rõ vợ ông đã qua đời.

“Tốt lắm,” Louis vỗ về. “Tốt lắm, ông Jud, cháu nghĩ bà sẽ muốn ông rơi lệ. Có khi bà sẽ giận nếu ông không khóc ấy chứ.” Bản thân anh cũng rơm rớm. Ông Jud siết chặt anh trong vòng tay, và Louis đáp lại cái ôm ấy.

Ông Jud cứ thế giàn giụa trong mười phút, và rồi cơn bão cũng qua đi. Louis chăm chú lắng nghe những gì ông cụ nói — anh nghe với tư cách một bác sĩ, đồng thời là một bằng hữu. Anh nghe xem ông cụ có bị lẫn lộn trong lời nói hay không; anh nghe xem ông Jud có nắm được rõ thời gian hay không (không cần phải hỏi ông về địa điểm; chẳng nào cũng chẳng nghĩa lý gì, vì với ông Jud Crandall, địa điểm luôn là ở Ludlow, Maine); và trên tất cả, anh lắng tai nghe xem có lần nào ông nhắc đến tên bà Norma mà dùng thì hiện tại không. Sau một hồi, anh nhận thấy tinh thần của ông Jud vẫn còn minh mẫn. Louis biết nhiều trường hợp các cặp vợ chồng già sẽ theo người bạn đời của mình về miền cực lạc, có khi chỉ sau một tháng, một tuần hoặc thậm chí một hôm. Anh đoán nguyên nhân là do cú đả kích quá lớn, hay đau đó sâu trong lòng họ trỗi dậy thôi thúc muốn đuổi theo người kia (trước khi xảy ra biến cố với Church, anh chẳng bao giờ nghĩ như thế; anh nhận thấy nhiều suy nghĩ của anh về phương diện tâm linh và siêu nhiên

đã âm thầm trải qua quá trình biến đổi gốc rễ). Kết luận mà anh đưa ra là ông Jud đang đau lòng trước mắt mát, nhưng chỉ ít hiện tại, ông vẫn trụ vững. Ở ông, anh không cảm nhận được sự mong manh gần đất xa trời như bà Norma vào đêm giao thừa, lúc bốn người bọn họ ngồi trong phòng khách nhà Creed uống cocktail trứng sữa.

Ông Jud lấy bia cho anh từ trong tủ lạnh, mặt ông vẫn đỏ ửng và sưng lên vì khóc.

“Thế này hơi sớm,” ông lên tiếng, “nhưng đâu đó trên quả đất, đã đến lúc làm một chai rồi, và tùy trường hợp mà...”

“Ông nói vậy được rồi,” Louis ôn tồn rồi khui bia. Đoạn anh nhìn ông Jud. “Mình uống vì bà chứ ạ?”

“Ta nghĩ nên làm thế,” ông Jud nói. “Cháu mà gặp bà ấy lúc còn là thiếu nữ mười sáu trăng tròn, đi nhà thờ về, áo khoác không cài nút, bên trong là chiếc áo trắng tinh tươm... thế nào cháu cũng ngẩn ngơ say đắm. Nếu muốn, bà ấy còn có thể quyến rũ được ác quỷ bỏ rượu ấy chứ. Tạ ơn Chúa, may mà bà ấy không bắt ta làm thế.”

Louis gật đầu, khẽ nâng chai bia. “Vì bà Norma,” anh nói.

Ông Jud cụng chai với anh. Nước mắt lại một lần nữa ứa ra từ mắt ông, nhưng nụ cười heo hắt cũng hiện lên trên khuôn mặt. Ông gật đầu. “Mong bà ấy yên nghỉ nơi tuổi vàng và không bị chứng viêm cơ hành hạ nữa.”

“Amen,” Louis nói, đoạn cả hai nhấp ngụm bia.

Đó là lần duy nhất Louis thấy ông Jud ngà ngà say, đầu vậy, ông không để bản thân túy lúy hoặc xỉn đến độ chẳng biết trời trăng mây gió gì. Ông chìm vào hồi tưởng; dòng chảy vô tận của

ký ức và chuyện kể, rục rờ, sắc nét, thỉnh thoảng lại thất vọng, tuôn trào từ ông. Nhưng đan xen giữa những câu chuyện quá khứ, ông Jud đối diện với hiện tại theo cách mà Louis chẳng biết làm gì ngoài ngưỡng mộ; giả sử Rachel bất thành linh lẩn tránh ra tặc tử sau khi ăn bữa và ngũ cốc buổi sáng thì chẳng rõ anh có thể chấp nhận thực tại phũ phàng tốt bằng một nửa ông hay không.

Ông Jud gọi cho Nhà Tang lễ Brookings-Smith, cái gì thu xếp được qua điện thoại, ông đều thống nhất với họ; còn bao nhiêu, ông hẹn hôm sau đến bàn bạc nốt. Phải, ông sẽ ướp xác bà; ông muốn thi thể của bà diện chiếc váy mà ông chọn; phải, ông muốn lựa cả đồ lót; không, ông không muốn nhà xác cung cấp loại giày đặc biệt cột dây phía sau. *Bên anh có nhân viên nào gọi đầu cho bà nhà tôi không? Ông hỏi. Bà ấy gọi đầu lần cuối vào tối thứ Hai, nên khi qua đời, đầu của bà đang bấn.* Đoạn ông lắng nghe, còn Louis, vốn có cậu làm công việc mà người trong ngành gọi là “cái nghề câm lặng”, biết người tổ chức tang lễ vừa nói với ông Jud rằng dịch vụ tắm rửa lần cuối là một phần trong gói sản phẩm. Ông Jud gật đầu rồi cảm ơn người ở đầu dây bên kia, đoạn lại im lặng lắng nghe. *Phải, ông đáp, tôi muốn bà ấy được trang điểm, nhưng chỉ một lớp nhẹ nhàng thôi.* “Bà ấy đã mất rồi, và ai cũng biết điều đó,” ông nói, châm điếu thuốc Chesterfield. “Không cần phải bôi son trát phấn dày cui.” Quan tài sẽ được đóng kín trong lễ tang, mở vào khung thời gian thăm viếng trước đó một ngày, ông bình tĩnh đưa ra các yêu cầu của mình với trưởng nhà xác. Ông muốn bà được chôn cất ở Nghĩa trang Mount Hope, hai ông bà đã mua mộ phần tại đây

vào năm 1951. Có sẵn giấy tờ, ông đọc cho nhân viên dịch vụ lễ tang số hiệu mộ phần để công cuộc chuẩn bị được thực thi ngay: H-101. Mộ phần của ông là H-102, về sau ông kể với Louis như thế.

Xong xuôi, ông nhìn Louis và nói: “Theo những gì ta thấy, nghĩa trang đẹp nhất thế giới nằm ngay ở Bangor. Nếu muốn, cháu cứ khai thêm chai bia đi. Mọi chuyện sẽ tốn thời gian đấy.”

Louis toan từ chối – chưa gì anh đã thấy hơi chũnh choáng rồi – thì một hình ảnh gớm ghiếc không mời mà hiện lên trước mắt anh: cảnh tượng ông Jud khiêng kiệu điệu bà Norma băng qua rừng. Tiến về phía khu đất chôn cất của người Micmac phía bên kia Nghĩa địa Thú cưng.

Suy nghĩ ấy như cú tát trời giáng vào mặt anh. Không nói gì, anh đứng dậy lấy thêm một chai bia từ tủ lạnh. Ông Jud gật đầu với anh rồi lại quay số điện thoại. Đến ba giờ chiều, khi Louis về nhà ăn sandwich và một bát xúp, ông Jud đã sắp xếp hòm hòm việc tổ chức đám tang cho vợ mình; ông thoăn thoắt sắp xếp hết việc này đến việc kia như người đang lên kế hoạch bữa tiệc tối hoành tráng. Ông gọi cho Giáo hội Giám lý Bắc Ludlow, nơi tổ chức lễ tang, và Văn phòng Quản lý Nghĩa trang ở Mount Hope; đằng nào phía nhân viên dịch vụ tang lễ của Brookings-Smith cũng sẽ thực hiện hai cuộc gọi này, nhưng ông Jud gọi trước như phép lịch sự. Trong lúc tang gia bối rối, ít người nào nghĩ được thế... hoặc nếu có chẳng nữa, họ cũng chẳng còn lòng dạ nào mà gọi. Vì thế, Louis lại càng lúc càng khâm phục ông cụ. Sau đó, ông gọi điện thoại cho vài người họ hàng còn sống bên phía bà Norma và phía ông, lật qua cuốn sổ danh bạ

bìa da cũ mềm, tả tơi để tìm số. Giữa các cuộc gọi, ông uống bia và hồi tưởng lại quá khứ.

Louis cảm thấy dâng trào trong anh niềm ngưỡng mộ dành cho ông cụ... và yêu thương chăng?

Phải, cõi lòng anh cất tiếng; có cả tình yêu thương.

Tối đó, khi Ellie mặc bộ đồ ngủ và bước xuống lầu để bố mẹ thơm chúc ngủ ngon, cô bé thắc mắc với Louis rằng bà Crandall có lên thiên đường hay không. Cô bé hạ giọng gần như thì thầm, như thể cô bé hiểu tốt hơn hết phải phòng hờ tai vách mạch rừng. Rachel ở trong bếp làm bánh nhồi thịt gà để ngày mai mang sang cho ông Jud.

Phía bên kia đường, đèn đuốc nhà ông Crandall bật sáng choang. Xe ô tô đậu đầy trên lối chạy xe nhà ông Jud và kín mép đường cao tốc phía nhà ông đến cả ba chục mét về cả hai phía. Khung thời gian thăm viếng chính thức là ngày mai, tại nhà xác, nhưng tối nay, mọi người đến để tỏ lòng chia buồn sâu sắc với ông Jud, để ôn lại chuyện xưa cùng ông và để tiễn bà Norma về nơi xa – điều mà buổi chiều hôm ấy, ông Jud gọi với cái tên “thủ tục đi trước”. Giữa căn nhà của ông và nhà của anh, cơn gió tháng Hai buốt giá cứ hun hút thổi. Con đường phủ lớp băng mỏng. Khoảng thời gian khắc nghiệt nhất của mùa đông xứ Maine đang quét qua nơi đây.

“Chà, bố cũng không biết nữa, con yêu,” Louis nói rồi nhắc Ellie vào lòng mình. Trên ti vi đang chiếu cảnh đấu súng. Một người đàn ông lão đảo ngã vật xuống mà hai bố con chẳng may may đoái hoài. Louis ý thức một cách khó chịu rằng có lẽ Ellie có thể kể vanh vách về Ronald McDonald, Người nhện, nhân vật

Burger King, trong khi chỉ biết loáng thoáng về Moses, Chúa Jesus và Thánh Paul. Cô bé là con gái của người mẹ vốn là dân Do Thái nhưng không mộ đạo và người cha là tín hữu Giám lý nhưng đã bỏ đạo, nên anh đoán những điều cô bé hình dung về *đời sống tâm linh* chắc hẳn vô cùng mờ nhạt; nó chẳng phải chuyện hoang đường, chẳng phải giấc mơ nữa mà là mơ trong mơ. *Quá muộn để xây dựng điều đó rồi, anh bây giờ nghĩ. Con bé mới lên năm, nhưng chưa gì đã muộn rồi. Lạy Chúa, nhoáng cái mà quá muộn.*

Song con gái đang nhìn anh, nên anh phải nói gì đó.

“Con người có rất nhiều niềm tin về việc sau khi chết thì điều gì sẽ xảy ra,” anh ôn tồn. “Nhiều người nghĩ chúng ta lên thiên đường hoặc xuống địa ngục. Có người cho rằng chúng ta lại được tái sinh thành trẻ con...”

“Dạ, là đầu *chai*. Như nhân vật Audrey Rose trong bộ phim chiếu trên ti vi.”

“Con có xem phim đấy bao giờ đâu!” Anh trộm nghĩ Rachel sẽ lên cơn tắc mạch máu não nếu cô tưởng Ellie đã xem bộ phim Audrey Rose máu me ấy.

“Marie kể với con ở trường” Ellie nói. Theo lời Ellie, Marie là cô bạn thân nhất quả đất của con bé, một cô bé suy dinh dưỡng, nhỏ thỏ, bần thủ, lúc nào trông cũng như thể sắp sửa bị chốc lở, hắc lao hoặc thậm chí là mắc bệnh Scurvy. Cả Louis và Rachel ủng hộ tình bạn của hai cô bé hết mức có thể, nhưng lần nọ, Rachel từng thú thật với Louis rằng sau khi Marie ra về, cô lúc nào cũng sốt ruột muốn kiểm tra xem đầu Ellie có xuất hiện

trúng chảy hay chảy rận không. Nghe đến đấy, Louis phá lên cười gật gù.

“Thế nào mà mẹ của Marie lại cho con bé xem tất tần tật những chương trình đó vậy.” Trong lời vợ anh có hàm ý chê trách nhưng Louis quyết định lờ đi.

“Chà, là đầu thai chứ không phải đầu chai, nhưng bố thấy con hiểu sơ sơ rồi đó. Tín đồ công giáo tin vào thiên đường địa ngục, nhưng họ cũng tin tồn tại một nơi được gọi là lâm bộ và một nơi mang tên luyện ngục. Còn đạo Phật lại tin vào cõi niết bàn...”

Có bóng người trên tường phòng ăn. Là Rachel. Cô cũng đang lắng tai nghe.

Louis chậm rãi giải thích tiếp.

“Có lẽ còn rất nhiều quan niệm khác. Nhưng Ellie à, tóm lại là chẳng ai biết chính xác. Người ta rêu rao rằng mình biết, nhưng khi họ nói vậy, ý của họ là họ tin vì đức tin của họ. Con có biết đức tin là gì không?”

“Dạ...”

“Giờ bố con mình đang ngồi trên chiếc ghế này,” Louis giải thích. “Con có nghĩ ngày mai ghế của bố vẫn còn ở đây không?”

“Dạ có chứ.”

“Thế là con có đức tin rằng cái ghế sẽ vẫn ở đây. Và sự thật đúng là thế, bố cũng chung niềm tin ấy. Đức tin là việc tin tưởng vào một thứ nào đó sẽ ra sao. Con hiểu không?”

“Dạ hiểu,” Ellie gật đầu khẳng định.

“Nhưng chúng ta không biết mai một nó còn ở đây không. Nhỡ đâu có một tên trộm cuồng ghế lén vào nhà mình cuỗm nó

đi thì sao, đúng không?”

Ellie khúc khích. Louis mỉm cười.

“Đơn giản là bố con mình có niềm tin rằng điều đó sẽ không xảy ra. Đức tin là thứ rất vĩ đại, và những người sùng đạo muốn chúng ta nghĩ rằng đức tin và việc biết điều gì đó là một thứ, nhưng bản thân bố không cho là vậy. Vì có rất nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Chúng ta chỉ biết rằng: khi ta chết, một trong hai điều xảy ra. Linh hồn và suy nghĩ của chúng ta sống sót sau khi trải nghiệm cái chết hoặc không. Trong trường hợp thứ nhất, điều đó sẽ mở ra vô vàn khả năng trong tâm tư duy của con người. Còn trong trường hợp sau, tất cả là dấu chấm hết. Cái kết.”

“Giống như đi ngủ à?”

Anh ngẫm nghĩ một lúc rồi nói, “Bố nghĩ chắc là giống gây mê hơn.”

“Vậy bố có đức tin vào trường hợp nào à?”

Cái bóng trên tường chuyển động rồi lại đứng yên.

Từ lúc trưởng thành, gần hết cuộc đời mình – anh đoán cụ thể là từ những năm đại học – anh tin rằng chết là hết. Anh đã có mặt lúc rất nhiều bệnh nhân trút hơi thở cuối cùng, nhưng chưa lần nào anh cảm nhận viên đạn linh hồn xuyên qua anh đến... một nơi nào đó; phải chăng tới khi chứng kiến cái chết của Victor Pascow, suy nghĩ ấy mới bén rễ trong lòng anh? Anh đồng tình với giáo viên bộ môn Tâm lý học I của mình rằng các trải nghiệm cận tử đăng trên tạp chí học thuật rồi được các tờ báo đại chúng thêm mắm dặm muối khả năng cao chỉ là chút lực tàn của tâm trí để chống lại cái chết đang về vập ập đến; với

sức sáng tạo vô hạn, tâm trí cố ngăn mình không phát rồ đến tận phút cuối cùng bằng cách dựng nên ảo giác về bất tử. Tương tự, anh cũng đồng tình với một cậu bạn chung ký túc xá trong buổi thảo luận bất chợt thâu đêm suốt sáng lúc Louis học năm hai ở Chicago, rằng thật đáng ngờ khi Kinh Thánh chỉ chứa những điều kỳ diệu gần như chẳng còn tồn tại vào thời hiện đại (ban đầu, cậu ta dùng từ “hoàn toàn biến mất” nhưng bị ép phải nhún nhường lùi một bước khi phe đối ngược tuyên bố đầy tự tin rằng trên đời này vẫn có khối điều kỳ dị diễn ra; những sự lạ đời nho nhỏ trong một thế giới dần dà đã biến thành một nơi sạch sẽ, sáng choang đèn điện – ví dụ như Tấm vải liệm Turin chẳng hạn, bao năm nay, người ta cố gắng lý giải nó mà vẫn bó tay đầy thôi). “Kinh Thánh bảo Chúa đưa Lazarus từ cõi chết trở về,” về sau, khi trở thành một bác sĩ sản khoa đức cao vọng trọng ở Dearborn, Michigan, cậu bạn này bèn trình bày. “Tớ chấp nhận chuyện đó. Nếu phải nuốt trôi điều này, tớ sẽ làm thế. Dù gì tớ cũng đã phải chấp nhận khái niệm một trong hai bào thai của cặp sinh đôi nuốt bào thai còn lại khi còn trong bụng mẹ, như thể chưa sinh ra đã ăn thịt đồng loại, để rồi hai mươi, ba mươi năm sau, anh ta phát hiện có răng trong tinh hoàn hoặc có tóc trong phổi của mình và nhận ra mình đã ăn tươi nuốt sống kẻ khác, chuyện như thế mà tớ còn tin thì tớ nghĩ tớ có thể chấp nhận tất cả mọi điều. Nhưng trước hết hãy đưa giấy chứng tử ra hăng tính, các cậu hiểu ý tớ không? Tớ không thắc mắc việc ông ta bước ra từ trong mồ, tuy nhiên, tớ muốn thấy giấy chứng tử rồi mới tính. Tớ thích Thomas vì ông ta nói chỉ tin Chúa sống dậy khi thấy dấu đinh trong bàn tay

Ngài và đặt bàn tay nơi sườn Ngài. Tớ thấy ông này mới là vị bác sĩ thực thụ trong số bọn họ chứ không phải Luke.”

Không, thực ra anh chẳng tin vào chuyện còn giữ được linh hồn và suy nghĩ tồn tại sau khi chết. Chỉ ít là cho đến vụ việc của Church.

“Bố tin rằng chúng ta sẽ đi tiếp,” anh chậm rãi giải thích với con gái. “Nhưng việc đó ra sao thì bố không có ý kiến. Có thể mỗi người mỗi khác. Có thể con sẽ có trải nghiệm như những gì con tin tưởng suốt cuộc đời mình. Nhưng bố tin rằng chúng ta sẽ đi tiếp, và bố tin bà Crandall đang ở một nơi mà bà có thể hạnh phúc.”

“Bố có đức tin vào điều đó,” Ellie nói. Đó không phải là một câu hỏi. Trông cô bé có vẻ trầm trồ.

Louis mỉm cười, có phần hài lòng và đôi chút ngượng ngùng. “Bố nghĩ vậy. Và bố có đức tin vào việc đã đến lúc con phải đi ngủ rồi đây. Chừng mười phút trước.”

Anh trao cho cô con gái hai nụ hôn, một trên môi và một trên mũi.

“Bố có nghĩ động vật cũng đi tiếp không ạ?”

“Có,” anh đáp mà không nghĩ, và trong thoáng chốc, suýt chút nữa anh tỉnh nói thêm: *Nhất là mèo*. Những từ ấy chồm mấp máy trên đầu môi anh, khiến làn da anh xám xịt, lạnh ngắt.

“Dạ,” cô bé nói rồi tuột xuống. “Con đi thơm mẹ.”

“Con đi đi.”

Anh nhìn theo con gái. Đứng ở cửa phòng ăn, cô bé quay lại và cất tiếng, “Hôm đó con cư xử ngốc nghếch về Church quá

phải không bố? Con khóc bù lu bù loa.”

“Không đâu con yêu” anh nhẹ nhàng. “Bố không thấy con ngốc nghếch chút nào.”

“Nếu bây giờ nó chết, con có thể chấp nhận,” cô nói, và rồi chừng như cô bé bản thân ngẫm lại suy nghĩ mình vừa thốt lên, vẻ mặt thoáng giật mình. Đoạn cô nhắc lại như thể tỏ ý đồng tình với bản thân: “Chắc chắn là vậy.” Đoạn cô bé đi tìm Rachel.

Một lúc sau, khi đã yên vị trên giường, Rachel nói: “Em đã nghe thấy những gì anh nói với con.”

“Và em không ưng?” Louis hỏi. Anh quyết định tốt hơn hết là nên làm rõ vấn đề này, nếu đó là điều Rachel mong muốn.

“Không” Rachel đáp, lưỡng lự không giống như mọi khi. “Không, Louis ạ, không phải thế. Chỉ là... em sợ. Anh biết em mà. Khi em sợ, em cứ xù lông nhím lên.”

Lục lại ký ức, Louis nhớ trước giờ, anh chưa từng nghe Rachel nói một cách dụng công như thế, bỗng dưng, anh cảm thấy dè chừng hơn hẳn so với ban nãy anh nói chuyện với Ellie. Anh có cảm giác mình đang dần thân vào bãi mìn.

“Em sợ điều gì? Sợ chết sao?”

“Không phải sợ cho em,” cô giải bày. “Giờ em chẳng mấy khi nghĩ về việc đó nữa... Nhưng ngày em còn bé, nó thường trực trong đầu em. Em mất ngủ rất nhiều. Nằm mơ thấy quái vật nhào ra ăn thịt em trên giường, và tất cả những con quái vật ấy có vẻ ngoài giống Zelda, chị gái em.”

Đến rồi, Louis nghĩ. Xuất hiện rồi; cuối cùng cũng đến lúc này, sau bao thời gian hai vợ chồng bên nhau, cuối cùng phút giây này đã tới.

“Em ít khi nhắc đến chị ấy,” anh nói.

Rachel mỉm cười, đưa tay chạm vào mặt anh. “Anh dịu dàng quá, Louis ạ. Em không bao giờ nói về chị ấy mới phải. Em cố không bao giờ nghĩ đến.”

“Anh luôn nghĩ em có lý do riêng của mình.”

“Phải. Cả ngày trước và bây giờ cũng thế.”

Cô dừng lại ngẫm nghĩ.

“Anh chỉ biết chị ấy qua đời vì... viêm màng não tủy...”

“Viêm màng não tủy,” cô nhắc lại, để rồi anh thấy mắt cô ầng ầng nước. “Trong nhà em chẳng còn trưng bức hình nào của chị ấy nữa rồi.”

“Có một bức hình chụp một cô bé trong phòng bố em...”

“Trong phòng làm việc của ông. Phải. Em quên mất bức đó. Với lại hình như mẹ em vẫn cất một bức trong ví thì phải. Chị ấy lớn hơn em hai tuổi. Chị mắc bệnh... và chỉ vò vớ trong phòng ngủ đằng sau... bức bách trong bốn bức tường như một bí mật bản thủ, Louis ạ, chị gái em chết dần chết mòn ở đó, để rồi trút hơi thở cuối cùng trong phòng ngủ đằng sau, và chị ấy chẳng là gì, ngoài một bí mật bản thủ!”

Bất thành lời, Rachel òa lên khóc, trong những tiếng khóc càng lúc càng to, tông giọng càng lúc càng cao, Louis nhận thấy rất có khả năng cô sắp sửa lên cơn hoảng loạn nên cảnh giác cao độ. Anh vươn tay chộp lấy vai cô, nhưng ngay khi anh vừa chạm vào, cô đã giật lại. Anh có thể cảm nhận lớp vải lụa của chiếc váy ngủ dưới đầu ngón tay mình.

“Rachel – em yêu – đừng vậy mà...”

Cô chật vật kìm nén tiếng khóc. “Đừng ngăn em,” cô nói. “Đừng cản em, Louis. Em chỉ đủ sức nói về chuyện này một lần thôi, về sau, em không muốn nhắc lại lần nào nữa. Có lẽ với tình hình này, em sẽ thao thức cả đêm.”

“Nó khủng khiếp đến vậy sao?” Anh hỏi dù đã biết câu trả lời. Nó lý giải rất nhiều thứ, thậm chí cả những điều trước nay anh chưa liên kết được hoặc chỉ loáng thoáng nghĩ ngờ chột ùn ùn dâng lên trong tâm trí. Anh nhận ra cô chưa bao giờ đi viếng đám tang nào cùng anh, ngay cả đám tang của Al Locke, cậu sinh viên y khoa thiệt mạng khi chiếc xe cậu lái va chạm với một xe chở rác. Al hay đến chung cư của họ chơi, và Rachel rất quý cậu này. Nhưng vào ngày tổ chức tang lễ, cô lại không đến.

Ngày hôm đó cô ấy bị ốm, chột Louis nhớ ra. Bị cảm cúm hay gì đó. Trông có vẻ nghiêm trọng. Nhưng hôm sau, cô ấy đã ổn ngay.

Phải nói là sau khi tang lễ kết thúc, vợ mình đã khỏe lại mới đúng, anh sửa. Anh nhớ lúc đó mình nghĩ khéo có khi căn bệnh của cô từ tinh thần mà ra.

“Khủng khiếp lắm. Tệ hơn rất nhiều so với những gì anh có thể tưởng tượng. Louis, cả nhà em đã phải chứng kiến chị ấy chết dần chết mòn qua từng ngày mà chỉ biết bất lực. Lúc nào cũng phải chịu đau đớn. Cơ thể như quắt lại... như tự rúm ró vào... vai gù lên, mặt chảy sệ đến độ chẳng khác nào mặt nạ. Tay co quắp như chân chim. Thỉnh thoảng em phải cho chị ấy ăn. Em ghét lắm, nhưng em vẫn làm mà không cần nhần gì. Khi cơn đau chuyển nặng, họ bắt đầu cho chị ấy dùng thuốc, ban đầu nhẹ rồi dần dà chuyển sang những loại sẽ khiến chị ấy thành con nghiện nếu còn sống. Nhưng tất nhiên mọi người

đều biết chị ấy chẳng còn sống được bao lâu. Em đoán đó là lý do mọi người xem chị ấy như... như bí mật. Vì nhà em muốn chị ấy chết, Louis, nhà em ước gì chị ấy chết, không phải để chị ấy không chịu đau đớn nữa, mà là để *nhà em* không chịu đau đớn nữa, là vì chị càng lúc càng giống quái vật, càng lúc càng trở thành một con quái vật... ôi Chúa ơi em biết những lời đó nghe thật tệ hại...”

Cô đưa tay bưng mặt.

Louis nhẹ nhàng chạm vào cô. “Rachel, nghe chẳng có gì tệ hại cả.”

“Có mà!” Cô ré lên. “Có mà!”

“Những lời đó nghe đúng sự thật thôi,” anh nói. “Người bị bệnh lâu năm thường trở thành con quái vật ngang ngược, khó ưa. Bệnh nhân chịu đau đớn lâu dài mà như thánh hiền chỉ là hư cấu lãng mạn thôi. Đến lúc bệnh nhân nằm liệt giường bắt đầu bị thối loét ở mông, người đó sẽ cắt, sẽ xẻ nhỏ, sẽ lan truyền nỗi khổ sở cho mọi người xung quanh. Họ bức bách quá rồi, nhưng điều đó chẳng giúp được những người trong cuộc.”

Cô nhìn anh, ngạc nhiên... gần như hy vọng. Và rồi nghi ngờ lại lần lượt xuất hiện trên gương mặt cô. “Anh đang bịa em.”

Anh mỉm cười nghiêm túc. “Em muốn anh đưa em xem sách giáo khoa không? Cả số liệu thống kê tự sát nữa? Em muốn xem thử không? Ở những gia đình có bệnh nhân mắc chứng nan y chăm sóc tại nhà, số liệu tự sát vọt thẳng đến tầng bình lưu trong sáu tháng sau khi bệnh nhân qua đời.”

“*Tự sát ư*”

“Họ uống thuốc, hoặc dùng ống xả thải, hoặc bắn vỡ sọ não. Cảm giác căm ghét... mệt mỏi... kinh tởm... buồn bã...” Anh nhún vai rồi áp hai bàn tay siết thành nắm đấm vào nhau. “Những người còn ở lại bắt đầu cảm thấy mình như kẻ sát nhân. Nên họ kết liễu mạng sống.”

Sự nhẹ nhõm rồi bời, đầy tổn thương dần mạnh nha trên khuôn mặt sưng húp của Rachel. “Chị ấy lúc nào cũng đòi hỏi... nanh nọc. Thỉnh thoảng còn cố tình tè ra giường. Thấy vậy, mẹ em hỏi chị có cần ai dìu đến nhà vệ sinh không... về sau, khi chị không ngồi dậy được nữa, mẹ em hỏi chị ấy có muốn dùng bộ găng vào giường không. nhưng lần nào Zelda cũng bảo không... rồi cố tình tè ra giường để mẹ em hoặc cả hai mẹ con em phải thay khăn trải giường. chị ấy bảo mình không cố ý, nhưng nụ cười hiện lên trên mặt chị, Louis ạ. Nó rành rành ra đấy. Căn phòng lúc nào cũng khai mùi nước tiểu và mùi thuốc... chị ấy có mấy hộp thuốc có mùi y như Kẹo Ngậm Ho Cherry Dại Smith Brothers và cái mùi ấy ám cả không gian... có những đêm em tỉnh giấc... đến tận giờ em vẫn tỉnh giấc mà tưởng mình ngủ thấy mùi Kẹo Ngậm Ho Cherry Dại... và em tự hỏi... nếu em chưa tỉnh ngủ hẳn, có lẽ em sẽ tự hỏi ‘Zelda chết chưa? Chết chưa?... Em tự hỏi...”

Rachel nấc lên từng hồi. Louis nắm lấy tay vợ, cô cuống cuống siết lấy tay anh thật chặt, thật thống thiết.

“Lúc nhà em thay đồ cho chị, ai cũng thấy tám lưng cong vẹo, biến dạng của chị ấy. Lúc sắp sửa ra đi, Louis, lúc sắp sửa ra đi, chừng như... chừng như朦胧 chị chạy lên giữa lưng.”

Giờ thì đôi mắt đẫm lệ của Rachel chứa đựng đầy vẻ hãi hùng, bàng hoàng của đứa trẻ nhớ lại cơn ác mộng ghê gớm liên tục xuất hiện.

“Có những lúc chị dùng... dùng tay chạm vào em... những ngón tay co quắp... khi đó em thiếu điều gào thét cầm chị ấy làm vậy, có lần em làm đổ xúp lên tay mình khi chị giơ tay sờ vào mặt em, vì thế em bị bỏng, và em đã hét âm lên... em còn khóc nữa, nhưng chưa hết, em có thể thấy nụ cười hiện lên trong mắt chị.

Càng về cuối, thuốc càng mất tác dụng. Lúc đó, chị ấy thét gào mãi không thôi, cả nhà em chẳng còn nhớ con người chị ngày xưa ra sao nữa, kể cả mẹ. Chị chỉ còn là *cái thứ* kinh tởm, nanh nọc, suốt ngày gào rú trong phòng ngủ đằng sau... bí mật bẩn thỉu của nhà em.”

Rachel nuốt nước bọt. Họng cô kêu đánh ực.

“Bố mẹ em vắng nhà vào hôm chị ấy... chị ấy... anh hiểu không, cái hôm.”

Rachel chật vật bóp nặn từng chữ.

“Lúc chị ấy *chết*, bố mẹ em vắng nhà. Bố mẹ ra ngoài nhưng em ở nhà với chị. Khi đó đang là Lễ Vượt qua nên bố mẹ em ra ngoài một lát để gặp bạn bè. Chỉ vài phút thôi. Em ngồi trong nhà bếp đọc tạp chí. À nói đúng hơn là mắt em đang hướng vào nó. Em đợi đến giờ cho chị ấy uống thêm thuốc, vì chị ấy đang hết âm ỉ. Gần như ngay khi bố mẹ em vừa ra khỏi nhà, chị ấy cứ thế gào thét. Thét kiểu đấy thì em làm sao đọc tạp chí nổi. Và rồi... ừm, chuyện là... à ừm... Zelda ngừng hét. Louis, khi đó em mới tám tuổi thôi... đêm nào em cũng gặp ác mộng. một suy

nghĩ chồm lên trong đầu em, rằng chị ấy ghét em vì lưng em thẳng, vì em không phải chịu cơn đau triền miên, vì em có thể đi lại, vì em có thể sống tiếp... em rơi vào tưởng tượng chị ấy muốn giết em. Chỉ có điều, Louis ạ, cho đến tận đêm nay, em nghĩ đó chẳng phải là tưởng tượng của em đâu. Đến giờ, em vẫn nghĩ ngày đó, chị ấy căm hận em. Chắc chị sẽ không giết em, nhưng nếu bằng cách nào đó có thể chiếm đoạt cơ thể em... đẩy em ra khỏi cơ thể này như trong truyện cổ tích... em nghĩ chị ấy sẽ xuống tay làm ngay. Nhưng khi chị ấy ngừng hét, em bước vào kiểm tra tình hình... xem chị ấy có bị ngã hay trượt khỏi gối hay không. Lúc bước vào trong nhìn, em tưởng chị ấy nuốt phải lưỡi mình vì chị ấy đang sắp sửa chết nghẹn. Louis..." Giọng của Rachel lại rít lên, đầy nước mắt, giống trẻ con đến đáng sợ, như thể cô đang thoái triển, sống lại ký ức năm xưa. "Louis, lúc đó em chẳng biết phải làm gì! Em mới tám tuổi thôi!"

"Phải, làm sao mà em biết được," Louis nói. Anh quay sang ôm cô vào lòng, và Rachel quính quáng níu lấy anh như kẻ bơi kém vừa bị lật thuyền ngay giữa hồ nước mênh mông. "Có ai trách cứ em về chuyện đó không?"

"Không," cô nói, "không ai mắng mỏ em gì cả. Nhưng cũng chẳng có ai khiến khoảng thời gian ấy dễ thở hơn. Không ai có thể quay ngược thời gian và ngăn nó không xảy ra, Louis. Hóa ra không phải chị ấy nuốt phải lưỡi mình. Chị ấy bắt đầu phát ra âm thanh, nói sao nhỉ — *Gaaaaaa* — giống vậy đấy..

Vừa hoảng loạn vừa kể lại từ đầu chí cuối cái ngày oan nghiệt ấy, cô bắt chước xuất sắc tiếng động mà người chị Zelda

kêu lên, để rồi tâm trí Louis chợt lóe lên hình ảnh của Victor Pascow. Anh siết chặt vợ vào lòng.

“... và nước bọt, nước bọt nhoe nhoét chảy xuống cằm chị ấy...”

“Rachel, thế đủ rồi,” anh nói, giọng không khỏi run run. “Anh ý thức được các triệu chứng mà.”

“Em đang giải thích,” cô búống bình nói. “Em đang giải thích lý do em không thể viếng đám tang của bà Norma tội nghiệp, lý do vợ chồng mình to tiếng với nhau hôm nọ...”

“Suyt, chuyện qua rồi.”

“Với em thì chưa,” cô nói. “Em còn nhớ như in, Louis ạ. Em nhớ nó chẳng kém gì nhớ cảnh tượng Zelda chị gái em ngạt thở đến chết trên giường vào ngày 14 tháng 4 năm 1963.”

Cả căn phòng lặng im như tờ suốt một lúc lâu.

“Em lật chị ấy áp bụng xuống rồi vỗ lưng,” mãi lúc sau, Rachel mới kể tiếp. “Em chỉ biết làm thế. Chân chị ấy giãy giụa lên xuống... hai cẳng chân cong quèo... em nhớ mình đã nghe thấy tiếng như tiếng đánh rầm... em cứ tưởng là chị ấy hay em vừa đánh rầm, nhưng không phải, mà là tiếng phần áo dưới cánh tay em bị bực chỉ khi em lật người chị ấy. Thế rồi chị ấy bắt đầu... bắt đầu co giật... em nhìn thấy mặt chị thấy quay tới quay lui, úp vào gối, và em đã thấm nhủ, ồ, chị ấy đang bị ngạt thở, Zelda đang ngạt thở kìa, bố mẹ về nhà sẽ bảo em đã bóp ngạt chị ấy, giết chết chị ấy, bố mẹ sẽ bảo *con ghét chị ấy lắm mà, Rachel*, mà đúng thật là thế, và rồi họ sẽ nói *con muốn chị con chết chứ gì*, điều này cũng đúng. Bởi vì, Louis ạ, anh biết không, suy nghĩ đầu tiên vụt qua tâm trí em khi chị ấy bắt đầu co giật

trên giường, em vẫn nhớ như in, suy nghĩ đầu tiên là *Ôi tốt quá, đời mãi, Zelda ngạt thở rồi, chuyện này sắp kết thúc rồi*. Thế là em lật người chị ấy lại, và mặt chị ấy đen thui, Louis, mắt thì lồi ra, cổ thì sưng vù lên. Rồi chị ấy chết. Em lùi ra khỏi phòng. Chắc em muốn lùi ra khỏi cửa nhưng chẳng may tông vào tường làm một bức tranh rơi xuống, đó là bức tranh từ tác phẩm *Phù thủy xứ Oz* mà trước khi ngã bệnh, Zelda rất thích, hồi chị ấy còn nhỏ, bức tranh Phù thủy Oz Vĩ đại và Ghê gớm, nhưng Zelda lúc nào cũng gọi nhân vật này là Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm, chị ấy không phát âm được rõ chữ, nghe cứ như Elmer Fudd^[15E]. Mẹ em đóng khung bức tranh ấy vì... vì Zelda thích nó nhất... Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm... thế mà nó rơi xuống sàn đánh choang, mặt kính bể tan tành, còn em chỉ biết la thất thanh vì em hiểu chị ấy đã chết, và em đã nghĩ... hẳn khi đó em đã nghĩ hồn ma chị ấy đang về bắt em, và em biết hồn ma đó căm ghét em chẳng thua gì chị, nhưng hồn ma thì không mắc kẹt trên giường, nên em cứ thế mà hét... vừa chạy ra khỏi nhà, em vừa hét "*Zelda chết rồi! Zelda chết rồi! Zelda chết rồi!*" Thế là hàng xóm ló ra... họ đến xem có chuyện gì... họ thấy em chạy xuống đường với chiếc áo rách toạc phần nách... em hét thất thanh '*Zelda chết rồi!*' Louis, em đoán có lẽ người ta tưởng em khóc nhưng em nghĩ... em nghĩ có khi em đã cười, Louis ạ. Có lẽ em đã cười ha hả.

"Nếu em làm thế thì anh nghiêng mình giơ tay chào," Louis nói.

“Anh nói thế chứ chẳng phải vậy,” Rachel khẳng định chắc nịch, như một người đã ngẫm đi ngẫm lại, ngẫm tới ngẫm lui một vấn đề. Anh để nó qua. Anh nghĩ rồi có lẽ có thể rũ bỏ được ký ức khủng khiếp, hình tởm đã ám ảnh suốt khoảng thời gian dài này — chỉ ít là phần lớn — nhưng phần này thì không. Không bao giờ có thể quên đi hoàn toàn, Louis Creed chẳng phải nhà tâm thần học, song anh biết có những thứ người ta cố gắng vùi lấp trong đời, và rằng con người lúc nào cũng bị thôi thúc tìm đến những thứ này, lôi chúng ra, bất chấp chúng khiến họ rớm máu. Đêm nay, Rachel đã lôi gần như toàn bộ ra ngoài, tựa cái răng sau gớm ghiếc, thổi rửa hôi hăm, thân răng đen đúa, dậy thần kinh bị nhiễm trùng, chân răng thối hoảng. Nó rời ra rồi. Cứ mặc tế bào độc hại cuối cùng ở đó; nếu Chúa nhân từ, nó sẽ không tác oai tác quái, ngoại trừ trong những giấc mơ sâu thẳm nhất. Riêng việc có đủ sức loại bỏ được phần lớn những gánh nặng ấy như vừa rồi đã là một điều vô tiền khoáng hậu – nó không chỉ cất lên sự can đảm của cô mà còn thánh thót ca vang nó, Louis nhìn vợ đầy bồi hồi. Anh những muốn reo hò chúc mừng cô.

Đoạn anh đứng dậy bật đèn. “Có,” anh nói. “Anh nghiêng mình trước em. Và nếu anh cần thêm một lý do để... để căm ghét bố mẹ em thì anh có rồi đấy. Lý ra không bao giờ được để em ở nhà một mình với chị gái, Rachel ạ. *Không bao giờ.*”

Như một đứa trẻ — đứa trẻ tám tuổi vốn là cô ngày xưa, khi biến cố kinh khủng, rợn người ấy ập xuống – cô gắt lên với anh: “Lou à, đó là mùa Lễ Vượt qua...”

“Có là Ngày Phán xét đi chẳng nữa thì anh cũng không quan tâm,” Louis chột gằn giọng khiến cô bất giác rụt lại. Anh nhớ lại hai sinh viên y vốn đến bệnh xá làm tình nguyện viên, đen đủi thế nào lại trực đúng buổi sáng Pascow được khiêng vào trong tình trạng hấp hối. Một trong hai người – một phụ nữ nhỏ con mà cứng cỏi mang tên Carla Shavers đã quay lại vào ngày hôm sau và làm việc hăng say đến độ ngay cả Charlton còn phải trầm trồ. Riêng người còn lại thì bỏ cửa chạy lấy người. Louis không lấy làm ngạc nhiên và cũng không trách cô gái ấy.

Lúc đó y tá ở đâu? Đáng lý họ phải sắp xếp một y tá chính quy thăm nom... họ đi ra ngoài, họ thản nhiên đi ra ngoài và để một đứa trẻ tám tuổi ở nhà với người chị gái có thể ra đi bất cứ lúc nào và đầu óc khả năng cao đã phát điên. Vì sao họ lại làm thế? Vì đó là mùa Lễ Vượt qua. Và vì buổi sáng hôm ấy, bà Dory Goldman trang nhã không chịu nổi thứ mùi xú uế đó nữa nên phải tìm cách ra khỏi nhà dù chỉ một lát. Vì thế Rachel phải nhận nhiệm vụ. Đúng chưa, thưa quý vị và các bạn? Rachel phải nhận nhiệm vụ. Miệng còn hôi sữa, tóc tết thành bím, áo cảnh. Rachel đã phải nhận nhiệm vụ khốn kiếp ấy. Rachel ở nhà và cắn răng chịu đựng thứ mùi hôi tanh đó. Hằng năm, họ đưa cô đến Camp Sunset ở Vermont trong sáu tuần làm gì nếu không phải để chịu đựng mùi thối từ cô chị điên loạn đang chết dần chết mòn ấy? Mười bộ áo sơ mi kèm áo len cho Gage, sáu chiếc váy mới cho Ellie, và tôi sẽ chi trả tiền học y cho cậu nếu cậu tránh xa con gái tôi... nhưng cuốn sổ séc tiền nghìn bạc vạn kia đâu khi con gái ông bị căn bệnh viêm màng não tủy, còn cô con gái út thì phải ở nhà một mình với chị gái, lão khốn nạn kia? Mẹ kiếp, các người không kiếm được y tá nào ư?

Louis ngồi dậy, rời khỏi giường.

“Anh đi đâu thế?” Rachel chột dạ hỏi.

“Lấy cho em viên Valium.”

“Anh biết em không...”

“Tối nay thì có,” anh nói.

Cô uống thuốc rồi kể nốt với anh phần còn lại của câu chuyện. Cho đến cuối, giọng cô rất bình tĩnh. Viên thuốc an thần đã phát huy tác dụng.

Người hàng xóm cạnh nhà đã tìm thấy cô bé Rachel tám tuổi rúm ró ngồi sau cái cây và hét thất thanh “Zelda chết rồi!” hết lần này đến lần khác. Rachel bị chảy máu cam nên cả người dính đầy máu. Và cũng chính người hàng xóm này đã gọi xe cứu thương và gọi cho bố mẹ cô; sau khi cầm máu mũi cho Rachel và đưa cho cô tách trà nóng cùng hai viên aspirin để cô bé dịu lại, bà đã hỏi được cô bé bố mẹ đi đâu – hóa ra họ đi thăm vợ chồng nhà Cabron ở bên kia thị trấn; Peter Cabron là kế toán làm việc cho công ty của bố cô.

Buổi tối hôm ấy, man có những chuyển biến lớn lao. Zelda đã ra đi. Phòng được dọn dẹp và xịt khử trùng sạch sẽ. Đồ đạc đều vứt đi cả. Căn phòng trống trơn. Về sau – rất lâu sau này – nơi này trở thành phòng may vá của bà Dory Goldman.

Cơn ác mộng đầu tiên phá bình giấc ngủ của Rachel vào buổi tối hôm ấy, và khi tỉnh giấc lúc hai giờ sáng, hét âm lên gọi mẹ, cô bé kinh hoàng nhận ra mình không thể nhúc nhích ra khỏi giường. Lưng đau như cắt. Cô bé đã bị treo lưng khi dịch chuyển người Zelda. Adrenalin dâng cao, cô bé gom góp được sức lực bật người dậy mạnh đến độ toạc cả áo.

Chuyện cô bé treo lưng khi cố gắng cứu Zelda không bị ngạt thở là điều hết sức giản đơn, hiển nhiên, rõ như ban ngày. Ai cũng hiểu, chỉ có điều bản thân Rachel thì không. Rachel định ninh đấy là Zelda trả thù mình từ dưới mồ. Zelda biết Rachel vui vì chị gái đã chết; Zelda biết khi nhào ra khỏi nhà và hét toáng lên *Zelda chết rồi, Zelda chết rồi*, Rachel đang cười chứ không phải đang gào thét; Zelda biết mình đã bị giết hại nên mới truyền căn bệnh viêm màng não tủy cho Rachel, và chẳng bao lâu sau, lưng cô bé sẽ bắt đầu cong vẹo, biến dạng, cô sẽ nằm chết di trên giường, từ từ biến thành con quái vật, bàn tay khoắm lại như móng vuốt.

Sau một thời gian, cô bé sẽ gào thét vì đau đớn như Zelda từng làm, tè ra giường và cuối cùng là chết nghẹn vì lưỡi lọt xuống họng. Đó là sự trả thù của Zelda.

Không ai thuyết phục được Rachel vứt bỏ suy nghĩ ấy; kể cả mẹ cô, bố cô hay bác sĩ Murray, ông chẩn đoán Rachel bị treo lưng nhẹ rồi cộc cần (một số người, như Louis chẳng hạn, sẽ bảo ông thật độc ác) bảo cô bé thôi cái trò quấy phá đi. Bác sĩ Murray nói cô bé phải nhớ chị gái mình vừa qua đời; bố mẹ cô đang sức cùng lực kiệt vì đau buồn nên đây không phải thời điểm thích hợp để Rachel làm mình làm mẩy. Cơn đau dần nguôi đi, và đó là điều duy nhất thuyết phục được cô không phải chịu sự trả thù của Zelda, cũng không bị Chúa trừng phạt vì ác độc. Hàng tháng trời sau đó (cô kể với Louis như vậy; nhưng thật ra là những tám năm ròng rã), cô liên tục giật mình tỉnh dậy sau khi mơ thấy ác mộng chị gái mình chết, và trong bóng tối, tay của Rachel sẽ vội đưa ra sau lưng để kiểm tra xem

nó có thẳng thớm hay không. Trong dư âm đáng sợ của cơn ác mộng, cô thường tưởng tượng cánh cửa tử sẽ mở toang, Zelda nhào ra, người xanh xao, cong vẹo, mắt trắng dã, cái lưỡi đen đúa thè ra khỏi môi, tay khoằm thành móng vuốt để giết kẻ sát nhân đang rúm ró trong giường với hai tay bầu chặt vào hông...

Cô không dự đám tang của Zelda cũng không viếng đám tang nào kể từ đó.

“Nếu em kể với anh từ trước,” Louis nói, “anh đã hiểu ra rất nhiều điều.”

“Lou, em không kể nổi,” cô khẽ nói. Trông cô có vẻ ngái ngủ. “Từ dạo đó... em hơi sợ đề cập đến chủ đề này.”

Hơi sợ thôi à, Louis thăm nhủ. Ừ, đúng rồi.

“Em không thể... em không làm nổi. Trong đầu, em biết anh nói đúng, rằng cái chết là điều hết sức tự nhiên, thậm chí là đúng đắn – nhưng những gì tâm trí em biết và những gì xảy ra... bên trong em lại...”

“Ừ,” anh đáp.

“Hôm đó em trút giận lên anh,” cô nói tiếp, “em biết Ellie khóc vì mới hiểu ra điều đó... đó là cách con bé tập làm quen... nhưng em không kìm nổi. Em xin lỗi, Louis.”

“Em không cần xin lỗi đâu,” anh vuốt tóc cô. “Nhưng thôi kệ, anh chấp nhận lời xin lỗi đấy, nếu nó làm em nhẹ lòng hơn.”

Cô mỉm cười. “Anh biết là có mà. Em thấy nhẹ lòng hơn rồi này. Em cảm thấy như thể đã nôn ra được thứ đầu độc em bao năm qua.

“Có lẽ là thế.”

Mắt Rachel dần khép, rồi lại mở ra... thật chậm. “Và đừng trách bố em, Louis ạ. Em xin anh. Khoảng thời gian ấy, bố mẹ em cực lắm. Hóa đơn cho Zelda cứ gọi là cao đến choáng váng. Bố em để lỡ cơ hội mở rộng xuống vùng ngoại ô, còn doanh số của hàng trung tâm lại đi xuống. Chưa hết, đến mẹ em cũng gần như hóa điên.

Chắc, rốt cuộc thì mọi chuyện cũng qua. Tựa hồ cái chết của Zelda là hồi chuông báo hiệu thuận hòa sắp đến. Kinh tế suy thoái, nhưng rồi tiền nới rộng, bố em được cấp khoản vay, phát lên như điều gặp gió. Nhưng em nghĩ đó là lý do bố mẹ em quản em rất chặt. Không phải chỉ vì họ còn mỗi mình em...”

“Mà là họ thấy tội lỗi,” Louis nói.

“Có lẽ là vậy. Anh sẽ không giận em nếu em ôm vào ngày chôn bà Norma chứ?”

“Không, em yêu, anh không giận đâu.” Anh ngưng lại rồi cầm tay cô. “Anh dắt theo Ellie được không?”

Tay cô siết chặt anh. “Ôi, Louis, em không biết nữa,” nỗi sợ hãi len lỏi trong giọng cô. “Con còn nhỏ quá...”

“Con gái mình biết trẻ con đi ra từ đâu cả năm nay rồi,” anh nhắc vợ.

Cô im lặng hồi lâu, ngược nhìn trần nhà và căn môi. Mỗi lúc sau, cô mới cất tiếng. “Thôi thì nếu anh nghĩ đó là điều tốt nhất. Nếu anh nghĩ nó không... không làm con bé tổn thương”

“Qua đây nào, Rachel,” anh nói, và đêm hôm ấy, cô ngủ áp lưng vào lòng anh, và khi cô tỉnh giấc vào giữa đêm, khi Valium đã hết tác dụng, anh vỗ về, thì thầm vào tai cô rằng mọi thứ vẫn ổn, thế rồi cô lại ngủ thiếp đi.

“P đàn ông — và phụ nữ — tựa hoa trong thung lũng, hôm nay bung nở, để rồi mai buông mình trong bếp lò: đời người chóng vánh như mùa: có đến rồi lại có đi. Ta hãy cùng cầu nguyện.”

Diện chiếc váy màu xanh hải quân mua cho riêng dịp này, Ellie đột ngột cúi đầu xuống khiến Louis lúc ấy ngồi cạnh cô bé trên hàng ghế nghe thấy tiếng cổ cô bé răng rắc. Ellie mới chỉ dự lễ ở một vài nhà thờ, và tất nhiên đây là lần đầu tiên có bé viếng đám tang; cả hai điều làm cô bé chỉ biết choáng ngợp im lặng.

Với Louis, đây là dịp hiếm hoi anh được dõi theo con gái mình. Dành trọn tình yêu thương cho hai con, chẳng mấy khi anh có thể quan sát cô bé một cách khách quan; nhưng hôm nay, anh nghĩ anh đang được chứng kiến một trường hợp gần như chuẩn sách giáo khoa khi đứa trẻ tiến đến phần cuối giai đoạn phát triển chính đầu tiên trong đời, sinh vật với khối óc tò mò thuần túy, hồi hải tích trữ thông tin không ngừng nghỉ. Ellie kiêu lờ đến lạ lùng, ngay cả khi ông Jud, với vẻ ngoài lạ lùng nhưng lịch thiệp trong bộ vest màu đen và giày buộc dây (Louis tin đây là lần đầu tiên anh từng thấy ông mang một đôi giày mà

không phải giày lười hoặc ủng cao su màu xanh), cúi xuống thơm cô bé và bảo: “Ta rất vui vì cháu đến. Ta đoán bà Norma cũng vậy.”

Ellie ngẩn ra nhìn ông, đôi mắt long lanh, bối rối chẳng nói nên lời. Đây là chuyện ngàn năm có một với cô bé.

Và rồi mục sư giám lý Đức cha Laughlin cất lời ban phước, cầu xin Chúa đoái xem họ và ban bình an cho họ.

“Xin mời người khiêng hòm tiến lên phía trước,” ông nói.

Louis dợm đứng dậy song bị Ellie níu lại, quỳnh quáng giữ lấy tay anh. Trông cô bé có vẻ sợ hãi: “*Bố ơi!*”, cô bé cố thì thầm nhưng vẫn oang oang. “*Bố đi đâu vậy?*”

“Bố nằm trong số những người khiêng hòm, con yêu,” Louis đáp, khẽ ngồi xuống cạnh cô bé rồi vòng tay ôm vai cô. “Có nghĩa là bố sẽ giúp đưa bà Norma ra ngoài. Tổng cộng có bốn người thực hiện nhiệm vụ này – bố, hai cháu trai của ông Jud và anh rể của ông.”

“Con sẽ đi đâu để tìm bố ạ?” Khuôn mặt của Ellie vẫn căng thẳng, cứng đờ và sợ hãi.

Louis liếc tới trước. Ba người trong đội khiêng hòm đã tập trung bên cạnh ông Jud. Đoàn viếng dẫn tản mác, có vài người vẫn nỉ non khóc. Anh trông thấy Missy Dandridge, không còn rơi nước mắt nhưng mắt đỏ hoe, cô giơ một tay lên khẽ chào anh.

“Con chỉ cần ra chỗ bậc thang là được, bố sẽ gặp con ở đó,” anh nói. “Được chứ, Ellie?”

“Vâng,” cô bé đáp. “Bố đừng quên con đấy.”

“Sao mà quên được.”

Anh đứng dậy thì lại bị cô con gái kéo tay lại.

“Bố ơi?”

“Sao nào con yêu?”

“Bố đừng đánh rơi bà,” Ellie thì thầm.

Louis đến chỗ mọi người thì được ông Jud giới thiệu với các cậu cháu trai, vốn là họ hàng cách hai ba đời... là con cháu của em trai bố ông Jud. Hai cậu thanh niên to con tuổi đôi mươi với nét mặt trông giống nhau như tạc. Louis đoán em trai của bà Norma độ cuối tuổi ngũ tuần, và dù trên mặt ông vẫn hằn rõ nỗi đau mất một thành viên trong gia đình, ông vẫn gồng mình ra vẻ rắn rỏi.

“Hân hạnh được gặp mọi người” Louis chào. Anh cảm thấy hơi bối rối khi mình là người ngoài so với quan hệ máu mủ ruột rà của họ.

Họ gật đầu chào anh.

“Ellie ổn chứ?” Ông Jud quan tâm và gật đầu với cô bé. Cô bé lăn tăn đứng ngay cổng quan sát.

Chắc chắn rồi – con bé chỉ muốn đảm bảo cháu không bốc hơi chẳng để lại tăm tích ấy mà, Louis nghĩ thầm và suýt nữa thì mỉm cười. Nhưng rồi suy nghĩ này lại dẫn tới một suy nghĩ khác: *Phù thì Oz Dĩ đại và Ghia gớm.* Nụ cười tắt ngúm.

“Vâng, không sao đâu ạ,” Louis đáp và giơ tay lên chào con gái. Cô bé giơ tay đáp lại rồi bước ra ngoài, xúng xính trong chiếc váy xanh. Trong khoảnh khắc, Louis ngọt ngào đứng hình trước vẻ trưởng thành của cô con gái. Ảo giác ấy đủ sức để khiến người ta khựng lại, bất kể nó chóng vánh ra sao.

“Mọi người sẵn sàng chưa?” Một cậu cháu trai cất tiếng.

Louis gật đầu, em trai của bà Norma cũng vậy.

“Nhờ mọi người khiêng nhẹ nhàng nhé,” ông Jud nói. Giọng ông gai góc. Đoạn ông quay đi, chậm rãi bước dọc lối đi, đầu cúi gằm.

Louis đi ra góc đằng sau, phía bên trái cỗ quan tài American Eternal màu thép xám mà ông Jud đã chọn cho bà. Anh nắm lấy tay móc, rồi cả bốn người bọn họ chậm rãi khiêng hòm của bà Norma vào bầu trời sáng trong, tê tái tháng Hai. Ai đó – anh đoán là người coi sóc nhà thờ – đã rải một lớp tro dày lên con đường phủ đầy tuyết trơn trượt. Trưởng dịch vụ đám tang và cậu con trai đô con đứng bên cạnh dõi theo, sẵn sàng giúp đỡ một tay nếu bất cứ ai trong số họ (ví dụ như em trai bà cụ chẳng hạn) bị trượt hay nghiêng ngã.

Ông Jud đứng cạnh anh, nhìn họ đẩy quan tài vào trong xe.

“Vĩnh biệt, bà Norma,” ông nói rồi châm điếu thuốc. “Mai này tôi và bà hội ngộ nhé.”

Louis quàng tay quanh vai ông Jud, còn em trai của bà Norma đứng sát ở phía bên kia, kéo cả người bên dịch vụ tang lễ cùng con trai vào. Hai cậu cháu trai lực lưỡng (hoặc em con chú) đã rời đi, sau khi hoàn thành công việc đơn giản là nâng và khiêng hòm. Hai cậu khá xa cách với họ hàng bên này; có lẽ họ chỉ biết khuôn mặt của bà cụ qua hình chụp và dăm ba cuộc thăm viếng cho phải phép – những buổi chiều dài lê thê lếch thếch phải chôn chân trong phòng khách, ăn bánh quy của bà Norma, uống bia của ông Jud, nghe tai này lọt tai kia những câu chuyện xưa về cái thời họ còn chưa có mặt trên đời, về những người họ chẳng hay biết, đầu óc thì mơ tưởng đến điều đáng lý

mình có thể làm lúc này (rửa xe, dùng kem Turtle đánh cho xế hộp bóng loáng, chơi bowling cùng cả đội, hoặc chỉ đơn giản là túm tụm ngồi quanh ti vi xem trận đấu quyền anh với đám bạn), và mừng rơn được rời khỏi đó khi chuyến thăm kết thúc.

Họ hàng phía ông Jud đều đã trở thành người thiên cổ; tựa hồ một mảnh xói mòn trôi dạt khỏi hành tinh mẹ, tiêu hao dần, chỉ còn là hạt bụi. Quá khứ. Những bức hình trong album ảnh. Những câu chuyện xưa cũ tỉ tê trong những căn phòng chừng như quá nóng – họ chưa già, khớp chưa bị viêm, máu chưa bị giảm tiểu cầu. Quá khứ là những kẻ trốn chạy phải chộp lại, mang theo rồi thả ra. Suy cho cùng, nếu cơ thể con người là phong bao chứa đựng linh hồn – những lá thư Chúa gửi vào vũ trụ – như hầu hết nhà thờ truyền dạy, thì quan tài American Eternal là phong bao chứa đựng thể xác, và với hai cậu cháu trai hoặc họ hàng xa này, quá khứ chỉ là lá thư chết cần được cất đi.

Chúa cứu rồi quá khứ, Louis nghĩ rồi rùng mình chẳng vì lý do gì – ngoài việc rồi một ngày nào đó, anh cũng sẽ xa cách với chính máu mủ của mình như thế, các đời con cháu của em trai anh, hoặc cháu của anh, nếu như anh còn sống thọ đến lúc Ellie và Gage sinh con đẻ cái. Tâm trí anh tập trung sang thứ khác. Dòng tộc ngày một lụi tàn. Những gương mặt thơ trẻ nhìn từ những bức ảnh cũ.

Chúa cứu rồi quá khứ, anh lại nghĩ rồi siết chặt tay quanh đôi vai của ông cụ.

Những người dẫn đường đặt hoa ra sau xe tang. Cửa sổ đằng sau chiếc xe dần nâng lên rồi đóng cạch vào khớp. Louis quay trở lại chỗ con gái, đoạn hai bố con bước đến chiếc xe Civic,

Louis nắm tay Ellie để cô bé không trượt chân trong đôi giày xịn để da. Xe hơi trầm trầm khởi động.

“Sao người ta lại bật đèn xe lên vậy bố?” Ellie ngạc nhiên hỏi. “Sao giữa ban ngày mà lại bật đèn thế ạ?”

“Họ làm thế,” Louis cất tiếng, nghe thấy giọng mình khản đục, “để tưởng niệm người đã mất, Ellie ạ.” Anh kéo núm bật đèn pha của chiếc Civic. “Đi nào.”

Cuối cùng, hai bố con về nhà sau khi dự lễ trước khi hạ huyết (thật ra lễ được tổ chức ở nhà thờ Mount Hope; phải đến mùa xuân thì họ mới tiến hành đào huyết cho bà Norma). Bỗng lúc ấy, Ellie òa lên nức nở.

Louis liếc nhìn con, ngạc nhiên nhưng không quá lo lắng. “Ellie, sao vậy con?”

“Không được ăn bánh nữa rồi,” Ellie giụa nước mắt. “Bánh quy yến mạch bà làm là ngon nhất quả đất. Nhưng giờ bà chẳng làm được nữa, vì bà chết rồi. Bố ơi, tại sao con người lại phải chết ạ?”

“Bố cũng không biết nữa,” Louis nói. “Có lẽ là để nhường chỗ cho bao nhiêu là người mới sinh ra chẳng. Những thế hệ sau như con hay em Gage chẳng hạn.

“Con sẽ không bao giờ lấy chồng, quan hệ và sinh con đâu!” Ellie tuyên bố, càng lúc càng bù lu bù loa. “Như vậy có khi con sẽ không phải chịu tình cảnh ấy! Khủng khiếp quá! Đáng sợ quá!”

“Nhưng nó đặt dấu chấm hết cho thống khổ,” Louis ôn tồn. “Là bác sĩ, bố đã chứng kiến rất nhiều thống khổ. Một trong những lý do bố chọn công việc ở trường đại học là vì bố thấy

một mỗi khi cứ phải mắt thấy tai nghe cảnh tượng đó hết ngày này qua ngày khác. Thanh niên trai tráng cũng hay bị đau... nhiều khi đau khủng khiếp... nhưng nó không giống nổi thống khổ.”

Anh ngưng một lúc.

“Con có tin không, khi người ta bước qua tuổi già, cái chết tự lúc nào không còn khủng khiếp hay đáng sợ như con nghĩ nữa. Với lại con còn thên thang những năm tháng phía trước mà.”

Khóc xong, Ellie sụt sịt rồi thôi. Trên đường về nhà, cô bé xin anh bật radio. Louis đồng ý, và cô bé rà được Shakin’ Stevens đang ca bài “Căn Nhà Cũ” trên WACZ. Chốc sau, cô bé lãnh lút hát theo. Khi hai bố con về đến nhà, cô bé chạy đến chỗ mẹ lúi lo kể về đám tang; thật khá khen cho Rachel khi cô chỉ im lặng lắng nghe đầy thương cảm và ngậm ngùi... dù Louis nghĩ trông cô khá nhợt nhạt và dăm chiêu.

Đoạn Ellie hỏi mẹ có biết làm bánh quy yến mạch không, nghe đến đấy, Rachel ngừng đan len, cất món đồ sang bên rồi đứng bật dậy như thể trông chờ điều này hoặc điều tương tự từ nãy đến giờ. “Có,” cô nói. “Con muốn làm một mẻ không?”

“Tuyệt vời!” Ellie hét âm lên. “Được hả mẹ?”

“Nếu bố con trông Gage một tiếng đồng hồ thì được.”

“Để anh trông cho,” Louis nói. “Chuyện nhỏ.”

Louis dành buổi tối đọc và ghi chú một bài báo dài trong tờ *Tập san Y học Duquesne*; đến hẹn lại lên, cuộc tranh cãi về chỉ phẫu thuật tự tiêu một lần nữa nổ ra. Cuộc đời của số ít những người này chỉ xoay quanh chuyện khâu vết thương thì phải, nó

đông dài chẳng thua kém gì ý kiến tâm lý cũ rích mà người ta tranh luận: bẩm sinh hay nuôi dưỡng.

Tối nay, anh định viết một lá thư không theo lẽ thường, chứng minh những luận điểm chính mà tác giả đưa ra hết sức nông cạn, chỉ biết trích ví dụ lợi cho bản thân trong khi nghiên cứu thì tệ lậu đến độ chẳng khác nào tội ác. Tóm lại, Louis kỳ vọng sẽ xóa sổ cái tên ngu độn này khỏi bản đồ – được thế thì chẳng còn gì bằng. Anh đang lục lợi kệ sách tìm cuốn *Treatment of Wounds* (tạm dịch: Chữa trị Vết thương) của Troutman thì Rachel bước xuống giữa cầu thang.

“Anh lên phòng không, Lou?”

“Chút nữa anh lên.” Anh liếc nhìn cô. “Mọi chuyện ổn chứ?”

“Hai con ngủ say rồi.”

Louis chăm chú nhìn vợ. “Hai con ngủ rồi còn em thì chưa.”

“Em ổn mà. Em đọc sách này giờ.”

“Em thấy khỏe thật chứ?”

“Thật,” cô nói, nụ cười nở trên môi. “Em yêu anh, Louis.”

“Anh cũng yêu em.” Anh liếc xuống kệ sách thì trông thấy cuốn sách của Troutman ngay chỗ anh đứng. Louis đặt tay lên cuốn sách.

“Church tha một con chuột vào nhà trong lúc anh và Ellie ra ngoài,” cô nói, cố mỉm cười. “Eo ôi, kinh lắm anh ạ.”

“Chà, Rachel, anh rất lấy làm tiếc.” Anh hy vọng giọng anh không bộc lộ nhiều tội lỗi như cảm giác lúc đó. “Khủng khiếp lắm à?”

Rachel ngồi xuống cầu thang. Trong chiếc váy ngủ flannel màu hồng, khuôn mặt mộc không son phấn, vàng trán căng

bóng, tóc buộc đuôi gà đằng sau bằng dây chun, trông cô như một đứa trẻ. “Em xử lý rồi,” cô kể, “nhưng anh biết không, em phải dùng đầu hút bụi để đánh con mèo ngu ngốc vì nó cứ canh chừng... cái xác ấy? Nó găm gù lên với em nữa kìa. Ngày trước, Church không bao giờ găm gù với em. Gần đây nó lạ quá. Anh có nghĩ nó bị viêm ruột hay gì không, Louis?”

“Không” anh từ tốn nói, “nhưng nếu em muốn thì để anh đưa nó đến bác sĩ thú y.”

“Em nghĩ không sao đâu,” cô nói rồi nhìn thẳng vào anh. “Nhưng anh lên phòng được không? Em hơi... em biết anh đang làm việc, nhưng mà...”

“Được chứ,” anh nói, đứng dậy như thể nó chẳng có gì quan trọng. Mà đúng thật là thế – anh biết giờ đây, lá thư ấy sẽ không bao giờ được viết ra, vì đoàn diễu hành cứ phăm phăm tiến lên, và ngày mai lại mang đến điều mới. Nhưng chẳng phải anh chính là kẻ chuốc lấy con chuột đó sao? Con chuột mà Church tha vào, hấn bị cào bết máu, ruột gan lủng lảng, có khi còn chẳng có đầu. Phải. Anh đã chuốc lấy nó. Nó là con chuột của anh.

“Mình đi ngủ thôi,” anh nói và tắt đèn. Anh cùng Rachel bước lên cầu thang. Louis vòng tay quanh eo vợ và yêu cô nồng nàn nhất có thể... nhưng ngay cả khi đi vào trong cô, cương cứng, anh vẫn nghe thấy văng vẳng bên tai mình tiếng rên rỉ của mùa đông ngoài khung cửa sổ băng giá, bản khoả Church, con mèo ngày trước thuộc về con gái anh và giờ thuộc về anh đang lẫn lút ở đâu, đang bám theo giết hại thứ gì. *Đất trong tim người cứng hơn đá*, anh thầm nghĩ, trong khi gió cứ cất tiếng ca

hun hút đắng cay, và cách đó thật xa, bà Norma Crandall, cụ bà từng đan cho hai con của anh cặp mũ đôi, nằm trong quan tài American Eternal màu xám thép trên phiến đá trong hầm mộ Mount Hope; có lẽ đến giờ này, tấm khăn trắng mà người làm dịch vụ tang lễ lèn vào má của bà giờ đã chuyển đen.

Ellie lên sáu tuổi. Vào sinh nhật của mình, cô bé trở về từ nhà trẻ với chiếc mũ giấy đội lệch trên đầu, vài bức tranh bạn bè vẽ tặng (trong bức ảnh dễ coi nhất, Ellie trông như cô bù nhìn thân thiện), và những câu chuyện kinh khủng về việc bị tép mông trong sân trường vào giờ ra chơi. Dịch cúm đã qua. Họ phải chuyển hai sinh viên lên Trung tâm Y tế Đông Maine, và nói không ngoa, Surrendra Hardu đã cứu mạng một cậu sinh viên ốm nguy kịch mang cái tên xấu ma chê quỷ hờn là Peter Humperton. Cậu Humperton này nôn mửa trong lúc đang nằm ngửa trên giường ở bệnh xá và suyết chút nữa thì chết sặc. Còn về phần Rachel, một cậu nhân viên xếp đồ tóc vàng ở cửa hàng A&P tại thành phố Brewer lọt vào mắt xanh của cô, và đêm đến, cô hào hứng mô tả với Louis về việc trông quần jeans của cậu thật căng chắc. “Có khi nhét toàn giấy vệ sinh,” cô đế thêm. “Khi nào em bóp cho biết,” Louis đề nghị. “Nếu cậu ta hét thì chắc hàng thật.” Rachel cười đến chảy nước mắt. Thời tiết âm độ với bầu trời tĩnh lặng xanh ngắt của tháng Hai qua đi, để rồi mưa và giá rét tháng Ba thay phiên nhau trút xuống, đường đầy ổ voi ổ gà cùng cùng những biển báo màu cam bày tỏ lòng tôn kính với Vị Thần ĐƯỜNG SỤT LÚN. Nỗi đau bất ngờ, đứt ruột

đứt gan mà chỉ người trong cuộc mới thấu của ông Jud Crandall cũng dần phôi phai, nỗi đau mà các nhà tâm lý học cho biết bắt đầu khoảng ba ngày sau khi người thân qua đời và cú thể trĩu nặng khoảng bốn đến sáu tuần trong hầu hết các trường hợp – giống khoảng thời gian mà người New England hay gọi là “đông rét đậm”. Nhưng con tạo cứ xoay vần, và thời gian hàn cảm xúc này vào cảm xúc khác cho đến khi chúng biến thành một thứ như cầu vồng. Nỗi đau thống thiết dần mềm hơn, dịu đi; nỗi đau mềm dịu dần trở thành niềm thương nhớ; thương nhớ cuối cùng trở thành khắc ghi – đó là quá trình có thể kéo dài từ sáu tháng đến ba năm mà vẫn được xem là chuyện bình thường. Cái ngày Gage cắt tóc lần đầu tiên đến rồi trôi qua, và khi thấy tóc cậu con trai ngày càng sậm màu, Louis chọc cậu bé và thầm hoài niệm tháng ngày đã vãng.

Xuân ghé qua và ở lại ít lâu.

Louis Creed nhận ra ngày cuối cùng anh được tận hưởng niềm hạnh phúc thật sự trong đời là ngày 24 tháng 3 năm 1984. Những điều sắp sửa ập đến, lăm le trên đầu họ như quả tạ chết người, còn cách đó sáu tuần nữa, nhưng khi ngẫm lại sáu tuần ấy, anh chẳng thấy ngày nào nổi bật với màu sắc tương tự, ảnh hưởng tương tự. Anh đoán dù những biến cố khủng khiếp ấy không xảy ra, ngày hôm ấy vẫn khắc ghi trong lòng anh mãi mãi. Bởi anh nghĩ, suy cho cùng, những ngày thực sự tuyệt vời — tuyệt vời từ đầu chỉ cuối — rất hiếm hoi. Có khi xét trong trường hợp lý tưởng nhất, cả cuộc đời con người chứa chứa tới một tháng những điều thực sự tuyệt vời. Louis có cảm tưởng Chúa trời, đáng uyên thâm khôn cùng, lại rất hào phóng khi ban phát nỗi đau.

Hôm ấy là chiều thứ Bảy, anh ở nhà trông Gage cho Rachel và Ellie đi mua tạp hóa. Hai mẹ con đi cùng ông Jud bằng chiếc xe bán tải IH '59 cũ kỹ và loảng xoảng, nhưng lý do không phải vì chiếc Civic hỏng hóc gì mà là vì ông cụ thật sự thích đi cùng hai mẹ con. Rachel hỏi Louis anh có trông Gage được không, anh đáp tất nhiên là có. Anh vui khi thấy cô ra ngoài cho khuây khỏa; sau mùa đông ở Maine, phần lớn là chôn chân ở Ludlow,

anh nghĩ vợ mình cần được thỏa sức đổi gió để bớt tù túng. Tuy trước đến nay, cô chẳng may mắn gì về việc này, anh vẫn cảm thấy cô dần trở nên bức bối.

Tầm hai giờ chiều, Gage ngủ dậy, cảm cúm và khó chịu. Cậu bé đã ngộ ra chân lý Lên Hai Là Phải Quấy và mạnh dạn áp dụng. Louis thử dăm ba cách để mua vui cho Gage nhưng không ăn thua. Họa vô đơn chí, cậu bé khó chiều còn làm một bãi rỗ to, và nó chẳng nên thơ chút nào với Louis khi anh phát hiện một viên bi màu xanh ngay giữa bãi chất thải của cậu con trai. Là viên bi của Ellie. May mà con anh không chết ghen. Anh quyết định đồng bi phải lên đường ngay – thứ gì trong tầm tay của Gage đều phi thẳng vào miệng thằng bé – song quyết định ấy dù rất đáng tán dương lại chẳng được tích sự gì trong việc làm cho đứa trẻ vui vẻ cho đến khi mẹ về.

Louis nghe thấy tiếng gió xuân ùa về hun hút quanh nhà, đổ những vệt sáng tối xen kẽ lên mảnh đất của nhà bà Vinton bên cạnh, bỗng anh nhớ đến con điều Kèn Kèn mà anh nổi hứng rinh về chừng năm, sáu tuần trước trên đường từ trường đại học về nhà. Anh mua cả dây thì phải: Ô vì Chúa, anh có mua!

“Gage!” Anh cất tiếng. Gage vừa nhặt được cây bút sáp Crayola màu xanh như màu nước mũi thò lò dưới chân ghế dài, nên giờ đang hí hoáy nguệch ngoạc vào cuốn sách yêu thích của Ellie – *lại một môi lửa thổi bùng lên cảnh huynh đệ tương tàn đây*, Louis thầm nghĩ và nhe răng cười. Nếu Ellie om sòm về những hình rồng bay phượng múa mà Gage kịp họa vào cuốn *Nơi chốn Hoang đại* trước khi Louis kịp lấy lại cuốn sách, Louis

chỉ việc nhắc đến báu vật độc nhất vô nhị mà anh phát hiện trong tủ của Gage.

“Con nghe!” Gage đáp lại đầy lạnh lợi. Cậu bé đã nói khá sõi; Louis đánh giá cậu con của mình cũng thông minh lai láng ra phết.

“Con muốn đi chơi không?”

“Muốn đi chơi!” Cape phấn khởi hòa theo, “Muốn đi chơi. Giày con đâu bộ”.

Nếu được viết dùng theo cách phát âm, cả câu sẽ trở thành: *Dài con đau bó? Dịch ra là Đôi giày của con đâu rồi bó?* Lắm lúc Louis lại thấy choáng váng trước lời Cape nói, không phải vì nó đáng yêu mà là vì anh cảm nhận trẻ con nói năng chẳng khác nào những người dân nhập cư học ngoại ngữ một cách bát nháo nhưng tương đối dễ mến. Anh biết trẻ em phát ra tất cả những âm thanh mà thành quả cho phép... âm rung khó nắm với những sinh viên Pháp năm nhất, những âm gần trong thành hầu của thổ dân Úc, những phụ âm đặc và trúc trắc của tiếng Đức, Con người mất đi khả năng này khi học tiếng Anh, và lúc này đây, Louis tự hỏi (không phải lần đầu) liệu tuổi thơ là thời kỳ để quên hơn là để học.

Hồi sau, vị trí đôi *dài* của Gage cũng được xác định... chúng nằm dưới ghế dài. Một trong những điều Louis chiêm nghiệm là trong các gia đình có con nhỏ, sau một thời gian, khu vực dưới ghế dài trong phòng khách sẽ phát ra lực điện từ mạnh và bí ẩn đủ sức hút các loại rác rến trên trời dưới biển - từ chai lọ, kim băng cho đến bút sáp màu gỉ mũi và các số tạp chí *Phố Mè* dính đầy vụn thức ăn giữa các trang.

Tuy nhiên, áo khoác của Gage không nằm dưới ghế – nó nằm giữa cầu thang. Chiếc mũ lưỡi trai Red Sox, món đồ mà Gage không chịu bước ra khỏi nhà nếu không đội nó trên đầu, là khó tìm nhất, vì nó nằm đúng chỗ — trong tủ quần áo. Thì bình thường, ấy là nơi cuối cùng họ lục tìm.

“Đi đâu bố?” Gage thân thiện hỏi và chìa một tay cho bố.

“Đi qua khoảnh đất nhà bà Vinton,” anh đáp. “Bố con mình đi thả diều.”

“Thả diều?” Gage e ngại nói.

“Con sẽ thích mê cho xem,” Louis hứa. “Đợi một phút đi bé con.”

Cả hai bố con bước vào ga ra. Tìm thấy chùm chìa khóa, Louis mở tủ chứa đồ con con rồi bật đèn lên. Sau hồi lục lọi, anh thấy con diều vẫn nằm trong túi đựng của cửa hàng, còn nguyên hóa đơn thanh toán. Anh mua nó khi tâm trạng dưới đáy hồi giữa tháng Hai, khi tâm hồn anh thét gào đòi chút hy vọng le lói.

“Đó ạ?” Gage hỏi. Phiên bản đầy đủ lời Gage muốn nói là *Thứ bố đang cầm là cái gì vậy ạ?*

“Là con diều,” Louis trả lời rồi lôi nó ra khỏi túi. Gage quan sát với vẻ mặt hứng thú khi Louis trải con diều Kền Kền với đôi cánh làm bằng nhựa cứng dài khoảng một mét rưỡi. Đôi mắt lồi to đỏ ngầu chĩa về phía hai bố con từ cái đầu nhỏ cắm trên cổ trụ lông màu hồng, xương xẩu.

“Chim!” Gage hét lên. “Chim, bố ơi! Có chim!”

“Phải, đây là một con chim,” Louis gật gù, dán lại các mối vào vị trí đằng sau con diều rồi lục lọi thêm lần nữa tìm 150

mét dây thả điều anh mua cùng. Nhìn ra sau lưng, anh cam đoan với cậu con trai thêm lần nữa: “Con sẽ thích mê cho xem, đại ca.”

Và đúng là Gage thích mê.

Hai bố con đem điều vào mảnh đất nhà bà Vinton, Louis đưa con điều bay lên bầu trời lộng gió cuối tháng Ba ngay lần đầu tiên, dù lâu lắm rồi anh chưa thả điều lại... kể từ khi anh bao nhiêu tuổi ấy nhỉ? Mười hai? Hai mươi ba năm về trước ư? Chúa ơi, khủng khiếp quá.

Bà Vinton là một bà cụ tầm tuổi ông Jud, nhưng sức khỏe yếu hơn ông nhiều. Bà sống trong căn nhà gạch đầu mảnh đất (từ ngày xưa ngày xưa, nơi này đã được gọi là Đất Nhà Vinton, có lần ông Jud kể với Louis như thế), song hiện tại, bà hiếm khi bước ra ngoài. Mảnh đất chạy ra sau căn nhà, tiếp giáp với khu rừng – khu rừng dẫn đến Nghĩa địa Thú cưng và sau đó là khu đất chôn cất của người Micmac.

“Điều bay kìa bố!” Gage hét lên.

“Phải, con ngắm nó bay đi!” Louis đáp lại thật to, cười ha hả, vui mừng. Anh nói thêm dây nhanh đến độ dây nóng ran và thiếu điều tóe lửa trong lòng bàn tay. “Nhìn Kên Kên kìa, Gage! Bay cho thiên hạ lác mắt!”

“Lác mắt!” Gage ré lên, cười giòn tan sung sướng. Mặt trời ló rạng từ đằng sau đám mây xuân xám xịt to đùng, và trong tích tắc, chừng như nhiệt độ vừa tăng lên ba độ. Họ tắm mình trong cái ấm áp rạng ngời, lúc chớp lúc tắt của tiết trời tháng Ba đang cựa mình sang tháng Tư, trong mảnh đất cỏ úa tàn nhà bà Vinton; trên đầu họ, con điều Kên Kên bay vào thiên thanh,

càng lúc càng cao, dải đôi cánh nhựa bắt cơn gió hun hút, căng tràn, nhìn xuống thế gian phát lộ hình dạng thực, hình dáng mà những người vẽ bản đồ trông thấy trong giấc mơ; mảnh đất nhà bà Vinton phủ màu trắng đều hiu, chỗ nào tuyết rút, chỗ đó có mạng nhện chằng, nhưng giờ đây, nó không còn là mảnh đất đơn thuần nữa mà là một hình bình hành to lớn, hai phía được bao bọc bởi tường đá, một mặt giáp đường, dòng suối thẳng thớm màu đen cùng thung lũng sông – con diều Kền Kền thu trọn toàn bộ cảnh vật vào đôi mắt đỏ ngầu cao ngất. Nó trông thấy con sông như thanh thép xám lạnh lẽo với những mảnh băng còn trôi lênh phênh; phía bên kia, nó thấy Hampden, Newburgh, Winterport, với một con tàu neo trong bến; có lẽ nó còn thấy Nhà máy St Segis ở Bucksport bên dưới lớp khí mà nó thải ra, hoặc thấy cả rìa của đất liền, nơi sóng Đại Tây Dương vốn và xô vào bờ đá.

“Nhìn nó bay kìa Gage!” Louis hét lên, cười không ngớt.

Gage ngửa đầu ra sau nhiều đến mức khéo thì ngã lăn xuống đất. Nụ cười rộng đến tận mang tai hiện trên mặt. Cậu bé vẫy tay với con diều.

Louis thả lỏng một chút rồi bảo Gage chìa tay ra. Cậu bé làm theo mà chẳng buồn nhìn. Mắt cậu cứ thế dán chặt vào con diều chao nghiêng, uốn lượn trong gió, thoăn thoắt đổ bóng trên mảnh đất.

Louis quấn dây diều hai vòng quanh tay Gage, đến lúc này, cậu bé mới nhìn xuống, ngẩn tò te trước lực kéo mạnh.

“Gì vậy!” Cậu bé hỏi.

“Con thả điều đi,” Louis nói. “Con lèo lái đi, chàng trai. Là điều của con mà.”

“Gage thả nó sao?” Gage thốt lên, chừng như cậu không đặt câu hỏi với bố mà tự nhủ với bản thân. Cậu thử giật dây; con điều gật gù giữa bầu trời thênh thang gió. Gage giật dây điều mạnh hơn làm con điều sà xuống. Louis và con trai cười nắc nẻ. Gage giơ bàn tay kia lên quơ quàng, thế là Louis nắm lấy tay con. Hai bố con cứ thế đứng đó, trong mảnh đất nhà bà Vinton, ngẩng đầu ngắm điều bay.

Đó là khoảnh khắc bên cạnh con trai mà Louis khắc ghi mãi trong lòng. Ngày còn bé, anh thả hồn mình theo cánh điều, và giờ đây, anh bất giác nhận ra anh đang hòa vào Gage, con trai anh. Anh cảm thấy mình như thu nhỏ lại cho đến khi vừa căn nhà bé xiu của Gage, nhìn ra ngoài cửa sổ vốn là đôi mắt của cậu bé – nhìn thế giới bên ngoài rộng lớn làm sao, chói chang làm sao, thế giới nơi mảnh đất nhà bà Vinton to không kém gì Bình nguyên Muối Bonneville, nơi con điều vùng vẫy trên không trung cách anh hàng cây số, dây điều loạt soạt trong tay tựa sinh vật sống, còn gió cứ thế hát vang xung quanh, thổi tung mái tóc.

“Điều bay!” Gage reo lên với bố, và Louis vòng một tay quanh vai Gage, thơm lên gò má hây hây hồng đại nhờ gió gieo nụ.

“Bố thương con lắm, Gage ạ,” anh nói – lời nói giữ kín giữa hai bố con, và thế là ổn.

Chỉ còn chưa tới hai tháng sống trên đời, Gage cười ré lên sung sướng. “*Điều bay! Điều bay, bố ơi!*”

Hai người bọn họ vẫn mãi mê thả điều khi Rachel và Ellie trở về nhà. Điều bay cao đến độ gần như hết cả dây, mặt con điều Kền Kền cũng mất dạng; nó chỉ còn là chấm đen nhỏ xíu trên bầu trời.

Louis rất vui khi thấy hai mẹ con trở về, anh phá lên cười nắc nẻ khi Ellie làm rớt dây và phải đuổi theo trong bãi cỏ, kịp thời chụp lấy dây trước khi lõi dây nảy xuống mặt đất sỏi ra sạch dây. Nhưng có hai mẹ con tham gia cũng khiến khoảnh khắc này khác đi một chút, thật lòng, anh không tiếc phải đi vào nhà cho lắm khi hai mươi phút sau, Rachel lo Gage ở ngoài gió quá lâu. Cô sợ cậu bé bị nhiễm lạnh.

Thế là con điều bị thu lại, nó lì lợm vươn mình đến bầu trời ở mỗi vòng dây và mãi sau mới chịu đầu hàng. Louis cặp con điều hình chú chim với đôi mắt đỏ ngầu dưới nách, đoạn cắt vào tủ chứa đồ. Tối đó, Gage ăn hùng hục xúc xích với đậu, và trong khi Rachel mặc cho cậu bé bộ đồ ngủ áo liền quần, Louis gọi Ellie ra, ôn tồn trao đổi với cô con gái về việc để bi lung tung. Nếu trong trường hợp khác, có lẽ nói được dăm ba câu, anh đã thét ra lửa với con rồi, vì Ellie có thói xấu rất hung hăng – thậm chí hỗn hào – khi bị mắng do sai phạm. Đó chỉ là cách cô bé đối mặt với chỉ trích, nhưng nó không ngăn được Louis nổi trận lôi đình nếu cô bé vùng vằng quá độ hoặc anh đang mệt đừ đừ. Tuy nhiên, đêm hôm nay thì khác, thả điều xong, tâm trạng anh cứ lâng lâng, chưa kể Ellie còn chịu khó nghe lời. Cô bé hứa sẽ cẩn thận hơn rồi đi xuống nhà xem ti vi đến tám giờ ba mươi phút, một dịp được xem thỏa thích vào thứ Bảy mà cô bé quý như vàng. *Được rồi, giải quyết xong vấn đề, có khi còn tốt ấy chứ,*

Louis nghĩ, không hề hay biết mấy viên bi chẳng phải vấn đề, cảm lạnh cũng chỉ là chuyện muỗi, mà nguyên nhân tại họa xảy ra là chiếc xe tải Orinco cỡ lớn kia cùng con đường. như lời ông Jud Crandal cảnh báo vào ngày đầu tiên gia đình họ đến đây vào tháng Tám năm ngoái.

Đêm đó, chừng mười lăm phút sau khi cho Gage đi ngủ, anh lên tầng trên. Anh thấy con trai mình tuy nằm im nhưng vẫn còn thức, đang uống những ngụm sữa cuối cùng trong bình, ngược nhìn trần nhà với vẻ trầm tư.

Louis nắm lấy một chân của Gage rồi giơ lên. Anh hôn chân cậu bé rồi hạ xuống. “Ngủ ngon nhé, Gage,” anh nói.

“Điều bay, bố ơi,” Gage lên tiếng.

“Điều bay hay con nhỉ?” Louis nói, và chẳng vì lý do gì, anh thấy sống mũi mình cay cay. “Bay thẳng lên bầu trời, con yêu ạ.”

“Điều bay,” Gage nói. “Lên bầu trời.”

Cậu bé quay người sang bên, nhắm mắt lại rồi chìm vào giấc ngủ đầy chân phương.

Bước ra ngoài hành lang, Louis ngoái nhìn phía sau thì trông thấy đôi mắt xanh lá kỳ dị chăm chăm nhìn anh từ tủ của Gage. Cửa tủ để ngỏ... đang hé mở. Tim chực trào lên trong họng, miệng anh bạnh thành cái nhăn mặt.

Vừa mở cửa tủ, anh vừa nghĩ

(Zelda là Zelda trong tủ cái lưới đen đúa thè ra khỏi miệng)

anh chẳng rõ ra sao, nhưng tất nhiên chẳng còn ai ngoài Church, hóa ra con mèo ở trong tủ, và khi trông thấy Louis, nó cong lưng lên như con mèo trên thiệp Halloween. Nó găm gừ với anh, miệng nhe ra, để lộ hàm răng sắc như dao.

“Biến ra khỏi đây,” Louis lầm bầm.

Church lại tiếp tục gằm gù, vẫn đứng im.

“Tao bảo mày *biến ra*.” Anh vơ đại một thứ trong đồng đồ chơi của Gage, con tàu Chuggy-Chuggy-Choo-Choo màu nhựa sáng, nhưng dưới ánh đèn mờ mờ, trông nó như có màu máu khô. Anh giơ lên dọa Church, thế mà con mèo không chỉ lì lợm đứng yên mà còn gừ lên với anh.

Và đột ngột, trong vô thức, Louis ném món đồ chơi vào con mèo, không đùa bỡn, không giỡn chơi; anh *chọi* thẳng món đồ vào con mèo mạnh nhất có thể, vừa tức điên người với nó, lại vừa sợ nó, khi con mèo dám trốn trong tủ quần áo của con trai anh mà không chịu đi, như thể nó có quyền ở đó.

Chiếc tàu hỏa đồ chơi đập trúng ngay giữa con mèo. Church kêu ré lên một tiếng rồi chạy biến, biểu lộ nét duyên dáng thường thấy bằng cách tông đánh rầm vào cửa và suýt ngã lăn quay.

Gage cựa người, ú ớ gì đó, đổi tư thế rồi lại nằm im. Louis thấy chộn rộn trong bụng. Trán anh rịn mồ hôi.

“Louis?” Giọng Rachel cất lên đầy lo lắng từ tầng dưới. “Gage ngã khỏi cũi hả anh?”

“Thằng bé ổn, em yêu. Church hất đổ mấy món đồ chơi ấy mà.”

“À, ra vậy.”

Chẳng rõ phi lý hay có lý mà anh cảm thấy như thể mình vừa vào kiểm tra con trai thì phát hiện một con rắn đang uốn éo trườn qua người thằng bé hoặc một con chuột to đứng ngay

chỗ giá sách phía trên cũi của Gage. Tất nhiên cảm giác ấy phi lý. Nhưng khi nó đứng trong tủ gầm gừ với anh như ban nãy...

(Zelda mày tưởng đó là Zelda đúng không mày tưởng đó là Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm)

Anh đóng cửa tủ của Gage lại, gạt theo đồng hồ chơi vào trong. Anh nghe tiếng then cửa đánh cạch. Sau thoáng lưỡng lự, anh xoay chốt khóa luôn cửa tủ.

Anh quay lại cũi Gage nằm. Lúc cựa quậy, cậu bé đã đá hai tấm chắn xuống títt đầu gối. Louis đặt con nằm ngay lại, kéo chắn lên rồi cứ thế đứng đó hồi lâu, ngắm nhìn đứa trẻ.

Phần hai

KHU CHÔN CẤT CỦA NGƯỜI MICMAC

Khi Chúa Giê-su đến Bethany, Người nghe tin Lazarus đã được chôn trong mồ được bốn ngày. Khi nghe tin Chúa Giê-su đến, Martha đã vội vàng ra chào đón.

Chị thưa với Chúa: “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con sẽ không chết, nhưng bây giờ con biết: bất cứ điều gì Thầy xin cùng Thiên Chúa, Người cũng sẽ ban cho Thầy.”

Chúa Giê-su trả lời chị: “Em chị sẽ sống lại.”

- Phúc Âm John (diễn giải)

Nếu cho rằng mức độ kinh hoàng mà tâm trí con người có thể nếm trải là hữu hạn thì khả năng cao là ta đã nhầm. Ngược lại, màn đêm càng sâu, càng dày đặc thì một thứ hiệu ứng theo hàm số mũ bắt đầu khởi phát – dù chúng ta chẳng mấy khi muốn chấp nhận, song bằng rất nhiều cách, những gì con người trải qua có xu hướng củng cố quan niệm khi ác mộng đủ tằm tối, kinh hoàng lại càng sinh ra kinh hoàng, và thứ ma quỷ tình cờ ập xuống sẽ dẫn đến một thứ ma quỷ khác, thường oái oăm hơn, nghiệt ngã hơn, cho đến khi đêm đen chùng như khóa lấp tất cả. Và câu hỏi kinh hoàng nhất có lẽ là rốt cuộc tâm trí con người có thể chịu đựng bao nhiêu kinh hoàng mà vẫn duy trì trạng thái tỉnh táo, cảnh giác và không chùn bước. Chẳng ai nói ra song ai cũng biết những sự kiện như thế hoạt động theo cơ chế tương tác phức tạp và kỳ dị vô cùng. Đến một lúc nào đó, mọi thứ trở nên buồn cười đến lạ. Rất có thể ấy là thời điểm sự tỉnh táo bắt đầu cảnh giác cao độ hoặc oằn mình vụn nát; thời điểm ấy là lúc óc hài hước của con người được dịp lộ mặt.

Louis Creed có thể đã ngẫm ra những điều này nếu anh còn giữ cho đầu óc thông suốt vào tang lễ của cậu con trai Gage

William Creed được tổ chức ngày 17 tháng Năm, nhưng chút lý trí – hoặc cố gắng giữ tâm trí sáng suốt — đều đã không cánh mà bay ở sảnh tang lễ, khi trận ẩu đả với bố vợ (rất tồi tệ) dẫn đến một sự kiện còn khủng khiếp hơn, giọt nước làm tràn cái ly họa vô đơn chí khiến chút tự chủ còn sót lại của Rachel nát tan. Những sự kiện đẹp mặt của ngày hôm ấy chỉ kết thúc khi cô vừa hét ồm ồm vừa bị lôi đi khỏi Phòng Phía Đông của Nhà Tang lễ Brookings-Smith, nơi Gage nằm im trong chiếc quan tài đóng kín. Cô được Surrendra Hardu cho dùng thuốc an thần trong phòng nghỉ.

Mỉa mai ở chỗ, đáng ra cô không phải kinh qua màn cuối ấy, cái màn vô độ hải hùng chẳng khác nào truyện tranh ấy nếu trận ẩu đả giữa Louis Creed và ông Irwin Goldman vùng Dearborn xảy ra vào giờ viếng buổi sáng (mười giờ sáng đến mười một giờ ba mươi phút trưa) thay vì giờ viếng chiều (hai giờ chiều đến ba giờ ba mươi phút chiều). Rachel không có mặt vào giờ viếng buổi sáng; đơn giản vì cô không thể đến được. Cô ngồi ở nhà cùng ông Jud Crandall và Steve Masterton. Louis chẳng rõ nếu không có ông Jud và Steve thì anh biết xoay xở ra sao suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ vừa qua.

Cũng may cho Louis – và may cho cả ba người nhà anh – khi Steve tức tốc xuất hiện, vì đương lúc tang gia bối rối, Louis chẳng còn quyết định được gì, ngay cả một điều cỏn con như tiêm cho vợ liều thuốc để xoa dịu nỗi đau đứt từng khúc ruột kia. Louis thậm chí còn không để ý Rachel định mặc áo ở nhà cài lệch nút đi đến buổi lễ viếng vào buổi sáng. Tóc cô không chải, chưa gội, rối xù. Đôi mắt nâu trống rỗng, lồi ra từ hốc mắt

trùng sâu đến độ chẳng khác nào hai con người của hộp sọ. Da mặt cô bủng beo, bệu rệu. Sáng hôm ấy, cô ngồi vào bàn ăn, gặm lát bánh mỳ không phết bơ và nói những câu chẳng ra đầu ra đuôi, râu ông nọ cắm cằm bà kia. Có một lúc, bỗng dưng cất tiếng, “Chiếc xe Winnebago mà anh muốn mua ấy, Lou...” Lần cuối Louis đề cập đến chuyện mua xe Winnebago là vào năm 1981.

Louis chỉ gật đầu rồi ăn tiếp bữa sáng. Anh ăn tổ ngũ cốc Cocoa Bears. Đây là một trong những loại ngũ cốc ưa thích của Gage, và sáng hôm ấy, Louis tự dưng muốn ăn. Chúng dở tệ song anh vẫn muốn ăn. Anh ăn vận gọn gàng trong bộ vest tốt nhất – không phải vest đen vì anh chẳng có bộ nào màu đen, nhưng chỉ ít nó có màu xám than đậm. Anh đã cạo râu, gội đầu và chải đầu. Bề ngoài của anh trông rất ổn dù đầu óc mụ mị vì mất con.

Ellie mặc quần jean xanh và áo cánh vàng. Cô bé cầm theo một bức hình ra bàn ăn. Đứng hòng bất cứ ai giật được tấm ảnh khỏi tay cô bé. Bức hình phóng to một bức ảnh Polaroid mà Rachel dùng máy ảnh SX-70 mà Louis và hai con tặng cô nhân dịp sinh nhật năm ngoái, chụp Gage đang cười ngoác miệng, mặc áo khoác trượt tuyết Sears, ngồi trên máng trượt tuyết Speedway do Ellie kéo. Rachel bắt đúng khoảnh khắc Ellie ngoái đầu ra sau vai, mỉm cười với Gage. Gage toét miệng cười với chị gái.

Ellie cầm theo bức hình nhưng chẳng nói gì. Tựa hồ cái chết của em trai ngay con đường trước cửa nhà đã khiến cô bé bàng hoàng đến á khẩu.

Louis không thấy được tình trạng của vợ và con gái; anh ăn sáng, tâm trí cứ tái đi tái lại khung cảnh tai nạn, chỉ khác ở chỗ kết thúc của bộ phim trong đầu anh lại khác. Ở đó, anh nhanh tay hơn, và tất cả những gì xảy ra là Gage ăn một trận đòn nhớ đời vì cái tội không dừng lại khi bố mẹ la lên.

Steve là người để ý đến tình trạng của Rachel và Ellie. Anh không cho phép Rachel đến buổi lễ viếng vào buổi sáng (gọi là lễ viếng để nhìn mặt lần cuối nhưng thật ra không phải vậy, quan tài đóng kín; Louis nghĩ nếu quan tài mở nắp thì có lẽ cả nhà anh sẽ vừa hét vừa bỏ chạy khỏi căn phòng ấy mất, kể cả anh) và cấm cả Ellie tham dự. Rachel kịch liệt phản đối. Ellie chỉ ngồi thừ ra đó, chẳng nói chẳng rằng, tay cầm bức hình chụp hai chị em.

Steve cũng là người tiêm cho Rachel mũi an thần và cho Ellie uống một muỗng chất lỏng không màu. Bình thường, Ellie hay cầu nhàu và phản đối khi bị bắt uống thuốc – bất kể loại thuốc nào – thế mà giờ cô bé chỉ im lặng uống, thậm chí còn không nhăn mặt. Đến mười giờ sáng, cô bé đã ngủ say trên giường (bức hình chụp hai chị em vẫn giữ chặt trong tay), còn Rachel ngồi trước ti vi xem chương trình *Chiếc nón kỳ diệu*. Cô đáp lại những câu hỏi của Steve một cách chậm rãi, cân nhắc và bình tĩnh. Cô đang chịu tác dụng của thuốc – được cái khuôn mặt cô đã không còn vẻ điên dại trầm mặc khiến viên trợ lý bác sĩ đến vào lúc tám giờ mười lăm phút sáng lo lắng và hoảng hốt nữa.

Tất nhiên ông Jud là người đứng ra quán xuyến từ đầu chí cuối. Ông thu vén một cách bình tĩnh, gọn gàng như ba tháng

trước, lúc tổ chức hậu sự cho vợ. Nhưng Steve Masterton là người đã kéo Louis sang một bên ngay trước khi Louis đi đến nhà tang lễ.

“Tôi sẽ kiểm tra xem cô ấy có đến dự được chiều nay không, nếu cô ấy đủ sức chịu đựng,” anh nói với Louis.

“Được.”

“Lúc đó chắc mũi tiêm đã hết tác dụng rồi. Ông Crandall bạn anh bảo ông ấy sẽ theo sát Ellie trong giờ thăm viếng buổi chiều...”

“Ừ.”

“... và chơi cờ tỷ phú hay gì đó với cô bé...”

“Ừ hử.”

“Nhưng...”

“Được.”

Steve ngừng nói. Hai người đang đứng trong ga ra, nơi Church tác oai tác quái, nơi nó tha xác chim và chuột chết về. Những con vật thuộc quyền sở hữu của Louis. Bên ngoài, trời tháng Năm tỏa nắng, một con chim cổ đỏ bay vụt qua ở đầu đường như thể vội đi công chuyện đâu đó.

“Louis,” Steve lên tiếng, “anh phải giữ vững tinh thần nhé.”

Louis nhìn Steve thắc mắc một cách lịch sự. Đa phần những gì Steve nói chẳng lọt vào tai anh – anh chỉ đang đau đầu suy nghĩ phải chỉ anh nhanh chân hơn một chút thì đã có thể cứu được con trai mình – nhưng lời cuối cùng đã đến đích.

“Tôi đoán có lẽ anh không để ý,” Steve nói, “nhưng Ellie lắm lì chẳng nói gì, dù chỉ một lời. Còn Rachel sốc đến mức khái niệm về thời gian của cô ấy vẹo vọ cả rồi.”

“Đúng thật!” Louis đáp. Câu trả lời xem chừng dồn nhiều lực hơn. Anh chẳng rõ tại sao.

Steve đặt tay lên vai Louis. “Lou,” anh nói, “lúc này, hai mẹ con cần anh hơn bao giờ hết. Làm ơn đi... tôi có thể tiêm cho vợ anh, nhưng... anh... tôi bảo này, Louis, anh phải... ôi Chúa ơi, Louis, ai mà ngờ kiếp nạn này lại ập xuống kia chứ!”

Louis có phần hốt hoảng nhận ra Steve sắp sửa rơi nước mắt. “Đúng rồi,” anh nói, và trong tâm trí mình, anh trông thấy Gage chạy băng qua bãi cỏ ra ngoài đường, hai vợ chồng anh hét to gọi con quay lại nhưng Gage không chịu. Dạo gần đây, thằng bé nảy ra trò chạy trốn khỏi bố mẹ, thế là họ đuổi theo cậu bé, Louis mau chóng vượt qua Rachel, nhưng Gage chạy trước một đoạn dài, cậu bé cười nắc nẻ, phóng như bay, trò chơi là thế mà, Louis rút ngắn được khoảng cách song vẫn quá chậm, Gage đã chạy xuống con dốc thoải thoải của bãi cỏ dẫn đến rìa Tuyến số 15, Louis thầm cầu khẩn với Chúa Gage sẽ vấp té, khi con nít chạy, thế nào chúng cũng ngã vì phải lên bảy, tám tuổi, con người mới kiểm soát tốt đôi chân của mình. Louis cầu Chúa cho Gage ngã, ngã đánh rầm, phải, ngã máu me bê bết, gãy mũi, phải khâu vài vết lên đầu hay bất cứ gì cũng được, vì giờ anh có thể nghe thấy tiếng xe bồn rầm rập lao tới, một trong những chiếc xe tải khổng lồ có mười bánh thường xuyên đi đi về về giữa Bangor và nhà máy Orinco ở Bucksport; lúc ấy, anh đã gào thét tên của Gage, anh tin rằng Gage nghe thấy tiếng anh gọi và cố dừng lại. Dường như Gage nhận ra trò chơi đã kết thúc, rằng bố mẹ không hét vào mặt con nếu chỉ đang chơi trò chơi, hẳn cậu bé đã cố phanh lại, đến lúc đó, tiếng chiếc xe tải đã to lắm

rồi, tiếng động choáng ngợp hết không gian. Tựa tiếng sấm rền. Louis lao thẳng người ra trước, bóng đổ dài dưới đất, tựa bóng con diều Kền Kền quét xuống bãi cỏ cuối đồng trắng toát trên mảnh đất nhà bà Vinton tháng Ba năm ấy, và anh tin (dù không chắc) đầu ngón tay của anh thực sự đã sượt qua vạt áo khoác mỏng mà Gage mặc, nhưng rồi động lượng đã kéo Gage ra ngoài đường, còn chiếc xe tải ấy là sấm động, là ánh mặt trời phản chiếu trên bề mặt hợp chất sắt pha nhiều chrome, chiếc xe là tiếng còi hú rít ré chói tai, và sự kiện ấy ập xuống vào thứ Bảy, tức ba ngày trước.

“Tôi ổn,” anh nói với Steve. “Giờ tôi phải đi thôi.”

“Nếu anh giữ được tinh thần và giúp hai mẹ con,” Steve ôn tồn, đưa tay áo khoác lên quệt mắt, “tức là anh cũng giúp bản thân mình. Ba người phải gắng dìu nhau qua biến cố này, Louis. Đó là cách duy nhất. Chúng ta chỉ biết mỗi thế mà thôi.”

“Đúng thật,” Louis gật gù, nhưng rồi trong tâm trí anh, mọi thứ lại một lần nữa tái hiện, chỉ có điều, lần này ở đoạn cuối, anh lao người tới trước thêm được sáu mươi phân, giật áo của Gage, kéo cậu con trai trở lại, và những điều này sẽ chẳng xảy ra.

Ellie bỏ lỡ cảnh ẩu đả ở Phòng Đông Nhà Tang lễ BrookingsSmith nhưng Rachel thì chứng kiến từ đầu chí cuối. Lúc trận xô xát nổ ra, Ellie đang vô hồn – và lặng thinh – đẩy quân cờ tỷ phú của mình quanh bảng trò chơi với ông Jud Crandall. Một tay, cô bé lắc xúc xắc, tay còn lại nắm chặt bức hình chụp cô bé kéo Gage trên chiếc xe trượt Speedway.

Sau hồi suy xét, Steve Masterton nghĩ để Rachel tham dự lễ viếng ban chiều – nhưng sau khi chuyện ngã ngũ, hóa ra quyết định này lại tai hại hết chỗ nói.

Sáng hôm ấy, ông bà Goldman từ Chicago bay đến Bangor và ở Nhà nghỉ Holiday trên đường Odlin. Tính đến buổi trưa, bố của Rachel đã gọi bốn cuộc điện thoại, và càng lúc, Steve càng phải cứng với ông cụ – đến cuộc gọi thứ tư thì thiếu điều giọng dọa nạt. Bởi ông Irwin Goldman muốn ra mặt và theo lời ông, trời long đất lở cũng đừng hòng cản ông ở bên con gái khi cô cần nhất. Steve đáp trước khi đến nhà tang lễ, Rachel cần khoảng thời gian này để vượt qua phần nào cú sốc ban đầu. Anh nói anh chẳng biết trời long đất lở thế nào, nhưng anh biết một tay trợ lý y tá người Thụy Điển – Hoa Kỳ kiên quyết không cho phép bất cứ ai bước vào nhà Creed cho đến khi Rachel chủ động ra mặt. Steve cho hay anh sẽ rất ủng hộ họ hàng thể hiện sự chia buồn, đùm bọc sau khi buổi lễ viếng ban chiều kết thúc. Song cho tới lúc ấy, anh muốn có được yên tĩnh một mình.

Ông cụ rửa xã anh bằng tiếng Yiddish rồi đập máy đánh rầm, dứt luôn cuộc điện thoại. Steve đợi xem ông Goldman có xuất hiện hay không, nhưng xem ra ông cụ đã quyết định kiên nhẫn chờ. Đến trưa, tinh thần Rachel có vẻ cải thiện chút đỉnh. Chỉ ít cô cũng ý thức được khung thời gian hiện tại, thể là cô đi vào bếp để kiểm tra xem có chuẩn bị sẵn sandwich hay món gì cho lát nữa hay chưa. *Biết đâu sau khi nghi lễ xong xuôi, mọi người muốn quay về nhà thì sao?* Cô hỏi Steve.

Steve gật đầu.

Chẳng xúc xích hun khói hay thịt bò nướng đông, nhưng trong tủ đá có sẵn gà tây Butterball, vậy nên cô đặt nó lên giá để rã đông. Vài phút sau, Steve lộ đầu vào nhà bếp thì thấy cô đứng cạnh bồn rửa chén, ngẩn ra nhìn con gà tây trên giá, nước mắt giàn giụa.

“Rachel?”

Cô nhìn về phía Steve. “Lúc còn sống, Gage thích mê món này. Món khoái khẩu của thằng bé là thịt trắng.” Cô ưỡn ẹo nở nụ cười buồn rười rượi. “Chỉ là tôi chợt nghĩ thằng bé chẳng bao giờ còn cơ hội thưởng thức thêm món gà tây Butterball nào nữa.”

Steve đưa cô lên tầng trên để thay quần áo – bài kiểm tra cuối cùng xem cô có đủ sức đối mặt hay không – và khi cô bước xuống với chiếc váy đen giản dị, thắt lưng quanh eo, túi cầm tay màu đen (còn là loại túi cho buổi đêm nữa chứ), Steve nhận định cô đã ổn, ông Jud cũng đồng tình như thế.

Steve chở cô xuống thị trấn. Anh đứng với Surrendra Hardu trong sảnh Phòng Đông, nhìn Rachel lướt dọc lối đi dẫn đến quan tài ngập trong hoa tựa vong hồn.

“Tình hình thế nào, Steve?” Surrendra khẽ hỏi,

“Tệ vãi linh hồn,” Steve khản giọng đáp, “Chứ anh nghĩ tình hình thế nào?”

“Tôi cũng nghĩ chắc tệ đến vãi linh hồn,” Surrendra nói rồi thở dài.

Rắc rối bắt đầu châm ngòi vào buổi lễ viếng ban sáng, khi ông Irwin Goldman từ chối bắt tay với anh con rể.

Đông đảo thân hữu và họ hàng hiện diện đã buộc Louis phần nào thoát khỏi mớ bòng bong của bàng hoàng; buộc anh phải nhận thức tình hình hiện tại cũng như giữ vẻ ngoài cứng cáp. Nỗi đau trong anh đã chạm đến mức có thể uốn nắn, giai đoạn mà các trưởng nhà tang lễ đã quá quen xử lý và xoay chuyển sao cho thuận tiện nhất. Ai bảo gì, Louis làm theo như quân cờ.

Bên ngoài Phòng Đông là căn phòng nghỉ nhỏ cho mọi người hút thuốc và ngồi trên những chiếc ghế êm ái, thoải mái. Bộ ghế trông như thể vừa bước ra từ một dịp Bán Thanh Lý của hội quán các quý ông Anh Quốc đã phá sản. Bên cạnh cánh cửa dẫn vào phòng làm lễ viếng có một khung kim loại nhỏ màu đen chạm khắc vàng, bên trên khung gác tấm biển nhỏ đề vắn GAGE WILLIAM CREED. Nếu tình cờ đến tòa nhà màu trắng rộng thênh thang trông chẳng khác nào một căn nhà cũ đầy thoải mái này, đi thẳng tới phòng nghỉ giống như thế nhưng nằm bên ngoài Phòng Tây, ta sẽ bắt gặp tấm biển trên khung kim loại đề ALBERTA BURNHAM NEDEAU. Gian đằng sau căn nhà là Phòng Trước Sông. Khung kim loại bên trái cánh cửa giữa phòng nghỉ và căn phòng này không đề gì; sáng thứ Ba ấy, nó không được sử dụng. Tầng dưới là gian trưng bày quan tài, mỗi cái lại được chiếu sáng bằng ngọn đèn con gắn trên trần nhà. Nếu ngược lên nhìn – Louis đã làm thế và bị ông tổng tổ chức tang lễ chau mày nhìn – trông chẳng khác nào cả dàn động vật kỳ khôi đang làm tổ trên đó.

Ông Jud đến đây cùng anh vào Chủ nhật, sau khi Gage mất một hôm để chọn quan tài. Họ đi xuống tầng dưới, và thay vì rẽ

phải ngay lập tức vào phòng trưng bày hòm, Louis sững sờ cử thể đi thẳng xuống hành lang về phía cánh cửa xoay trắng toát, loại cửa hay nối giữa phòng ăn nhà hàng và gian bếp. Cả ông Jud và ông tổng tổ chức tang lễ vội vàng đồng thanh, “Không phải lối đó,” và Louis ngoan ngoãn nghe lời lùi khỏi cửa xoay. Song anh biết đằng sau cánh cửa ấy là gì. Chú của anh vốn làm dịch vụ tang lễ.

Phòng Đông trang bị những dãy ghế gấp được xếp ngay ngắn – loại ghế đắt tiền với đệm và lưng ghế lót vải lông êm ái. Ở đằng trước, chỗ khu vực trông như gian giữa giáo đường và hang hốc kết hợp đặt quan tài của Gage. Louis chọn mẫu quan tài gỗ hồng mộc của Công ty Quan tài Hoa Kỳ – tên của mẫu này là An Giác Ngàn Thu. Bên trong lót lớp lụa hồng mịn. Nhân viên dịch vụ tang lễ đồng tình rằng quan tài thật sự rất đẹp và cũng xin lỗi khi không có mẫu quan tài lót vải xanh. Louis đáp anh và Rachel chưa bao giờ phân biệt điểm này. Nhân viên gật đầu, đoạn hỏi Louis có tính đến phương thức thanh toán chi phí cho đám tang của Gage hay chưa. Anh ta cho biết nếu chưa thì anh có thể đưa Louis vào văn phòng và giới thiệu sơ lược về ba phương án phổ biến của phía họ...

Trong tâm trí của Louis, bỗng dưng một tay phát thanh viên hoan hi hô vẳng lên: *Mình vớ được quan tài miễn phí cho con rồi, nhờ đôi phiếu giảm giá Raleigh!*

Cảm thấy mình tựa như tạo vật trong giấc mơ, anh cất tiếng: “Tôi sẽ trả tất tần tạt bằng thẻ MasterCharge.”

“Được,” tay nhân viên dịch vụ tang lễ đáp.

Quan tài dài chưa tới một mét hai — cứ như hòm cho người lùn. Ấy thế mà giá lại hơn sáu trăm đô-la. Louis đoán nó tựa trên dàn khung, nhưng hoa hoét trang trí cẩn tâm nhìn mà anh cũng không muốn đến quá gần. Mùi của đồng hoa ấy khiến anh muốn mua.

Ở cuối lối đi, ngay bên trong cánh cửa dẫn vào phòng nghỉ có trưng một cuốn sổ đặt trên giá cùng cây bút bi được nối bằng xích vào giá. Ông tổng tổ chức lễ tang bố trí cho Louis đứng ngay vị trí này để anh có thể “chào hỏi thân hữu và họ hàng”.

Thân hữu cùng họ hàng sẽ ký tên và ghi rõ địa chỉ vào cuốn sổ này. Louis chẳng rõ mục đích của tập tục điên khùng này là gì nhưng anh cũng chẳng hỏi. Anh đoán khi tang lễ kết thúc, anh và Rachel sẽ phải giữ cuốn sổ này. Trong tất cả mọi thứ, đây là điều rõ đại nhất. Anh còn giữ cuốn kỷ yếu trung học, kỷ yếu đại học, kỷ yếu trường Y; anh còn giữ cả cuốn ảnh cưới với dòng chữ NGÀY CƯỚI CỦA TÔI đóng bằng vàng lá giả trên da giả, với bức ảnh đầu tiên chụp Rachel thử mạng che mặt cô dâu trước gương vào buổi sáng ngày trọng đại ấy với sự giúp đỡ của mẹ, còn bức ảnh cuối cùng chụp hai đôi giày để bên ngoài cửa phòng khách sạn đóng kín. Anh cũng có một cuốn sổ bé bi cho Ellie – tuy nhiên hai vợ chồng cũng đến là một khi suốt ngày phải nhét thêm ảnh vào; sổ dành ra chỗ trống cho những mục như LẦN CẮT TÓC ĐẦU TIÊN CỦA BÉ (chêm một lọn tóc của đứa trẻ) và ỦI DA! (chêm hình cô nhóc ngã đập mông), từ đầu chí cuối dễ thương quá mức chịu đựng!

Đây, và cuốn sổ này góp mặt vào những cuốn đó. Chúng ta sẽ gọi nó là gì nhỉ? Louis tự hỏi khi chờ người đứng cạnh giá, chờ

bữa tiệc bắt đầu. SỔ TỬ CỦA BÉ: CHỮ KÝ ĐÁM TANG? NGÀY GIA ĐÌNH HẠ HUYỆT GAGE. Hay một cái tên nghe nghiêm trang hơn, như NGƯỜI VỀ CỎI HƯ VÔ?

Anh lật ra xem bìa cuốn sổ thì trông thấy hóa ra nó cũng tương tự bìa cuốn sổ NGÀY CƯỚI CỦA TÔI, được giả da.

Song bìa sổ trông trơn.

Cũng tương đối dễ đoán khi Missy Dandridge là người đầu tiên đến viếng vào buổi sáng hôm ấy, bởi cô hàng xóm Missy tốt bụng đã trông Ellie và Gage hàng chục lần. Bất chợt, Louis vô tình nhớ lại Missy là người đã trông con họ anh vào đêm Victor Pascow qua đời. Cô trông cả hai đứa, còn Rachel đã làm tình với anh, đầu tiên là trong bồn tắm, sau đó là trên giường.

Trước đó Missy đã khóc, khóc như mưa, và khi trông thấy khuôn mặt bình thản, lạnh lẽ của Louis, cô lại òa lên nước mắt, hai tay vươn về phía anh – như muốn bầu vú vào anh. Louis ôm cô, ngộ ra thông thường mọi thứ là thế, hoặc đáng lý sẽ là thế – con người ta san sẻ với nhau, xới cho lớp đất cứng quèo của mắt mắt tưới ra, trút bỏ nó, phá vỡ khối đá tảng hoang bằng sức nóng của đau buồn.

Tôi thành thật chia buồn, Missy nói, gạt mớ tóc vàng sạm ra khỏi khuôn mặt xanh xao. Thằng bé ngoan ngoãn và đáng yêu là thế. Tôi thương thằng bé lắm, Louis ạ, tôi rất tiếc, con đường ấy ác nghiệt quá. Tôi mong người ta tống tay tài xế xe tải ấy vào tù một gông, bắn phóng nhanh quá, thằng bé ngoan ngoãn là thế, đáng yêu là thế, Chúa nỡ lòng nào bắt Gage đi kia chứ, tôi thật không tỏ, chúng ta chẳng thể nào hiểu nổi phải không, nhưng tôi rất rất lấy làm tiếc, rất tiếc.

Louis vỗ về cho cô nguôi ngoai, ôm cô, rồi lại vỗ về. Anh cảm nhận lệ cô ướt đầm nơi cổ áo. Cảm nhận khuôn ngực của cô áp vào người anh. Cô hỏi Rachel đâu và Louis đáp Rachel đang nghỉ ngơi. Missy chân thành muốn gặp vợ anh, cô cũng cho hay cô sẵn lòng ngồi với Ellie bất cứ lúc nào, lâu chừng nào cũng được. Louis nói cảm ơn cô.

Cô bắt đầu bước đi, vẫn sục sục, hai mắt đỏ ngầu hơn bao giờ hết, lộ ra trên chiếc khăn mùi xoa màu đen. Cô đang bước đến quan tài thì Louis gọi cô quay lại. Ông tổng tổ chức tang lễ mà Louis chẳng tài nào nhớ nổi tên đã dặn anh phải nhắc mọi người ký tên vào sổ nên anh không làm theo thì không được.

Vị khách bí ẩn, xin mời ký tên, anh thăm nhủ và suýt chút nữa đã không nhận được mà phá lên cười ha hả.

Chính đôi mắt u sầu, nát tan cõi lòng của Missy đã xua tan đi cơn cười ấy.

“Missy, nhờ cô ký vào cuốn sổ hộ tôi nhé?” Anh hỏi, và vì câu nói cứ cụt lủn thế nào đấy, anh để thêm: “Cho Rachel.”

“Vâng, để tôi ký,” cô đáp. “Thương anh và Rachel quá.” Bỗng dưng Louis biết cô ấy sắp sửa nói gì, và vì lý do nào đó, anh sợ khủng khiếp; nhưng lời nói ấy sắp sửa thốt lên rồi, chẳng tránh được, tựa viên đạn đen đúa trong nòng súng cỡ lớn của kẻ sát nhân, anh biết anh sẽ bị viên đạn ấy nã vào người hết lần này đến lần khác trong chín mươi phút dùng đặc sắp tới, nỗi phải chịu trận thêm buổi chiều trong khi những vết thương của buổi sáng còn rỉ máu.

“Tạ ơn Chúa cậu bé không đau đớn gì, Louis ạ. Chỉ ít nó xảy ra nhanh.”

Phải, nó xảy ra nhanh lắm, đúng rồi, anh định nói với cô như thế – à, đảm bảo nó sẽ khiến khuôn mặt cô tan nát thêm lần nữa cho mà xem, trong anh chực trào sôi thúc muốn cất tiếng, muốn xả những ngôn từ ấy vào mặt cô. Nó xảy ra nhanh lắm, chứ còn gì nữa, đó là lý do quan tài đóng nắp đấy, và ngay cả khi Rachel và tôi đồng ý với việc ăn vận cho người thân đã qua đời sao cho tươi tắn như ma nơ canh trong trung tâm thương mại, rồi nào là tô son, trát cả lớp phấn và họa lên mặt chẳng nữa, họ vẫn không làm được gì nhiều với trường hợp của Gage. Nhanh lắm, thưa cô Mixy yêu quý phút trước thằng bé còn đứng trên đường, thế mà phút sau thằng bé đã nằm dưới đường nhưng bị lôi xuống tít nhà Ringers. Xe tông con trai tôi, giết nó rồi kéo lê nó, cô cứ tin nó xảy ra chóng vánh đi. Tổng cộng cả trăm mét là ít, bằng chiều dài của một sân bóng bầu dục. Tôi cuống cuống chạy theo, Misy ạ, tôi hét tên con tôi hết lần này đến lần khác, tựa như tôi kỳ vọng thằng bé còn sống, trong khi tôi dường như là một bác sĩ. Tôi chạy chừng mười mét thì thấy mũ bóng chày của con tôi, tôi chạy hai mươi mét thì thấy một chiếc giày thể thao Chiến Tranh Giữa Các Vì Sao của nó, đến lúc tôi chạy được bốn mươi mét thì chiếc xe tải đã chệch khỏi đường, thùng xe gãy gập trong mảnh đất đằng nông trại nhà Ringer. Người dân đổ xô ra từ trong nhà, còn tôi cứ thế hét gào tên thằng bé, Missy ạ, và đến vạch năm mươi mét thì tôi thấy áo thằng bé bị lộn trái, đến vạch bảy mươi mét thì thấy thêm chiếc giày bên kia, sau đó mới thấy Gage.

Bỗng dưng đất trời nhuộm màu xám xịt. Mọi thứ vụt khỏi tầm mắt. Anh chỉ lơ mơ cảm nhận được góc cạnh của khung dựng cuốn sổ đang cắn chặt vào lòng bàn tay, nhưng chỉ có thể.

“Louis?” Giọng của Missy. Văng vẳng xa xôi. Tiếng bổ câu bí ẩn vang lên trong tai anh.

“Louis?” Gần hơn rồi. Nghe chừng thẳng thốt.

Khung cảnh cô lại thành hình.

“Anh ổn chứ?”

Anh mỉm cười. “Ổn mà,” anh đáp. “Tôi không sao, Missy ạ.”

Cô ký cho cả hai vợ chồng – Vợ Chồng nhà David Dandridge – bằng nét chữ tròn theo kiểu Palmer; đoạn có bổ sung cả địa chỉ, Rural Box 67, Đường Bucksport Cũ, rồi cô liếc mắt lên nhìn Louis và vội vàng cúi xuống, tựa hồ địa chỉ nằm ngay trên con đường nơi Gage thiệt mạng của nhà cô cầu thành tội ác.

“Anh vững vàng nhé, Louis,” cô thì thầm.

David Dandridge bắt tay anh rồi lăm bắm điều gì đó không rõ, yết hầu nổi bật nhìn như đầu mũi tên giạt lên giạt xuống. Đoạn anh này hồi hả rảo bước theo vợ dọc lối đi để thực hiện nghi lễ viếng linh cữu vốn được đóng ở Storyville, Ohio, một nơi Gage chưa từng đến mà cũng chẳng có ai quen biết.

Sau hai vợ chồng nhà Dandridge, người ta dẫn đến viếng, rỗng rần di chuyển thành hàng, Louis chào hỏi khách, nhận những cái nắm tay, những cái ôm và những giọt nước mắt. Cổ áo và ống tay áo trên của chiếc áo vest màu xám sậm của anh dần dà ẩm hẳn. Hương hoa vươn tới tận cuối phòng, toan thấm đẫm nơi này bằng thứ mùi của tang lễ. Đó là thứ mùi mà anh vẫn nhớ từ thuở ấu thơ – thứ mùi hoa tang tóc, Louis thầm đếm trong bụng số lần người ta nói với anh là cũng còn may khi Gage không phải chịu đau đớn nhiều tổng cộng là ba mươi hai lần. Người ta an ủi anh Chúa hành động theo những cách bí ẩn

phép lạ của Người rồi sẽ hiển lộ tổng cộng hai mươi lăm lần. Câu chốt hạ là *giờ cậu bé đang ở cùng các thiên thần*: tổng cộng mười hai lần.

Con giun xéo lăm cũng quần. Thường thì nghe mãi, những câu cách ngôn ấy sẽ mất đi chút ý nghĩa hững hờ (giống như khi ta cứ lặp đi lặp lại hết lần này đến lần khác tên mình, một hồi sau nó chẳng còn ý nghĩa và nhân dạng gì), nhưng lần này thì không, càng nghe, chúng càng thui sâu hơn, đâm chọc vào lục phủ ngũ tạng. Đến lúc bố mẹ vợ anh xuất hiện như một lẽ tất nhiên, anh cảm thấy như gã đầu sĩ bị đập tơi bởi hoa lá.

Suy nghĩ đầu tiên của anh là Rachel nói đúng và rằng ông Irwin Goldman quả thật già sòm hẳn. Ông ấy – bao nhiêu nhỉ? Năm mươi tám? Năm mươi chín? – thế mà hôm nay trông chẳng khác nào ông cụ thất thập với khuôn mặt in hằn và lãnh đạm. Thật ngộ, ông trông giống y như Menachem Begin, thủ tướng của Israel với mái đầu hói và cặp kính dày như đít chai. Sau chuyến thăm vào dịp lễ Tạ ơn, Rachel đã kể với anh rằng ông già hẳn đi thế nào, nhưng Louis không tưởng được tình hình lại đến mức này. Anh thâm nhủ, hẳn là vào dịp lễ Tạ ơn, tình hình chưa tệ đến thế. Vào dịp lễ ấy, ông cụ chưa mất đi một trong hai đứa cháu ngoại.

Bà Dory bước đi ngay bên cạnh, khuôn mặt gần như khỏa lấp dưới hai – hoặc có thể là ba – lớp mạng đen dày. Tóc bà nhuộm màu xanh thời thượng, thức màu mà các bà các mẹ tầng lớp thượng lưu Mỹ ưa chuộng. Bà nắm lấy cánh tay chồng. Tất cả những gì Louis có thể thấy đằng sau mạng che là hàng lệ lấp lánh.

Bất chợt anh tự nhủ đã đến lúc gác lại dĩ vãng. Anh chẳng thể nào giữ mối thù xưa ấy lâu thêm nữa. Bỗng dưng sao nó nặng nề quá. Có lẽ đó là sức nặng của bao lời sáo ngữ này gộp lại.

“Bố, mẹ,” anh thì thầm. “Cảm ơn hai người đã đến.”

Anh làm động tác đưa tay lên như thể muốn bắt tay bố vợ và ôm mẹ vợ cùng một lúc, hoặc có khi để ôm cả hai người bọn họ. Nhưng dù thế nào, ấy là lần đầu tiên anh cảm thấy lệ hoen mi, và trong một khắc, một suy nghĩ điên rồ vụt qua đầu anh, rằng họ có thể hàn gắn mối quan hệ, rằng Gage mất đi nhưng chí ít cũng giúp hai bên gác lại chuyện xưa, như thể đây là nội dung của cuốn tiểu thuyết lãng mạn dành cho phụ nữ mà anh từng đọc qua, trong đó người ra đi giúp người ở lại cởi bỏ thù hận, trong đó cái chết có thể là nguồn cơn cho thứ nâng đỡ tâm hồn hơn cơn đau vô cùng tận, ngu xuẩn, dằn vặt dai dẳng bấy lâu nay.

Dory tiến lại chỗ anh, toan vươn tay tới. Bà lẩm bẩm “Ôi, Louis ơi...” và thì thầm gì đó không rõ – thì ông Goldman kéo vợ lại. Trong thoáng chốc, cả ba người bọn họ đứng trong một hoạt cảnh mà chỉ người trong cuộc mới thấy (có lẽ có thêm ông tổng tổ chức tang lễ đang lặng lẽ đứng trong góc Phòng Đông cũng mục kích thấy – Louis đoán cậu Carl mà có ở đây thế nào cũng để ý cho xem), Louis đang dang tay ra, còn ông Irwin và bà Dory Goldman đứng khựng lại, cứng đờ như hai con búp bê cắm trên bánh cưới.

Louis thấy trong mắt ông bố vợ chẳng có nổi một giọt nước mắt; đôi mắt ráo hoảnh, quắc lên căm ghét. (*Ông ta nghĩ mình*

giết Gage để chọc tức ông ta chắc? Louis thầm nhủ.) Hai con mắt ấy như đang dò xét anh, như khinh khỉnh anh là kẻ ti tiện, nhỏ mọn ngày trước từng cuỗm cô con gái của ông ta để giờ đây đẩy cô vào nỗi đau khốn cùng này... và rồi đôi mắt ấy gạt anh đi. Ánh mắt ông chuyển sang phía bên trái của Louis – hay nói đúng hơn là về phía quan tài của Gage – chỉ khi ấy chúng mới dịu lại.

Nhưng Louis vẫn dĩ hòa vi quý nốt cú chót, “Bố,” anh nói. “Mẹ. Con xin hai người. Chúng ta phải sát cánh bên nhau để vượt qua cơn bão này.”

“Louis,” bà Dory cất tiếng, anh cảm nhận được sự dịu dàng trong giọng nói ấy, nhưng rồi họ cứ thế bước ngang qua anh, có lẽ ông Irwin Goldman đang kéo vợ đi mà chẳng liếc sang trái hay nhìn sang phải, và hẳn nhiên, còn khuya mới ghé mắt đến Louis Creed. Họ tiến đến quan tài, ông Goldman lục túi áo lôi ra một chiếc mũ chòm nhỏ màu đen.

Hai người không ký sổ, Louis nhủ thầm trong bụng, và bất thành linh, dịch vị cay sè trào lên trong thực quản khiến anh nhăn mặt vì đau.

Lễ viếng buổi sáng cuối cùng cũng kết thúc. Louis gọi về nhà thì ông Jud nhắc máy, hỏi thăm tình hình thế nào. *Ổn cả ạ,* Louis đáp. Anh nhờ ông Jud chuyển máy cho Steve.

“Nếu cô ấy đủ sức sửa soạn tươm tất, tôi sẽ để cô ấy tham dự lễ ban chiều,” Steve nói. “Anh thấy vậy được không?”

“Được,” Louis đồng ý.

“Anh sao rồi, Lou? Nói luôn cho nó vuông chứ chẳng vòng vo làm gì – anh sao rồi?”

“Tôi ổn,” Louis vẫn tắt. “Cố gắng” Tôi đã nói với tất cả khách đến viếng ký vào cuốn sổ. Tất cả, ngoại trừ bà Dory và ông Irwin, họ không chịu ký

“Được rồi,” Steve nói. “Này, mình gặp nhau ăn trưa được không?”

Bữa trưa. Gặp nhau ăn trưa. Câu đề nghị ấy chẳng khác nào một ý kiến dị thường, khiến Louis nghĩ đến những cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng mà anh đọc vào thời niên thiếu – những cuốn tiểu thuyết của Robert Heinlein, Murray Leinster, Gordon Dickson. Những người bản xứ trên Hành Tinh Quark có một tục lệ kỳ lạ, khi con họ qua đời, Trung úy Abelson (: họ “gặp nhau ăn trưa”. Tôi biết điều này thật kinh tởm và man rợ, nhưng anh hãy nhớ rằng hành tinh này chưa được chuyển hóa.

“Được,” Louis đáp. “Có nhà hàng nào ngon để mình đi vào lúc nghỉ giải lao giữa hai buổi lễ viếng không Steve?”

“Anh cứ thông thả đã, Lou,” Steve nói nhưng không có vẻ gì phật ý. Trong trạng thái bình tĩnh rồ dại này, Louis lại cảm thấy đây là lúc mình thấu tỏ người khác nhất trong đời. Có lẽ đó chỉ là ảo giác, nhưng lúc này, anh đồ rằng Steve đang nhủ thầm thà anh đột ngột thốt ra những lời nanh nọc, xát muối vào tim như bây giờ còn tốt hơn trạng thái dờ dẩn ban nãy.

“Đừng lo,” anh bảo với Steve. “Nhà hàng Benjamin thì sao?”

“Ừ,” Steve đáp. “Nhà hàng Benjamin được đấy.”

Anh gọi điện thoại từ văn phòng của vị tổng tổ chức tang lễ. Lúc đi ra, khi ngang qua Phòng Đông, Louis thấy phòng gần như vắng tanh, chỉ có ông Irwin và bà Dory Goldman ngồi ở

hàng ghế trên, đầu cúi gằm. Louis có cảm tưởng họ sẽ ngồi ở đó mãi mãi.

Hóa ra nhà hàng Benjamin là lựa chọn đúng đắn. Ở thị trấn Bangor, người dân ăn trưa sớm, nên tầm một giờ chiều, nhà hàng vắng như chùa bà đanh. Ông Jud đến cùng Steve và Rachel, bốn người bọn họ gọi gà chiên. Trong lúc ăn, có lúc Rachel vào nhà vệ sinh lâu quá mức khiến Steve lo lắng. Anh đang định nhờ một cô phục vụ vào kiểm tra tình hình thì thấy cô quay lại bàn, mắt đỏ hoe.

Louis ăn cho có lệ phần thịt gà và uống rất nhiều bia Schlitz. Ông Jud kiệm lời, lẳng lặng uống theo nhịp của anh.

Cả bốn người gần như chẳng đụng vào bữa ăn, và với nhãn quan siêu việt hiện thời, Louis thấy nữ phục vụ, một cô gái đậm người với khuôn mặt xinh xắn đang băn khoăn không biết có nên hỏi họ xem món ăn không vừa miệng hay thế nào, nhưng sau khi nhìn thấy đôi mắt đỏ hoe của Rachel lần nữa, cô này chột hạ câu hỏi ấy không đúng trọng tâm. Lúc ngồi uống cà phê, Rachel chợt thẳng thừng thốt lên một điều khiến ai nấy đều ngỡ ngàng – nhất là Louis lúc ấy đang mơ màng sau cỡ bia. “Em quyết định quyên góp quần áo của con cho Cứu Thế Quân.”

“Thế à?” Steve hỏi sau thoáng im lặng.

“Phải,” Rachel nói. “Quần áo còn tốt. Mấy chiếc áo len... quần nhung kẻ... rồi áo thun. Người ta nhận được chắc sẽ vui lắm. Rất thơm mát và bền. Tất nhiên là trừ bộ thẳng bé mặc trên người. Chúng... nát bươm rồi.”

Cô ghen ngào đến đau lòng ở ba từ cuối. Cô cố uống cà phê nhưng vô ích. Giây sau, cô bưng mặt, giàn giụa nước mắt.

Khoảnh khắc ấy thật ngọt ngào. Những ánh nhìn đầy căng thẳng, và chừng như tất cả đều tập trung ở Louis. Anh cảm nhận được điều đó bằng nhãn quan siêu phàm mà anh có cả ngày hôm ấy, và đây là rõ ràng nhất, chắc chắn nhất. Đến cả cô phục vụ còn cảm nhận được những ánh nhìn biết nói ấy đang tụ lại một chỗ. Anh liếc thấy cô khựng lại ở chiếc bàn gần cuối phòng, xếp vải lót đĩa và muỗng nĩa. Trong khoảnh khắc, Louis thấy đầu óc bối rối, nhưng rồi anh ngộ ra: Họ chờ anh an ủi vợ mình.

Nhưng anh làm không được, anh muốn làm, anh hiểu ấy là bổn phận của một người chồng. Song anh không tài nào làm nổi. Là con mèo đã ngáng đường anh. Bất thành linh, không nhịp điệu, không lý do. Con mèo ấy. Con mèo chết toi ấy. Con mèo Church với xác chuột lòi ruột gan cùng những con chim không còn cơ hội cất cánh. Khi thấy xác chúng, Louis dọn dẹp ngay lập tức, không cần đắn đo, không nhận xét; và hẳn là không phản kháng. Suy cho cùng, anh gieo nhân nào thì gặt quả đó. Nhưng anh có gieo cái nghiệp này không?

Anh thấy những ngón tay của mình. Thấy những ngón tay sượt qua đằng sau áo khoác của Gage. Rồi áo khoác của Gage vụt mất. Rồi Gage cũng biến mất.

Anh nhìn vào tách cà phê, mặc vợ khóc bên cạnh mà chẳng nói lời an ủi.

Sau một lúc — nếu xét về mặt thời gian thực có lẽ khá ngắn, nhưng lúc ấy và cả sau này khi ngẫm lại thì thật dài — Steve vòng cánh tay quanh người, khẽ ôm cô. Đôi mắt anh nhìn Louis đầy quả trách, phần nộ. Louis lảng tránh ánh mắt ấy rồi quay

sang ông Jud, nhưng ông cụ đang nhìn xuống, tựa hồ tủi hổ.
Chẳng có cứu cánh nào ở đó.

“Ta đã biết thế nào cũng có ngày này,” ông Irwin Goldman châm ngòi. Nguồn cơn của rắc rối bắt đầu từ đây. “Ta đã biết khi con gái ta cưới cậu. ‘Con sẽ phải chịu mọi đau khổ trần ai cho mà xem,’ ta đã cảnh báo rồi. Và giờ thì nhìn đi. Nhìn đi... cái mớ *tanh bành* gì đây!”

Louis khẽ quay sang nhìn bố vợ, trong mắt anh, ông ta chẳng khác nào hình nộm đội mũ chỏm ác nghiệt bật ra từ hộp đồ chơi, và theo bản năng, anh nhìn chỗ Rachel đứng ban nãy, cạnh cuốn sổ gác trên khung – lễ buổi chiều được ngầm định giao cho cô – nhưng Rachel đã đi đâu mất.

Lễ viếng buổi chiều ít người hơn, và sau chừng nửa tiếng, Louis bước xuống hàng ghế đầu, ngồi trên lối đi, mù mịt chẳng ý thức được gì (chỉ lơ mơ cảm nhận mùi hoa ngọt ngào) trừ việc anh mệt lử và buồn ngủ khủng khiếp. Anh đoán một phần nguyên nhân là do bia. Đầu óc anh sẵn sàng tắt ngóm rồi. Có lẽ là điều tốt. Có lẽ sau mười hai hoặc mười sáu tiếng ngủ, anh sẽ đủ sức an ủi Rachel ít nhiều.

Một lúc sau, đầu anh cúi xuống, hai mắt hướng xuống đôi bàn tay gác hờ giữa hai đầu gối. Những giọng nói rì rầm cuối phòng như ru ngủ. Sau bữa trưa, lúc bốn người họ quay lại, anh

nhẹ nhõm khi thấy ông Irwin và bà Dory không có mặt, nhưng đáng lý ra anh phải biết đúng là mơ hão khi nghĩ họ sẽ tiếp tục vắng mặt.

“Rachel đâu rồi ạ?” Louis hỏi.

“Ở với mẹ của nó. Con gái tôi ở đó là đúng rồi,” ông Goldman đáp với giọng điệu đầy vẻ đắc thắng của người vừa chốt được một thương vụ to. Hơi thở của ông phả mùi Scotch. Rất nồng là đằng khác. Ông đứng trước mặt Louis như công tố viên nhỏ thó hung hăng trước kẻ đứng trong vành móng ngựa, một kẻ rõ ràng là phạm tội. Chân ông còn đứng không vững.

“Bố đã nói gì với cô ấy?” Louis nói, cảm thấy máu nóng bắt đầu bốc lên. Anh biết ông Goldman đã nói ra nói vào. Nhìn mặt ông ta là biết.

“Chẳng nói gì ngoài sự thật. Ta bảo đấy là cái giá mà con gái ta phải trả khi kết hôn trái với nguyện vọng của bố mẹ. Ta bảo...”

“Bố nói vậy sao?” Louis bàng hoàng hỏi lại. “Bố không nói vậy đúng không?”

“Ta nói vậy và còn nhiều điều nữa,” ông Irwin Goldman đáp. Giọng ông sặc mùi kênh kiệu của kẻ vừa phát hiện nên đổ lỗi lên đầu ai. “Từ xưa ta đã biết thế nào cũng có ngày này – không chuyện này thì cũng chuyện khác mà thôi. Lần đầu tiên gặp mặt, ta đã biết cậu là thể loại người thế nào rồi.” Ông chúi người tới trước, phà ra hơi Scotch. Giờ thì ông đổi sang tông giọng như người đang tiết lộ một bí mật tày trời. “Ta nhìn thấu mày đấy, đồ lang băm tự cao tự đại. Mày dụ dỗ con gái ta vào cuộc hôn nhân ngu xuẩn, vô giá trị này rồi biến nó thành người hầu

cho mày, rồi mày để con trai nó cầm đầu chạy xuống đường cao tốc như... như con sóc chuột.”

Đa phần những lời này đều không lọt vào đầu Louis bởi anh còn đang vật lộn với việc lão khom ấu trĩ này dám...

“Ông nói vậy với vợ tôi sao?” Anh lập lại, “Ông dám nói vậy sao?”

“Ta cầu cho mày chết mục dưới địa ngục!” Ông Goldman gầm lên, khiến bao người quay phắt về nơi tiếng nói vừa phát ra. Nước mắt tuôn ra từ đôi mắt đỏ ngầu của ông Irwin Goldman, Quả đầu hói ánh lên dưới ngọn đèn huỳnh quang dịu nhẹ, “Mày biến cô con gái tài sắc vẹn toàn của ta thành con hầu cho mày... phá hủy tương lai của nó... cướp nó đi... nỗi khiến cháu ngoại ta chết tức tưởi trên con đường quê,

Giọng ông quát lên âm ỉ.

“Lúc đó mày ở đâu? Ngồi chết dí trong khi thằng bé lằng xằng chơi dưới đường à? Bận nghĩ về máy bài bảo y khoa vớ vẩn của mày đi. Lúc đó mày làm cái gì, thằng súc sinh kia?. Thằng trời đánh thành vật kia! Đồ giải người! Đồ...”

Họ đang đứng đó, ngay trước Phòng Đông. Họ đang đứng đó, và Louis bắt giắc vung tay tới. Anh thấy ống tay áo mình mặc kéo khỏi cổ tay áo sơ mi trắng. Anh thấy khuy măng sét ánh lên – Rachel tặng anh bộ khuy măng sét này làm quà nhân kỷ niệm ba năm ngày cưới, mà không ngờ có ngày chồng cô sẽ cài khuy để dự đám tang của cậu con trai lúc đó chưa hiện diện trên đời. Năm đám của anh chẳng khác nào thủ nổi vào tay anh. Nó nổi tiếp vào miệng của ông Goldman, và anh cảm nhận hàng môi của ông cụ bẹp nhúm, rách toạc. Thành thật mà nói,

cảm giác ấy đến tởm; chắc dùng năm đấm nghiền nát con sên sẽ có cảm giác này. Chẳng có chút thỏa mãn nào, Bên dưới phần thịt của cặp môi bố vợ, anh cảm nhận được hàm răng giả cứng quèo và không suy suyển.

Ông Goldman loạng choạng lùi về sau. Tay ông đập vào quan tài của Gage làm nó bị hất nghiêng. Một bình hoa nặng cắm tua tủa bông rơi đánh choang. Có tiếng ai đó thét lên,

Là Rachel, cô quần quai trong vòng tay mẹ khi bà cố níu cô lại. Những người hiện diện – chừng mười hay mười lăm người cả thầy – sững lại vì sợ hãi và ngượng ngùng. Trước đó, Steve đã đưa ông Jud quay lại Ludlow và Louis thầm biết ơn vì điều đó. Đây không phải cảnh anh muốn ông Jud chứng kiến. Chẳng khác nào bôi tro trát trấu lên mặt.

“Đừng đánh bố em!” Rachel hét lên. “Louis, đừng đánh bố em!”

“Mày thích hành hung mấy lão già quá nhỉ?” Ông Irwin Goldman với cuốn sổ séc tiền muôn bạc vạm rít lên. Ông ta cười, mồm đầy máu, thứ màu của hồng ngọc. “Mày thích hành hung mấy lão già à? Ta chẳng bất ngờ đâu, đồ nghiệt súc. Hành động ấy chẳng làm ta bất ngờ chút nào.”

Louis quay về phía ông Goldman thì bị ông đấm một cú vào cổ. Cú đấm vụng về, chỉ qua mép bàn tay nhưng Louis không kịp chuẩn bị. Cơn đau tê dại khiến anh khó nuốt trong hai tiếng đồng hồ sắp tới nổ tung trong họng. Đầu bật ra sau, anh sụm xuống gối trên lối đi.

Bình hoa chưa đủ, giờ tới lượt tôi à, anh nghĩ. Nhóm Ramones bắt thế nào nhỉ? Hò dô, đi nào! Anh tự nhủ mình muốn phá lên

cười nhưng chẳng có nụ cười nào trong miệng. Phát ra từ cổ họng đau rát của anh là tiếng rên khe khẽ.

Rachel lại hét lên.

Máu rỉ từ miệng, ông Irwin Goldman tiếp tục đá vào thận của Louis. Cơn đau lóe lên buốt tận óc. Anh tì tay lên thăm để ngăn không cho bản thân mình đổ ập xuống sàn.

“Đến mấy ông già mà mày cũng chẳng đọ lại được!” Ông Goldman cuồng dại hét lên đầy thích thú. Ông lại đá Louis, lần này không trúng thận nhưng mũi giày đen của ông thọc thẳng vào mông bên trái, Louis găm gù vì đau song không ngã rạp xuống thảm. Cầm anh đập xuống, phát ra tiếng rắc rất rõ. Anh cắn phải lưỡi.

“Đây!” Ông Goldman gào lên. “Đáng lý ra ta phải đá đít mày như vậy lần đầu tiên mày lảng vảng trước mặt tao, thằng khốn kiếp. Đáng lắm!” Ông lại đá vào mông Louis, lần này bồi cho mông bên kia. Ông vừa khóc vừa cười. Lần đầu tiên, Louis để ý râu ria ông cụ lồm chồm — dấu hiệu cho thấy ông đau buồn. Ông tổng tổ chức tang lễ chạy lại chỗ họ. Thoát khỏi vòng tay của mẹ, Rachel cũng chạy đến chỗ bọn họ, vừa chạy vừa gào thét.

Louis lóng ngóng lộn người lại rồi ngồi dậy. Bố vợ lại sút cho anh một cú nhưng Louis chộp được giày của ông bằng cả hai tay – nó lao thẳng vào lòng bàn tay anh như quả bóng được chụp chắc nịch – rồi dồn hết sức bình sinh đẩy ra sau.

Vừa hét, ông Goldman vừa bay ra đằng sau, hai tay quơ quàng tìm thăng bằng. Ông ngã lên quan tài An Giắc Ngàn Thu

của Gage, linh cữu vốn được làm ở thị trấn Storyville, Ohio và giá thành chẳng hề rẻ chút nào.

Phù thì Oz Dĩ đại và Ghia gớm vừa ngã lên trên quan tài của con trai mình, Louis mù mị nghĩ. Quan tài rơi khỏi khung đỡ đánh rầm. Đầu bên trái rơi xuống trước, sau đó là đầu bên phải. Chốt quan bật mở. Giữa tiếng hét và tiếng khóc ồm tỏi, giữa tiếng gào rú của ông Goldman, một đứa trẻ đã già chơi trò đổ tội lên đầu kẻ khác, Louis nghe thấy tiếng khóa bật mở.

May sao quan tài không mở tung và tung tóe phần thi thể không còn nguyên vẹn của Gage ra sàn để mọi người trợn mắt chiêm ngưỡng, nhưng Louis chưa xót nhận ra họ né được viễn cảnh ấy vì quan tài bị lật úp xuống chứ không đổ nghiêng. Hai kịch bản chỉ cách nhau một sợi chỉ. Tuy nhiên, trong khoảnh khắc ngăn ngủi trước khi nắp quan tài đóng sập trên chốt cài bị hỏng, anh thấy ánh xám – bộ vest nhà anh mua để đặt xung quanh thi thể của Gage – và một chút màu hồng. Tay của Gage.

Ngồi thẳng trên sàn, Louis vùi mặt vào hai tay rồi tức tưởi khóc. Anh chẳng còn thiết tha gì chuyện bố vợ của anh, chuyện tên lửa đạn đạo, chuyện đường khâu vĩnh viễn với đường khâu tự tiêu, chuyện cái chết nhiệt của vũ trụ. Phút giây ấy, Louis Creed ước gì mình chết cho rồi. Và thật kỳ cục, bỗngưng một hình ảnh hiện lên trong tâm trí anh: Gage đeo tai chuột Mickey, Gage cười tươi, bắt tay với chú chó Goofy to bự trên Đường Chính ở Disney World. Anh thấy rõ mồn một.

Một thanh giá đỡ bị đổ; thanh kia nghiêng ngã tựa vào bức thấp nơi mục sư đứng để đọc bài cầu nguyện. Ngã sõng soài trong đồng hoa tang là ông Goldman, lúc này cũng giàn giụa

nước mắt. Nước từ những bình hoa đổ chảy ra. Nhiều bông hoa bị nghiền nát nham nhở, càng tỏa ra mùi hương nồng hơn.

Rachel không ngừng gào thét.

Louis chẳng còn sức phản ứng với tiếng thét của vợ. Hình ảnh Gage đeo tai chuột Mickey đã nhòa đi, nhưng chỉ sau khi anh nghe thấy tiếng thông báo tối nay sẽ có bắn pháo hoa. Anh ngồi vục mặt vào hai tay, chẳng muốn ai thấy mình, khuôn mặt lem nhem nước mắt, mát mát, tội lỗi, đau đớn, tủi hổ, và trên tất cả là ước muốn hèn nhát được chết, được thoát khỏi tăm tối này.

Ông tổng tổ chức tang lễ và bà Dory Goldman dẫn Rachel ra ngoài. Cô vẫn hét âm ỉ. Sau đó, trong một căn phòng khác (Louis đoán căn phòng này chuyên dùng cho những người đau buồn đến mất từ chủ Phòng Cho Người Kích Động chẳng hạn), có ngôi im thin thít. Dân thân Louis choáng váng nhưng vẫn còn minh mẫn, lần này tự tay tiêm thuốc an thần cho vợ sau khi yêu cầu mọi người cho hai vợ chồng họ không gian riêng.

Về đến nhà, anh dẫn cô vào giường và tiêm cho cô thêm một mũi. Đoạn anh đắp chăn lên tận cằm cho cô rồi nhìn gương mặt xanh xao, chờ dẫn của vợ.

“Rachel, anh xin lỗi,” anh nói. “Anh sẵn sàng đánh đổi bất cứ giá nào để rút lại chuyện đó.”

“Không sao đâu,” cô nói bằng giọng ngang phè kỳ lạ, đoạn xoay người, quay mặt khỏi anh.

Anh nghe thấy câu hỏi cũ rích *Em ổn chứ?* dâng lên đầu mỗi song kịp đẩy nó xuống. Câu hỏi ấy không đúng; đó không phải là câu thực sự anh muốn biết.

“Em thấy tệ đến mức nào?” Cuối cùng, anh cất tiếng.

“Khá tệ, Louis ạ,” cô đáp rồi thốt lên âm thanh hao hao tiếng cười. “Nói thật, em cảm thấy khủng khiếp vô cùng.”

Xem chừng cần làm thêm gì đó, nhưng Louis chẳng còn sức đưa ra. Chợt anh cảm thấy phần uất với vợ, với Steve Masterton, với Missy Dandridge và ông chồng có vết hằn đầu mũi tên, với tất tần tật đám người chết tiệt ấy. Tại sao muôn đời là anh đưa ra hành động. Cái quy tắc chết toi này ở đâu ra thế?

Anh tắt đèn rồi bước ra ngoài. Anh cảm thấy mình chẳng còn sức để làm gì thêm cho con gái.

Trong một khoảnh khắc điên rồ, ngắm nhìn con trong căn phòng tối, anh tưởng cô bé là Gage – anh tưởng tất cả chỉ là cơn ác mộng kinh khủng, như lần anh mơ thấy Pascow dẫn anh vào rừng, và trong khoảnh khắc, tâm trí mệt mỏi của anh bầu vuu lấy nó. Bóng tối quá đặc lực – chỉ có ánh đèn nhấp nháy từ chiếc ti vi nhỏ mà ông Jud mang cho cô bé để giết thì giờ. Những giờ đồng hồ dài đằng đẳng.

Nhưng tất nhiên đây chẳng phải Gage; người đang ngồi đó là Ellie, cô bé không chỉ nắm rịt bức hình cô kéo Gage trên xe trượt tuyết mà còn ngồi vào ghế của Gage. Cô bé đã lôi nó ra khỏi phòng em trai rồi mang sang phòng mình. Đó là một chiếc ghế xếp, lòng bằng vải bố, lưng ghế quấn dải dây cũng bằng vải bố. Trên dải dây đề chữ GAGE. Rachel đã đặt qua thư bốn chiếc ghế như vậy. Mỗi thành viên trong nhà có một cái ghế riêng in tên mình.

Ellie quá khổ so với ghế của Gage nhưng vẫn cố ngồi vào khiến lòng ghế chùng xuống một cách đáng ngại. Cô bé ghì chặt

bức hình vào ngực, mắt chăm chăm nhìn ti vi chiếu bộ phim nào đó.

“Ellie,” anh nói, tay tắt ti vi, “ngủ thôi.”

Cô bé lụi cụi đứng dậy khỏi ghế rồi gấp nó lại. Xem ra cô bé định đem nó vào giường.

Louis lừng khừng, nửa muốn nhắc con gái về cái ghế, nhưng rốt cuộc anh chỉ nói, “Con có muốn bố đưa con vào giường không?”

“Dạ có,” cô bé đáp.

“Con có... con có muốn ngủ với mẹ tối nay không?”

“Dạ thôi.”

“Con chắc chứ?”

Cô bé khẽ mỉm cười. “Dạ. Mẹ sẽ giật chăn mất.”

Louis cười đáp lại. “Thế mình đi nào.”

Hóa ra Ellie không mang ghế lên giường mà chỉ dựng nó ở đầu giường, và một hình ảnh kỳ cục hiện lên trong đầu Louis – đây là căn phòng tư vấn của bác sĩ tâm lý nhỏ con nhất thế giới.

Cô bé cởi quần áo, để bức hình chụp hai chị em lên gối, mặc vào váy ngủ, sau đó lại cầm bức hình lên, bước vào nhà vệ sinh, đặt nó xuống để rửa mặt, đánh răng, dùng chỉ nha khoa và uống viên fluoride. Đoạn cô bé lại cầm bức hình lên, đi vào giường.

Ngồi xuống cạnh con gái, Louis ôn tồn, “Ellie, bố muốn con biết nếu chúng ta tiếp tục yêu thương nhau, chúng ta có thể vượt qua chuyện này.”

Từng lời phát ra nhọc như đẩy xe goòng chất đầy những bó rơm ướt, sau hồi chạt vật thốt lên, Louis thấy mệt bã.

“Con sẽ thăm ước,” Ellie bình tĩnh nói, “và cầu Chúa cho em Gage trở về.”

“Ellie...”

“Chúa có thể xóa bỏ chuyện đó nếu Người muốn,” Ellie nói. “Chúa có thể làm bất cứ điều gì Người muốn mà.”

“Ellie, Chúa không làm những điều như vậy,” Louis khó chịu nói, và trong tâm trí anh hiện lên hình ảnh Church ngồi trên nắp bồn cầu, nhìn anh với đôi mắt đùng đục khi Louis ngăm mình trong bồn tắm.

“Có mà,” cô bé đáp. “Ở lớp Giáo lý, giáo viên đã kể cho bọn con câu chuyện về Lazarus. Ông này bị chết và Chúa đã hồi sinh ông ta. Chúa bảo, ‘Lazarus, hãy ra đây,’ và thầy giáo bảo nếu Chúa chỉ nói ‘Hãy ra đây’ thì có lẽ tất cả những người nằm trong nghĩa địa sẽ đội mồ sống dậy, nhưng Chúa chỉ muốn Lazarus mà thôi.”

Một câu rõ quái dị bật ra từ miệng anh (nhưng dù sao ngày hôm ấy đã tru tréo, rĩ rả toàn những điều quái dị rồi): “Chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi, Ellie”

“Con sẽ chuẩn bị sẵn mọi thứ cho Người,” cô bé nói. “Con có hình của em, và con còn ngồi trong ghế của em nữa...”

“Ellie, con to quá, không ngồi ghế của Gage được đâu,” Louis nói và nắm lấy bàn tay nóng rẫy của con gái. “Con sẽ làm nó gãy mất.”

“Chúa sẽ giữ cho ghế không gãy,” Ellie nói. Giọng cô bé thành kính, nhưng Louis quan sát thấy quầng nâu dưới mắt cô bé. Nhìn con mà lòng anh xót xa đến độ phải quay mặt đi. Có lẽ

khi ghế của Gage bị gãy, cô bé sẽ hiểu chuyện đã xảy ra thêm một chút.

“Con sẽ mang theo bức hình và ngồi vào ghế của em,” cô nói. “Con cũng sẽ ăn bữa sáng của em ấy.” Gage và Ellie có ngũ cốc ăn sáng riêng; Ellie từng bảo ngũ cốc của Gage có vị như gỉ mũi khô. Nếu trong nhà chỉ còn ngũ cốc Cocoa Bears, Ellie sẽ ăn trứng luộc... hoặc nhịn luôn. “Con sẽ ăn đậu ngự dù con rất ghét, con sẽ đọc tất cả sách tranh của Gage, con sẽ... con sẽ... bố biết đấy... chuẩn bị đầy đủ... biết đâu...”

Cô bé nghẹn ngào khóc. Louis không tìm cách dỗ con gái mà chỉ vuốt tóc cô bé khỏi vương trên trán. Điều cô bé nói nghe cũng có lý, dù rất điên khùng. Giữ mối liên kết. Giữ mọi thứ mới mẻ. Đặt Gage trong hiện tại, trong Danh Sách Top 100, không cho cậu bé lùi về dĩ vãng; nhớ Gage đã từng làm chuyện này... chuyện nọ... Phải, tuyệt lắm... cậu nhóc Gage hoạt bát, thông minh sáng láng. Khi không còn đau, nó sẽ chẳng còn quan trọng nữa. Louis nghĩ có lẽ con gái mình hiểu để Gage chết đi dễ dàng đến mức nào.

“Ellie, đừng khóc nữa con,” anh nói, “đây không phải vĩnh viễn đâu.”

Cô bé cứ thế nức nở mãi... suốt mười lăm phút ròng rã. Rồi cô bé thiếp đi trước khi nước mắt ngừng rơi. Cô bé cũng chìm vào giấc ngủ khi đồng hồ đánh hồi chuông báo mười giờ trong căn nhà yên tĩnh.

Hãy giữ cho em con sống trong lòng con, Ellie ạ, nếu đó là điều con muốn, anh nói khẽ rồi hôn con gái. Các tay bác sĩ tâm lý có lẽ sẽ bảo rằng nó chẳng tốt lành gì cho sức khỏe, nhưng bố ủng hộ con.

Bởi bố biết rồi sẽ đến ngày – nếu sớm thì là thứ Sáu này. ‘– con quên cầm theo bức bình, bố trông thấy bức hình trên giường, trong căn phòng trống trải này trong khi con lái xe đạp quanh nhà, đi bộ trong mảnh đất đằng sau nhà, hoặc đi đến nhà Kathy McGoun để may quần áo bằng bộ dụng cụ Sew Perfect. Gage sẽ không đi cùng con, và đó là lúc Gage đã rơi khỏi Danh Sách Top 100 tồn tại trong lòng những cô bé con, để rồi trở thành Điều Đã Xảy Ra Năm 1984. Quả khứ dội về.

Louis rời căn phòng, đứng ở đầu cầu thang một thoáng, băng quơ nghĩ về việc đi ngủ.

Anh biết anh cần gì nên đi xuống tầng dưới để lấy.

Louis albert Creed tìm cách chuốc cho mình say. Dưới tầng hầm có năm két bia Schlitz Light. Ngoài Louis ra, ông Jud, Steve Masterton cũng uống, thi thoảng Missy Dandridge cũng làm một, hai lon trong lúc trông đám trẻ nhà anh (*đám trẻ giờ chỉ còn một*, Louis tự nhủ trong lúc bước xuống những bậc thang của tầng hầm). Ngay cả Charlton, trong những dịp hiếm hoi đến nhà anh, cũng thích uống bia hơn là làm một ly rượu – chỉ cần bia nhẹ độ là được. Vậy nên một ngày mùa đông năm ngoái, Rachel đã ra ngoài mua đến mười két bia khi Schlitz Light giảm giá ở Tiệm Rượu Bia A&P. *Để cứ mỗi lần có khách đến, anh đỡ phải chạy xuống tiệm nhà Julio ở Orrington, cô nói. Và lúc nào anh cũng trích lời Robert Parker cho em nghe còn gì, chồng yêu — bia nằm trong tủ lạnh sau khi cửa hàng đã đóng cửa là bia ngon, đúng không? Nên uống đi và ngắm xem mình tiết kiệm được bao nhiêu. Mùa đông năm ngoái. Khi mọi thứ còn ổn thỏa. Khi mọi thứ còn*

ổn thỏa. Thật kỳ khôi khi tâm trí ta có thể nhanh chóng và dễ dàng phân chia rạch ròi đến thế.

Louis xách một két bia lên và tổng chúng vào trong tủ lạnh. Đoạn anh lấy một lon, đóng cửa tủ lạnh rồi khui bia. Church chậm chạp và lững thững bước ra khỏi chạn bát khi nghe thấy tiếng tủ lạnh đóng mở, đoạn nhìn Louis dò xét. Nó không dám tiến đến quá gần; có lẽ anh đã đá nó quá nhiều lần.

“Không có gì cho mày đâu,” anh nói với con mèo. “Hôm nay mày ăn hộp thức ăn Calo rồi còn gì. Nếu muốn thêm thì đi mà giết chim ấy.”

Church đứng đó, lom lom nhìn Louis. Uống một mạch nửa lon, anh cảm thấy bia xộc lên đầu mình gần như ngay lập tức.

“Mày còn chẳng ăn thịt bọn chúng phải không?” Anh hỏi. “Giết chúng là mày mãn nguyện rồi.”

Church bước vào phòng khách, nhận ra chẳng có thức ăn gì cho mình, và chốc sau, Louis đi theo nó.

Anh lại băng quơ nghĩ: *Hồ dô, đi nào.*

Ngồi xuống ghế, Louis quay sang nhìn Church. Con mèo tựa lên tấm thảm cạnh tủ ti vi, cẩn trọng quan sát Louis, có lẽ sẵn sàng co giò chạy nếu Louis đột nhiên nổi đóa và quyết định thượng cẳng chân với nó.

Nhưng không, Louis chỉ giơ lon bia lên. “Uống vì Gage,” anh nói. “Vì con trai tao, người biết đâu có thể trở thành một nghệ sĩ, một vận động viên bơi lội Olympic hoặc tổng thống nước Mỹ chết toi này. Mày thấy sao, đồ khốn?”

Church nhìn anh với đôi mắt kỳ cục, ngây dại.

Louis ừng ực uống nốt lon bia đến độ rất hòng, đoạn đứng dậy đi đến tủ lạnh lấy thêm một lon nữa.

Sau khi nốc ba lon bia, lần đầu tiên trong ngày, anh tìm được sự cân bằng. Xử lý xong lốc sáu lon đầu tiên, anh cảm thấy mình có thể tìm được giấc ngủ trong một tiếng đồng hồ tới. Anh bước đến tủ lạnh lấy lon bia thứ tám hay thứ chín gì đấy (lúc đó anh chẳng còn đếm nổi và đã loạn choạng chân nam đá chân chiêu), Church lại lọt vào tầm mắt anh, nó đang lim dim – hoặc giả vờ lim dim – trên tấm thảm. Suy nghĩ hiện lên trong tâm trí anh tự nhiên đến độ hẳn nó đã luôn hiện diện ở đó, chỉ chực chờ thời điểm để lộ diện từ sâu trong tâm trí:

Khi nào mày tính thực hiện điều đó? Khi nào mày mới chôn Gage ở Nghĩa địa Thú cưng?

Và ngay sau đó là văng vẳng câu:

Lazarus, hãy ra đây.

Giọng của Ellie mơ màng, buồn ngủ:

Thầy giáo bảo nếu Chúa chỉ nói ‘Hãy ra đây thì có lẽ tất cả những người nằm trong nghĩa địa sẽ đội mồ sống dậy.

Cơn rùng mình chạy dọc người anh mãnh liệt đến độ Louis phải bấu chặt lấy cơ thể khi cả người run lên. Anh chợt nhớ lại ngày đầu tiên Ellie đi học, nhớ cảnh Gage rúc vào lòng anh ngủ trong lúc anh và Rachel lắng nghe Ellie liến thoắng kể về bài hát Ông MacDonald, cô Berryman; anh nói Để bố đưa em vào giường và khi đưa Gage lên lầu, một dự cảm đầy kinh hoàng ập đến, giờ anh chợt vỡ lẽ: từ tháng Chín, một phần trong anh biết Gage sắp sửa mất mạng. Một phần trong anh biết Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gồm sắp sửa ra tay. Thật vớ vẩn, thật ngu xuẩn, thật mê

tín dị đoan... nhưng lại đúng đắn. Lúc đó anh đã *biết*. Louis đánh đổ một chút bia lên áo, làm Church mệt mỏi ngẩng lên xem đây có phải dấu hiệu lễ hội thượng cẳng chân với mèo sắp bắt đầu tối nay hay không.

Louis chợt nhớ lại thắc mắc anh từng hỏi ông Jud; anh nhớ tay ông Jud giật bắn, gạt đổ hai chai bia rỗng xuống bàn. Một chai bể tan tành. *Thậm chí đó cũng chẳng phải chuyện nên nói ra miêng nữa kìa, Louis!*

Nhưng anh muốn nói về chuyện đó – hoặc chí ít ngẫm nghĩ về nó. Nghĩa địa Thú cưng. Vùng đất đằng sau Nghĩa địa Thú cưng. Ý tưởng ấy có mị lực đến chết người. Nó có lý tới độ bất khả chối từ. Church đã mất mạng trên đường; Gage cũng mất mạng trên đường. Nhưng giờ Church ở đây – tất nhiên đã đổi khác, theo nhiều cách khá đáng ghét - nhưng vẫn ở đây. Ellie, Gage và Rachel đều thuận hòa với nó. Đúng là nó giết chim chóc và moi ruột của vài con chuột, nhưng giết động vật nhỏ là điều mèo hay làm còn gì. Church chẳng biến thành quái vật. Xét theo nhiều phương diện, nó vẫn được ra phết đấy chứ.

Mày đang lý do lý trấu, một giọng nói thì thầm. Nó chẳng hề được như xưa. Nó là đồ quỷ ma. Con quạ, Louis... nhớ con quạ chứ?

“Lạy Chúa tôi,” Louis nói to, giọng run rẩy, quẫn trí đến độ chẳng nhận ra đó là giọng mình.

Chúa ơi, phải, đúng rồi. Đây là đời thực chứ chẳng phải tiểu thuyết về ma quỷ hoặc ma cà rồng, và nếu có lúc phải cầu khẩn tên Chúa ngoài cuốn tiểu thuyết thì là lúc này đây. Nhân danh Chúa – anh mạo muội nghĩ cái gì vậy kìa? Anh dám nghĩ một điều báng bổ mà ngay cả bản thân anh còn chưa dám tin.

Nhưng tệ hơn là anh đang dối lòng. Không chỉ lý do lý trầu mà là dối trá.

Vậy sự thật là gì? Mà muốn sự thật đến thế kia mà, vậy sự thật là gì?

Rằng Church chẳng còn là một con mèo đúng nghĩa nữa, đó là điều đầu tiên. Nhìn nó *như* con mèo, nó *cư xử* như con mèo, nhưng thực sự nó chỉ là phiên bản bắt chước tệ lậu. Người ta không thể nhìn ra sự bắt chước ấy, nhưng họ có thể cảm nhận được nó. Anh nhớ cái đêm Charlton đến nhà anh chơi nhân dịp tổ chức tiệc tối quy mô nhỏ trước Giáng sinh. Lúc đó mọi người ngồi đây trò chuyện sau bữa ăn, Church nhẩy vào lòng bà. Charlton ngay tức khắc đẩy con mèo xuống, liền sau đó, theo bản năng, môi bà trễ ra đầy kinh tởm.

Đó chỉ là một chi tiết cởn con mà chẳng ai dả động. Nhưng... nó rành rành ra đấy. Charlton cảm nhận được thứ đó chẳng phải mèo. Louis uống nốt lon bia và bước đến tủ lạnh lấy lon mới. Nếu Gage sống dậy mà biến đổi theo hướng ấy thì quả gớm ghiếc.

Anh khai lon bia rồi tu ừng ực. Anh say rồi, xin quắc cần câu, và ngày mai anh còn phải xoay xở với đủ thứ chuyện. Cách Tôi Dự Đám Tang Con Trai Khi Say Chuếnh Choáng, chấp bút bởi Louis Creed. Tác giả của Cách Tôi Để Suốt Con Mình Ở Phút Giây Sinh Tử và rất nhiều tác phẩm khác.

Say xỉn. Đúng rồi. Anh đồ rằng lý do anh chuốc cho mình say đến vậy là để anh có thể tỉnh táo cần nhắc ý tưởng điên rồ này.

Mặc kệ tất cả, ý tưởng ấy sở hữu mọi lực chết người, hào nhoáng bệnh hoạn, đầy mê hoặc. Phải, trên tất cả, nó tỏa ra sự mê hoặc.

Ông Jud hiện lên trong đầu anh, vang vọng.

Chúng ta làm điều đó vì nó chỉ phối chúng ta. Chúng ta làm vậy vì nơi chôn cất ấy là một nơi bí mật, ta muốn sẻ chia bí mật... Ta bịa ra lý do... tưởng chừng lý do ấy là tốt... nhưng đa phần ta làm vậy vì ta muốn. Hoặc vì ta phải làm thế.

Giọng của ông Jud trầm thấp và kéo dài với ngữ điệu dân miền Bắc. Giọng của ông Jud khiến da thịt anh gai lên, nổi cả da gà, khiến lớp lông sau gáy dựng đứng.

Ấy là những điều bí mật, Louis ạ... Đất trong tim đàn ông cứng như sỏi đá... như đất ở khu chôn cất của người Micmac ngày xưa. Người ta trông thứ gì có thể... rồi chôn bôn nó.

Louis nhớ lại những điều ông Jud nói với anh về khu đất chôn cất của người Micmac. Anh bắt đầu đối chiếu dữ liệu, chọn lọc, tóm gọn nó – anh thực hiện theo đúng cách anh từng chuẩn bị cho những bài kiểm tra lớn.

Con chó tên Spot.

Ta có thể thấy những chỗ dây kẽm gai móc vào thịt nó – những vị trí đó bị tróc hết lông, thịt lún vào.

Con bò. Một tập tài liệu lại lật ra trong tâm trí Louis.

Lester Morgan chôn con bò thượng hạng ở đó. Một con bò giống Black Angus mang tên Hanratty... Lester đã kéo nó lên tận đó bằng xe kéo... Hai tuần sau, Lester bắn chết nó. Con bò ấy như thành tinh. Nhưng nó là con vật duy nhất ta nghe nói gặp tình trạng này.

Nó như thành tinh.

Đất trong tim đàn ông cứng như sỏi đá.

Nó như ma quỷ.

Nó là con vật duy nhất ta nghe nói gặp tình trạng này.

Đa phần ta làm vậy vì ta đã từng đến đó, nó là nơi của ta.

Hanratty. Cái tên cho bò rõ ngớ ngẩn nhỉ?

Người ta trông thứ gì có thể... rồi chăm bón nó.

Chúng là chuột của mình. Chim của mình. Mình đã chuốc lấy chúng.

Nó là nơi của ta, một nơi bí mật, nó thuộc về ta, còn ta thuộc về nó.

Con bò ấy như thành tinh. Nhưng nó là con vật duy nhất ta nghe nói gặp tình trạng này.

Mày muốn chuốc lấy cái gì nữa đây, Louis, khi gió hun hút vào buổi đêm và khi ánh trăng dát bạc con đường băng qua khu rừng dẫn đến nơi đó? Mày muốn trèo những bậc thang ấy sao? Khi xem phim kinh dị, khán giả đều biết nhân vật nam chính hoặc nữ chính thật ngu ngốc khi mò lên bậc thang, nhưng trong đời thực, họ lúc nào cũng làm trò ngu xuẩn – nào là hút thuốc, nào là không thắt dây an toàn, nào là chuyển cả gia đình đến sống cạnh con đường cao tốc tấp nập, cả đêm lẫn ngày những chiếc xe đầu kéo chạy rầm rập. Sao, Louis, có gì để nói nào? Mày muốn leo lên bậc thang đấy à? Mày muốn giữ cậu con trai đã chết của mình hay chọn thứ đằng sau Cánh Cửa Số Một, Cánh Cửa Số Hai hoặc Cánh Cửa Số Ba?

Hồ dô, đi nào.

Như thành tinh... con vật duy nhất... thịt lún vào... đàn ông. của ta... của ông ấy...

Louis đổ phần bia còn dư xuống bồn rửa chén, cơn buồn nôn chột dâng trào trong bụng. Căn phòng quay cuồng đánh võng xung quanh anh.

Có tiếng gõ cửa.

Suốt một lúc lâu – hoặc đây là cảm giác của anh – anh cứ tưởng tiếng gõ cửa ấy vang lên trong đầu anh, chỉ là ảo giác. Nhưng tiếng gõ cửa cứ vang mãi không thôi, nhẩn nại, không nhân nhượng. Bỗng Louis băng quơ nghĩ về câu chuyện kinh dị chân khỉ, khiến cả người anh lạnh ngắt vì hãi hùng. Đến độ anh cảm thấy nó cô lại thành hình dạng thực tế – tựa bàn tay người chết nhét trong tủ lạnh, đột nhiên sống dậy dù đã lìa khỏi xác, rồi trườn vào áo anh, nắm chặt phần thịt bên ngoài trái tim anh. Hình ảnh ấy thật ngớ ngẩn, gớm ghiếc và ngớ ngẩn, nhưng ô kìa, nó chẳng có vẻ ngớ ngẩn chút nào. Không hề.

Louis bước ra cửa mà chân như tê dại, nâng then cửa bằng những ngón tay chẳng còn sức sống. Lúc đẩy cửa mở, anh đã nghĩ: *Hẳn đó là Pascow. Như người ta nhận xét về Jim Morrison, trở về từ cõi chết, lớn lao hơn bao giờ hết. Pascow sẽ đứng đó trong chiếc quần đùi thể thao, to cao và mồm meo như bánh mì để cả tháng trời, Pascow với quả đầu móp méo dị dạng, Pascow đến để cảnh cáo anh: Đừng đi lên đó. Bài hát ngày xưa của nhóm The Animals bắt thế nào nhỉ? Người thương, xin đừng đi, XIN đừng đi, em biết anh yêu em vô ngần, người thương, xin đừng đi...*

Cửa mở ra và đứng đó, trên bậc tam cấp ngoài cửa, trong đêm đen mịt mùng đầy gió thốc, giữa ngày thăm viếng đám tang và ngày hạ huyết con trai anh là ông Jud Crandall. Mái tóc bạc thưa mỏng của ông rối tung trong màn đêm lạnh lẽo.

“Vừa mới ngẫm trong đầu thì ông đã đứng ngay trên bậc cửa” Louis mau miệng. Anh gượng phá lên cười. Thời gian như tự động quay ngược trở lại, về ngày lễ Tạ ơn. Chốc sau, họ sẽ bỏ cái xác cứng quèo và nặng đến dị thường của con mèo Winston Churchill mà Ellie nuôi vào túi rác rồi lên đường. *Ồ đừng hỏi đó là gì, cứ để bọn ta đi thăm một chuyến.*

“Ta vào được chứ, Louis?” Ông Jud hỏi. Ông lấy gói thuốc Chesterfield từ trong túi áo ra rồi ngậm một điếu trên miệng.

“Ông biết không,” Louis cất tiếng. “Khuya rồi, mà từ nãy đến giờ, cháu đã nốc cả đồng bia.”

“Ái chà, ta ngửi thấy mùi mà,” ông Jud nói. Ông quẹt diêm nhưng gió làm nó tắt ngóm. Ông khum tay đánh thêm một que khác nhưng tay run quá, khiến que diêm chẳng chống chọi nổi cơn gió. Ông lấy ra que thứ ba, toan quẹt thì ngược nhìn Louis khi ấy chắn ngay cửa. “Ta không quẹt được diêm,” ông Jud nói. “Cháu có tính để ta vào không đây, Louis?”

Louis bước sang bên, để ông cụ vào nhà.

Hai người bọn họ ngồi ở bàn bếp với lon bia – lần đầu tiên hai ông cháu uống bia trong bếp nhà mình, Louis nghĩ, thoáng ngạc nhiên. Bỗng vang vọng qua phòng khách tiếng hét của Ellie trong giấc ngủ, khiến cả hai đơ ra như những bức tượng trong bộ trò chơi của trẻ em. Nhưng cô bé la một lần rồi im bật.

“VẬY...” Louis cất tiếng. “Mười hai giờ mười lăm rồi, ông cất công sang nhà cháu vào buổi sáng hạ huyết con trai cháu làm gì vậy ạ? Ông là bạn của gia đình cháu, ông Jud ạ, nhưng thế này có hơi quá.”

Ông Jud uống bia, lấy mu bàn tay chùi miệng rồi nhìn trực diện Louis. Đôi mắt ông có gì đó thật rõ nét và quả quyết đến độ lát sau, Louis phải cúi gằm.

“Cháu biết lý do ta đến đây mà,” ông Jud nói. “Cháu đang nghĩ về những điều không được phép nghĩ đến, Louis ạ. Tệ hơn nữa, ta e rằng cháu đang cân nhắc chúng.”

“Cháu chẳng nghĩ gì ngoài chuyện vào giường ngủ,” Louis nói. “Ngày mai cháu phải làm lễ hạ huyết.”

“Ta có một phần trách nhiệm khi khiến cỗi lòng cháu chịu nhiều đốn đau hơn vào tối nay,” ông Jud ôn tồn. “Thậm chí ta

còn nghĩ ta phải chịu trách nhiệm cho sự ra đi của con trai cháu”

Louis ngẩng lên, thẳng thốt. “Sao kia...? Ông Jud, ông nói quàng xiên gì vậy!”

“Cháu đang nghĩ đến chuyện đem thằng bé đến đó,” ông Jud nói. “Đừng phủ nhận suy nghĩ ấy đã lướt qua đầu cháu, Louis ạ.”

Louis không đáp.

“Sức ảnh hưởng của nó bành trướng đến đâu?” Ông Jud hỏi. “Cháu có thể nói cho ta biết được không? Bởi bản thân ta chẳng thể trả lời câu hỏi ấy, và ta đã cắm dùi ở mảnh đất này cả cuộc đời rồi. Ta biết về người Micmac, nơi đó bấy lâu nay luôn được xem là một nơi linh thiêng với họ. nhưng không phải theo nghĩa tốt. Stanny B. bảo với ta như thế. Về sau bố ta cũng nói vậy. Sau khi Spot chết lần thứ hai. Hiện giờ, người Micmac, Bang Maine và chính quyền Hoa Kỳ đang lôi nhau ra tòa tranh luận xem ai sở hữu mảnh đất ấy. Mà suy cho cùng ai là chủ sở hữu kia chứ? Sau bao nhiêu nhượng thì giờ chẳng ai biết chắc cả, Louis ạ. Suốt chiều dài lịch sử, hết người này đến người khác tuyên bố mảnh đất thuộc về mình, nhưng chẳng có lời tuyên bố nào dài lâu. Anson Ludlow, cháu chắt của ông tổ thị trấn này chẳng hạn. Lời tuyên bố của ông ta có lẽ là xác đáng nhất với một người da trắng, vì Trưởng lão Joseph Ludlow được Vua Georgie Minh Quân ban tặng tất tần tật từ cái thời Maine chỉ là một tỉnh lớn trong Thuộc Địa Vịnh Massachusetts. Nhưng ngay cả lúc ấy, ông ta phải trầy vi tróc vảy đấu tranh trước tòa, vì lại nảy sinh tranh chấp về quyền sở hữu mảnh đất bởi những

người khác trong dòng họ Ludlow, và bởi một người mang tên Peter Dimmart tuyên bố có thể minh chứng rất thuyết phục rằng ông ta cũng là con rơi con rớt của dòng họ Ludlow. Cuối đời, Trưởng lão Joseph Ludlow chẳng rủng rỉnh tiền bạc nhưng ê hề đất đai, và thỉnh thoảng, ông ấy lại nổi hứng tặng đại hai hay bốn trăm mẫu khi xin quắc cần câu”

“Không có chứng thư nào được lưu lại sao?” Louis ngạc nhiên hỏi.

“À, thời ông của ta, họ ghi phiên phiên để lưu chứng thư thôi” ông Jud nói, dùng đầu mẫu thuốc lá cũ châm điều mới. “Khế ước đất nhà cháu ban đầu như thế này,” nhắm mắt, ông Jud trích lại: “Từ cây phong cổ thụ trên đỉnh rặng núi Quinceberry đến bờ sông Orrington; tức khoảng đất chạy từ bắc xuống nam.”” Ông Jud cười mà chẳng chút hài hước. “Nhưng cây phong cổ thụ ngã đổ vào năm 1882, đến năm 1900 thì mục ruỗng, phủ đầy rêu, còn sông Orrington thì nghẽn phù sa nên biến thành đầm lầy trong mười năm kể từ khi Thế chiến kết thúc và thị trường chứng khoán sụp đổ. Cuối cùng mọi chuyện như mớ hổ lốn. Mà dù sao, mọi thứ không còn nghĩa lý gì với ông Anson nữa rồi. Ông bị sét đánh chết vào năm 1921, ngay khu chôn cất ấy đấy.”

Louis nhìn ông Jud chăm chăm. Ông hớp ngụm bia.

“Chẳng to tát gì đâu. Khối địa điểm có lịch sử quyền sở hữu rồi như mớ bong bong nên chẳng bao giờ ngã ngũ, chỉ béo cho mấy tay luật sư thôi. Chà, Dickens^[16E] thừa biết điều này. Ta đoán cuối cùng, mảnh đất sẽ về tay người da đỏ, theo ta, đó là

cách hợp tình hợp lý nhất. Nhưng chuyện đó chẳng quan trọng, Louis ạ. Tối nay, ta đến đây để kể với cháu chuyện Timmy Baterman và bố cậu ta.”

“Timmy Baterman là ai ạ?”

“Timmy Baterman là một trong chừng hai mươi thanh niên từ Ludlow rời đất nước đi đánh Hitler. Cậu ấy lên đường năm 1942 để rồi trở về trong hộp phủ lá cờ năm 1943. Cậu hy sinh ở Ý. Ông bố Bill Baterman sống cả đời ở thị trấn này. Khi nhận được điện, ông cụ như phát điên... nhưng sau đó, ông ấy dịu lại. Số là ông cụ cũng biết khu đất chôn cất của người Micmac. Và ông ấy quyết chỉ làm điều mình muốn.

Sống lưng anh lạnh ngắt. Louis chăm chăm nhìn ông Jud hồi lâu, cố lần mò sự dối trá trong mắt ông cụ. Không có. Nhưng việc câu chuyện xuất hiện lúc này sao mà đúng thời điểm quá.

“Sao đêm hôm nọ ông không kể với cháu chuyện này?” Mãi sau anh mới lên tiếng. “Sau khi chúng ta... sau khi chúng ta xử con mèo? Khi cháu hỏi ông có ai từng chôn người ở đây chưa, ông bảo chưa.”

“Vì lúc đó cháu không cần biết,” ông Jud đáp. “Nhưng giờ thì cần.”

Louis im lặng hồi lâu. “Đó là người duy nhất ạ?”

“Người duy nhất ta biết trên phương diện cá nhân,” ông Jud nghiêm trang đáp. “Người duy nhất từng thử sao? Ta không nghĩ vậy, Louis ạ. Ta thực sự không nghĩ vậy. Ta giống như Người Thuyết giáo trong Sách Giảng viên – ta cho rằng chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời. Ô, thỉnh thoảng thứ lấp lánh họ rắc

bên trên thay đổi, nhưng chỉ thế mà thôi. Điều chi đã từng làm, ấy là điều trước đó cũng từng làm... không chỉ một lần... mà rất nhiều lần.”

Ông nhìn xuống bàn tay lấm tẩm đôi môi. Đồng hồ trong phòng khách điểm mười hai giờ ba mươi.

“Ta biết người làm trong ngành như cháu đã quen với việc xem xét các triệu chứng và chẩn đoán ra căn bệnh... nên ta quyết định phải thẳng thắn trao đổi với cháu khi ông Mortonson ở nhà tang lễ nói với ta rằng cháu đặt quách nắp đây thay vì loại quách hàn kín chống chịu tốt.”

Louis trăn trăn nhìn ông Jud hồi lâu, lặng thinh không nói một lời. Mặt phùng phùng nhưng ông cụ không quay đi.

Cuối cùng, Louis lên tiếng: “Xem ra ông có hơi tọc mạch vào chuyện của cháu thì phải, ông Jud. Cháu rất lấy làm tiếc vì việc đó.”

“Ta không hỏi ông ấy cháu mua quách gì.”

“Không hỏi thẳng phải không ạ?”

Nhưng ông Jud không đáp, và mặc dù mặt ông càng lúc càng đỏ lựng – nước da ông đang chuyển sang màu mận chín – cặp mắt vẫn không hề nao núng.

Hồi sau, Louis thở dài. Anh thấy mệt khôn tả. “Ôi khốn thật. Cháu cóc cần biết. Có lẽ ông nói đúng. Có lẽ suy nghĩ ấy đã hiện lên trong đầu cháu. Nếu có thì chắc nó hiện lên trong phần tâm trí mù mịt của cháu. Cháu chẳng nghĩ nhiều khi đặt quách. Cháu chỉ nghĩ về Gage thôi.”

“Ta biết cháu nghĩ về Gage. Nhưng cháu biết điểm khác biệt. Cậu của cháu làm dịch vụ lễ tang mà.”

Phải, anh biết điểm khác biệt. Quách hàn kín là dạng quách được thi công để có độ bền suốt quãng thời gian dài, rất dài. Bê tông được đổ vào khuôn chữ nhật có các thanh sắt gia cố, sau khi lễ truy điệu kết thúc, cần trục sẽ hạ nắp quách cong cong lên trên. Nắp quách được hàn kín bằng một loại chất giống như chất bộ phận sửa chữa cao tốc sử dụng để lấp ổ gà. Cậu Carl từng bảo với Louis rằng chất hàn kín này – tên hãng là Ever-Lock — có độ chắc đáng gờm sau khi chịu sức nặng cỡ đó suốt khoảng thời gian dài.

Giống mọi người, cậu Carl vốn thích kể chuyện trên trời dưới biển (chí ít là khi cậu ở với đồng nghiệp, mà Louis đã làm với cậu suốt mấy mùa hè, nên anh đủ tiêu chuẩn làm nhân viên dịch vụ tang lễ tập sự), và lần nọ, cậu kể cho đứa cháu trai của mình là anh nghe về ủy thác khai quật từ văn phòng công tố viên hạt Cook. Cậu Carl đến Groveland để giám sát quá trình khai quật. Việc này lắm lúc cũng rắc rối, cậu kể – nhiều người chỉ biết sơ sơ về đào mả qua những bộ phim kinh dị có tài tử Boris Karloff đóng vai Frankenstein và Dwight Frye thủ vai Igor nên hiểu biết hoàn toàn lệch lạc. Hai người đàn ông chỉ trang bị cuốc và xẻng đứng hòng mở được một quách hàn kín — trừ khi họ dành ra sáu tuần cho công việc này. Ban đầu, việc đào mả diễn ra rất ổn. Sau khi đào huyệt, cần trục móc vào nắp vòm của quách. Có điều nắp quách lại không bung ra như kỳ vọng. Cả cái quách với các mặt bê tông hơi ứt và bạc màu bắt đầu rời khỏi mặt đất. Cậu Carl hét lên bảo người điều khiển cần trục thả quách về chỗ cũ, vì cậu toan quay lại nhà xác lấy vài món đồ nghề để làm chất hàn dính nhả ra bớt.

Chẳng biết người điều khiển cần trục không nghe rõ hay muốn nâng phút cả cái quách cho rồi, như đứa trẻ di chuyển cần trục để gấp đồ chơi trong khu giải trí trả tiền xu. Cậu Carl bảo gã chết toi ấy sắp sửa thì thành công. Quách đã nhấc ra ngoài được ba phần tư thì cậu và người trợ lý nghe thấy tiếng nước tong tổng chảy từ đáy quách xuống huyệt — tuần đó toàn bộ vùng đô thị Chicago rất ướt át — thì cần trục bị nghiêng và đổ đánh rầm xuống mộ. Tay điều khiển cần trục đập thẳng vào kính chắn gió, gãy mũi. Màn tưng bừng của ngày hôm ấy khiến Hạt Cook phải rút hầu bao thêm 3.000 – nhiều hơn giá dịch vụ bình thường 2.100 đô la. Điểm nhấn chính khi cậu Carl kể câu chuyện này là sáu năm sau, tay điều khiển cần trục ấy trở thành Chủ tịch Hiệp đoàn Tài xế Xe tải Chicago.

Quách nắp đây đơn giản hơn. Loại quách này chỉ là hộp bê tông mở nắp. Vào buổi sáng ngày tổ chức tang lễ, quách được đưa xuống huyệt. Sau khi hoàn tất các thủ tục, quan tài được hạ xuống quách. Rồi người trông nom nghĩa trang sẽ đặt nắp quách lên trên, được chia nhỏ thành hai hay ba khối.

Những khối này được hạ dọc xuống các góc huyệt, ở đó chúng dựng đứng như những kệ chắn sách quái dị. Ở đầu mỗi tảng được gắn các vòng sắt. Người trông nom nghĩa trang sẽ luồn dây xích qua vòng sắt rồi nhẹ nhàng hạ chúng lên nóc quách. Mỗi khối nặng chừng hai mươi lăm, có thể là ba chục kí – cùng lắm thì ba mươi lăm. Và không dùng keo dính.

Rất dễ để một người mở nắp quách ra, đó là điều ông Jud ngụ ý.

Rất dễ để một người đào xác con trai mình lên rồi đem chôn chỗ khác.

Suyt. .. suyt. Đừng nhắc tới những chuyện đó. Chúng là những điều bí mật.

“Phải, đúng là cháu biết sự khác biệt giữa quách hàn kín và quách đập nắp,” Louis nói. “Nhưng cháu không nghĩ đến... đến điều mà ông cho rằng cháu đang nghĩ.”

“Louis...”

“Khuya rồi,” Louis nói. “Khuya rồi, cháu đã say, cỗi lòng thì tan nát. Nếu ông nhất quyết muốn kể cho cháu câu chuyện này bằng được, thì ông kể cho xong đi.” *Đáng lý ban nãy mình phải uống martini mới đúng, anh thâm nhủ. Để khi ông cụp qua gõ cửa, mình đã bất tỉnh không biết trời trăng mây đất là gì.*

“Được rồi, Louis. Cảm ơn cháu.”

“Ông kể đi.”

Ông Jud tư lự một thoáng, ngẫm nghĩ rồi bắt đầu cất tiếng.

“Ngày xưa – ý ta là thời chiến – tàu lửa vẫn dừng ở Orrington, và Bill Baterman sắp xếp một xe tang ở kho chất hàng để đón toa hàng chở xác Timmy, cậu con trai của ông ấy. Quan tài được bốn nhân viên đường sắt khiêng xuống, trong đó có ta. Có một quân binh trên tàu trực thuộc bộ phận Mồ mả và Đăng ký – đây là phiên bản của những người làm dịch vụ lễ tang trong quân đội thời chiến, Louis ạ – nhưng ông ấy chẳng bước xuống tàu. Ông ta say xỉn ngồi trong toa tàu vẫn xếp đến mười hai quan tài.

“Chúng ta đặt Timmy vào sau chiếc xe tang Cadillac – thời đó, chẳng có gì lạ tai khi người ta gọi những chiếc xe này là xe hàng vôi vàng, vì ngày xưa, vấn đề lớn nhất, Louis ạ, là kịp hạ huyết trước khi thi thể thối rữa. Bill Baterman đứng như chôn chân, khuôn mặt đanh lại và... ta chẳng biết nữa... có hơi khô khốc, chắc đây là từ mô tả chuẩn nhất. Ông ta không rơi lấy một giọt lệ nào. Hôm ấy, Huey Garber là người lái tàu, ông ấy kể tay quân binh đúng là có dịp lên rừng xuống biển. Huey bảo họ bay với đồng hòm ấy đến Limestone ở Presque Isle, sau đó cả quan tài và người trông hòm lại lên tàu hỏa xuôi về phương Nam.

Tay quân binh bước về phía Huey, lôi từ trong áo khoác nhà binh chai rượu whisky lúa mạch đen ba xị, rồi nói bằng cái giọng miền Nam ngân nga, ‘Chà, thưa ông kỹ sư, hôm nay ông lái con tàu bí ẩn, chẳng hay ông có biết không?’

Huey lắc đầu.

‘Chà, có đấy. Ở Alabama, nơi tôi chôn rau cắt rốn, người ta gọi tàu tang như vậy.’ Huey kể đoạn tay quân binh lấy ra khỏi túi một danh sách rồi nheo mắt nhìn. ‘Trước nhất, chúng ta giao hai hòm ở Houlton, sau đó tôi chuyển một hòm ở Passadumkeag, hai hòm ở Bangor, một hòm ở Derry, một hòm ở Ludlow, cứ thế. Tôi thấy mình cứ như thằng giao sữa ấy, mẹ kiếp. Anh làm một hộp không?’

Chà, Huey từ chối lời mời với lý do chính quyền Bangor và Aroostook không nường tay với việc nhân viên lái xe lửa có mùi cồn trong hơi thở, tay quân binh không lấy làm phật ý với Huey, giống như Huey chẳng hề phật lòng khi thấy tay quân binh chúi choáng hơi men. Thậm chí cả hai còn đồng bệnh tương liên, Huey bảo như thế.

Thế rồi họ lên đường, ở mỗi điểm dừng chân, họ lại giao những chiếc quan tài bọc cờ. Cả thấy có mười tám hay hai mươi hòm gì đấy. Huey bảo họ cứ thế lên đến tận Boston, và dừng ở đâu, họ lại nghe tiếng khóc than, rên rỉ của gia quyến ở đấy, chỉ trừ Ludlow... và ở Ludlow, đập vào mắt ông là hình ảnh Bill Baterman, mà theo như lời ông kể, nhìn bộ dạng người bố như đã chết trong lòng, chỉ còn đợi linh hồn mình thối hoảng lên mà thôi. Khi xuống xe lửa, ông kể mình đã đánh thức tay quân binh và hai bọn họ để làm vài ly – chừng mười lăm hay hai chục

ly gì đấy – Huey say túy lúy hơn bao giờ hết rồi tìm đến gái làng chơi, một hành vi cả đời ông chưa từng làm, sau đó tỉnh dậy với phần bộ hạ bị cháy rận đốt sưng vù đến độ run cầm cập, và ông bảo nếu người ta gọi đây là con tàu bí ẩn thì ông xin tổn đến già.

Thi thể của Timmy được đưa đến Nhà Tang lễ Greenspan trên đường Fern – ngày xưa nó nằm đối diện nơi tiệm giặt New Franklin tọa lạc hiện tại — và hai ngày sau được an táng ở nghĩa trang Pleasantview theo nghi lễ quân đội.

Chà, để ta kể cháu nghe, Louis: Vợ của Baterman từ già cỗi đời trước đó mười năm cùng đứa con thứ hai trong lúc sinh nở, điều này đã tác động lớn đến những gì xảy ra. Nếu có đứa con thứ hai thì nỗi đau đón phần nào nguôi ngoai rồi, cháu có thấy thế không? Đứa con thứ hai sẽ gọi nhắc ông Bill già rằng vẫn còn người khác dấn vật trong mắt mát ấy và cần được đùm bọc để vượt qua tang thương. Ta đoán xét đến mặt này, cháu may mắn hơn khi còn một đứa con bên cạnh. Vợ và con gái cháu vẫn còn sống khỏe mạnh.

Theo bức thư mà ông Bill nhận được từ trung úy phụ trách trung đội của con trai ông, Timmy bị bắn chết trên đường đến Rome vào ngày 15 tháng 7 năm 1943. Hai ngày sau, thi thể của cậu được chuyển về gia đình và đến Limestone vào ngày 19. Ngay ngày hôm sau, thi thể được vận chuyển trên con tàu bí ẩn của Huey Garber. Hầu hết các binh sĩ ngã xuống ở châu Âu đều được chôn cất ở châu lục này, nhưng tất cả những thi thể được vận chuyển về nhà trên con tàu ấy là trường hợp đặc biệt – Timmy chết trong khi đang tấn công công sự súng máy và về sau được truy tặng huân chương Sao Bạc.

Nếu ta nhớ không lầm thì Timmy được chôn cất vào ngày 22 tháng 7. Chừng bốn, năm ngày sau, cô bưu tá Marjorie Washburn trông thấy Timmy leo lên con dốc về phía Chuồng nuôi ngựa York. Chà, suýt chút nữa thì Margie lái xe trật khỏi đường, lý do vì sao thì chắc cháu biết rồi đấy. Cô trở lại bưu điện, thả túi da đựng những bưu phẩm chưa giao lên bàn của ông George Anderson, báo với ông rằng cô sẽ về nhà nằm nghỉ một giấc.

‘Margie, cô ốm à?’ Ông George hỏi. ‘Mặt cô cắt không còn giọt máu.’

‘Tôi vừa được phen khiếp vía đây, và tôi không muốn nhắc lại việc đó, Margie Washburn đáp. “Tôi sẽ không hé răng với Brian về chuyện này, hay mẹ tôi hay bất cứ ai. Mai này khi tôi lên thiên đàng, nếu Chúa có bảo tôi kể với Người thì may ra tôi mới tiết lộ. Nhưng tôi không tin nổi.’ Dứt lời, cô ra về.

Tất cả mọi người đều biết Timmy đã qua đời, bởi một tuần trước đó, trên tờ *Nhật báo Bangor* và tờ *Ellsworth American* có đăng cáo phó kèm cả hình ảnh, nửa thị trấn này đến viếng, đưa tiễn cậu về nơi an nghỉ trên thành phố. Vậy mà Margie lại thấy cậu ta đi trên con dốc — *lảo đảo* đi lên dốc, mãi sau này mới kể với ông George Anderson – nhưng đó là hai mươi năm sau, khi bà đã gần đất xa trời, và ông George nói với ta rằng ông cảm thấy bà bứt rứt muốn kể với ai đó cảnh tượng mình đã thấy. Ông bảo chừng như việc đó đã giày vò tâm khảm bà bấy lâu.

“Bà kể cậu ta trông nhợt nhạt, vận quần cotton dệt chéo cũ và áo đi săn vải flannel, trong khi hôm ấy dưới bóng râm, nhiệt độ cũng lên đến hơn ba mươi độ C. Margie bảo tóc tai cậu ta

dựng đứng đằng sau như thể cả tháng trời chưa lấy lược chải. ‘Hai con mắt chẳng khác nào nho khô gắn lên bột nhào bánh mì. Hôm ấy tôi đã thấy ma, George ạ. Đó là điều làm tôi sợ nhất. Tôi chưa từng nghĩ mình sẽ thấy ma, vậy mà nó lại hiện ra trước mặt.

Chà, cả thị trấn xì xào to nhỏ với nhau. Chẳng mấy chốc có thêm một số người nhìn thấy Timmy. Cô Stratton chẳng hạn – chà, bọn ta gọi là “cô” nhưng theo như lời mọi người, chẳng rõ cô ấy độc thân, đã ly hôn hay chồng đi biệt xứ; cô có căn nhà nhỏ gồm hai phòng ở khúc giao đường Pedersen với đường Hancock, cô sở hữu rất nhiều đĩa nhạc jazz và thỉnh thoảng, cô sẵn lòng mở bữa tiệc con nếu ta có tờ mười đô chưa tã nát. Tóm lại, cô trông thấy cậu ta từ hiên nhà, cô kể cậu ta bước thẳng lên lề đường rồi dừng ngay đó.

“Theo lời cô, cậu ta cứ đứng đó, hai tay buông thõng, đầu rướn tới trước một chút, cầm chìa ra như tay đấu sĩ quyền anh sẵn sàng đập mặt đo đất. Cô ngẩn ra đứng trên hiên, tim đập điên cuồng trong lồng ngực, sợ đến cứng người. Đoạn cậu ta quay đi, chẳng khác nào một gã say đang cố gắng làm hành động quay đằng sau. Một chân đánh ra ngoài, chân còn lại xoay chiều, suýt chút nữa ngã lăn quay. Cô kể cậu ta nhìn thẳng vào cô, khiến cô bủn rủn không còn chút sức lực, đánh rơi giỏ đồ vừa giặt làm quần áo rơi ra đất, dây bẩn hết cả.

“Cô ấy bảo đôi mắt cậu ta... cô ấy bảo đôi mắt ấy trông chết chóc và bụi bặm như hòn bi, Louis ạ. Nhưng cậu ta đã thấy cô... rồi cậu ta cười... cô kể cậu ta còn nói chuyện với cô. Hỏi cô còn mấy đĩa hát năm nào không, để có dịp cậu ta nhảy đầm cùng cô.

Ngay tối đó cũng được. Sau đó cô Stratton vào trong nhà và không bước ra ngoài gần cả tuần lễ, dù sao đến lúc ấy, chuyện cũng đã kết thúc.

“Không ít người trông thấy Timmy Baterman. Nhiều người trong số họ giờ đã qua đời – ví dụ như cô Stratton, còn những người khác đã chuyển đi nơi khác, nhưng vẫn còn dăm ba ông già bà cả như ta để kể lại câu chuyện... nếu cháu biết hỏi đúng cách.

“Để ta bảo cháu nghe, họ trông thấy cậu ta đi tới đi lui trên đường Pedersen, từ nhà bố cậu ta chùng cây số rưỡi về phía Đông, cây số rưỡi về phía Tây. Cứ đi tới đi lui, đi tới đi lui cả ngày, và có người phát hiện cậu ta đi cả đêm. Áo không đóng thùng, mặt trắng bệch, tóc tai dựng ngược, thỉnh thoảng còn chẳng kéo khóa quần, với vẻ mặt cứ như... vẻ mặt...”

Ông Jud dừng lại để châm thuốc, đến lúc đó, Louis cất tiếng.

“Ông có từng nhìn thấy người đó không?”

Ông cụ phẩy tắt que diêm rồi nhìn Louis qua làn khói xanh hư ảo. Và mặc dù câu chuyện điên rồ tột bậc, trong mắt ông Jud không hàm chút dối trá.

“Có, ta có thấy. Chắc cháu cũng biết có những câu chuyện hay phim ảnh – ta chẳng rõ có thật hay không – về thầy ma ở Haiti. Trong phim họ cứ lê lét, mắt nghech thẳng lên trời, đi chậm như rùa, có phần lóng ngóng. Timmy Baterman cũng giống vậy, Louis ạ, như thầy ma trong phim, nhưng *không phải*. Vẫn còn thứ khác. Vẫn còn thứ gì đó ẩn đằng sau đôi mắt, thỉnh thoảng thấy, thỉnh thoảng không. *Có thứ gì đó ẩn đằng sau đôi*

mắt hấn ta, Louis ạ. Ta nghĩ gọi đó là tư duy thì không chuẩn. Mà ta cũng chẳng biết nên gọi thế nào.

“Hành vi của hấn ẩn chứa sự ranh ma. Như lúc hấn bảo cô Stratton hấn muốn nhảy đầm với cô. Có gì đó trong đầu hấn, Louis ạ, nhưng ta không nghĩ đó là tư duy, và ta cho rằng con người thật của Timmy Baterman đã không còn, có khi biến mất hoàn toàn. Nó giống như... như tín hiệu radio phát ra từ đâu đó. Nếu nhìn thấy hấn, thế nào cháu cũng nghĩ, ‘Nếu hấn chạm vào mình, mình sẽ hét lên mất.’ Giống vậy đấy.

“Hấn cứ đi tới đi lui, hét lên dốc lại xuống dốc, và một ngày nọ, khi ta đi làm về — ta nhớ mang máng là ngày 30 tháng 7 thì phải — thì ta thấy ông George Anderson, cái ông quản lý bưu điện ấy, ngồi trên hiên sau nhà ta, uống trà đá với ông ủy viên hội đồng nhân dân Hannibal Benson và Alan Purinton, trưởng phòng phòng cháy chữa cháy. Bà Norma cũng ngồi đó nhưng chẳng nói một lời.

“George cứ xoa xoa chỗ cụt bên chân phải. Ông ấy mất gần hết cẳng chân khi làm đường sắt, và vào những ngày nóng ẩm, chỗ cụt hành ông rất dữ. Nhưng ông vẫn sống tiếp, dù khôn khổ hay không.

‘Chuyện này đi xa quá rồi, Ông George bảo với ta. ‘Cô bưu tá dưới trưởng tôi không chịu giao thư trên đường Pedersen là một nhẽ. Nhưng khiến chính phủ nháo nhào lại là một nhẽ khác.’ Ông bảo chính phủ nháo nhào là sao?’ Ta hỏi.

Hannibal kể ông nhận được một cuộc gọi từ Bộ Chiến tranh. Một trung úy tên Kinsman có nhiệm vụ phân tách những mối nguy hại với hành vi phá bình thông thường. ‘Bốn, năm người

đã viết thư nặc danh cho Bộ Chiến tranh, Hannibal nói, và vị trung úy này bắt đầu sinh nghi. Nếu chỉ có một người viết một lá thư thì họ sẽ xem đấy như trò cười. Nếu chỉ có một người soạn cả đồng thư, Kinsman bảo ông ta sẽ gọi cho Cảnh sát tiểu bang ở Doanh trại Derry báo cáo có khả năng một tên tâm thần căm ghét gia đình nhà Baterman sống ở Ludlow. Nhưng những lá thư này lại từ những người khác nhau. Ông ấy bảo nhìn vào chữ viết tay, đề tên hay không đề tên là biết, và họ đều nói cùng một điều điên rồ – rằng nếu Timothy Baterman đã chết thì hẳn đang là xác chết biết cử động, đi tới đi lui đường Pedersen với khuôn mặt rành rành ra đấy.

“Ông Kinsman này sẽ cử quân binh đến hoặc đích thân đến đây nếu chuyện này không lắng xuống, Hannibal chốt lại. ‘Họ muốn xác nhận xem Timmy đã chết, đào ngũ hay thế nào, vì họ không chấp nhận việc hồ sơ quân đội mà bát nháo chi khươn. Với lại họ muốn biết người nằm trong hòm của Timmy Baterman là ai nếu không phải đương sự.

“Dứt lời, Hannibal lấy tấm vải chút dầu lau mồ hôi trán.

“Chà, cháu thấy tình hình bung bét thế nào rồi đấy, Louis. Chúng ta ngồi đó gần cả tiếng đồng hồ, vừa uống trà đá vừa bàn luận. Bà Norma hỏi chúng ta có muốn ăn bánh mì kẹp không nhưng chẳng ai còn bụng dạ nào nuốt nổi. Lạy Chúa, chuyện Timmy Baterman chẳng khác nào chuyện phát hiện một phụ nữ có ba quả bưởi... cháu biết nó cứ sai sai, nhưng biết làm thế nào kia chứ?

“Chúng ta cứ bàn đi bàn lại, rốt cuộc chúng ta quyết định phải đến nhà Baterman. Ta sẽ chẳng bao giờ quên được buổi tối

hôm ấy, ngay cả khi ta sống gấp đôi tuổi hiện giờ. Tối đó, trời nóng vô cùng, nóng hơn cả bản lề cửa hỏa ngục ấy chứ, mặt trời xuống núi như xô lòng mề đằng sau đám mây. Chẳng ai muốn đi, nhưng đó là việc phải làm. Bà Norma biết điều này trước tất cả chúng ta. Bà ấy kiểm soát kéo ta vào trong rồi bảo, ‘Ông đừng để họ dùng đằng rồi bỏ dỡ, ông Judson ạ. Ông phải xử lý cho xong việc này. Đó là thứ đáng tửm.’

Ông Jud nhìn Louis với ánh mắt thăm dò.

“Bà ấy gọi như thế đấy, Louis. Từ bà ấy dùng là thứ đáng tửm. Và bà ấy thì thâm vào tai ta thế này, ‘Nếu phát sinh biến, ông Jud, hãy bỏ chạy. Cứ mặc kệ mấy người kia; thân ai người nấy phải tự lo. Hãy nhớ đến tôi và co giò chạy ngay khỏi đó nếu có chuyện xảy ra.’”

“Thế là chúng ta đi xe của Hannibal Benson – ta chẳng hiểu sao mà tên khốn ấy có đầy tem phiếu hạng A. Chẳng ai nói gì, nhưng cả bốn người rít thuốc như ống khói. Chúng ta sợ lắm, Louis, sợ đến cực độ. Người duy nhất mở miệng là Alan Purinton. Ông ấy bảo với George rằng, ‘Gần đây Bill Baterman lén lút làm trò gì đó trong rừng phía Bắc Tuyến số 15, tôi dám đảm bảo như thế.’ Không ai đáp lại, nhưng ta nhớ ông George có gật đầu.

“Chắc, rồi chúng ta đến nơi, Alan gõ cửa song không có người trả lời, thế là bọn ta vòng ra đằng sau và trông thấy hai bố con nhà ấy. Ông Bill Baterman khòm lưng ngồi đấy với ly bia, còn Timmy đứng ở cuối sân, ngược mắt nhìn vàng dương đỏ rực như máu dần buông. Cả mặt hấn phả màu cam như thể bị lột da khi còn sống nhăn. Bill thì... trông ông ta như thể bị ma

quỷ bắt mất sau bảy năm ròng rã. Ông ấy như bơi trong bộ đồ, và ta đoán ông ấy phải sút mất gần hai mươi ki-lô-gam. Mắt ông trũng sâu đến mức chẳng khác nào hai con thú nhỏ rúc trong hang... mép miệng bên trái thì cứ chặc-chặc-chặc liên hồi. Trông ông ta như bệnh nhân đang bị ung thư tác oai tác quái trong người.”

Ông Jud ngừng nói, chừng như cân nhắc gì đó, đoạn khẽ gật đầu. “Louis ạ, trông ông ta như bị nguyên rửa. Timmy quay đầu nhìn chúng ta rồi toét miệng cười. Nội nhìn nụ cười đó đã đủ để ta muốn hét lên thất thanh rồi. Đoạn hấn ta quay đi, tiếp tục nhìn vằng dưng khuất bóng. Bill bảo, ‘Tôi không nghe thấy các người gõ cửa,’ tất nhiên đó là lời nói dối trắng trợn, bởi Alan gõ cửa mạnh đến độ đủ đánh thức cả... đánh thức cả kẻ điếc.

“Xem chừng chẳng ai định lên tiếng nên ta bảo, ‘Bill, tôi nghe tin con trai ông tử trận ở Ý.

“Đó là nhầm lẫn,’ ông ta đáp, nhìn thẳng vào ta.

“Vậy sao?’ Ta hỏi.

“Anh không thấy nó đứng ngay kia sao?’ Ông ta nói.

“Vậy theo ông, ai là người nằm trong quan tài chôn cất ở Pleasantview?’ Alan Purinton cất vấn.

“Tiên sư, sao ta biết được, Bill đáp, và tiên sư, ta chẳng quan tâm.’ Đoạn ông ta đi lấy điều thuốc nhưng đánh rơi chúng xuống hiên sau, rồi lại làm nát hai, ba điều khi cố nhặt lên.

“Chắc sắp sửa quật mộ lên đấy,” Hannibal nói. ‘Ông biết điều đó chứ? Tôi nhận được cuộc gọi từ cái đám chết toi bên Bộ Chiến Tranh, Bill ạ. Họ muốn xác nhận xem họ có chôn nhầm con trai bà mẹ nào đó dưới cái tên của Timmy không.’”

“Chà, cái quái gì thế hả?” Bill lớn tiếng. ‘Liên quan gì đến ta? Con trai ta sờ sờ ra đấy. Hôm nọ, Timmy trở về nhà. Nó gặp chuyện kinh hoàng hay sao đó nên hơi lạ kỳ, nhưng nó sẽ sớm bình thường lại thôi.

“Thôi đi, ông Bill, ta nói, và bỗng dưng ta phát cáu với ông ta. ‘Đến lúc họ quật cái quan tài Quân đội ấy lên, họ sẽ phát hiện nó trống không, trừ khi ông cất công chất đá vào hòm sau khi ông lấy xác con trai ông ra, nhưng tôi không nghĩ ông rảnh đến thế. Tôi biết chuyện đã xảy ra, ba người Hannibal, George và Alan đứng đây cũng biết, bản thân ông cũng thừa biết. Ông thậm thụt làm trò trong rừng, Bill ạ, và ông đã rước họa vào thân cũng như vào cái thị trấn này đấy.

“Chắc các người biết lối ra nhỉ, ông ta nói. “Ta không có nghĩa vụ giải thích hay thanh minh thanh nga gì với các người. Khi ta nhận được điện tín, bao sức sống như vụt khỏi người ta như nước tiểu chảy xuống chân. Nhưng giờ con trai ta trở về rồi. Họ không có quyền cướp nó đi. Nó mới mười bảy tuổi. Mẹ nó ra đi, để lại mỗi nó cho ta, và mẹ kiếp, điều đó là phạm pháp. Thế nên kệ mẹ Quân đội, kệ mẹ Bộ Chiến tranh, kệ mẹ cái Hợp chủng quốc Hoa Kỳ này, và kệ mẹ cả đám các người. Con trai ta về rồi. Nó sẽ sớm tỉnh ra thôi. Đây là tất cả những gì ta muốn nói. Giờ thì các người cuốn xéo ra khỏi đây ngay.

“Miệng ông ta cứ chặc chặc chặc liên hồi, mồ hôi vã ra như tắm trên trán, và đó là lúc ta nhận ra ông ta đã phát điên. Nếu phải sống với... với thứ đó, chắc ta cũng phát điên mất.”

Louis cảm thấy buồn nôn trong bụng. Anh nốc quá nhiều bia. Chút nữa thế nào anh cũng ra bã cho mà xem. Cảm giác

nặng nề, chướng bụng báo hiệu với anh chẳng mấy chốc nó sẽ trào lên.

“Chà, bọn ta cũng chẳng làm được gì nữa nên đành ra về. Hannibal bảo, ‘Bill, cầu Chúa giúp ông.

“Bill đáp, ‘Chúa chẳng bao giờ giúp ta. Là ta tự giúp mình.

“Bỗng lúc ấy, Timmy bước về phía chúng ta. Tới cả cách bước đi mà hăn còn làm sai, Louis ạ. Hăn bước đi như ông già, già khom. Hăn giơ một chân lên cao rồi hạ nó xuống, lê tới trước, sau đó nhấc chân còn lại lên. Trông cứ như một con cua đang bò vậy. Tay hăn buông thõng xuống chân. Và khi hăn đến đủ gần, ta có thể thấy những vết màu đỏ xéo dọc mặt hăn, giống mụn hay những vết phỏng nhỏ. Ta đoán đó là chỗ khẩu súng máy Kraut bắn trúng. Hăn suýt nữa thì bắn vỡ đầu.

“Và hăn sục mùi huyết mội. Thứ mùi ấy đen đúa, tựa hồ tất cả mọi thứ bên trong hăn đang nằm đó, đen đúa, thối rữa, mục nát. Ta thấy Alan Purinton phải đưa một tay lên che mũi và miệng. Mùi hôi cực kỳ khủng khiếp. Đến độ nếu có thấy giò bọ dưới mồ nhưng nhúc trong tóc hăn thì cũng chẳng có gì là lạ...”

“Thôi,” Louis khàn giọng. “Cháu nghe vậy đủ rồi.”

“Chưa đâu,” ông Jud đáp. Ông cụ hốc hác nói với vẻ chân thành. “Là vậy đấy, cháu chưa nghe đủ đâu. Đây là ta chưa tả được nó khủng khiếp đến mức nào. Chẳng ai hiểu nổi nó kinh khủng ra sao trừ khi trực tiếp có mặt tại đó. Hăn ta *chết rồi*, Louis ạ. Thế mà hăn vẫn sống. Và hăn... hăn... hăn biết một số chuyện.”

“Một số chuyện”

“Phải. Hắn chăm chăm nhìn Alan suốt một lúc lâu, hơi toe toét cười – bởi chúng ta có thể thấy hàm răng của hắn – đoạn hắn cất giọng thật trầm, làm ta phải rướn người tới trước mới nghe thủng. Nghe như thể trong thanh quản hắn chứa sỏi. ‘Vợ ông lên giường với gã đồng nghiệp ở nhà thuốc chỗ ả làm việc đấy, Purinton. Ông nghĩ sao về chuyện này? Khi nào lên đỉnh, ả cũng hét ầm lên. Ông nghĩ sao về chuyện này?’”

“Alan chỉ biết há hốc, và rõ ràng chuyện này với ông ấy chẳng khác nào sấm động trời quang. Hiện giờ, Alan đang ở trong viện dưỡng lão trên Gardener, hoặc chí ít lần cuối ta nghe tin là thế – chắc ông ấy cũng phải gần chín mươi rồi. Ngày đó, lúc chuyện này xảy ra, ông ấy tầm ngũ tuần, và người ta cũng bắt đầu dị nghị người vợ thứ hai của ông. Cô này là em họ cách bốn đời của ông, đến sống với Alan và Lucy, người vợ đầu của ông trước chiến tranh. Chà, Lucy qua đời, và chừng một năm rưỡi sau, Alan tục huyền với cô này. Tên cô ta là Laurine. Khi họ kết hôn, cô ta chưa tới hai mươi tư tuổi. Thiên hạ ít nhiều đàm tiếu. Cánh đàn ông bảo cô ta hơi phóng khoáng, thông thoáng rồi chẳng nói gì sâu hơn. Nhưng phụ nữ thì nghĩ cô ta dễ dãi. Có lẽ trong đầu Alan cũng đã nảy sinh những suy nghĩ theo hướng này, bởi ông quát: ‘Câm mồm! Câm mồm kẻo ta cho người đo ván bây giờ, mặc kệ người là giống gì!’”

“Im nào, Timmy, ông Bill nói, trông ông ta còn tệ hại hơn, như thể sắp sửa nôn mửa hay bất tỉnh nhân sự hoặc làm cả hai cùng lúc. ‘Im đi nào, Timmy.’”

“Nhưng Timmy bỏ ngoài tai. Hắn quay sang nhìn George Anderson rồi cất tiếng. ‘Thằng cháu ông nhất mực yêu thương

chỉ đang đợi ông xuống lỗ mà thôi, ông già ạ. Nó chỉ muốn tiền, đồng tiền nó nghĩ ông gửi hết vào két sắt trong Ngân hàng Đông chi nhánh Bangor. Đó là lý do nó giả lả trước mặt ông, nhưng sau lưng nó đem ông ra làm trò cười, nó với chị nó. Chúng nó gọi ông là khộm già chân gỗ,' Timmy nói, và Louis ạ, giọng hằn thay đổi liên. Nghe đê tiện hằn. Như cách thằng cháu ông Geogre sẽ nói nếu... cháu biết đấy, nếu những lời Timmy kể là đúng.

“Khộm già chân gỗ, Timmy bồi tiếp, và xem chúng nó có lật mặt không khi chúng phát hiện ông nghèo mặt rệp sau khi mất tất cả vào năm 1938? Xem chúng có lật mặt không? Có lật mặt không nhỉ?

“Ông George lùi lại, luống cuống thế nào mà chân gỗ bị hụt, khiến ông ngã xuống hiên nhà ông Bill, đánh đổ ly bia, mặt trắng bệnh như áo lót của cháu, Louis ạ.

“Ông Bill lụ khụ đứng dậy, găm lên với thằng quý tử, ‘Timmy, thôi ngay! Mà thôi ngay! Nhưng Timmy không chịu thôi. Hằn tiếp tục nói xấu về Hannibal, sau đó hằn cũng phỉ báng cả ta, và lúc đó hằn... liên thiên như lên đồng. Phải, hằn cứ hét âm lên. Bọn ta bèn lùi lại, rồi cả đám vội chạy thoát thân, kéo tay ông George vì chẳng hiểu sao dây nhợ và khung của chân giả lại bị cong queo, khiến nó lệch sang bên, chiếc giày thì xoay hằn ra sau, kéo lê trên cỏ.

“Hình ảnh cuối cùng của Timmy Bateman mà ta thấy là lúc hằn ở sân sau cạnh dây phơi đồ, mặt đỏ bầm trong hoàng hôn, những vết kia nổi bần bật trên mặt, tóc tai dựng đứng, đầy đất cát... hằn ré lên cười, gào rú liên hồi, ‘Khộm già chân gỗ! Khộm

già chân gỗ! Đồ chồng mọc sừng! Đồ ăn bánh trả tiền! Tạm biệt, các quý ông! Tạm biệt! Tạm biệt! Đoạn hần cười, nhưng tiếng cười như gào thét... thứ gì đó trong hần... gào thét... cứ thế gào thét... gào thét.”

Ông Jud ngừng nói. Ngực ông hồi hả phập phồng.

“Ông Jud,” Louis hỏi. “Điều Timmy Baterman nói về ông. có đúng không?”

“Đúng,” ông lẩm bẩm. “Chúa ơi! Hần nói đúng. Ngày xưa, thi thoảng ta có đến một nhà thổ ở Bangor. Đàn ông lảm kể làm vậy, mặc dù ta đoán vẫn có nhiều người ăn ngay ở lành. Ta chỉ làm theo thôi thúc – có thể là ham muốn – đôi lúc được đưa ngập nó vào thịt da người lạ. Hoặc trả tiền cho một cô ả nào đấy làm những điều mà một người đàn ông không thể mở miệng yêu cầu vợ. Đàn ông cũng chăm bón khu vườn của mình, Louis ạ. Điều ta làm chẳng phải thứ tồi tệ, và ta cũng để lại phía sau chừng tám, chín năm nay rồi, nếu có biết, bà Norma sẽ chẳng rời bỏ ta. Nhưng một phần trong lòng bà ấy sẽ chết mãi mãi. Một phần thương ái, ngọt ngào.”

Mắt ông Jud đỏ ngầu, sưng lên và lờ đờ; *người già rơi lệ trông đến sâu não*, Louis trầm nghĩ. Nhưng khi ông đưa tay qua bàn để nắm lấy tay Louis, anh siết nó thật chặt.

Hần chỉ nói với bọn ta về những mảng tối,” sau một hồi, ông nói. “Chỉ những mảng tối. Có Chúa chứng giám, đời người khi nào chẳng có những mảng tối, đúng không? Hai, ba ngày sau, vợ của Alan Purinton dứt áo ra đi khỏi Ludlow, và những người dân thị trấn thấy cô này trước khi lên tàu cho hay cô ta bầm hai mắt, mũi phải nhét bông gòn. Alan chẳng bao giờ nhắc đến

chuyện này. Ông George qua đời năm 1950, và ta không nghe nói ông ta có để lại gì cho hai đứa cháu. Hannibal bị đuổi khỏi chỗ làm vì điều mà Timmy Bateman buộc tội ông ta – ta sẽ không nói với cháu cụ thể là gì, cháu không cần phải biết, nhưng ta nghĩ lạm dụng ngân quỹ thị trấn vào mục đích cá nhân là cách khái quát gần đúng. Thậm chí có người còn đề nghị đem ông ta ra xử tội biến thủ nhưng rồi lại thôi. Dù sao thì mất cái chức ấy đã là đón chí mạng cho ông ta, cả đời mình, ông ta quen đứng trên thiên hạ rồi.

“Nhưng những người đàn ông ấy vẫn có điểm tốt. Ý ta là thế; con người chúng ta hay bị cuốn đi mà quên mất điều này. Hannibal là người lập quỹ cho Bệnh viện Đa khoa Miền Đông, ngay trước cuộc chiến. Alan Purinton là một trong những người hào sảng, phóng khoáng nhất mà ta từng biết. Còn ông George Anderson chỉ muốn tiếp tục lèo lái bưu điện mà thôi.

“Còn *nó*, *nó* chỉ muốn nói về mặt xấu. *Nó* chỉ muốn chúng ta nhớ đến mặt xấu, vì bản thân *nó* là thứ xấu xa... và vì *nó* biết chúng ta có thể gây nguy hại cho nó. Cái cậu Timmy Bateman lên đường ra trận là cậu thanh niên hiền lành, bình thường hơi ngố nhưng tốt tính lắm. Còn thứ chúng ta thấy đêm đó, thứ ngược mặt nhìn quang dương là... là một con quái vật. Có thể nó là thầy ma, là vong đeo bám, hoặc là quỷ dữ. Có thể chẳng có cái tên nào cho thứ này, nhưng người Micmac biết bản chất thứ đó là gì, bất kể nó có tên hay không?”

“Là gì ạ?” Louis lặng người hỏi.

“Là thứ đã bị Wendigo chạm vào,” ông Jud trầm trầm đáp. Ông hít một hơi thật sâu, nín lại rồi thở ra, đoạn nhìn đồng hồ.

“Ngày bao sóng gió. Khuya rồi, Louis ạ. Ta đã nói gấp chín lần những gì mình muốn nói.”

“Cháu không nghĩ vậy,” Louis đáp. “Ông nói rất thuyết phục. Ông kể cháu nghe kết cục với.”

“Hai đêm sau, đám cháy bùng lên ở nhà Baterman,” ông Jud tiếp tục kể. “Nó thiêu rụi tất cả. Alan Purinton nói chắc chắn là cố tình phóng hỏa. Dầu hỏa lenh láng từ đầu này đến đầu kia của căn nhà bé tí. Ba ngày sau khi đám cháy được dập tắt, người ta vẫn ngửi thấy mùi dầu ám lại.”

“Tức là bọn họ chết cháy.”

“Ồ phải, họ bị cháy. Nhưng họ đã chết từ trước rồi. Timmy bị găm hai phát vào ngực bằng khẩu súng lục mà ông Bill Baterman giữ bên mình, một khẩu Colt cũ. Người ta tìm thấy súng trên tay Bill. Có vẻ ông ấy đã giết con trai mình, đặt hắn lên giường rồi đổ dầu hỏa đầy nhà. Đoạn ông ta ngồi xuống chiếc ghế thư giãn của mình cạnh radio, quẹt diêm rồi xoi kẹo đồng của khẩu Colt .45.”

“Lạy Chúa,” Louis thốt lên.

“Họ đã cháy thành than, nhưng giám định pháp y của hạt báo cáo ông ta nhận thấy Timmy Baterman đã chết từ hai hoặc ba tuần rồi.”

Chỉ có sự tĩnh lặng gõ nhịp.

Ông Jud đứng dậy. “Ta không nói quá khi ta nói có thể ta đã giết chết con trai của cháu, Louis ạ, hoặc chí ít là có nhúng tay vào. Người Micmac biết nơi đó, nhưng điều này không có nghĩa là họ đã khiến nó trở thành một nơi như vậy. Không phải người Micmac đã sống ở đây từ xưa. Khởi thủy, có thể họ đến từ

Canada, Nga hoặc châu Á. Họ sống ở Maine cả nghìn năm, hoặc hai nghìn năm – khó lòng xác định con số chính xác vì họ không để lại dấu ấn gì sâu sắc trên mảnh đất. Và giờ họ đã đi rồi... giống như cách rồi một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ ra đi, mặc dù ta đoán dấu ấn mà chúng ta để lại sẽ sâu hơn, dù theo hướng tốt hay hướng xấu. Tuy nhiên, nơi này vẫn sẽ tồn tại dù ai sống tại đây, Louis ạ. Chẳng ai sở hữu nơi này, chẳng ai có đủ sức để lãnh nhận bí mật nó chôn giấu khi chuyển đi. Đây là một nơi ma quỷ, tha hóa, và ta chẳng việc gì phải đưa cháu lên đó để chôn mèo. Giờ ta mới vỡ lẽ. Nó chứa sức mạnh mà cháu phải cẩn thận nếu ý thức được điều gì tốt cho gia đình cháu và tốt cho cháu. Ta không đủ mạnh mẽ để chống lại nó. Cháu đã cứu bà Norma, nên ta muốn trả ơn cháu, thế mà nơi này đã lợi dụng tâm nguyện của ta để phục vụ mưu ma chước quỷ. Nó có sức mạnh... và ta nghĩ sức mạnh ấy có chu kỳ, giống như mặt trăng. Trước đây nó đã từng phát huy toàn bộ, và ta sợ nó sắp sửa đạt đến đỉnh điểm lần nữa. Ta sợ nó lợi dụng ta để thao túng cháu qua con trai cháu. Cháu có hiểu điều ta muốn nói không, Louis?” Ánh mắt ông van nài.

“Ông nói nơi đó biết Gage sắp tận số, cháu nghĩ vậy,” Louis nói.

“Không, ta bảo có khả năng nơi đó *khiến* Gage mất mạng vì ta đã giới thiệu với cháu sức mạnh của vùng đất ấy. Ta bảo có thể ta chính là kẻ đã sát hại con trai cháu dù ta có ý tốt, Louis ạ.”

“Cháu không tin,” sau cùng, Louis run rẩy lên tiếng. Hiện tại anh không tin, sau này cũng không. *Anh không thể tin.*

Anh nắm chặt tay ông Jud. “Ngày mai chúng cháu chôn cất Gage. Ở Bangor. Và con trai cháu sẽ nằm lại Bangor. Cháu không dự định đi lên Nghĩa địa thú cưng hoặc khu đất đằng sau thêm lần nào nữa.

“Cháu hứa với ta đi!” Ông Jud nghiêm túc. “Hứa đi.”

“Cháu hứa,” Louis đáp.

Nhưng suy tư vẫn còn đó, sâu trong đầu anh; lời hứa tựa ngọn nến bập bùng cứ lẩn cấn không tắt.

Hóa ra những chuyện đó không hề xảy ra.

Tất cả mọi chuyện — chiếc xe tải Orinco trở tới, những ngón tay chỉ kịp chạm vào lưng áo của Gage rồi trượt qua, Rachel mặc áo ở nhà đến lễ viếng, Ellie giữ rịt bức hình của Gage trong tay và đặt ghế của em trai cạnh giường, những giọt nước mắt của Steve Masterton, trận ẩu đả với ông Irwin Goldman, câu chuyện khủng khiếp về Timmy Baterman mà ông Jud Crandall kể — tất cả chỉ tồn tại trong tâm trí Louis Creed vốn vẹn vài giây khi anh đuổi theo cậu con trai đang cười nắc nẻ chạy xuống đường. Đằng sau, Rachel lại hét lên — *Gage, quay lại mau, đừng CHẠY!* — nhưng Louis chẳng réo gọi gì. Gần, gần lắm rồi, phải, có một điều đã xảy ra: từ trên đường, anh nghe thấy tiếng xe tải lao tới, và trong đầu anh, mạch ký ức mở ra, để rồi anh nghe thấy văng vẳng lời ông Jud Crandall dặn dò Rachel ngay ngày đầu tiên họ chân ướt chân ráo đến Ludlow: *Cháu nhớ canh chừng không cho mấy đứa nhỏ ra đường nhé, Creed. Con đường này rất nguy hiểm với trẻ con và thú cưng.*

Giờ thì Gage đang chạy xuống bãi cỏ thoải thoải đổ dốc, nối với lề Tuyến số 15, đôi chân nhỏ chắc khỏe giờ lên rồi đặt xuống, và đáng lý ra, cậu bé nên vấp ngã lăn quay, thế mà cậu

cứ chạy một mạch, giờ thì tiếng xe tải đã to lắm rồi, âm thanh trầm thấp, vùn vụt mà thỉnh thoảng Louis nghe thấy từ trên giường khi anh đang lơ mơ bên rìa giấc ngủ. Lúc đó, âm thanh nghe thật dễ chịu, nhưng giờ nó khiến anh thất kinh.

Ôi lạy Chúa lòng lành, lạy Chúa Giê-su, xin cho con chụp được thằng bé, đừng để nó chạy xuống đường!

Louis dồn hết sức tăng tốc, bật lên, lao thẳng tới trước, song song với mặt đất như cầu thủ bóng bầu dục chuẩn bị tấn công; anh có thể thấy bóng mình đổ xuống mặt cỏ bên dưới từ phần rìa thấp nhất của tầm mắt, anh nhớ lại con điều Kèn Kèn in bóng lên mảnh đất của bà Vinton, đúng lúc đà chạy của Gage đưa thằng bé xuống đường, những ngón tay của Louis vụt qua lưng chiếc áo khoác... và giật nó lại.

Anh kéo Gage ra sau rồi ngã xuống đất, mặt chà thẳng lên lớp sỏi thô ráp bên lề đường khiến mũi anh chảy máu. Tình hoàn của anh réo cơn đau nghiêm trọng hơn rất nhiều – *Ồ, nếu biết mình sắp sửa chơi bóng bầu dục thì mình đã mang quần lót bảo hộ đầy đủ rồi* – nhưng cơn đau trong mũi và cơn đau như hoạn ở tình hoàn chẳng ăn nhằm gì so với cảm giác nhẹ nhõm tột độ khi anh nghe thấy Gage ré lên vì đau cũng như giận dữ khi朦胧 thằng bé đập xuống lề đường và nó ngã ra sau, sòng soài trên rìa bãi cỏ, đập u đầu. Ngay giây sau, tiếng khóc ré của thằng bé bị nhấn chìm trong tiếng xe tải lao qua cùng tiếng còi xe định tại nút ọc.

Louis gượng đứng dậy dù bụng dưới nặng như chì rồi ôm con trai vào lòng. Rachel cũng đã chạy đến chỗ hai bố con, nước mắt giàn giụa, hét âm lên với Gage, “Không bao giờ được chạy

ra đường, Gage! Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ! Đường nguy hiểm lắm! *Nguy hiểm lắm!*” Ngẩn ngơ trước màn răn dạy đầy nước mắt của mẹ, Gage cũng òa lên khóc, nhìn mẹ chăm chăm với đôi mắt đầy kinh ngạc.

“Louis, mũi anh chảy máu kìa,” cô nói rồi đột ngột ôm anh chặt đến độ anh không thở nổi.

“Đó chưa phải là phần tệ nhất đâu,” anh nói. “Anh nghĩ anh vô sinh rồi, Rachel ạ. Ôi trời ơi, đau như hoạn.”

Cô phá lên cười nắc nẻ tới mức khiến anh phát hoảng, nhưng rồi một suy nghĩ lướt qua đầu anh: *Nếu Gage mất mạng thật, chắc cô ấy phát điên cho mà xem.*

Nhưng Gage không mất mạng, tất cả những điều đó chỉ là phút giây tưởng tượng cận kề đến từng chi tiết khi Louis chạy nhanh hơn cái chết của con trai mình trên bãi cỏ xanh vào buổi chiều tháng Năm chói nắng.

Rồi cũng đến ngày Gage vào tiểu học, năm bảy tuổi, cậu bé tham gia các khóa kỹ năng, từ đó thể hiện năng khiếu bơi lội tuyệt vời làm ai nấy đều trầm trồ. Cậu cũng khiến bố mẹ hết sức chưng hửng khi chứng tỏ mình có thể xoay sở ổn thỏa, chẳng đau buồn gì dù phải xa nhà cả tháng trời. Năm lên mười, cậu dành hết kỳ nghỉ hè ở Khóa học Agawam trên Raymond, đến năm mười một tuổi, cậu giành hai giải nhất và một giải nhì ở Four Camps Swimathon, cuộc thi kết thúc các khóa mùa hè. Cậu nhổ giò, dù qua bao chuyện, cậu vẫn là Gage, nồng hậu, hào hứng với những gì thế gian ban tặng... và với Gage, đời chẳng bao giờ ban quả đắng hay hư thối.

Cậu là học sinh xuất sắc thời trung học và là thành viên của đội tuyển bơi lội của trường John Baptist, trường dòng mà cậu nằng nặc muốn theo học cho bằng được vì lý do trang thiết bị bơi lội. Rachel không vui, còn Louis chẳng lấy làm bất ngờ khi Gage tuyên bố cậu muốn cải đạo sang đạo Công giáo ở tuổi mười bảy. Rachel cho rằng cô bạn gái mà cậu đang hẹn hò chính là nguyên nhân của mọi nguồn cơn; cô thấy viễn cảnh cậu con trai sắp sửa bước lên xe hoa (“Con bé hư thân mất nết đeo sợi dây chuyền Thánh Christopher kia mà không đòi lên giường với con mình thì em xin đâm đầu xuống đất, Louis ạ,” cô nói), kế hoạch trong đại học và hy vọng Olympic đổ sông đổ bể, và chín, mười tiểu tín đồ Công giáo lăng xăng chạy quanh nhà khi Gage bước vào độ tuổi tứ tuần. Lúc đó, (theo như Rachel) cậu quý tử ngày xưa sẽ biến thành gã tài xế xe tải hút xì gà, phê bụng bia, chỉ biết ra rả đọc Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng như máy.

Louis đồ rằng động cơ của con trai anh tương đối chân phương hơn, và mặc dù có cải đạo (vào ngày con trai tiến hành cải đạo, Louis gửi một tấm bưu thiếp đầy châm chích đến ông Irwin Goldman với nội dung, *Xem chừng bố sắp sửa có cháu ngoại theo Dòng Tên rồi đấy. Con rể không theo đạo Do Thái của bố, Louis*), cậu không cưới cô gái tương đối tốt tính (và không hư thân mất nết chút nào) mà cậu hẹn hò suốt năm cuối cấp.

Cậu vào đại học Johns Hopkins, tham gia đội tuyển bơi lội Olympic, để rồi một buổi chiều dài, chói sáng và lâng lâng tự hào mười sáu năm sau cái ngày Louis chạy đua với chiếc xe tải Orinco để cứu mạng con trai mình, anh và Rachel – lúc này mái

đầu cô đã chuyển sang màu hoa tiêu, dù có nhuộm tóc để che đi – nhìn con trai mình giành huy chương vàng cho nước Mỹ. Khi máy quay của đài NBC quay cận cảnh cậu đang đứng ngẩng cao mái đầu tong tổng nước và bóng láng, đôi mắt cương nghị, từng trái, nhìn chăm chăm vào quốc kỳ khi quốc ca vang lên, dây đeo quanh cổ và huy chương vàng áp vào khuôn ngực mịn màng. Louis rơi lệ. Cả anh và Rachel đều không kìm được nước mắt.

“Rạng danh đội tuyển quá,” anh ghen ngào nói rồi quay sang toan ôm lấy vợ. Nhưng cô lại nhìn anh với nét mặt kinh hoàng, khuôn mặt như già đi trước mắt anh tựa hồ bao năm tháng ma quỷ đang vùn vụt quất lên; tiếng quốc ca nhạt dần, và khi Louis quay đầu nhìn ti vi, anh trông thấy một cậu thanh niên khác trên màn hình, một cậu da đen với mái tóc xoắn tít còn đọng nước long lanh.

Rạng danh đội tuyển quá.

Đội mũ...

Đội mũ...

... ôi Chúa ơi, mũ thẳng bé đầy máu.

Louis tỉnh giấc lúc bảy giờ vào buổi sáng lạnh căm, rào rào mưa rơi, tay nắm chặt gối. Đầu anh ong ong váng lên theo nhịp tim thành thịch; cơn đau hết nhói lên lại dịu xuống. Anh ợ chua, dịch vị có vị như bia cũ, bụng quặn thắt. Anh đã khóc trong khi ngủ; gối ướt đầm lệt, như thể anh đã nhả vào nhả ra một bài hát đồng quê miền Tây rền rĩ suốt suốt trong giấc ngủ. Anh thậm nghĩ ngay cả trong mơ, một phần trong anh vẫn biết sự thật nên rơi nước mắt.

Anh đứng dậy, loạng choạng bước vào nhà vệ sinh, trống ngực đập dồn, bao ý thức bề vụn dưới cơn choáng váng bạo liệt do nốc bia tối hôm qua. Anh đến bồn cầu vừa kịp lúc để nôn ra những thứ mình đã nạp vào.

Quỳ xuống sàn, anh nhắm mắt cho đến khi cảm thấy mình có thể gượng dậy. Anh mò mẫm tìm cần gạt rồi xả nước. Đoạn anh đến trước gương để xem mắt mình đỏ ngầu tới mức nào, nhưng mặt gương anh đã bị bọt phủ kín mít. Và rồi anh nhớ ra. Rút tã từ quá khứ mà cô tuyên bố mình chẳng nhớ gì, Rachel che phủ toàn bộ gương trong nhà rồi cởi giày trước khi đi qua cửa.

Chẳng có đội tuyển bơi lội Olympic nào cả, Louis thần thờ nghĩ khi quay trở lại phòng, ngồi lên giường. Vị bia chua chát ngợp trong miệng và họng, anh thể với bản thân (không phải lần đầu và cũng chẳng phải lần cuối) anh sẽ không bao giờ đụng vào thứ thuốc độc ấy nữa. Chẳng có đội tuyển bơi lội Olympic nào, chẳng có điểm số 3.0 nào ở trường đại học, chẳng có cô bạn gái Công giáo nào hay chuyện cải đạo, chẳng có Camp Agawam, chẳng có gì cả. Đôi giày của thằng bé bị tuột, áo bị lộn trái, cơ thể bé bỏng, từng cứng cáp và chắc nịch biết bao, gần như bị phanh thây. Mũ của thằng bé đầy máu.

Giờ đây, ngồi trên giường, vật vã trong cơn chuyển choáng, khi nước mưa rào rào hắt lên ô cửa sổ bên cạnh, buồn đau dồn dập ập đến, như mụ mệnh phụ ở Tầng Chín hỏa ngục. Nó đến, đồng hóa anh, tước mọi nhuệ khí, cướp đi chút phòng thủ còn sót lại, để rồi anh gục mặt vào tay, giàn giụa nước mắt, lắc lư

trên giường, thậm nghĩ anh sẵn sàng làm tất cả, bất kể đó là gì, để có cơ hội thứ hai.

Gage được hạ huyết vào hai giờ chiều hôm ấy. Lúc đó, trời đã tạnh mưa. Những đám mây tối tả vẫn lững thững trên đầu, và đa phần khách đến viếng đều cầm theo dù đen mà người làm dịch vụ tang lễ đưa cho.

Ông tổng tổ chức tang lễ là người đứng ra thực hiện dịch vụ mai táng không theo riêng tôn giáo nào. Theo yêu cầu của Rachel, ông đọc một đoạn phúc âm Matthew bắt đầu bằng câu “Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn trở.” Đứng bên cạnh mộ, Louis đưa mắt nhìn bố vợ. Trong khoảnh khắc, ông Goldman cũng nhìn anh nhưng rồi ông cụ liếc xuống. Hôm nay, ông chẳng còn sức đâu mà gây hấn. Bọng mắt của ông giờ nhìn chẳng khác nào túi đựng thư, và xung quanh chiếc mũ đội đầu bằng lụa đen, những sợi tóc lơ thơ bạc trắng như tơ nhện bay tứ tung trong gió. Râu ria đen xám lờm chớm trên má, trông ông chẳng khác nào gã bợm rượu đầu đường xó chợ. Louis cố tìm chút thương cảm cho ông cụ, để rồi nhận ra lòng anh chẳng cảm thấy xót xa.

Chiếc quan tài nhỏ màu trắng với then cài chắc đã được sửa của Gage được dựng trên hai chân đỡ bằng crôm của quách. Mép huyết trái cỏ nhân tạo Astroturf xanh chói đến nhức mắt.

Vài lẵng hoa được đặt trên thảm cỏ giả rục rở đến lạ kỳ này. Louis phóng mắt nhìn qua vai ông tổng tổ chức tang lễ. Nơi này là một ngọn đồi thấp, bốn bề là mộ, mộ phần của các gia đình cùng một tấm bia theo kiểu kiến trúc Rô-man, bên trên khắc tên PHIPPS. Ngay trên phần mái dốc xuống của tấm bia, anh có thể thấy thấp thoáng một thứ màu vàng. Louis nhìn nó chăm chăm đầy suy tư. Anh cứ thế dán mắt vào nó ngay cả khi ông tổng tổ chức tang lễ tuyên bố, “Chúng ta hãy dành thời gian cúi đầu mặc niệm.” Louis mất vài phút mới ngộ ra nó là gì. Là máy xúc. Máy xúc đậu bên kia đồi, ở vị trí khuất tầm mắt của người đi viếng. Và khi tang lễ kết thúc, Phù thủy Oz sẽ đập tắt điều thuốc lá bằng gót của đôi boots lao động ghia gớm, nhét đầu mẩu vào bất cứ đồ chứa rác nào mang theo bên mình (trong nghĩa địa, nhân viên nào bị bắt quả tang vứt bừa bãi đầu mẩu thuốc lá trên mặt đất gần như chắc chắn việc bị sa thải – trông cảnh tượng ấy không hay ho gì, chưa kể rất nhiều khách hàng qua đời vì ung thư phổi), nhảy lên chiếc máy xúc, khởi động thứ chết toi ấy, phong ấn con trai anh trong tấm tối, không ánh nắng mặt trời vĩnh viễn ... hoặc chỉ ít cho đến ngày Hồi sinh.

Hồi sinh... à, có một từ...

(mà mày nên dẹp ngay và luôn ra khỏi đầu, mày thừa biết thế mà)

Khi ông tổng tổ chức tang lễ nói “Amen”, Louis nắm lấy cánh tay Rachel rồi kéo cô đi khỏi đó. Rachel lăm bắm phản đối – cô muốn ở lại dù chỉ một lát, xin anh, Louis – nhưng Louis đã quyết. Họ đi về phía xe ô tô. Anh thấy ông tổng tổ chức tang lễ lấy lại những cây dù với tên nhà tang lễ kín đáo in trên cán từ

khách viếng rồi đưa cho trợ lý. Người trợ lý cất dù vào cái kệ trông thật kỳ dị và siêu thực đang dựng trên mặt cỏ sũng nước. Tay phải của anh nắm lấy cánh tay Rachel, còn tay trái nắm bàn tay đeo găng trắng của Ellie. Ellie mặc váy giống lần con bé đi viếng đám tang bà Norma Crandall.

Ông Jud bước đến khi Louis đưa hai mẹ con vào trong xe. Nhìn vẻ ngoài cũng đủ hiểu tối qua, ông trần trọc đến nhường nào.

“Cháu ổn chứ, Louis?”

Louis gật đầu.

Ông Jud khom người nhìn vào xe. “Cháu thế nào rồi, Rachel?” Ông hỏi.

“Cháu ổn, ông Jud ạ,” cô thì thầm.

Ông Jud khẽ đặt tay lên vai cô rồi quay sang nhìn Ellie. “Cháu thì sao, cô bé?”

“Cháu ổn ạ,” Ellie đáp rồi nhe răng nở nụ cười gượng gạo để thể hiện cho ông thấy cô bé ổn đến mức nào.

“Cháu cảm bức hình gì thế?”

Trong thoáng chốc, Louis cứ nghĩ cô bé sẽ giữ rịt lấy bức ảnh, không chịu cho ông cụ xem, vậy mà cô bé vẫn khẽ khọt đưa ra, rụt rè đến xót xa. Ông cầm bức hình bằng những ngón tay to lớn, những ngón tay xò rộng, trông thật vụng về, những ngón tay phù hợp nhất với việc mân mê bộ truyền động của những phương tiện giao thông khổng lồ hoặc móc nối các toa xe lửa của tuyến Boston và Maine – nhưng đó cũng là những ngón tay đã rút vôi ong khỏi cổ Gage thành thực như ảo thuật gia... hoặc bác sĩ phẫu thuật.

“Sao thế, bức hình xinh quá,” ông Jud nhận xét. “Cháu kéo cậu bé trên xe trượt tuyết à? Em trai cháu chắc thích mê phải không, Ellie?”

Ellie gật đầu, òa lên ghen ngào.

Rachel toan nói gì đó nhưng Louis siết cánh tay cô – *em ngồi im một lát đi.*

“Ngày trước cháu hay kéo em lắm,” Ellie vừa kể vừa khóc, “em cười quá trời. Sau đó hai chị em cháu vào nhà, mẹ sẽ làm ca cao cho bọn cháu rồi nói ‘Cất bớt đi con,’ Gage sẽ giơ bớt lên hét ‘Bớt! Bớt!’” ôm tôi đến điếc cả tai. Mẹ có nhớ không?”

Rachel gật đầu.

“Ừ, ông dám chắc lúc ấy vui lắm,” ông Jud ôn tồn rồi trả lại bức hình. “Giờ tuy em cháu đã là người thiên cổ, nhưng cháu vẫn có thể giữ những ký ức về em, Ellie ạ.”

“Dạ,” cô bé nói rồi đưa tay lau mặt. “Cháu thương Gage lắm, ông Crandall ạ.”

“Ta biết cháu rất thương em.” Ông cúi người hôn cô bé, và khi lùi lại, ánh mắt ông nghiêm khắc quét qua Louis và Rachel. Rachel bắt gặp ánh nhìn của ông, bối rối, có chút tổn thương song không hiểu ý. Còn Louis thì hiểu rõ lời ông nhắn gửi: *Các cháu đang làm gì cho con gái mình? Ánh mắt của ông Jud như cắt vắn. Con trai các cháu đã ra đi, nhưng con gái các cháu còn ở đây. Các cháu đang làm gì cho con bé?*

Louis ngoảnh mặt đi. Anh chẳng làm gì được cho con mình, hiện giờ là chưa. Cô bé sẽ phải tự nỗ lực ngụp lặn trong đau thương. Bởi tâm trí anh ngập tràn suy tư về cậu con trai.

Đến tối, mây lại ùn ùn kéo tới, gió Tây bắt đầu thổi phần phật. Louis mặc áo khoác mỏng, kéo phéc mơ tuya lên rồi lấy chìa khóa chiếc Civic treo trên tường.

“Anh đi đâu vậy Lou?” Rachel hỏi. Cô nói mà giọng chẳng buồn quan tâm. Sau bữa tối, cô lại nỉ non khóc, dù chỉ rưng rức nhưng dường như cô không ngưng được. Louis ép cô uống một viên Valium. Hiện giờ, cô ngồi trước trang báo với trò ô chữ còn trống trơn. Ellie ngồi im lặng trong một căn phòng khác xem *Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên* với bức hình của Gage trong lòng.

“Anh tính đi mua pizza.”

“Ban này anh ăn chưa no à?”

“Lúc đó anh chưa thấy đói,” anh nói thật rồi để thêm một lời nói dối: “Giờ anh mới đói.”

Chiều hôm đó, trong khoảng ba giờ đến sáu giờ, nghi thức cuối cùng của lễ tang Gage được thực hiện ở nhà cộng đồng Ludlow: nghi thức dùng bữa. Steve Masterton và vợ đến tham gia với món mì thịt băm dứt lò. Charlton xuất hiện với món bánh mặn Quiche (“Món này để được lâu lắm, trừ khi bị chén sạch,” bà bảo với Rachel. “Nó còn dễ hâm nữa.”) Nhà Danniker sống trên con dốc mang thịt ngỗng nướng lò đến. Ông bà

Goldman chuẩn bị các loại thịt nguội xắt lát và phô mai – hai người bọn họ không mở miệng nói lời nào với Louis và cũng chẳng đến gần anh, nhưng thật lòng, anh chẳng thêm để tâm. Ông Jud cũng mang theo phô mai – một bánh phô mai chuột khổng lồ – món khoái khẩu của ông. Missy Dandridge mang một chiếc bánh chanh giây. Còn Surrendra Hardu chuẩn bị táo. Rõ ràng nghi thức dùng bữa đã vượt qua các khác biệt về tôn giáo.

Là bữa tiệc trong đám tang nhưng không vì thế mà nó nặng nề, dù ai nấy đều rất kiệm lời. Mọi người ít dùng bia rượu hơn so với bữa tiệc thông thường, song không phải không có. Sau vài chai bia (mới đêm hôm trước, anh đã thề rằng mình sẽ không đụng vào thứ đồ uống này nữa, thế mà trong buổi chiều lạnh lẽo như này, cảm tưởng đêm hôm trước đã xa đằng đằng), Louis định kể vài câu chuyện liên quan đến đám ma mà cậu Carl từng kể với anh – như ở các đám tang của Sicilia, phụ nữ chưa chồng thỉnh thoảng cắt một miếng vải liệm của người quá cố rồi cất dưới gối ngủ, bởi họ cho rằng nó sẽ đem lại may mắn trong đường tình duyên; như ở các đám tang Ireland, đôi lúc người ta tổ chức đám cưới giả, ngón chân của người quá cố sẽ được cột vào nhau vì người Celt thời xưa quan niệm phải làm vậy để vong hồn người đã khuất không đi lại. Cậu Carl nói tục lệ cột mảnh giấy đề Đã Tử Vong Khi Đưa Đến vào ngón chân cái của xác chết bắt nguồn từ New York, vì tất cả những người giữ nhà xác thời kỳ đầu đều là người Ireland, cậu cho rằng đây là tàn dư của quan niệm mê tín ngày xưa. Nhưng sau khi nhìn

mặt quan khách, anh nhận ra kể những chuyện này chỉ tổ gây hiểu lầm.

Rachel vật vã đúng một lần, mẹ của cô có mặt ở đó để trấn an con gái. Rachel bầu vú vào bà Dory Goldman rồi nức nở khóc vào vai bà thật to, tựa như có bao nhiêu nước mắt, cô xả ra hết, một điều cô không thể làm với Louis, có lẽ vì cô cho rằng hai vợ chồng đáng bị kết tội trong cái chết của Gage, hoặc có lẽ vì Louis không cho cô chốn nương tựa, bởi anh đang lạc trong thế giới kỳ dị do đầu óc anh vẽ nên. Bất kể lý do là gì, rốt cuộc, cô đến với mẹ để tìm nguồn an ủi, và lòng mẹ chan chứa cho đi, nước mắt của mẹ già hòa lẫn vào nước mắt của con gái. Ông Irwin Goldman đứng đằng sau, tay đặt lên vai Rachel, nhìn Louis đứng bên kia căn phòng với ánh mắt đặc thẳng một cách bệnh hoạn.

Ellie đi lòng vòng với khay bạc đựng những món điểm tâm nhỏ, khoanh cuộn con con cắm xiên lông vũ. Bức hình chụp với Gage kẹp cứng dưới cánh tay.

Louis nhận được những lời chia buồn. Anh gật đầu, nói lời cảm ơn. Và nếu đôi mắt anh có vẻ xa xăm, cử chỉ của anh có chút lạnh nhạt, thì người viếng chỉ đơn thuần nghĩ rằng anh đang hoài niệm về quá khứ, dần vật về tai nạn, về những tháng ngày vắng bóng Gage phía trước; chẳng ai (có lẽ là cả ông Jud) ngờ rằng Louis đang suy tính đến các phương thức đào mộ... tất nhiên là chỉ trên lý thuyết; anh không định *làm* gì cả. Đó là cách duy nhất để khiến tâm trí anh bận rộn.

Chứ bản thân anh chẳng định *làm* gì cả.

Louis dừng ở Đại Lý Orrington, mua hai lốc bia lạnh rồi gọi đến tiệm Napolis đặt trước một phần pizza xúc xích nấm.

“Cho hỏi tên của quý khách là gì ạ?”

Phù thì Oz Dĩ đại và Ghia gớm, Louis thầm nghĩ.

“Lou Creed.”

“Vâng, anh Lou, hiện tại tiệm rất đông khách nên sẽ mất chừng bốn mươi lăm phút – anh thấy vậy có được không?”

“Được,” Louis đáp rồi cúp máy. Khi quay lại chiếc xe Civic và tra chìa khởi động xe, anh chợt nghĩ mặc dù ở khu vực Bangor phải có đến hai mươi tiệm pizza, anh lại chọn tiệm gần Pleasantview, nơi chôn cất Gage, nhất. *Chà, thì có sao? Anh cảm cái nghĩ. Pizza họ làm rất ngon. Để bánh không phải hàng đông lạnh. Họ biểu diễn quăng để lên rồi để nó đáp lên nắm tay, ngay vị trí thực khách có thể chiêm ngưỡng, và Gage thấy thế sẽ cười giòn tan...*

Anh cắt ngang suy nghĩ ấy.

Anh chạy ngang qua nhà hàng Napolis thẳng đến Pleasantview. Anh đoán bản thân anh thừa biết mình sẽ làm thế, nhưng có nguy hại gì không? Làm gì có.

Đậu xe bên kia đường, anh băng qua đường đến cổng sắt uốn lấp lánh dưới ánh ngày tàn. Bên trên là những chữ cái uốn bằng sắt thành hình bán nguyệt đề PLEASANTVIEW. Tên của nghĩa địa này là “quang cảnh an lòng” nhưng trong tâm trí của Louis, quang cảnh chẳng an lòng cũng chẳng khó chịu. Nghĩa địa có bố cục vừa mắt, phân bố trên những quả đồi thoải thoải, có những hàng cây dài (à, nhưng trong ánh chạng vạng xảm tối này, bóng cây trông dày đặc, đen đúa rợn người, chẳng khác

nào nước đọng trong các mỏ đá), lác đác vài cây liễu rủ. Bốn bề không tĩnh lặng, do gần đó có đường cao tốc thu phí – tiếng xe cộ ầm ì văng lại cùng cơn gió buốt, hun hút thốc qua – ánh sáng tỏa ra dưới bầu trời ngả tối chính là Sân bay Quốc tế Bangor.

Anh vươn tay đến cánh cổng, thầm nghĩ *Thế nào cũng khóa*, nhưng hóa ra lại không. Có lẽ vẫn còn sớm nên họ chưa khóa cổng, và nếu có khóa thì cũng chỉ là để bảo vệ nơi này khỏi những tên say xỉn, những kẻ cố ý phá hoại hoặc những thanh niên nữ tú muốn tìm chỗ hú hí. Cái thời Những Kẻ Quật Xác như trong tác phẩm của Dicken **[17E]**

(lại cái từ này)

đã qua rồi. Cánh cổng bên phải mở ra với tiếng ken két khe khẽ, và sau khi liếc qua vai để đảm bảo không ai theo dõi, Louis bước qua. Anh đóng cánh cổng lại sau lưng, nghe chót cổng đánh cách.

Đứng trong khu ngoại ô giản dị của người đã khuất, anh đưa mắt nhìn quanh.

Mọi thứ đáng yêu vào chung lòng mộ, anh nhủ thầm, *nhưng chẳng mặn nồng lấy một cái ôm*. Ai viết bài thơ này nhỉ. Andrew Marvell? Và tại sao đầu óc con người lại đi chứa đựng vớ vẩn vô dụng này kia chứ?

Giọng ông Jud văng vẳng trong đầu anh, lo lắng và – sợ hãi thì phải? Phải. Ông sợ hãi.

Louis, cháu đang làm gì ở đây vậy? Cháu đang nhìn một con đường cháu không muốn đặt chân.

Anh gạt giọng nói ấy qua một bên. Anh chỉ đang dẫn vật bản thân chứ chẳng hành hạ ai cả. Không ai cần biết anh đã đến đây khi hoàng hôn dần nhường chỗ cho bóng đêm.

Anh lê bước đến mộ của Gage, men theo con đường ngoằn ngoèo. Có một lúc anh đi dưới hàng cây; những chiếc lá non rì rào, xào xạc đầy bí ẩn trên đầu. Trống ngực anh đổ dồn. Bia mộ sắp thành dãy. Tòa nhà của đơn vị quản lý tọa lạc đâu đó, và ở đó sẽ có bản đồ khu Pleasantview rộng chừng hai mươi mẫu này, được phân chia gọn gàng và hợp lý thành từng khu, mỗi khu lại thể hiện các ngôi mộ và các mộ phận chưa bán. Bán bất động sản. Căn hộ một phòng. Rao bán đã lâu.

Không giống Nghĩa địa Thú cưng cho lắm, anh nghĩ, và suy nghĩ ấy khiến anh khựng lại, suy tư ngạc nhiên. Không. Sao mà giống được. Nghĩa địa thú cưng tạo trong anh ấn tượng trật tự của nó gần như vô thức sinh ra từ trong hỗn loạn. Những vòng tròn thô ráp nhỏ dần, hướng vào cùng một tâm; những phiến đá, thập giá thô sơ làm bằng thanh gỗ. Tựa hồ những đứa trẻ chôn thú cưng ở đó trong vô thức tập thể đã tạo ra hình tượng, tựa hồ...

Trong thoáng chốc, Louis thấy Nghĩa địa Thú cưng cứ như một hình thức quảng cáo... một dạng chim mồi, như thú người ta trình diễn trước mặt chúng ta ở con đường quái dị trong hội chợ. Họ sẽ cử người ra biểu diễn nuốt lửa, ta được xem miễn phí vì chủ hội chợ biết ta phải thấy lửa lèo xèo thì mới dẫn tới việc mua bit tết, ta phải thấy ảnh lửa bùng lên thì ta mới chịu chi hầu bao...

Những ngôi mộ ấy, những ngôi mộ quây thành vòng tròn ma mị.

Những ngôi mộ ở Nghĩa địa Thú cưng phỏng chiếu biểu tượng tôn giáo cổ xưa nhất: những vòng tròn thu hẹp dần tượng trưng cho xoắn ốc, tuy vậy, nó không quy về một điểm và quy về vô tận; trật tự sinh ra trong hỗn loạn và hỗn loạn sinh ra trong trật tự, tùy theo cách tâm trí ta nhìn nhận. Đây là biểu tượng mà người Ai Cập đã khắc lên lăng mộ các pharaoh, một biểu tượng mà người Phoenicia từng họa trên nắm mồ của các vị vua đã băng hà; nó được phát hiện trên thành hang động ở địa điểm khảo cổ Mycenae; người xây dựng Stonehenge đã dùng nó làm đồng hồ đo thời gian của vũ trụ; nó xuất hiện trong Kinh Thánh dưới hình dạng gió xoáy, để từ đó Chúa nói chuyện với Job.

Xoắn ốc là biểu tượng sức mạnh cổ xưa nhất trên thế giới, biểu tượng cổ xưa nhất của nhân loại về cây cầu quanh co tồn tại giữa thế gian và Vực Sâu.

Cuối cùng, Louis cũng đến mộ của Gage. Máy xúc không còn ở đó. Thảm cỏ Astroturf đã được tháo bỏ, được một công nhân huýt sáo cuộn lại, đầu óc vẫn lơ nghĩ đến châu bìa sau khi tan ca ở Fairmount Lounge, rồi cất đi trong lán đựng dụng cụ ở đâu đó. Nơi Gage an nghỉ là hố đất hình chữ nhật gọn gàng, với kích thước áng chừng dài một mét rưỡi rộng chín mươi phân. Mộ chưa dựng bia.

Louis quỳ xuống. Gió thổi qua tóc khiến nó rối xù. Giờ thì bầu trời đã chuyển sang tối hẳn, vẫn vũ mây.

Chưa thấy ai chiếu đèn vào mặt mình và hỏi mình làm gì ở đây. Chưa có chó canh nào sủa. Cổng thì không đóng. Cái thời Những Người Quật Xác đã là dĩ vãng rồi. Nếu mình mang cuộc và xẻng đến đây...

Anh giật mình bừng tỉnh. Anh chỉ đang bày một trò chơi nguy hiểm trong tâm trí, giả vờ rằng Pleasantview không có ai canh giữ vào buổi tối. Giả sử anh bị quản lý nghĩa địa hay bảo vệ bắt quả tang đứng dưới huyệt của con trai anh thì sao? Có thể họ không lưu vào giấy tờ, nhưng nhớ họ lưu thì sao? Khéo anh bị buộc tội mất. Nhưng tội gì mới được? Mộ tặc? Chắc không đâu. Cố ý phá hoại tài sản xem chừng khả dĩ hơn. Và bất kể họ có đưa vào hồ sơ hay không, tiếng xấu hẳn sẽ đồn xa. Thiên hạ thế nào cũng dị nghị; làm sao có thể bỏ qua câu chuyện hay hóm đến nhường này kia chứ. Bắt quả tang vị bác sĩ địa phương đào xác cậu con trai hai tuổi, qua đời cách đây không lâu trong tai nạn giao thông bí thảm. Anh sẽ mất việc. Còn nếu không mất việc thì anh cũng phải chứng kiến cảnh Rachel thân tàn ma dại trước những lời gièm pha cay nghiệt, Ellie bị bạn bè ở trường lôi ra trêu chọc cho đến khi đời con bé tối tăm, cùng cực. Cũng có thể anh sẽ phải chịu nhục nhã khám định tâm thần, đổi lại bỏ qua tội trạng.

Nhưng tôi có thể khiến Gage hồi sinh! Gage có thể sống dậy!

Tận trong thâm tâm, anh có tin vào điều đó hay không?

Sự thật là có. Anh đã tự nhủ hết lần này đến lần khác, cả trước và sau khi Gage qua đời, rằng Church thật ra chưa chết, nó chỉ bị choáng mà thôi. Rằng Church đã đội mồ sống dậy rồi về nhà. Một câu chuyện trẻ con đầy ẩn ý ghê rợn – Winnie the

Poe. Người chủ vô tình xếp một ụ đá sau khi chôn vật nuôi còn sống. Con vật trung thành tự đào đất chui ra trở về nhà. Hay lắm. Chỉ có điều nó không đúng. Church đã chết. Khu chôn cất của người Micmac đã hồi sinh nó.

Anh ngồi xuống, bên cạnh mộ của Gage, cố xếp các thành tố đã biết theo thứ tự một cách lý trí và hợp lẽ nhất mà tà thuật này cho phép.

Giờ xét đến Timmy Baterman. Thứ nhất, anh có tin câu chuyện ấy không? Thứ hai, thế có khác gì không?

Dù khó chấp nhận nhưng anh tin phần lớn câu chuyện. Không nghi ngờ gì nữa, nếu một nơi như khu chôn cất của người Micmac tồn tại trên đời (nó có thật đây), và nếu người ta biết đến nó (như một số bậc bô lão ở Ludlow biết), thì sớm muộn cũng sẽ có người làm thủ. Theo những gì Louis hiểu về bản tính con người, khó mà tin nổi người ta chỉ dừng lại ở việc chôn cất vài con thú cưng và các con vật thuộc giống có giá trị.

Được rồi – vậy anh có tin Timmy Baterman biến thành con quỷ toàn tri không? Câu hỏi này hóc búa hơn, anh ngần ngại vì không muốn tin, song anh đã từng chứng kiến hậu quả của cách tư duy ấy trước đây.

Không, anh không muốn tin Timmy Baterman là một con quỷ, nhưng anh sẽ không – nhất quyết không – cho phép những điều anh muốn lu mờ đánh giá của anh.

Louis nghĩ về con bò Hanratty. Ông Jud kể con bò ấy như thành tinh. Timmy Baterman cũng vậy, theo cách của riêng mình. Sau đó, Hanratty đã bị chính người chủ đã lôi xác của nó

đến khu chôn cất của người Micmac bằng xe kéo “hạ gục”. Còn Timmy Baterman bị bố mình “hạ gục”.

Nhưng chỉ vì Hanratty suy bại, điều đó có đồng nghĩa với việc mọi con vật đều suy bại như thế không? Không. Con bò Hanratty không minh chứng cho trường hợp tổng quát; thực ra Hanratty chỉ là ngoại lệ cho trường hợp tổng quát mà thôi. Đánh giá những con vật khác, như con chó Spot của ông Jud, con vẹt của bà cụ, hoặc bản thân mèo Church. Chúng đều sống dậy, có đổi khác, và trong mọi trường hợp, điểm thay đổi rất dễ thấy, nhưng chỉ ít trong trường hợp Spot, thay đổi không quá lớn, bằng chứng là nhiều năm sau đó, ông Jud vẫn kể với một người bạn về quy trình của... của...

(hồi sinh)

Phải, quy trình *hồi sinh*. Tất nhiên, trong quá trình thực hiện, ông đã cố biện minh, dùng dằng rồi còn tuyên ra tràng giang đại hải những lời rối rắm, ám muội chẳng thể xem là triết lý.

Làm thế nào anh có thể từ chối tận dụng cơ hội sẵn có – cơ hội có một không hai này – chỉ vì câu chuyện của Timmy Baterman kia chứ? Một con sâu chẳng thể làm rầu nổi canh.

Mày đang bóp méo bằng chứng để đi đến kết luận mày muốn rút ra đây, tâm trí anh phản đối. Ít nhất mày phải ý thức sự thật chết toi về thay đổi của Church chứ. Giả sử bỏ qua xác những con vật – nào chuột, nào chim – nhưng bản chất của con mèo thì sao? Mớ bong bong... đó là từ chuẩn nhất để mô tả mọi thứ. Hôm hai bố con đi thả diều. Mày còn nhớ hôm đi thả diều Gage thế nào không? Thằng bé vui cười, tràn trề nhựa sống ra sao, phản ứng với mọi thứ

ra sao? Mà y có muốn hồi sinh một thầy ma từ bộ phim kinh dị hạng B không? Hoặc thậm chí một thứ tử nhật, một thằng bé trĩ độn? Một thằng bé ăn bốc và chỉ ngơ ngẩn dán mắt vào hình ảnh trên ti vi, chẳng bao giờ viết nổi tên mình? Ông Jud nói gì về con chó của ông ấy nhỉ? “Như thể đang rửa cục thịt.” Đó là thứ mà y muốn sao? Mà y muốn một cục thịt? Và ngay cả khi mà y có thể hài lòng với điều đó, mà y giải thích với vợ mà y, với con gái mà y thế nào khi con trai mà y trở về từ cõi chết. Mà y giải thích với Steve Masterton thế nào? Rồi với thế gian nữa? Chuyện gì sẽ xảy ra khi Missy Dandridge chạy xe vào lối đi và trông thấy Gage đạp xe ba bánh trong sân? Mà y không nghe thấy tiếng cô ấy hét âm lên à, Louis? Mà y không thấy khuôn mặt hãi hùng của cô ấy với những móng tay à? Rồi mà y tính nói gì với đám phóng viên? Mà y nói gì khi đoàn quay phim từ chương trình Người Thật xuất hiện ngay bậc cửa để quay cậu con trai đội mồ sống dậy của mà y?

Những điều trên có thực sự quan trọng không, hay đó chỉ là giọng nói của lá gan thỏ để trong anh? Anh có nghĩ mình không thể giải quyết những vấn đề kia không? Phải chăng anh tin rằng Rachel sẽ chào đón con mình với những giọt nước mắt mừng vui?

Phải, anh đoán khả năng cao Gage sẽ trở về nhưng có phần... nói sao nhỉ... hao hụt. Song điều đó có khiến tình thương anh dành cho con đổi khác không? Bất chấp con mình bị não úng thủy, bị bệnh down, bị tự kỷ, bố mẹ vẫn yêu thương chúng đấy thôi. Bất chấp con mình sinh ra mù lòa, sinh đôi dính liền, sinh ra mà ruột xoắn tit thò lò, bố mẹ vẫn dành trọn yêu thương. Dù cho con mình lớn lên hăm hiếp, giết người,

hành hung người vô tội, bố mẹ vẫn cầu xin tòa án khoan hồng kia mà.

Anh có cho rằng anh không thể yêu thương Gage nếu đến tám tuổi mà Gage vẫn phải mang tã không? Nếu đến mười hai tuổi, con anh mới học qua lớp một không? Hoặc thậm chí nó chẳng thể học hành được gì? Anh có thể xem con anh như... như một trường hợp nạo phá thai thiêng liêng trong khi vẫn còn phương cách khác?

Nhưng Louis, Chúa ơi, mày không sống một mình một cõi! Người ta sẽ bàn ra tán vào...

Anh cắt ngang suy nghĩ ấy với giọng nói sỗ sàng, tức tối. Trong tất cả những điều *không* cần phải xét đến lúc này, miệng lưỡi thế gian có lẽ là điều đầu tiên.

Louis liếc xuống phần đất mộ của Gage, cảm thấy kinh sợ và hãi hùng như sóng ập vào người. Trong vô thức, ngón tay anh tự di chuyển, vẽ thành những hình tròn đồng tâm trên mặt đất – anh đã vẽ nên xoắn ốc bằng vòng tròn.

Anh xoa hai bàn tay lên đất, xóa đi thứ mình vừa vẽ. Đoạn anh vội vã rời khỏi Pleasantview, cảm thấy mình chẳng khác nào kẻ tụt tiện xâm phạm nơi này, cứ đến khúc quanh, anh định ninh rằng mình sẽ bị phát hiện, bị chặn lại và chất vấn.

Anh đến lấy pizza trễ, và dù bánh được đặt ngay bên trên lò nướng cỡ lớn, nó vẫn ngույt ngắt, đầy dầu mỡ, miếng nào miếng nấy ngon như đất sét nấu. Trên đường trở về Ludlow, Louis chỉ ăn một miếng, còn bao nhiêu vớt hết ra ngoài cửa sổ, cả hộp cả bánh. Bình thường anh không có thói quen xả rác bữa bãi, nhưng anh không muốn Rachel phát hiện chiếc pizza gần như

còn nguyên si trong thùng rác ở nhà. Nó sẽ khiến cô sinh nghi anh đến Bangor không phải vì mua bánh pizza.

Louis bắt đầu tính toán đến thời gian và hoàn cảnh thực hiện.

Thời gian. Thời gian là yếu tố quan trọng gần như bậc nhất. Timmy Baterman đã chết một thời gian thì người bố mới đưa xác cậu ta đến khu chôn cất của người Micmac. *Timmy bị bắn chết vào ngày 19... Nếu ta nhớ không lầm thì Timmy được chôn cất vào ngày 22 tháng Bảy. Chừng bốn, năm ngày sau, cô bưu tá Marjorie Washburn trông thấy Timmy leo lên con dốc.*

Được rồi, giả sử ông Bill Baterman tiến hành bốn ngày sau khi con mình được chôn cất lần đầu... không. Cẩn tắc vô áy náy, giả sử ông ấy đào sau ba ngày. Để thuận tiện cho việc tranh luận, xem như Timmy Baterman trở về từ cõi chết vào ngày 29 tháng Bảy. Tức kể từ ngày cậu thanh niên này qua đời đến ngày cậu ta sống dậy là mười ngày, và đây là ước lượng đã trừ hao. Có thể mất đến mười hai ngày cũng nên. Trong trường hợp của Gage, tính đến hôm nay là bốn ngày. Anh đã để thời gian vụt qua khá khá, nhưng vẫn có thể cắt một nửa thời gian của ông Bill Baterman. Nếu...

Nếu anh có thể dựng lại hoàn cảnh tương tự như lúc hồi sinh Church. Vì Church qua đời vào thời điểm thuận tiện quá còn gì? Gia đình anh vắng nhà khi Church bị xe tông chết. Chỉ có anh và ông Jud biết chuyện.

Còn gia đình anh đang ở Chicago.

Và thế là trong tâm trí Louis, mảnh ghép cuối cùng đã khớp đánh tách vào vị trí.

“Anh muốn mẹ con em *làm gì* kia?” Rachel hỏi, trợn mắt nhìn anh với vẻ ngạc nhiên.

Lúc đó là mười giờ kém mười lăm phút. Ellie đã đi ngủ. Rachel uống thêm một viên Valium sau khi dọn dẹp rác rến từ bữa tiệc tang (“tiệc tang” đúng là một cụm từ khủng khiếp đầy nghịch lý, giống như “giờ viếng”, nhưng xem ra chẳng còn từ nào để mô tả những gì họ làm vào buổi chiều), và kể từ lúc anh quay về từ Bangor, cô có vẻ lơ đãng, im lặng... nhưng lời anh nói đã khiến cô bừng tỉnh.

“Anh muốn mẹ con em về Chicago cùng bố mẹ em,” Louis kiên nhẫn lặp lại. “Hai người họ sẽ lên đường vào ngày mai. Nếu em gọi cho bố mẹ và gọi cho hãng Delta ngay bây giờ, em vẫn có thể lên cùng chuyến máy bay với họ.”

“Louis, anh mất trí à? Anh và bố em lao vào ẩu đả như thế mà anh bảo...”

Đến Louis còn bất ngờ khi miệng lưỡi mình trơn tru như bôi mỡ, chẳng giống anh chút nào. Nó khiến anh cảm thấy hứng khởi một cách trơ trẽn. Anh cảm thấy như cầu thủ mới được thay vào sân, chợt nhận được bóng và chạy một mạch bảy mươi mét, hết luôn lách lại len lỏi, qua mặt những tay tiền vệ tiềm năng đầy điệu nghệ. Anh chưa bao giờ giỏi nói dối, và anh cũng không định sẵn kịch bản cho cuộc đấu trí này, nhưng bất ngờ chuỗi những lời nói dối quanh co, thêm mắm dặm muối, những lời giải thích có cánh cứ thế tuôn ra từ miệng anh.

“Trận ẩu đả giữa anh và bố là một trong những lý do anh muốn mẹ con em về chung với bố mẹ. Giờ là lúc ta phải hàn gắn vết thương này, Rachel ạ. Trong lòng anh... và trong thâm

tâm... anh biết như vậy, ngay từ lúc ở sảnh tang lễ. Lúc hai bố con ẩu đả, anh đang cố gắng hàn gắn mọi thứ.”

“Nhưng chuyến đi này... em không nghĩ là ý tưởng ấy hay đâu, Louis ạ. Mẹ con em cần anh. Anh cũng cần mẹ con em.” Đôi mắt cô nhìn anh nghi ngờ. “Hay nói đúng hơn, em *hy vọng* anh cần mẹ con em. Vả lại, mẹ con em chẳng còn tâm trí đâu mà...”

“...chẳng còn tâm trí đâu mà ở lại đây,” Louis áp đặt. Anh cảm thấy anh sắp phát sốt lên được. “Anh mừng vì em cần anh, và thật sự, anh cần mẹ con em. Nhưng lúc này, với em đây là chốn khổ ải nhất, em yêu. Căn nhà này tràn ngập hình bóng Gage, mọi nơi, mọi chỗ. Anh và em khổ sở đã đành, nhưng anh nghĩ Ellie khổ sở gấp bội phần.”

Anh thấy đau đớn ánh lên trong mắt cô, và anh biết anh đã chạm trúng chỗ. Một phần trong anh cảm thấy nhục nhã khi chiến thắng ti tiện thế này. Mọi cuốn sách giáo khoa anh từng đọc về cái chết cho anh biết thôi thúc đầu tiên của tang quyến sau cú sốc mất đi người thân là rời khỏi địa điểm xảy ra cái chết... và rằng xuôi theo thôi thúc ấy là hành động tai hại nhất có thể, vì nó tiếp tay cho họ trốn tránh sự thật. Sách vở cũng nói tốt nhất nên ở yên một chỗ, chiến đấu chống lại nỗi đau ngay trên chính sân nhà của nó cho đến khi cơn đau nguôi ngoai. Nhưng Louis không dám thực hiện thí nghiệm kia khi vợ con anh ở nhà. Anh phải đẩy họ đi chỗ khác, chí ít là trong một thời gian.

“Em biết,” cô nói. “Nơi nào cũng... khiến em đau tận thâm can. Lúc anh đi Bangor, em di chuyển trường kỳ... em nghĩ hút bụi sẽ giúp em đỡ... đỡ nghĩ quần... rồi em tìm thấy bốn chiếc

xe Matchbox con con của thằng bé dưới ghế... như thể chúng chờ con mình về để... anh biết đấy, chơi với chúng...” Giọng cô run rẩy rồi vỡ òa. Nước mắt lăn dài trên má.” Thế là em uống thêm một viên Valium, vì em lại òa lên khóc, giống như em đang khóc đây... ôi đúng là một bộ phim suốt mướt... ôm em với, Lou ơi, anh ôm em được không?”

Anh ôm cô vào lòng, ôm trọn vẹn đầu ra đây; nhưng anh cảm thấy mình thật giả tạo. Tâm trí anh quay cuồng nghĩ cách tận dụng những giọt nước mắt của cô sao cho có lợi. *Chính nhân quân tử chưa kìa. Hò dô, đi nào.*

“Mình phải thế này bao lâu đây?” Cô nức nở. “Cứ thế này mãi ư? Ước gì con mình trở lại, Louis ơi, em thề em sẽ để mắt đến con kỹ hơn, chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra, việc tay tài xế ấy lái xe quá nhanh không khiến em – khiến vợ chồng mình – thoát tội đâu. Em không ngờ trên đời lại có đau đớn nhường này, nhưng sự thật là thế. Cơn đau cứ quay quắt trở đi trở lại, đau đến đứt ruột gan, Louis ạ, em chẳng thể thoát khỏi nó ngay cả khi đi ngủ, vì cứ ngủ là em nằm mơ hết lần này đến lần khác, em thấy con mình chạy xuống đường... rồi em hét gọi con...”

“Suyt,” anh nói. “Rachel. Suyt.”

Cô ngẩng khuôn mặt sưng húp lên nhìn anh. “Mà thậm chí chẳng phải con mình nghịch phá nữa, Louis. Thằng bé chỉ đang chơi đùa thôi... chiếc xe tải ấy trở tới sai thời điểm... ban nãy lúc em khóc, Missy Dandridge gọi... cô ấy kể cô ấy đọc trên báo Ellsworth American là tay tài xế đã cố tự sát.”

“Sao kia?”

“Anh ta tìm cách treo cổ trong ga ra. Anh ta bị sốc và trầm cảm nặng, báo ghi như thế...”

“Mẹ kiếp, chết mà không chết đến nơi,” Louis nói đầy ác ý, nhưng tai anh nghe thấy giọng mình vang lên thật xa xăm, cả người lạnh ngắt. *Nơi này có sức mạnh, Louis ạ. Trước đây nó đã từng phát huy toàn bộ sức mạnh, và ta sợ nó sắp sửa đạt đến đỉnh điểm lần nữa.* “Con trai mình chết, còn hắn ta thoát tội với một nghìn đô-la bảo lãnh, hắn cứ tiếp tục trầm cảm và nghĩ đến tự sát cho đến khi tòa lấy bằng của hắn trong chín mươi ngày rồi phạt cho có lệ.”

“Missy bảo người vợ đã dẫn theo con cái bỏ đi,” Rachel nói bằng giọng đều đều. “Cái này không đăng trên báo, mà cô ấy nghe kể từ người quen của người quen ở mạn Ellsworth. Anh ta không say rượu, cũng không chơi thuốc. Trước đó anh này chưa từng vi phạm tốc độ. Anh ta kể khi tới Ludlow, anh ta cứ có cảm giác muốn đạp ga hết cỡ. Anh ta bảo chẳng biết lý do tại sao. Người ta truyền tai nhau như thế đấy.”

Anh ta cứ có cảm giác muốn đạp ga hết cỡ.

Nơi này có sức mạnh...

Louis gạt những suy nghĩ ấy đi. Anh khẽ nắm lấy cánh tay vợ. “Em gọi cho bố mẹ đi. Ngay bây giờ. Em và Ellie không cần ở lại ngôi nhà này thêm một ngày nào nữa. Một ngày cũng không.”

“Anh cũng phải đi,” cô nói. “Louis, em muốn cả nhà mình... em cần chúng ta ở bên nhau.”

“Anh sẽ đi sau em ba ngày, tối đa là bốn ngày.” Nếu mọi sự trót lọt, Rachel và Ellie có thể quay về trong bốn mươi tám tiếng

đồng hồ. “Anh phải tìm người thay vị trí ở trường đại học, chí ít là chấp nhận làm thêm. Anh còn ngày nghỉ bệnh và nghỉ phép, nhưng anh không muốn để Surrendra tối tăm mặt mũi. Ông Jud có thể trông nhà giảm vợ chồng mình trong lúc đi vắng, nhưng anh muốn cắt điện và trữ những thứ trong ngăn đá ở chỗ khác. Chắc anh sẽ nhờ nhà Dandridge.”

“Còn trường của Ellie...”

“Kệ xác đi. Đăng nào cũng chỉ còn ba tuần là hết năm học rồi. Họ sẽ hiểu cho hoàn cảnh nhà mình. Nhà trường sẽ sắp xếp cho con nghỉ sớm. Mọi chuyện sẽ đâu ra đó...”

“Louis?”

Anh ngưng lại. “Sao thế?”

“Anh đang giấu giếm gì vậy?”

“Giấu giếm?” Anh nhìn thẳng vào cô, mắt ráo hoảnh. “Anh chẳng hiểu em nói gì.”

“Anh không giấu gì chứ?”

“Không. Anh chẳng giấu gì.”

“Thôi bỏ qua. Để em gọi bố mẹ... nếu đó là điều anh thực sự muốn.

“Thật mà,” anh nói, và những lời ấy chát chúa vang trong đầu như sắt phang vào nhau.

“Có thể như thế lại tốt... cho Ellie.” Cô nhìn anh với đôi mắt đỏ quạch, vẫn hơi mơ màng do tác dụng của Valium. “Nhìn anh có vẻ hơi sốt đấy, Louis. Anh coi chừng kéo đổ bệnh bây giờ.”

Cô bước đến điện thoại, gọi cho nhà nghỉ bố mẹ cô đang ở trước khi Louis kịp trả lời.

Ông bà Goldman mừng ra mặt khi nghe Rachel đề xuất; trên cả vui mừng mới đúng. Họ không hào hứng lắm trước việc Louis sẽ góp mặt sau ba hoặc bốn ngày, nhưng tất nhiên, họ sẽ chẳng phải lo lắng đến viễn cảnh này. Bởi Louis không may tính đến chuyện đi Chicago. Anh nghi ngờ có trắc trở, bởi giờ này mới đặt vé máy bay thì cấp rập quá. Được cái vận may lại mỉm cười với anh. Trên chuyến bay từ Bangor đến Cincinnati của hãng Delta vẫn còn ghế trống, ngoài ra, kiểm tra nhanh thì phát hiện có hai hành khách hủy vé chuyến bay từ Cincinnati đến Chicago. Điều này có nghĩa Rachel và Ellie chỉ bay cùng chuyến với ông bà Goldman đến Cincinnati, nhưng sau đó chưa đầy một tiếng đồng hồ, hai mẹ con sẽ đến Chicago.

Cứ như ma thuật vậy, Louis nghĩ khi gác điện thoại, giọng của ông Jud bèn đáp lại ngay lập tức: Trước đây nó đã từng phát huy toàn bộ sức mạnh, và ta sợ...

Ôi, cuốn xéo ngay cho cháu nhờ, anh cộc cần gắt lên với giọng của ông Jud. Mười tháng qua, cháu đã học cách chấp nhận khối thứ kỳ lạ rồi, ông bạn hiền của cháu ơi – nếu ông kể với cháu một nửa những điều đó, cháu sẽ nói với ông thân kinh cháu sắp trụ không nổi. Nhưng liệu cháu có sẵn sàng tin miếng đất bị ám có khả năng ảnh hưởng đến vé máy bay bay không? Cháu không nghĩ vậy.

“Em phải sắp đồ,” Rachel nói. Cô nhìn thông tin chuyến bay Louis vừa ghi xuống tập giấy để bên cạnh điện thoại.

“Em mang theo một va li cỡ lớn là được rồi,” Louis nói.

Cô trợn mắt nhìn anh, thoáng giật mình. “Cho cả hai mẹ con em ư? Louis, anh đùa em à?”

“Được rồi, vậy em cứ mang theo vài túi vải đi. Nhưng đừng bày vẽ mang mỗi ngày một bộ đủ cho ba tuần tới cho nhọc thân em ạ,” anh nói, thậm nhủ: *Đằng nào em cũng sẽ sớm trở về Ludlow mà.* “Em mang đủ đồ cho một tuần, mười ngày là được rồi. Em mang theo sổ séc và thẻ tín dụng đi. Cần gì mình mua cũng được.”

“Nhưng mình đâu thể vung tay quá trán...” Cô nghi ngờ cất tiếng. Giờ thì cô có vẻ nghi ngờ tất cả, lung lay, dễ bối rối. Anh nhớ lại lời nhận xét lạnh tanh, dang dở về chiếc Winnebago mà anh từng băng quơ bảo muốn mua.

“Mình có tiền mà,” anh nói.

“Chà... em nghĩ nếu cần, mình có thể dùng khoản tiết kiệm cho Gage học đại học, dù sẽ mất một hai ngày để làm thủ tục cho tài khoản tiết kiệm và tầm một tuần để chuyển tín phiếu chính phủ thành tiền mặt...

Mặt cô bắt đầu rúm lại rồi ghen ngào. Louis ôm vợ vào lòng. *Cô ấy nói đúng. Nó cứ quay quắt trở đi trở lại, không bao giờ buông tha.* “Rachel, đừng em,” anh vỗ về. “Đừng khóc.”

Nhưng tất nhiên cô vẫn khóc – cô phải để nước mắt tuôn rơi.

Trong lúc cô lên lầu xếp đồ, điện thoại đổ chuông. Louis vội vàng lao đến, sợ nhỡ đâu hãng vé Delta gọi lại thông báo hồi nãy họ nhầm lẫn, không còn vé cho chuyến bay nào cả. *Mình ngây thơ quá, làm gì có chuyện đầu xuôi đuôi lọt đến thế.*

Nhưng hóa ra không phải hãng vé Delta gọi mà là ông Irwin Goldman.

“Để con đưa máy cho Rachel,” Louis nói.

“Đừng” Trong một khoảng im lặng bao trùm, chẳng có thêm lời nào. *Chắc ông ấy đang ngồi đó tính toán xem nên bắt đầu rửa xả mày ra sao.*

Khi ông Goldman cất tiếng, giọng ông rất căng thẳng. Chùng như ông đang đẩy từng lời, từng chữ chống lại một lực cản lớn lao bên trong. “Ta muốn nói chuyện với con. Bà Dory muốn ta gọi điện, xin lỗi con vì... vì ta đã cư xử quá trớn. Ta nghĩ... Louis, ta nghĩ bản thân ta cũng muốn nói lời xin lỗi.”

Ô kìa, ông Irwin! Ông cao cả thế? Chúa ơi, chắc tôi bình ra quần mất!

“Bố không cần xin lỗi đâu,” Louis nói. Giọng anh khô khốc và máy móc.

“Ta đã làm những điều không thể tha thứ,” ông Goldman nói. Giờ thì không phải ông đang cố ép từng lời mà là khắc ra chúng. “Việc con đề nghị Rachel và Ellie đi với chúng ta khiến ta nhận ra con bao dung nhường nào... và ta nhỏ nhen ra sao.”

Bỗng dưng anh thấy có gì đó quen quen trong màn độc thoại này, quen đến kỳ dị...

Và rồi anh ngộ ra, miệng chợt sun lại như thể vừa cắn phập vào một quả chanh vàng ươm. Đúng kiểu của Rachel – cô hoàn toàn không ý thức được điều này nhưng Louis chắc như đinh đóng cột – khi ăn năn hối lỗi: *Louis, em xin lỗi đã cư xử khốn nạn* sau khi đạt được như ý muốn nhờ làm mình làm mẩy. Đây đúng là giọng nói ấy, khác ở chỗ nó không lạnh lạnh và đầy sức sống như của Rachel, nhưng không nhảm đi đâu được, chính cái giọng ấy đang bảo *Ta xin lỗi vì đã hành xử thật khốn nạn, Louis.*

Ông già đã giành lại con gái và cháu ngoại; họ đang cao chạy xa bay khỏi Maine để về với Bố. Với sự hỗ trợ của Delta và United, họ đang trở lại nơi họ thuộc về, nơi ông Irwin Goldman muốn họ ở. Giờ ông ta có thể tỏ ra cao thượng được rồi. Bởi theo những gì ông già Irwin ấy biết, ông ta đã giành chiến thắng. *Vậy nên bố con mình hãy bỏ qua chuyện ta đánh con ngã lên xác con trai con nhé, Louis, cả chuyện ta đá con khi con nằm trên đất, cả chuyện ta hất đổ quan tài của thằng bé khỏi đôn và khiến chốt bật mở, từ đó con nhìn thấy – hoặc tưởng mình nhìn thấy – bàn tay con trai con trong phút chốc. Mình hãy bỏ qua tất tần tật. Cái gì qua rồi thì cho qua luôn.*

Tôi biết tôi ác miệng, nhưng Irwin này, ông già kia, nếu ông toi đời mà kế hoạch tôi không bung bét thì tôi ước gì ông lăn đùng ra chết ngay lúc này cho rồi.

“Không sao đâu ạ, thưa bố,” anh đều đều nói. “Hôm ấy... chà... là một ngày tất cả chúng ta đều bối rối mà.”

“Gì mà không sao kia chứ,” ông một mực nói, và Louis nhận ra – dù anh không muốn – rằng ông Goldman không phải chỉ đang tỏ ra lịch sự, ông không xin lỗi vì mình hành xử thật khốn nạn sau khi được như ý. Ông cụ nghẹn ngào, từng lời nói ra chậm rãi, run rẩy. “Hôm ấy thật là một ngày *khủng khiếp* với tất cả chúng ta. Tại ta cả. Tại lão già ngu xuẩn, ngoan cố này. Ta đã khiến con gái ta tổn thương khi con bé cần nương tựa... ta khiến con tổn thương, trong khi có lẽ con cũng cần nương tựa nơi ta, Louis ạ. Con làm thế này... con hành xử thế này... sau hành động của ta... điều đó khiến ta thấy mình như rác rưởi, Louis ạ. Và ta nghĩ ta *đáng* cảm thấy như vậy.”

Ôi, cho ông ta dừng lại đi, cho ông ta dừng lại kéo tôi hét vào mặt ông ta và phá tanh bành kế hoạch này bây giờ.

“Chắc Rachel kể với con rồi phải không, Louis, rằng chúng ta còn một cô con gái khác...”

“Zelda,” Louis nói. “Có, cô ấy kể với con về Zelda rồi.”

“Giai đoạn đó thật sự rất khó khăn,” Goldman run rẩy nói. “Khó khăn cho cả nhà chúng ta. Có lẽ khó khăn nhất với Rachel, phải, Rachel có mặt lúc Zelda qua đời, nhưng cũng khó khăn cho cả bà Dory và ta nữa. Dory gần như gục ngã..”

Chứ ông nghĩ Rachel không gục ngã à? Louis những muốn hét lên. Ông nghĩ con nít thì không suy sụp tinh thần à? Hai mươi năm trôi qua rồi mà hễ cứ nhắc đến chết chóc là cô ấy vẫn như đĩa phải vôi đấy. Giờ lại thêm chuyện này. Chuyện kinh khủng, tồi tệ này. Cũng còn may là cô ấy chưa phải vào bệnh viện, nằm truyền dịch đấy. Nên đừng nói với tôi rằng ông và vợ ông khổ sở ra sao, đồ khốn nạn.

“Kể từ khi Zelda qua đời, vợ chồng ta.. ta nghĩ chúng ta đã quá bầu víu vào Rachel... lúc nào cũng muốn bảo vệ con bé... bù đắp cho nó. Bù đắp cho những nhọc nhằn mà con bé phải chịu với... với lưng mình... trong nhiều năm sau đó. Bù đắp vì chúng ta đã không có mặt ở đó.”

Phải, ông già ấy đang rơi nước mắt. Việc gì ông ta phải khóc kia chứ? Nó khiến Louis khó bám trụ lấy nỗi căm hận thuần túy của anh hơn. Khó hơn, nhưng không phải không thể. Anh cố tình mừng tượng hình ảnh ông Goldman đưa tay vào túi áo khoác lấy sổ séc tiền nhiều vô kể... nhưng anh chợt trông thấy Zelda Goldman lấp ló, một con ma phá quấy trên chiếc giường

hôi thối, khuôn mặt đáng tởm, nanh nọc, đau đớn, tay co quắp như móng vuốt. Con ma nhà Goldman. Phù thủ Oz Dĩ đại và Ghia gồm.

“Bố ơi,” anh nói. “Con xin bố. Như vậy đủ rồi. Đừng khiến mọi thứ phải tệ hơn nữa, được không ạ?”

“Giờ bố mới hiểu con là một người đàn ông tốt, và bố đã hiểu sai về con, Louis ạ. Ôi, nghe này, bố biết con nghĩ gì. Bố có ngu ngốc không? Không hề. Ừ thì đúng là bố có ngu ngốc, nhưng không đến mức ấy. Con hẳn đang nghĩ bố nói liên thiên này giờ là vì ở phải, ông già này đã đạt được điều mình muốn, trước đây ông ấy từng cố mua chuộc mình mà, nhưng... nhưng Louis, ta thề...”

“Thôi bố ạ,” Louis nhẹ nhàng. “Con không thể... con thật sự không thể đón nhận thêm nữa.” Giờ thì giọng anh cũng run rẩy. “Được không ạ?”

“Được rồi,” ông Goldman nói rồi thở dài. Louis nghĩ ông thở phào nhẹ nhõm. “Song ta xin nói thêm một lần rằng ta xin lỗi. Con không cần chấp nhận lời xin lỗi ấy đâu. Nhưng ta gọi điện thoại là để nói vậy, Louis ạ. Ta thành thật xin lỗi.”

“Được rồi ạ,” Louis nói. Anh nhắm mắt. Đầu ông lên. “Cảm ơn bố. Con xin chấp nhận lời xin lỗi ấy.”

“Cảm ơn con,” ông Goldman nói. “Và cảm ơn con... vì đã để hai mẹ con đi cùng chúng ta. Có lẽ đây là điều cả hai đang cần. Vợ chồng ta sẽ gặp hai mẹ con ở sân bay.”

“Vâng ạ,” Louis đáp, và một ý tưởng chợt nảy trong đầu. Diên rồ và hấp dẫn bởi nó hết sức đúng đắn. Anh sẽ cho qua những chuyện quá khứ... anh sẽ để Gage an giấc ngàn thu dưới

ngôi mộ ở Pleasantview. Thay vì một lần nữa mở ra cánh cửa anh đã đóng sập, anh sẽ cài then, khóa hai lần, vứt chìa đi. Anh sẽ làm đúng như những gì anh nói với vợ: Sắp xếp mọi sự ở đây rồi lên chuyến bay quay về Shytown. Có lẽ họ sẽ ở đó suốt mùa hè, vợ chồng anh cùng cô con gái đáng yêu. Họ sẽ tới sở thú, cung thiên văn, chèo thuyền trên hồ. Anh sẽ đưa Ellie lên tầng cao nhất của Tháp Sears và chỉ cho cô bé vùng Trung Đông trải dài như tấm bảng trò chơi phẳng khổng lồ, màu mỡ, hoài bão. Và rồi đến giữa tháng Tám, họ sẽ trở về căn nhà này, tuy hiện tại nó có vẻ thật buồn, thật u tối, nhưng có lẽ khi đó, khởi đầu mới sẽ mở ra. Có lẽ họ sẽ đủ sức dệt nên cuộc đời mình từ sợi chỉ mới. Khung cửa nhà Creed lúc này nhoe nhoét, bê bết máu khô.

Nhưng liệu điều đó có đồng nghĩa với việc anh giết hại con trai mình không? Giết nó lần thứ hai?

Một giọng nói bên trong cổ phản bác rằng không phải, nhưng anh bỏ nó ngoài tai. Anh vội vàng dập tắt giọng nói ấy.

“Bố ơi, con phải cúp máy đây. Con muốn kiểm tra xem Rachel đã chuẩn bị đầy đủ chưa rồi cho cô ấy đi nghỉ.”

“Được rồi. Chào con, Louis. Và một lần nữa...”

Nếu ông ấy nói xin lỗi thêm một lần nữa, chắc mình sẽ hét như bị chọc tiết mất.

“Con chào bố,” anh nói rồi cúp máy.

Lúc anh lên tầng, Rachel đang ngập đầu giữa mớ quần áo. Áo cánh bày trên giường, áo lót vắt lên lưng ghế, quần treo trên móc rồi móc lên tay nắm cửa. Giày được dàn ra như những tay tính dưới cửa sổ. Có vẻ như cô gói ghém đồ đạc chậm mà chắc. Louis ước lượng kiểu này cô phải mang đến ba va li là ít (khéo

bốn va li cũng nên), nhưng anh thấy chẳng việc gì phải tranh cãi về chuyện đó cả. Thay vào đó, anh lăn xả vào giúp cô một tay.

“Louis,” cô nói khi hai vợ chồng đóng va li cuối cùng (anh phải ngồi lên va li thì Rachel mới kéo khóa nổi), “anh có chắc anh không có gì muốn nói với em không?”

“Vì Chúa, em yêu, cái gì vậy?”

“Em cũng không biết là gì,” cô lẳng lặng đáp. “Vậy nên em mới hỏi đây.”

“Chứ em nghĩ anh tính làm gì? Mò đến nhà thổ? Hay tham gia rạp xiếc à? Hay gì?”

“Em không biết. Nhưng em cứ thấy lẩn tẩn. Có cảm giác anh đang muốn tống khứ mẹ con em đi.”

“Rachel, *nực cười* quá đấy!” Anh nói, lớn tiếng vì cáu tiết. Dù trong tình cảnh khó khăn như hiện tại, anh không khỏi bực mình vì bị vợ đi guốc trong bụng dễ dàng như thế.

Cô cười mệt mỏi. “Anh không phải người giỏi nói dối đâu, Lou.”

Anh toan phản đối thì cô ngắt lời.

“Ellie nằm mơ thấy anh chết,” cô kể. “Đêm qua. Con bé tỉnh dậy và òa khóc, nên em đi vào giường con. Em ngủ cùng con bé hai, ba tiếng đồng hồ rồi mới quay về giường vợ chồng mình. Con bé kể trong mơ, anh ngồi ở bàn bếp, mắt anh mở to nhưng con bé biết anh đã chết. Con nói nó nghe thấy tiếng xe cứu hỏa và ngửi thấy mùi khét. Con bé bảo nó nghe thấy Steve Masterton hét lên.”

Louis nhìn cô sững sốt. “Rachel,” mãi lúc sau anh mới lên tiếng, “em trai con bé vừa mất. Mơ thấy các thành viên khác trong gia đình qua đời cũng là bình.”

“Phải, tự bản thân em cũng đoán vậy. Nhưng cách con bé kể... những tình tiết trong đó... em cảm giác nó mang điềm báo.”

Cô cười yếu ớt.

“Anh phải ở đó mới hiểu.”

“Ừ, có lẽ thế,” Louis đáp.

Dù tông giọng vẫn hết sức lý trí, anh có thể cảm thấy người anh nổi hết da gà. Chân tóc cứng đờ.

Em cảm giác nó mang điềm báo.

“Vào giường với em nhé,” Rachel đề nghị. “Tác dụng của Valium hết mất rồi, mà em không muốn uống thêm. Nhưng em sợ lắm. Em cũng nằm mơ..”

“Em mơ thấy gì?”

“Em mơ thấy Zelda,” cô gọn lỏn. “Mấy đêm vừa rồi, kể từ khi Gage qua đời, cứ ngủ là em lại thấy Zelda ở đó. Chị ấy bảo chị ấy sắp đến đón em, và lần này sẽ bắt bằng được em. Rằng chị ấy và Gage sẽ bắt em bằng được. Vì em đã khiến họ chết.”

“Rachel, đó chỉ là...”

“Em biết. Chỉ là mơ. Bình thường thôi nhỉ. Nhưng anh vào giường với em, giữ cho những cơn ác mộng ấy không quấy phá em, được không Louis?”

Hai vợ chồng nằm trong bóng tối.

“Rachel? Em còn thức không?”

“Có.”

“Anh muốn hỏi em câu này.”

“Anh hỏi đi.”

Anh lưỡng lự, không muốn khiến cô đau đớn hơn nhưng anh cần biết.

“Em còn nhớ lúc con chín tháng tuổi, vợ chồng mình được phen mất ăn mất ngủ không?” Mãi hồi anh mới cất tiếng.

“Có. Tất nhiên là em nhớ. Sao thế?”

Lúc Gage được chín tháng tuổi, Louis hết sức bận tâm về kích thước hộp sọ của cậu bé. Nó vượt ngưỡng Đồ thị Berterier của Louis, trên đó thể hiện phạm vi phát triển bình thường của hộp sọ trẻ sơ sinh tính theo tháng. Khi được bốn tháng, kích thước hộp sọ của Gage bắt đầu dịch chuyển đến đỉnh đường cong, sau đó còn vượt ngưỡng này. Cậu bé không gặp trục trặc trong việc giữ thẳng đầu – nếu thế thì hai năm rõ mười rồi – nhưng Louis vẫn đưa con đến khám ở George Tardiff, có thể nói ông là nhà thần kinh học xuất sắc nhất vùng Trung Đông. Rachel muốn biết có vấn đề gì nên Louis cũng không giấu vợ: anh lo ngại Gage có thể bị não úng thủy. Mặt của Rachel cắt không còn giọt máu, nhưng cô vẫn giữ bình tĩnh.

“Em thấy thẳng bé bình thường mà,” cô nói.

Louis gật đầu. “Anh cũng thấy vậy. Nhưng anh không muốn bỏ qua điều này, em ạ.”

“Không, anh không được bỏ qua,” cô nói. “*Vợ chồng mình* không được làm thế.”

Sau khi đo lường hộp sọ của Gage, ông Tardiff chau mày. Ông chìa hai ngón tay vào mặt Gage theo phong cách nhóm danh hài trong chương trình *Three Stooges*. Gage rút lại. Ông

Tardiff mỉm cười. Trái tim của Louis như trút được phần nào đá tảng. Ông cho Gage cầm quả bóng. Gage cầm được một lúc rồi thả xuống. Ông nhặt bóng lên, đập cho nó nảy lên rồi quan sát mắt của Gage. Mắt cậu bé nhìn theo quả bóng.

“Theo tôi, khả năng cậu bé bị não úng thủy là năm mươi năm mươi,” lát sau, ngồi trong văn phòng, ông Tardiff nói với Louis. “Không – có thể cao hơn một chút. Nếu có thì cũng chỉ bị nhẹ. Cậu bé phản xạ rất tốt. Phương thức Shunt giải phẫu mới sẽ giải quyết vấn đề này dễ dàng... ấy là nếu như vấn đề tồn tại.”

“Shunt nghĩa là phải phẫu thuật não,” Louis nói.

“Một cuộc tiểu phẫu não.”

Từ lúc lo ngại về kích thước hộp sọ của Gage, Louis đã nghiên cứu về quá trình này, Shunt giải phẫu vốn được thực hiện để hút lượng dịch dư khỏi não của bệnh nhân, và *anh* thấy nó không ra dáng tiểu phẫu cho lắm. Nhưng anh giữ mồm giữ miệng, tự nhủ mình liệu mà biết ơn chí ít là có phương thức phẫu thuật như thế.

“Tất nhiên,” ông Tardiff nói tiếp, “vẫn có khả năng đơn giản là đầu con trai anh to hơn hẳn so với một đứa trẻ chín tháng. Tôi nghĩ chụp cắt lớp vi tính là bước khởi đầu phù hợp nhất. Anh có đồng tình không?”

Louis đồng tình.

Gage ở lại Bệnh viện Bà Phước một đêm, được tiến hành gây mê toàn thân, phần đầu ngủ li bì được đưa vào một chiếc máy trông như máy sấy quần áo khổng lồ. Rachel và Louis chờ ở tầng dưới trong lúc Ellie ở nhà ông bà ngoại, xem *Phố Vòng* liên tù tì trên máy thu băng mới của ông. Đối với Louis, đó là những

tiếng đồng hồ dài đằng đẵng, xám xịt, trong đó anh tính đến bao viễn cảnh tối tăm rồi so sánh kết quả. Chết do gây mê toàn thân, chết trong quá trình Shunt giải phẫu; chậm phát triển mức độ nhẹ do di chứng não úng thủy; chậm phát triển mức độ nặng cũng do nguyên nhân tương tự; động kinh; mù mắt... ôi có thiếu gì khả năng đâu kia chứ. Louis nhớ mình đã nghĩ, *Để có bản đồ thảm họa phiên bản đầy đủ, hãy liên lạc bác sĩ địa phương.*

Khoảng năm giờ chiều, ông Tardiff bước vào phòng chờ. Ông cầm theo ba điếu xì gà. Ông đưa một điếu lên miệng Louis; một điếu cho Rachel (cô quá sức sửng sốt nên không phản đối), và một điếu cho bản thân.

“Cậu bé khỏe mạnh. Không bị não úng thủy.”

“Châm điếu thuốc nào,” Rachel reo lên, nở nụ cười trong làn nước mắt. “Tôi sẽ hút cho đến khi nôn mửa thì thôi.”

Cười thật tươi, ông Tardiff châm xì gà cho họ.

Chúa để dành thằng bé cho Tuyến số 15, bác sĩ Tardiff ạ, Louis thầm nghĩ.

“Rachel, giả sử thằng bé bị não úng thủy thật, và giả sử cuộc phẫu thuật không thành công... em vẫn có thể thương con chứ?”

“Anh hỏi gì lạ vậy, Louis!”

“Có hay không?”

“Có, tất nhiên rồi. Bất kể có chuyện gì, em vẫn sẽ thương Gage.”

“Ngay cả khi con mình chậm phát triển?”

“Phải.”

“Lúc đó em có muốn đưa con vào cơ sở chăm sóc không?”

“Không, em không nghĩ vậy,” cô chậm rãi nói. “Em đoán với số tiền anh kiếm được, mình có thể chi trả... cho một nơi thật đáng hoàng... nhưng nếu được, em vẫn muốn con ở với vợ chồng mình... Louis, sao anh lại hỏi em như thế”

“Vì sao à, chắc là do anh vẫn nghĩ đến chị gái Zelda của em,” anh đáp, vẫn chưa hết ngạc nhiên trước sự liến láu kỳ lạ của mình. “Anh tự hỏi em có thể chịu nổi những chuyện đó thêm lần nữa hay không”

“Khác nhau mà,” cô nói với vẻ gần như hứng thú. “Gage là... chà, Gage là Gage. Là con trai mình. Chừng đó đã đủ tạo nên khác biệt rồi. Em nghĩ chắc cũng sẽ khó khăn, nhưng... còn anh, *anh* có muốn đưa con vào cơ sở chăm sóc không? Một nơi như Pineland chẳng hạn?”

“Không”

“Vợ chồng mình ngủ thôi.”

“Em nói phải.”

“Em cảm thấy giờ em *có thể* ngủ rồi,” cô nói. “Em muốn gác lại ngày này.”

“Amen,” Louis đáp.

Một lúc lâu sau, cô mơ màng nói: “Anh nói đúng, Louis ạ... chỉ là mơ, là choáng váng thôi...”

“Phải,” anh nói rồi hôn lên mái tóc cô. “Em ngủ đi.”

Em cảm giác nó mang điềm báo.

Anh trần trọc mãi không ngủ được, và trước khi chìm vào giấc ngủ, mảnh trăng khuyết tựa khúc xương trắng hếu của tháng Năm thò vào cửa sổ lom lom nhìn anh.

Ngày hôm sau, trời đầy mây nhưng rất ấm áp, đến lúc gửi xong hành lý cho Rachel và Ellie, lấy vé từ máy tính cho hai mẹ con xong, Louis đắm chìm vào nỗi buồn. Anh thầm nhủ luôn chân luôn tay thế này lại hay, và anh chỉ có chút buồn bã, đau lòng so với lần tiễn cả gia đình lên máy bay đi Chicago vào dịp lễ Tạ ơn. Đó là chuyến bay đầu tiên và cũng là cuối cùng của Gage.

Ellie có vẻ xa cách và hơi kỳ cục. Sáng hôm ấy, nhiều lần Louis ngẩng đầu lên thì bắt gặp nét biểu cảm tư lự lạ thường trên khuôn mặt cô bé.

Đúng là có tật giết mình, thưa anh, anh tự nhủ với bản thân.

Cô bé chẳng nói chẳng rằng khi bố mẹ thông báo cả nhà sẽ lên đường đi Chicago, hai mẹ con sẽ đi trước, ở lại hết mùa hè, chỉ tiếp tục ăn sáng (ngủ cốc Cocoa Bears). Ăn sáng xong, cô bé lẳng lặng lên lầu, thay quần áo, mang đôi giày mà Rachel để sẵn. Cô bé cầm theo bức hình mình kéo Gage trên xe trượt tuyết đến sân bay, ngoan ngoãn ngồi trên chiếc ghế nhựa uốn cong ở sảnh dưới trong lúc Louis đứng xếp hàng nhận vé, loa phóng thanh ra rả thông tin các chuyến bay đến và đi.

Ông bà Goldman đến trước giờ bay chừng bốn mươi phút. Ông Irwin Goldman bảnh chọe (và tất nhiên không chảy tí mồ

hồi nào) trong chiếc áo khoác dài bằng vải len cashmere dù thời tiết là mười lăm độ C; ông bước đến quầy của hãng Avis để gửi lại xe ô tô trong lúc bà Dory Goldman ngồi với hai mẹ con Rachel.

Louis và ông Irwin Goldman quay lại chỗ mọi người cùng lúc. Louis có phần e ngại mình sẽ phải nghe ra rả điệp khúc *con-tôi con-tôi*, nhưng may sao thoát được. Ông Goldman bằng lòng với một cái bắt tay hờ hững và câu chào lẩm bẩm trong họng. Ông ngại ngần liếc nhìn cậu con rể thật nhanh, và chừng đó đã đủ để xác nhận điều mà Louis ngộ ra vào sáng nay: Lúc đó hẳn ông đang say.

Họ đi thang cuốn lên tầng trên, ngồi ở phòng chờ, không trao đổi gì nhiều. Bà Dory Goldman bồn chồn lật giở cuốn tiểu thuyết mới của Erica Jong nhưng chẳng mở ra đọc. Bà liên tục liếc nhìn bức hình Ellie cầm trên tay với vẻ lo âu.

Louis hỏi con gái có muốn cùng anh đi qua nhà sách lựa thứ gì đó để đọc trên máy bay không.

Ellie lại nhìn anh với vẻ mặt tư lự ấy. Louis không thích chút nào. Nó khiến anh cảm thấy căng thẳng.

“Con nhớ phải ngoan ngoãn khi đến nhà ông bà nhé?” Anh dặn dò khi hai bố con cùng đi.

“Vâng ạ,” cô bé đáp. “Bố ơi, bộ phận điều tra học sinh cúp học có bắt con không ạ? Bạn Andy Pasioca nói người này sẽ bắt những ai cúp học.”

“Con không cần lo về bộ phận điều tra học sinh cúp học đâu,” anh ôn tồn. “Bố sẽ giải quyết thủ tục ở trường, đến mùa thu, con có thể đi học trở lại mà chẳng có vấn đề gì.”

“Mong là đến mùa thu con sẽ ổn,” Ellie nói. “Trước giờ con chỉ mới học mẫu giáo chứ chưa vào các cấp lớp. Con không biết lên tiểu học sẽ phải làm gì. Chắc là làm bài tập bố nhỉ?”

“Con sẽ ổn thôi.”

“Bố ơi, bố vẫn cáu tiết với ông ngoại ạ?”

Anh há hốc nhìn cô bé. “Trời đất ơi, sao con lại nghĩ... là bố không thích ông ngoại hả Ellie?”

Cô bé nhún vai bất cần như thể chẳng quan tâm đến chủ đề này. “Thì khi nói về ông ngoại, trông bố lúc nào cũng cáu tiết.”

“Ellie, nói như vậy là hỗn hào con nhé.”

“Con xin lỗi.”

Cô bé vẫn nhìn anh với ánh mắt lạ kỳ, dị thường ấy, đoạn loanh quanh đi xem kệ sách trẻ em – các tác giả như Mercer Meyer, Maurice Sendak, Richard Scarry, Beatrix Potter và tác giả nổi tiếng ai ai cũng biết, Dr Seuss. *Làm thế nào mà mẹ con cô ấy lại phát hiện nhỉ? Hay đơn giản là họ biết thế thôi? Ellie biết đến mức độ nào? Nó ảnh hưởng thế nào đến con bé? Ellie, đằng sau khuôn mặt nhỏ bé nhợt nhạt của con là gì vậy? Cáu tiết với ông ngoại, Chúa ơi!*

“Con mua cuốn này được không ạ?” Cô bé chìa một cuốn của Dr Seuss và một cuốn sách kể từ thuở ấu thơ Louis chưa có dịp bắt gặp – truyện về Chú bé Da đen Sambo và một ngày nọ, chú bị hổ trộm mất quần áo.

Chúa ơi, mình cứ tưởng họ ngừng in cuốn sách này rồi chứ, Louis ngạc nhiên nghĩ.

“Được chứ con,” anh đáp, và hai bố con đứng xếp hàng ở quầy thanh toán. “Ông ngoại con và bố vẫn thương nhau mà,”

anh nói, nghĩ lại chuyện mẹ anh từng kể về việc khi một phụ nữ khao khát có con, cô ta sẽ “tìm thấy” một đứa. Anh nhớ anh đã làm trò ngu xuẩn khi tự hứa với lòng mình rằng sẽ không bao giờ nói dối con cái. Thế mà anh cảm thấy mấy ngày vừa rồi, anh đã biến tướng thành kẻ nói dối đầy tiềm năng, nhưng lúc này, anh sẽ không cho phép bản thân nghĩ đến chuyện đó.

“Ồ,” cô bé cảm thán rồi nín thinh.

Sự im lặng khiến anh thấy ngọt ngào. Anh bèn nói bừa câu gì đó để phá vỡ bầu không khí: “Thế con có nghĩ đi Chicago sẽ rất vui không nào?”

“Không ạ.”

“Không à? Sao lại thế?”

Cô con gái ngẩng đầu nhìn anh với nét mặt lạ kỳ. “Con sợ lắm.”

Anh đặt tay lên đầu cô bé. “Sợ ư? Con sợ gì mới được? Con không sợ máy bay đấy chứ?”

“Không ạ,” cô bé đáp. “Con không biết con sợ gì. Bố ơi, con nằm mơ thấy nhà mình ở đám tang của Gage, thế rồi nhân viên nhà tang lễ mở quan tài ra, nó rỗng không. Rồi con mơ thấy con ở trong nhà, nhìn vào cũi của Gage, nó cũng trống không. Nhưng bên trong đầy đất cát.”

Lazarus, hãy ra đây.

Và rồi lần đầu tiên trong nhiều tháng, anh nhớ lại giấc chiêm bao sau cái chết của Pascow – giấc mơ ấy, rồi tỉnh dậy thì phát hiện chân mình lấm lem đất cát, cuối giường dính đầy lá linh sam và bùn đất.

Tóc sau gáy của anh dựng ngược.

“Chỉ là mơ thôi,” anh trấn an Ellie, giọng nói vẫn giữ vẻ ung dung, chỉ ít là tai anh nghe thấy vậy. “Rồi chúng sẽ qua.”

“Ước gì bố đi với con và mẹ,” cô bé nói, “còn không thì hai mẹ con con ở lại đây cũng được. Con với mẹ ở lại được không, bố? Con xin bố? Con không muốn đến nhà ông bà ngoại đâu... Con chỉ muốn đi đến trường thôi. Được không ạ?”

“Chỉ vài ngày thôi, Ellie,” anh đáp. “Bố có...” anh nuốt nước bọt, vài chuyện phải xử lý ở đây, sau đó bố sẽ ở bên con. Rồi mình có thể quyết định làm gì tiếp theo.”

Anh chuẩn bị tinh thần nghe con cãi lại, thậm chí có thể là một màn làm mình làm mẩy phong cách Ellie. Anh còn chào đón phản ứng ấy; bởi nó là đặc tính anh hiểu rõ, còn cái nhìn ban nãy thì không. Song đáp lại anh là sự im lặng ngọt ngào, mơ hồ, sâu hoắm. Anh có thể vặn hỏi thêm con mình, nhưng giật mình nhận ra anh không dám; có lẽ cô bé đã nói nhiều hơn những gì anh muốn nghe.

Anh và Ellie trở lại phòng chờ không bao lâu thì chuyến bay tiến hành làm thủ tục. Họ bắt đầu phát thẻ lên máy bay nên bốn người đứng vào hàng. Louis ôm vợ và hôn cô thật lâu. Cô níu chặt anh trong khoảnh khắc rồi buông ra để anh bế Ellie lên thơm má.

Ellie nhìn anh nghiêm nghị với đôi mắt của thầy bói. “Môi bố lạnh quá,” cô bé nói. “Tại sao vậy ạ?”

“Bố không biết,” anh đáp, càng lúc càng khó chịu. Anh thả con xuống. “Nhớ ngoan đấy nhé, bí ngô.”

“Con không muốn đi,” cô bé lại nói, nhưng chỉ thì thầm để một mình Louis nghe thấy giữa tiếng rì rầm và xì xào của các

hành khách đang lên máy bay. “Con cũng không muốn mẹ đi.”

“Ellie, thôi nào,” Louis nói. “Con sẽ ổn mà.”

“Con sẽ ổn,” cô đáp, “nhưng bố thì sao ạ? Bố ơi, bố thì sao?”

Hàng người bắt đầu dịch chuyển. Hành khách bước xuống đường dẫn đến chiếc máy bay 727. Rachel kéo tay Ellie, trong một khắc, cô bé cự lại khiến hàng người đứng sững, mắt dán vào bố mình, và Louis bất giác nhớ lại cái lần cô bé mất kiên nhẫn dạo trước, tiếng cô bé mè nheo đi mà-đi mà-đi mà.

“Bố ơi?”

“Đi đi, Ellie. Bố xin con.”

Rachel nhìn Ellie, lần đầu tiên trông thấy vẻ mặt u tối và mơ màng ấy. “Ellie?” Cô gọi, giật mình và, Louis nghĩ, có phần sợ hãi. “Con đang cản đường đấy, con yêu.”

Môi Ellie run rẩy trắng bệch. Rồi cô bé buông xuôi, để mẹ dắt xuống đường dẫn. Cô bé quay lại nhìn anh, và anh trông thấy nỗi kinh sợ tột độ trên mặt con bé. Anh giơ tay lên chào con, ra vẻ hân hoan.

Ellie không vẫy tay đáp lại.

Khi Louis rời khỏi nhà ga Sân bay Quốc tế Bangor, một lớp bốc lạnh lẽo như phủ xuống tâm trí anh. Anh ý thức được mình quyết chí làm đến cùng việc này. Bộ óc một thời từng đủ sắc bén để giúp anh theo học trường Y phần lớn bằng học bổng và bằng đồng lương ba cọc ba đồng mà vợ anh kiếm được khi làm phục vụ theo ca ở quán cà phê từ năm giờ sáng đến mười một giờ trưa sáu ngày một tuần, đã nghiền ngẫm vấn đề này, mổ xẻ thành các khía cạnh nhỏ, như thể đây là bài kiểm tra – bài kiểm tra lớn nhất anh từng ứng thí. Và anh dự tính sẽ đạt điểm A cộng trong bài thi này, đúng một trăm phần trăm.

Anh lái xe đến Brewer, một thành phố nhỏ bên kia sông Penobscot từ Bangor. Anh tìm được chỗ đậu xe đối diện cửa tiệm Dụng cụ Watson.

“Tôi có thể giúp gì cho anh?” Nhân viên hỏi.

“Vâng,” Louis đáp. “Tôi muốn mua một đèn pin độ sáng cao – loại hình vuông ấy – và thứ gì đó để che bớt ánh sáng.

Nhân viên bán hàng là một thanh niên gầy, nhỏ con, trán cao cùng đôi mắt sắc bén. Anh ta mỉm cười nhưng nụ cười không dễ chịu cho lắm. “Dùng đèn đi sẵn hử, ông bạn?”

“Anh nói gì cơ?”

“Tối nay anh tính dùng đèn này để đi săn nai à?”

“Không” Louis đáp, mặt lạnh tanh. “Tôi không có bằng săn bắn.

Tay nhân viên nháy mắt rồi quyết định phá lên cười. “Nói cách khác là đừng tọc mạch chuyện người khác phải không? Chà, tôi bảo này – đèn pin lớn không có dụng cụ chắn ánh sáng, nhưng anh có thể mua một mảnh vải nỉ rồi đục lỗ ngay giữa. Nó sẽ giúp chắn bớt ánh sáng đèn pin lại.”

“Nghe được đấy,” Louis nói. “Cảm ơn anh.”

“Không có gì. Anh còn cần gì nữa không?”

“Thật ra là có,” Louis đáp. “Tôi cần cuốc, xẻng và thuổng. Xẻng cán ngắn, thuổng cán dài. Dây thừng loại chắc chắn, dài hai mét rưỡi. Một đôi găng lao động. Một tấm bạt vải bố, chừng hai mét rưỡi nhân hai mét rưỡi.”

“Tôi có cả,” tay nhân viên nói.

“Tôi phải đào một bể tự hoại,” Louis nói. “Có vẻ tôi đang vi phạm luật quy hoạch đất đai, mà hàng xóm nhà tôi được cái hay ngồi lê đôi mách. Tôi không rõ chụp bớt ánh sáng lại có ăn thua không, nhưng chắc để tôi thử xem. Khéo tôi bị phạt cả đồng tiền.”

“Ồ ồ,” tay nhân viên nói. “Vậy lúc làm anh nhớ lấy kẹp quần áo kẹp mũi lại.”

Louis cười cho có lệ. Tổng hóa đơn của anh là năm mươi tám đô sáu mươi xu. Anh trả bằng tiền mặt.

Chiếc xe Civic là dòng xe có cửa sau mở lật lên, Louis lo ngại khi phải về Ludlow với cuốc, xẻng, thuổng bên trong. Mắt ông

Jud Crandall sắc như cú vọ, còn não ông thì vô cùng minh mẫn. Ông sẽ biết ngay anh toan tính điều gì.

Chợt anh ngộ ra rằng nào anh cũng chẳng có lý do gì phải quay lại Ludlow. Louis băng qua cây cầu Chamberlain vào Bangor, đặt một phòng ở Nhà nghỉ Howard Johnson trên đường Odlin – vừa nằm gần sân bay, vừa nằm gần nghĩa trang Pleasantview nơi con trai anh được chôn cất. Anh đặt nhà nghỉ với cái tên Dee Dee Ramone và thanh toán bằng tiền tươi.

Anh cố chợp mắt, tự nhủ với bản thân chưa tới sáng mai, anh sẽ mừng vì mình đã cho cơ thể lại sức. Nói theo ngôn ngữ của mấy cuốn tiểu thuyết Victoria, tối nay anh còn cả núi việc phải lo liệu – núi việc này hẳn sẽ sừng sững nhất đời anh rồi.

Vậy mà não anh nhất quyết không chịu ngơi nghỉ.

Anh nằm trên một chiếc giường tầm thường dưới một bức hình thẳng cánh nhật nhòa chụp thuyền neo trong bến cạnh một cầu tàu đã cũ ở cảng New England, vận nguyên bộ quần áo, chỉ cởi mỗi đôi giày, ví tiền, tiền xu, chìa khóa để trên bàn đầu giường, tay chống lên trán. Cảm giác lạnh lẽo chiếm đóng cõi lòng; anh cảm thấy mối dây liên kết giữa anh với gia đình, bạn bè, với những nơi quá đỗi quen thuộc, thậm chí với cả công việc của anh đã đứt phụt. Đây có thể là bất cứ nhà nghỉ Howard Johnson nào trên thế giới – ở San Diego, Duluth, Bangkok hoặc Charlotte Amalie. Anh trôi dạt ở một nơi vô danh, và thỉnh thoảng, suy nghĩ vượt ngưỡng kỳ dị hiện lên trong đầu: trước khi trông thấy những nơi quen thuộc, những gương mặt thân thiết, anh sẽ gặp con trai mình.

Kế hoạch cứ thế lật mở trong đầu anh. Anh nhìn nó từ mọi góc độ, chọc ngoáy nó, sẫm soi nó, tìm xem có lỗ thủng hay điểm yếu nào không. Và thành thật mà nói, anh cảm thấy anh đang chênh vênh bước trên thanh xà hẹp, bên dưới là vực sâu của mất trí. Điên loạn bao quanh bốn bề, pháp phối phát phơ như cánh cú săn đêm với đôi mắt vàng rực: anh đang dẫn thân vào điên loạn.

Giọng hát của Tom Rush văng vẳng trong đầu anh, nửa hư nửa thực: *Ôi tử thần tay người nhóp nhúa... lững lờ người chạm đầu gối tôi... lạnh lùng người cướp mẹ đi mất... tới lúc nào người mới bắt tôi?*^[18E]

Điên loạn. Điên loạn vây quanh, gần sát, rình rập anh.

Anh dò dẫm bước đi trên thanh xà lý trí; anh nghiền ngẫm kế hoạch của mình.

Tối nay, khoảng mười một giờ, anh sẽ đào huyết con trai, dùng dây thừng để kéo nắp quách, lấy xác con trai ra khỏi quan tài, bọc xác của Gage vào tấm vải bạt rồi đặt vào cốp xe Civic. Anh sẽ thay quan tài rồi đắp lại huyết. Anh sẽ lái về Ludlow, lấy xác Gage ra khỏi cốp... rồi cuốc bộ. Phải, anh sẽ cuốc bộ.

Nếu Gage trở về, con đường sẽ chia thành hai ngã. Trong viễn cảnh thứ nhất, anh hình dung Gage trở về vẫn là Gage, có thể hơi ngây dại, hơi đù đờ hoặc chậm trí (chỉ sâu trong thâm tâm, Louis mới cho phép bản thân mình hy vọng Gage sẽ trở về toàn vẹn, giống như thằng bé ngày trước – biết đâu vẫn có khả năng này thì sao?), nhưng vẫn là con anh, con của Rachel, em của Ellie.

Tuy nhiên, trong viễn cảnh thứ hai, anh thấy một con quái vật lấp ló trong khu rừng sau nhà. Anh đã học cách chấp nhận khả năng ấy đến độ anh không chùn bước trước viễn cảnh quái vật, thậm chí quỷ dữ, ác linh từ thế giới bên kia có thể chiếm lấy cơ thể sống dậy nhưng linh hồn vốn có đã biến mất.

Dù là đường hướng nào, sẽ chỉ có anh và con trai anh. Và anh sẽ...

Mình sẽ tiến hành chẩn đoán.

Phải. Đó là điều anh sẽ làm.

Mình sẽ tiến hành chẩn đoán, không chỉ cơ thể mà cả linh hồn thằng bé. Mình sẽ cân nhắc đến những tổn thương tinh thần mà tai nạn để lại, dù thằng bé có nhớ hay không. Xét từ trường hợp của Church, mình nghĩ thằng bé sẽ chậm trí, có thể nhẹ hoặc cũng có thể nặng. Mình sẽ đánh giá khả năng đưa Gage trở lại gia đình dựa trên quá trình theo dõi từ hai mươi tư đến bảy mươi hai tiếng. Và nếu tổn thất quá nhiều – hoặc nếu thằng bé trở lại theo cách giống Timmy Baterman, như biến thành ma quỷ – thì mình sẽ xuống tay giết nó.

Anh phát hiện anh đã trù liệu hết đường đi nước bước cho cả hai viễn cảnh.

Với tư cách là một bác sĩ, anh cảm thấy anh có thể dễ dàng kết liễu Gage, nếu Gage chỉ là vật chứa cho thứ sinh vật khác. Anh sẽ không cho phép bản thân bị lung lạc trước những lời cầu xin, dụ dỗ của nó. Anh sẽ giết nó như cách anh giết con chuột mắc dịch hạch. Không việc gì phải mềm lòng. Một viên thuốc hòa tan, hoặc hai hay ba viên. Nếu cần thì tiêm một mũi. Trong túi anh có sẵn morphine. Đêm hôm sau, anh sẽ mang

khối đất sét vô hồn ấy về lại Pleasantview, chôn cất nó, tin tưởng rằng vận may sẽ mỉm cười với anh lần thứ hai (*Mày thậm chí còn không biết vận may có mỉm cười một lần không chứ đừng nói đến lần thứ hai, anh tự nhủ*). Anh cân nhắc phương án dễ dàng và an toàn hơn: lần thứ hai ở nghĩa địa Thú cưng, nhưng anh sẽ không để con trai mình nằm lại nơi đó. Có rất nhiều lý do. Năm, mười hay thậm chí hai mươi năm sau, một đứa trẻ lên đây chôn thú cưng có thể sẽ phát hiện hài cốt của con anh – đó là lý do đầu tiên. Nhưng lý do thuyết phục nhất lại hết sức đơn giản. Khoảng cách đến Nghĩa địa thú cưng lại... quá gần.

Sau khi chôn cất xong, anh sẽ bay đến Chicago và gặp lại gia đình. Rachel và Ellie không cần biết về thí nghiệm thất bại ấy.

Anh nhìn theo viễn cảnh còn lại, viễn cảnh anh mù quáng hy vọng với tất cả tình yêu dành cho con trai mình: anh và Gage sẽ rời khỏi nhà khi giai đoạn kiểm tra kết thúc, ra đi trong đêm. Anh sẽ mang theo một số giấy tờ và dự định sẽ không bao giờ đặt chân đến Ludlow lần nào nữa. Anh và Gage sẽ thuê nhà nghỉ – có khi lại chính là nhà nghỉ anh đang ở lúc này.

Sáng hôm sau, anh sẽ rút tất cả tiền mặt trong mọi tài khoản họ có, chuyển tất tần tật sang séc du lịch American Express (*Đừng bỏ nhà đi với cậu con trai vừa sống lại mà quên mất chúng, anh nghĩ, môi khẽ khúc khích cười*) cùng tiền mặt. Anh và Gage sẽ bay đến đâu đó – khả năng là Florida. Ở đó, anh sẽ gọi cho Rachel, nói với cô vị trí của anh, bảo cô dẫn theo Ellie, bắt chuyến bay nhưng không được nói với bố mẹ điểm tới. Louis tin rằng anh có thể thuyết phục cô làm điều này. *Đừng hỏi gì hết, Rachel. Cứ đi đi. Đi ngay bây giờ.*

Anh sẽ nói với cô nơi anh (bố con anh) ở. Một nhà nghỉ nào đó. Ellie sẽ thuê ô tô đến đó. Anh sẽ dẫn Gage ra cửa khi hai mẹ con gõ cửa. Có lẽ lúc ấy Gage đang mặc bộ đồ liền thân.

Và rồi...

À, nhưng anh không dám đi sâu hơn thế; thay vào đó, anh quay trở lại phần đầu của kế hoạch và rà soát nó lần nữa. Anh đoán nếu mọi chuyện suôn sẻ, họ sẽ phải chuẩn bị danh tính cho những cuộc đời mới, sao cho ông Irwin Goldman không thể dùng cuốn sổ séc tiền nghìn bạc vạn kia lần ra họ. Chuyện đó lo liệu được.

Anh mơ hồ nhớ lại lần mình quay về căn nhà ở Ludlow, căng thẳng, mệt mỏi, không kém phần sợ hãi và thả hồn tưởng tượng về việc lái xe bon bon đi Orlando, làm bác sĩ thuê ở Disney World. Có lẽ giấc mơ ấy không hoàn toàn hảo huyền.

Anh mừng tượng mình trong bộ đồ trắng, hồi sức cho một phụ nữ có thai nhưng đại đột ngồi lên tàu lượn Ngọn núi Ma thuật rồi bất tỉnh nhân sự. *Lùi lại, lùi lại, để cô ấy thoát khí*, anh hình dung mình hô vang, còn người phụ nữ mở mắt, mỉm cười đầy biết ơn.

Trong lúc thỏa sức thả cho trí tưởng tượng bay xa, Louis chìm vào giấc ngủ. Anh ngủ khi con gái anh tỉnh giấc trên máy bay, đầu đó bên trên thác Niagara, hét lên vì mơ thấy ác mộng với những cánh tay quắp lấy con bé và đôi mắt ngu đần nhưng tàn nhẫn; anh ngủ khi tiếp viên hàng không vội vàng đi dọc lối đi để kiểm tra xem có vấn đề gì không; anh ngủ khi Rachel cố dỗ dành con gái dù tinh thần kiệt quệ; anh ngủ khi Ellie la hét không ngừng nghỉ: *Là Gage! Mẹ ơi! Là Gage! Là Gage! Gage còn*

*sống! Gage lấy con dao trong túi của bố! Đừng để nó bắt được con!
Đừng để nó bắt được bố!*

Anh ngủ khi Ellie mãi mới nguôi ngoai, khi cô bé run rẩy áp vào ngực mẹ, hai mắt mở to, không giọt nước mắt, khi bà Dory Goldman thậm nghĩ Ellie còn bé mà phải chịu biết bao điều khủng khiếp, và con bé khiến bà Dory nhớ lại tình trạng của Rachel sau khi Zelda qua đời.

Anh ngủ rồi tỉnh dậy lúc năm giờ mười lăm, với trời chiều dần ngả sang màu chạng vạng.

Cả núi việc, anh ngây dại nghĩ rồi nhồm dậy.

Lúc máy bay chuyến 419 của hãng United Airlines hạ cánh xuống sân bay O'Hare và cho hành khách đi xuống vào lúc ba giờ mười phút theo múi giờ miền Trung, Ellie Creed đang trong tình trạng hoảng loạn nhẹ, còn Rachel hết sức sợ hãi. Chưa bao giờ cô ước giá mà có Louis bên cạnh mình nhiều như thế này, kể từ lần cô đưa hai đứa trẻ đến McDonald's, Gage bị nghẹn họng do ăn quá nhiều khoai tây chiên.

Chỉ cần chạm nhẹ vào vai Ellie thôi là cô bé sẽ nhảy dựng lên, hai mắt tròn tròn quay lại nhìn, cơ thể run như cây sậy. Tựa hồ người con bé tích đầy điện. Cơ ác mộng trên máy bay đã đủ tệ hại rồi, song điều này... Rachel thật không biết phải xử trí ra sao.

Bước vào nhà ga, Ellie trượt chân ngã. Song cô bé không đứng dậy mà chỉ nằm đó, mặc kệ bao người qua lại (hoặc cúi xuống nhìn cô bé với ánh mắt có đôi chút thông cảm nhưng xa cách đặc trưng của những ai đang bay quá cảnh và không rảnh để bao đồng) cho đến khi Rachel bế con vào lòng.

"Ellie, con sao vậy?" Rachel hỏi.

Ellie không trả lời. Hai mẹ con băng qua sảnh đến băng chuyền hành lý, Rachel trông thấy bố mẹ cô đã đợi sẵn ở đó.

Thấy cô vẫy tay, hai người tiến lại.

“Họ nói bố mẹ đừng đi đến cổng và đợi con,” bà Dory nói, “nên mẹ nghĩ... Rachel? Ellie sao rồi con?”

“Không ổn ạ.”

“Ở đây có nhà vệ sinh không mẹ? Con buồn nôn.”

“Ôi Chúa ơi,” Rachel thất thần thốt lên rồi nắm lấy tay con. Bên kia sảnh có nhà vệ sinh nữ nên cô vội dắt Ellie đến đó.

“Rachel, mẹ đi cùng con nhé?” Bà Dory gọi với theo.

“Không cần đâu ạ, mẹ lấy hành lý giúp con, mẹ biết chúng trông thế nào rồi đấy. Con lo được.”

May thay nhà vệ sinh còn trống. Rachel đưa Ellie vào, lục trong ví tìm đồng mười xu thì phát hiện – tạ ơn Chúa – ổ khóa của ba buồng cầu đã bị bể. Trên một ổ khóa hỏng còn có dòng chữ ghi bằng bút chì sáp: JOHN CRAPPER LÀ CON LỢN TRỌNG NAM KHINH NỮ!

Rachel nhanh nhẹn kéo mở cửa; Ellie vừa rên rỉ vừa ôm bụng. Cô bé ọe hai lần nhưng không nên được gì mà chỉ có là những tiếng ọe khan khô khốc, rã rời cả tinh thần lẫn thể xác.

Khi Ellie nói mình đã thấy khỏe hơn, Rachel đưa con ra bồn rửa mặt cho cô bé. Mặt Ellie trắng bệch, hai mắt thì thâm quầng.

“Ellie, có chuyện gì vậy? Con không kể với mẹ được à?”

“Con không biết có chuyện gì nữa,” cô bé đáp. “Nhưng con biết có gì đó không ổn kể từ khi bố bảo mẹ con mình đi. Vì bố có gì lạ lắm.”

Louis, anh đang giấu giếm gì vậy? Anh đang giấu gì đó. Em có thể thấy; đến cả Ellie cũng thấy như vậy.

Cô chợt nhận ra cả ngày hôm nay, thần kinh cô căng lên như dây đàn, tựa hồ cô đang đợi tai vạ ập xuống. Cô có cảm giác như hai, ba ngày trước khi tới kỳ kinh, căng thẳng, bồn chồn, sẵn sàng cười hay òa khóc hay chịu cơn đau đầu xuyên qua như tàu tốc hành, sau ba tiếng mới ngừng.

“Sao kia?” Cô nói với cái bóng của Ellie trong gương. “Con yêu, bố có gì lạ kia chứ?”

“Con không biết,” Ellie đáp. “Là giấc mơ. Giấc mơ về Gage. Hoặc có lẽ là Church. Con không nhớ nữa. Con không *biết*.”

“Ellie, con nằm mơ thấy gì?”

“Con mơ thấy con ở trong Nghĩa địa Thú cưng” Ellie kể. “Paxcow đưa con đến Nghĩa địa Thú cưng, bảo bố sắp sửa đi đến đó và một điều khủng khiếp sẽ xảy ra.”

“Paxcow?” Một nỗi kinh hãi sắc bén nhưng mơ hồ ập vào người cô tựa sấm sét. Cái tên này là gì nhỉ, sao nghe quen quen? Hình như cô từng nghe thấy cái tên này – hoặc hao hao cái tên này – ở đâu rồi, nhưng giờ cô không tài nào nhớ ra. “Con mơ thấy một người tên là Paxcow đưa con đến Nghĩa địa Thú cưng à?”

“Dạ, anh ta nói tên mình như vậy. Và...” Đôi mắt cô bé chợt trợn tròn.

“Con nhớ thêm điều gì à?”

“Anh ta nói anh ta được cử đi để *cảnh báo* nhưng anh ta không thể *can thiệp*. Anh ta nói anh ta... con không biết nữa... anh ta ở gần bố vì họ đang ở cạnh nhau lúc linh hồn anh ta là... là... *con không nhớ!*” Cô bé rên rỉ.

“Con yêu,” Rachel nói, “mẹ nghĩ con nằm mơ thấy Nghĩa địa Thú cưng vì con vẫn nghĩ về em Gage. Và mẹ chắc chắn bố vẫn ổn mà. Con thấy khỏe hơn chưa?”

“Chưa ạ,” Ellie thì thầm. “Mẹ ơi, con sợ lắm. Mẹ không sợ sao?”

“Không đâu,” Rachel đáp, vừa khẽ lắc đầu vừa nở nụ cười – dù trong thâm tâm, cô thấy sợ, và cái tên Paxcow ấy quen đến ám ảnh. Cô cảm thấy mình đã nghe thấy nó trong bối cảnh khiếp đảm nào đó cách đây mấy tháng, hoặc thậm chí mấy năm, cảm giác bồn chồn ấy nhất quyết không buông tha.

Cô cảm giác thứ gì đó – một thứ *trữ nặng*, sừng phồng, chực nổ tung. Một thứ ác hiểm cần được ngăn chặn. Nhưng thứ đó là gì? Là gì?

“Mẹ chắc chắn mọi thứ vẫn ổn,” cô trấn an Ellie. “Con muốn quay lại chỗ ông bà chưa?”

“Dạ chắc là rồi ạ,” Ellie thờ ơ.

Một phụ nữ Puerto Rico vừa dẫn cậu con trai nhỏ vào nhà vệ sinh vừa quở trách. Có vệt nước rất to trên đũng quần xinh xắn của cậu bé, cảnh tượng ấy khiến Rachel nhớ Gage đến quay quắt. Nỗi xót xa ấy tựa thuốc Novocaine, dập tắt cơn bồn chồn trong cô.

“Đi nào,” cô giục. “Về tới nhà ông bà, mình sẽ gọi cho bố.”

“Anh ta mặc quần đùi,” Ellie chột lên tiếng.

“Ai kia, con yêu?”

“Paxcow,” Ellie nói. “Anh ta mang quần đùi đỏ. Trong giấc mơ của con.”

Câu nói ấy khiến trong sáng chốc, bao nhiêu sự tập trung của cô dồn hết vào cái tên, Rachel lại sợ đến bủn rủn đầu gối... đoạn cảm giác ấy vơi đi.

Hai mẹ con không thể tiến lại gần băng chuyển hành lý; Rachel chỉ thấy chớp mắt có gần lông vũ của bố mình. Cô quay lại, thấy bà Dory Goldman giữ hai chỗ ngồi cạnh tường cho mẹ con họ, đưa tay lên vẫy. Rachel bế Ellie đến.

“Cháu thấy khỏe hơn chưa?” Bà Dory hỏi.

“Dạ một chút,” Ellie nói. “Mẹ ơi...”

Quay sang Rachel, cô bé im bật. Rachel bật dậy trên ghế, tay đưa lên che miệng, mặt trắng bệch. Cô nhớ ra rồi. Nó bất thành linh nện vào đầu cô như đá tảng. Đáng lý cô phải nhận ra điều này ngay lập tức, nhưng cô đã cố tình gạt nó ra khỏi tâm trí mình. Tất nhiên là thế rồi.

“Mẹ ơi?”

Rachel chậm rãi quay sang con gái, và Ellie có thể nghe thấy gần trong cổ mẹ mình kêu răng rắc. Cô từ từ buông tay ra khỏi miệng.

“Người trong giấc mơ có nói với con tên anh ta là gì không, Ellie?”

“Mẹ ơi, mẹ có sao...”

“Người trong giấc mơ có nói với con tên của anh ta không?”

Bà Dory nhìn con gái và cháu gái như thể cả hai đã phát điên.

“Có, nhưng con không nhớ ra... Mẹ ơi, mẹ làm con đauuuu quá...”

Nhìn xuống, Rachel phát hiện tay mình đã bầu chặt vào hai cánh tay của Ellie như gông cùm.

“Có phải là Victor không?”

Ellie hít vào một hơi. “Dạ, là Victor! Anh ta nói tên mình là Victor! Mẹ cũng mơ thấy anh ta sao?”

“Không phải Paxcow,” Rachel nói. “Mà là *Pascow*.”

“Thì con bảo vậy mà. Paxcow.”

“Rachel, có chuyện gì vậy con?” Bà Dory hỏi. Bà nắm lấy tay của Rachel, nhúu mày vì thấy nó lạnh ngắt. “Ellie gặp chuyện gì vậy?”

“Không phải Ellie,” Rachel nói. “Mà là Louis mẹ ạ. Có gì đó không ổn với Louis. Hoặc có gì đó sắp sửa không ổn. Mẹ trông Ellie hộ con. Con muốn gọi về nhà.”

Cô đứng dậy, đi đến quầy điện thoại, lục ví tìm đồng hai mươi lăm xu. Cô chọn kiểu cuộc gọi người nghe trả phí nhưng chẳng có ai nhắc máy. Điện thoại chỉ đổ chuông liên hồi.

“Cô gọi lại sau được không?” Nhân viên tổng đài hỏi.

“Được,” Rachel đáp rồi cúp máy.

Cô đứng đó nhìn chăm chăm vào điện thoại.

Anh ta nói anh ta được cử đi để cảnh báo nhưng anh ta không thể can thiệp. Anh ta nói anh ta... con không biết nữa... anh ta ở gần bố vì họ đang ở cạnh nhau lúc linh hồn anh ta lùa... lùa...

“Là hồn lìa khỏi xác,” Rachel thì thầm. Ngón tay cô bầu vào giở sách. “Ôi Chúa ơi, có phải là cụm từ đó không?”

Cô cố chộp lấy suy nghĩ của mình, sắp xếp lại chúng. Phải chăng có điều gì đó đang diễn ra, một điều sâu xa hơn nỗi đau rất con người mà họ phải chịu khi mất đi Gage và chuyển đi từ

đầu này sang đầu kia đất nước chẳng khác nào trốn chạy này? Ellie biết bao nhiêu điều về cậu thanh niên qua đời vào ngày đầu tiên Louis đi làm?

Không gì hết, tâm trí cô nghiệt ngã đáp lại. Mà giấu chuyện này với con bé, như cách mà cố giấu tất tần tật những điều liên quan đến cái chết khỏi con – ngay cả việc chú mèo con bé nuôi có thể bị chết, mà nhớ lần hai vợ chồng lời qua tiếng lại đầy vớ vẩn và xuẩn ngốc trong nhà bếp chứ. Mà giấu chuyện này với con bé. Vì lúc đó mà sợ, bây giờ mà cũng sợ. Tên cậu ta là Pascow, Victor Pascow, và tình hình bi đát đến mức nào rồi, Rachel? Tệ hại đến mức nào rồi? Vì Chúa, chuyện gì đang xảy ra vậy?

Tay cô run bần bật, phải đến lần thứ hai cô mới có thể nhét đồng hai mươi lăm xu vào. Lần này, cô gọi cho trạm xá ở trường đại học thì được nối máy với Charlton, bà đồng ý trả tiền, có phần hoang mang. Không, bà chưa gặp Louis, với lại hôm nay anh mà đến thì bà sẽ bất ngờ lắm. Dứt lời, bà một lần nữa xin chia buồn cùng Rachel. Rachel cảm ơn rồi nhờ Charlton nhắn Louis gọi cho cô ở nhà ông bà ngoại nếu anh đến. Có, *anh ấy có số điện thoại*, cô trả lời câu hỏi của Charlton, không muốn nói với bà y tá (dù có lẽ bà ấy biết thừa; cô cảm giác Charlton là một phụ nữ rất nhạy bén) rằng nhà bố mẹ đẻ của cô cách đó nửa lục địa.

Cô cúp máy, người nóng bừng, run rẩy.

Chắc là con bé đã nghe thấy cái tên Pascow ở đâu đó, vậy thôi. Chúa ơi, mà đâu có nuôi con trong hộp kính như nuôi... nuôi hamster đâu. Con bé nghe thấy thông tin trên radio chẳng hạn. Hoặc có đứa bạn ở trường kể cho con bé, thế là nó lưu trong đầu. Cả

từ con bé không nói ra được – giả sử đó là một cụm từ khó phát âm như “hồn lìa khỏi xác” hoặc “hồn xiêu phách tán” chẳng nữa, cũng có sao? Điều đó chẳng chứng minh được gì ngoại trừ việc tiềm thức đúng là thứ giấy dán ruồi dính nhớp như người ta nói.

Cô nhớ một giảng viên tâm lý đại học từng quả quyết dưới những điều kiện đúng đắn, trí nhớ của chúng ta có thể lần ngược lại tên của tất cả những người chúng ta từng được giới thiệu, mọi món ăn ta từng ăn, mọi điều kiện thời tiết hằng ngày trong đời ta. Ông đưa ra lý do thuyết phục đối với khẳng định khó tin này, rằng tâm trí con người là chiếc máy tính với số lượng vi mạch nhớ nhiều đến choáng váng – không phải 16K, 32K hay 64K mà có lẽ là *một tỷ K*: đến một nghìn tỷ. Và mỗi “vi mạch” trong người chúng ta có thể chứa được bao nhiêu? Không ai biết rõ. Nhưng ông nói số lượng vi mạch nhiều đến độ chúng không cần phải xóa bớt dữ liệu để có thể tái sử dụng. Thật ra, tiềm thức của chúng ta phải tắt bớt đèn chiếu trên một vài vi mạch, một dạng cơ chế bảo vệ chúng ta khỏi phát rò vì thông tin. “Các bạn có thể sẽ không tài nào nhớ ra mình để tắt ở đâu,” giảng viên tâm lý nói, “nếu toàn bộ nội dung cuốn *Bách khoa toàn thư Anh Quốc* được trữ trên hai hoặc ba tế bào ký ức cạnh nhau.”

Điều này khiến cả lớp hòa theo cười cho có lệ.

Nhưng đây không phải lớp tâm lý học dưới những ngọn đèn huỳnh quang sáng trưng, trên bảng viết đủ loại từ chuyên môn để chịu, vài giáo sư trợ giảng ta đây hơn người vui vẻ đao to búa lớn trong mười lăm phút cuối tiết học. Ở đây có gì đó sai lầm đến cùng cực và mày biết điều đó – mày cảm nhận được nó. Mình không biết

nó liên quan đến Pascow, Gage, Church, nhưng nó có dính dáng đến Louis. Đó là gì? Có phải...

Bất thành linh, một suy nghĩ lạnh ngắt như thạch đập vào cô. Một lần nữa, cô nhấc ống điện thoại lên rồi mò mẫm trong đồng xu lẻ tìm đồng mười xu. Hay Louis đang nghĩ đến chuyện tự sát? Phải chăng đó là lý do anh để họ đi, gần như đuổi cổ họ ra cửa? Trước giờ Ellie có... có... ôi, có cái năng lực tâm linh chết tiệt này không! Đã bao giờ con bé tâm linh như vậy chưa?

Lần này, cô gọi cho ông Jud Crandall. Điện thoại đổ chuông năm lần... sáu lần... bảy lần. Cô đang tính cúp máy thì ông cụ lên tiếng, giọng đứt hơi. “A lộ?”

“Ông Jud! Ông Jud, là cháu...”

“Khoan đã, thưa quý khách,” tổng đài viên lên tiếng. “Ông có chấp nhận trả phí cho cuộc gọi từ bà Louis Creed không?”

“Ái chà,” ông Jud đáp.

“Xin lỗi ông, là có hay không?”

“Ta nghĩ ta sẽ bắt máy,” ông Jud đáp.

Có một khoảng lặng nghi ngại khi tổng đài viên dịch giọng New England sang giọng Mỹ. Đoạn cô lên tiếng: “Cảm ơn quý khách. Mời quý khách nói tiếp.”

“Ông Jud, hôm nay ông có gặp anh Louis không ạ?”

“Hôm nay à? Ta chưa, Rachel ạ. Sáng nay ta lên tận Brewer để mua hàng thiết yếu. Chiều nay thì ta lại ra chăm vườn tược sau nhà. Sao thế?”

“À, dạ không có gì đâu, chỉ là Ellie mơ thấy ác mộng trên máy bay và cháu nảy ra ý làm cho con bé yên lòng nhiều nhất có thể.”

“Máy bay à?” Giọng ông Jud thoáng đành lại. “Cháu đang ở đâu vậy Rachel?”

“Chicago ạ,” cô nói. “Ellie và cháu trở về nhà ông bà ngoại một thời gian.”

“Louis không đi với cháu sao?”

“Anh ấy sẽ đến vào cuối tuần,” Rachel đáp, chật vật lắm cô mới có thể giữ cho giọng mình bình thản. Trong giọng ông Jud có điểm gì đó cô không thích.

“Việc hai mẹ con đi chuyến này là ý tưởng của Louis à?”

“Dạ... phải. Ông Jud, có chuyện gì vậy? Có gì đó không ổn phải không? Ông biết gì đó thì phải.”

“Cháu kể cho ta nghe xem con bé nằm mơ thấy gì,” sau một hồi im lặng, ông Jud lên tiếng. “Giá mà cháu kể với ta.”

Sau khi nói chuyện với Rachel, ông Jud mặc áo khoác mỏng – mây mù bắt đầu kéo đến và gió đang nổi lên – băng qua đường về phía nhà Louis, trước khi qua, ông đứng lại bên vệ đường, quan sát kỹ xe tải. Xe tải là nguyên nhân gây ra bao nhiêu thương. Mấy chiếc xe tải chết tiệt.

Nhưng nguyên nhân thật sự không phải chúng.

Ông cảm nhận Nghĩa địa Thú cưng kéo ông lại – và một thứ đằng sau nó. Nếu trước đây, giọng nói ấy du dương tựa lời ru êm đềm, khơi gợi cảm giác dễ chịu và chứa đựng sức mạnh nửa hư nửa thực, thì lúc này, giọng nói ấy găm gù và đầy hiểm ác – nó đe dọa, đầy sát khí. *Nhà người đừng can dự vào.*

Nhưng ông không thể bàng quan đứng ngoài. Bởi trách nhiệm của ông trong vụ này quá nhiều.

Ông thấy chiếc Honda Civic của Louis không đậu trong gara. Ông vòng ra cửa sau xem thử thì thấy nó để ngỏ.

“Louis?” Ông gọi, dù biết Louis sẽ không trả lời, song ông cảm thấy mình cần cắt ngang không gian tĩnh mịch nặng như chì của căn nhà này. Ôi chao, đúng là già đi thật khiến người ta bức mình – tay chân lúc nào cũng nặng nề, vụng về, làm vườn

mới có hai giờ đồng hồ mà lưng đã hành ông lên bờ xuống ruộng, hông như vừa bị cắm mũi khoan xoắn.

Ông bước qua căn nhà một cách trình tự, tìm kiếm những dấu hiệu ông phải tìm – *kẻ đột nhập tư gia già nhất thế giới*, ông nghĩ mà chẳng thấy hài hước chút nào rồi đưa mắt nhìn. Ông không tìm thấy thứ nào khiến ông thực sự lo ngại: ví dụ như những hộp đồ chơi được giữ lại mà không quên góp cho Cứu Thế Quân, quần áo cho bé trai cất đằng sau cửa, trong tủ quần áo hoặc dưới gầm giường... tệ hại nhất có lẽ sẽ là một cái cũi vẫn được đặt cẩn thận trong phòng của Gage. Hoàn toàn không có bất kỳ dấu hiệu nào mà ông tìm kiếm, nhưng căn nhà vẫn phảng phất cảm giác trống trải hết sức khó chịu, như thể nó đang chực chờ được đổ đầy bằng... chà, bằng thứ gì đó.

Có lẽ mình phải chạy lên Nghĩa trang Pleasantview. Xem trên đó có xảy ra gì không. Khéo sẽ đụng mặt Louis Creed. Mình sẽ mời cậu ta bữa tối bay gì đó.

Song nguy hiểm không hiện diện ở Nghĩa trang Pleasantview tại Bangor; nguy hiểm đang ở ngay đây, trong căn nhà này và đằng sau nó.

Ông Jud rời khỏi đó rồi băng qua đường về nhà mình. Ông lôi một lốc bia từ tủ lạnh trong bếp ra rồi đem vào phòng khách. Ngồi trước ô cửa sổ trông thẳng ra căn nhà của gia đình Creed, ông khai một lon bia, châm một điếu thuốc. Đằng sau ông, trời chiều dần xuống, và cũng giống như rất nhiều lần trong mấy năm gần đây, tâm trí ông lại bất giác xoáy tròn, xoáy tròn trở về quá khứ, nếu ông biết mạch suy nghĩ trong đầu của Rachel Creed ban nãy, ông sẽ nói có lẽ những gì giảng viên tâm lý học

nói với cô là sự thật, nhưng tuổi càng xế bóng, chức năng chiếu sáng ký ức dần hỏng hóc từng chút một, giống như mọi thứ bên trong cơ thể ta dần rệu rã, và ta giật mình nhận ra ta hồi tưởng cảnh vật, gương mặt, sự kiện một cách chắc chắn đầy ma mị. Những ký ức cũ kỹ tông nâu đỏ chợt sáng bừng trở lại, màu sắc chân thực hân lên, giọng nói không còn rì rầm xa vắng mà lấy lại âm thanh nguyên bản. Ông Jud có thể nói với cô rằng đó hoàn toàn không phải là hỏng hóc về mặt thông tin. Cái tên cho tình trạng ấy là bệnh lão suy.

Trong đầu mình, ông Jud lại nhìn thấy con bò Hanratty của Lester Morgan, mắt nó đỏ ngầu, hùng hục lao vào mọi thứ trong tầm mắt, những thứ chuyển động. Hùng hục lao vào cây khi gió đung đưa cành lá. Trước khi Lester chạm ngưỡng chịu đựng và bắt con bò dừng lại, mọi cái cây trong bãi cỏ có rào chắn của Hanratty đã bị con vật ấu trĩ vận hết sức húc vào, sừng nó vỡ ra, còn đầu thì tứa máu. Khi Lester kết liễu Hanratty, Lester sợ đến phát bệnh – giống như ông Jud lúc này.

Ông uống bia và hút thuốc. Tịch dương phủ bóng. Nhưng ông không bật đèn. Dần dà, đầu điều thuốc của ông biến thành chấm đỏ le lói trong màn đêm. Ông ngồi uống bia, quan sát lối xe chạy nhà Louis Creed. Ông nghĩ khi Louis trở về nhà từ bất cứ nơi nào anh đã đi, ông sẽ bước qua, bàn luận đôi chút với anh. Đảm bảo Louis không toan tính làm điều gì không nên.

Dẫu vậy, ông vẫn cảm nhận thấy có thứ gì đó khế kéo mình, một thứ sức mạnh bệnh hoạn cư ngụ tại nơi ma quỷ ấy, vươn xuống từ vực đá thối nát nơi tất cả những ụ đá kia được đắp nên.

Nhà người đừng can dự vào. Đừng can dự vào kẻ người sẽ rất, rất hối tiếc đấy. Giọng nói ấy như sương như khói ngân vang từ ngôi mộ toang hoác.

Cố hết sức lờ nó đi, ông Jud cứ thế ngồi hút thuốc, uống bia. Và chờ đợi.

Trong lúc ông Jud Crandall ngồi trên ghế bập bênh, nhìn ra ngoài cửa sổ chờ anh, trong khi Rachel và Ellie tiến đến đường cao tốc thu phí về nhà ông bà Goldman (Rachel không ngừng mân mê móng tay, chẳng tài nào rũ bỏ được cảm giác khiếp đảm; còn Ellie thì ngồi im như tượng, mặt trắng bệch), Louis ăn một bữa tối nhạt nhẽo, được cái khẩu phần lớn, trong phòng ăn của nhà nghỉ Howard Johnson.

Thức ăn ê hề và vô vị; đúng những thứ cơ thể anh có vẻ muốn lúc này. Bên ngoài, trời đã tối. Đèn pha của những chiếc xe ô tô chạy ngang qua lần mò như những ngón tay. Anh ngẫu nhiên nuốt đồ ăn. Nào bí tết. Nào khoai tây nướng. Món đậu ăn kèm màu xanh trông tươi đến độ chẳng tự nhiên chút nào. Miếng bánh táo cùng một viên kem bên trên đang chảy thành đồng nhẽo nhoẹt. Anh ngồi ăn trong góc, nhìn thực khách đến rồi đi, tự hỏi nhờ đâu mình bắt gặp người quen. Một cách mơ hồ, anh hy vọng điều đó sẽ xảy ra. Bởi nó sẽ dẫn đến các câu hỏi – *Rachel đâu rồi, anh đang làm gì ở đây, tình hình sao rồi?* – và biết đâu những câu hỏi ấy sẽ dẫn đến lắm điều phức tạp, và có khi chính những điều phức tạp là thứ anh thực sự muốn. Một lối thoát.

Và trong thực tế, một cặp đôi anh có quen biết bước vào ngay lúc anh đang ăn nốt miếng bánh táo và uống ly cà phê thứ hai. Rob Grinnell, một bác sĩ ở Bangor cùng cô vợ xinh đẹp, Barbara. Anh đợi họ trông thấy mình ngồi trong góc ở bàn ăn một người, nhưng cô phục vụ lại dẫn họ đến một gian ở phía bên kia căn phòng, khiến họ hoàn toàn khuất khỏi tầm mắt của Louis, ngoại trừ thỉnh thoảng, anh liếc qua vẫn thấy loáng thoáng mái tóc bạc sớm của ông Grinnell.

Phục vụ mang hóa đơn ra cho Louis. Anh ký tên, điền số phòng bên dưới chữ ký rồi ra bằng cửa phụ.

Bên ngoài, trời nổi gió cuộn cuộn. Gió cứ đều đều thốc qua, khiến dây điện ngân lên bài ca kỳ dị. Anh thấy không sao, nhưng có cảm giác mây đang hồi hải bay qua đầu. Louis đứng trên vỉa hè một lúc, hai tay đút túi, đầu nghiêng theo gió. Đoạn anh quay ngược lại, lên phòng rồi mở ti vi. Giờ vẫn còn quá sớm để thực hiện những công việc hệ trọng, và cơn gió đêm nay hàm chứa quá nhiều khả năng. Nó khiến anh lo ngại.

Anh xem ti vi bốn tiếng đồng hồ, tám chương trình hài kịch nửa tiếng chiếu liên tục. Anh nhận ra đã rất lâu rồi anh mới xem ti vi liên tù tù một khoảng thời gian dài, không ngắt quãng như vậy. Anh nghĩ tất cả những nhân vật nữ chính trong phim hài tình huống chỉ giỏi “thả thính” — từ mà anh và bạn bè hay dùng thời trung học.

Ở Chicago, bà Dory Goldman gào lên, “Bay về lại? Con ơi, sao con lại muốn bay về lại? Con chỉ vừa mới tới thôi mà!”

Ở Ludlow, ông Jud Crandall ngồi bên cửa sổ, lặng lẽ hút thuốc, uống bia, sẫm soi cuốn sổ quá khứ trong tâm trí của

mình và đợi Louis về nhà. Chẳng sớm thì muộn, Louis cũng sẽ về nhà thôi, như Lassie trong bộ phim xưa. Để đến Nghĩa địa Thú cưng vẫn còn nhiều con đường khác, song Louis không biết. Nếu đã lên kế hoạch, anh sẽ phải khởi hành từ sân nhà mình.

Không hề hay biết những sự kiện trên, tựa tên lửa chậm rãi di chuyển tới đích đến, song cái đích ấy không phải nơi anh đang có mặt mà là nơi anh sẽ đến, theo đúng kiểu của tên lửa đạn đạo, Louis cứ thế ngồi xem chương trình chiếu trên chiếc tivi màu trong nhà nghỉ Howard Johnson. Trước đây, anh chưa từng xem mấy chương trình này, chỉ lơ mờ nghe dăm ba câu bàn tán về chúng: một gia đình da đen, một gia đình da trắng, một đứa trẻ sống cùng những người lớn giàu có nhưng thông minh hơn họ bội phần, một phụ nữ cô đơn lẻ bóng, một phụ nữ đã cưới chồng, một phụ nữ đã ly hôn. Rồi nhóm ba cô gái thám tử chuyên mặc áo cổ yếm đi điều tra phá án. Anh ngồi trên ghế, xem tất tần tật, thỉnh thoảng lại liếc ra bên ngoài nhìn trời đêm cuộn gió.

Khi chương trình thời sự mười một giờ bắt đầu, anh tắt tivi rồi lên đường thực hiện điều mà anh đã quyết định làm, có lẽ từ ngay khoảnh khắc anh trông thấy mũ lưỡi trai của Gage nằm trên đường, đầy máu. Cái lạnh bao trùm lấy anh, mạnh bạo hơn bao giờ hết; nhưng có thứ gì đó bên dưới – ngọn lửa âm ỉ của háo hức, của khát khao, thậm chí là thèm khát. Điều đó không quan trọng. Nó ủ ấm cho anh khỏi giá lạnh, giữ cho anh kiên cường trước gió dữ. Khi khởi động động cơ chiếc xe Honda, anh thầm nghĩ có lẽ ông Jud nói đúng, rằng sức mạnh của nơi ấy

càng lúc càng lớn lao; bởi anh cảm thấy rõ ràng nó đang bao phủ lấy anh, dẫn dắt (hoặc đẩy) anh tới, để rồi anh tự hỏi:

Liệu mình có dừng được không? Liệu mình có dừng được nếu mình muốn không?

Louis đánh xe đi.

“Con muốn làm gì kia?” Bà Dory hỏi lại lần nữa. “Rachel... con đang đau buồn... ngủ một giấc...”

Rachel chỉ lắc đầu nguầy nguậy. Cô không thể nào giải thích cho mẹ mình lý do cô phải quay lại. Cảm giác ấy dâng lên trong cô như trời nổi gió – ban đầu cỏ cây xào xạc, chẳng ai để ý; đoạn không khí bắt đầu chuyển động ráo riết hơn, mạnh mẽ hơn, tĩnh lặng không còn nữa; đoạn gió mạnh đến mức tạo ra tiếng thét gào ma mị giữa những tán lá; đoạn gió quật vào khiến nhà rung lắc và ta nhận ra bão sắp đến, và nếu gió tiếp tục mạnh lên, thế nào cũng có thứ ngã đổ.

Ở Chicago đang là sáu giờ. Ở Bangor, lúc ấy, Louis vừa ngồi xuống ăn bữa tối nhạt nhẽo nhưng đầy ụ của mình. Rachel và Ellie chẳng bỏ bụng được chút nào. Cứ mỗi lần ngẩng lên từ đĩa thức ăn, Rachel lại bắt gặp ánh mắt đau đáu của con gái, hỏi cô định làm gì với vũng lầy mà bố đang sa vào, hỏi cô dự tính làm gì.

Cô đợi điện thoại reo, chờ ông Jud gọi cho cô và báo Louis đã về nhà. Có một lần, điện thoại đổ chuông – cô giật nảy, còn Ellie suýt chút nữa làm đổ ly sữa – nhưng người gọi tới chỉ là một

người bạn ở câu lạc bộ bài bridge của bà Dory, hỏi thăm bà đã về nhà bình an hay chưa.

Cả nhà đang uống cà phê thì bất thành lình, Rachel vút khăn ăn xuống rồi lên tiếng, “Bố... Mẹ... Con xin lỗi, nhưng con phải về nhà. Nếu có chuyến bay, tối nay con đi luôn.”

Bố mẹ há hốc nhìn cô, còn Ellie nhắm mắt với vẻ nhẹ nhõm rất người lớn – nếu làn da cô bé không nhợt nhạt và búng beo thì hằn nét mặt ấy trông sẽ rất ngộ nghĩnh.

Hai ông bà không hiểu đầu cua tai nheo ra sao, mà Rachel cũng không cắt nghĩa rõ ràng, giống như việc ta khó lòng giải thích bằng cách nào những cơn gió hiu hiu, ban đầu chỉ có thể lay động ngọn cỏ, dần dà tích tụ sức mạnh, đến một lúc nào đó, chúng có thể hất đổ một tòa nhà dựng bằng thép. Cô không cho rằng Ellie đã nghe tin tức về cái chết của Victor Pascow rồi trử nó trong tiềm thức.

“Rachel. Con yêu,” bố cô chập rãi lên tiếng, hiền từ, như cách ta nói với người đang có khả năng rơi vào hoảng loạn, tuy nhất thời nhưng nguy hiểm. “Tất cả chỉ là phản ứng trước sự ra đi của con trai con mà thôi. Cả con và Ellie đều đang phản ứng rất mạnh mẽ với điều đó, nhưng ai có thể trách cứ các con chứ? Nhưng cú thế này, con sẽ quy ngã mất...”

Rachel không trả lời ông. Cô đi thẳng đến điện thoại trong hành lang, tìm từ HÃNG HÀNG KHÔNG trong cuốn danh bạ rồi quay số của hãng Delta trong lúc bà Dory đứng sát bên cạnh, khuyên nhủ con gái từ từ nghĩ cho kỹ đã, để cả nhà bàn bạc với nhau, có lẽ nên lên danh sách... Ellie đứng đằng sau, khuôn mặt

tối tăm – nhưng giờ nó đã được thắp sáng nhờ hy vọng, từ đó Rachel cũng can đảm hơn.

“Hãng hàng không Delta xin nghe,” đầu dây bên kia vui tươi cất tiếng. “Tôi là Kim, tôi có thể giúp gì cho quý khách?”

“A lô,” Rachel đáp. “Tôi cần bay gấp từ Chicago về Bangor trong tối nay, chuyện này cực kỳ quan trọng. Tôi e đây là... là tình huống khẩn cấp. Cô có thể kiểm tra các chuyến bay quá cảnh giúp tôi không?”

Tổng đài dè dặt đáp: “Vâng, thưa quý khách, nhưng như vậy gấp quá.”

“Cứ kiểm tra giúp tôi đi đã,” Rachel nói, giọng hơi gắt lên. “Tôi mua vé dạng chờ hay gì cũng được.”

“Được, thưa quý khách. Xin chờ trong giây lát.” Đầu dây bên kia im lặng.

Rachel nhắm mắt, bỗng cô cảm thấy một bàn tay mát lạnh nắm lấy cánh tay mình. Mở mắt ra, cô trông thấy Ellie đã tiến đến bên cạnh. Ông Irwin và bà Dory đứng cạnh nhau, rì rầm trao đổi trong lúc nhìn hai mẹ con. *Ánh mắt ấy là ánh mắt nhìn những người mà ta nghi bị điên*, Rachel mệt mỏi nghĩ. Cô gắng sức nở nụ cười với Ellie.

“Đừng để ông bà ngăn mẹ lại,” Ellie thì thầm nói. “Con xin mẹ.”

“Không đâu, chị cả,” Rachel nói rồi nhăn mặt – kể từ khi Gage ra đời, hai vợ chồng cô hay gọi con bé như vậy. Nhưng giờ thì cô bé không còn là chị cả của ai nữa, chẳng phải sao?

“Cảm ơn mẹ,” Ellie nói.

“Chuyện này rất quan trọng phải không con?”

Ellie gật đầu.

“Con yêu, mẹ tin nó rất quan trọng. Nhưng nếu con nói cho mẹ cụ thể hơn thì tốt quá. Chỉ là mỗi giấc mơ thôi sao?”

“Không ạ,” Ellie đáp. “Giờ... giờ nó là tất cả mọi thứ. Giờ nó chảy qua người con. Mẹ không cảm thấy nó sao? Nó như..”

“Nó như cơn gió.”

Ellie run rẩy thở dài.

“Nhưng con không biết đó là gì à? Con không nhớ điều gì khác về giấc mơ của con sao?”

Ellie suy nghĩ thật lung rồi dè dặt lắc đầu. “Bố. Church. Và Gage. Con chỉ nhớ có vậy. Nhưng con không nhớ làm sao họ lại đi với nhau, mẹ ạ!”

Rachel ôm con thật chặt. “Mọi chuyện sẽ ổn thôi,” cô nói. Song tảng đá trong lòng cô chẳng vơi bớt.

“Thưa quý khách,” nhân viên đặt vé lên tiếng.

“Tôi nghe?” Rachel siết chặt hai tay, cả bàn tay nắm tay Ellie và tay cầm điện thoại.

“Tôi có thể sắp chuyến bay đến Bangor cho chị – nhưng chị sẽ phải đi chuyến rất trễ.”

“Không sao cả,” Rachel đáp.

“Chị có bút ở đó không? Hơi phức tạp ạ.”

“Có, tôi có đây,” Rachel nói rồi lấy mẫu bút chì từ trong ngăn kéo. Cô tận dụng luôn mặt sau của bì thư.

Rachel lắng nghe thật cẩn thận rồi viết lại mọi thứ. Khi nhân viên hàng không nói xong, Rachel khẽ mỉm cười rồi vòng ngón trỏ cùng ngón cái thành chữ O cho Ellie thấy mọi chuyện

sẽ đâu vào đấy. Có lẽ sẽ đâu vào đấy, cô sửa lại. Một vài chuyến quá cảnh có vẻ rất, rất đông khách... nhất là ở Boston.

“Nhờ cô đặt hết cho tôi,” Rachel nói. “Cảm ơn cô.”

Cô nhân viên Kim lấy tên và số thẻ tín dụng của Rachel. Cuối cùng, Rachel cúp máy, mệt mỏi nhưng nhẹ nhõm. Cô quay sang nhìn bố. “Bố ơi, con nhờ bố chở con đến sân bay được không?”

“Có lẽ bố nên từ chối,” ông Goldman nói. “Bố nghĩ bố có nghĩa vụ đặt dấu chấm hết cho sự điên rồ này.”

“*Ông không được làm vậy!*” Ellie rít lên. “Chẳng có gì điên rồ! Không hề!”

Chớp mắt, ông Goldman đoạn lùi lại trước cơn bộc phát nhỏ nhưng hết sức dữ dội này của cô cháu gái.

“Đưa con đi đi, ông Irwin,” bà Dory khẽ lên tiếng, phá vỡ bầu không khí im lặng. “Tôi cũng bắt đầu cảm thấy lo lắng rồi. Nếu biết Louis vẫn ổn thì tôi sẽ an tâm hơn.”

Ông Goldman trợn mắt nhìn vợ mình, cuối cùng quay sang Rachel. “Bố sẽ đưa con đi, nếu đó là điều con muốn,” ông nói. “Bố... Rachel, bố sẽ đi cùng con, nếu con muốn.”

Rachel lắc đầu. “Cảm ơn bố, nhưng ghế con đặt được toàn là ghế cuối. Như thể Chúa chùa chúng cho con vậy.”

Ông Irwin Goldman thở dài. Khoảnh khắc ấy, nhìn ông già hằn, và Rachel chợt nhận ra trông bố cô giống ông Jud Crandall đến lạ.

“Con có thời gian để sắp xếp một túi đồ nếu con muốn,” ông nói. “Bố con mình có thể đến sân bay trong bốn mươi phút, nếu

bố lái như thời bố mẹ mới về xây tổ ấm. Bà lấy túi vải cho con đi, bà Dory.”

“Mẹ ơi,” Ellie cất tiếng. Rachel quay sang con gái. Mặt của Ellie lấm tấm mồ hôi.

“Sao vậy con yêu?”

“Mẹ cẩn thận nhé,” Ellie căn dặn. “Mẹ phải hết sức cẩn thận.”

Hàng cây như những cái bóng lay động dưới bầu trời vùn vụt mây, chiếu sáng nhờ ánh đèn từ sân bay cách đó không xa. Louis đậu chiếc Honda trên đường Mason, con đường này bọc phía Nam nghĩa trang Pleasantview, và ở đây, gió cuộn cuộn đến nỗi gần như đủ sức giật cửa xe khỏi tay anh. Anh phải đẩy mạnh mới đóng được cửa. Gió phần phật quất vào áo khoác khi anh mở cửa sau của chiếc Honda và lấy tấm vải bạt anh đã cắt bọc quanh dụng cụ.

Anh đang đứng trong khoảng tối giữa hai ngọn đèn đường, ngay lề đường với đồng hồ lê quần trong tấm vải bạt trên tay, cẩn thận nhìn xe cộ trước khi băng qua đường về phía hàng rào sắt uốn đánh dấu ranh giới của nghĩa trang. Anh cố hết sức để không ai phát hiện ra mình, thậm chí dù người ta có để ý đến thì cũng quên bằng ngay giây sau. Bên cạnh anh, cành đu cổ thụ cứ thế rền rĩ trong gió, khiến Louis nghĩ đến những trường hợp tự ý xét xử phạm nhân bằng hình thức treo cổ. Chúa ơi, anh sợ quá. Đây không phải núi việc mà là việc của kẻ điên.

Không một bóng xe cộ. Bên phía đường Mason, đèn đường vẽ thành những vòng tròn trắng, chiếu ánh sáng lên vỉa hè, nơi sau giờ học ở trường tiểu học Fairmount, các cậu bé đạp xe, các

cô bé sẽ nhảy dây và chơi lò cò, chẳng để ý đến nghĩa trang nằm gần đó, trừ khi đến Halloween, bởi lúc ấy, nghĩa địa có vẻ gì đó thật ma mị và kỳ bí. Có lẽ chúng sẽ thách đố nhau bước qua con đường ngoại ô ấy và treo một bộ xương bằng giấy lên những thanh sắt uốn của hàng rào cao ngất kia, khúc khích cười trước những câu đùa xưa cũ: *Đây là nơi nổi tiếng nhất thị trấn, người ta chết lên chết xuống mới được vào. Tại sao cười đùa trong nghĩa địa là tội lỗi cơ chứ. Vì những người sống nơi đây đều đang nhắm mắt ngủ.*

“Gage,” anh lầm bầm. Gage đang nằm trong đó, đằng sau hàng rào sắt uốn, thật không công bằng khi thằng bé bị cầm tù dưới lớp đất tối đen. *Bố sẽ giải thoát con, Gage ạ, anh nghĩ. Bố sẽ giải thoát con, hoặc bố thử rồi chết cũng được.*

Louis băng qua đường, tay ôm mớ dụng cụ nặng nề, đoạn bước lên lề đường bên kia, liếc trái nhìn phải thêm lần nữa, rồi vút bọc vải bạt qua hàng rào. Nó khẽ kêu lanh canh khi rơi xuống đất. Louis phủi tay bước đi. Anh đã đánh dấu vị trí nơi này trong đầu. Dẫu có quên chẳng nữa, anh chỉ việc vào trong, men theo hàng rào đến đối diện chiếc Civic là thể nào anh cũng vấp trúng đồ của mình.

Nhưng trẻ thế này rồi, liệu cổng còn mở không nhỉ?

Anh đi xuống đường Mason, đến biển báo dừng lại, gió đuổi theo anh, ngoạm vào gót chân. Những cái bóng rung rinh nhảy múa, cuộn xoắn vào nhau trên đường.

Anh bọc theo góc quanh ra đến đường Pleasant, vẫn lần theo hàng rào. Trông thấy ánh đèn pha xe ô tô loang loáng chiếu lên đường, Louis nhanh nhẩu nấp đằng sau một cây du. Không

phải xe cảnh sát mà chỉ là một chiếc xe tải chạy về phía đường Hammond và có lẽ là chạy về phía cao tốc. Khi chiếc xe đã khuất dạng, Louis mới bước tiếp.

Tất nhiên cổng không khóa rồi. Chắc chắn là thế.

Anh đi đến cánh cổng mang hình dạng thánh đường bằng sắt uốn, duyên dáng, tráng lệ dưới những cái bóng xào xạc gió do đèn đường hắt lại. Vươn tay đến, anh đẩy thử.

Cổng bị khóa.

Đồ ngu ngốc, tất nhiên là cổng bị khóa rồi – mà nghĩ có kẻ nào lại để ngõ cổng nghĩa trang nằm trong địa phận một thành phố nước Mỹ sau mười một giờ đêm không? Giờ người ta đa nghi lắm, chẳng như xưa đâu, bạn hiền. Thế mà tính sao đây?

Đến nước này thì anh phải trèo rào, chỉ mong mọi người dân mắt xem chương trình của Carson chứ không liếc sang và nhác thấy anh leo lên rào sắt uốn như đứa trẻ già nhất, chậm nhất thế giới.

A lô, cảnh sát đấy à? Tôi trông thấy một đứa trẻ già nhất, chậm nhất thế giới trèo vào nghĩa trang Pleasantview. Trông anh ta đang trầy trật chết lên chết xuống để vào trong. Phải, trông tình hình căng đấy. Đùa á? Ô không, tôi nghiêm túc đến chết đi được. Anh xuống bởi móc mà xem.

Louis đi tiếp về phía đường Pleasant rồi rẽ phải ở ngã giao tiếp theo. Hàng rào sắt cao sánh bước bên cạnh anh. Gió thổi mát rượi những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán và chỗ trũng thái dương anh rồi khiến chúng bay hơi. Bóng anh lúc to lúc nhỏ theo ánh đèn đường. Thỉnh thoảng, anh liếc qua hàng rào, đoạn anh dừng lại, buộc bản thân phải *nhìn* nó thật lung.

Mày định trèo rào thật sao? Đừng khiến tao tức cười như thế chứ. Louis Creed vốn cao ráo, gần một mét chín, nhưng hàng rào dễ phải đến hai mét bảy, đỉnh mỗi thanh sắt uốn lại chĩa như mũi tên mang tính thẩm mỹ. Ừ thì thẩm mỹ, cho đến khi ta vô tình trượt tay lúc lảng chân qua và lực sinh ra khi ta bất ngờ thả hai tạ thật khiến một trong những đầu mũi tên ấy cắm thẳng vào háng, làm tinh hoàn ta nổ tung. Rồi đẹp mặt chưa, ta bị xiên như con heo ở bữa tiệc nướng, gào rống lên cho đến khi có người báo cảnh sát và họ đến giúp ta xuống, đưa ta vào bệnh viện.

Mồ hôi tiếp tục túa ra, khiến chiếc áo anh đang mặc bết vào lưng. Bốn bề lặng như tờ, chỉ có tiếng xe cộ ầm ầm chạy trên con đường khuya Hammond.

Phải có cách để vào bên trong.

Chắc chắn *phải* có.

Thôi nào, Louis, chấp nhận sự thật đi. Có thể mày điên, nhưng chưa điên đến mức ấy. Có thể mày đủ sức trèo lên đỉnh hàng rào, nhưng phải là vận động viên thể dục dụng cụ nhà nghề may ra mới thể đu qua những mũi hàng rào nhọn hoắt ấy mà không chạm phải chúng. Và cứ cho là mày vào được chẳng nữa, mày tính làm thế nào để thoát ra và mang xác Gage ra ngoài?

Anh tiếp tục bước đi, lơ mơ ý thức mình đang lòng vòng quanh nghĩa trang nhưng chưa được tích sự gì.

Được rồi, đáp án là thế này. Tối nay mình sẽ về nhà ở Ludlow, rồi mai quay lại đây, vào buổi chiều muộn. Mình sẽ bước qua cổng vào khoảng bốn giờ, tìm một nơi ẩn nấp cho đến nửa đêm hoặc trễ

hơn một chút. Nói cách khác, mình sẽ dời sang ngày mai điều đáng lý phải xử trong hôm nay.

Thầy dạy chí phải, thưa thầy Louis hiền minh... vậy thầy cho hỏi tôi phải làm thế nào với cái đồng đồ lễ to tổ chẳng mà tôi vút qua tường rào ban nãy? Nào cuốc, nào xẻng, nào đèn pin... thôi ta đóng luôn dòng chữ DỪNG CỤ TRỘM MỘ lên từng món đồ cho rồi.

Nó rơi xuống bụi cây mà. Ai tìm thấy kia chứ, vì Chúa?

Ngẫm lại thì điều đó quả chỉ lý. Nhưng đây không phải công việc bình thường, và thâm tâm anh quả quyết anh không thể quay lại vào ngày mai. Nếu không thực hiện vào tối nay, anh sẽ không bao giờ làm được. Anh sẽ không bao giờ có thể lên đây cọt cho bản thân đến mức điên rồ thế này. Đây chính là thời điểm vô tiền khoáng hậu, cơ hội duy nhất anh có.

Hướng anh đang đi có ít nhà hơn – thỉnh thoảng lại có một ô cửa chiếu ánh đèn vàng bên kia con đường, có lúc anh còn trông thấy ti vi đen trắng chớp xám xanh – nhìn qua hàng rào, anh trông thấy những ngôi mộ xem ra lâu đời hơn, mòn hơn, cái thì nghiêng trước, cái thì ngả sau do dải dầu sương gió. Trước đó có một biển báo dừng, rẽ phải thêm lần nữa, anh tiến ra con đường gần như song song với đường Mason chỗ anh bắt đầu đi. Giờ quay lại vạch xuất phát rồi, anh biết làm gì đây? Thu thập hai trăm đô-la rồi làm thêm vòng nữa à? **[19E]** Chấp nhận thất bại ư?

Có ánh đèn pha ô tô rẽ xuống, và Louis lại nấp sau một thân cây chờ nó đi qua. Chiếc xe này di chuyển chậm như rùa, đoạn ánh đèn trắng rọi ra từ ghế hành khách, chạy dọc theo hàng rào

sắt uốn. Tim anh thắt lại đến phát đau trong lồng ngực. Là xe cảnh sát đi tuần ở nghĩa trang.

Anh áp người sát rạt vào thân cây, lớp vỏ xù xì của nó chà vào má, điên cuồng hy vọng thân cây đủ to để chặn mình. Đèn rọi tới chỗ anh.

Louis cúi đầu xuống, cố giấu khuôn mặt trắng nhờ của mình. Đèn chiếu vào cây, thoáng biến mất rồi rọi bên phải Louis. Anh lách quanh cái cây một chút để né khỏi tầm nhìn của chiếc xe. Trong thoáng chốc, anh liếc thấy nóc chiếc xe tuần tra bị rộp thành những mảng đen. Anh đợi đèn chiếu hậu lóe đỏ, đợi cửa mở ra, đợi đèn rọi bất thành lình quay ngược trên khớp cầu, ráo riết truy đuổi anh như ngón tay trắng khổng lồ. Này anh kia! Anh đứng đằng sau cây đó! Bước ra nơi chúng tôi có thể trông thấy, giơ hai tay lên! Bước ra NGAY!

Xe ô tô cứ thế chạy tiếp. Đến góc đường, chiếc xe xi nhan theo đúng luật rồi rẽ trái. Louis rạp người xuống thân cây, thở hồng hộc, miệng chua ngắt và khô khốc. Anh đoán họ sẽ tuần tra ngang qua chiếc Honda của anh, nhưng không thành vấn đề. Đâu xe trên đường Mason từ sáu giờ tối đến bảy giờ sáng là hợp pháp. Có rất nhiều chiếc khác đậu cùng xe anh. Chủ nhân của chúng sống trong những căn hộ rải rác phía bên kia con đường.

Louis vô tình ngược nhìn cái cây mình nấp đằng sau.

Ngay trên đầu anh, cành cây đâm ra. Anh đoán anh có thể...

Không cho phép bản thân mình suy tính sâu xa thêm nữa, anh vọt đến chạc cây rồi đu người lên, hai chân mang giày tennis quẫy đạp tìm chỗ bám khiến vỏ cây rơi lả tả xuống đất.

Anh đưa được đầu gối lên, và chốc sau, anh đã vắt được một chân qua chạc cây. Rủi may xe cảnh sát vòng lại, đèn chiếu của họ sẽ phát hiện con chim kỳ cục lạ thường trên cây. Anh phải liệu mà gấp rút di chuyển.

Anh rướn người lên một cành cây cao hơn, nhô qua đỉnh hàng rào. Chợt anh cảm thấy mình như cậu bé mười hai tuổi năm xưa. Cây không đứng yên mà đung đưa liên tục, gần như hòa mình trong cơn gió hun hút. Cành lá xào xạc, rì rầm. Louis đánh giá tình hình rồi trước khi nhứt chí, anh thả người vào không trung, hai tay đan vào nhau giữ lấy cành cây. Cành cây này to hơn cánh tay một người lực lưỡng đôi chút. Đôi giày đung đưa cách vỉa hè hai mét rưỡi, anh vươn tay rướn đến hàng rào. Cành cây nghiêng xuống nhưng không có dấu hiệu gãy. Anh lơ mơ ý thức bóng mình đổ lên vỉa hè xi măng đằng sau, một bóng đen vô định hình. Gió thổi phần dưới cánh tay nóng bừng của anh mát lạnh, và anh nhận ra mình đang run lẩy bẩy mặc dù mồ hôi túa ra trên mặt và cổ. Cành cây ngã xuống và lắc lư theo chuyển động của anh. Anh càng di chuyển ra xa, độ nghiêng càng lớn. Bàn tay và cổ tay anh bắt đầu mỏi, anh sợ lòng bàn tay nhớp nhúa mồ hôi của mình sẽ trượt mất.

Anh rướn người đến hàng rào. Đôi giày tennis của anh đung đưa dưới mũi hàng rào chừng ba mươi phân. Nhìn từ góc độ này, mũi hàng rào trông không còn chút nào mà nhọn hoắt. Song dù nhọn hay không, anh chợt nhận ra tinh hoàn của anh không phải thứ duy nhất chịu kiếp ngàn cân treo sợi tóc. Nếu anh ngã thẳng vào hàng rào, trọng lượng của anh đủ để khiến một trong những ngọn lao ấy đâm lủng phổi. Cảnh sát mà trở

lại sẽ phát hiện một món phụ kiện trang trí Halloween sớm thừa độ rùng rợn trên hàng rào nghĩa trang Pleasantview.

Hơi thở dồn dập, chưa đến nỗi hỗn hển, anh vươn chân đến mũi hàng rào để nghỉ ngơi một chút. Anh cứ thế lơ lửng, đôi chân múa may quay cuồng trong không trung, tìm nhưng mãi chẳng thấy.

Ánh đèn mạnh nha trên người anh rồi phình lên.

Ôi Chúa ơi, có xe, một chiếc xe đang đến....

Anh luống cuống dịch tay tới trước nhưng không may lòng bàn tay bị trượt. Giây trước, những ngón tay còn đan vào nhau thì giây sau da bung ra.

Hốt hoảng tìm chỗ bám, anh quay đầu sang trái, nhìn xuống dưới cánh tay mỗi nhừ của mình. Đúng là xe ô tô, nhưng chiếc xe lao thẳng đến ngã giao trên dốc mà không buồn giảm tốc. May quá. Nếu nó...

Anh trượt tay thêm lần nữa, cảm thấy vỏ cây rơi xuống tóc mình.

Một chân anh tìm được điểm tựa, nhưng không may ống quần chân kia lại mắc vào đỉnh hàng rào. Chưa kể, lạ Chúa, anh không còn sức để bám lâu hơn nữa. Quýnh quá hóa liều, Louis giật chân thật mạnh. Cành cây ngã xuống. Hai tay anh lại bị trượt. Có tiếng vải rách toạc, và rồi anh đứng trên hai mũi hàng rào. Chúng đâm vào đế giày của anh, áp lực đè xuống khiến anh đau nhói, nhưng Louis vẫn đứng trên rào một lúc. Bàn tay và cánh tay được thoải mái, chân đau cũng không sá gì.

Trông mình chắc dị lắm, Louis thích thú nhủ thầm, tâm trạng u ám. Tay trái nắm lấy cành cây, anh chúi tay phải vào áo

khoác. Đoạn anh đổi tay, chùi tay trái trong lúc níu bằng tay phải.

Anh đứng trên mũi hàng rào lâu hơn một chút rồi trượt tay dọc theo cành cây. Kích thước của cành cây vừa vặn để anh có thể thoải mái đan ngón tay vào nhau. Anh đu người tới trước như Tarzan, chân buông đầu hàng rào. Cành cây ngã xuống đầy báo động, chưa kể anh còn nghe thấy tiếng rắc báo hiệu điểm hung. Anh thả tay, nhắm mắt nhắm mũi rơi tự do.

Anh tiếp đất bung bét. Một bên đầu gối đập vào bia mộ, khiến cơn đau như hoạn chạy lên đùi anh. Anh ôm gối lăn lông lốc trên cỏ, môi bạnh ra, thậm chí cầu mong xương bánh chè chưa bị vỡ. Mãi sau cơn đau cũng dịu bớt, anh thử thì thấy khớp gối vẫn có thể xoay. Có lẽ nếu anh cứ tiếp tục di chuyển, không cho nó cứng lại thì tình hình sẽ ổn thỏa. Hy vọng thế.

Lồm cồm đứng dậy, anh bắt đầu đi dọc theo hàng rào về phía đường Mason và đóng đồ lẻ của mình. Mới đầu, đầu gối còn đau khiến anh đi cà nhắc, nhưng dần dà, nó không nhức nhối nữa mà chỉ còn đau âm ỉ. Trong hộp sơ cứu của chiếc xe Honda có để sẵn aspirin. Biết vậy anh đã mang theo. Nhưng chẳng nào sự cũng đã rồi. Anh cẩn thận dè chừng xe ô tô chạy và lùi sâu vào nghĩa trang khi có xe đi ngang qua.

Phía đường Mason đông đúc xe cộ qua lại hơn, anh giữ khoảng cách với hàng rào cho đến khi đối diện chiếc Civic. Dặm bước đến hàng rào lôi bộ đồ lẻ của mình ra khỏi bụi cây thì anh nghe thấy tiếng bước chân trên vỉa hè và tiếng cười khúc khích của một phụ nữ. Anh ngồi chồm hổm sau một bia mộ cỡ lớn – ngồi xuống khiến đầu gối anh đau như cắt – quan sát một cặp

đôi đi lên đường Mason. Vừa đi, họ vừa đưa tay ôm eo nhau, và cảnh tượng họ di chuyển từ vũng ánh sáng trắng này tới vũng ánh sáng trắng khác gợi cho anh nhớ về một chương trình truyền hình nào đó ngày xưa. À, anh nhớ ra rồi. Là chương trình hài kịch Giờ Jimmy Durante. Không biết họ sẽ phản ứng ra sao nếu anh nhào ra, bóng đen chập chờn trong thành phố câm lặng của người chết và hét toáng lên với họ: “Chúc ngủ ngon, bà Calabash, dù bà đang ở đâu!”[20E]

Họ dừng chân ngay vũng ánh sáng trước xe anh rồi ôm nhau thăm thiết. Vừa theo dõi họ, Louis vừa cảm thấy kỳ khôi, cảm ghét bản thân mình. Anh đang ngồi đây, lom khom đằng sau bia mộ như một nhân vật người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm trong thứ truyện tranh ba xu nào đó theo dõi những kẻ yêu nhau. Lăn dây mảnh đến vậy sao? Anh tự hỏi, và chính suy nghĩ ấy cũng có gì đó thật quen thuộc. Mảnh đến mức ta có thể bước qua với chút rình rang, nhặng xì, rắc rối này? Trèo lên cây, đu dọc cành cây, rơi xuống nghĩa trang, theo dõi cặp đôi.... đào hố? Đơn giản vậy thôi ư? Có phải điên là thế này không? Mình mất tám năm để trở thành bác sĩ, vậy mà mình trở thành kẻ trộm mộ chỉ trong một bước đơn giản – mình đoán người ta gọi đấy là kẻ bệnh hoạn.

Anh đưa nắm tay lên miệng để ngăn không cho âm thanh phát ra, mò mẫm tìm kiếm cái lạnh lẽo từ bên trong, cảm giác lạc lõng vô định ấy. Nó hiện diện ở đó, và Louis mừng rỡ bao bọc nó quanh mình.

Mãi sau, khi cặp đôi ấy bước tiếp, Louis đứng dừng nhìn theo, sốt ruột. Họ bước lên bậc tam cấp của một tòa chung cư. Người đàn ông lục tìm chìa khóa và giây sau, họ đã vào trong. Con đường lại lặng như tờ, chỉ có tiếng gió phàn phật quất qua, khiến cành lá xào xạc và hất mái tóc mượt mồ hôi của anh qua trán.

Louis chạy xuống hàng rào, cúi người thật thấp, mò mẫm tìm bọc vải bạt trong bụi cây. Nó đây rồi, thô ráp dưới đầu ngón tay anh. Anh nhấc lên, nghe tiếng lanh canh khe khẽ bên trong. Mang nó đến lối đi rải sỏi rộng rãi chạy từ cổng, anh dừng lại để xác định phương hướng. Đi thẳng tới trước, rẽ trái ở ngã ba. Không thành vấn đề.

Anh bước dọc theo mép lối đi để dễ bề lẩn vào bóng cây đu nếu vạn nhất có nhân viên trông nom toàn thời gian ở đây và anh tình cờ bị phát hiện. Thành thật mà nói, Louis nghĩ khu này không đến nỗi gắt gao như thế – suy cho cùng đây cũng chỉ là một nghĩa trang trong thành phố nhỏ – nhưng cẩn thận vẫn hơn.

Rẽ trái ở ngã ba, anh tiến lại gần ngôi mộ của Gage, và bỗng dưng, anh thất thần nhận ra mình không tài nào nhớ nổi con trai mình trông ra sao. Anh khựng lại, ngẩn ngơ nhìn theo các dãy mộ, những tấm bia với vẻ u tối, cố hình dung vẻ ngoài của con. Những đặc điểm rời rạc trở về trong tâm trí anh – mái tóc vàng, mong manh, lơ thơ, đôi mắt hơi xếch, hàm răng trắng nhỏ xinh, vết sẹo con con trên cằm từ cái lần thằng bé vấp ngã trên bậc tam cấp sau nhà ở Chicago. Anh có thể thấy những điểm này, nhưng không thể tổng hợp chúng thành một dung

mạo thống nhất. Anh nhớ cảnh Gage chạy xuống đường, chạy xuống điểm hẹn với chiếc xe tải Orinco, nhưng lúc đó Gage đang quay mặt đi. Anh cố mừng tượng lại hình ảnh Gage nằm trong cũi ngày hai bố con thả điều về, song chỉ thấy tâm trí tối đen như mực.

Gage ơi, con đâu rồi?

Louis này, đã bao giờ mày nghĩ có khi mày không phải đang giúp con mà là hại nó chưa? Có khi nó đang hạnh phúc ở một nơi nào đó... biết đâu chuyện chẳng phải những điều vớ vẩn mày vẽ nên trong đầu thì sao? Biết đâu con mày đã về với các thiên thần, hoặc đang an giấc ngàn thu. Và nếu nó đang an giấc, mày có biết mày sẽ đánh thức thứ gì không?

Ôi Gage ơi, con đâu rồi? Bố muốn con về với cả nhà.

Nhưng anh có thật sự đang nắm quyền kiểm soát hành động của mình không? Tại sao anh không tài nào hình dung được khuôn mặt của Gage, và tại sao anh lại đi ngược lời cảnh báo của tất cả mọi người – lời dặn của ông Jud, giấc mơ về Pascow, cõi lòng như đứng trên đồng lửa của chính anh.

Anh nghĩ về những bia mộ ở Nghĩa địa thú cưng, những vòng tròn thô sơ, theo đường xoáy ốc vào Bí ẩn, và rồi cả người lạnh ngắt. Anh đứng đây, cố hình dung khuôn mặt Gage để làm gì?

Đằng nào chốc nữa, anh cũng nhìn thấy mặt con kia mà?

Mộ chí hiện ra trước mắt anh; chân phương để dòng chữ GAGE WILLIAM CREED kèm hai ngày tháng. Anh để ý hôm nay ai đó đã đến viếng con trai anh, bởi có hoa tươi bày trên mộ. Là ai nhỉ? Missy Dandridge chẳng?

Tim anh nện thành thịch nhưng chậm rãi trong lồng ngực. Đến lúc rồi; nếu anh muốn làm thì tốt nhất nên bắt tay vào đi thôi. Đêm khuya đang dần trôi qua, và chẳng mấy chốc trời sẽ sáng.

Louis liếc vào trong tâm khảm một lần cuối, để rồi xác tín rằng, phải, anh dự tính sẽ làm đến cùng. Anh gạt đầu thật khẽ rồi thò tay vào túi lấy con dao gấp. Trước đó, anh đã quán bọc đồ nghề bằng băng keo Scotch nên giờ anh phải rách ra. Anh trải tấm vải bạt ngay mép mộ của Gage như túi ngủ, đoạn sắp xếp các món đồ giống y như cách anh sắp xếp dụng cụ để khâu vết cắt hoặc tiến hành tiểu phẫu trong phòng khám.

Đèn pin đã được bọc nỉ như nhân viên cửa hàng dụng cụ để xuất. Đầu nỉ cũng được cố định bằng băng keo. Anh đục một hình tròn nhỏ ngay giữa bằng cách để đồng xu lên miếng nỉ rồi dùng dao mổ rách xung quanh. Có lẽ không cần dùng tới cuốc chim cán ngắn – anh mang theo phòng hờ vậy thôi. Nấp quách không hàn lại nên anh chẳng cần lo, và anh cũng không sợ gặp phải đá ở huyết mới lấp. Xẻng, thuổng, dây thừng, găng tay lao động. Anh mang găng, cầm thuổng rồi bắt đầu vào việc.

Đất mềm nên đào dễ như không. Huyết vương vẩn, phần đất cát anh hất lên mềm hơn đất ở rìa. Tâm trí anh tự động so sánh độ dễ dàng của phần đất này và phần đất cần cỗi, cứng như đá ở nơi mà nếu mọi chuyện trót lọt, lát nữa, anh sẽ chôn con trai mình xuống. Lên tới đó mới cần cuốc chim. Đoạn anh cố dẹp tất tần tạt những suy nghĩ ấy đi. Chúng chỉ phá đám mà thôi.

Anh hất đất cát sang bên trái ngôi mộ, dần dà thành nhịp điệu đều đặn, đến lúc hố sâu mới khó duy trì. Anh bước xuống huyệt, ngửi mùi đất mới ẩm ướt, thứ mùi vẫn lưu giữ trong ký ức anh từ những mùa hè bên cậu Carl.

Dân đào mả, anh thăm nghĩ rồi dừng lại để lau mồ hôi trên lông mày. Cậu Carl nói đó là biệt danh của tất cả những người trông nom nghĩa trang trên khắp đất Mỹ này. Bạn bè gọi họ là Dân Đào Mả.

Anh lại làm tiếp.

Anh chỉ ngời tay thêm một lần để xem đồng hồ. Đã mười hai giờ hai mươi phút. Anh cảm thấy thời gian trôi khỏi nắm tay trơn tuột như bôi mỡ.

Bốn mươi phút sau, thuổng đập lên nóc quách, Louis bập rãng vào môi trên rớm máu. Anh lấy đèn pin chiếu xuống. Trên lớp đất là một dấu chéo màu xám bạc. Nấp quách đây rồi. Anh gạt đất cát sạch nhất có thể, nhưng anh ngại gây ra tiếng động, mà chẳng có gì âm ĩ hơn xẻng cào xuống mặt xi măng giữa đêm khuya thanh vắng.

Sau khi gắng sức gạt đi nhiều đất cát nhất có thể, anh trèo khỏi huyệt để lấy dây thừng. Anh xuyên dây thừng qua vòng sắt trên một khối nấp quách. Đoạn anh lại ra khỏi huyệt, trải tấm bạt ra, nằm lên nó rồi nắm lấy đầu dây thừng.

Này Louis, đây rồi, cơ hội cuối của anh đấy.

Anh nói đúng. Đây là cơ hội cuối của tôi và tôi sẽ tận dụng hết mức.

Quấn đầu dây thừng quanh hai tay, anh ra sức kéo. Tầng bê tông được kéo lên một cách dễ dàng, nghiêng kèn kẹt vào rìa.

Gần như thẳng đứng trên khoảng tối thui vuông vức, giờ nó biến thành tấm bia dựng dựng đứng chứ chẳng còn là nắp quách nằm ngang như trước nữa.

Louis kéo dây thừng ra khỏi vòng sắt, vút qua một bên. Anh không cần đến nó cho phần còn lại của nắp quách; anh chỉ cần đứng ở mép quách rồi nhấc lên là xong.

Anh lại bước xuống huyết, di chuyển thật cẩn thận, bởi anh không muốn lật úp tảng xi măng mình vừa kéo lên và nghiền nát mấy ngón chân hoặc làm bể phần nắp quách trông có vẻ mỏng manh này. Sỏi lục cục rớt xuống huyết, anh nghe thấy vài viên lạnh canh rơi xuống quan tài của Gage.

Cúi người, anh chộp lấy phần nắp quách còn lại rồi kéo lên. Đang dở tay, bỗng dưng anh cảm thấy thứ gì đó bẹp nhẹp lạnh ngắt dưới ngón tay mình. Khi dựng được phần nắp quách này lên thành (giờ hai khối bê tông trông chẳng khác nào giá chặn sách), anh nhìn xuống thì thấy con giun đất to tướng khẽ ngoe nguẩy. Nghẹn họng vì kinh tởm, Louis chùi tay vào thành huyết của con trai.

Đoạn anh chiếu đèn pin xuống dưới.

Quan tài đây rồi. Lần cuối cùng anh trông thấy là khi nó nằm trên chân đỡ bằng crôm trên huyết lúc làm dịch vụ tang lễ, xung quanh là cỏ nhân tạo Astroturf xanh đến nhức mắt. Đây là chiếc hộp ký gửi an toàn, bên trong, anh đã chôn vùi tất cả hy vọng dành cho con trai mình. Nổi căm phẫn, ban sơ và nóng rẫy, hoàn toàn trái ngược với cảm giác lạnh lẽo trước đó, dâng lên trong anh. Ngu xuẩn! Câu trả lời là không

Louis lần mò tìm thuổng rồi chộp lấy cán. Anh giơ thuổng lên vai rồi nện nó xuống chốt quan tài một lần, hai lần, ba lần, bốn lần. Mối anh bạnh ra, mặt nhăn nhúm vì phần nộ.

Bố sẽ đưa con ra, Gage, con cứ đợi mà xem!

Ngay lần công phá đầu tiên, chốt quan tài đã bể nát và có lẽ không cần đập thêm lần nào, nhưng anh cứ tiếp tục động xuống, bởi anh không chỉ muốn mở quan tài mà còn muốn phá nát cái hòm ấy. Chút sáng suốt trong anh quay trở lại – nhanh hơn so với những trường hợp khác — và anh dừng tay khi đang giơ thuổng lên trong không trung.

Thuổng cong vẹo, sút mẻ. Vứt nó sang một bên, anh bò ra khỏi huyết trên đôi chân bủn rũ như cao su. Anh thấy bụng mình quặn lên, cơn phản uất ban nãy biến mất nhanh như lúc nó xuất hiện. Thế chỗ nó là cảm giác lạnh lẽo, tràn ngập con người anh, cả đời, tâm trí anh chưa bao giờ cảm thấy cô đơn và lạc lõng đến thế; tựa hồ một phi hành gia bay khỏi phi thuyền của mình khi đang làm nhiệm vụ bên ngoài không gian, giờ phải chịu cảnh trôi dạt trong bóng tối vô ngần, mạng sống như chỉ mảnh treo chuông. Bill Baterman có cảm thấy thế này không nhỉ? Anh tự hỏi.

Anh nằm ngửa trên mặt đất, chờ bản thân lấy lại thể kiểm soát và sẵn sàng hành động. Khi cảm giác bủn rũ biến mất khỏi chân mình, anh ngồi dậy, trượt xuống huyết. Soi đèn pin lên chốt quan tài, anh thấy nó không chỉ bể mà còn nát vụn. Anh mù quáng vùng thuổng trong cơn căm phẫn, nhưng cú nào cú nấy đều đúng chỗ, ngay hồng tâm, như thể được điều khiển. Phần gỗ xung quanh cũng bể vụn.

Louis kẹp đèn pin vào nách rồi khẽ ngồi xổm xuống. Hai tay anh quơ quàng, như nghệ sĩ xiếc bay lượn trên không, chờ đến lượt mình thực hiện màn đỡ lấy bạn diễn đầy nguy hiểm.

Tìm thấy rãnh nắp quan tài, anh luôn ngón tay vào trong. Anh khựng lại trong chốc lát — theo đúng nghĩa, không thể gọi đây là lưỡng lự được – đoạn anh mở nắp quan tài con trai mình.

Suýt chút nữa Rachel Creed đã lên được chuyến bay từ Boston đi Portland. Suýt chút nữa. Chuyến bay từ Chicago của cô cất cánh đúng giờ (bản thân việc này thật là một điều kỳ diệu), vào thẳng sân bay LaGuardia (thêm một điều kỳ diệu nữa) và rời New York trễ năm phút so với lịch bay. Máy bay đáp xuống cổng sân bay Boston trễ mười lăm phút – lúc mười một giờ mười hai phút tối. Tức là cô chỉ còn mười ba phút.

Đáng lý ra cô vẫn lên kịp chuyến bay chuyển tiếp, nhưng xe buýt chạy vòng quanh các nhà ga sân bay Logan lại bị trễ. Rachel chờ đợi, tâm trạng hoảng loạn cấp độ nhẹ, hai chân nhấp nhੌm không yên như thể buồn đi vệ sinh, thấp thỏm chuyển túi du lịch mà mẹ cho mượn từ vai này sang vai kia.

Mười một giờ hai mươi lăm phút vẫn không thấy xe buýt xuất hiện, cô đành chạy bộ. Gót giày cô mang tuy thấp nhưng vẫn đủ cao để khiến cô vật vã. Một bên mắt cá bị trật đau điếng, cô đành phải dừng lại hồi lâu để cởi giày ra. Đoạn cô cứ thế chạy, băng qua cổng của hãng hàng không Alleghany và Eastern Airlines, hơi thở hỗn hển, hông manh nha cơn đau thắt.

Hơi thở cô nóng rất trong họng, cơ co thắt càng lúc càng nhói. Cô đã băng qua hết nhà ga quốc tế, và kia rồi, đằng trước là tấm biển tam giác của hãng hàng không Delta. Cô hối hả lao qua cửa, suýt chút nữa thì đánh rơi một chiếc giày, tung hứng nó trong không trung, may sao chụp được. Đã mười một giờ ba mươi bảy phút.

Một trong số những nhân viên phụ trách liếc nhìn cô.

“Chuyến bay 104,” cô hỗn hển. “Chuyến đi Portland. Nó bay chưa?”

Nhân viên liếc vào màn hình đằng sau. “Theo bảng này thì nó vẫn ở cổng,” anh ta đáp, “nhưng họ đã gọi hành khách lên máy bay lần cuối cách đây năm phút rồi. Để tôi gọi cho họ. Cô có hành lý ký gửi không?”

“Không” Rachel thở không ra hơi, gạt những sợi tóc ướt mồ hôi ra khỏi mắt. Tim thiếu điều nhào ra khỏi lồng ngực.

“Vây khỏi đợi tôi gọi. Tôi sẽ gọi – nhưng tôi khuyên cô chạy thật nhanh cho kịp.”

Rachel không chạy nhanh cho lắm – cô chẳng làm nổi. Nhưng cô vẫn vận hết sức mình. Tối đến, thang cuốn không hoạt động, cô đành phải chạy cầu thang bộ, miệng lộn cợn vị kềm. Cô đến điểm kiểm tra an ninh, suýt ném túi vải vào cô nhân viên bảo vệ đang giật mình, đợi túi đi qua băng chuyền, tay hết nắm chặt lại buông ra. Chiếc túi chưa kịp ra khỏi buồng quét X-quang thì cô đã chộp lấy dây đeo rồi co giò chạy, khiến chiếc túi bay ngược ra sau rồi đập vào hông.

Vừa chạy, cô vừa ngược nhìn bảng điều khiển.

CHUYẾN BAY 104 ĐI PORTLAND LỊCH 11 giờ 25 PHÚT CỦA 31 HÀNH KHÁCH LÊN TÀU BAY Của 31 năm tít phía cuối – và khi cô liếc nhìn bảng điện, dòng chữ HÀNH KHÁCH LÊN TÀU BAY chuyển thành CẤT CÁNH trong nháy mắt.

Cô hét lên tức giận, khiến một phụ nữ da màu đang bế cậu con trai lên vòi nước giặt mình quay lại nhìn. Cô chạy đến khu vực cửa bay đúng lúc nhân viên của bay đang tháo dải băng đề CHUYẾN BAY 104 BOSTON-PORTLAND 11:25.

“Máy bay cất cánh rồi à?” Cô kinh ngạc hỏi. “Nó thật sự cất cánh rồi sao?”

Nhân viên của bay nhìn cô với vẻ thông cảm. “Máy bay lăn bánh lúc 11 giờ 40 phút. Xin lỗi quý khách. Tôi thấy cô đã cố gắng hết sức, nếu nói vậy cô có thể nguôi ngoai phần nào.” Anh ta chỉ ra cửa sổ kính rộng lớn. Rachel có thể trông thấy chiếc máy bay 727 với thương hiệu của hãng Delta, đèn hiệu sáng rực rỡ như cây thông Noel, đang chuẩn bị cất cánh.

“Chúa ơi, không ai báo với anh tôi đang chạy đến à?” Rachel gào lên.

“Lúc tầng dưới gọi lên thì máy bay chuyến 104 đã ra đường băng mất rồi. Nếu tôi gọi máy bay quay trở lại, nó sẽ bị kẹt trong chuỗi máy bay chạy đến đường bay 30, và phi công sẽ lâm vào thế kẹt. Chưa kể cả trăm khách hàng đang trên tàu bay. Tôi thành thật xin lỗi. Giá mà cô đến sớm hơn chỉ bốn phút thì...”

Cô quay lưng bỏ đi, chẳng buồn nghe nốt câu. Đi được nửa đường đến điểm kiểm tra an ninh thì bỗng cô choáng váng đến mù người. Cô loạng choạng bước vào một khu vực cửa bay khác, ngồi xuống cho đến khi hết xây xẩm mặt mày. Đoạn cô

mang giày vào sau khi gỡ một đầu mẫu thuốc lá Lark bẹp dúm dưới gót đối vớ tả tơi. Chân dơ như hủi nhưng mẹ kiếp, mình chẳng quan tâm, cô chán chường nghĩ.

Cô quay lại nhà ga.

Nhân viên an ninh nhìn cô đầy thông cảm. “Cô nhớ chuyến bay rồi à?”

“Đúng thế,” Rachel đáp.

“Cô đi đâu vậy?”

“Portland. Roi Bangor.”

“Chà, vậy sao cô không thuê xe ô tô mà đi? Nếu cô nhất quyết phải đến đó? Thường thì tôi sẽ khuyên hành khách trú tại một khách sạn gần sân bay, nhưng nếu khách đang cần kíp đi nơi khác thì tôi xin thật lòng chia sẻ như vậy. Và tôi thấy cô là một khách hàng như thế.”

“Đúng thật, tôi là dạng khách hàng như thế,” Rachel nói. Cô ngẫm nghĩ rồi nói. “Vâng, chắc tôi cũng làm được chứ nhỉ? Nếu có đơn vị nào cho thuê xe.”

Nhân viên an ninh phá lên cười. “Ồ, họ có xe chứ. Thời điểm duy nhất họ không có xe ở sân bay Logan là khi sân bay phủ sương mù. Tức là rất nhiều lúc.”

Rachel chẳng nghe thấy lời anh ta nói nữa. Tâm trí cô đang bận tính toán.

Cho dù cô cầm đầu cầm cổ phóng bạt mạng trên đường cao tốc chẳng nữa, cô cũng không thể nào kịp đến Portland để bắt chuyến bay đi Bangor. Vậy giả sử cô lái thẳng về nhà thì mất bao lâu nhỉ? Tùy thuộc vào khoảng cách. Khoảng bốn trăm ki-lô-mét, đó là con số ước tính xuất hiện trong đầu cô. Hình như

ông Jud từng nói với cô. Cô ước lượng ít nhất phải sau mười hai giờ mười lăm cô mới có thể lên đường, hoặc gần mười hai giờ ba mươi là ít. Toàn bộ quãng đường đều là cao tốc. Cô đoán khả năng cao mình có thể chạy hết đoạn đường này với tốc độ một trăm lẻ năm ki-lô-mét một giờ mà không bị cảnh sát vặn lại vì quá tốc độ. Cô nhanh chóng tính toán trong đầu, lấy bốn trăm chia cho một trăm lẻ năm. Chưa tới bốn tiếng đồng hồ. Chà.. thôi cứ làm tròn bốn tiếng. Trên đường, cô phải dừng xe lại một lần đi vệ sinh. Và dù giấc ngủ là điều xa xôi chẳng khác nào hái sao trên trời, cô biết tự lượng sức mình, do vậy cô sẽ phải dừng lại để nốc một tách cà phê đen cỡ lớn. Dầu vậy, cô sẽ có thể trở lại Ludlow trước lúc bình minh ló rạng.

Sau hồi nghiên ngẫm, cô bước đến cầu thang – các hăng cho thuê xe ô tô nằm ở tầng dưới của nhà ga.

“Chúc cô may mắn,” nhân viên an ninh gọi với theo. “Thượng lộ bình an.”

“Cảm ơn anh,” Rachel đáp. Cô cảm thấy mình xứng đáng có chút may mắn.

Mùi xộc lên khiến Louis rụt lại, sặc sụa nôn khan. Bấu vào mép huyết, anh thở hỗn hển, và đúng lúc anh tưởng chừng mình đã kiểm soát được đường ruột thì toàn bộ đồng thịt nhát thếch mà anh tọng vào họng ào ào phọt ra thành bãi ghớm ghếc. Anh nôn ra ngoài huyết, đoạn tựa đầu xuống đất, hồng hộc thở. Chí ít thì cơn buồn nôn đã trôi qua. Nghiến chặt răng, anh lôi đèn pin từ dưới nách chiếu xuống quan tài để ngó.

Cảm giác kinh hãi tốt độ, gần như hồn xiêu phách tán, choáng ngợp lấy anh – đó là cảm giác thường dâng trào trong những cơn ác mộng tồi tệ nhất, khi ta tỉnh dậy mà chẳng tài nào nhớ nổi.

Đầu Gage đã biến mất.

Tay của Louis run bần bật, đến độ anh dùng cả hai tay mới cầm nổi đèn pin, nắm chặt lấy nó theo cách cảnh sát được dạy để cầm súng nhắm vào bia tập bắn. Vậy mà tia sáng vẫn run rẩy loạn xạ, phải một lúc sau, anh mới lấy lại được bình tĩnh để hướng ánh đèn pin mảnh như bút chì vào lại mộ.

Không thể nào, anh tự nhủ, điều mà y tưởng mà y thấy là không thể.

Anh chậm chậm di chuyển ánh đèn pin dọc theo cơ thể dài chín mươi phân của Gage, từ đôi giày mới lần lên quần tây, chiếc áo khoác con con (ôi, Chúa ơi, chẳng có đứa trẻ nào mới hai tuổi đã phải mặc vest), lên phần cổ áo, rồi...

Hơi thở anh nghẹn lại khô khốc, hỗn hển, rồi bồi, trào dâng tức tối, bỗng chốc bao phủ nộ trước cái chết của Gage dồn dập trong anh, nhấn chìm nỗi sợ tâm linh, ma quỷ, nhấn chìm cảm giác anh đã bước vào lãnh địa của kẻ điên.

Louis lục túi sau tìm khăn mùi xoa rồi lôi nó ra. Một tay cầm đèn pin, anh cúi người vào trong mộ, chông chênh giữ thăng bằng. Nếu khối bê tông của nắp quách rơi xuống thì chắc chắn anh sẽ gãy cổ. Anh nhẹ nhàng lấy khăn mùi xoa lau rêu mốc trên da của Gage – hóa ra rêu sậm màu đến độ trong một thoáng anh tưởng đầu Gage đã không cánh mà bay.

Rêu ẩm nhưng chỉ mọc một lớp mỏng. Lý ra anh phải lường trước được điều này; mấy hôm rồi có mưa, mà quách lại không chống nước. Lia đèn pin sang hai bên, Louis thấy quan tài đang nằm giữa vũng nước nông. Bên dưới lớp rêu mốc nhớp nhúa, anh trông thấy con trai mình. Mặc dù biết chẳng ai mở quan tài sau tai nạn khủng khiếp như thế, nhân viên thực hiện tang lễ vẫn cố gắng hết sức – người theo nghiệp này lúc nào cũng cố gắng làm tròn bổn phận. Nhìn con trai lúc này, anh có cảm giác mình đang nhìn một con búp bê chế tác vụng về. Đầu Gage phình theo những hướng thật kỳ cục. Mắt trũng sâu sau mí mắt đang khép. Thứ gì đó màu trắng thò ra từ miệng con, trông như lưỡi của người bạch tạng, và ban đầu, Louis nghĩ đó là dịch uren ra. Có lẽ họ đã dùng quá nhiều dịch ướp xác. Công đoạn này rất

khó nhằn, chưa kể đây lại là một đứa trẻ, gần như không thể nào xác định bao nhiêu là đủ... hay quá thừa.

Nhưng rồi anh nhận ra đó chỉ là bông gòn. Anh vươn tay kéo miếng bông ra khỏi miệng con trai. Môi của Gage nhào đến lạ, tím đen và rộng khác thường, khép lại với một tiếng *nhép!* khe khẽ. Anh vút bông xuống mộ, mặc nó nổi lên bênh trong vũng nước nông, ánh lên màu trắng gợn ghieếc. Giờ thì một bên má của Gage hóp lại như ông già.

“Gage,” anh thì thầm. “Bố sẽ đưa con ra, con nhé?”

Anh cầu nguyện không có ai đi ngang qua, ví dụ như nhân viên đảo một vòng quanh nghĩa trang lúc mười hai giờ ba mươi phút chẳng hạn. Nhưng giờ, có bị bắt quả tang anh cũng chẳng quan tâm nữa; nếu ánh đèn pin của ai đó chiếu lên anh ngay tại trận, lúc anh đang đứng dưới mộ hành sự, anh sẽ chộp lấy cái thuổng cong vẹo, sút mề của mình rồi cắm thẳng vào sọ kẻ phá đám.

Anh luồn hai tay xuống dưới người Gage. Cơ thể con trai anh èo uột như không xương, và chợt anh kinh hoàng định ninh: nếu anh nâng Gage lên, thân thể con sẽ rời ra, và anh sẽ phải nhặt từng bộ phận. Anh sẽ đứng ngậy ra trên thành quách với thân thể đứt lìa của con trai, hét lên thất thanh. Và rồi người ta sẽ phát hiện anh.

Nào, đồ nhát cáy, chần chừ gì nữa, làm đi!

Anh luồn hai tay xuống dưới Gage, cắn răng chịu đựng cảm giác ẩm ướt, hơi hám, rồi cứ thế nâng con trai lên, như những lần anh bế con khỏi bồn tắm khi thằng bé tắm vào buổi đêm.

Đầu Gage oặt ra sau đến giữa lưng, và Louis lại nôn ọe khi trông thấy những vòng khâu nhảu giữ đầu Gage dính vào vai.

Hơi thở hỗn hển, bụng quặn thắt vì mùi hôi và cảm giác mềm oặt không xương mà thân người nát bấy đến tội nghiệp của con trai mang lại, Louis vật lộn bế xác con ra khỏi quan tài rồi ra khỏi huyết. Trầy trật mãi anh cũng ngồi lên được thành huyết với thân thể con mình trong lòng, hai chân vắt vẻo trong hố, khuôn mặt thâm tím đến khủng khiếp, mắt như hai lỗ đen trũng sâu, miệng nghếch xuống, run rẩy đầy kinh hoàng, tội nghiệp và buồn bã.

“Gage,” anh cất tiếng rồi bắt đầu dùng đưa con trong vòng tay. Tóc của Gage trên cổ tay của anh, vô hồn tựa những sợi dây. “Gage, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi, bố thể với con, Gage, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi, điều này sẽ kết thúc, chỉ đêm nay thôi, Gage ạ, bố thương con, bố thương con rất nhiều.”

Louis cứ thế ru con.

Đến hai giờ kém mười lăm phút, Louis đã sẵn sàng rời khỏi nghĩa trang. Thật ra xử trí thân thể của cậu bé là phần kinh khủng nhất – đó là lúc phi hành gia bên trong, tức tâm trí anh, trôi dạt xa nhất vào không gian vô cùng. Còn giờ, khi đang nghỉ mệt, lưng đau nhói bởi phần cơ làm việc quá tải bùng bùng, giật không ngừng, anh cảm thấy mình có thể quay về rồi. Trở về cả quãng đường xa.

Anh đặt cơ thể của Gage lên tấm bạt rồi bọc lại. Anh dùng những dải băng keo dài quấn lại, đoạn cắt dây thừng làm đôi rồi cột hai đầu gọn gàng. Vậy là anh lại có thêm một tấm thảm cuốn khác. Anh đóng nắp quan tài, đoạn nghĩ lại, anh mở nó ra

rồi bỏ cây thuổng cong vẹo vào bên trong. Cử để Pleasantview giữ di vật này; nhưng nó đừng hòng có được con trai anh. Anh đóng nắp quan tài rồi hạ khối nắp quách bằng xi măng xuống. Anh định cứ thế thả khối còn lại nhưng sợ nó bể. Sau một hồi cân nhắc, anh luồn thắt lưng qua vòng sắt rồi nhẹ nhàng hạ khối xi măng vào chỗ. Đoạn anh dùng xẻng lấp hố. Không có đủ đất cát để cái hố ngang bằng với mặt đất như trước. Không đủ. Ngôi mộ bị trũng xuống có thể sẽ thu hút sự chú ý. Hoặc không. Có thể bị chú ý nhưng chẳng ai thèm đếm xỉa. Nhưng tối nay, anh không cho phép bản thân mình nghĩ về điều đó, hoặc lo về điều đó – còn quá nhiều điều phải làm trước mắt. Cả núi công việc. Mà anh thì đang rất mệt.

Hồ dô, đi nào.

“Đúng thật,” Louis lầm bầm. Gió nổi lên, rít qua hàng cây, khiến anh chột dạ nhìn quanh. Anh đặt xẻng, cuốc chim chưa được trưng dụng, găng tay, đèn pin bên cạnh túi bật. Anh muốn dùng đèn pin nhưng gần mong muốn ấy xuống. Để thi thể và dụng cụ tại đó, Louis bước ngược trở lại con đường ban nãy, và năm phút sau, anh đã đến hàng rào sắt uốn sừng sững. Phía bên kia đường là chiếc xe Civic của anh đậu ngay khúc quanh. Gần ngay trước mắt mà xa tận chân trời.

Louis nhìn nó một lúc rồi đi về hướng khác.

Lần này, anh đi ngược hướng cổng, bước dọc theo hàng rào sắt uốn cho đến đoạn nó bẻ quặt từ đường Mason thành góc vuông. Ở đây có rãnh thoát nước thải, Louis bèn nhìn vào trong. Những thứ trông thấy khiến anh rùng mình. Trong rãnh

dồn ứ cả đồng hoa thối nát, lớp này chồng chất lớp nọ, trôi xuống đây sau bao mùa mưa và tuyết.

Chúa ơi! Không, không phải Chúa. Những thứ còn sót lại này được dùng để dâng lên một vị Thần còn cổ xưa hơn rất nhiều so với vị thần trong đạo Thiên Chúa. Ở những thời điểm khác nhau, con người chúng ta lại gọi Người với nhiều cái tên khác nhau, nhưng mình nghĩ chị gái của Rachel đã đặt một cái tên hết sức hoàn hảo. Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm. Vị thần của những cái xác nằm dưới lòng đất chờ ngày thối rữa. Vị thần của Bí ẩn.

Louis chăm chăm nhìn xuống rãnh thoát nước như thể bị thôi miên. Mãi lúc sau, anh mới quay đi chỗ khác, hỗn hển thở hắt ra tiếng hỗn hển của người vừa choàng tỉnh, hoặc người vừa thoát khỏi trạng thái thôi miên khi thấy thôi miên đến đến mức.

Anh đi tiếp. Anh không phải cuộc bộ quãng xa mới phát hiện thứ mình đang tìm kiếm, và anh đoán tâm trí anh đã âm thầm lưu trữ mẫu thông tin nào vào ngày chôn cất Gage.

Và đây, lâm lũi trong bóng đêm lộng gió là hầm mộ của nghĩa trang.

Quan tài được cất giữ ở nơi này vào mùa đông, khi thời tiết quá sức lạnh giá, đến độ máy xúc cũng chẳng thể đào được vào lớp đất đông cứng. Hầm cũng được trưng dụng vào thời gian cao điểm – một dạng trữ đông thi thể.

Louis biết thỉnh thoảng lại có những đợt cao điểm mà cậu Carl hay gọi là “tập tục lạnh”; ở bất cứ cộng đồng dân cư nào cũng có những thời điểm mà rất nhiều người đồng loạt qua đời dù chẳng ai hiểu nổi lý do là gì.

“Lúc thịnh lúc suy,” cậu Carl nói với anh. “Cháu biết không, nếu cậu có hai tuần trong tháng Năm không ai qua đời thì chắc hẳn hai tuần trong tháng Mười một sẽ có chục tang lễ để cậu tổ chức. Có điều nó ít khi xảy ra vào tháng Mười một, và không bao giờ rơi vào Giáng sinh, dù người ta luôn nghĩ đó là lúc nhiều người qua đời. Cái chứng trầm cảm mùa Giáng sinh chỉ là những cuội mà thôi. Cháu cứ hỏi mấy tay tổ chức tang lễ mà xem. Đa phần tâm lý mọi người đều rất vui vẻ vào dịp Giáng sinh, nên họ muốn sống. Và họ cứ thế mà sống thật. Thường thì đến tháng Hai, số lượng người chết sẽ đột ngột tăng lên. Bệnh cúm cướp đi tính mạng của người già, cả viêm phổi nữa, tất nhiên rồi – nhưng không chỉ có thế. Có những người đã chống chọi với căn bệnh ung thư hết sức kiên cường suốt một năm, mười sáu tháng. Thế rồi tháng Hai trở đến, khắc nghiệt, đa đoan, và chừng như nó khiến người ta cảm thấy mệt mỏi, để rồi ung thư cứ thế cuốn quanh họ như tấm thảm. Ngày 31 tháng Một, bệnh tình của họ thuyên giảm, họ cảm thấy tràn trề sinh lực. Đến ngày 24 tháng Hai, họ đã mồ yên mả đẹp. Tháng Hai là tháng hết người này lại đến người khác truy tim, đột quy, suy thận. Đó là một tháng đầy điểm hung. Đến tháng Hai, ai nấy đều mệt mỏi. Vốn là dân trong nghề, chúng ta chẳng lạ gì điều đó. Nhưng rồi, không có lý do gì cụ thể mà tình trạng tương tự lại xảy ra vào tháng Sáu hoặc tháng Mười. Không bao giờ là tháng Tám. Tháng Tám là một tháng rất chậm. Trừ khi đường ống dẫn khí đốt chính nổ tung hoặc xe buýt thành phố rơi xuống cầu, còn không, chẳng bao giờ hăm mộ nghĩa trang kín chỗ vào tháng Tám. Nhưng rất nhiều lần vào tháng Hai, chúng

ta phải xếp chồng chất ba quan tài lên nhau, suốt ngày cầu mong tuyết tan để có thể hạ vài hòm xuống trước khi phải thuê nguyên một căn chung cư.”

Nói đoạn cậu Carl phá lên cười. Cảm thấy mình được dự phần vào một bí mật mà ngay cả giảng viên ở trường Y còn chẳng biết, Louis cũng cười theo.

Cửa đôi của hầm mộ được dựng ở dốc của ngọn đồi rậm rì cỏ mọc, với hình dạng tự nhiên và hấp dẫn như đôi gò bồng đảo của phụ nữ. Đỉnh quả đồi này (Louis nghi cảnh quan này có bàn tay sắp xếp của con người chứ không phải tự nhiên – đều tăm tắp như thế kia mà) nằm thấp hơn đầu nhọn của hàng rào sắt uốn chừng ba mươi đến sáu mươi phân, dù ở đỉnh đồi, độ cao hàng rào được giữ cân bằng chứ không xây cao lên.

Louis liếc nhìn xung quanh rồi trườn lên dốc. Phía bên kia là một mảnh đất trống, có lẽ rộng chừng hai mẫu Anh. Không... không phải trống hẳn. Cách đó một đoạn vẫn có tòa nhà bên ngoài, trông như nhà kho nằm lơ lửng. *Có lẽ cũng thuộc về nghĩa trang*, Louis thầm nghĩ. Đó sẽ là nơi họ cất dụng cụ làm đất.

Đèn đường xuyên qua những tán lá rung rinh của hàng cây – những cây du và phong cổ thụ – chắn giữa nơi này với đường Mason. Louis quan sát nhưng không phát hiện bất cứ chuyển động nào khác.

Vừa trượt xuống bằng mông, anh vừa sợ mình sẽ ngã và chấn thương đầu gối thêm lần nữa, đoạn quay trở lại mộ của con trai. Suýt chút nữa anh vấp phải bọc vải bạt. Anh nhận ra mình sẽ phải đi hai vòng, một vòng khiêng thi thể con trai, một vòng mang dụng cụ. Anh cúi xuống, nhắm mắt vì cái lưng biểu

tình, đoạn ôm bọc vải bạt thô cứng trên tay. Anh có thể cảm nhận thi thể của Gage xê dịch bên trong, và kiên định lờ đi phần tâm trí từ nãy đến giờ liên tục thì thầm bảo anh đã phát điên.

Anh di chuyển cái xác qua ngọn đồi tọa lạc hằm mộ của nghĩa trang Pleasantview với hai cửa trượt bằng thép (họ làm nó trông giống ga ra chứa hai chiếc xe đến lạ). Anh tính toán những việc phải thực hiện nếu muốn đưa khối đồ nặng mười tám kí lô này lên con dốc đứng kia khi không còn dây thừng (anh ước giá mà mình giữ sợi dây nguyên trạng lâu hơn, nhưng mơ mộng hão huyền chẳng được tích sự gì) và chuẩn bị tinh thần thực hiện. Anh lùi lại rồi chạy lên dốc, chúi người tới trước, tận dụng động lượng để di chuyển xa nhất có thể. Gần lên tới đỉnh dốc thì chân anh bị trượt do mảnh cỏ ngắn ngắn nhưng trơn, lúc tuột xuống, anh vận hết sức ném cuộn vải bạt đi xa nhất có thể. Nó rơi xuống ngay gần đỉnh của quả đồi. Anh lồm cồm leo lên nốt con dốc, nhìn quanh, không thấy ai, rồi dựng cuộn bạt quấn chặt vào hàng rào. Xong xuôi, anh quay lại để lấy nốt những món đồ còn lại.

Hồi sau, anh quay lại đỉnh đồi, mang găng tay, xếp đèn pin, cuốc chim và xẻng bên cạnh bọc vải bạt. Đoạn anh nghỉ lấy sức, lưng tựa vào cọc hàng rào, tay buông trên đầu gối. Đồng hồ điện tử mà Rachel tặng nhân dịp Giáng sinh cho anh biết đã hai giờ một phút.

Anh cho mình năm phút để gói ghém rồi ném xẻng qua hàng rào. Anh nghe tiếng nó rơi đánh thịch xuống cỏ. Cố nhét đèn pin vào quần nhưng không được, anh bèn luồn nó qua hai cọc hàng rào sắt và nghe nó lăn xuống đồi, lòng thầm mong nó

không đập vào đá mà tan tành. Ước gì anh mang theo ba lô thì hay biết mấy.

Anh lấy dụng cụ cắt băng keo từ túi áo khoác rồi quấn mũi cuốc chim vào bọc vải bạt nhiều vòng, siết băng keo thật chặt qua lưỡi kim loại của cuốc chim và bên dưới bọc vải. Anh quấn cho đến khi hết băng keo, đoạn nhét dụng cụ cắt rỗng không vào túi áo. Nâng đồng hồ lên, anh đẩy nó qua hàng rào (lưng anh gào thét phản đối; anh đồ rằng mình sẽ phải trả giá cho đêm nay suốt tuần sau cho mà xem) rồi thả cho nó rơi tự do, nhả mặt trước tiếng thịch khe khẽ.

Đâu vào đấy, anh lẳng một chân qua hàng rào, chộp lấy hai đầu nhọn trang trí rồi lẳng nốt chân kia qua. Anh trượt xuống, mũi giày cao xuống phần đất giữa các cọc hàng rào rồi rơi xuống mặt đất.

Anh đi xuống phía bên kia quả đồi, mò mẫm trong đám cỏ. Anh tìm thấy cái xẻng ngay lập tức – ánh đèn đường chiếu qua hàng cây, phản chiếu lên lưỡi xẻng chút tia sáng yếu ớt. Anh chập vạt tìm mãi mà chẳng thấy đèn pin đâu – nó lặn bao xa trên bãi cỏ này kia chứ? Anh quỳ xuống bằng cả tứ chi, hai tay rờ rẫm qua bụi cây rậm rạp, hơi thở và trống ngực nện âm âm trong tai.

Mãi lúc sau, anh mới tìm được nó, một bóng đen mảnh mai cách vị trí của anh đoán chừng một mét rưỡi; giống như ngọn đồi che giấu hằm mộ của nghĩa trang, hình dáng cân đối dễ khiến ta tập trung chú ý. Anh chộp lấy, khum tay trên thấu kính bọc nỉ rồi đẩy công tắc bằng cao su bé lên trên. Thấy

lòng bàn tay sáng lên, Louis tắt đèn đi. Đèn pin vẫn còn dùng được.

Anh dùng dao bỏ túi cắt cuốc chim ra khỏi bọc vải bạt, đoạn đem đồ nghề băng qua bãi cỏ đến hàng cây. Nấp đằng sau thân cây to nhất, anh nhìn trái nhìn phải đường Mason. Đường vắng tanh, không một bóng người. Anh chỉ trông thấy một ngọn đèn duy nhất trên cả con đường – một ô cửa sổ với ánh sáng vàng ở tầng trên. Chắc người ta mất ngủ, hoặc bệnh tật gì đấy.

Nhanh nhẹn di chuyển nhưng không chạy, Louis bước ra vỉa hè. Sau khi ở trong nghĩa trang tối tăm mờ mịt, anh cảm thấy mình như bị phơi trần đầy lộ liễu dưới ánh đèn đường; anh đứng đó, chỉ cách nghĩa địa lớn thứ hai Bangor chừng vài mét, trên tay cầm cuốc chim, xẻng và đèn pin. Nếu có người bắt gặp anh lúc này, trăm phần trăm họ sẽ ngay lập tức đoán ra ý đồ của anh.

Anh vội vã băng qua đường, gót giày kêu lộp cộp. Chiếc xe Civic của anh ở đằng kia, bên kia đường, chỉ cách gần năm mươi mét. Nhưng với Louis lúc này, khoảng cách ấy tưởng chừng như xa cả năm cây số. Mồ hôi thi nhau túa ra, anh bước về phía chiếc xe, căng tai để phòng tiếng động cơ xe trờ tới, tiếng bước chân không phải chân anh, thậm chí cả tiếng cửa sổ lạch xạch kéo lên.

Bình an vô sự đến chỗ chiếc xe Honda, anh dựng cuốc chim và xẻng vào hông xe, lục tìm chìa khóa — nhưng tìm cả hai túi mà anh vẫn chẳng thấy đâu, giờ thì mồ hôi mẹ mồ hôi con túa trên mặt anh. Tim anh bắt đầu loạn nhịp đập thành thịch, rằng

anh nghiêng chặt, ghìim cơn hoảng loạn đang lồng lộn muốn bùng nổ.

Anh đánh mất chìa khóa rồi, khả năng cao là khi anh đu từ chạc cây xuống, đập đầu gối vào bia mộ và ngã lộn nhào. Chìa khóa hẳn nằm đâu đó trong bãi cỏ, ban nãy anh vất vả mãi mới tìm được đèn pin, giờ muốn tìm chìa khóa có khác nào mò kim đáy bể? Thôi xong. Chỉ chút xui xẻo mà kế hoạch đi tong.

Khoan đã, bình tĩnh thêm chút đi. Lục lại túi lần nữa xem. Trong đó có xu lẻ – nếu đồng xu không rơi ra thì chìa khóa vẫn yên vị trong túi.

Lần này, anh lục túi của mình chậm hơn, lấy tiền lẻ ra, thậm chí còn dốc túi ra ngoài cho chắc.

Vậy mà vẫn không thấy tăm hơi chiếc chìa khóa đâu.

Louis tựa lưng vào xe, tính toán xem bước tiếp theo là gì. Anh đoán mình sẽ phải trèo vào nghĩa trang lần nữa. Để con trai mình ở lại, cầm theo đèn pin, trèo vào nghĩa trang, dành cả buổi tối trong công cuộc vô vọng tìm kiếm...

Chợt ánh sáng lóe lên trong tâm trí mệt lử của anh.

Cúi xuống, anh nhìn vào trong chiếc Civic. Và kìa, chìa khóa vẫn đang cắm trong ổ.

Anh giọng gằm gừ khe khẽ, đoạn chạy sang phía ghế lái, giật mở cửa rút chìa khóa ra. Trong đầu anh bỗng vang lên giọng nói đầy rắn đê của Karl Malden, hình tượng một người bố đầy nghiêm khắc, diễn viên với cái mũi to cùng chiếc mũ vành cong kiểu xưa: *Khóa xe cẩn thận. Cất chìa kỹ càng. Đừng tiếp tay cho thanh niên ngoan ngoãn trở nên hư hỏng.*

Anh vòng ra sau xe mở cửa. Anh nhét cuốc chim, xẻng và đèn pin vào trong rồi đóng sập cửa. Đi xuống vỉa hè được khoảng sáu hay mười mét gì đấy, anh chợt nhớ đến chùm chìa khóa. Lần này anh lại cầm chìa ngay ổ khóa của cửa sau xe.

Đồ ngu xuẩn! Anh mắng nhiếc bản thân. Mà ăn gì mà ngu hết phần thiên hạ thế hả, sao mày không quên bém tất cả luôn đi!

Anh quay lại rút chìa khóa.

* * *

Anh bế Gage trong tay và đi gần tới đường Mason thì bỗng dừng, một con chó sủa văng lên đầu đó. Không phải – nó không chỉ sủa. Mà nó bắt đầu tru lên, tiếng tru khàn đục vang vọng khắp con đường. *HÚÚÚÚ! HÚÚÚÚÚÚ!*

Anh nấp sau một cái cây, bắn khoăn không biết chuyện gì sẽ xảy ra, bắn khoăn không biết nên làm gì tiếp theo. Anh đứng đó, trù liệu việc đèn sẽ bật sáng hai bên con đường.

Trên thực tế, chỉ có một ngọn đèn sáng lên, ở rìa ngôi nhà đối diện chỗ Louis đang nấp trong bóng tối. Phút sau, một giọng nói cộc cằn vang lên, “Im ngay, Fred!”

HÚÚÚÚÚÚ! Fred đáp.

“Cho nó ngậm miệng lại mau, Scanlon, kéo tôi gọi cảnh sát bây giờ!” Ai đó hét lên từ bên đường Louis đứng, khiến anh thót tim nhảy dựng và làm anh nhận ra ảo tưởng con đường này trống rỗng, vắng tanh đúng là sai lầm. Xung quanh anh có rất nhiều người, có hàng trăm cặp mắt, và con chó ấy đang tấn

công giấc ngủ, đồng minh duy nhất của anh. *Tiên sư mày, Fred,* anh rửa xả trong đầu. *Ôi, con chó chết băm chết vằm.*

Fred lại bắt đầu điệp khúc mới; nó cất tiếng dạo đầu, mới vừa chuyển giao sang *HÚÚÚÚÚÚ* thì một tiếng nện rất mạnh vang lên, theo sau là chuỗi ư ử, ăng ăng.

Cửa đóng đánh cạch, bốn bề yên tĩnh trở lại. Ánh đèn ở rìa căn nhà chủ của Fred sau một hồi cũng tắt ngóm.

Louis những muống nán lại trong bóng tối thêm ít lâu để chờ đợi; hẳn nhiên chờ đợi cho não động lắng xuống là thượng sách. Nhưng thời gian vẫn vùn vụt thoi đưa.

“Đi thôi,” anh lăm bằm với chính mình rồi đi thẳng.

Anh ôm bọc vải bạt rồi băng qua đường, bước về phía chiếc Civic, không thấy ai trong tầm mắt. Fred cũng đã tìm được bình yên. Một tay anh ôm bọc vải, tay kia lấy chìa khóa mở cửa sau.

Gage không nằm vừa khoảng sau xe.

Louis thử dựng bọc vải bạt thẳng đứng, nằm ngang, nằm chéo. Khoang sau của chiếc Civic quá nhỏ. Anh có thể bẻ cong và quặp bọc vải bạt cho vừa — Gage hẳn không phiền lòng đâu — nhưng Louis không nỡ lòng nào làm thế.

Thôi nào, thôi nào, thôi nào, đi khỏi đây mau, đừng chần chừ nữa.

Nhưng anh cứ đứng ngây ra đó, rối trí, đầu óc trống rỗng, ôm bọc vải dựng thi thể của con trai trong tay. Đoạn anh nghe thấy tiếng một chiếc ô tô đang tới gần, và gần như chẳng nghĩ ngợi gì, anh ôm bọc vải sang ghế hành khách, mở cửa, đẩy bọc vải lên ghế, gập bọc vải ở vị trí mà anh đoán là đầu gối và hông của Gage.

Anh đóng cửa rồi vòng ra sau chiếc xe Civic, đóng sập cửa lại. Lúc chiếc xe nọ chạy ngang qua đoạn giao cắt, Louis nghe thấy giọng của những kẻ say xỉn hò reo ồm tỏi. Anh ngồi sau tay lái, khởi động xe, và khi đang vươn tay đến công tắc bật đèn pha thì một suy nghĩ khủng khiếp vụt lên trong đầu anh. Nhỡ đầu đầu của Gage quay ra sau, thằng bé đang ngồi nhưng khớp đầu gối và hông bẻ sai hướng, hai con mắt trũng sâu của thằng bé thay vì nhìn về phía kính chắn gió lại hướng ra cửa sổ đằng sau thì sao?

Có vấn đề gì đâu, tâm trí anh rít lên nạt nộ, bởi nó sức cùng lực kiệt lắm rồi. Mà không nghĩ thông được à? Chuyện đó chẳng thành vấn đề!

Có chứ. Có vấn đề chứ. Bởi Gage đang nằm bên trong, đó không phải đồng khấn tẩm!

Anh rướn người, nhẹ nhàng áp tay lên bọc vải bạt, sờ nắn những đường nét bên dưới. Chắc hẳn trông anh giống gã mù đang cố xác định một vật nào đó. Hồi sau, anh tình cờ lần mò được chỗ lồi lên mà anh đoán chắc là mũi của Gage – nó đang quay đúng hướng.

Đến lúc đó, anh mới an tâm khởi động chiếc xe Civic và bắt đầu quãng đường mất hai mươi lăm phút về lại Ludlow.

Một giờ sáng hôm đó, điện thoại của ông Jud Crandall đổ chuông, chát chúa đình tai trong căn nhà trống trải khiến ông tỉnh giấc. Ông ngủ thiếp đi, và trong giấc ngủ, ông nằm mơ thấy mình trở lại tuổi hai mươi ba, ngồi trên băng ghế trong làn nôi tàu của đường sắt Bangor và Aroostook cùng George Chapin với Rene Michaud, ba người bọn họ chuyển nhau chai whiskey Georgia Charger – một loại rượu lậu đang làm mưa làm gió, dán cả tem thuế hắc hoi – trong khi ngoài kia, cơn bão vẫn thỏa sức thét gào, khiến tất cả mọi thứ nằm im thính lặng, kể cả đầu máy xe lửa của tuyến đường sắt Bangor và Aroostook. Thế nên họ ngồi với nhau, chén chú chén anh quanh lò sưởi Defiant hình củ hành, nhìn than hồng lách tách ánh lửa bên dưới tấm kính đục, bập bùng chiếu lên sàn những cái bóng hình bình hành, kể cho nhau nghe những câu chuyện chôn giấu trong lòng đằng đằng bao năm tháng, như những món báu vật mà các cậu bé hay cất dưới gầm giường, những câu chuyện họ để dành cho những đêm như thế này. Tựa ánh lửa của lò sưởi Defiant, đó là những câu chuyện đen tối với ánh lửa hồng ở giữa cùng ngọn gió cuốn xung quanh. Ngày ấy, ông hai mươi ba tuổi, bà Norma vẫn còn sống trên đời (dù ông dám chắc bà đã lên

giường ngủ một mình; bão bùng thế này, bà biết ông không về), Rene Michaud đương kể một câu chuyện về anh bán hàng rong người Do Thái ở Bucksport...

Bỗng lúc ấy, điện thoại reo lên, ông giật nảy trên ghế, nhả mặt vì cứng cổ, cảm thấy sức nặng chua chát rơi vào lòng mình như tảng đá – ông nghĩ đó là sức nặng của bao năm tháng giữa tuổi hai mươi ba và tuổi tám mươi, cả thảy là năm mươi bảy năm, đã rơi vào ông. Và rồi nổi gót suy nghĩ ấy là: *Thiếp đi đấy à, chàng trai. Đêm nay không chạy nổi đường sắt đâu..*

Ông đứng dậy, cố giữ mình đứng thẳng, chống lại cảm giác tê cứng đang lan xuống lưng rồi bước đến điện thoại.

Người gọi đến là Rachel.

“A lô?”

“Ông Jud ạ? Chồng cháu về nhà chưa ông?”

“Chưa,” ông đáp. “Rachel, cháu đang ở đâu? Nghe tiếng cháu có vẻ gần.”

“Cháu gần về rồi,” Rachel nói. Và dù tín hiệu từ phía cô gần hơn, vẫn còn tiếng ù ù xa xăm trong đường dây điện thoại. Đó là âm thanh của gió, khoảng cách giữa nơi đây và nơi cô đang ở. Tối nay, trời nổi gió. Âm thanh ấy lúc nào cũng gọi ông Jud liên tưởng đến tiếng của người chết đồng thanh ca vang, có lẽ vì xa xôi quá nên không nghe rõ lời hát. “Cháu đang ở trạm nghỉ tại Biddeford trên cao tốc Maine.”

“Biddeford ư?”

“Cháu không thể ở lại Chicago. Cháu cứ thấy bồn chồn không yên... thứ khiến Ellie lo lắng cũng khiến cháu cảm thấy

bất an. Ông cũng cảm thấy nó phải không? Giọng ông nói lên điều đó.”

“Ái chà.” Ông Jud rút một điếu thuốc Chesterfield ra khỏi hộp rồi đưa nó lên khước miệng. Ông quẹt diêm, nhìn nó lập lòe trong bàn tay run rẩy của mình. Tay ông xưa giờ không bị run; kể từ lúc cơn ác mộng này bắt đầu, ông mới bị như thế. Bên ngoài, ông nghe tiếng gió thổi hun hút. Năm căn nhà này trong lòng bàn tay, cơn gió cứ thế rung lắc nó.

Sức mạnh đang lớn dần. Mình cảm nhận được nó.

Nỗi kinh sợ lơ mờ gợn tận xương tủy ông cụ. Nó tựa thủy tinh sợi, mong manh, tinh xảo.

“Ông Jud, hãy cho cháu biết chuyện gì đang xảy ra!”

Ông đoán cô có quyền được biết – có nhu cầu được biết. Và ông đoán ông sẽ nói cho cô hay. Cuối cùng, ông sẽ kể với cô toàn bộ câu chuyện. Ông sẽ cho cô thấy từng mắt xích được móc nối ra sao. Cơn đau tim của bà Norma, cái chết của con mèo, câu hỏi của Louis – có ai từng chôn *người* ở đó chưa? – việc Gage qua đời... có Chúa mới biết hiện giờ Louis đang rèn nên mắt xích nào tiếp theo. Ông sẽ kể cho cô tất cả. Nhưng không phải qua điện thoại.

“Rachel, ta tưởng cháu đi máy bay, sao giờ lại trên cao tốc?”

Cô giải thích chuyện cô lỡ chuyến bay chuyển tiếp ở Boston. “Cháu thuê xe của hãng Avis, nhưng cháu không về được đúng theo thời gian dự trù. Cháu bị lạc một chút khi ra khỏi sân bay Logan và vào cao tốc, thành thử cháu mới tới Maine thôi. Chắc đến sáng cháu mới tới nơi được. Nhưng ông Jud... cháu xin ông.

Xin ông cho cháu biết chuyện gì đang xảy ra. Cháu sợ lắm, vậy mà cháu còn chẳng biết lý do *tại sao*.

“Rachel, nghe ta nói này,” ông Jud ôn tồn. “Cháu lái xe tới Portland rồi nghỉ lại, nghe không? Thuê nhà nghỉ ở đó rồi ngủ.”

“Ông Jud, cháu không thể...”

“.. rồi ngủ một giấc. Đừng lo lắng, Rachel ạ. Tối nay điều gì đó có thể đang xảy ra, hoặc không. Mà nếu có – nếu ta nghĩ thế – thì cháu không nên đến đây đâu. Ta nghĩ ta có thể lo liệu chuyện này. Đúng hơn là ta phải cố sức lo cho bằng được, vì chuyện đang xảy ra là lỗi của ta. Nếu không có vấn đề gì xảy ra, thì chiều mai cháu hãy túc tắc về, thế cũng không sao. Ta đoán Louis sẽ rất vui mừng khi gặp lại cháu.”

“Tối nay cháu không chợp mắt nổi, ông Jud ạ.”

“Được chứ,” ông nói, thậm ngẫm lại trước đó ông cũng tưởng mình như vậy – chắc, có lẽ Peter cũng tưởng thế vào đêm Chúa Giê-su bị bắt. Ngủ thiếp đi trong lúc gác. “Được, cháu chợp mắt được, Rachel ạ, nếu cháu ngủ gật lúc cầm lái chiếc xe thuê ấy rồi lái chệch khỏi đường và mất mạng, Louis biết xoay xử thế nào đây? Cả Ellie nữa?”

“Ông nói cháu nghe chuyện gì đang xảy ra đã! Ông Jud, nếu ông nói ra, có lẽ cháu sẽ nghe theo lời khuyên của ông. Nhưng ông phải cho cháu biết!”

“Khi về đến Ludlow, ta muốn cháu đến nhà ta,” ông Jud nói. “Khoan hãy về nhà của cháu. Hãy sang nhà ta trước. Ta sẽ nói với cháu mọi điều ta biết, Rachel ạ. Và ta đang canh Louis về.”

“Ông nói cho cháu biết đi,” cô lặp lại.

“Không, cháu gái. Ta không nói qua điện thoại được đâu. Ta sẽ không nói. Rachel, đúng hơn là ta *không thể*. Giờ thì cháu đi đi. Lái xe lên Portland rồi ngủ lại.”

Có một khoảng lặng dài, trầm ngâm.

“Được rồi,” cuối cùng, cô lên tiếng. “Đúng là cháu phải cố gắng lắm mới giữ cho mắt mình không nhắm lại. Có lẽ ông nói đúng. Ông Jud, vậy cho cháu biết một điều thôi. Cho cháu biết nó tệ hại đến mức nào.”

“Ta lo liệu được,” ông Jud bình thản đáp. “Chuyện tệ hại đến thế này là hết mức rồi.”

Bên ngoài, đèn pha của một chiếc xe ô tô xuất hiện, từ từ trở tới. Ông Jud nhồm dậy, quan sát rồi ngồi xuống khi nó tăng tốc chạy ngang qua nhà vợ chồng Creed và khuất dạng.

“Vâng” cô nói. “Mong là ổn. Nãy giờ, quãng đường còn lại cũng khiến đầu cháu nặng như có đá tảng”

“Để tảng đá ấy lăn đi, cháu gái,” ông ân cần. “Ta nói thật. Giữ sức cho ngày mai đi. Mọi chuyện ở đây rồi sẽ ổn thôi.”

“Ông hứa sẽ kể cháu nghe toàn bộ câu chuyện chứ?”

“Ừ. Chúng ta sẽ làm chai bia và ta sẽ kể cho cháu nghe từ đầu chí cuối.”

“Vậy cháu cúp máy đây,” Rachel nói. “Tạm biệt ông.”

“Tạm biệt,” ông Jud gật gù. “Mai gặp lại cháu nhé, Rachel.”

Trước khi cô kịp nói thêm lời nào, ông Jud gác máy.

Ông nhớ mang máng trong tủ thuốc có mấy viên caffeine, nhưng ông tìm không ra. Ông để phần bia còn lại trong tủ lạnh dù hơi tiếc một chút – đoạn pha một tách cà phê đen. Mang tách

cà phê quay lại cửa sổ, ông lại ngồi xuống, vừa nhấm nháp cà phê vừa cảnh giới.

Cà phê – cùng cuộc nói chuyện với Rachel – giữ cho ông tỉnh táo và nhảy bén được chừng bốn mươi lăm phút, rồi ông lại bắt đầu gật gù nhiều hơn.

Cắm ngủ gật khi đang canh gác, ông già kia. Ông để nó giật dây; ông gieo gió thì phải gặt bão thôi. Nên ông không được ngủ gật khi đang canh gác.

Châm thuốc lá, ông rít một hơi thật sâu, ho lộ khụ đúng kiểu tuổi già. Ông bèn gác điều thuốc lên rãnh gạt tàn, đưa hai tay dụi mắt. Bên ngoài, một xe tải mười bánh rầm rập chạy qua, đèn chói lóa, cắt ngang buổi đêm hun hút gió đầy điểm dữ.

Giật mình nhận ra mình vừa thiếp đi, ông bừng tỉnh, vội vàng đưa tay tát lia lịa lên mặt, đến độ hai lỗ tai lùng bùng. Giờ thì nỗi kinh sợ dâng lên trong lòng ông tựa vị khách lén lút đột nhập vào nơi bí mật ấy.

Nó đang tìm cách đưa mình vào giấc ngủ... thôi miên mình... hoặc gì đó. Nó không muốn mình thức. Vì cậu ấy sắp trở về rồi. Phải, mình cảm nhận được điều đó. Và nó muốn mình không can dự vào cuộc chơi.

“Không đời nào,” ông dứt khoát. “Đừng hòng. Mà nghe thấy không? Tao sẽ đặt dấu chấm hết cho chuyện này. Đến mức này đã đủ xa lắm rồi.”

Gió rên rĩ qua hiên nhà, hàng cây bên kia đường xào xạc tán lá thành những âm thanh đều đều như thôi miên. Tâm trí ông trở lại cái đêm ngồi quanh lò sưởi Defiant trong lán nổi tàu, nơi Cửa hàng Nội thất Evarts hiện giờ tọa lạc ở Brewer. Họ cứ thế

trò chuyện đến hết đêm dài, ông, George và Rene Michaud, để rồi giờ đây, ba người chỉ còn lại mỗi ông; Rene bị nghiền nát giữa hai toa xe chở hàng vào một đêm bão bùng tháng Ba năm 1939, còn George Chapin mới qua đời năm ngoái vì đau tim. Trong bao người, chỉ còn mình ông ở lại, mà càng già người ta càng lẩn thẩn. Đôi khi, cái sự lẩn thẩn ấy giả trang thành vẻ hiền hậu, có lúc, nó lại giả mạo thành sự tự hào – nhu cầu được tiết lộ những bí mật xưa cũ, được truyền cho thế hệ sau, được rót từ ly cũ sang ly mới, được...

Thế là tay bán hàng rong người Do Thái bước vào, bảo tôi có một thứ mà cả đời các vị chưa bao giờ thấy. Mấy tấm danh thiếp này đây, thoạt nhìn tưởng chỉ là hình các em gái mặc áo tắm thôi, nhưng cứ thử lấy vải ướt chà mà xem, các nàng..

Đầu ông Jud gục xuống. Cằm của ông khe khẽ, nhẹ nhàng tựa vào ngực.

... các nàng ấy chẳng còn mảnh vải che thân! Nhưng khi chúng khô đi, y phục lại hiện lên như cũ Mà chưa hết nhé! Tôi còn có...

Rene kể câu chuyện này trong lán nổi tàu, người chúi tới trước, miệng nhoẻn cười, còn ông Jud ôm chai rượu – ông cảm nhận chai rượu, hai tay khép hờ quanh thân chai.

Trong gạt tàn, tàn thuốc ở đầu điếu của ông cụ cứ thế dài ra. Cuối cùng, điếu thuốc nghiêng xuống gạt tàn và tắt ngóm, để lại cuộn tàn thuốc tựa biểu trưng ma thuật.

Ông Jud chìm vào giấc ngủ.

Khoảng bốn mươi phút sau, khi ánh đèn hậu lóe lên bên ngoài, khi Louis rẽ chiếc Honda Civic vào lối đi nhà mình rồi lái thẳng vào ga ra, ông Jud không hề nghe thấy, cũng không cựa

quậy, không tỉnh giấc, giống như Peter vẫn say giấc khi quân lính La Mã xông vào bắt bớ chúa Giê-su.

Louis tìm thấy dụng cụ cắt băng keo mới trong ngăn kéo nhà bếp, chưa kể có một cuộn dây ở góc ga ra, gần đồng lốp xe mùa đông năm ngoái. Anh dùng băng keo bó gọn cuốc chim và xẻng lại với nhau, đoạn lấy dây thừng cột thành dây đeo.

Cột dụng cụ vào dây đeo. Bế Gage trên tay. Anh vòng dây ra sau lưng, đoạn mở cửa hành khách của chiếc Civic lôi bọc vải ra. Gage nặng hơn Church rất nhiều. Có lẽ đến lúc bế được con trai đến khu chôn cất của người Micmac, anh sẽ chẳng đi nổi mà phải bò lồm cồm – nhưng anh còn phải đào huyết, cật lực đào xới phần đất cần cỗi, cứng như đá kia.

Chà. Anh sẽ xoay sở được. Bằng cách nào đó.

Louis Creed bước ra khỏi ga ra, dừng chân, dùng khuỷu tay gạt công tắc đèn rồi khựng lại ở nơi nhựa đường nhường chỗ cho cỏ dại. Dù trời tối, anh vẫn có thể thấy rõ con đường mòn dẫn lên Nghĩa địa Thú cưng trước mặt; con đường mòn với cỏ mọc thưa thưa nhờ phát sáng.

Gió hun hút thổi tới, luồn những ngón tay qua tóc anh, và trong thoáng chốc, nỗi sợ bóng tối thời thơ ấu vồ vập lấy anh, khiến anh cảm thấy mình yếu đuối, nhỏ bé và kinh hãi biết bao. Anh sẽ dẫn thân vào rừng với xác chết trên tay, bước qua những

hàng cây nơi gió cứ xào xạc thổi, đi từ bóng tối này sang bóng tối khác ư? Và lần này, chỉ một mình thôi sao?

Đừng nghĩ nữa. Cứ làm đi.

Louis dần bước.

* * *

Hai mươi phút sau, khi lên tới Nghĩa địa Thú cưng, tay chân run bần bật vì mỏi nhừ, anh khuyu xuống, bọc vải để giữa chân, thở không ra hơi. Anh nghỉ ở đó thêm hai mươi phút, chập chờn thiếp đi, không còn sợ hãi – xem ra mệt mỏi đã đẩy lùi nỗi sợ.

Cuối cùng, anh cũng có thể gượng dậy, bán tín bán nghi không biết mình có đủ sức trèo qua đồng cây đổ hay không, nhưng trong đầu ngay đại biết rằng mình phải thử. Anh cảm tưởng bọc vải bạt trong tay mình phải nặng đến chín mươi cân chứ không phải mười tám.

Nhưng chuyện xảy ra trước đó lại tái hiện; tựa hồ bất thành linh nhớ lại giấc mơ. Không, không phải nhớ lại mà là *hồi tưởng*. Khi đặt chân lên thân cây đầu tiên, cảm giác kỳ dị ấy một lần nữa dâng lên trong anh, cảm giác gần như hân hoan. Mệt mỏi vẫn còn đó, nhưng anh chịu đựng được – nó chẳng quan trọng nữa.

Cứ đi theo ta. Đi theo ta và đừng nhìn xuống. Đừng chần chừ và đừng nhìn xuống, Louis. Đừng do dự và đừng nhìn xuống. Ta biết đường đi, nhưng phải hành động nhanh và dứt khoát.

Nhanh và dứt khoát, phải – như cách ông Jud rút vòi chích của con ong.

Ta biết đường đi.

Nhưng đường đi chỉ có một mà thôi, Louis thầm nghĩ. Nó cho ta đi qua, hoặc không. Trước đây, có lần anh đi một mình, thử trèo qua đồng cây đổ nhưng thất bại. Lần này anh trèo lên thật nhanh, bước từng bước quyết đoán, như anh đã đi vào đêm ông Jud dẫn đường.

Cứ bước đi, bước đi, không nhìn xuống, thi thể con trai bọc vải bạt ôm trong lòng. Tiến tới, tiến tới, cho đến khi gió hun hút tạo thành những lối đi, những khoang hốc bí mật trong tóc anh, thối nó tung bay ngược xuôi.

Anh chững lại, đứng trên đỉnh đồng cây đổ rồi đi xuống thật nhanh như thể bước xuống cầu thang. Cuốc chim và xẻng lạch cạch va vào nhau trên lưng. Chưa đầy một phút sau, anh đã đứng ở con đường đất lạo xạo đầy lá kim, đồng cây đổ lừng lững đằng sau, cao hơn cả hàng rào nghĩa trang.

Anh đặt chân lên đường mòn cùng con trai mình, lắng nghe gió rên rỉ trong rặng cây. Âm thanh ấy chẳng khiến anh run sợ nữa. Bởi công việc tối nay đã sắp sửa hoàn thành.

Rachel Creed chạy ngang qua biển báo để LỐI RA SỐ 8 RẼ PHẢI RA PORTLAND WESTBROOK, bật xi nhan rồi đánh chiếc Avis Chevette về lối ra khỏi cao tốc. Cô có thể nhìn thấy rõ mồn một bảng hiệu màu xanh của nhà nghỉ Holiday Inn giữa trời đêm. Giường để ngủ. Dấu chấm hết cho bao căng thẳng dồn dập, khổ sở, không rõ nguồn gốc này. Cũng là cái kết – méo mó có còn hơn không – cho cảm giác trống rỗng giày vò tâm khảm của cô khi con mình không còn trên cõi đời. Cô phát hiện nỗi đau này giống như khi ta nhổ một cái răng to tướng. Ban đầu ta sẽ thấy tê, nhưng qua cảm giác tê ấy, ta cảm thấy cơn đau cuộn lên như con mèo phẩy đuôi, cơn đau lập lờ chờ lộ diện. Và khi thuốc gây tê cục bộ Novocaine hết tác dụng, ôi trời ơi, chắc chắn ta không hề thất vọng.

Anh ta bảo anh ta đã được cử đi để cảnh báo... nhưng anh ta không thể can thiệp. Anh ta nói anh ta ở gần bố con bé vì họ đang ở cạnh nhau lúc linh hồn anh ta là khởi xác.

Ông Jud biết chuyện nhưng không chịu nói. Có chuyện gì đó đang xảy ra. Rõ ràng là vậy. Song rốt cuộc là gì?

Tự sát? Lẽ nào là tự sát? Louis không phải típ người đó: mình không tin. Nhưng anh ấy đang nói dối mình. Điều đó thể hiện trong

mắt anh ấy... ôi khốn nạn, nó thể hiện trên toàn bộ KHUÔN MẶT anh ấy, như thể anh ấy muốn mình thấy lời nói dối ấy... thấy nó và chặn đứng nó... vì một phần trong anh ấy thấy sợ... quá sức sợ hãi...

Sợ hãi ư? Louis KHÔNG ĐỜI NÀO sợ hãi!

Bất thành linh, cô đánh lái thật mạnh chiếc xe Chevette sang trái, chiếc xe đột ngột giạt cục đặc trưng ở những dòng xe nhỏ, bánh xe rít lên. Trong khoảnh khắc, cô còn tưởng xe sắp lật nhào đến nơi. Nhưng chiếc xe chạy thẳng trở lại và giây sau, cô đã tiếp tục bon bon về phía Nam, để lại Lối ra số 8 cùng bảng hiệu Holiday Inn dễ chịu lùi lại phía sau. Một tấm biển báo mới lọt vào tầm mắt cô, sơn phản quang lấp lánh đầy ma mị.

LỐI RA TIẾP THEO TUYẾN SỐ 12 CUMBERLAND

TRUNG TÂM CUMBERLAND JERUSALEM'S LOT

FALMOUTH FALMOUTH FORESIDE

Jerusalem's Lot, cô băng quơ nghĩ, cái tên nghe kỳ lạ quá. Vì vài lý do mà cái tên ấy khiến cô cảm thấy khó chịu. Đến ngủ lại ở *Jerusalem*.

Nhưng đêm nay cô sẽ thức trắng; bất chấp lời khuyên của ông Jud, cô vẫn quyết định lái thẳng về nhà. Ông Jud biết chuyện gì đang xảy ra, ông cũng hứa với cô sẽ đặt dấu chấm hết cho chuyện đó, nhưng ông cụ đã hơn tám mươi tuổi rồi, chưa kể mới ba tháng trước, ông còn mất đi người bạn đời của mình. Cô không đặt lòng tin vào ông Jud được. Đáng lý cô không nên cho phép Louis đuối khéo mình ra khỏi nhà như vậy, nhưng quả thật, cô có chút yếu lòng sau khi Gage qua đời. Ellie cầm bức hình Polaroid chụp chung với Gage và gương mặt hốc hác của

con bé – đó là khuôn mặt của một đứa trẻ sống sót sau trận lốc xoáy hoặc trận ném bom bất ngờ giữa trời xanh mây trắng. Bao đêm đằng đằng, cô những muốn cắn hận Louis vì nỗi đau anh gieo rắc trong lòng cô, vì không cho cô sự an ủi mà cô cần (hoặc để cô trao đi sự an ủi cô cần trao), nhưng cô không thể. Cô yêu anh quá nhiều, và khuôn mặt anh sao mà xanh xao đến thế... sao mà cảnh giác đến thế...

Mũi kim công tơ mét của chiếc xe Chevette dịch qua bên phải mốc chín mươi lăm ki-lô-mét một giờ. Một ki-lô-mét rưỡi một phút. Có lẽ mất hai tiếng mười lăm phút nữa để đến Ludlow. Có khi cô sẽ tới nơi trước bình minh.

Cô lần tìm radio, bật công tắc, tìm đài phát nhạc rock and roll ở Portland. Cô vặn to âm lượng rồi ngân nga hát theo, cố giữ cho bản thân tỉnh táo. Nửa tiếng sau, âm thanh từ đài loẹt xoẹt tiếng được tiếng mất, cô bèn chuyển sang đài phát thanh Augusta, hạ cửa sổ xuống, để không khí xáo động buổi đêm tràn vào.

Cô tự hỏi đêm nay liệu có đi đến hồi kết.

Louis một lần nữa nhận ra giấc mơ của mình và nằm trong gọng kìm của nó; thỉnh thoảng, anh lại nhìn xuống để đảm bảo mình đang vác theo thi thể bọc trong vải bạt chứ không phải cái xác đựng trong bịch rác Hefty Bag màu xanh. Anh nhớ buổi sáng hôm sau cái đêm ông Jud dẫn anh lên vùng đất ấy cùng với xác của Church, anh tỉnh giấc mà chẳng nhớ nổi họ đã làm gì – nhưng giờ anh nhớ từng cảm giác rõ mồn một ra sao, mọi giác quan sống động ra sao, như thể chúng tự vươn ra, chạm vào rừng cây tựa sinh vật sống, như thể thần giao cách cảm với anh.

Anh men theo đường mòn, một lần nữa nhận ra những nơi con đường rộng chẳng kém gì Tuyến số 15, những nơi lối đi lại hẹp đến độ anh phải xoay ngang bọc vải để đầu và chân của Gage không vướng vào bụi cây, những nơi con đường uốn lượn qua hàng cây đan xen tựa giáo đường nguy nga. Anh có thể ngửi thấy mùi nhựa thông còn tươi, anh có thể nghe thấy tiếng lá kim răng rắc lạ kỳ dưới chân mình – âm thanh đến từ cảm giác nhiều hơn thính giác.

Cuối cùng, con đường bắt đầu dốc xuống. Đi một lát, chân anh lồm bồm qua làn nước nông và sa vào bùn đặc quánh... là

cát lún, nếu lời ông Jud là đúng. Nhìn xuống, Louis có thể trông thấy vũng nước đọng giữa khóm lau sậy um tùm và bụi cây thấp nhếch nhác với lá có kích thước to đến độ chẳng khác nào lá cây vùng nhiệt đới. Anh nhớ đêm hôm ấy, không gian cũng sáng như thế này. Cũng mang nhiều điện tích.

Chỗ tiếp theo cũng tương tự đồng cây đổ – ta phải bước thật đều và thong dong. Cứ đi theo ta và đừng nhìn xuống dưới.

Vâng, được thôi... mà nhân tiện cháu xin hỏi, ông có bao giờ thấy những loài cây như thế này ở Maine không? Ở Maine hay ở bất cứ nơi nào khác? Nhân danh Chúa, tên của chúng là gì vậy?

Kệ đi, Louis. Cứ đi tiếp đi.

Anh bắt đầu bước tiếp, đưa mắt quan sát bụi rậm ẩm ướt, sinh lầy đủ lâu để nhìn thấy bụi cây đầu tiên, sau đó anh chỉ nhìn thẳng về phía trước, chân thoăn thoắt từ gò đất rậm cỏ này sang gò đất khác – *niềm tin là chấp nhận trọng lực như định đề*, anh thầm nghĩ; đây không phải là điều anh được dạy trong khóa Thần học hoặc khóa Tâm lý ở trường đại học mà là điều thầy Vật lý cấp ba của anh từng nói vào cuối học kỳ... Louis nhớ mãi không quên.

Anh chấp nhận khu chôn cất của người Micmac có khả năng hồi sinh người chết và bước vào Đầm Tiểu Thần với con trai trong tay, không nhìn xuống, cũng không ngoái ra sau. Đầm lầy lúc này rộn ràng âm thanh hơn thời điểm cuối thu.Ếch kêu ôm ộp trong bụi lau sậy, đàn đồng ca chói tai mà Louis cảm thấy xa lạ và không chào đón. Thỉnh thoảng, một con ếch lại búng lên âm thanh trầm đục trong họng. Đi được hai mươi bước vào Đầm Tiểu Thần, thứ gì đó lao vụt qua anh... chắc là dơi.

Sương mù băng lạnh trên đất bắt đầu quần quít quanh chân anh, ban đầu che hết giày, rồi cổ chân, cuối cùng, nó bọc anh trong lớp vỏ con nhộng màu trắng nhờ nhờ. Anh có cảm giác không gian sáng hơn, độ sáng ấy rung động như nhịp đập của quả tim kỳ dị. Chưa bao giờ anh cảm nhận rõ nét thiên nhiên hiện diện thành một thế lực thống nhất, một thực thể thật sự... thậm chí có cả tri giác. Khu đầm lầy này có sinh mệnh, nhưng không phải do dàn hòa ca kia. Nếu được yêu cầu định nghĩa về ý nghĩa hoặc bản chất của sinh mệnh ấy, anh không biết phải trả lời ra sao. Chỉ biết nó tràn trề khả năng, lớp lớp sức mạnh. Bên trong nó, Louis thấy mình thật bé nhỏ, thật xác phàm.

Và rồi có một âm thanh, anh nhớ lần trước anh cũng nghe thấy: tiếng cười ré lên, khùng khục thành tiếng khóc. Theo sau là khoảng lặng trong chốc lát, đoạn tiếng cười lại vang lên, lần này rít ré như điên như dại khiến máu trong người Louis đông cứng. Sương mù băng lạnh quần quanh anh. Tiếng cười phai đi, chỉ văng vẳng trong âm thanh của gió, nghe thấy nhưng không còn cảm nhận được. Tất nhiên là không thể; đây hẳn là một dạng lòng chảo địa chất trong đất. Nếu gió có thể thổi đến tận đây, đáng lý ra nó phải khiến sương mù tan đi... và Louis không chắc anh muốn nhìn thấy thứ gì lộ ra bên dưới nữa.

Có thể còn nghe thấy cả những âm thanh như tiếng nói, nhưng chỉ là tiếng của những kẻ du thủ du thực dưới mạn Nam phía Prospect. Âm thanh vang lên tận đây. Ngộ nhỉ.

“Du thủ du thực,” Louis nói, gần như không nhận ra giọng nói chát chúa, có phần gớm ghiếc của bản thân.

Anh thoáng lưỡng lự rồi lại bước tiếp. Như thể trừng phạt bản thân vì dám khựng lại trong chốc lát, anh trượt chân ở bụi cỏ tiếp theo, suýt chút nữa tuột giày khi cố kéo nó ra khỏi bùn lầy bám dính dưới vũng nước nông.

Giọng nói ấy – nếu quả thật đó là giọng nói – tiếp tục vang lên, lần này là từ bên trái. Lát sau, nó vang lên từ đằng sau anh... ngay đằng sau, như thể nếu quay mặt lại, anh sẽ trông thấy một thứ bê bối máu cách mình chưa tới ba mươi phân, nghe răng, mắt long sòng sọc... nhưng lần này Louis không đi chậm lại. Anh nhìn thẳng về phía trước và cứ thế bước đi.

Chợt sương mù thôi phát sáng, và Louis trông thấy một khuôn mặt đang lơ lửng trong không trung ngay trước mặt anh, găm gù lờm anh, lăm bằm rên rỉ. Đôi mắt của nó xé lên như mắt trong tranh cổ Trung Hoa, có màu xám vàng, trũng sâu, lóe sáng. Miệng nó nghịch xuống há hốc; môi dưới lộ ra ngoài, để lộ hàm răng ó màu nâu đen, nham nhở trổ đến tận chân răng. Nhưng thứ khiến Louis choáng váng nhất là đôi tai, bởi chúng chẳng phải tai mà là cặp sừng cong cong. không giống sừng của quỷ dữ mà là sừng của cừu đực.

Thủ cấp gớm ghiếc lơ lửng này như đang nói và rít lên cười. Miệng nó chuyển động, dù môi dưới bề gấp xuống không trở lại vị trí và hình dạng ban đầu. Những mạch máu bên trong giật giật đen đúa. Hai lỗ mũi nó hùng hục với hơi thở và với sự sống, phà làn hơi trắng ra ngoài.

Louis tiến lại gần, cái lưỡi của thủ cấp thè ra. Lưỡi vừa dài vừa nhọn, mang màu vàng bẩn thỉu. Nó bọc một lớp vảy bong tróc. Khi Louis đưa mắt nhìn, một chiếc vảy nảy lên như nắp

cổng, đoạn côn trùng trắng bò ra. Đầu lưỡi lưỡi biếng giật lên giật xuống trong không trung, bên dưới vị trí đáng lý ra phải có yết hầu... Nó đang cười.

Anh siết chặt lấy Gage, ôm con vào lòng như muốn bảo vệ, chân loạng choạng và bắt đầu bị trượt trên những bụi cỏ khô bám.

Có khi ta sẽ trông thấy lửa Thánh Elmo, dân thủy thủ hay gọi đấy là ma trời. Nó có hình dáng quái gở lắm, nhưng chẳng là gì đâu. Nếu nhìn thấy hình thù và bị làm phiền, chấu cứ quay sang hướng khác....

Giọng ông Jud vang lên trong đầu tiếp cho anh thêm quyết tâm. Anh tiếp tục vững vàng bước tới trước, ban đầu hơi lảo đảo nhưng hồi sau cũng thăng bằng trở lại. Anh không quay đi, nhưng anh để ý thấy khuôn mặt ấy – nếu đó quả thật là khuôn mặt chứ không phải hư ảnh do sương mù và tâm trí anh tạo ra – có vẻ luôn cách anh một khoảng cố định. Vài giây hoặc vài phút sau, nó cứ thế tan vào sương mù đang trôi dạt.

Đó không phải là lửa Thánh Elmo.

Không, tất nhiên là không phải. Nơi này nhan nhản u linh; đến độ tối tăm vì chúng. Nếu nhìn quanh, thể nào ta cũng thấy thứ gì đó đủ khiến ta phát điên. Anh bèn dẹp nó ra khỏi đầu. Không việc gì phải nghĩ đến nó. Không việc gì phải...

Có thứ gì đó đang trở tới.

Louis khựng lại, căng tai lắng nghe âm thanh ấy... tiếng động không nao núng, càng lúc càng gần. Miệng anh há hốc, tất cả những sợi gân giữ hàm đóng lại đều bủn rủn.

Tiếng động ấy chẳng giống bất cứ âm thanh nào anh từng nghe trong đời – âm thanh ấy vô cùng sống động; rất khổng lồ. Nó ở đâu đó gần đây, dần dà tiến lại, răng rắc làm gãy cành cây. Có tiếng bụi cây loạt soạt dưới đôi chân vượt ngoài sức tưởng tượng. Mặt đất nhão nhoẹt như thạch dưới chân Louis bắt đầu rung lên theo từng nhịp giao cảm. Anh nhận ra mình đang rên rỉ

(ôi Chúa ơi ôi lạy Chúa tôi thứ gì vậy thứ gì đang tiến đến trong màn sương vậy?)

và anh ôm chặt Gage vào ngực mình; anh nhận ra những con ếch đều đã im bật, anh nhận ra thứ không khí ẩm ướt giờ đây nồng nặc xú khí kỳ dị, khủng khiếp, chẳng khác nào mùi thịt heo hư thối.

Dù nó là gì chẳng nữa thì nó cực kỳ to lớn.

Khuôn mặt kinh hoàng, bắn khoăn của Louis cứ nghech lên dần, như một người đang nhìn theo đường bay của tên lửa vừa phóng. Thứ đó nện thành thạch từng bước về phía anh, có tiếng cây đổ đánh rầm đâu đó xung quanh – không phải cành cây mà là cả thân cây.

Louis nhác thấy thứ gì đó.

Trong thoáng chốc, sương mù nhuộm màu xám đen mờ đục, nhưng cái bóng mờ nhàn ảnh, nửa hư nửa thực ấy phải cao đến mười tám mét là ít. Nó không chỉ là bóng đen, không phải thứ ma quỷ bất hình tướng; anh có thể cảm thấy không khí xáo động khi nó đi qua, có thể nghe thấy tiếng chân nó ầm ầm nện xuống, tiếng bùn lồm bồm khi nó tiến lên.

Anh tin rằng trong khoảnh khắc, anh đã trông thấy hai ánh sáng màu cam vàng lóe lên ở trên cao. Tia sáng như hai con người.

Rồi âm thanh ấy bắt đầu phai dần. Khi nó đi khỏi, một con ếch dè dặt cất tiếng ồm ộp – duy nhất một con. Một con khác đáp lại. Con thứ ba tham gia cuộc trò chuyện; con thứ tư khiến câu chuyện rôm rả hẳn; con thứ năm, thứ sáu góp phần tạo nên hội nghị loài ếch. Âm thanh di chuyển của thứ sinh vật kia (chậm, nhưng không vấp vấp; có lẽ cảm nhận đường đi của nó rõ ràng đến vậy là điều khủng khiếp nhất) đang tiến về phía Bắc. Nhỏ dần. nhỏ dần... rồi mất hẳn.

Cuối cùng, Louis mới tiếp tục cất bước. Vai và lưng anh đông cứng, đau chẳng kém bị hành hạ. Mồ hôi như lớp quần áo lót bên trong, phủ từ cổ xuống mắt cá, bết vào người, nóng hừng hực. Những con muỗi đầu tiên của mùa, vừa mới sinh sôi, hau háu đói, phát hiện ra anh, liền bầu vào đánh chén bữa khuya.

Là Wendigo, Chúa ơi, đó là Wendigo – thứ sinh vật hoành hành ở những vùng phương Bắc, thứ sinh vật có thể chạm vào ta và biến ta thành kẻ ăn thịt người. Chính là nó. Wendigo vừa mới đi qua, cách mình chưa tới sáu mươi mét.

Anh mắng bản thân thôi làm trò lơ bịch, hãy hành động như ông Jud, tránh nghĩ tới những thứ mình có thể thấy hoặc nghe khi bước qua Nghĩa địa Thú cưng – đó chỉ là những kẻ du thủ du thực, là ngọn lửa Thánh Elmo, là nhóm các cầu thủ giao bóng dự bị của đội New York Yankees. Là gì cũng được, miễn không phải là những sinh vật nháy nhót, trườn bò, kéo lê ở thế giới giữa hai cõi. Xin hãy để Chúa tồn tại, xin hãy có những buổi

sáng Chủ nhật làm lễ, hãy có những mục sư Giáo hội Giám nhiệm mỉm cười trong bộ áo tể trắng tinh tươm... nhưng xin đừng để những thứ khiếp đảm tối tăm, lê lét tồn tại ở màn đêm của vũ trụ.

Louis cứ thế đi tiếp cùng con trai mình, dần dà, mặt đất trở nên cứng chắc hơn dưới chân anh. Chốc sau, anh đi đến cái cây bị đổ, ngọn cây rõ mồn một trong làn sương mỏng, trông như chổi lông gà màu xanh xám mà người dọn phòng khổng lồ đánh rơi.

Cây bị gãy – gãy tan nát – và vết gãy còn mới đến độ ruột cây màu trắng vàng vẫn rỉ nhựa âm ỉ khi Louis chạm vào lúc anh trèo qua... ở phía bên kia có khoảng đất to tướng lõm xuống mà anh phải lom còm bò toài trèo ra, dù những bụi cây bách xù và nguyệt quế bị đập bẹp dưới đất, anh vẫn không cho phép bản thân mình tin đây là dấu chân. Sau khi trèo ra ngoài hố lõm, anh hoàn toàn có thể quay đầu nhìn xem hình dạng của nó ra sao, nhưng anh không làm thế. Anh cứ đơn giản bước tiếp, làn da lạnh ngắt, miệng nóng bừng, khô khốc, trống ngực dồn dập.

Đi thêm một lát, dưới chân anh không còn cảm giác lép nhép của bùn nữa. Tiếng lá linh sam lao xao khe khẽ vang lên. Sau đó, địa hình chuyển sang đất đá. Anh sắp sửa đến đích rồi.

Mặt đất bắt đầu dốc tức hẫ. Cẳng chân anh nhúc nhối trèo lên mô đất. Nhưng đây không phải chỉ là đá. Louis vụng về vươn tay ra (dây đeo trên khuỷu tay đã tê rần cọ rít lên) chạm vào nó.

Có bậc thang. Cắt vào đá. Cứ đi theo ta. Lên đến đỉnh là tới nơi.

Anh bắt đầu trèo lên, hưng phấn quay trở lại, gạt phăng bao mệt mỏi rã rời... chỉ ít là trong thoáng chốc. Tâm trí anh quay cuồng theo mỗi bậc thang, khi cái rét buốt bao trùm lấy anh, khi anh trèo vào cơn gió di chuyển không ngừng như sông chảy, càng lúc càng mạnh, vun vút quật vào quần áo anh, khiến tấm vải bạt bọc Gage phành phạch kêu lên như cánh buồm no gió.

Ngẩng đầu lên, anh thấy hằng hà sa số ngôi sao trên bầu trời. Anh chẳng nhận ra chòm sao nào nên bối rối quay mặt đi. Bên cạnh anh là bức tường đá, không bằng phẳng mà lởm chởm, gồ ghề, dễ vụn, chỗ thì trông giống con thuyền, chỗ thì trông giống con lửng, chỗ lại hao hao mặt người với đôi mắt trũng xuống đang chau lại. Chỉ có những bậc thang được đục đẽo từ đá mới bằng phẳng.

Lên tới đỉnh, Louis đứng đó cúi đầu, loạn choạng, hồng hộc hút lấy hít để không khí vào ra buồng phổi. Phổi anh đau chẳng khác nào bâng quang bị đâm như tử, tưởng chừng có một mảnh gỗ lớn đâm vào hông.

Gió thốc qua tóc anh như vũ công, gào thét trong tai anh như con rồng gầm rít.

Đêm nay, không gian sáng hơn một chút; lần trước trời có phủ đầy mây không nhỉ, hay do anh không để ý? Chẳng quan trọng. Anh có thể thấy cảnh quan, và chừng đó là đủ để cơn lạnh chạy dọc sống lưng anh.

Nơi này giống y như Nghĩa địa Thú cưng.

Tất nhiên mà biết điều đó, tâm trí anh thì thâm khi anh đưa mắt nhìn những đồng đá từng dựng thành ụ đánh dấu bia mộ.

Mày thừa biết điều đó – hoặc lý ra phải biết điều đó; đây không phải những vòng tròn đồng tâm mà là xoắn ốc...

Phải. Trên đỉnh phiến đá tảng đối mặt với ánh sao đêm lạnh lẽo và những khoảng không tối thui giữa những vì tinh tú là một xoắn ốc khổng lồ, người xưa sẽ nói ấy là do Nghìn Tay để lại. Nhưng Louis không thấy ụ đá nào; mọi ụ đá đều đã tan tành khi thứ được chôn bên dưới sống dậy... và bò ra ngoài. Nhưng những hòn đá dù rơi xuống vẫn thể hiện rõ hình dạng của xoắn ốc.

Có ai từng thấy cảnh tượng này từ trên cao chưa nhỉ? Louis băng quơ nghĩ, nhớ lại những hình vẽ trên sa mạc mà bộ lạc người da đỏ từng tạo ra ở Nam Mỹ. Có ai từng thấy cảnh tượng này từ trên cao chưa, và nếu thấy, không biết họ nghĩ gì?

Anh quỳ gối, vừa đặt thi thể của Gage xuống đất vừa rên lên nhẹ nhõm.

Cuối cùng, tỉnh táo cũng quay trở lại. Anh lấy con dao bỏ túi cắt băng keo quấn cuốc chim và xẻng vắt trên lưng. Chúng rơi lanh canh xuống đất. Louis nằm vật xuống một lát, tứ chi đang rộng, vô định nhìn lên bầu trời đầy sao.

Thứ trong rừng ban nãy là gì nhỉ? Louis, Louis, mày có thực sự nghĩ sau cao trào của vở kịch sẽ là cái kết có hậu khi có một nhân vật như vậy trong dàn diễn viên không?

Nhưng lúc này đã quá trễ để rút lui, anh biết là như thế...

Với lại, anh lại nhải với chính mình, mọi chuyện vẫn có thể kết thúc êm đẹp mà, không liều thì sao hải được, không yêu thương thì sao dám liều lĩnh. Mình vẫn còn cái túi, không phải cái túi dưới lầu mà là cái túi trong nhà tắm, trên kệ cao, cái túi mình đã bảo

*Ellie đi lấy vào đêm bà Norma lên cơn đau tim. Bên trong vẫn cất
sắc kim tiêm, và nếu có chuyện gì xảy ra... chuyện không như ý...
ngoài mình ra, không ai cần biết.*

Suy nghĩ của anh dần tan biến thành một chuỗi nguyện cầu
lầm bầm, đều đều khi tay anh chộp lấy cuốc chim... Vẫn quỳ
gối, Louis bắt đầu đào đất. Mỗi lần vung cuốc chim, anh lại phủ
phục xuống, như người La Mã xưa rạp mình lên mũi kiếm tự
sát. Nhưng rồi từng chút một, cái hố thành hình, càng lúc càng
sâu. Anh bới đá ra ngoài, đẩy phần lớn sang bên thành đồng đất
đá lổn nhổn. Anh giữ lại một ít.

Để làm ụ đá.

Rachel tát vào mặt mình cho đến khi mặt tê rần, thế mà cô vẫn gật gà gật gù. Có lần, cô bừng tỉnh dậy (giờ cô đang ở Pittsfield, cả con đường cao tốc chỉ có một mình cô), và cô cảm tưởng trong khoảnh khắc hàng chục đôi mắt màu bạc tàn nhẫn đang dán vào cô, lấp lánh như ngọn lửa lạnh lẽo háu đói.

Nhưng rồi nhìn kỹ thì hóa ra chúng là những thiết bị phản quang nhỏ gắn trên cột lan can đường cao tốc. Chiếc Chevette đã chệch vào làn dừng xe khẩn cấp.

Cô xoay mạnh tay lái sang trái khiến bánh xe rít lên, và nếu không lầm thì cô vừa nghe thấy một tiếng *cách!* rất khê, rất có thể hăm xung đẳng trước bên phải vừa quét phải lan can. Tim cô nhảy đánh thót trong lồng ngực rồi bắt đầu nện thành thịch, mạnh đến độ mắt cô nổ đom đóm, to lên và xẹp xuống cùng lúc với nhịp đập. Thế mà phút sau, dù suýt chút nữa va chạm, dù cực kỳ sợ hãi, dù Robert Gordon đang gào rống bài “Nóng bỏng tay” trên radio, cô lại từ từ mơ màng.

Một suy nghĩ điên rồ, hoang tưởng xuất hiện trong đầu cô. Đúng là cơ thể cô mệt rũ rượi, đó là điều không có gì phải nghi ngờ, nhưng cô mạnh nha cảm thấy có thể lực nào đó đang cố ngăn cô đến Ludlow tối nay.

“Đúng là hoang tưởng,” cô lẩm bẩm dưới tiếng nhạc rock and roll. Cô cố phá lên cười – nhưng không nhếch mép nổi. Vì suy nghĩ ấy cứ bám riết lấy cô, và giữa đêm đen bí bưng, nó lại đáng tin đến dị thường. Cô cảm thấy mình như nhân vật hoạt hình đâm đầu chạy, kéo căng sợi dây cao su của chiếc ná khổng lồ. Anh chàng tội nghiệp càng lúc càng cảm thấy khó chạy lên, cho đến khi thể năng của dây cao su bằng với thể năng của anh ta... quán tính trở thành... gì ấy nhỉ? ... vật lý sơ cấp thôi mà... thể lực nào đó đang cố giữ cô lại... *ta cảm người can dự vào...* và một vật đứng yên có xu hướng giữ nguyên trạng thái đứng yên... *ví dụ như xác của Gage chẳng hạn...* khi bắt đầu chuyển động...

Lần này, tiếng bánh xe rít lên to hơn, cú va quệt gần hơn; thậm chí trong một thoáng, chiếc xe Chevette đã chạy dọc cáp lan can bảo hộ, phát lên tiếng kin kít, kèn kẹt, cạo lớp sơn xe trơ ra kim loại lấp lánh, trong một thoáng, tay lái không ăn, rồi Rachel đạp phanh thật mạnh, hồng học thở, lần này cô đã ngủ quên, không chỉ gật gù mà thật sự *ngủ quên và nằm mơ* ở vận tốc chín mươi lăm ki-lô-mét một giờ, nếu không có lan can bảo hộ... hoặc nếu có trụ cầu vượt thì...

Cô tắt xe vào mép đường, dừng lại, hai tay bưng mặt khóc giàn giụa, vừa sợ vừa bàng hoàng.

Có thể lực nào đó đang cố ngăn mình về bên anh ấy.

Khi cảm thấy bản thân đã bình tĩnh lại, cô mới tiếp tục chạy xe – tay lái của chiếc xe nhỏ có vẻ không bị hư hỏng gì, nhưng cô đoán công ty Avis thể nào cũng chất vớt đủ dôi khi cô trả lại xe ở sân bay Quốc tế Bangor vào ngày mai.

Mặc kệ đi. Giải quyết từng thứ một. Hiện giờ, việc đầu tiên mình phải làm là nạp một chút cà phê.

Khi lồi ra cao tốc Pittsfield xuất hiện, Rachel rẽ vào đó. Chạy chừng một cây số rưỡi thì cô trông thấy những ánh đèn hồ quang natri sáng trưng và tiếng ầm ỉ đều đều của động cơ diesel. Cô tấp vào, đổ đầy bình xăng Chevette (“Ai khiến chiếc xe va quệt được như vậy kể cũng tài,” nhân viên trạm xăng thốt lên với giọng nói gần như thán phục), đoạn bước vào tiệm ăn sục nức mùi dầu chiên xù, mùi trứng chiên... và chẳng còn gì bằng, có cả mùi cà phê pha đặc.

Rachel nốc trọn ba tách cà phê, lần lượt hết tách này đến tách kia giống như uống thuốc – cà phê đen, bỏ thật nhiều đường cho ngọt. Vài tài xế xe tải ngồi ở quầy hoặc ở các bàn ăn chòng ghẹo nữ nhân viên phục vụ, dưới ánh đèn huỳnh quang mồn mõi chiếu cho qua đêm tối, ai nấy trông như những cô y tá mệt mỏi, chất chứa quá nhiều hung tin.

Cô thanh toán rồi bước ra chỗ ban nãy mình đậu xe. Chiếc xe không khởi động được. Dầu xoay đi xoay lại trong ổ bao lần, chìa khóa chỉ khiến van điện từ cất lên tiếng cách khô khốc.

Rachel chậm rãi, bất lực đấm tay vào vô lăng. Có thể lực nào đó đang cố cản bước cô. Chẳng có lý do gì mà một chiếc xe mới toanh, công tơ mét ghi nhận chạy chưa tới tám nghìn ki-lô-mét, lại chết máy thế này, nhưng sự thật là vậy. Bằng một cách nào đó, xe đã chết máy, và giờ thì cô kẹt ở Pittsfield, cách nhà gần tám mươi cây số.

Cô lắng nghe tiếng ầm ỉ phát ra từ những chiếc xe tải cỡ lớn, rồi đau đớn, bàng hoàng, cô dám chắc chiếc xe tải đã cướp

mạng con trai mình đang ở đây... nó không phát ra tiếng âm ì,
mà cười khúc khích.

Rachel gục đầu nhạt nhòa lệ.

Louis vấp phải thứ gì đó rồi ngã sõng soài xuống đất. Trong một khắc, anh nghĩ mình chẳng còn sức dậy nổi – đứng dậy sao mà khó khăn quá – anh sẽ nằm yên ở đây, lắng nghe dàn hợp xướng của lũ ếch từ Đầm Tiểu Thần đâu đó đằng sau, cảm nhận màn đồng ca của đau nhức trong người mình. Anh sẽ nằm đây cho đến khi chìm vào giấc ngủ. Hoặc chết. Khả năng chết có vẻ cao hơn.

Anh vẫn nhớ mình đã nhét bọc vải bạt vào cái hố vừa đào, rồi lấp hầu hết phần đất bằng tay không. Và anh nghĩ anh còn nhớ mình đã dựng chồng đá lên, đáy to, nhỏ dần về phía đỉnh...

Kể từ đoạn đó trở đi, ký ức anh bắt đầu nhạt nhòa. Rõ ràng anh đã bước xuống các bậc đá, nếu không, anh đã chẳng ở đây... mà đây là đâu nhỉ? Nhìn quanh, anh lơ mơ nhận ra một trong những lùm thông cổ thụ cách đồng cây đổ không xa. Anh đã lặn lội qua Đầm Tiểu Thần cả quãng đường dài mà không hề hay biết ư? Anh đoán có lẽ là vậy. Đúng lắm.

Thế này là đủ xa rồi. Mình sẽ ngủ tại đây.

Nhưng chính suy nghĩ tưởng chừng dễ chịu ấy lại khiến anh gượng dậy đi tiếp. Vì nếu anh nán lại, biết đâu thứ đó sẽ tìm ra

anh... biết đâu ngay lúc này, thứ đó vẫn đang quanh quất trong rừng, sục sạo tìm anh.

Anh chà lòng bàn tay lên mặt và ngẩn ngơ ngạc nhiên khi thấy máu dính trên tay... xem ra anh đã bị chảy máu cam. “Ai thèm quan tâm kia chứ?” Anh găm gù trong họng, lãnh đạm quơ quàng xung quanh cho đến khi tìm thấy cuốc chim và xẻng.

Mười phút sau, đồng cây đổ lù lù hiện ra trước mắt. Louis trèo lên, loạng choạng hết lần này đến lần khác nhưng giữ được thăng bằng không ngã cho đến lúc gần xuống đến mặt đất. Đoạn anh nhìn xuống chân, một cành cây gãy răng rắc (ông Jud đã dặn đừng nhìn xuống kia mà), một cành khác rơi xuống, khiến chân anh trượt ra ngoài, kết cục là anh ngã nghiêng người đánh rầm, thiếu điều nghệt thở.

Mình bị sao quả tạ chiếu hay sao vậy, trong một buổi tối mà mình ngã xuống nghĩa trang đến hai lần.... chưa đủ thì mình đúng là xui tận mạng.

Anh lại rờ rẫm xung quanh tìm cuốc chim và xẻng, sau hồi mà mẫm, tay anh cũng vớ được chúng. Anh liếc mắt nhìn không gian xung quanh, lơ mơ dưới ánh sao. Gần đó là mộ của SMUCKY. Chú mèo rất ngoan, Louis rã rời nghĩ. Rồi TRIXIE, BỊ CÁN TRÊN CAO TỐC. Gió vẫn thổi ào ào, anh có thể nghe thấy tiếng một mảnh kim loại vang lên khe khẽ *ting-ting-ting* – có lẽ vốn dĩ đó là một cái lon đồ hộp Del Monte, được chủ nhân đau buồn khi thú cưng qua đời tỉ mẩn dùng kéo cắt kim loại của bố cắt ra rồi dùng búa đập dẹp, gắn vào que – nghĩ đến đây, nỗi sợ hãi lại dâng lên trong người anh. Song giờ anh mệt lử, không

thể cảm nhận sợ hãi một cách mãnh liệt, ban sơ nữa; cảm giác kinh sợ lúc này như nhịp đập trầm thấp, đáng chán. Anh xong việc rồi. Bằng cách nào đó, âm thanh *ting-ting-ting* vang lên đều đều từ màn đêm ấy khiến anh thắm thía điều này hơn bất cứ thứ gì khác.

Anh tiến vào Nghĩa địa Thú cưng, đi qua mộ của MARTA THỎ CUNG CHẾC 1 THÁNG BA 1965, gần nắm mồ của GEN. PATTON; anh bước qua tấm ván nham nhở đánh dấu nơi an nghỉ cuối cùng của POLYNESIA. Tiếng kim loại lúc này to hơn, anh dừng chân nhìn xuống. Và đây, gắn trên tấm ván hơi xiêu vẹo cắm xuống đất là một mảnh thiếc hình chữ nhật, dưới ánh sao, Louis đọc được dòng chữ RINGO CHUỘT NHÀ MÌNH 1964-1965. Chính mảnh thiếc này là thủ phạm kêu lạnh canh liên tu bất tận những tấm ván ở cổng vòm dẫn vào Nghĩa địa Thú cưng. Louis cúi xuống toan bẻ mảnh thiếc lại... thì cứng người, da gà nổi lên rần rật.

Có thứ gì đó đang di chuyển đằng xa. Có thứ gì đó đang di chuyển phía bên kia đồng cây đổ.

Anh nghe thấy tiếng động rón rén – tiếng lá linh sam loạt soạt khẽ khọt, tiếng cành con răng rắc, tiếng bụi cây sột soạt. Chúng gần như chìm ngấm dưới tiếng xào xạc khi gió thổi qua hàng cây linh sam.

“Gage?” Louis khản giọng.

Khi nhận thức được việc mình đang làm – đứng trong bóng tối, cất tiếng gọi đứa con đã chết – da đầu anh cứng lại, tóc tai dựng đứng. Anh không nhìn được mà run lẩy bẩy từng hồi như thể lên cơn sốt cao.

“Gage?”

Nhưng âm thanh ấy đã ngưng bật.

Chưa đâu; còn sớm quá. Đừng hỏi tại sao, chỉ là mình biết thế. Đó không phải Gage. Đó là... là thứ khác.

Anh chợt nhớ lại lời Ellie từng nói: *Chúa bảo, Lazarus, hãy ra đây... vì nếu Chúa không gọi đích danh Lazarus thì tất cả những người nằm trong nghĩa địa sẽ đội mồ sống dậy.*

Ở phía bên kia đồng cây đổ, những âm thanh ấy lại vang lên. Bên kia ranh giới. Gần như khuất bên dưới cơn gió, song không khuất hoàn toàn. Như thể một thứ gì đó mù lòa đang bám theo anh bằng bản năng cổ xưa. Quá kích động do khiếp đảm, bộ não của anh mừng tượng những hình ảnh đáng sợ: một con chuột chũi khổng lồ; một con dơi to lớn lạch phạch đi trong bụi rậm chứ không cất cánh bay.

Louis đi lùi ra khỏi Nghĩa địa Thú cưng, không dám quay lưng về phía đồng cây đổ – thứ ánh sáng mờ tỏ vẻ ma mị, vết seot thâm màu trên màn đêm – cho đến khi ra đến đường mòn. Đoạn anh hối hả guồng chân, chừng bốn trăm mét trước khi con đường mòn ra khỏi rừng, dẫn vào khoảng đất vắng sau nhà, anh gom góp được chút sức tàn để chạy thật mau.

Louis quăng bữa cuộc chim và xẻng trong ga ra, dừng chân ở lối dẫn vào nhà mình, quay ra nhìn con đường vừa đi rồi ngược nhìn bầu trời cao. Đã bốn giờ mười lăm phút sáng, anh đoán chẳng mấy chốc bình minh sẽ lộ rạng. Ánh mặt trời đã đi được ba phần tư quãng đường qua Đại Tây Dương, nhưng hiện tại ở Ludlow này, màn đêm vẫn bao trùm. Gió cứ thế phàn phật thổi.

Anh bước vào nhà, lần mò đi dọc ga ra rồi mở khóa cửa sau. Anh băng qua bếp mà không bật đèn, đoạn đi vào nhà vệ sinh nhỏ giữa bếp và phòng ăn. Đến lúc này, anh mới bật công tắc, thứ đầu tiên anh trông thấy là Church nằm cuộn tròn trên bồn cầu, chĩa đôi mắt vàng đục ngầu nhìn anh chăm chăm.

“Church à,” anh cất tiếng. “Tao tưởng có người tổng mày ra ngoài rồi.”

Church chỉ trăn trăn nhìn anh từ trên bồn cầu. Phải, có người đã tổng nó ra ngoài; đích thân anh chứ ai. Anh nhớ như in điều đó. Giống như việc anh nhớ dạo trước, mình đã thay kính cửa sổ dưới tầng hầm và tự nhủ với bản thân như thế là đầu vào đấy. Nhưng anh đang giỡn mặt với ai kia chứ? Khi Church muốn vào là vào được thôi. Vì Church nay khác xưa rồi.

Mà sao cũng được. Trong tàn cuộc rã rời, thần thờ này, chẳng có gì quan trọng nữa. Anh cảm thấy phần người trong anh như thui chột, vật vờ tựa cây ma ngu độn, lặc lè của Romero, hoặc kẻ trốn ra từ bài thơ của Eliot về những con người rỗng tuếch. *Lý ra mình nên có một cặp móng vuốt lồm chồm, thoăn thoắt bò qua Đêm Tiểu Thần lên khu chôn cất của người Micmac mới chuẩn*, anh nghĩ và khùng khục cười khô khốc.

“Quả đầu nhét đầy rơm, Church ạ,” anh khàn giọng nói, tay gỡ nút áo. “Tao đấy. Cái này tao nói thật.”

Có một vết bầm to tướng bên mạn sườn trái của anh, ở nửa trên lồng ngực, và khi cởi quần, anh phát hiện đầu gối trước đó đập vào bia mộ sừng to như quả bong bóng. Nó đã chuyển sang màu tím đen ung thối, và anh đoán khi nào anh ngừng gập duỗi chân, khớp sẽ cứng lại như đá và đau như hoạn – tựa hồ nhúng

vào xi măng. Trông nó giống những vết thương có thể giở chứng chuyện trò với anh vào những ngày mưa cho đến hết đời.

Mong muốn tìm chút an ủi, anh vươn tay toan vuốt ve Church nhưng con mèo nhảy khỏi bồn cầu, loạn choạng đến gai mắt trong bộ dạng như kẻ say rồi bỏ đi nơi khác. Nó còn kịp vút cho Louis cái liếc mắt vô cảm vàng vọt khi bước đi.

Trong tủ thuốc có thuốc giảm đau Ben-Gay. Louis hạ nắp bồn cầu, ngồi xuống và bôi thuốc lên đầu gối bị đau. Đoạn anh lấy thêm để chà lên xương cụt – vùng về mãi mới xong.

Anh ra khỏi nhà vệ sinh, bước vào phòng khách. Bật đèn ở sảnh, anh cứ ngây ra đứng dưới chân cầu thang, ngẩn ngơ nhìn xung quanh. Cảnh vật trông lạ lùng xiết bao! Đây là nơi anh đã đứng vào đêm Giáng sinh để tặng Rachel viên ngọc bích. Anh để nó trong túi áo ngủ. Còn đây là cái ghế nơi anh đã cố hết sức để giải thích bản chất của cái chết cho Ellie sau khi bà Norma Crandall lên cơn đau tim thập tử nhất sinh – thứ bản chất mà rốt cuộc bản thân anh cũng không tài nào chấp nhận. Cây thông Noel đứng trong góc, con gà tây bằng giấy màu của Ellie – nó khiến anh liên tưởng đến một con quạ tích hợp công nghệ tương lai — được dán vào cửa sổ bằng băng dính, và mới cách đây không lâu thôi, cả căn phòng này trống trơn, chẳng có gì ngoài những thùng đồ chuyển nhà của hãng United Van Lines, chứa đầy đồ đạc của gia đình anh, từ vùng Trung Đông bon bon trên xe tải băng qua cả nửa đất nước. Anh nhớ mình đã tự nhủ đóng vào thùng xong, đồ đạc nhà mình trông thật tầm thường; chúng là bức tường thành nhỏ nhắn ngăn cách gia đình anh với

sự lạnh lẽo của thế giới ngoài kia, nơi chẳng ai hay biết tên tuổi và thói quen của nhà anh.

Tất cả trông thật kỳ lạ xiết bao... anh thiết tha ước giá mà họ chưa bao giờ nghe đến đại học Maine, hoặc Ludlow, hoặc ông Jud và bà Norma Crandall, hoặc bất cứ điều gì liên quan.

Độc mỗi bộ đồ lót, anh lên tầng, vào nhà vệ sinh, đoạn lôi ghế đẩu xuống để đứng lên lấy chiếc túi nhỏ màu đen ở tầng trên cùng của tủ thuốc. Anh mang nó vào phòng ngủ lớn, ngồi xuống và bắt đầu lục lọi. Phải, bên trong có kim tiêm phòng trường hợp anh cần, giữa những cuộn băng keo y tế, kéo phẫu thuật và những bọc giấy chỉ phẫu thuật gấp gọn là những ống tiêm chứa dung dịch chết người.

Nếu cần.

Louis đóng túi lại rồi nhét nó dưới gầm giường. Sau khi tắt đèn trần, anh nằm xuống giường, hai tay kê dưới đầu. Được nằm ngửa nghỉ ngơi thế này đúng là thiên đường. Dòng suy tư của anh lại trở về với công viên Disney. Anh mừng tượng mình mặc đồng phục trắng giản dị, lái chiếc xe tải trắng với logo tai chuột bên trên – tất nhiên bên ngoài chẳng có dấu hiệu gì chỉ ra đây là đơn vị cứu hộ, không việc gì phải hù cho các vị khách đã mua vé chạy mất dép.

Gage ngồi bên cạnh anh, da rám nắng, trông trắng của đôi mắt ngả xanh khỏe mạnh. Ngay bên trái là Goofy đang bắt tay với một cậu bé; đứa trẻ ngẩn ngơ vì thích thú. Còn kia là chú gấu Pooh tạo dáng với hai bà cụ cười tươi roi rói mặc âu phục để bà cụ thứ ba, khuôn mặt tươi cười, có thể chụp hình; kia là một

cô bé diện bộ đầm xinh xắn đang la lớn: “Mình yêu cậu, Tigger ơi! Mình yêu cậu, Tigger!”

Anh cùng con trai đi tuần. Anh cùng con trai là những người lính gác nơi xứ sở thần tiên này, họ sẽ cứ thế rong ruổi trên chiếc xe tải trắng với đèn đỏ nhấp nháy trên bảng điều khiển được che chắn tinh tế và gọn gàng. Hai bố con không tìm kiếm rắc rối, nhưng họ sẵn sàng đối mặt nếu rắc rối nảy sinh. Không thể phủ nhận tai họa vẫn lẫn lút ở một nơi chuyên dành cho những vui thú thuần khiết như thế này; một người đàn ông nào đó đang toe toét mua cuộn phim dọc Đường Chính có thể ôm ngực vì lên cơn đau tim, một phụ nữ có thai có thể bất thành linh lên cơn đau đẻ khi bước xuống bậc thang từ Xe ngựa Mặt trời, một thiếu nữ xinh xắn như tranh Norman Rockwell có thể đột ngột ngã xuống do lên cơn động kinh, gót giày gõ lạch cạch lên nền xi măng cho thấy các tín hiệu trong não loạn xạ ngẫu. Người ta có thể bị say nắng, say nhiệt, tai biến mạch máu não, thỉnh thoảng, vào sẩm tối những ngày hè nóng ẩm ở Orlando xảy ra chớp; thậm chí có khi Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm còn xuất hiện ở đây – ta có thể bắt gặp hắt đi lòng vòng quanh cổng ra của đường sắt một ray dẫn vào Vương quốc Diệu kỳ, hoặc thờ ơ, ngây dại nhìn chăm chăm đu quay chú voi bay Dumbo – ở đây, Louis và Gage dần dà xem hắt như một nhân vật của công viên giải trí, giống như chú chó Goofy, chuột Micky, hổ Tigger hoặc chú vịt Donald đáng mến. Tuy nhiên, hắt là nhân vật mà chẳng ai muốn chụp hình chung hay muốn dẫn con cái đến giới thiệu. Louis và Gage biết hắt; bởi hai bố con từng đụng mặt hắt, đối diện với hắt ở New England. Hắt

canh me thời điểm để làm ta nghẹn họng vì viên bi, ngạt thở vì túi đựng đồ giặt khô, lèo xèo nướng chín ta vào ngàn thu bằng luồng điện nhanh như cắt, cực kỳ nguy hiểm – Có Sẵn Tại Công Tắc Điện Gần Nhất hoặc Chuôi Đèn Hở Vẫn Còn. Cái chết ẩn nấp trong bịch đậu phộng, miếng bít tết nghẹn trong cổ, gói thuốc lá tiếp theo. Hắn lớn vồn vồn mọi lúc mọi nơi, điều khiển các trạm kiểm soát phân cách giữa người dương kẻ âm. Nào kim tiêm bắn, nào bọ có độc, nào dây điện rơi xuống đất, nào cháy rừng. Những đôi giày trượt pa tin xoay vòng vòng tổng tiền những đứa trẻ ngây ngô ra thẳng nút giao đông như mắc cửi. Khi ta bước vào bồn để tắm, Oz cũng lập tức vào theo – Tắm Táp Cùng Bạn. Khi ta lên máy bay, Oz vớ lấy vé của ta. Hắn có mặt trong nước ta uống, thức ăn ta nuốt vào người. *Ai ở ngoài đấy vậy?* Ta hét vào màn đêm khi ta chỉ có một mình mà run như cây sậy, chính *hắn* sẽ cất tiếng đáp lại ta: Đừng sợ, là ta đây mà. Xin chào, nhà người mạnh giỏi chứ? Nghe bảo người bị ung thư ruột à, kinh quá, rõ là tội nghiệp, Cholly! Nhiễm trùng huyết! Bệnh bạch cầu! Xơ cứng động mạch! Huyết khối mạch vành! Viêm não! Viêm tủy xương! Hò dô, đi nào! Gã nghiện cầm con dao đứng ngay cửa. Điện thoại đổ chuông lúc nửa đêm. Máu sôi lên do axit trong bình ắc quy ô tô ở lối ra cao tốc tại North Carolina. Vài năm thuốc, nốc hết đi nào. Vệt xanh kỳ dị ở móng tay sau khi bị ngạt – đó chính là dấu hiệu cho thấy não đang vật vã giành giật sự sống bằng cách chiếm đoạt chút oxy còn sót lại, ngay cả phần oxy trong các tế bào còn sống dưới móng tay. Xin chào bà con cô bác, tên ta là Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia góp, nhưng các người có thể gọi ta là Oz nếu muốn, chứ gì nữa,

chúng ta là bạn bè bao năm rồi mà. Ta ghé qua tặng nhà người chút suy tim sung huyết hoặc cục máu đông con con trong não hay gì đó, chứ ta không ở lại chơi lâu được, ta phải đi gặp một phụ nữ để lo chuyện đẻ ngược, sau đó còn phải giải quyết nốt vụ ngạt khói ở Omaha.

Và giọng nói mỏng tang ấy lại hét lên, “Mình yêu cậu, Tigger ơi! Mình yêu cậu! Mình tin cậu, Tigger ạ! Mình sẽ mãi yêu thương và tin tưởng cậu, mình sẽ trẻ mãi không già, và phù thi Oz duy nhất sẽ sống trong lòng mình là gã lừa đảo lịch lãm từ Nebraska ấy! Mình yêu cậu...”

Hai bố con mình cứ thế ngao du... vì cốt lõi không phải chiến tranh, cũng chẳng phải tình dục, mà chỉ là trận chiến mệt mỏi, cao quý, vô vọng chống lại Phù thi Oz Dĩ đại và Ghia gớm. Mình và con trai, trong chiếc xe tải trắng dưới bầu trời Florida bừng sáng, bon bon trên đường. Đèn đỏ nhấp nháy được đẩy kín, nhưng vẫn ở đó nếu mình cần... và không ai phải đến nó, trừ hai bố con. Vì đất trong tim đàn ông, như sỏi đá. Người ta trông thứ gì có thể... rồi chắm bôn nó.

Vừa mơ màng trôi theo dòng suy nghĩ hỗn loạn ấy, Louis Creed vừa từ từ trôi dạt, rút từng sợi dây kết nối với thực tại, cho đến khi mọi suy nghĩ dừng lại, cơn mệt mỏi kéo anh xuống tình trạng mất ý thức, tối tăm, không chút mộng mị.

Trước khi hừng đông ló rạng trên bầu trời, trên bậc cầu thang xuất hiện những dấu chân. Chúng chậm rãi, vụng về nhưng đầy chủ đích. Một bóng đen di chuyển trong hành lang tối. Cùng với nó là mùi hôi nồng nặc. Dù đang chìm trong giấc

ngủ say, Louis lằm bằm nói mớ và quay người khỏi mùi hôi ấy. Anh vẫn đều đặn hít vào thở ra.

Hình bóng ấy đứng im như tượng ngoài cửa phòng ngủ lớn thêm một lúc. Đoạn nó bước vào. Mặt của Louis đang vùi trong gối. Bàn tay trắng dã vươn tới, một tiếng roẹt vang lên khi túi bác sĩ màu đen cạnh giường được mở ra.

Theo sau là âm thanh lanh canh, loạt soạt khe khẽ khi những thứ bên trong bị lục lọi.

Đôi tay mò mẫm, hờ hững gạt thuốc, ống bơm và kim tiêm sang một bên. Hồi sau, chúng tìm thấy thứ gì đó rồi giơ nó lên. Dưới tia sáng mờ nhạt đầu ngày, ánh bạc lóe lên.

Bóng đen ấy ra khỏi phòng.

Phần ba

PHÙ THỦY OZ DĨ ĐẠI VÀ GHIA GỚM

Bấy giờ, Chúa Giê-su lại đau lòng, bèn đến phần mộ. Mộ bằng một cái hang, trước cửa hang có một hòn đá chặn lại. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Hãy lăn hòn đá đi.”

Martha thưa rằng: “Lạy Chúa, đã có mùi, vì người nằm đó bốn ngày rồi.”

Cầu nguyện một lúc, Chúa Giê-su bèn kêu lên một tiếng lớn rằng: “Lazarus, hãy ra đây!” Và rồi người chết đi ra, chân tay buộc bằng vải liệm và mặt phủ khăn.

Chúa Giê-su phán cùng chúng rằng: “Hãy mở cho người, và để người đi.”

- Phúc Âm John (diễn giải)

“Tôi vừa nảy ra ý này,” bà kích động reo lên. “Sao trước đây tôi không nghĩ ra nhỉ? Sao ông không nghĩ ra kia chứ?”

“Nghĩ ra cái gì mới được?” Ông hỏi.

“Còn hai điều ước,” bà nhanh nhẩu đáp. “Chúng ta mới ước một điều thôi.”

“Như thế chưa đủ sao?” Ông tức giận hỏi.

“Chưa,” bà la lên đắc thắng. “Chúng ta ước thêm một điều. Ông xuống lấy nó mau lên, ta ước con trai ta sống lại.”

- W. W. Jacobs (Chân khỉ)

Ông Jud Crandall giật mình tỉnh giấc, suýt chút nữa ngã khỏi ghế. Ông không rõ mình đã ngủ bao lâu; có thể mới mười lăm phút, cũng có thể đã ba tiếng. Nhìn đồng hồ, ông nhận ra đã năm giờ kém năm. Ông có cảm giác mọi thứ trong căn phòng này đã chệch khỏi vị trí đầy tinh vi, một cơn đau chạy dọc lưng ông do ngủ ngời.

Ôi lão già xuẩn ngốc, ông xem mình đã làm gì kìa!

Nhưng ông biết rõ; trong thâm tâm, ông biết rõ sự thật. Nguyên nhân không chỉ nằm ở bản thân ông. Không phải tự dưng ông lại ngủ quên khi đang canh gác; ông đã bị đưa vào giấc ngủ.

Điều đó khiến ông sợ hãi, nhưng còn một suy nghĩ khiến ông sợ hơn: Thứ gì đã đánh thức ông? Ông mơ hồ cảm thấy có tiếng động gì đó, có...

Ông nín thở, căng tai lên nghe trong tiếng trống ngực vội vã của mình.

Có âm thanh; không phải âm thanh đã khiến ông thức giấc, mà là thứ gì đó. Tiếng bản lề cốt kết rất khẽ.

Ông Jud biết mọi tiếng động trong căn nhà này – miếng ván sàn nào cọt kẹt, bậc thang nào ken kết, chỗ nào cửa máng xối

hay có gió rít qua khi trời nổi gió to đến lạ thường như đêm qua. Giống những âm thanh kia, ông chẳng lạ gì tiếng động này. Cánh cửa nặng nề trước nhà, nối giữa hiên và tiền sảnh, đã bật mở. Và sau khi tiếp nhận thông tin này, trí óc ông đã nhớ ra âm thanh khiến ông thức giấc. Đó là tiếng lò xo gắn trên cánh cửa nối giữa hiên và đường dẫn vào nhà từ từ kéo giãn.

“Louis à?” Ông cất tiếng nhưng không hy vọng gì. Kẻ ngoài kia không phải Louis. Bất kể là gì, thứ đó đã được cử đến đây để trừng phạt ông già vì thói tự cao tự đại.

Có tiếng bước chân chậm rãi đi qua hành lang, tiến về phía phòng khách.

“Louis?” Ông cố gọi thêm lần nữa, nhưng chỉ có tiếng thều thào khàn khàn cất lên, vì giờ đây, ông có thể ngửi thấy mùi của thứ đã len vào nhà ông khi đêm vừa kết thúc. Đó là thứ mùi bần thủ, tanh nồng như mùi bãi bùn độc hại.

Ông Jud có thể lơ mờ nhìn ra những hình khối to lớn trong không gian nhờ nhờ tối – tủ quần áo của bà Norma, tủ chạn, tủ com-mốt cao – nhưng không rõ chi tiết. Ông cố đứng dậy nhưng đôi chân bủn rủn, tâm trí thét gào đòi thêm thời gian, rằng ông già quá rồi, không đủ sức đối mặt chuyện này lần nữa nếu không có thêm thời gian, trường hợp Timmy Baterman đã đủ khủng khiếp, mà ngày ấy ông còn trẻ, chứ đâu như bây giờ.

Cửa lật mở ra, những bóng đen bước vào. Một trong số chúng to lớn hơn số còn lại.

Lạy Chúa tôi, thứ xú khí ấy.

Tiếng bước chân loạt soạt trong bóng tối.

“Gage?” Mãi sau ông Jud mới có thể đứng dậy. Từ khóe mắt, ông nhìn thấy tàn thuốc lá rơi thành cuộn gọn tung trong gạt tàn Jim Beam. “Gage, là cháu ph...”

Tiếng kêu rùng rợn vang lên, và trong một khắc, xương trong người ông Jud như đông cứng thành băng. Không phải con trai của Louis đội mồ sống dậy mà là quỷ dữ...

Không. Không phải.

Là Church, nó đang đứng ngoài hành lang và phát ra âm thanh ấy. Mắt con mèo lóe lên như hai ngọn đèn bần thủy. Đoạn ông di chuyển ánh nhìn theo hướng khác, trần trối chĩa vào thứ đã vào nhà cùng con mèo.

Ông Jud lùi lại, cố suy nghĩ mạch lạc, cố bầu víu lấy lý trí dù bị thứ mùi kia lấn át. Ôi, ở đây lạnh quá – thứ đó mang cả hơi lạnh vào nhà.

Hai chân ông Jud loạng choạng run rẩy – con mèo quần quanh chân khiến ông lảo đảo. Nó rên gừ gừ trong miệng. Ông Jud đá văng nó đi. Nó nhe răng với ông, gầm lên dọa nạt.

Nghĩ đi! Ôi, nghĩ đi, lão già ngu xuẩn, có khi chưa quá trễ, đến nước này rồi nhưng có khi chưa quá trễ... nó đã trở về nhưng vẫn có thể kết liễu nó lần nữa... nếu ông làm được... nếu ông tính toán được....

Lùi về phía nhà bếp, ông chợt nhớ đến ngăn kéo đựng đồ dùng nhà bếp dưới bồn rửa. Trong ngăn kéo có con dao chặt thịt.

Cẳng chân gầy guộc đập vào cửa xoay dẫn vào gian bếp, ông bèn đẩy cửa mở. Chưa rõ thứ bước vào nhà rốt cuộc là gì, nhưng ông Jud có thể nghe thấy hơi thở của nó. Ông có thể trông thấy

một bàn tay trắng nhớn vung vẩy tới lui – bàn tay đang cầm thứ gì đó mà ông không nhìn ra. Cửa xoay ngược trở lại khi ông vào nhà bếp, ông Jud bèn quay lưng chạy thẳng đến ngăn kéo đựng dụng cụ. Ông giật nó ra và thấy cán dao chặt thịt bằng gỗ đã mòn. Cầm nó lên, ông lại xoay người về phía cửa; thậm chí ông còn tiến một, hai bước tới trước. Phần nào dũng khí đã trở lại với ông.

Hãy nhớ rằng đó chẳng phải một đứa trẻ. Nó có thể hét lên hoặc làm gì đó khi thấy mình chiếm thế thượng phong; nó có thể khóc lóc. Nhưng ông không được để nó lừa. Ông đã bị lừa quá nhiều lần rồi đấy, lão già. Đây là cơ hội cuối cùng của ông.

Cửa mở ra lần nữa, nhưng ban đầu chỉ có con mèo bước vào. Đôi mắt của ông Jud dõi theo nó một thoáng rồi ngược lên.

Nhà bếp quay về hướng Đông, và ánh ban mai đầu tiên đã chiếu qua khung cửa sổ, mờ nhạt, trắng sữa. Ánh sáng không nhiều, nhưng vừa đủ. Quá đủ là đằng khác.

Gage Creed bước vào, mặc bộ vest lúc chôn cất. Rêu mọc đầy trên vai và ve áo. Rêu khiến áo sơ mi trắng nhuộm màu đen đúa. Mái tóc vàng như tơ của nó dính đầy đất cát. Một bên mắt đã hỏng; nó cứ chòng chọc nhìn vào vô định. Con mắt còn lại dán chặt vào ông Jud, ánh lên vẻ dữ dội trống rỗng.

Gage nhe răng cười với ông.

“Chào lão Jud,” Gage lạnh lạnh cất giọng tuy trẻ con nhưng rất tròn vành rõ chữ. “Ta đến để tống tiễn linh hồn già cỗi, thói nát của nhà ngươi thẳng xuống địa ngục. Ngươi giốn mặt ta một lần rồi. Ngươi nghĩ chẳng sớm thì muộn, ta không trở lại cho ngươi một trận à?”

Ông Jud giờ con dao lên. “Có giỏi thì tung chiêu đi, bất kể người có là gì. Chúng ta xem mèo nào cắn mỉu nào.”

“Norma chết rồi, chẳng còn ai thương tiếc nhà người đâu,” Gage nói. “Đúng là một ả đàn bà rẻ mạt. Ả lên giường với tất tần tật bằng hữu của người đấy, Jud. Ả ta còn để bọn chúng đi cửa hậu nữa kìa. Tư thế ả thích nhất. Ả ta đang chịu đày đoạ dưới địa ngục với căn bệnh viêm khớp và đủ thứ khổ ải. Ta đã *trông thấy* ả dưới đó, Jud a. Ta đã *trông thấy* ả dưới đó.”

Nó loạng choạng tiến hai bước về phía ông, giày vương lại vệt bùn trên lớp vải lót sàn đã cũ. Nó chìa một tay ra trước mặt như thể muốn bắt tay với ông; tay kia vòng ra sau lưng.

“Nghe đây, Jud,” nó thì thầm – đoạn miệng nó há ra, để lộ hàm răng sữa mới nhú, và mặc dù môi không chuyển động, giọng của bà Norma vẫn vang lên.

“Gã mọc sừng! Gã mọc sừng thảm hại! Xưa giờ ta chúa ghét ông! Ta cười vào mặt ông! Bọn ta cười vào mặt ông! Bọn ta cười hả hê hê hê hê...”

“Thôi đi!” Con dao chặt thịt run bần bật trong tay ông.

“Bọn ta mây mưa trên giường nhà mình. Lão Herk và ta tình tang, ta với cả lão George tính tình. Ta qua tay tất cả đám bọn chúng. Ta biết tất tần tật những ả điểm ông qua lại, nhưng ông chẳng hề hay biết ông kết hôn với một ả điểm, làm bọn ta được dịp cười hả hê, Jud ạ! Bọn ta lên cơn động dục cùng nhau và bọn ta cườiiiiiiiii vào...”

“THÔI ĐI!” Ông Jud hét lên. Đoạn ông cụp lao về phía bóng hình nhỏ thó, lão đảo trong bộ đồ vest chôn cất, đúng lúc đó, con mèo lao ra từ bóng tối bên dưới bọc chặt thịt nơi nó ngồi

rình từ nãy đến giờ. Nó rít lên, hai tai dựng ngược dọc theo hộp sọ, nó khiến ông Jud vấp chân một cách ngoạn mục nhất có thể. Con dao chặt thịt bay ra khỏi tay ông. Nó quay mòng mòng trên lớp vải sơn lồi lõm, bạc màu, lưỡi dao cùng cán dao vun vút thay thế vị trí trong lúc nó xoay tít. Nó đập vào tấm ván ở chân tường đánh keng rồi trượt xuống phía dưới tủ lạnh.

Ông Jud vỗ lỗ mình lại bị lừa lần nữa, và niềm an ủi duy nhất với ông là đây sẽ là lần cuối. Con mèo trèo lên chân ông, miệng há to, mắt lóe lên, rít như ấm trà sôi. Và rồi Gage đứng trên người ông, vui tươi nở nụ cười đen tối, mắt trợn tròn, đỏ ngầu, tay phải rút ra từ sau lưng, để rồi ông Jud trông thấy thứ nó cầm từ lúc bước vào là một con dao mổ lấy từ chiếc túi đen của Louis.

“Ôi lạy Chúa tôi,” ông Jud bàng hoàng, đoạn đưa tay phải lên chắn cú đâm. Và ông trông thấy ảo ảnh thị giác thì phải; rõ ràng tâm trí ông đã phát rồ, bởi chừng như con dao mổ nằm cả ở lòng bàn tay và mu bàn tay ông cùng lúc. Đoạn thứ chất lỏng ấm nóng bắt đầu rỉ xuống mặt, ông nhận ra đó không phải ảo ảnh.

“Ta sẽ cho người biết tay, lão khom già!” Thứ mang hình dáng của Gage cười nắc nẻ, phả làn hơi độc vào mặt ông. “Ta sẽ cho người biết tay! Ta sẽ cho người biết thế nào... là... lẽ độ!”

Ông Jud vung tay chụp lấy cổ tay của Gage. Da bong ra như giấy trong tay ông.

Con dao mổ bị giật khỏi tay ông, để lại vết thương hỏ mỗ chạy dọc.

“Thế nào... là... lẽ độ!”

Con dao mổ lại vung xuống. Hết lần này lại đến lần khác.

“Ô thử xem được chưa,” người tài xế xe tải nói. Ông mày mò khoang động cơ của chiếc ô tô mà Rachel thuê từ này đến giờ.

Cô xoay chìa khóa. Động cơ của chiếc Chevette kêu lên mạnh mẽ. Người tài xế xe tải đóng mui xe xuống rồi vòng ra cửa sổ của cô, chùi tay vào chiếc khăn to màu xanh. Ông có khuôn mặt hồng hào phúc hậu. Mũ lưỡi trai Trạm dừng Xe tải Dysart’s quay ngược ra sau đầu.

“Cảm ơn ông rất nhiều,” Rachel nói, mắt rơm rớm. “Tôi chẳng biết phải làm thế nào.”

“Có gì đâu, đến đưa trẻ cũng sửa được mà,” người tài xế đáp. “Nhưng quái lạ thật. Tôi chưa bao giờ thấy chiếc xe mới nào bị như vậy cả.”

“Sao kia? Nó bị gì?”

“Một sợi dây đấu bình ắc quy bị long ra. Không có ai tẩy máy vào đấy chứ?”

“Không” Rachel đáp, trong đầu nghĩ về cảm giác trước đó, rằng cô đang kéo căng sợi dây cao su của cái ná lớn nhất thế giới.

“Tôi đoán trong quá trình chạy, sợi dây bị long ra. Nhưng giờ thì cô không lo gặp vấn đề với dây cáp nữa đâu. Tôi siết dây chặt lắm rồi.”

“Tôi xin gửi ông chút tiền được không?” Rachel rút rờ hỏi.

Người tài xế cất tiếng cười hào sảng. “Tôi không nhận đâu,” ông từ chối. “Chúng tôi là kỹ sư trên đường mà, cô nhớ chứ?”

Cô mỉm cười. “Vậy thì... cảm ơn ông.”

“Không có chi.” Ông cười thật tươi với cô, nụ cười tỏa nắng dù mới sáng tinh mơ.

Rachel mỉm cười đáp lại rồi cẩn thận đánh xe từ bãi đỗ ra đường nhánh. Cô nhìn trước ngó sau để kiểm tra xe cộ, và năm phút sau, cô đã chạy lên đường cao tốc, tiến về phía Bắc. Cà phê có tác dụng hơn hẳn cô mong đợi. Cô thấy mình hoàn toàn tỉnh táo, không mơ màng dù chỉ một chút, mắt cô trừng trừng chẳng thua gì năm cửa. Cọng lông vũ bứt rút lại cọ vào người cô, cô có cảm giác kỳ khôi rằng mình đang bị thao túng. Dây dẫu bình ắc quy bị long khỏi cọc bình như thế...

Hòng giữ chân cô đủ lâu để...

Cô lo lắng phá lên cười. Đủ lâu cho cái gì?

Để một thứ bất khả cứu vẫn xảy ra.

Thật ngu ngốc. Lố bịch. Nhưng Rachel vẫn nhấn ga cho xe chạy nhanh hơn.

Vào lúc năm giờ sáng, khi ông Jud cố cản con dao mổ trộm từ chiếc túi đen của người bạn tốt – bác sĩ Louis Creed, khi cô con gái bé nhỏ bất ngờ tỉnh giấc, bật dậy trên giường, hét lên thất thanh vì nằm mơ thấy cơn ác mộng mà may sao cô bé không còn nhớ, Rachel ra khỏi cao tốc, lái xuống ngã giao

đường Hammond nằm gần nghĩa trang, nơi hiện giờ, cái thuổng là thứ duy nhất chôn trong quan tài con trai cô, rồi chạy qua cầu Bangor-Brewer. Đến năm giờ mười lăm, cô đã lên đến Tuyến số 15, thẳng tiến về Ludlow.

Cô quyết định đi thẳng đến nhà ông Jud, chí ít cô cũng thực hiện được lời hứa ấy với ông. Đằng nào cũng chưa thấy bóng dáng chiếc Civic trên lối dẫn vào nhà của họ, và dù cô đoán có khả năng nó nằm trong ga ra, nhưng căn nhà của vợ chồng cô vẫn mang dáng vẻ trống trải, tựa như đang ngủ. Trục giác bảo với cô có thể Louis không ở nhà.

Đậu xe đằng sau chiếc xe tải nhỏ của ông Jud, Rachel bước ra khỏi Chevette, cẩn thận nhìn quanh. Cỏ ẩm sương đêm, lấp lánh trong ánh ban mai tinh khôi, tươi mới. Có tiếng chim véo von rồi im bặt. Từ những năm tháng thiếu thời, thỉnh thoảng, cô lại tỉnh giấc, một mình trong buổi bình minh, không phải lo lắng hoàn thành nhiệm vụ nào, cô cảm thấy nỗi cô đơn có phần phấn khởi trào dâng trong lòng – một cảm giác nghịch lý của tinh khôi và tuần hoàn. Nhưng sáng nay, cô không hề cảm thấy tươi mới, tích cực như thế. Trong lòng cô cứ mãi lẩn tránh cảm giác sốt ruột mà cô không thể quy nguyên nhân là do hai mươi bốn tiếng đồng hồ kinh khủng vừa trôi qua và nỗi đau mất con còn rỉ máu.

Bước lên bậc tam cấp ở hiên, cô đi qua cánh cửa chắn, toan ấn chiếc chuông kiểu cổ trên cửa chính. Lần đầu tiên cùng Louis qua đây, cô đã bị chiếc chuông ấy hấp hồn; khi vặn theo chiều kim đồng hồ, chuông sẽ phát ra âm điệu to, du dương, đậm mùi dĩ vãng nhưng rất mê đắm lòng người.

Cô vươn tay ra, đoạn liếc xuống dưới hiên thì không khỏi chau mày. Tấm thảm ở đó nhoe nhoét bùn. Đưa mắt nhìn quanh, cô phát hiện vết bùn đi từ cửa chần đến đây. Vết chân rất nhỏ. Nhìn qua, có thể thấy đây là vết chân của trẻ con. Nhưng cô lái xe cả đêm, mà trời không thấy mưa lấy một giọt. Thậm chí dưới đất còn không có sương mù băng lạnh.

Nhìn chăm chăm vết chân suốt một lúc lâu – quá lâu là đằng khác – cô giật mình nhớ ra mình phải đưa tay lên chuông cửa. Cô chộp lấy nó... rồi tay cô lại buông rơi.

Chỉ là mình đang dè chừng mà thôi. Dè chừng tiếng chuông cửa trong không gian tĩnh mịch này. Có lẽ ông đã chộp mắt và nó sẽ khiến ông giật mình tỉnh giấc...

Nhưng đó không phải điều cô sợ. Kể từ lúc cố mãi mà không thể nào tỉnh táo, cô đã cảm thấy sốt ruột, nỗi sợ hãi bén rễ khắp cõi lòng, sâu hoắm, còn nỗi khiếp đảm bén ngót này lại là một cảm giác mới mẻ do những vết chân nhỏ mang lại. *Vết bùn này có kích thước...*

Tâm trí cô cố gạt suy nghĩ này đi, song nó quá mệt, quá chậm.

...của chân Gage.

Ôi thôi đi, mày thôi đi được không?

Cô vươn tay xoay chuông cửa.

Tiếng chuông lớn hơn trong trí nhớ của cô, chẳng réo rất vui tai chút nào – tựa tiếng thét khản đục, nghẹn ngào trong tĩnh mịch. Rachel giật mình nhảy ngược ra sau, căng thẳng khẽ phá lên tiếng cười không hề hài hước. Cô đợi bước chân của ông Jud mà mãi không thấy. Chỉ có thỉnh lặng, lặng như tờ, và khi

tâm trí cô bắt đầu cân nhắc liệu mình có đủ sức xoay chuông của hình con bướm sắt thêm lần nữa hay không thì một âm thanh vang lên sau cửa, tiếng động mà cô có nằm mơ cũng không ngờ đến.

Ngao!... Ngao!... Ngao!

“Church?” Cô cất tiếng, giật mình bối rối. Cô cúi người tới trước nhưng tất nhiên không nhìn thấy gì bên trong; tấm kính lớn trên cánh cửa được treo một tấm rèm trắng gọn gàng. Là tác phẩm của bà Norma. “Church, là mày đấy à?”

Ngao!

Rachel thử xoay cửa thì phát hiện cửa không khóa. Church đang ngồi trong hành lang với cái đuôi xếp gọn quanh chân. Bộ lông của con mèo dính thứ gì đó tối màu. *Là bùn*, Rachel nghĩ, đoạn cô trông thấy trên ria mép của nó có những giọt màu đỏ.

Nó giơ một chân lên liếm láp, đôi mắt dán vào mặt cô không rời.

“Ông Jud ới?” Cô cất tiếng gọi, bắt đầu cảm thấy hoảng thật sự. Cô rón rén bước vào cửa.

Căn nhà chẳng đáp lại cô lời nào; bốn bề im lặng như tờ.

Rachel cố suy nghĩ, nhưng bỗng dưng hình ảnh người chị gái Zelda lập lòe xuất hiện trong tâm trí, che mờ tư duy. Cánh tay chị ta vịn vẹo. Thỉnh thoảng chị ta lại đập đầu vào tường khi lên cơn tức giận – giấy dán tường ở đó rách bươm, thạch cao trát bên dưới bể nát. Đây không phải là lúc nghĩ đến Zelda, nhất là khi ông Jud có khả năng bị thương. Hay ông bị ngã quỵ? Ông cũng già lắm rồi.

Nghĩ về điều đó đi, đừng nghĩ về những giấc mơ thuở bé, trong đó mình mở cửa tủ quần áo và Zelda nhào ra với khuôn mặt đen đúa, toe toét cười, trong đó mình ngâm ở bồn tắm thì trông thấy hai con mắt của Zelda thò ra từ dưới cống, trong đó mình mơ thấy Zelda lặn lút dưới tầng hầm đằng sau lò sưởi, trong đó...

Church há mỏ, nhe hàm răng sắc nhọn rồi lại lạnh lạnh kêu Ngao!

Louis nói đúng, lý ra vợ chồng mình không nên cho nó đi thiến, dạo đó, nó rất kỳ dị. Nhưng Louis bảo nó sẽ không còn bản tính hoang dại nữa. Riêng điều này thì anh ấy sai rồi; Church vẫn sẵn mồi. Nó...

Ngao! Church lại kêu lên, đoạn phóng lên cầu thang.

“Ông Jud?” Cô lại cất tiếng. “Ông có trên đó không?”

Ngao! Church kêu lên từ đỉnh cầu thang như xác nhận tình hình rồi biến mất dọc hành lang.

Sao nó vào nhà được. Không lẽ ông Jud cho nó vào? Tại sao nhỉ?

Rachel nhấp nhồm trên hai chân, không biết nên làm gì tiếp theo. Điều tệ hại nhất là tất tần tật những điều này có vẻ... có vẻ *bị giật dây* thế nào đấy, như thể thế lực nào đó muốn cô đến đây, và...

Bỗng tiếng rên cất lên ở tầng trên, trầm thấp và đầy đau đớn — là giọng của ông Jud, không nhằm đi đâu được. Có thể ông bị ngã trong bồn tắm hoặc bị trượt té, gãy chân hoặc trật hông, xương cốt người già vốn mỏng manh, và vì Chúa, mày làm trò gì thế kia, sao lại đứng đực ra đấy, nhấp nhồm như buồn đi vệ sinh, thứ dính trên Church là máu, là *máu đấy*, ông Jud bị thương mà sao mày lại thần thờ ở đây! Mày ăn trúng thứ gì thế.

“Ông Jud!” Tiếng rên lại cất lên, cô vội vàng chạy lên cầu thang.

Trước đây cô chưa bao giờ lên tầng hai, và vì cửa sổ duy nhất của hành lang lại quay về phía Tây, hướng ra sông nên không gian vẫn rất tối. Hành lang dài và rộng nằm bên cạnh cầu thang, chạy ra phía sau căn nhà, tay vịn bằng gỗ anh đào ánh lên đầy nhã nhặn. Có một bức hình thành cổ Acropolis treo trên tường và

(là Zelda đẩy chị ta bám theo mày bao nhiêu năm nay chị ta sắp sửa mở cánh cửa bên phải để nhào ra với cái lưng gù vằn vẹo khai nồng mùi nước tiểu và chết chóc là Zelda đến lúc rồi cuối cùng chị ta cũng bắt được mày rồi)

tiếng rên lại vang lên, trầm thấp từ đằng sau cánh cửa thứ hai bên phải.

Rachel tiến đến đó, gót giày gỗ cồm cộp lên sàn. Cô có cảm giác như thể đang bước qua một dạng bóp méo – không phải bóp méo thời gian hay không gian, mà là bóp méo kích thước. Cô đang dần nhỏ lại. Bức hình chụp thành cổ lơ lửng cao dần, cao dần, và tay nắm cửa bằng kính chẳng mấy chốc đã ngang tầm mắt. Cô vươn tay tới... chưa kịp chạm vào tay nắm thì cánh cửa đã mở ra đánh cạch.

Zelda lù lù đứng đó.

Chị ấy bị gù, sống lưng cong vẹo, cả người dị dạng đến độ chẳng khác nào người lùn, chỉ nhỉnh hơn sáu mươi phân một chút; và vì lý do gì đó, Zelda đang mặc bộ đồ mà người ta khoác cho Gage lúc chôn cất. Nhưng đó chính là Zelda, đúng vậy, ánh mắt chị ấy đang sáng lên mừng rỡ một cách điên dại, khuôn

mặt tím ngắt; Zelda gào lên, “*Tao trở lại tìm mày đây, Rachel, tao sẽ bẻ quặp lưng mày cho giống lưng tao, để mày đừng hòng lết ra khỏi giường lần nữa đừng hòng lết ra khỏi giường lần nữa ĐỪNG HÒNG LẾT RA KHỎI GIƯỜNG LẦN NỮA...*”

Church đứng trên một bên vai chị ấy, rồi bỗng dưng khuôn mặt của Zelda vặn vẹo, biến đổi, để rồi Rachel nhận ra, đầy kinh hoàng, rợn người rằng hóa ra đó chẳng phải Zelda, sao cô lại có thể nhầm lẫn tai hại đến thế nhỉ? Đó là Gage. Khuôn mặt con trai cô không đen đúa nhưng bản thủ, bê bết máu me. Chưa kể, nó còn sưng vù, như thể con của cô bị quăng quật cho nát bấy rồi được đôi tay thô lậu, vô tâm bừa phứa gắn lại.

Cô hét tên con rồi dang rộng hai tay. Cậu con trai chạy về phía cô, ùa vào cánh tay cô và suốt khoảng thời gian ấy, một tay đứa trẻ vẫn giấu sau lưng, như thể đang cầm một bó hoa hải sau vườn nhà ai đó.

“*Con mang cho mẹ thứ này đây, mẹ ơi!*” Đứa bé ré lên. “*Con mang cho mẹ thứ này đây, mẹ ơi! Con có thứ này cho mẹ, con có thứ này cho mẹ!*”

Louis Creed tỉnh dậy với ánh mặt trời chói chang chiếu vào mắt. Anh cố gượng dậy, nhăn mặt vì lưng đau nhói. Đau khủng khiếp. Anh ngã vật xuống gối, liếc xuống người mình. Anh vẫn mặc nguyên bộ quần áo hôm qua. Chúa ơi.

Anh nằm đó hồi lâu, chuẩn bị tinh thần chống lại tình trạng căng cứng của từng múi cơ trong người rồi ngồi dậy.

“Ôi mẹ kiếp,” anh thều thào. Sau vài giây, căn phòng chao đảo rõ mồn một trước mắt anh. Lưng anh đau như răng sâu, và khi cử động đầu, anh cảm tưởng dây chằng ở cổ mình đã bị thay thế bởi những lưỡi cưa gỉ sét. Nhưng tệ hại nhất là đầu gối. Thuốc giảm đau Ben-Gay chẳng được tích sự gì. Biết vậy anh đã tự tiêm một liều cortisone. Quần anh bó chặt vào đầu gối do sưng tấy, trông như thể dưới quần có quả bong bóng.

“Tiêu rồi,” anh lầm bầm. “Ôi trời ơi, giờ thì ăn cho đủ.”

Anh khuyu gối hết sức chậm rãi để có thể ngồi lên mép giường, mỗi mím chặt đến độ trắng bệch. Đoạn anh bắt đầu co gập một chút, lắng nghe tín hiệu từ cơn đau, cố phân định xem tình trạng tệ hại đến mức nào, nhớ đâu...

Gage! Gage về chưa?

Suy nghĩ ấy khiến anh bật dậy dù đau. Anh lao đảo băng qua căn phòng như anh phụ tá Chester của Matt Dillon. Bước ra cửa, anh đi qua hành lang vào phòng Gage. Anh cuống cuống nhìn quanh, tên của con trai mấp máy trên môi. Song căn phòng trống rỗng. Anh cà nhắc xuống phòng của Ellie, tất nhiên căn phòng cũng trống trơn, rồi bước vào phòng dư. Căn phòng này hướng ra mặt đường, trống trải. Nhưng...

Có xe lạ bên kia đường. Đậu ngay sau xe tải của ông Jud.

Thì sao kia chứ?

Thì chiếc xe lạ ở đó có thể sinh chuyện rắc rối, vậy thôi.

Louis kéo rèm qua một bên, quan sát kỹ hơn. Đó là một chiếc ô tô nhỏ nhắn màu xanh, dòng Chevette. Và cuộn tròn nằm trên nóc xe, rõ ràng đang say ngủ, là Church.

Anh nhìn hồi lâu rồi mới buông rèm xuống. Ông Jud có người đến thăm nhà, chỉ vậy thôi, mà thế thì sao? Vả lại, có lẽ còn quá sớm để lo lắng xem Gage gặp chuyện gì hoặc không gặp chuyện gì; phải đến trưa hay đầu giờ chiều, Church mới trở về kia mà, hiện mới chín giờ sáng. Chín giờ sáng một ngày tháng Năm tươi đẹp. Anh sẽ đi xuống dưới nhà, pha tách cà phê, lấy đai quần nóng bọc quanh đầu gối và...

...mà sao tự dưng Church lại ở trên nóc xe?

“Ôi dào, thôi nào,” anh nói thành tiếng rồi cà nhắc bước xuống hành lang. Mèo ngủ đủ chỗ, đó là bản tính của con thú...

Nhưng Church không qua đường nữa, không nhớ à?

“Cứ kệ nó đi,” anh lăm bằm và dừng chân ở giữa cầu thang (anh đang lặn mò khắp khiễng từng bước một). Nói chuyện một mình thế này đúng là hâm. Đúng là...

Thứ xuất hiện trong khu rừng tối qua là gì nhỉ?

Suy nghĩ ấy không mời mà hiện lên trong đầu anh, khiến anh bặm môi giống như lúc cơn đau đầu gối nhói lên khi anh vung chân xuống giường. Anh đã nằm mơ thấy thứ trong rừng đêm qua. Giấc mơ về Disney World của anh đã hòa trộn một cách tự nhiên, đẩy dễ dàng vào chiêm bao thứ đó. Anh mơ thấy nó chạm vào anh, vĩnh viễn phá hỏng mọi giấc mơ đẹp, mục ruỗng mọi toan tính tốt lành. Nó chính là con quái vật Wendigo, nó không chỉ biến anh thành kẻ ăn thịt người mà còn là bố của một đám ăn thịt người. Trong giấc mơ, anh đang ở Nghĩa địa Thú cưng, nhưng anh không chỉ có một mình. Có cả bố con ông Bill và Timmy Baterman. Ông Jud cũng có mặt, trông ông như âm hồn, như đã chết, tay cầm sợi dây vải xích con chó Spot. Lester Morgan cũng ở đó cùng con bò Hanratty bị cột bằng xích kéo Hanratty nằm ọp, nhìn xung quanh với vẻ phần nộ ngu độn. Và chẳng rõ vì lý do gì mà Rachel cũng đến, chắc cô gặp tai nạn ở bàn ăn tối – đánh đổ chai tương hoặc làm rơi đĩa đựng thạch mạn việt quất, vì chiếc váy cô mặc lấm lem vết ố đỏ.

Và rồi, Wendigo từ từ ló ra từ đằng sau đồng cây đổ, cao sừng sững, lớp da có màu vàng nứt nẻ của loài bò sát, hai con mắt to như đèn sương mù có chụp đèn, không có tai mà là một cặp sừng xoắn khổng lồ, con quái vật trông như thần lẩn sinh ra từ một phụ nữ. Nó chĩa ngón tay với đầu móng sắc nhọn vào bọn họ khi ai nấy đều ngẩn cổ lên nhìn...

“Thôi đi,” anh thì thầm và rùng mình trước giọng nói của bản thân. Anh quyết định sẽ xuống bếp làm bữa sáng như thể

hôm nay cũng là một ngày thường. Bữa sáng của cánh mày râu độc thân, đầy cholesterol nuông chiều cơ thể. Anh sẽ làm sandwich ăn kèm trứng chiên cùng mayonnaise, kẹp thêm lát hành tây Bermuda. Anh ngửi thấy người mình đầy mùi mồ hôi, đất cát và ghét bẩn, nhưng anh sẽ tắm sau; lúc này, cởi quần áo là công việc quá sức nặng nề, anh e rằng anh sẽ phải lấy con dao mổ từ trong túi để rạch ống quần ra cho đầu gối sưng vù của mình được giải thoát. Một cách độc lạ để dùng dụng cụ chất lượng cao, nhưng không có con dao nào trong nhà đủ sức cắt vải jean cứng, và tất nhiên, mấy cây kéo khâu vá của Rachel còn khuya mới nên chuyện.

Nhưng trước hết, có thực mới vực được đạo.

Vì thế, anh băng qua phòng khách, vòng vào bếp và đưa mắt nhìn chiếc xe nhỏ màu xanh đậu trước nhà ông Jud. Xe ướt đầm sương, có nghĩa là nó đã ở đó một thời gian rồi. Church vẫn nằm trên nóc xe nhưng không ngủ. Chừng như nó đang chăm chăm nhìn Louis với đôi mắt vàng vọt xấu xí.

Louis hốt hoảng lùi lại như thể bị bắt quả tang nhìn trộm.

Anh bước vào bếp, đặt chảo rán lên bếp rồi lấy trứng từ trong tủ lạnh. Căn bếp sáng bóng, sạch sẽ. Anh cố huýt sáo, một tiếng huýt sáo sẽ khiến buổi sáng hôm nay rõ nét hơn, bình thường hơn, nhưng anh chẳng tài nào huýt nổi. Nhìn qua, mọi thứ có vẻ ổn, nhưng thực tế thì không. Căn nhà trống trải khủng khiếp, và việc anh làm đêm qua đè nặng lên anh như đá tảng. Mọi thứ đều lệch lạc, méo mó; anh cảm nhận bóng đen lấp ló, và anh thấy sợ.

Anh cà nhắc bước vào nhà vệ sinh, uống hai viên aspirin với nước ép. Anh đang bước đến bếp lò thì điện thoại vang lên.

Anh không nhắc máy ngay mà quay người nhìn nó, cảm thấy bản thân lè mề và ngu ngốc, một gã khờ trong cuộc chơi mà gã vừa ngộ ra mình chẳng hiểu mô tê gì.

Đừng trả lời, mày không muốn nghe điện thoại đâu vì thế nào cũng là hung tin, đó là cuối sợi xích vòng qua khúc quanh, dẫn vào bóng tối, mày không muốn thấy thứ ở cuối sợi xích ấy đâu, Louis ạ, tao dám chắc mày không muốn đâu, nên đừng nhắc máy, chạy đi, cao chạy xa bay đi, xe ở ngay trong ga ra, vào xe rồi lên đường đi chứ đừng trả lời điện thoại...

Anh băng qua phòng, nhắc máy, đứng đó, một tay gác lên máy sấy như mọi khi, người ở đầu dây bên kia là ông Irwin Goldman, và ngay khi ông Irwin cất tiếng chào, anh nhắc thấy vết bùn trên sàn nhà bếp, những vết bùn nhỏ, tim anh chùng như đông cứng trong lồng ngực, anh dám chắc anh cảm thấy nhãn cầu của mình như súng phồng, từ trong hốc mắt; anh dám chắc nếu thấy mình trong gương lúc này, hẳn anh sẽ thấy khuôn mặt như bước ra từ cuốn truyện tranh in bằng bột giấy rẻ tiền. Đó chính là vết chân của Gage, Gage đã ở đây, *con anh đã về nhà vào buổi tối*, vậy giờ Gage đâu rồi?

“Ta, Irwin đây, Louis... Louis? Con còn nghe máy không? A lô?”

“A lô, con nghe,” anh đáp, và chưa gì anh đã biết những lời ông Irwin sẽ nói. Anh thừa hiểu chiếc xe màu xanh kia là gì. Anh hiểu tất cả. Sợi xích... sợi xích dẫn vào bóng tối... anh đang đi thật nhanh dọc sợi xích ấy, hai tay thoăn thoắt kéo. A, giá mà

anh có thể thả sợi xích xuống trước khi thấy thú ở cuối sợi dây! Nhưng đây là sợi xích của anh. Anh là kẻ sắm nó.

“Ta cứ tưởng bị mất kết nối,” ông Goldman nói.

“Không ạ, điện thoại tuột khỏi tay con ấy mà,” Louis đáp. Giọng vẫn bình thản.

“Đêm qua Rachel về tới nhà chưa con?”

“À, rồi ạ,” Louis nói, nghĩ về chiếc xe màu xanh mà Church nằm trên nóc, chiếc xe tĩnh lặng đến rợn người. Đôi mắt anh đi theo vết chân trên sàn.

“Cho bố nói chuyện với con bé,” ông Goldman nói. “Ngay bây giờ. Là về Ellie.”

“Ellie? Ellie bị sao ạ?”

“Bố nghĩ Rachel...”

“Rachel giờ không có nhà ạ,” Louis thô lỗ cắt ngang. “Cô ấy đi ra cửa hàng mua bánh mì và sữa. Ellie có chuyện gì ạ? Bố nói con nghe đi!”

“Chúng ta đã phải đưa con bé đi viện,” ông Goldman lùng khùng nói. “Con bé mơ thấy ác mộng, cả một chuỗi ác mộng là đằng khác. Nó lên cơn hoảng loạn mãi không dứt. Con bé...”

“Người ta có kê cho con bé an thần không?”

“Gì kia?”

“Thuốc an thần,” Louis mất kiên nhẫn. “Người ta có cho con bé dùng thuốc an thần không bố?”

“Có, à có. Bác sĩ cho con bé uống thuốc, sau đó nó ngủ lại.”

“Con bé có nói gì không ạ? Điều gì khiến nó sợ đến vậy?” Anh nắm thoại chặt đến độ khớp tay trắng bệch.

Đầu dây bên kia im lặng – một khoảng im lặng dài. Lần này Louis không chen ngang dù anh rất muốn.

“Đó cũng là điều khiến bà Dory sợ hãi,” mãi lúc sau, ông Irwin mới lên tiếng. “Con bé ú ớ nói rất nhiều trước khi nó phát... trước khi nó nức nở đến độ không thành lời. Bà Dory cũng suýt nữa... con biết đấy.”

“Con bé nói gì ạ?”

“Nó bảo Phù thủy Oz Vĩ đại và Ghê gớm đã giết mẹ nó. Nhưng nó không nói như vậy. Mà nói... nói Phù thủy Oz Dĩ đại và Ghia gớm, giống như cô con gái đã khuất của chúng ta hay nói lúc còn sống. Zelda. Louis, hãy tin ta khi ta bảo lý ra ta nên hỏi Rachel câu này từ trước, nhưng vợ chồng con đã kể với Ellie bao nhiêu điều về Zelda và cái chết của nó vậy?”

Louis nhắm mắt; cả thế gian như thể đang chao nghiêng dưới chân anh, còn giọng của ông Goldman nghèn nghẹt như thể cất lên qua màn sương dày đặc.

Có thể còn nghe cả những âm thanh như tiếng nói, nhưng chỉ là tiếng của những kẻ du thủ du thực dưới mạn Nam phía Prospect. Âm thanh vang đến tận đây.

“Louis, con còn nghe máy không?”

“Con bé sẽ ổn chứ ạ?” Louis hỏi, giọng nghe thật xa xăm. “Ellie sẽ ổn chứ ạ? Bác sĩ có chẩn đoán gì không?”

“Sang chẩn hậu tang lễ,” ông Goldman nói. “Bác sĩ riêng của nhà ta có tới. Bác sĩ Lathrop. Ông ấy giỏi lắm. Bác sĩ bảo con bé bị sốt nhẹ và rằng khi tỉnh dậy vào chiều nay, có khi nó sẽ không nhớ chuyện gì đã xảy ra đâu. Nhưng ta nghĩ Rachel nên quay về. Louis, ta thất kinh quá. Ta nghĩ con cũng nên về đây.”

Louis không đáp. Chim sẻ mắt Chúa vẫn chú vào; Kinh Thánh King James đã nói thế. Tuy nhiên, anh là một kẻ hèn kém hơn, nên mắt anh chú vào những vết bùn.

“Louis, Gage mất rồi,” ông Goldman nói. “Ta biết điều đó rất khó chấp nhận – cho cả con và Rachel – nhưng con gái con vẫn còn sống, và con bé cần các con.”

Phải, tôi công nhận điều đó. Ông có thể là một lão già ngu ngốc, Irwin ạ, nhưng có lẽ cơn ác mộng xảy ra giữa hai cô con gái của ông vào cái ngày tháng Tư năm 1963 ấy đã dạy cho ông chút gì đó về nhay cảm. Con bé cần tôi, nhưng tôi không đến được, vì tôi sợ – sợ đến cùng cực – rằng tay tôi dính đầy máu của mẹ con bé.

Louis nhìn chăm chăm vào tay mình. Anh nhìn đất cát dính dưới móng tay, trông giống y như phần đất cấu thành những vết chân trên sàn bếp.

“Dạ vâng,” anh đáp. “Con hiểu rồi. Bọn con sẽ sắp xếp đến đó sớm nhất có thể, bố ạ. Nếu được thì tối nay. Cảm ơn bố.”

“Chúng ta đã làm hết sức mình,” ông Goldman ôn tồn. “Có lẽ chúng ta đã quá già. Có lẽ, Louis ơi, có lẽ chúng ta trước giờ đã quá già.”

“Con bé còn nói gì khác không ạ?” Louis hỏi.

Câu trả lời của ông Goldman tựa hồi chuông đám tang gióng lên vào bức tường trái tim anh. “Nói nhiều lắm, nhưng ta chỉ nghe ra thêm đúng một câu. ‘Paxcow bảo đã quá trễ.’”

Anh cúp máy, bàng hoàng lùi về phía bếp lò, toan tiếp tục nấu bữa sáng hoặc dọn dẹp nó đi, anh chẳng biết mình sẽ làm gì, đến giữa bếp, bỗng dừng một làn sóng choáng váng ập lên người anh, khiến tầm nhìn xám ngắt và anh lao đảo vật xuống

sàn – lão đảo là từ chính xác bởi chừng như cái sự “vật xuống” ấy kéo dài cả thiên thu. Anh cứ thế ngã xuống bao tầng sâu mịt mùng; anh có cảm giác mình lật tới lật lui, lượn vòng, chao nghiêng, quay mòng. Đoạn anh đập đầu gối bị đau xuống đất, cơn đau giáng trời dội vào đầu kéo anh trở lại thực tại cùng tiếng thét thống thiết, và suốt một lúc, anh chỉ có thể lom khom, ứa nước mắt.

Mãi lúc sau, anh mới gượng dậy và đứng đó, loạng choạng. Nhưng đầu óc anh đã khai thông trở lại. Thế cũng được đấy chứ nhỉ?

Thôi thúc muốn cao chạy xa bay lại dâng lên trong anh, lần này mãnh liệt hơn bao giờ hết – thậm chí anh còn đưa tay mân mê chùm chìa khóa cộm lên đây dễ chịu trong túi. Anh sẽ ngồi lên chiếc Civic và lái đến Chicago. Anh sẽ đón Ellie rồi hai cha con tiếp tục lên đường. Tất nhiên đến lúc đó, ông Goldman đã phát hiện có gì đó không ổn, có thứ gì đó hoàn toàn sai lệch, nhưng anh sẽ đón con bằng được... bắt nó nếu cần.

Và rồi tay anh rời khỏi chùm chìa khóa. Thứ khiến thôi thúc ấy tắt ngóm không phải cảm giác bất lực, không phải cảm giác tội lỗi, không phải tuyệt vọng hay sự mỗi mọt sâu thẳm trong lòng. Mà là cảnh tượng những dấu chân đầy bùn trên sàn bếp. Trong tâm trí, anh có thể mừng tượng dấu chân ấy in trên mọi nẻo đường đất nước – trước hết là tới Illinois, sau đó là Florida – trên khắp năm châu bốn bể, nếu cần. Thứ gì ta mua thì ta sở hữu, và thứ gì ta sở hữu cuối cùng cũng sẽ trở về với ta.

Sẽ có một ngày anh mở cửa và thấy Gage đứng đó, một phiên bản điên khùng của con người xưa kia, nụ cười toe toét

hõm sâu, đôi mắt xanh trong veo chuyển thành màu vàng ủa, trì độn. Hoặc buổi sáng nọ, Ellie mở cửa nhà vệ sinh để tắm rửa thì trông thấy Gage trong bồn, cơ thể chi chít những vết sẹo đã phải cùng những vết lồi sau tai nạn chỉ tử, sạch sẽ nhưng vẫn tanh tưởi mùi huyết mội.

Ồ phải, ngày ấy sẽ tới – anh không nghi ngờ điều đó.

“Sao mình có thể ngu ngốc đến vậy nhỉ?” Anh cất thành lời với căn phòng trống trải, anh lại nói chuyện một mình, nhưng mặc kệ. “Sao có thể”.

Là nỗi đau mất con, chứ không phải ngu ngốc, Louis ạ. Hai điều này khác nhau... tuy nhỏ nhưng mang tính sống còn. Thứ pin năng lượng mà khu chôn cất ấy bào mòn để duy trì sự sống. Ông Jud bảo sức mạnh đang lớn dần, và tất nhiên ông nói đúng – giờ đây là một phần của thứ sức mạnh ấy rồi. Nó ngẫu nhiên nỗi đau của mày... không, còn hơn thế. Nó nhân đôi nỗi đau, lũy thừa ba, nhân lên bội phần. Và nó không chỉ ngẫu nhiên nỗi đau. Đầu óc tỉnh táo. Nó đánh chén sự tỉnh táo của mày. Sai lầm ở đây là mày đã không tài nào chấp nhận sự thật, điều đó cũng thường xảy ra mà. Cái giá mày phải trả là vợ mình, và chắc chắn mày sẽ phải trả giả bằng người bạn chí cốt cũng như con trai mày. Là thế này đây. Khi ta chậm chạp ước mong thứ gỗ của giữa đêm bỏ đi, điều ta phải đối mặt hết sức đơn giản. Đó là bóng tối bí bưng.

Mình sẽ tự sát ngay lúc này, anh nghĩ, định mệnh đã an bài như thế phải không? Mình có dụng cụ trong túi rồi. Nó đã điều khiển mọi thứ, giật dây ngay từ đầu. Khu chôn cất, quái vật Wendigo, hoặc bất kể đó là thế lực nào. Nó ép con mèo nhà mình đi ra đường, và có lẽ nó cũng đã ép Gage lao xuống đường, nó đưa Rachel về nhà,

nhưng về đúng thời điểm cho nó. Tất nhiên mình sẽ làm điều đó... và mình muốn làm thế.

Nhưng phải chỉnh lại những thứ sai lệch, đúng không?

Phải. Chính xác là thế.

Anh phải tính đến chuyện của Gage. Bởi Gage vẫn còn ngoài kia. Lẩn khuất đâu đó.

Anh đi theo vết chân qua phòng ăn, phòng khách và lên cầu thang. Ở đó, vết bùn nhoe nhoét hằn, vì anh đã vô tình đạp trúng lúc bước xuống mà không để ý. Chúng dẫn vào phòng ngủ. *Thằng bé đã ở đây*, Louis trầm ngâm nghĩ, *thằng bé đã ở ngay đây*, và rồi anh phát hiện túi y tế của mình đã bị mở khóa.

Trước đó, anh luôn cẩn thận sắp xếp mọi thứ bên trong vô cùng ngăn nắp, vậy mà giờ đây chúng như mớ hổ lốn. Nhưng Louis không mất nhiều thời gian để nhận ra con dao mổ đã biến mất, anh đưa hai tay lên mặt, cứ thế thần thờ ngồi đấy hồi lâu, tiếng rên tuyệt vọng khe khẽ vang lên trong họng.

Mãi sau, anh mới mở túi ra lần nữa để kiểm tra dụng cụ bên trong.

Lại xuống dưới lầu.

Tiếng cửa bếp mở ra. Tiếng chạn mở ra rồi đóng đánh kịch. Tiếng ken két của dụng cụ khai hộp. Cuối cùng là tiếng cửa gara mở ra rồi đóng lại. Và rồi căn nhà im lìm trống vắng trở lại trong ánh dương tháng Năm, giống như nó đã từng trống vắng vào ngày tháng Tám năm trước, đợi gia chủ mới đến sống... giống như nó sẽ kiên nhẫn chờ lớp người mới đến đây vào một ngày nào đó trong tương lai, một cặp vợ chồng son chẳng hạn, chưa có con (nhưng đầy hy vọng và kế hoạch). Cặp đôi trẻ rạng

ngồi với thú thưởng thức rượu vang Mondavi và bia Lowenbrau; chàng phụ trách phòng tín dụng của Ngân hàng Northeast chẳng hạn, còn nàng có chứng chỉ nhân viên vệ sinh nha khoa hoặc ba năm kinh nghiệm làm trợ lý của bác sĩ nhãn khoa. Chàng sẽ bỏ củi cho vào lò sưởi, nàng sẽ diện quần nhung cạp cao đi dạo trong mảnh đất nhà bà Vinton hái lá cỏ mùa thu tháng Mười một để bày biện trang trí cho bàn ăn, tóc nàng cột thành đuôi ngựa, thứ rực rỡ nhất dưới bầu trời xám xịt, không hề hay biết một con Kền Kền vô hình đang chao lượn trên đầu. Hai vợ chồng sẽ tự hào vỗ ngực với nhau vì họ không mê tín dị đoan, vì họ vẫn nhất nhất lấy cho bằng được ngôi nhà này dù lịch sử của nó không mấy tốt đẹp – họ khoe với bạn bè giá của căn nhà này rẻ như cho cùng câu đùa về con ma trên tầng áp mái, và cả hội sẽ làm thêm một chai Lowenbrau hoặc một ly vang Mondavi, rồi có lẽ họ sẽ chơi cờ tào cáo hoặc chơi bài Mille Bourne.

Và có lẽ họ sẽ nuôi một chú chó.

Louis dừng ở mép đường, đợi một chiếc xe tải Orinco chất đầy phân bón hóa học chạy ngang rồi mới băng qua đường đến nhà ông Jud, kéo theo chiếc bóng đổ về phía Tây sau lưng. Anh cầm lon thức ăn đóng hộp cho mèo Calo đã mở sẵn trong tay.

Trông thấy anh đến, Church nhồm dậy, đôi mắt vàng chăm chú.

“Chào Church,” Louis nói, thăm dò căn nhà yên tĩnh. “Ăn không?”

Anh đặt lon thức ăn xuống cấp xe chiếc Chevette rồi nhìn Church khẽ nhẩy từ trên nóc xe xuống ăn. Louis thọc tay vào túi áo khoác. Church quay sang liếc nhìn anh, dè chừng như thể đang cố dò xem anh toan tính gì trong đầu, Louis mỉm cười lùi khỏi chiếc xe. Church lại ăn tiếp, đoạn Louis lấy bơm tiêm ra khỏi túi. Anh xé bọc giấy rồi hút 75 mi-li-gam morphine vào ống tiêm. Anh cất lọ đựng đa liều vào trong túi rồi bước đến chỗ Church, con mèo lại liếc quanh với vẻ bán tín bán nghi. Anh mỉm cười với con mèo và nói, “Đấy, ăn đi Church. Hò dô, đi nào, nhỉ?” Anh vuốt ve con mèo, cảm thấy lưng nó cong lên và khi

Church tiếp tục vực mồm ăn, Louis vòng tay chop lấy cái bụng hôi thối của nó, cắm sâu kim tiêm vào bên hông.

Bị kẹp chặt, Church quính lên quẫy đạp, phì phì rút lên, móng vuốt quơ quàng, nhưng Louis vẫn giữ chặt nó và đẩy xi lanh xuống hết cỡ. Xong xuôi anh mới buông ra. Con mèo nhảy khỏi chiếc Chevette, rít lên như ấm nước sôi, hai con mắt vàng hoang dại độc địa. Kim tiêm và ống tiêm lủng lẳng trên hông khi nó nhảy xuống rồi rơi ra, bể tan tành. Louis chẳng buồn quan tâm. Anh còn rất nhiều.

Con mèo tiến ra đường, đoạn quay lại đi về phía căn nhà như thể vừa nhớ ra gì đó. Đi được nửa đường, nó bắt đầu lảo đảo như say rượu. Nó tiến tới chân thêm, nhảy lên bậc đầu tiên rồi ngã vật xuống. Nó nằm trên khoảng đất trống dưới bậc tam cấp ở hiên, thở thoi thóp.

Louis liếc vào chiếc Chevette. Nếu tảng đá đã thế chỗ trái tim anh chưa phải dấu hiệu xác nhận đầy đủ, thì giờ anh đã có rồi đây: ví tiền của Rachel để trên ghế ngồi, khăn quàng cổ của cô, vé máy bay thò ra từ bọc đựng của hãng Delta Airlines.

Khi anh xoay người tiến đến hiên nhà, lồng ngực của Church không còn cử động phập phồng nữa. Church đã chết. Thêm lần nữa.

Louis bước qua xác nó lên bậc tam cấp.

“Gage?”

Hành lang trước nhà mát lạnh. Mát lạnh và tối tăm. Tiếng gọi đơn côi của anh rơi vào thinh lặng như hòn đá ném xuống giếng sâu. Louis ném thêm một hòn đá nữa.

“Gage?”

Tĩnh không tiếng động. Ngay cả tiếng đồng hồ tích tắc trong phòng khách cũng đã ngưng bật. Sáng nay, không có người lên dây cót cho nó.

Song trên sàn có dấu chân để lại.

Louis bước vào phòng khách. Có mùi thuốc lá ngai ngái đã tắt từ lâu. Anh thấy ghế của ông Jud để cạnh cửa sổ. Nó bị đẩy xô lệch, như thể ông đã đột ngột đứng dậy. Trên bậu cửa sổ có gạt tàn, bên trong có tàn thuốc lá trong hình dáng nguyên cuộn.

Ông Jud đã ngồi đây canh chừng. Nhưng canh chừng thứ gì? Tất nhiên là canh chừng mình; ông canh mình trở về nhà. Chỉ có điều ông đã lỡ mất lúc mình về. Bằng cách nào đó, ông đã bỏ lỡ.

Louis liếc nhìn bốn lon bia xếp thành hàng gọn gàng. Chừng đó không đủ để ông chìm vào giấc ngủ, nhưng có thể ông đứng dậy để đi vào nhà vệ sinh. Bất kể là gì, điều này chẳng thể nào là tình cờ được, phải không?

Vết bùn kéo đến ghế cạnh cửa sổ. Lẫn giữa dấu chân người là vết chân mèo mờ mờ như ma như quỷ. Chắc Church đã đạp lên phần đất mộ vương vãi từ đôi giày nhỏ của Gage rồi bước đi. Đoạn vết bùn tiến về phía cánh cửa xoay dẫn vào nhà bếp.

Trống ngực đập dồn, Louis đi theo dấu chân.

Anh đẩy cửa mở và trông thấy đôi bàn chân to bè của ông Jud, quần lao động màu xanh đã cũ cùng áo sơ mi ca rô. Ông cụ nằm sòng soài trong vũng máu rất to đang dần khô.

Louis vung hai tay lên mặt như muốn phá hỏng tầm nhìn của mình. Song đó là điều bất khả; anh trông thấy đôi mắt, đôi

mắt của ông Jud mở to, nhìn anh đầy trách cứ, có lẽ còn trách cứ cả bản thân ông khi đã khiến bánh xe định mệnh lăn bánh.

Nhưng có phải vậy không? Louis tự hỏi. *Có thật ông đã làm thế không?*

Ông Jud nghe chuyện từ Stanny B., còn Stanny B. nghe kể từ bố mình, tới lượt bố của Stanny B. lại nghe từ cụ thân sinh, người cuối cùng giao thương với người da đỏ, một người Pháp từ Bắc England vào thời tổng thống Franklin Pierce vẫn còn sống.

“Ôi ông Jud, cháu thành thật xin lỗi,” anh thì thầm.

Đôi mắt trống rỗng của ông Jud chĩa vào anh.

“Cháu rất xin lỗi,” Louis lặp lại.

Chân anh như tự chuyển động, và tâm trí anh chợt trở về dịp lễ Tạ ơn năm ngoái, không phải cái đêm anh và ông Jud đem xác con mèo lên Nghĩa địa thú cưng và đi sâu hơn nữa, mà là món gà tây cho bữa tối mà bà Norma bày trên bàn, ai nấy đều cười thật tươi, rôm rả chuyện trò, hai người đàn ông uống bia trong khi bà Norma nhâm nhi ly vang trắng, khi đó bà lấy tấm khăn trải bàn màu trắng từ ngăn kéo dưới giống hành động anh đang làm lúc này, nhưng bà trải nó lên bàn rồi chặn bằng đế cắm đèn cây bằng thiếc xinh xắn, còn anh...

Louis nhìn tấm khăn phủ lên người ông Jud như chiếc dù hạ cánh, nhân từ che phủ khuôn mặt người chết. Gần như ngay lập tức, những cánh hoa hồng li ti mang thứ màu đỏ sậm nhất, tối tăm nhất bắt đầu loang trên tấm khăn trắng tinh.

“Cháu xin lỗi,” anh nói lần thứ ba. “Cháu rất, rất...”

Đoạn có thứ gì đó di chuyển phía trên, âm thanh sột soạt khiến ngôn từ bỏ lửng giữa môi anh. Âm thanh ấy rất khẽ, rất lén lút nhưng *có chủ đích*.Ồ phải, anh dám chắc như thế. Đó là tiếng động cố tình để anh nghe thấy.

Tay chực run lên nhưng anh nhất quyết không cho phép. Anh bước đến bàn bếp phủ vải dầu ca rô rồi thò tay vào túi. Anh lấy ra thêm ba kim tiêm Becton-Dickson, xé khỏi bọc giấy rồi xếp ngay ngắn thành hàng. Anh mở thêm ba lọ thuốc đa liều rồi lần lượt bơm vào ống tiêm lượng morphine đủ để kết liễu một con ngựa – hoặc con bò Hanratty, nếu đến nước đó. Đoạn anh cất chúng vào túi.

Rời khỏi nhà bếp, anh bước qua phòng khách rồi đứng dưới chân cầu thang.

“Gage?” Anh gọi.

Từ không gian tranh tối tranh sáng trên kia vẳng xuống tiếng cười khúc khích – tiếng cười lạnh lẽo, u ám khiến gáy Louis nổi da gà.

Anh bước lên.

Anh mới bước có dăm bậc cầu thang mà tưởng chừng dài đằng đẳng. Anh liên tưởng đến hình ảnh kẻ chịu án tử cũng đi một đoạn dài tương đương (hoặc ngắn tương đương) đến đoạn đầu đài, hai tay bị trói ra sau, biết rằng mình sẽ bình ra quân khi không thể nào huýt sáo được nữa.

Cuối cùng anh cũng lên đến đầu cầu thang, một tay nhét trong túi, mắt chăm chăm nhìn bức tường. Anh đứng như thế bao lâu nhỉ. Anh chẳng rõ. Giờ thì anh cảm thấy bao nhiêu tỉnh táo trong anh dần thui chột. Đây là cảm giác thật sự, một thứ rõ

ràng. Thú vị quá. Anh tưởng tượng một cái cây trĩu nặng băng tuyết trong cơn bão dữ sẽ cảm thấy thế này – nếu cây cối có cảm giác – không lâu trước khi ngã đổ.

“Gage, con có muốn đi Florida với bố không?” Cuối cùng, anh lên tiếng.

Lại là tiếng cười khúc khích ấy.

Louis quay người thì được chào đón bởi cảnh tượng vợ mình – người bạn đời mà anh từng ngậm càn hồng trên môi trao tặng – nằm cuối hành lang, chết tự lúc nào. Chân cô duỗi ra như chân ông Jud. Lưng và đầu cô tựa nghiêng vào tường. Trông cô như một phụ nữ ngủ quên trong lúc đọc sách trên giường.

Anh tiến lại chỗ cô.

Chào vợ yêu, anh thầm nghĩ, *em về rồi à?* Máu bắn tung tóe lên giấy dán tường thành những hình thù kỳ dị. Cô bị đâm chục nhát, hai chục nhát, hay bao nhiêu nhỉ? Con dao mổ của anh đã tạo ra công trình này.

Bất thành linh, anh trông thấy cô, thực sự *trông thấy cô*, phải đến lúc ấy, Louis Creed mới cất lên tiếng thét thất thanh.

Tiếng thét của anh vang vọng, rít ré khắp căn nhà nơi chỉ có cái chết sinh sống và bước đi. Mắt trợn trừng, khuôn mặt thất kinh, tóc tai dựng đứng, anh cứ thế gào thét; âm thanh phát ra từ cổ họng sừng tấy của anh như tiếng chuông địa ngục, những tiếng thét khủng khiếp không phải báo hiệu dấu chấm hết của yêu thương mà là sự tắt ngóm của lý trí; trong đầu anh, bao nhiêu hình ảnh kinh dị ồ ạt ủa về như thác lũ. Hình ảnh Victor Pascow chết trên thảm của trạm xá, Church trở về với những mảnh nylon xanh dính trên ria mép, mũi lưỡi trai bóng chày của

con trai anh chổng chơ trên đường, bê bết máu, nhưng trên tất cả, đó là thứ anh trông thấy gần Đầm Tiểu Thần, thứ đã hất đổ cây, thứ với đôi mắt màu vàng, quái vật Wendigo, thứ sinh vật của phương Bắc, thứ chết chóc chạm đến đâu thì thức tỉnh hững ham muốn ghê rợn không ngôn từ nào tả xiết đến đây.

Rachel không chỉ bị giết.

Có thứ... có thứ đã cấu xé cô.

(*TÁCH!*)

Tiếng *tách* ấy nảy lên trong đầu anh. Đó là tiếng rơ le nóng chảy và đứt mạch mãi mãi, tiếng chớp trực tiếp giáng xuống, tiếng cửa mở.

Anh ngây dại ngẩng đầu lên, tiếng thét vẫn run rẩy trong họng, và rồi cuối cùng Gage cũng xuất đầu lộ diện, miệng bê bết máu, cằm nhỏ giọt lỏng tỏng, môi kéo lại thành nụ cười ác nghiệt. Một tay thẳng bé cầm con dao mổ của Louis.

Nó vụt dao xuống, Louis bắt giắc lùi lại, đầu óc không suy nghĩ được gì. Con dao mổ sượt qua mặt anh, Gage mất thăng bằng. Nó *hậu đậu y như Church*, Louis thầm nghĩ. Louis gạt chân đứa trẻ. Gage vụng về ngã xuống, Louis nhanh nhẹn đè lên người thẳng bé trước khi nó kịp gượng dậy, một bên đầu gối đè xuống bàn tay giữ con dao mổ.

“*Không*,” thứ bên dưới anh hỗn hển. Mặt nó méo xệch, quần quai. Mắt nó hiểm ác; tựa hồ hai con côn trùng trong sự căm phẫn ngu độn. “*Không, không, không*”

Louis mò mẫm lấy ra một ống tiêm. Anh phải hành động thật nhanh. Thứ bên dưới anh trơn tuột như con cá, nhất quyết không chịu buông con dao mổ dù anh đã đè cổ tay nó xuống

mạnh hết cỡ. Khuôn mặt nó lặn tăn như sóng, thay đổi hình dạng mỗi lần anh nhìn: lúc thì là khuôn mặt đã chết với ánh nhìn chăm chăm của ông Jud; lúc thì là gương mặt méo mó, biến dạng của Victor Pascow, đôi mắt đảo trong vô thức; lúc thì là khuôn mặt của chính Louis, trắng bệch và điên rồ đến dị thường. Đoạn nó lại biến dạng thành khuôn mặt của thú sinh vật trong rừng – hàng lông mày thấp, đôi mắt vàng vọt chết chóc, cái lưỡi dài nhọn hoắt tể làm đôi, cười và hít lên hồng hộc.

“Không, không, không, không, không...”

Nó chống cự bên dưới anh. Kim tiêm rơi khỏi tay Louis, lặn một đoạn xuống sảnh. Anh mò mẫm tìm bơm tiêm khác, lấy ra cắm thẳng xuống sau cổ Gage.

Nó thét lên, cả người quẫy đạp, quằn quại, suýt chút nữa đã hất anh ra. Gầm gừ trong họng, Louis rút ra bơm tiêm thứ ba và đâm thẳng vào tay Gage, đẩy xi lanh hết cỡ. Anh buông nó ra rồi chậm rãi lùi lại hành lang. Gage chậm rãi đứng dậy, loạng choạng tiến về phía anh. Đi được năm bước, con dao mổ rơi khỏi tay nó. Lưỡi dao rơi xuống sàn và cắm thẳng vào gỗ, đung đưa. Đi thêm được mười bước, ánh sáng vàng vọt kỳ lạ trong mắt nó bắt đầu phai dần. Đi thêm vài bước nữa, nó khụy gối.

Và rồi Gage ngược lên nhìn anh, trong thoáng chốc, Louis trông thấy con trai mình – con trai thật sự của mình – khuôn mặt cậu bé nhăn nhó, đầy đau đớn.

“Bố ời!” Cậu gào lên rồi ngã đập mặt xuống.

Louis cứ đứng ngây ra đó, đoạn tiến đến chỗ Gage, từng bước thật cẩn trọng, dè chừng mảnh khóe nào đó. Nhưng chẳng có mảnh khóe, chẳng có cú bổ nhào nào với bàn tay khoằm lại

như móng vuốt. Anh thành thực luôn tay xuống họng Gage, tìm thấy mạch để kiểm tra. Đó là lần cuối cùng trong đời anh hành nghề bác sĩ, bắt mạch, kiểm tra cho đến khi không còn gì, không còn gì bên trong, cũng chẳng còn gì bên ngoài.

Khi mạch đã tắt hẳn, Louis đứng dậy, đi hết hàng lang vào trong góc. Anh ngồi xuống, co tròn người lại, rúm ró trong góc, chặt hết sức có thể. Anh cảm tưởng nếu anh ngậm ngón tay cái vào miệng, anh có thể thu nhỏ lại, nên anh làm thế.

Anh cứ giữ nguyên tư thế này hơn hai tiếng đồng hồ... và rồi dần dà, một ý tưởng đen tối, ôi-thật-chí-lý nảy ra trong đầu anh. Anh rút ngón tay cái khỏi miệng. Nó phát ra tiếng *póc* nho nhỏ. Louis gượng đứng dậy

(*hò dô, đi nào*)

một lần nữa.

Trong căn phòng nơi Gage lẫn trốn, anh lột khăn trải giường đem ra hành lang. Anh cuộn cơ thể vợ anh vào trong, nhẹ nhàng, đầy yêu thương. Anh vô thức ngân nga trong miệng.

Anh tìm được can xăng trong ga ra của ông Jud. Hai mươi lít xăng trong cái can màu đỏ cạnh máy cắt cỏ Lawnboy. Quá đủ. Anh bắt đầu từ nhà bếp, nơi thi thể của ông Jud được phủ bằng tấm khăn trải bàn của lễ Tạ ơn. Anh rưới xăng ướt sũng căn phòng rồi chuyển sang phòng khách với cái can dốc ngược, tung tóe thứ xăng màu hổ phách lên thảm, sofa, kệ đựng tạp chí, ghế, tiếp tục như thế với hành lang tầng dưới và phòng ngủ đằng sau. Mùi xăng sục lên hắc và nồng.

Hộp diêm của ông Jud để trên gói thuốc lá cạnh ghế nơi ông đã canh gác nhưng không gạt hải được thành quả. Louis cầm

diêm lên. Ra đến cửa chính, anh ném một que diêm cháy ra sau vai rồi bước ra. Hơi nóng bùng lên ngay lập tức, bùng bùng hung dữ, khiến da trên cổ anh như rứt lại. Anh cẩn thận đóng cửa, đứng trên hiên một lát, nhìn ánh lửa màu cam bập bùng sau rèm cửa của bà Norma. Đoạn anh băng qua hiên, khựng lại, nhớ về những lon bia mà anh và ông Jud từng uống nơi đây cả triệu năm trước, lắng nghe ngọn lửa gào rống khe khẽ, càng lúc càng hùng hực trong căn nhà.

Đoạn anh bước ra.

Steve Masterton vòng qua khúc quanh ngay trước nhà Louis thì ngay lập tức phát hiện có khói - khói không bốc từ nhà Louis mà từ căn nhà của ông cụ bên kia đường.

Sáng nay, anh đến đây vì thấy lo cho Louis – vô cùng lo lắng. Charlton kể với anh về cuộc gọi của Rachel hôm trước, và nó khiến anh tự hỏi Louis hiện đang ở đâu... đang dự tính làm gì.

Nỗi lo của anh mơ hồ nhưng cứ bám riết lấy tâm trí anh – anh sẽ cảm thấy khúc mắc mãi cho đến khi xuống tận nơi và kiểm tra xem mọi chuyện có ổn không... hoặc có chấp nhận được không, tùy theo tình hình.

Thời tiết mùa xuân khiến bệnh xá vắng tanh như có ma thuật, nên Surrendra bảo anh cứ đi đi; mọi chuyện ở đây cứ để anh ấy lo. Thế nên Steve đã nhảy lên yên chiếc xe đạp Honda mới được anh thả tự do từ ga ra cuối tuần trước rồi lái thẳng xuống Ludlow. Có thể anh đã guồng chân đạp nhanh hơn mức cần thiết một chút, nhưng nỗi lo vẫn còn đó, dày vò anh. Cùng với nó là cảm giác kỳ cục rằng anh đã trễ. Rõ là ngu ngốc, song sâu trong lòng anh chộn rộn cảm giác tương tự như mùa thu năm ngoái khi xảy ra vụ việc Pascow – một cảm giác ngạc nhiên khốn khổ và gần như vỡ mộng nặng nề. Anh không phải người

sùng đạo (thời đại học, Steve là thành viên của Hội Những người Vô thần được hai học kỳ thì rút ra khi thấy hướng dẫn nói với anh – một cách riêng tư và kín đáo – rằng có khả năng nó sẽ ảnh hưởng đến cơ hội đạt học bổng trường Y của anh sau này), nhưng anh đoán giống như những người khác, anh cũng thừa kế những điều kiện sinh học hoặc nhịp sinh học hay được gọi với cái tên linh cảm, và bằng cách nào đó, cái chết của Pascow đã định nên sắc thái cho năm nay. Xét theo mặt nào cũng thấy không phải một năm tốt lành. Hai người họ hàng của Surrendra vào tù bóc lịch ở quê nhà do vương phải lùm xùm chính trị, và Surrendra tâm sự với anh rằng một trong hai người bọn họ – người chú mà anh này rất thương yêu – có thể đã thiệt mạng. Surrendra rơi lệ, và những giọt nước mắt từ anh chàng người Ấn Độ nhân từ ấy khiến Steve sợ hãi. Rời đến mẹ của Charlton phải phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú triệt để. Cứng cỏi như bà y tá ấy cũng không thể giữ tâm thế lạc quan về cơ hội mẹ bà sẽ trở thành thành viên của Câu lạc bộ Sống sót Năm năm Hậu ung thư. Từ sau cái chết của Victor Pascow, bản thân Steve đã dự bốn đám tang – chị dâu, mất do tai nạn xe ô tô; anh họ, qua đời trong một tai nạn quái dị do lời thách đố ở quán rượu (anh này chết do điện giật trong lúc cố chứng minh mình có thể trèo lên chóp cột điện); ông của anh và tất nhiên, cậu con trai của Louis.

Anh rất quý Louis. Anh muốn đảm bảo Louis vẫn ổn, bởi gần đây, Louis đã phải trải qua quá nhiều biến cố.

Khi thấy những cột khói ngùn ngụt bốc lên, suy nghĩ đầu tiên của anh là lại thêm một chuyện xảy ra do Victor Pascow,

một kẻ khi qua đời đã gỡ luôn hộ lan ngăn cách giữa những con người bình thường và chuỗi xui rủi khác thường. Nhưng điều đó thật ngu ngốc, bằng chứng là căn nhà của Louis. Nó vẫn bình thản đứng đó, những bức tường trắng phau, một công trình kiến trúc New England xinh xắn dưới ánh dương buổi sáng.

Người ta đang đổ xô đến nhà ông cụ, và khi Steve đánh chiếc xe băng qua đường, chạy về phía lối đi nhà Louis, anh thấy một người đàn ông xông lên hiên nhà ông cụ, tiến đến cửa chính rồi lùi lại. May là anh này đã làm thế; vì giây sau, khung cửa kính ở chính giữa cánh cửa vỡ tan, ngọn lửa phực ra từ bên trong. Nếu gã ngốc kia mở cửa, ngọn lửa bùng ra sẽ nướng chín anh ta như con tôm hùm.

Steve xuống xe, gạt chân chống chiếc xe đạp Honda, tạm thời quên đi Louis. Anh bị cuốn hút bởi ngọn lửa bí ẩn kia. Chừng năm, sáu người đã tụ lại; ngoại trừ tay tỏ vẻ anh hùng dám nấn ná trên bãi cỏ nhà ông bà Crandall, còn lại ai nấy đều giữ một khoảng cách nhất định. Đến lượt cửa sổ giữa hiên và căn nhà nổ tung. Mảnh kính bắn tung tóe. Tay muốn hành hiệp trượng nghĩa cúi xuống bỏ cửa chạy lấy người. Ngọn lửa chạy dọc bức tường bọc hiên như bàn tay vơ vét, khiến lớp sơn trắng phòng rộp lên. Steve quan sát thấy một chiếc ghế mây âm ỉ rồi cháy phừng.

Trong tiếng lửa lách tách, anh nghe thấy tay tỏ vẻ anh hùng kia hét lên một cách lạc quan đến kỳ khôi: “Căn nhà sắp sập rồi! Chắc chắn là sắp sập rồi! Ông Jud mà ở trong thì cầm chắc cái

chết! Tôi đã dẫn ông ấy về đồng bồ hóng trong ống khói cả trăm lần!”

Steve há miệng toan hét lên hỏi đã có ai gọi cứu hỏa chưa, nhưng lúc đó, anh nghe thấy tiếng còi hú văng lại từ đằng xa. Rất nhiều là đằng khác. Xe cứu hỏa đã được huy động tới, nhưng tay anh hùng rơm kia nói đúng: căn nhà sắp sập rồi. Giờ thì ngọn lửa đã phụt ra từ chực cửa sổ vỡ, lớp ván màu xanh ngoài mái hiên phía trước được bao bọc bởi màng lửa gần như trong suốt.

Anh quay người lại vì sức nhớ ra Louis – nhưng nếu Louis có mặt ở đây, chẳng phải anh ấy đã chạy sang bên kia đường cùng mọi người rồi sao?

Đúng lúc ấy, Steve nhác thấy gì đó, chỉ manh nha nhác thấy ở khóe mắt.

Bên kia đỉnh dốc dẫn vào nhà Louis có một khoảng đất chạy dài dẫn lên ngọn đồi thoải thoải. Mới tháng Năm mà cỏ đuôi mèo còn xanh đã mọc cao um tùm, dầu vậy, Steve vẫn nhìn ra được con đường mòn, gợn gàng chẳng khác nào được cắt xén như cỏ trong sân golf: con đường ngoằn ngoèo, quanh co dẫn lên sườn dốc, chạy vào khu rừng tiếp giáp, rậm rạp, xanh rì ngay dưới đường chân trời. Ở vị trí nơi sắc xanh nhạt của bụi cỏ đuôi mèo giao với sắc xanh thẫm hơn, rậm rì hơn của cánh rừng, Steve nhác thấy chuyển động – sắc trắng lóe lên. Mắt anh vừa bắt được khoảnh khắc ấy cũng là lúc nó biến mất, nhưng trong phút giây chóng vánh này, anh dám chắc mình vừa trông thấy một người đàn ông vác thứ gì đó màu trắng.

Là Louis, tâm trí anh chợt tuyên bố dù chẳng có căn cứ. Đó là Louis, mày mau chặn anh ta lại đi, vì một điều cực kỳ tồi tệ đã xảy ra, và chẳng mấy chốc một điều còn kinh khủng hơn nữa sẽ ập xuống nếu mày không mau ngăn anh ta lại.

Anh lưỡng lự đứng ở đầu đường, nhấp nhúm hết chân này đến chân kia, chuyển trọng tâm giữa hai chân.

Steve chết toi, mày vừa sợ mất mật đấy phải không?

Phải. Đúng là vậy. Anh sợ đến mất mật dù chẳng có lý do gì. Nhưng cũng có một chút... một chút

(mị lực)

phải, một chút mị lực ở nơi đây, con đường mòn ấy có gì đó thật lạ, con đường mòn quanh co chạy lên đồi, dẫn vào rừng, chắc hẳn con đường ấy phải dẫn đến một cái đích, đúng không? Đúng, tất nhiên rồi. Mọi con đường đều dẫn đến một cái đích nào đó.

Louis. Đừng quên băng mắt Louis chứ, đồ ngốc! Mày đến đây để gặp Louis mà, nhớ không? Mày không lặn lội đến Ludlow để thám hiểm rừng xanh đâu nhé.

“Anh phát hiện thứ gì à, Randy?” Tay anh hùng rơm hét to. Chất giọng chói tai và có phần lạc quan của anh ta vang vọng.

Lời đáp của Randy gần như bị khóa lắp nhưng vẫn phong phanh văng lại trong tiếng còi cứu hỏa càng lúc càng to: “Xác con mèo.”

“Chết cháy à?”

“Hình như không phải,” Randy nói. “Trông nó chết ngắc thôi.”

Đoạn tâm trí của Steve tập trung lại vấn đề cũ, như thể đoạn hội thoại bên kia đường có liên quan đến cảnh tượng anh vừa thấy — hoặc cảnh anh cho rằng mình nhìn thấy: Đó chính là Louis.

Anh cất bước, rảo chân dọc theo đường mòn dẫn vào rừng, bỏ ngọn lửa lại sau lưng. Lên tới bìa rừng, người anh ướt đầm mồ hôi, bóng râm thật mát mẻ và dễ chịu. Có mùi thơm ngọt ngào của vỏ cây và nhựa cây thông cùng vân sam.

Khi đã vào trong rừng, anh co giò chạy thật nhanh, chẳng rõ tại sao mình lại chạy, chẳng rõ tại sao trống ngực mình lại nện thành thịch. Hơi thở anh phì phò. Anh duy trì đủ sức để phi hết tốc lực xuống đồi – con đường mòn sạch sẽ một cách đáng nể – nhưng đến cổng vòm đánh dấu lối vào Nghĩa địa Thú cưng, anh chỉ còn đủ sức đi bộ nhanh. Mạn sườn phải, ngay dưới nách anh nhói lên nóng bừng.

Đôi mắt anh gần như không ghi nhận vòng tròn của những ngôi mộ, những miếng thiếc được đập dẹp, những tấm ván và phiến đá. Ánh nhìn của anh dán vào hình tượng kỳ dị đằng xa khoảng đất tròn. Nó chòng chọc dõi theo Louis lúc này đang trèo qua đồng cây đỗ, chừng như chẳng màng đến trọng lực. Anh trèo từng bước lên đồng cây đỗ cao ngất ngưỡng, mắt hướng về phía trước như kẻ bị thôi miên hoặc người mộng du. Tay anh ôm thứ màu trắng mà ban nãy Steve trông thấy nơi khóe mắt. Ở khoảng cách gần thế này, hình dáng ấy không thể nào chối cãi: đó là một cái xác. Một chân mang chiếc giày đen để thấp thò ra. Và bất thần, Steve chắc như đinh đóng cột rằng Louis đang vác xác của Rachel.

Tóc của Louis bạc trắng.

“*Louis!*” Steve hét lên.

Louis không lưỡng lự cũng chẳng dừng lại. Trèo lên đỉnh đồng cây đổ, anh bắt đầu bước xuống phía bên kia.

Anh ấy ngã mất, Steve ngây dại nghĩ. Anh ấy gặp may, may đến không tưởng, nhưng chẳng chóng thì chày, thế nào anh ấy cũng ngã cho mà xem, và nếu chỉ gãy chân thì...

Vậy mà Louis không hề sảy chân. Anh bước xuống phía bên kia đồng cây đổ, trong thoáng chốc khuất khỏi tầm mắt của Steve rồi xuất hiện trở lại khi tiếp tục tiến về khu rừng.

“*Louis!*” Steve lại hét lên.

Lần này, Louis dừng chân rồi quay lại.

Steve bàng hoàng đứng ngây ra như phỗng trước hình ảnh mình trông thấy. Ngoài mái tóc bạc phơ, khuôn mặt của Louis già sọm.

Ban đầu, gương mặt Louis không có biểu hiện gì cho thấy anh nhận ra Steve. Dần dà, nó mới ngộ ra, như thể có người điều chỉnh biến trở trong não. Miệng của Louis giật giật. Sau một hồi Steve mới hiểu Louis đang cố nở nụ cười.

“Steve à,” anh nói, giọng khàn khàn, bất định. “Chào Steve. Tôi đang định đi chôn cô ấy. Tôi đoán chắc phải làm bằng tay không. Có lẽ đến tối khuya mới xong. Đất trên đó cứng như đá. Chắc cậu không muốn giúp tôi một tay đâu nhỉ?”

Steve mở miệng song không thốt lên được lời nào. Dù rất kinh ngạc, dù rất hải hùng, anh vẫn muốn giúp Louis một tay. Chẳng hiểu sao khi bước vào khu rừng này rồi, chuyện đó lại rất đúng đắn, rất... rất tự nhiên.

“Louis,” mãi lúc sau anh mới có thể cất tiếng. “Có chuyện gì vậy? Lạy Chúa, có chuyện gì thế? Cô ấy... cô ấy ở trong đám cháy sao?”

“Tôi để quá lâu với Gage,” Louis nói. “Có thứ gì đó chiếm đoạt lấy cơ thể thằng bé vì tôi để quá lâu. Nhưng với Rachel sẽ khác, Steve ạ. Tôi dám chắc như thế.”

Anh hơi loạng choạng, và Steve nhận ra Louis đã phát điên – anh thấy rõ điều này. Louis đã phát điên, đã mệt mỏi đến cùng cực. Nhưng chẳng hiểu vì sao, chỉ yếu tố thứ hai có sức nặng đối với tâm trí đang bối rối của anh.

“Tôi cũng mong được giúp,” Louis nói.

“Louis, dù tôi muốn giúp anh chẳng nữa, tôi cũng không thể nào trèo qua đồng cây đổ ấy.”

“Được chứ,” Louis đáp. “Cậu trèo được. Cậu chỉ cần di chuyển đều đặn và đừng nhìn xuống là xong. Bí quyết nằm ở đó đấy, Steve ạ.”

Dứt lời, anh quay đi, mặc kệ Steve gọi tên, Louis băng băng đi vào rừng. Trong thoáng chốc, Steve thấy tám vãi trắng ánh lên trong rừng cây rồi biến mất.

Anh vội chạy đến đồng cây đổ rồi cúi húi trèo lên, trong đầu chẳng kịp nghĩ ngợi gì, ban đầu hai tay lần mò tìm chỗ bám, cố bò lên trên, sau đó mới đứng dậy trên hai chân. Khi đã làm được như thế, một cảm giác hân hoan đầy liều lĩnh choáng ngợp lấy anh – như thể anh đang hít vào oxy tinh khiết. Anh *tin rằng* anh có thể trèo qua — thế là anh cứ dần tới. Di chuyển thoăn thoắt, táo bạo, anh trèo lên đến đỉnh. Anh đứng đó một lúc, lắc lư,

nhìn theo bóng Louis đi dọc đường mòn – lối mòn chạy thẳng từ đồng cây đỗ.

Louis quay người lại nhìn Steve. Anh ôm xác vợ bọc trong tấm khăn bê bết máu trên tay.

“Có thể còn nghe cả tiếng động,” Louis nói. “Những âm thanh như tiếng nói. Nhưng chỉ là tiếng của những kẻ du thủ du thực dưới mạn Nam phía Prospect. Âm thanh vang đến tận đây. Ngộ nhỉ.”

“Louis...”

Nhưng Louis đã quay đi.

Trong một khắc, Steve suýt nữa đã đuổi theo anh – chỉ cách một sợi chỉ.

Mình có thể giúp anh ấy, nếu anh ấy muốn vậy... với lại mình cũng muốn giúp mà. Đó là sự thật, vì nơi này có nhiều thứ ngấm ngầm xảy ra hơn những gì hiện ra trước mắt, mình muốn biết đó là gì. Nó có vẻ... chà... rất quan trọng. Nó như một bí mật. Như một bí ẩn.

Đoạn một cành cây gãy đánh rắc dưới chân anh. Nó phát ra âm thanh khô khốc, bụi bặm như tiếng súng lệnh. Nó khiến anh sực tỉnh về thực tại, về việc anh đang làm. Kinh hãi dâng tràn, anh vụng về xoay người lại, hai tay dang ra để giữ thăng bằng, lưỡi và họng nhót nháp vì hoảng sợ, mặt nhăm nhúm đầy choáng váng như kẻ vừa thức giấc và nhận ra mình đã mộng du trèo ra bờ tường của một tòa nhà chọc trời.

Cô ấy chết rồi, mình nghĩ hình như Louis đã giết chết vợ, Louis phát điên rồi, điên hết thuốc chữa, nhưng...

Nhưng ở đây tồn tại thế lực khủng khiếp hơn cả sự điên loạn; khủng khiếp hơn bội phần. Như thể khu rừng này chứa nam châm, bởi anh có thể cảm thấy nó thu hút thứ gì đó trong não anh. Kéo anh đến nơi Louis đang đưa Rachel đi.

Nào, có đường thì đi đi... đi hết con đường này xem nó dẫn đến đâu. Bọn ta có thứ cho người xem đây, Steverino, thứ người ta chưa bao giờ kể với người ở Hội Những người Vô thần tại Lake Forest.

Và rồi, có lẽ đơn giản là nó đã có đủ nguồn thức ăn để ngấu nghiến suốt cả ngày và mất hứng thú với anh, bởi tiếng gọi của nơi này trong tâm trí anh bỗng tắt hẳn. Steve lão đảo như kẻ say, lùi hai bước thật rộng xuống đồng cây đổ. Đoạn một loạt cành cây gãy răng rắc, chân trái của anh hụt xuống những nhánh cây khô lộn xộn; những mảnh gỗ sắc nhọn kéo tuột giày anh rồi đâm vào thịt khi anh giật ra. Anh ngã xuống Nghĩa địa Thú cưng, suýt chút nữa thì bị tấm ván thùng đựng cam đâm lủng bụng.

Anh đứng dậy, đưa mắt nhìn quanh, không khỏi bối rối, chẳng rõ chuyện gì vừa xảy ra với mình... hoặc có bất cứ chuyện gì xảy ra hay không. Chưa gì mà tất cả đã tựa hồ cơn mơ.

Bất thành linh, từ khu rừng sâu đằng sau đồng cây đổ, thăm thẳm đến độ ánh sáng như hóa xanh và mịt mù ngay cả vào những ngày nắng chói chang nhất, tiếng cười khùng khục trầm thấp cất lên. Âm thanh rất to. Steve thậm chí không dám tưởng tượng thứ sinh vật nào có thể tạo ra âm thanh ấy.

Anh co giò chạy, một chân mang giày, một chân không, như cậu bé trong bài đồng dao, cố hét lên nhưng không hét nổi. Anh

vẫn chạy cho đến khi về đến nhà của Louis, vẫn cố hét lên khi quay xe ra Tuyến số 15 và bắt đầu đạp. Suýt chút nữa, anh quệt phải xe cứu hỏa đang trở tới từ Brewer. Tóc tai anh dựng đứng bên trong chiếc mũ bảo hiểm Bell.

Đến lúc trở về căn hộ của mình ở Orono, ký ức về việc đi xuống Ludlow trở nên nhạt nhòa trong tâm trí anh. Anh xin nghỉ phép ở bệnh xá, uống viên thuốc rồi đi ngủ.

Steve Masterton không còn nhớ về ngày hôm ấy... trừ trong những giấc mơ thăm thẳm, những giấc mơ sau nửa đêm đến tờ mờ sáng. Trong những giấc mơ ấy, anh cảm nhận được một thứ khổng lồ lướt qua người anh – thứ đó vươn tới hông chạm vào anh... nhưng rồi nó rút bàn tay tàn bạo lại vào giây cuối cùng.

Một thứ với đôi mắt khổng lồ màu vàng, sáng lên như đèn sương mù.

Thỉnh thoảng, Steve lại bừng tỉnh từ những giấc mơ ấy, la hét thất thanh, đôi mắt mở to, trợn trừng, để rồi một suy nghĩ hiện ra: *Mày tưởng mày đang hét, nhưng đó chỉ là tiếng của những kẻ du thủ du thực dưới mạn Nam phía Prospect. Âm thanh vang đến tận đây. Ngộ nhỉ.*

Song anh không biết, cũng chẳng tài nào nhớ nổi, suy nghĩ ấy có nghĩa gì. Đến năm sau, anh nhận một công việc mới ở bên kia đất nước, tại St Louis.

Kể từ lần cuối trông thấy Louis Creed và khăn gói lên vùng Trung Tây, Steve không một lần trở lại thị trấn Ludlow.

PHẦN KẾT

Chiều hôm đó, cảnh sát ghé qua. Họ đặt câu hỏi nhưng không có vẻ gì nghi ngờ. Tro vẫn còn nóng; mọi thứ vẫn chưa bị lục soát. Louis trả lời câu hỏi của họ. Cảnh sát có vẻ hài lòng. Họ đứng bên ngoài nói chuyện, anh đội mũ sùm sụp. Thế lại hay. Nếu họ phát hiện mái tóc anh đã chuyển bạc, thế nào họ cũng vặn hỏi thêm. Như vậy chẳng hay họ chút nào. Anh mang găng tay làm vườn, thế cũng tốt. Bởi tay anh máu me và rách bươm.

Tối hôm đó, anh chơi bài đến quá nửa đêm.

Anh vừa chia bài mới thì nghe thấy tiếng cửa sau mở ra.

Thứ gì ta mua thì ta sở hữu, và thứ gì ta sở hữu cuối cùng cũng sẽ trở về với ta, Louis Creed thầm nhủ.

Anh không quay lại mà chỉ nhìn vào những quân bài của mình khi tiếng lê bước chậm chạp, loạt soạt tiến đến. Trông thấy lá đâm bích, anh đặt tay lên lá bài.

Bước chân dừng lại ngay sau lưng anh.

Theo sau là im lặng.

Một bàn tay lạnh lẽo đặt lên vai Louis. Giọng của Rachel kèn kẹt nghiêng lên, đầy đất cát.

“Anh yêu,” nó gọn lỏn.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

[1E] Nơi xảy ra vụ tự sát tập thể vào năm 1978 với hơn 900 người của giáo phái cuồng tín đã uống chất độc cyanua.

[2E] Ý nói phô mai Cheddar.

[3E] Tác phẩm *A Christmas Carol* của Charles Dicken, ở đây nhân vật ông Scrooge trông thấy hồn ma của Jacob Marley.

[4E] Starch bath, một cách tắm để chữa bệnh viêm da.

[5E] Trẻ con nên viết sai chính tả.

[6E] Rachel đang chơi chữ, *Rock 'n' Roll Animal* là album của ca sĩ Lou Reed.

[7E] Lysergic acid diethylamide (LSD), còn được gọi là acid (tên lóng tiếng Anh), là một hoạt chất gây ảo giác. Các hiệu ứng thường bao gồm thay đổi suy nghĩ, cảm xúc và nhận thức về môi trường xung quanh. Nhiều người dùng LSD nhìn thấy hoặc nghe thấy những thứ không tồn tại.

[8E] Glad là một hãng sản phẩm của Mỹ chuyên về túi đựng rác và hộp đựng thực phẩm bằng nhựa. Ông nhà Glad – *The Man from Glad* là hình ảnh xuất hiện trong nhiều quảng cáo của công ty này.

[9E] Ariel Sharon (1928 – 2014) là một vị lãnh tụ có ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử Israel. Ông gia nhập tổ chức bản quân sự của người Do Thái năm 14 tuổi, tham gia rất nhiều cuộc chiến của Israel, trong đó có cuộc chiến giành độc lập vào năm 1948.

[10E] *Instant Karma* là một bài hát nổi tiếng của The Beatles, trong bài có câu *We all shine on – Chúng ta đều tỏa sáng*.

[11E] Câu slogan của hãng mỳ Ý Prince Spaghetti.

[12E] Một loại thuốc giảm đau, có khả năng cao gây nghiện, hiện đã bị cấm.

[13E] London Wainwright có một bài hát mang tên *Dead skunk*, nội dung kể về một con chồn hôi bị cán bẹp trên đường, trong lời bài hát có cụm từ “Technicolor” — rục rở.

[14E] Orville và Wilbur Wright là hai anh em người Mỹ lần đầu tiên thử nghiệm thành công cho máy bay bay được.

[15E] Một nhân vật hoạt hình trong loạt phim Looney Tunes/Merrie Melodies của Warner Bros.

[16E] Tiểu thuyết *Bleak House* của Charles Dickens có nội dung về một vụ tranh chấp tài sản đông dãi của gia đình nhà Jarndyce.

[17E] Charles Dicken có một tác phẩm mang tên *A Tale of Two Cities*, trong đó nhân vật Jerry Cruncher là người đi quật mộ và đem xác đi bán.

[18E] Lời bài hát *Galveston Flood* của ca sĩ đồng quê Tom Rush.

[19E] Hàm ý câu này từ trò chơi Cờ tỷ phú. Vạch xuất phát của trò chơi này nằm ở một góc đường, luật chơi của trò này là khi người chơi đưa quân của mình đến hoặc đi qua ô xuất phát thì sẽ nhận được một khoản tiền, thường là 200 đô tượng trưng.

[20E] Đây là câu thoại mà Jimmy Durante luôn dùng vào cuối chương trình hài kịch của mình.